

THE NEW YORK TIMES BESTSELLER

KIM EDWARDS



*Con gái người
giữ kỷ ức*



NHÀ XUẤT BẢN
PHỤ NỮ

Table of Contents

1964

Tháng Ba Năm 1964

I

II

III

IV

1965

Tháng Hai Năm 1965

Tháng Ba Năm 1965

Tháng Năm Năm 1965

1970

Tháng Năm Năm 1970

II

Tháng Sáu Năm 1970

1977

Tháng Bảy Năm 1977

Tháng Tám Năm 1977

I

II

Tháng Chín Năm 1977

1982

Tháng Tư Năm 1982

I

II

III

IV

1988

Tháng Bảy Năm 1988

I

II

Tháng Mười Một Năm 1988

1989

Mồng Một Tháng Bảy Năm 1989

Mồng 2 Đến Mồng 4 Tháng Bảy Năm 1989

Mồng Một Tháng Chín Năm 1989

1964

Tháng Ba Năm 1964

I

TUYẾT BẮT ĐẦU RƠI VÀI GIỜ TRƯỚC KHI NÀNG TRỞ DA. LÚC ĐẦU chỉ một vài bông trên bầu trời xám xịt ảm đạm buổi chiều muộn, rồi những cơn lốc và gió xoáy vùn vù quanh bờ hàng hiên rộng trước nhà họ. Anh đứng cạnh nàng bên cửa sổ, ngắm nhìn những cơn sóng tuyết còn lên mạnh mẽ, rồi xoáy tròn và trôi xuống mặt đất. Đèn đã sáng lên ở mọi nhà xung quanh, còn những cành cây trơ trụi thì chuyển sang màu trắng.

Sau bữa tối anh nhóm một đồng lửa, xông ra ngoài trời để lấy củi – anh đã chất đồng trước ga ra từ mùa thu năm trước. Bầu không khí sáng sủa lạnh toát phả lên mặt anh, tuyết trên lối vào đã ngập tới nửa bắp chân. Anh gom những thanh gỗ, rũ sạch những chỏm tuyết trắng muốt mềm xốp phủ trên chúng rồi bê vào nhà. Thanh mồi trên chiếc ghi lò sắt bắt lửa ngay lập tức, anh ngồi một lát trước lò sưởi, chân bắt tréo, cho thêm củi và ngắm nghía những ngọn lửa bùng lên, lưỡi lửa xanh biếc đầy mê hoặc. Ở bên ngoài, tuyết vẫn rơi lặng lẽ trong bóng đêm, sáng và dày như những hạt tĩnh điện trong luồng sáng đổ xuống từ những cột đèn đường. Khi anh đứng lên nhìn ra ngoài cửa sổ, chiếc xe của họ đã biến thành một ngọn đồi trắng toát xôm xốp đứng bên lề đường. Cả những dấu chân của anh trên lối vào cũng đã bị lấp đầy và biến mất.

Anh phủ bụi tro trên tay và ngồi xuống chiếc sofa cạnh vợ, chân nàng kê lên mấy chiếc gối, đôi mắt cá sung phù bắt chéo nhau, cuốn Bác sĩ Spock đặt ngay ngắn trên bụng. Mãi mê đọc, nàng vô thức liếm ngón trỏ mỗi lần giờ sang trang. Bàn tay nàng mảnh mai, những ngón tay ngắn và cứng cáp, nàng khẽ cắn môi dưới một cách chăm chú khi đọc. Ngắm nhìn nàng, anh thấy lòng mình tràn ngập yêu thương và kinh ngạc: rằng nàng là vợ anh, rằng con của họ, chỉ trong vòng ba tuần nữa, sẽ sớm ra đời. Đây sẽ là đứa con đầu lòng của họ. Họ mới chỉ kết hôn được một năm.

Nàng nhìn lên, mỉm cười, khi anh quấn tấm chăn quanh chân nàng.

“Anh biết không, em vẫn thắc mắc không biết hồi đó ra sao,” nàng nói. “Ý em là trước khi mình được sinh ra ấy. Ta chẳng nhớ nổi tí gì, chán thật.” Nàng cởi nút áo choàng và kéo chiếc áo len mặc bên trong lên, làm lộ ra cái bụng tròn và rắn như quả dưa. Nàng đưa bàn tay xoa lên bề mặt bụng mềm mại, ánh lửa nhảy múa trên làn da, hắt ánh vàng hơi nhuộm đỏ lên mái tóc nàng. “Anh có nghĩ là giống như sống trong một cái đèn lồng lớn không? Trong sách nói là ánh sáng thấm qua cả da em cơ, rằng đứa trẻ đã có thể nhìn được rồi đấy.”

“Anh không biết,” anh nói.

Nàng cười vang. “Sao lại không?” nàng hỏi. “Anh là bác sĩ cơ mà.”

“Anh chỉ là bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình thôi,” anh nhắc nàng. “Anh có thể nói cho em về quá trình cốt hóa của xương thai nhi, nhưng thế là hết.” Anh nâng bàn chân của nàng lên, mỏng manh và phồng to trong chiếc tất màu xanh dương, và bắt đầu nhẹ nhàng xoa bóp: khúc xương cổ chân cứng cáp ở gót chân nàng, khối xương bàn chân và xương đốt chân, ẩn dưới làn da và những búi cơ xếp lớp dày đặc như một cái quạt chực xòe ra. Hơi thở của nàng tràn ngập căn phòng yên tĩnh, bàn chân nàng sưởi ấm tay anh, và anh mừng tượng ra sự hoàn

hảo, bí ẩn, cân xứng của những đốt xương. Đối với anh, lúc có thai nàng dường như vừa xinh đẹp lại vừa mong manh, những đường gân xanh biếc nổi lên lơ mờ qua làn da trắng nhợt của nàng.

Đó là một đợt thai nghén tuyệt vời, không phải kiêng cử thuốc men gì hết. Kể cả thế, anh vẫn không được quan hệ với nàng trong vài tháng. Trái lại, anh cảm thấy mình muốn được bảo vệ nàng, muốn bế nàng lên cầu thang, muốn bao bọc nàng trong những tấm chăn, muốn mang cho nàng những cái bánh caramen. “Em có phải người tàn tật đâu,” lần nào nàng cũng phản ứng, miệng cười khúc khích. “Em không phải con chim mới ra r ràng anh tìm thấy trên bãi cỏ đâu nhé.” Tuy vậy, nàng vẫn thấy vui vì sự quan tâm của anh. Đôi khi anh tỉnh dậy và ngắm vợ khi nàng ngủ: cơn rung động trên làn mi nàng, chuyển động đều đều chậm rãi của lồng ngực nàng, bàn tay nàng thông xuống, đủ nhỏ để anh có thể nắm gọn trong lòng bàn tay mình.

Nàng kém anh tới mười một tuổi. Anh gặp nàng lần đầu cách đây chưa quá một năm, hôm đó là một ngày thứ Bảy tháng Mười một xám xịt, nàng đi lên thang cuốn trong một trung tâm mua sắm trên phố đúng lúc anh đang mua cà vạt. Anh đã ba mươi ba tuổi và còn lạ nước lạ cái ở thành phố Lexington, Kentucky này, và nàng nổi lên giữa đám đông như một ảo ảnh, mái tóc vàng rực của nàng vấn gọn ở phía sau thành một búi duyên dáng, những hạt ngọc trai lấp lánh trên cổ và tai nàng. Nàng mặc chiếc áo choàng len màu xanh lục, làn da nàng sáng và tái. Anh bước lên thang cuốn, chen lấn giữa đám đông, cố gắng để giữ nàng trong tầm nhìn. Nàng đi lên tầng bốn, tầng bán đồ lót nữ và quần tất. Khi anh cố bám theo nàng qua những lối đi ken dày các giá treo váy lót, coóc xê và quần con, tất cả đều lấp lánh nhè nhẹ, thì một nhân viên bán hàng vận bộ váy màu xanh hải quân cổ trắng ngăn bước anh lại, mỉm cười, để hỏi liệu cô có thể giúp gì được chăng. *Một cái áo choàng*, anh nói, mắt quét khắp các lối đi cho đến khi bắt gặp mái tóc của nàng, bờ vai xanh lục, cái đầu nghiêng nghiêng để lộ đường cong

duyên dáng của cần cổ trắng mát. *Một cái áo choàng cho em gái tôi sống ở New Orleans.* Anh không có cô em gái nào hết, tất nhiên, hay bất cứ người thân nào còn sống mà anh công nhận.

Cô nhân viên biến mất và một phút sau quay lại với ba cái áo choàng bằng vải bông dày. Anh chọn bữa, hầu như không nhìn xuống, lấy ngay chiếc ở trên cùng. Ba cỡ, cô nhân viên nói, và tháng sau sẽ có nhiều màu đẹp hơn, nhưng anh đã chạy dọc lối đi mất rồi, cái áo choàng màu san hô vắt trên tay, giày của anh gõ lộp cộp trên nền gạch khi anh nôn nóng luồn lách giữa những người mua hàng khác để đến được nơi nàng đứng.

Nàng đang loay hoay giữa các giá treo tất giấy đắt tiền, những sắc màu trong suốt lấp lánh qua lớp giấy bóng kính mỏng: nâu sẫm, xanh hải quân, màu hạt dẻ sẫm như tiết lợn. Cổ tay chiếc áo choàng xanh lục của nàng quét qua cổ tay áo anh và anh ngửi thấy mùi nước hoa của nàng, có gì đó phảng phất nhưng lan tỏa, chút gì đó giống như những cánh hoa tử đinh hương nhàn nhạt ken dày bên ngoài cửa sổ những căn phòng sinh viên mà anh từng sống ở Pittsburgh. Những ô cửa sổ thấp bệ bệ trong căn hộ tầng hầm của anh luôn phủ đầy bụi bặm, mờ đục vì muội và tro từ nhà máy thép, nhưng vào mùa xuân hoa tử đinh hương xòe nở, những chùm hoa trắng và tím phớt áp lên mặt kính, hương thơm của chúng tràn vào tựa như ánh sáng.

Anh dặng hắng – anh gần như không thở nổi – và giờ cái áo choàng vải bông lên, nhưng cô nhân viên đứng sau quầy thu ngân đang mỉm cười cợt vui đùa nên không để ý đến anh. Khi anh dặng hắng thêm lần nữa cô ta mới liếc nhìn anh, vẻ khó chịu, rồi gật đầu với khách hàng của mình giờ đang cầm trong tay ba hộp tất giấy mỏng trông giống như những lá bài khổng lồ.

“Tôi e là cô Asher đã đến trước rồi,” cô nhân viên nói, lạnh lùng và kênh kiệu.

Ánh mắt họ chạm nhau, và anh giật mình khi thấy mắt nàng cũng có màu lục sẫm như chiếc áo nàng mặc. Nàng nhìn anh sẫm soi – cái áo choàng vải tuyết thuần chất, khuôn mặt cao nhẵn nhụi và đỏ ửng vì giá lạnh, móng tay tĩa gọn ghẽ. Nàng mỉm cười, thích thú và có phần khinh thị, ra dấu về phía chiếc áo choàng trên tay anh.

“Cho vợ anh đấy à?” nàng hỏi. Nàng nói bằng chất giọng mà anh nhận ra là giọng Kentucky kiểu thượng lưu, trong cái thành phố của những gia đình quyền quý lâu đời này thì những đặc điểm phân biệt kiểu đó rất có ý nghĩa. Chỉ sau sáu tháng sống trong thành phố, anh đã hiểu được điều này. “Không sao đâu, Jean,” nàng nói tiếp, quay lại phía cô nhân viên. “Cứ thanh toán cho anh ấy trước đi. Người đàn ông tội nghiệp này hẳn phải thấy bối rối và xấu hổ lắm, phải đứng ở đây với cả đồng đẳng ten thế cơ mà.”

“Cái này là cho em gái tôi,” anh nói với nàng, hết hy vọng đảo ngược ấn tượng tồi tệ mà mình vừa tạo ra. Chuyện này vẫn xảy ra thường xuyên với anh khi ở đây; anh quá tự tin hoặc thẳng thắn nên khiến người ta khó chịu. Chiếc áo rơi tuột xuống sàn và anh cúi người xuống nhặt, khuôn mặt đỏ bừng khi ngẩng lên. Găng tay của nàng nằm trên mặt kính, đôi bàn tay trần khế chấp lại bên cạnh. Vẻ lúng túng của anh dường như khiến nàng mềm lòng, vì khi anh bắt gặp lại ánh mắt nàng, trông nó thật dịu dàng.

Anh gắng gượng lần nữa. “Tôi xin lỗi. Hình như tôi không biết mình đang làm gì nữa. Với lại tôi đang vội. Tôi là bác sĩ. Tôi bị muộn giờ đến bệnh viện rồi.”

Nụ cười của nàng thay đổi ngay sau đó, trở nên nghiêm túc.

“Tôi hiểu rồi,” nàng nói, quay lại phía cô nhân viên. “Được rồi, Jean, thanh toán cho anh ấy trước đi.”

Nàng bằng lòng gặp lại anh, nàng viết tên và số điện thoại của mình với nét chữ hoàn hảo được dạy từ hồi học lớp ba, người dạy nàng, một bà xơ, đã khắc sâu những quy tắc viết chữ trong từng lời giáo huấn nhỏ nhặt của mình. Mỗi chữ cái có một hình dáng, bà nói với lũ trẻ, một hình dáng duy nhất trên đời và không có hình gì khác, và các trò có trách nhiệm phải hoàn thiện nó. Tám tuổi, nhọt nhọt gầy gò, người phụ nữ vận chiếc áo khoác màu xanh lục, người sẽ trở thành vợ anh, đã siết chặt những ngón tay nhỏ bé quanh cây bút và luyện viết chữ thảo một mình trong phòng riêng, suốt hàng giờ đồng hồ, cho tới khi nàng có thể viết với sự mềm mại tinh tế của dòng nước chảy. Sau này, khi nghe được câu chuyện đó, anh tưởng tượng ra hình ảnh đầu nàng cúi xuống dưới ánh đèn bàn, những ngón tay chụm lại đau nhức trên cây bút, và anh kinh ngạc trước sự bền bỉ của nàng, niềm tin của nàng vào cái đẹp và vào giọng nói đầy quyền uy của bà xơ. Nhưng vào ngày hôm đó anh không biết chút gì về điều này. Ngày hôm đó anh mang mảnh giấy trong túi chiếc áo khoác trắng của mình qua hết phòng bệnh này tới phòng bệnh khác, ghi nhớ những con chữ của nàng trôi chảy từ chữ này sang chữ kia để tạo thành một khuôn hình hoàn hảo mang tên nàng. Anh gọi điện cho nàng ngay buổi tối ấy và đưa nàng đi ăn tối vào đêm hôm sau, và ba tháng sau họ kết hôn.

Giờ đây, trong tháng cuối cùng của thai kỳ, chiếc áo choàng màu san hô mềm mại vừa vận như in với nàng. Nàng đã tìm thấy nó được cất kỹ và giờ ra cho anh xem. *Nhưng em gái anh đã mất lâu rồi mà,* nàng kêu lên, đột nhiên thấy bối rối, và trong phút chốc anh cứng đờ người, mỉm cười, lời nói dối từ cách đây một năm ào tới như một con chim bí ẩn vút qua căn phòng. Rồi anh nhún vai, ngượng ngùng. *Anh phải nói điều gì đó,* anh nói với nàng. *Anh phải tìm cách để biết được tên em.* Khi ấy nàng mỉm cười, và đi ngang qua phòng ôm lấy anh.

Tuyết rơi. Trong vòng mấy tiếng sau đó, họ đọc sách và trò chuyện. Đôi lúc nàng nắm lấy tay anh đặt lên bụng mình để anh cảm nhận cử

động của thai nhi. Thịnh thoảng anh lại đứng dậy để thêm củi vào đống lửa, liếc nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy chùng tám phân tuyết phủ trên mặt đất, rồi mười ba hoặc mười lăm phân. Phố xá êm ả và yên tĩnh, chỉ có chùng dăm ba chiếc xe.

Lúc mười một giờ nàng đứng dậy đi ngủ. Anh nán lại tầng dưới, đọc số mới nhất của *Tạp chí phẫu thuật xương khớp*. Anh vốn có tiếng là một bác sĩ rất giỏi về năng lực chẩn đoán và nổi danh vì làm việc bài bản. Anh đã tốt nghiệp với điểm số cao nhất lớp. Tuy nhiên, anh còn khá trẻ và – dù anh giấu rất khéo – khá tự ti về kỹ năng của mình nên vẫn chăm chỉ nghiên cứu trong từng phút rảnh rỗi, gom góp từng thắng lợi mà anh coi như một bằng chứng nữa có lợi cho mình. Anh cảm thấy mình là một kẻ lập dị, sinh ra với lòng đam mê học hỏi giữa một gia đình chỉ biết đắm chìm trong những cuộc vật lộn đơn thuần để sinh nhai, ngày qua ngày. Họ coi học vấn như một thứ xa xỉ phẩm không cần thiết, một loại phương tiện chẳng dẫn đến kết quả gì chắc chắn. Vì nghèo khổ nên tất cả những lần họ đi bác sĩ đều chỉ là đến phòng khám ở Morgantown, cách năm mươi dặm đường. Ký ức của anh về những chuyến đi hiếm hoi ấy vẫn sống động, người nẩy lên nẩy xuống ở phía đuôi chiếc xe tải nhẹ đi mượn, bụi bặm cuốn theo chân. Con đường nhầy nhót, em gái anh đã nói với ra như thế từ chỗ ngồi của cô trong buồng lái với bố mẹ họ. Ở Morgantown, phòng ốc thì lờ mờ tối với màu xanh u ám hoặc màu rêu của nước ao, còn các bác sĩ thì vội vàng, vồn vã với họ, đầu óc phân tán trên mây.

Trong tất cả những năm sau đó, vẫn có những khoảnh khắc anh cảm nhận được cái nhìn chòng chọc của mấy vị bác sĩ ấy và thấy mình như một kẻ lừa đảo sắp bị lột mặt nạ chỉ bởi một sơ suất nhỏ. Anh biết lựa chọn về chuyên ngành của mình phản ánh điều này. Anh không có hứng thú gì đối với chuyên ngành nội tổng quát hay những ca nghiên cứu động mạch tim nguy hiểm. Anh chủ yếu xử lý các ca chấn thương xương chi, chỉnh hình và xem hình chụp X-quang, ngắm nhìn các vết nứt vỡ tự

hàn gắn chậm chạp nhưng phi thường. Anh thích một điều, đó là, xương là những vật thể cứng rắn chịu được sức nóng làm tan chảy cả kim loại như trong lò thiêu. Xương tồn tại lâu dài; quả là dễ dàng cho anh khi đặt niềm tin vào thứ gì đó thật rắn rỏi và dễ dự đoán như vậy.

Anh đọc say sưa đến quá nửa đêm, cho đến khi những con chữ lấp loáng vô hồn trên mặt giấy trắng lóa, sau đó anh quẳng tờ tạp chí lên bàn uống cà phê và đứng dậy đi ra chỗ lò sưởi. Anh dụi tắt mấy thanh củi đã cháy dở thành than, mở hết cửa chắn gió, và đóng tấm màn lò sưởi bằng đồng xuống. Khi anh tắt đèn, những đốm lửa còn lóe lên yếu ớt qua tầng tầng lớp lớp tro than, mong manh và trắng muốt như tuyết giờ đang chất đọng cao ngất trên lan can hiên nhà và mấy bụi đỗ quyên.

Cầu thang kêu cọt kẹt dưới sức nặng của anh. Anh dừng lại nơi cánh cửa phòng dành cho đứa con sắp chào đời, nhìn ngắm hình dáng mờ ảo của cái cũi và chiếc bàn thay tã, của những con thú nhồi bông xếp trên giá. Tường phòng sơn màu xanh ngọc nhạt. Vợ anh đã thêu một bức tranh Mẹ Ngỗng ⁽¹⁾ treo trên bức tường phía xa, khâu bằng những mũi chỉ nhỏ xíu, tháo tung cả bức thêu mỗi khi nàng phát hiện ra một điểm không hoàn hảo dù nhỏ nhất. Một dải đường viền hình những con gấu được tô ngay dưới trần nhà; cũng là do nàng làm.

Bị thôi thúc, anh bước vào căn phòng đứng trước cửa sổ, vén tấm rèm mỏng sang một bên nhìn tuyết giờ đã rơi dày gần hai mươi phân trên những cây đèn đường, hàng rào và mái nhà. Đó là loại bão hiếm khi xảy ra ở Lexington, những bông tuyết trắng rơi đều đều cùng với sự tĩnh lặng khiến trong anh tràn ngập cảm giác hứng khởi và bình yên. Đó là khoảnh khắc khi tất cả những mảnh vỡ tạp nham của cuộc đời anh dường như gắn kết với nhau, mọi nỗi buồn đau và thất vọng trong quá khứ, mọi bí mật khắc khoải và cảm giác thấp thỏm bị giấu kín giờ nằm dưới những lớp màu trắng mềm xốp. Ngày mai sẽ rất yên ả, vạn vật êm dịu và mong manh, cho tới khi những đứa trẻ nhà hàng xóm ủa ra phá

vỡ bầu không khí yên tĩnh bằng những dấu chân của chúng, những tiếng la hét và niềm vui sướng. Anh còn nhớ những ngày như vậy của thời thơ ấu sống trên núi cao, những giây phút được giải thoát hiểm hoi khi anh vào rừng, tiếng thở được khuếch đại lên còn giọng nói không hiểu sao bị bóp nghẹt bởi khối tuyết nặng kéo những cành cây trĩu xuống, chất đông trên các lối đi. Cả thế giới, chỉ trong vài giờ ngắn ngủi, biến đổi hẳn.

Anh đứng đó rất lâu, cho tới khi nghe tiếng nàng cử động khe khẽ. Anh đi sang thì thấy nàng đang ngồi trên cạnh giường, đầu gục xuống, tay bấu chặt lấy nệm.

“Chắc là em trở dạ rồi,” nàng nói, mắt ngược lên. Mái tóc nàng buông xõa, một món tóc vương trên môi. Anh gài tóc gọn lại sau vành tai nàng. Nàng lắc đầu khi anh ngồi xuống bên. “Em không biết nữa. Em thấy lạ lắm. Cái cảm giác co thắt này, nó cứ đến rồi lại đi.”

Anh đỡ nàng nằm nghiêng xuống giường rồi sau đó cũng nằm xuống, xoa bóp lưng cho nàng. “Có thể chỉ là co thắt giả thôi,” anh trấn an nàng. “Dù sao cũng còn tới ba tuần nữa cơ mà, và lại còn đầu lòng thì thường ra muộn.”

Điều này là thật, anh biết, anh tin vào chuyện đó khi nói ra, và thực ra, anh chắc chắn đến nỗi chỉ một lát sau đã chìm vào giấc ngủ. Anh tỉnh dậy thì thấy nàng đứng ở đầu giường, lắc mạnh vai anh. Tấm áo choàng của nàng, mái tóc nàng, trông gần như trắng xóa trong ánh tuyết kỳ dị đang tràn ngập cả căn phòng.

“Em đã tính giờ cơn đau rồi. Cách năm phút một. Nó mạnh lắm, em sợ.”

Lúc ấy anh cảm thấy ruột cồn lên; cả niềm hưng khởi và nỗi sợ hãi tràn qua anh như bọt nước bị xô đẩy bởi một cơn sóng trào. Nhưng anh đã được rèn luyện để giữ bình tĩnh trong những ca cấp cứu, để kiểm

soát cảm xúc của mình, vì vậy anh đứng dậy được mà không chút hấp tấp, cầm chiếc đồng hồ, và đi qua đi lại trên gian sảnh cùng nàng, chậm rãi và điềm tĩnh. Khi cơn co thắt xuất hiện nàng siết lấy bàn tay anh, mạnh đến nỗi anh có cảm tưởng những mảnh xương trên ngón tay mình đang nóng chảy. Những cơn co thắt cách nhau năm phút một, đúng như nàng đã nói, rồi bốn phút. Anh vớ lấy chiếc va li ở trong kho, đột nhiên cảm thấy lóng ngóng trước tầm quan trọng của sự kiện này, những gì đã được mong chờ bấy lâu nay nhưng vẫn là một bất ngờ. Anh cũng di chuyển khi nàng di chuyển, nhưng quanh họ mọi vật chậm lại đến gần như bất động. Anh có thể cảm nhận rõ ràng từng hành động, hơi thở dồn dập trên lưỡi anh, bàn chân nàng lồng một cách khó khăn vào đôi giày duy nhất mà nàng còn đi vừa, những bắp thịt sưng vù nổi lên trên nền da giày xám sẫm. Khi đỡ lấy cánh tay nàng, anh có cảm giác khác lạ như thể chính bản thân mình đang lơ lửng trong căn phòng, ở đâu đó gần nơi treo đèn, ngắm nhìn cả hai người từ trên cao, để ý đến từng sắc thái và chi tiết: người nàng run lên theo cơn co thắt, những ngón tay của anh nắm lấy khuỷu tay nàng chắc chắn và đầy che chở. Ngoài trời tuyết vẫn trút xuống như mưa.

Anh giúp nàng mặc chiếc áo khoác len màu lục buông tà không cài khuy, để hở vùng quanh bụng nàng. Anh còn tìm thấy cả đôi găng tay nàng đã đeo khi anh gặp nàng lần đầu. Dường như việc thực hiện chính xác những chi tiết này cũng rất quan trọng. Họ đứng bên nhau trên hiên nhà trong chốc lát, sững sờ trước cả thế giới trắng xóa êm ả ấy.

“Em đợi ở đây nhé,” anh nói, và bước xuống bậc thang, tạo thành một lối đi giữa những đống tuyết. Mấy cánh cửa của chiếc xe hơi cũ kỹ đã đóng băng hết, anh phải mất vài phút mới mở được một cánh ra. Một đám hơi nước trắng toát bay lên lấp lánh khi cánh cửa bật mở, và anh bò vào sàn xe dưới ghế sau để lấy thanh cào băng và chổi. Anh nhìn thấy vợ mình đang ngồi dựa vào một cây cột trên hiên nhà, trán gục lên hai cánh tay. Trong khoảnh khắc ấy anh hiểu rằng nàng đang

đau đớn tới mức nào và rằng đứa bé thực sự sẽ ra đời, ra đời chính đêm hôm ấy. Anh cố kiềm chế ước muốn mãnh liệt được chạy đến bên nàng, thay vì thế anh dồn tất cả sức lực để phá băng cho chiếc xe, sưởi ấm một bên tay trần rồi tới tay còn lại dưới nách mỗi khi cơn nhức buốt vì giá rét trở nên quá sức chịu đựng, anh sưởi ấm tay nhưng không bao giờ ngừng nghỉ, quét sạch tuyết trên tấm kính chắn gió, cửa sổ và mui xe, nhìn chúng rã ra và biến vào cả một biển màu trắng xôm xộp xung quanh bắp chân mình.

“Anh chưa từng nói là nó lại đau đến thế này,” nàng nói khi anh chạy lại bên hiên nhà. Anh quàng tay quanh vai nàng và đỡ nàng đi xuống bậc thang. “Em đi được mà,” nàng khẳng khẳng. “Chỉ trừ những lúc cơn đau tới thôi.”

“Anh biết rồi,” anh nói, nhưng vẫn không rời nàng.

Khi họ đến được chỗ chiếc xe, nàng chạm vào tay anh và ra dấu về phía căn nhà phủ đầy tuyết, lung linh như một chiếc đèn lồng trong bóng đêm của khu phố.

“Khi quay trở về, chúng ta sẽ có con đi cùng,” nàng nói. *“Thế giới của chúng ta sẽ không còn như vậy nữa.”*

Mấy cây cần gạt trên kính chắn gió đã đông cứng lại, tuyết đổ tràn xuống ô cửa phía sau khi anh lái xe ra phố. Anh lái xe chậm chậm, thăm nghĩ Lexington mới xinh đẹp làm sao, cây cối và bụi rậm đều trĩu nặng tuyết. Khi anh rẽ sang tuyến phố chính, bánh xe nghiêng phải băng và chiếc xe trượt đi rất nhanh, trơn tuột, lao ngang qua ngã tư, rồi dừng lại bên một đụn tuyết.

“Chúng ta ổn rồi,” anh thông báo, đầu ngó quanh. May thay, không có chiếc xe nào hiện lên trong tầm mắt. Chiếc vô lăng cứng và lạnh như đá dưới đôi bàn tay trần của anh. Thỉnh thoảng anh lại đưa mu bàn tay chùi lên kính chắn gió, cúi người để nhòm qua cái ô mà anh vừa tạo ra.

“Anh đã gọi cho Bentley trước khi đi,” anh nói, nhắc tên đồng nghiệp của mình, một bác sĩ sản khoa. “Anh đã hẹn gặp anh ta ở phòng khám. Mình sẽ đến đấy. Chỗ ấy gần hơn.”

Nàng im lặng trong chốc lát, tay bầu chặt lấy mặt táp lô trong lúc thở dốc giữa một cơn co thắt. “Miễn sao em không phải sinh con trong cái xe cổ lỗ này là được,” cuối cùng nàng cũng cất nên lời, gắng pha trò. “Anh biết là em ghét chuyện đó thế nào rồi đấy.”

Anh mỉm cười, nhưng anh biết nỗi sợ hãi của nàng là thật, và anh chia sẻ điều đó.

Ngắn ngủi, kiên định: ngay cả trong lúc nguy cấp anh vẫn không thay đổi được bản chất của mình. Anh dừng hẳn xe ở tất cả các chốt đèn đỏ, bật đèn xi nhan báo rẽ trên những con phố vắng tanh. Cứ vài phút nàng lại siết chặt tay trên mặt táp lô và thở dốc, điều đó khiến anh nuốt nước bọt và liếc sang phía nàng, cảm giác bồn chồn trong đêm hôm đó nhiều hơn bất cứ cơn lo lắng nào anh còn nhớ nổi. Bồn chồn hơn cả ngày đầu tiên ở lớp giải phẫu, cơ thể của một chàng trai trẻ bị lột trần để hé lộ những bí mật của nó. Bồn chồn hơn cả trong ngày cưới, gia đình nàng đứng kín một phía giáo đường, còn phía bên kia thì chỉ lèo tèo vài đồng nghiệp của anh. Bố mẹ anh đều đã qua đời, em gái anh cũng vậy.

Có duy nhất một chiếc xe trên bãi đỗ xe của phòng khám, chiếc Fairlane màu xanh lơ của cô y tá, bảo thủ, thực dụng và mới hơn chiếc của anh. Anh cũng đã gọi cho cả cô ta nữa. Anh vòng xe vào trước cửa và đỡ vợ ra ngoài. Giờ đã đến được phòng khám an toàn, cả hai đều hồ hởi cười vang khi bước dưới ánh đèn rực rỡ trong phòng chờ.

Cô y tá gặp họ ngay sau đó. Giây phút nhìn thấy cô, anh biết có điều gì đó không ổn. Cô có đôi mắt xanh to trên khuôn mặt hơi tái, có lẽ tầm bốn mươi nhưng cũng có thể chỉ mới hai lăm, và mỗi khi có điều gì

làm cô phật ý, một nét sổ mảnh lại hằn lên trán cô, ở chính giữa hai mắt. Giờ nó đang ở đó khi cô báo cho họ biết tin: chiếc xe của Bentley đã bị lạc tay lái trên quãng đường quê chưa xới tuyết chỗ anh ta sống, bị xoay hai vòng trên mặt băng ẩn dưới lớp tuyết, và lao xuống một con mương.

“Cô nói bác sĩ Bentley sẽ không đến sao?” vợ anh hỏi.

Cô y tá gật đầu. Cô ta cao, gầy gò và xương xẩu đến nỗi dường như những đốt xương có thể đâm toạc da cô bất cứ lúc nào. Đôi mắt to xanh biếc của cô vừa nghiêm nghị lại vừa tinh anh. Trong nhiều tháng ròng, mọi người thường đồn đoán, trêu cợt, rằng cô đã ít nhiều phải lòng anh. Anh coi mấy chuyện đó như trò ngòi lê đôi mách không đâu chốn công sở, gây khó chịu nhưng cũng là lẽ tự nhiên khi một người đàn ông và một phụ nữ còn độc thân làm việc gần gũi đến vậy, hết ngày này qua ngày khác. Và rồi đến một buổi tối nọ, anh lỡ ngủ gục trên bàn làm việc của mình. Anh đã mơ về ngôi nhà tuổi thơ, thấy mẹ anh đặt những bình hoa quả sáng lung linh như đồ trang sức lên chiếc bàn phủ vải dầu kê dưới cửa sổ. Em gái anh, mới lên năm, ngồi ôm con búp bê trong cánh tay lỏng lẻo. Một hình ảnh đã qua, có lẽ là một kỷ niệm, nhưng là kỷ niệm khiến trong anh tràn ngập cả nỗi đau buồn lẫn cảm giác xót xa. Ngôi nhà là của anh nhưng giờ nó thật trống trải, hoang vắng khi em gái anh đã mất và bố mẹ anh cũng ra đi, những căn phòng mẹ anh đã lau chùi đến sáng bóng bị bỏ không, chỉ còn nghe tiếng loạt xoạt của lũ sóc và chuột.

Khi anh mở mắt ra, đôi mắt anh đắm nước, đầu ngẩng lên khỏi bàn giấy. Cô y tá đang đứng ở cửa, khuôn mặt dịu lại vì xúc động. Trong khoảnh khắc ấy cô thật đẹp, miệng hơi mỉm cười, không còn là người phụ nữ xốc vác vẫn làm việc lặng lẽ và bài bản bên anh mỗi ngày. Mắt họ chạm nhau, và dường như vị bác sĩ cảm thấy rằng anh hiểu cô – rằng họ thấu hiểu lẫn nhau – một cách sâu sắc và chắc chắn. Trong giây lát không còn bất cứ thứ gì ngăn cách họ; đó là một tình cảm gắn bó

khăng khít đến mức khiến anh cứng đờ người, sững sờ. Khi ấy cô bỗng đỏ bừng mặt và nhìn lảng đi chỗ khác. Cô dặng háng và đứng thẳng lên, nói rằng cô đã làm quá giờ hai tiếng và sắp ra về. Trong nhiều ngày, mắt cô không chạm mắt anh nữa.

Sau này, khi mọi người chầm chọc anh về cô, anh chặn ngay họ lại. *Cô ấy là một y tá giỏi*, anh nói, một tay giơ lên phản đối trò đùa cợt, trân trọng khoảnh khắc đồng cảm mà họ đã cùng chia sẻ. *Cô ấy là người giỏi nhất mà tôi từng làm việc cùng*. Điều này là thật, và giờ anh rất mừng vì có cô bên cạnh.

“Thế còn phòng cấp cứu thì sao?” cô hỏi. “Hai người có đến kịp không?”

Vị bác sĩ lắc đầu. Những cơn co thắt chỉ còn cách nhau chừng một phút.

“Đứa bé này không đợi được đâu,” anh nói, nhìn sang vợ mình. Tuyết đã tan chảy trên tóc cô và lấp lánh như một chiếc vương miện bằng kim cương. “Nó sắp ra rồi.”

“Không sao đâu,” vợ anh nói, vẻ bình thản. Giọng nói của nàng giờ đã rắn rỏi hơn, đầy cả quyết. “Đây sẽ là một chuyện hay để kể cho thằng bé, khi nó lớn lên: thằng bé hoặc con bé.”

Cô y tá mỉm cười, nét sổ giữa hai mắt cô vẫn còn hằn lên, dù vậy đã hơi mờ đi. “Thế thì để chúng tôi đưa chị vào trong,” cô nói. “Ta cùng làm gì đó giúp chị đỡ đau nhé.”

Anh qua văn phòng của mình để tìm chiếc áo choàng, và khi anh bước vào phòng khám của Bentley, vợ anh đang nằm trên giường, chân đặt trên bàn đạp. Căn phòng có màu xanh lơ nhạt, chất đầy các dụng cụ tinh xảo bằng crôm, tráng men và thép sáng bóng. Vị bác sĩ đi tới chỗ bồn rửa và rửa sạch tay. Anh cảm thấy vô cùng cảnh giác, chú ý đến

từng chi tiết nhỏ nhất nhất, và khi anh thực hiện thủ tục thông thường này, anh có cảm giác nỗi hoang mang của mình trước sự vắng mặt của Bentley bắt đầu lắng xuống. Anh nhắm mắt lại, cố ép bản thân tập trung vào nhiệm vụ của mình.

“Mọi việc vẫn bình thường,” cô y tá nói khi anh quay lại. “ Tất cả có vẻ ổn. Tôi sẽ gây tê cho cô ấy khi nào tử cung mở được mười phân; anh thử kiểm tra xem tình hình sao rồi.”

Anh ngồi lên chiếc ghế đầu thấp và luồn tay vào cửa mình ấm áp mềm mại của vợ. Túi nước ối vẫn còn nguyên vẹn, qua đó anh có thể cảm nhận được cái đầu của đứa bé, mượt và rắn như một trái bóng chày. Con anh. Lẽ ra anh đang đi đi lại lại trong phòng chờ ở đâu đó kia. Ở đâu kia căn phòng, những tấm màn rủ xuống ô cửa sổ độc nhất, và khi anh rút tay ra khỏi hơi ấm của cơ thể vợ, anh nhận ra mình đang nghĩ về cơn mưa tuyết, tự hỏi không biết nó còn tuôn rơi, bao trùm sự tĩnh lặng lên thành phố và các vùng lân cận hay không.

“Được,” anh nói, “mười phân.”

“Phoebe,” vợ anh nói. Anh không thể nhìn thấy mặt nàng, nhưng giọng nói của nàng thì rất rõ. Họ đã bàn về những cái tên trong hàng tháng trời mà vẫn chưa có quyết định gì. “Nếu con gái thì đặt tên là Phoebe. Còn nếu con trai thì Paul, giống tên ông bác của em. Em đã nói với anh chưa nhỉ?” nàng hỏi. “Em định nói với anh là em đã quyết rồi.”

“Mấy cái tên đó đều hay cả,” cô y tá nói, giọng dịu dàng.

“Phoebe và Paul,” vị bác sĩ nhắc lại, nhưng anh còn mãi tập trung vào cơn co thắt giờ đang càng lúc càng mạnh lên trong từng thớ thịt của vợ mình. Anh ra dấu với cô y tá lúc này đã chuẩn bị sẵn khí gây tê. Trong suốt những năm làm bác sĩ nội trú, công việc thường ngày của anh là bắt người phụ nữ chịu đựng cơn đau đẻ tới tận khi ca sinh nở kết

thức, nhưng thời đại đã đổi thay – đó là năm 1964 – còn Bentley, theo anh biết, thì sử dụng khí gây tê thận trọng hơn. Gây tê sẽ tốt hơn là để nàng tỉnh táo rặn đẻ; anh sẽ giúp nàng vượt qua giây phút đau đớn nhất của những đợt co thắt, của niềm vinh quang và việc sinh nở. Vợ anh gồng mình gào lên, và đưa bé chuyển động trong ống âm đạo, phá vỡ túi nước ối.

“Nào,” vị bác sĩ nói, và cô y tá đeo mặt nạ cho sản phụ. Đôi tay vợ anh sẽ xuống, nắm tay thả lỏng dần vì khí gây tê đã ngấm, nàng nằm bất động, bình thản và vô thức, trong khi cơn co thắt này nối cơn co thắt khác chạy rùng rùng qua cơ thể nàng.

“Con so mà ra như vậy là sớm đấy,” cô y tá nhận xét.

“Phải,” vị bác sĩ nói. “Vẫn ổn.”

Nửa giờ sau trôi qua như vậy. Vợ anh tỉnh dậy, rên xiết và rặn, và khi anh cảm thấy nàng đã chịu quá đủ – hoặc khi nàng gào lên rằng cơn đau đã quá sức chịu đựng – anh lại gạt đầu để cô y tá bơm khí gây tê cho nàng. Ngoại trừ việc trao đổi các chỉ dẫn một cách kín đáo, họ không nói gì cả. Bên ngoài tuyết vẫn rơi, chất đông quanh bốn mặt các ngôi nhà, phủ đầy những con đường. Vị bác sĩ ngồi trên chiếc ghế đẩu bằng thép không gỉ, thu hẹp sự tập trung chú ý của mình vào những sự kiện chính. Anh đã đỡ năm đứa trẻ trong suốt quãng thời gian học trường y, tất cả đều sống sót và thành công rực rỡ, và giờ anh tập trung vào những ca đó, lục tìm trong trí nhớ của mình những tiểu tiết của công việc chăm sóc. Khi anh làm vậy, vợ anh, nằm dài với hai chân đặt trên bàn đạp, bụng nhô cao đến nỗi anh không còn nhìn thấy mặt nàng, dần dần trở thành một trong những phụ nữ đó. Đôi đầu gối tròn, bắp chân thon mượt mà, mắt cá chân của nàng, tất cả giờ đang ở trước mặt anh, gần gũi và thân thương. Tuy vậy anh vẫn không nghĩ tới chuyện vuốt ve làn da nàng hay đặt bàn tay vỗ về lên đầu gối nàng. Chính cô y tá mới là người nắm lấy tay nàng khi nàng rặn. Đối với vị bác

sĩ, khi anh tập trung vào những gì diễn ra ngay trước mắt mình, thì nàng không chỉ là chính bản thân nàng mà còn hơn thế nữa; một cơ thể như những cơ thể khác, một bệnh nhân có những nhu cầu mà anh cần phải đáp ứng bằng mọi kỹ năng chuyên môn mà anh có. Điều đó là cần thiết, cần thiết hơn mức bình thường để có thể giữ những cảm xúc của anh trong vòng kiểm soát. Khi thời gian trôi đi, khoảnh khắc kỳ dị mà anh đã trải qua trong căn phòng ngủ của họ lại hiện về trong anh. Anh bắt đầu cảm thấy bản thân mình bằng cách nào đó đã thoát ra khỏi khung cảnh ca sinh nở này, vừa có mặt ở đó lại vừa trôi nổi ở một nơi khác, dõi theo từ một khoảng cách an toàn. Anh ngắm nhìn chính mình thực hiện thao tác rạch âm hộ thật cẩn trọng, chính xác. Làm chuẩn lắm, anh thầm nghĩ khi máu phun ra thành một tia gọn ghẽ, không cho phép mình nhớ lại những lần anh đã chạm vào chính xác thịt đó với đầy xúc cảm tha thiết.

Cái đầu nhô ra. Sau ba lần rặn nữa nó ngoi hẳn lên và rồi cả cơ thể trượt xuống đôi tay đang đợi sẵn của anh, đứa bé khóc ré lên, làn da xanh lè của nó dần trở nên hồng hào.

Đó là một bé trai, với khuôn mặt đỏ hồng và những sợi tóc sẫm, đôi mắt lanh lợi, tỏ vẻ nghi ngờ trước ánh đèn và luồng không khí lạnh toát. Vị bác sĩ buộc sợi dây rốn lại và cắt. *Con trai mình*, anh cho phép bản thân được nghĩ thế. Con trai mình.

“Nó xinh quá,” cô y tá nói. Cô chờ đợi trong khi anh kiểm tra thằng bé, nhận thấy trái tim khỏe mạnh của nó, đập nhanh và chắc chắn, bàn tay có những ngón dài, và món tóc sẫm màu. Sau đó cô đem đứa trẻ sơ sinh sang một phòng khác để tắm rửa và nhỏ nitrat bạc vào mắt nó. Tiếng khóc nho nhỏ vang vọng lại chỗ họ, người vợ anh run lên. Vị bác sĩ ngồi nguyên tại chỗ, hai tay đặt trên đầu gối nàng, thở vài hơi thật sâu, đón chờ cái nhau thai. Con trai mình, anh lại nghĩ.

“Con đâu rồi anh?” vợ anh hỏi, mở mắt ra và gạt tóc khỏi khuôn mặt đỏ bừng của nàng. “Mọi việc ổn cả chứ?”

“Là con trai,” vị bác sĩ nói, mỉm cười với nàng. “Chúng ta có một đứa con trai. Em sẽ nhìn thấy con ngay sau khi nó đã sạch sẽ. Thằng bé cực kỳ hoàn hảo.”

Khuôn mặt vợ anh, dịu xuống vì thanh thản và kiệt sức, đột nhiên khoằm lại bởi một cơn co thắt mới, và vị bác sĩ, vẫn chờ đợi bánh nhau thai, quay lại chiếc ghế đầu ở giữa hai chân vợ và ấn nhẹ lên ổ bụng nàng. Nàng thét lên, chính trong khoảnh khắc ấy anh hiểu điều gì đang xảy ra, bàng hoàng như thể một ô cửa sổ bỗng hiện lên giữa bức tường bê tông vậy.

“Không sao đâu,” anh nói. “Mọi chuyện ổn cả. Y tá,” anh gọi, khi cơn co thắt tiếp theo càng mạnh hơn.

Cô tới ngay không chậm trễ, tay ôm đứa bé giờ được quấn trong mấy tấm chăn trắng toát.

“Thằng bé được tới điểm chín trên thang Apgar⁽²⁾,” cô thông báo. “Thế là khá lắm đấy.”

Vợ anh đưa tay lên để đón đứa bé và định nói gì đó, nhưng rồi cơn đau ập đến và nàng lại nằm xuống.

“Y tá ơi,” vị bác sĩ nói. “Tôi cần có cô ở đây. Ngay bây giờ.”

Sau một giây bối rối, cô y tá xếp hai chiếc gối xuống nền nhà để đặt đứa trẻ lên đó, và trở lại bên bàn đẻ với vị bác sĩ.

“Thêm khí đi,” anh nói. Anh nhìn thấy sự sửng sốt của cô và sau đó là cái gạt đầu hiểu ý khi cô làm theo lệnh của anh. Tay anh đặt trên đầu gối vợ; anh cảm thấy sự căng thẳng trong cơ bắp nàng dịu dần xuống vì khí gây tê ngấm.

“Sinh đôi chẳng?” cô y tá hỏi.

Vị bác sĩ, vừa tự cho phép mình nghỉ ngơi sau khi đứa bé trai được sinh ra, giờ lại cảm thấy bất an, và anh không còn tin tưởng vào bản thân nên chẳng làm gì hơn ngoài việc gật đầu. *Bình tĩnh nào*, anh tự nhủ, khi cái đầu tiếp theo nhô ra. *Mày đang ở đâu đó*, anh thầm nghĩ, quan sát từ một vị trí thuận lợi nào đó ở trên trần nhà trong khi đôi tay làm việc bài bản và chính xác. *Đây chỉ là một ca sinh nở bình thường thôi mà*.

Đứa bé này nhỏ hơn và trôi ra dễ dàng, trượt xuống đôi tay đeo găng của anh nhanh đến nỗi anh phải cúi người về phía trước, lấy ngực đỡ để chắc chắn nó không bị rơi xuống. “Là con gái,” anh nói, và ẵm nó như ẵm một quả bóng, mặt úp xuống, anh phát lên lưng nó cho tới khi con bé khóc ré lên. Sau đó anh lật nó lại để xem mặt.

Lớp màng màu trắng ngà bám xoắn lấy làn da mỏng manh của con bé, người nó trơn chuôi chuội với đầy nước ối và những vết máu. Đôi mắt xanh buồn bã, những sợi tóc đen nhánh, nhưng anh hầu như không để ý đến tất cả những điều đó. Thứ anh đang nhìn là những đặc điểm không thể nhầm lẫn, đôi mắt xéch lên như đang cười, nếp quạt chạy dài qua mí mắt, cái mũi phẳng tẹt. Một ca kinh điển, anh vẫn nhớ lời giáo sư nói khi họ khám cho một đứa bé cũng giống như thế nhiều năm trước đây. *Một ca Down* ⁽³⁾. *Cậu có biết như thế có nghĩa là gì không?* Và vị bác sĩ, theo bốn phần, đã nhắc lại những triệu chứng mà anh ghi nhớ từ bài học: cơ thể ẻo lả, chậm phát triển và thiếu năng trí tuệ, có thể gặp các biến chứng về tim mạch, sớm tử vong. Ông giáo sư đã gật đầu, áp ống nghe lên lồng ngực trần mềm mại của đứa trẻ. *Đứa bé tội nghiệp. Người ta chẳng thể làm gì được ngoài giữ cho nó được sạch sẽ. Họ nên tự giải thoát cho mình và gửi nó đến nhà cứu tế*.

Vị bác sĩ có cảm giác như đang ngược dòng thời gian. Em gái anh đã sinh ra với một dị tật về tim và lớn rất chậm, hơi thở hỗn hển và đứt

quãng thành từng nhịp ngắn mỗi lần em cố gắng chạy. Trong nhiều năm trời, cho tới trước chuyến đi đầu tiên của họ tới phòng khám bệnh ở Morgantown, họ đã không hiểu có chuyện gì. Rồi họ biết, và chẳng thể làm gì được. Tất cả sự quan tâm của mẹ anh đều đổ dồn vào con bé nhưng dầu vậy em vẫn qua đời khi mới mười hai. Vị bác sĩ lúc đó mười sáu tuổi, đang sống trên thành phố để theo học trung học, đang trên con đường đến với Pittsburgh, trường y và cuộc sống của anh hiện tại. Tuy vậy, anh vẫn còn nhớ nỗi đau đớn của mẹ anh sâu sắc và dai dẳng đến mức nào, cách bà mỗi sáng cuốc bộ lên đồi tới nơi đặt nấm mồ, hai cánh tay khoanh chặt trước ngực dù trong tiết trời nào đi nữa.

Cô y tá đứng bên cạnh anh nhìn ngắm đứa bé.

“Tôi rất tiếc, thưa bác sĩ,” cô nói.

Anh ẵm đứa bé sơ sinh, quên mất mình nên làm gì tiếp. Đôi tay nhỏ xíu của nó thật hoàn hảo. Nhưng khoảng trống giữa ngón chân cái và các ngón còn lại, nó ở đó, như một cái răng khuyết, và khi nhìn sâu vào mắt con bé, anh nhận thấy những nốt Brushfield (4), nhỏ li ti và rõ rệt như những đốm tuyết trong tròng mắt. Anh mừng tượng ra trái tim nó, chỉ nhỏ bằng trái mận và rất có khả năng bị dị tật, và anh nghĩ tới căn phòng em bé, được sơn vẽ thật cẩn thận, với những con thú bông mềm mại và một chiếc cũi duy nhất. Anh nghĩ đến vợ mình đứng trên vỉa hè trước căn nhà phủ tuyết rực rỡ, mà nói Thế giới của chúng ta sẽ không còn như vậy nữa.

Bàn tay của đứa bé quệt vào tay anh, và anh giật mình. Anh bắt đầu thực hiện các quy trình quen thuộc một cách miễn cưỡng. Anh cắt dây rốn và kiểm tra tim, phổi của nó. Suốt trong khi làm anh chỉ nghĩ đến cơn mưa tuyết, đến chiếc xe màu bạc bị đâm đầu xuống nương, sự tĩnh lặng thấm thía của khu phòng khám vắng tanh. Sau này, khi anh nhớ lại đêm ấy – và anh sẽ còn nghĩ nhiều đến nó trong nhiều tháng và nhiều năm sắp tới: bước ngoặt của cuộc đời anh, những khoảnh khắc mà tất

cả các sự kiện còn lại đều vây quanh đó – điều mà anh ghi nhớ chính là sự tĩnh lặng trong căn phòng và cơn mưa tuyết đều đặn rơi ngoài trời. Sự tĩnh lặng thật thấm thía và bao trùm rộng khắp tới mức anh có cảm tưởng mình đang trôi lơ lửng ở một tầng cao khác, một điểm nào đó phía trên căn phòng này và rồi xa hơn nữa, nơi anh trở thành một phần bên cạnh cơn mưa tuyết, còn khung cảnh của căn phòng là thứ gì đó đang hiện diện ở một cuộc sống khác, một cuộc sống mà ở đó anh chỉ là khách qua đường, tựa như một cảnh tượng thoáng hiện qua ô cửa sổ chan hòa ánh sáng ấm áp khi ta đi trên một con phố tối tăm vậy. Đó là những gì anh sẽ còn nhớ mãi, cảm giác về khoảng không bất tận. Vị bác sĩ ở dưới lòng mương, còn ánh đèn trong chính căn nhà của anh thì cháy sáng ở một nơi xa xôi nào đó.

“Được rồi. Cô tắm rửa cho nó đi,” anh nói, chuyển cái cơ thể nhẹ bẫng của đứa trẻ sơ sinh sang tay cô y tá. “Nhưng cho nó ở phòng khác nhé. Tôi không muốn vợ tôi biết. Chưa phải lúc này.”

Cô y tá gật đầu. Cô biến mất và sau đó quay lại để đặt con trai anh vào cái nôi họ đã mang đến. Vị bác sĩ khi ấy đang mải tập trung vào đỡ mấy bánh nhau thai, chúng trôi ra dễ dàng, sẫm màu và dày dặn, mỗi bánh có kích cỡ bằng một chiếc đĩa con. Một cặp song sinh không cùng trứng, một trai một gái, một đứa hiển nhiên cực kỳ hoàn hảo, đứa còn lại thì hằn dấu ấn của một nhiễm sắc thể thừa trong từng tế bào của cơ thể. Tại sao lại có sự khác biệt đến thế cơ chứ? Con trai anh nằm trong nôi, hai tay thỉnh thoảng lại huơ huơ, uyển chuyển và ngẫu hứng như dòng chảy của nước ối trong tử cung. Anh tiêm cho vợ một mũi giảm đau, sau đó cúi xuống khâu vết rách âm hộ. Trời đã gần hừng, ánh sáng tụ lại yếu ớt trên những ô cửa sổ. Anh quan sát bàn tay mình di chuyển, thầm nghĩ những mũi khâu chạy gọn đẹp biết bao, nhỏ xíu như chính những mũi khâu vợ anh khâu, cũng tinh xảo và đều đặn như thế. Nàng đã tháo tung cả tấm chăn thêu chỉ vì một mũi khâu lỗi mà chính anh cũng không tài nào nhận ra.

Khi vị bác sĩ hoàn tất công việc, anh tìm thấy cô y tá ngồi trên ghế trong phòng đợi, vỗ về đứa bé gái trong vòng tay. Cô ngước lên nhìn anh mà không nói một lời, và anh bỗng nhớ lại cái đêm cô ngắm nhìn anh trong lúc anh đang ngủ.

“Có một nơi,” anh nói, ghi tên và địa chỉ lên mặt sau một tấm phong bì. “Tôi muốn cô đưa con bé đến đó. Ý tôi là khi nào trời sáng. Tôi sẽ viết giấy khai sinh cho nó, và gọi trước để báo cô sắp tới.”

“Nhưng còn vợ anh,” cô y tá nói, và từ một nơi xa xăm, anh nghe thấy sự ngạc nhiên và bất bình trong giọng cô.

Anh nghĩ tới em gái mình, nhợt nhạt và gầy gò, miệng thở hổn hển, còn mẹ anh thì ngoảnh mặt về phía cửa sổ cố giấu đi những giọt nước mắt.

“Cô không thấy sao?” anh hỏi, giọng yếu ớt. “Đứa bé khốn khổ này rất có thể bị dị tật tim nặng. Một dị tật chết người. Tôi chỉ đang cố giúp tất cả chúng ta thoát khỏi một nỗi đau khủng khiếp mà thôi.”

Anh nói với giọng chắc chắn. Anh tin từng lời mình nói ra. Cô y tá ngồi nhìn anh trân trân, nét mặt lộ rõ vẻ ngạc nhiên, nhưng lại pha trộn cả điều gì đó không thể đọc nổi, trong lúc anh đứng đó đợi cô đồng ý. Với tâm trạng lúc ấy, anh nghĩ cô không thể nào nói ra câu gì khác. Trong đêm hôm đó, và cả nhiều đêm sau này, anh không tưởng tượng nổi mình đã làm mọi thứ rồi tung lên đến mức nào. Thay vào đó, anh chỉ sốt ruột trước sự ngập ngừng của cô và đột nhiên cảm thấy vô cùng mệt mỏi, còn căn phòng khám, dù thân thuộc đến thế, bỗng trở nên xa lạ quanh anh, như thể anh đang bước đi trong một giấc mơ. Cô y tá nhìn anh chăm chăm bằng cặp mắt xanh khôn dò ấy. Anh nhìn lại cô, không chớp, và cuối cùng cô cũng gật đầu, một cử động rất khẽ đến mức gần như không thể nhận thấy được.

“Tuyệt,” cô thì thào, mắt nhìn xuống.

* * *

Nhưng đến giữa buổi sáng, cơn bão đã dần tan, và tiếng máy xúc từ xa vọng lại lạo xạo giữa thỉnh không. Đứng trên cầu thang, anh nhìn theo bóng cô y tá gạt tuyết bám trên chiếc xe màu xanh lơ của cô và lái xe hòa vào không gian trắng xóa êm ả. Đứa bé được giấu kín, nằm ngủ trong một cái hộp lót chăn, đặt trên ghế bên cạnh cô. Vị bác sĩ nhìn cô rẽ trái vào con phố và biến mất. Sau đó anh mới quay lại và ngồi xuống bên gia đình mình.

Vợ anh vẫn ngủ, món tóc vàng óng ả của nàng xõa ra trên gối. Có đôi lúc vị bác sĩ ngủ thiếp đi. Khi thức tỉnh, anh lại nhìn trân trân ra bãi đỗ xe vắng tanh, ngấm nhìn dải khói bốc lên từ những ống khói trên phố, chuẩn bị sẵn những lời anh sắp nói ra. Rằng đó không phải lỗi của ai cả, rằng con gái của họ sẽ được mang tới những bàn tay đáng tin cậy, tới những người giống như con bé, với tình yêu thương vô bờ bến. Rằng đó là giải pháp tốt nhất cho tất cả bọn họ.

Đến quá nửa buổi sáng, khi tuyết đã ngừng rơi hẳn, con trai anh khóc ré lên vì đói, và vợ anh bừng tỉnh.

“Con đâu rồi anh?” nàng hỏi, chống hai khuỷu tay để nhòm dậy, gạt tóc vương trên khuôn mặt. Anh đang bế con trai của họ, ấm áp và nhẹ bẫng, rồi anh ngồi xuống bên vợ, đặt đứa bé vào vòng tay nàng.

“Chào em yêu,” anh nói. “Nhìn con trai xinh xắn của chúng mình này. Em đừng cảm lắm.”

Nàng hôn lên trán đứa trẻ, cởi khuy áo và đỡ nó sát vào bầu vú. Con trai anh ngay lập tức bám chặt lấy, và vợ anh ngược lên mỉm cười. Anh nắm lấy bàn tay kia của vợ, nhớ lại nàng đã bấu lấy tay anh chặt tới mức nào, in hằn cả những đốt xương ngón tay lên bắp thịt của anh. Anh nhớ mình đã muốn bảo vệ nàng vô cùng.

“Mọi việc ổn cả chứ anh?” nàng hỏi. “Anh yêu? Có chuyện gì vậy?”

“Chúng ta có một cặp sinh đôi,” anh nói chậm rãi, nghĩ về những mớ tóc sẫm màu, những cơ thể trơn chuôi chuội chuyển động trong đôi tay anh. Nước dâng đầy lên trong mắt anh. “Một trai một gái.”

“Ôi,” nàng reo lên. “Cả một đứa bé gái nữa ư? Phoebe và Paul. Nhưng con bé đâu rồi?”

Những ngón tay của nàng thật mỏng mảnh, anh thầm nghĩ, giống như những đốt xương của một con chim nhỏ.

“Em yêu,” anh dờm giọng. Tiếng của anh lạc đi, và những câu chữ anh đã nhẩm trước rất cẩn thận bỗng tan biến. Anh nhắm mắt lại, và đến khi anh có thể cất lời trở lại, những từ khác lại bật ra, hoàn toàn không lường trước.

“Ôi em yêu,” anh nói. “Anh rất tiếc. Con gái bé bỏng của chúng ta chết từ lúc mới sinh rồi.”

II

CAROLINE GILL LỘI BỘ NGANG BÃI ĐỔ XE MỘT CÁCH THẬN TRỌNG, vụng về. Tuyết dâng ngập bắp chân cô, ở nhiều chỗ còn chạm tới cả đầu gối. Cô mang đứa trẻ quấn giữa hàng lớp chăn, nằm trong cái hộp các tông trước vẫn dùng đựng mẫu sữa bột cho trẻ sơ sinh gửi đến nhà cứu tế. Chiếc thùng được đóng dấu bằng nhiều chữ cái màu đỏ và những khuôn mặt trẻ sơ sinh non tơ, mấy tấm nắp thùng cứ bật lên hạ xuống theo từng nhịp chân đi. Có một sự yên bình giả tạo dâng lên khắp bãi đỗ xe hầu như trống không, một sự im lặng dường như sinh ra chính từ trong giá rét, lan rộng trong thinh không và tỏa ra mãi như những gợn sóng trên mặt nước khi một hòn đá được ném xuống. Khi cô mở cửa xe, tuyết cuộn lên khiến da mặt cô tê buốt. Theo bản năng, để bảo vệ, cô khom người che chắn chiếc hộp và lèn nó vào băng ghế sau, những tấm chăn hồng khế rơi xuống lẫn vải bọc đệm vinyl màu trắng. Đứa bé vẫn ngủ, một giấc ngủ dữ dội, say sưa, giấc ngủ của đứa trẻ mới chào đời, khuôn mặt con bé quặm lại, đôi mắt chỉ hơi hé hé, mũi và cằm khế phập phồng. Bạn sẽ không biết được, Caroline thầm nghĩ. Nếu bạn đã không biết, bạn sẽ không biết. Caroline đã cho cô bé tới tám điểm trên thang Apgar.

Các con phố trong nội thành chỉ được xới tuyết rất cầu thả nên khó mà xác định phương hướng cho được. Đã hai lần chiếc xe trượt bánh, và cũng hai lần Caroline tính quay về. Tuy vậy, con lộ liên bang lại quang quẻ hơn, và khi đã đi vào tuyến đường này Caroline thấy vững tâm, cô đi xuyên qua khu ngoại ô công nghiệp của Lexington và tiến dần vào vùng nông thôn thoải thoải nơi tọa lạc rất nhiều trang trại nuôi ngựa. Ở đây, hàng dặm dài hàng rào màu trắng hắt bóng loang loáng trên nền tuyết và lũ ngựa đứng ủ dột trên những cánh đồng. Bầu trời thấp trông càng thêm sinh động với những cụm mây xám to nặng.

Caroline bật đài lên, dò sóng để tìm kênh, rồi lại tắt đi. Thế giới trôi vụt qua, như bình thường và rồi thay đổi hoàn toàn.

Từ giây phút khẽ cúi đầu trong một động thái tán đồng vô cùng mơ hồ trước yêu cầu bất ngờ của bác sĩ Henry, Caroline đã cảm thấy như cô đang rơi chậm rãi trong không trung, chờ đợi lúc hạ xuống đất và tìm ra nơi cô đang đứng. Việc anh nhờ cô – mang đứa con gái mới sinh của anh đi mà không nói với vợ anh về sự có mặt của con bé – dường như không thể diễn tả nổi bằng lời. Nhưng Caroline đã động lòng vì nỗi đau đớn và vẻ rối bời hiển hiện trên khuôn mặt anh khi anh khám cho con gái mình, bởi cách hành xử dường như chậm chạp dờ dại của anh sau đó. Rồi anh ấy cũng sớm tỉnh lại thôi mà, cô tự nhủ. Anh ấy đang sốc, mà ai có thể trách anh ấy cho được? Xét cho cùng, anh ấy đã phải đỡ đẻ cho chính hai đứa con sinh đôi của mình giữa một trận bão tuyết, lại còn thêm cả chuyện này nữa.

Cô lái nhanh hơn, những hình ảnh từ buổi sáng sớm loang loáng vụt qua đầu cô như một luồng điện. Bác sĩ Henry đã làm một cách thật điềm tĩnh, từng động tác của anh đều tập trung và chính xác. Đám lông đen giữa cặp đùi trắng muốt của Norah Henry và cái bụng khổng lồ của cô ta, rùng rùng theo từng cơn co thắt như mặt hồ động khi gió thổi. Tiếng rít khe khẽ của khí gây tê và khoảnh khắc bác sĩ Henry gọi cô, giọng nói nhỏ nhưng đầy căng thẳng, khuôn mặt anh u ám đến mức cô tin chắc rằng đứa trẻ thứ hai đã chết sau khi sinh ra. Cô đã đợi anh hành động, đợi anh làm gì đó để cứu sống nó. Khi anh không mảy may nhúc nhích, cô bỗng nghĩ mình nên đến bên anh, làm nhân chứng, để sau này cô có thể nói, *Phải, đứa bé yếu lắm, bác sĩ Henry đã cố gắng, cả hai chúng tôi đã cùng cố gắng, nhưng không làm được gì.*

Nhưng rồi đứa trẻ khóc ré lên, và tiếng khóc lại đưa cô về bên anh, nơi cô nhìn thấy và hiểu ra mọi việc.

Cô lái xe đi, bỏ lại những ký ức của mình phía sau. Con đường xẻ ngang qua núi đá vôi và bầu trời bị thu hẹp lại dần. Cô lái xe leo lên ngọn đồi thấp rồi băng xuống con đường dốc dài hướng về phía dòng sông ở tít xa phía dưới. Đằng sau cô, trong chiếc hộp các tông, đứa bé vẫn ngủ. Caroline thỉnh thoảng lại liếc qua vai, cảm giác vừa bình tâm lại vừa căng thẳng khi thấy con bé không hề động cựa. Một giấc ngủ như thế, cô tự nhắc mình, là bình thường sau cuộc vật lộn để đến được với thế giới này. Cô thấy thắc mắc về lúc chính mình được sinh ra, không biết cô có ngủ say sưa như thế sau khi được sinh ra không, nhưng cả bố và mẹ cô đều đã qua đời từ lâu rồi; chẳng còn ai để nhớ những giờ phút ấy nữa. Khi Caroline ra đời mẹ cô đã ngoài bốn mươi, bố cô đã sang tuổi năm mươi hai. Từ lâu họ đã thôi không mong mỏi có được một đứa con nữa, đã từ bỏ mọi hy vọng hay trông đợi hay thậm chí là nuối tiếc. Cuộc sống của họ thật ngăn nắp, yên ả, bằng lòng.

Cho tới khi Caroline xuất hiện một cách đầy bất ngờ, như một bông hoa nở xuyên qua lớp tuyết.

Họ đã yêu thương cô, chắc chắn rồi, nhưng đó là một tình yêu đầy lo âu, tận tụy và tha thiết, được gia cố bằng hàng lớp hàng lớp thuốc đắp, tất ấm và dầu hải ly. Trong những mùa hè êm ả nóng bức, khi bệnh bại liệt là một mối đe dọa đáng sợ, Caroline bị buộc phải ở lì trong nhà, mồ hôi đọng thành giọt trên thái dương khi cô nằm dài trên chiếc đi văng kê bên cửa sổ hành lang trên gác để đọc sách. Ruồi bay vo ve đập vào cửa kính và rơi xuống, chết lẩn lóc trên bậu cửa. Ngoài trời, quang cảnh thật lung linh dưới ánh nắng và cái nóng thiêu đốt, còn lũ trẻ nhà hàng xóm, những đứa có cha mẹ trẻ tuổi hơn và vì thế ít lo xa về khả năng xảy ra tai nạn hơn, thì hò hét với nhau ở phía xa. Caroline áp mặt và đầu ngón tay lên mặt kính nghe ngóng. Thèm khát. Không khí lạnh tờ và mồ hôi nhuốm ướt hai vai áo cô tông của cô, nhuốm ướt cả tấm đai là phẳng phiu thắt quanh chiếc váy cô mặc.

Trong khu vườn xa xa dưới kia, mẹ cô, đeo găng tay, mặc chiếc tạp dề dài thướt và đội mũ, đang nhỏ cỏ. Muộn hơn, khi trời chạng vạng tối, bố cô rời sở bảo hiểm trở về nhà, bỏ mũ xuống khi ông bước vào căn nhà yên tĩnh, kín bưng. Bên dưới áo khoác, chiếc sơ mi của ông bản lem nhem và ướt nhoẹt.

Giờ cô đang đi qua cầu, bốn bánh xe reo lên ù ù, sông Kentucky uốn khúc ở xa phía dưới và sức mạnh dồi dào của đêm hôm trước dần tan đi. Cô lại liếc về phía đứa trẻ. Chắc chắn là Norah Henry hẳn sẽ muốn bao bọc cho đứa bé này, ngay cả khi cô ấy không thể giữ được nó.

Chắc chắn đây không phải là việc của Caroline.

Nhưng cô không quay lại. Cô lại bật radio lên – lần này cô dò được một kênh phát nhạc cổ điển – và tiếp tục lái.

Đi cách Louisville hai mươi dặm, Caroline xem lại tờ chỉ đường của bác sĩ Henry viết bằng những con chữ sin sít dút khoát, và rời khỏi đường cao tốc. Nơi đây rất gần với sông Ohio, các cành nhánh phía trên của những cây táo gai và sến phủ đầy băng sáng lấp lánh, mặc dù đường sá đều sạch sẽ khô ráo. Dãy hàng rào màu trắng bao quanh những cánh đồng tuyết phủ, và lũ ngựa lê bước buồn bã phía sau đó, hơi thở của chúng tạo thành những đám mây nhỏ trong không khí. Caroline rẽ vào một con đường còn nhỏ hơn, ở chỗ này đất thoải thoải, không có giới hạn nào cả. Chẳng mấy chốc, qua một dãy đồi mờ mờ, cô thoáng nhìn thấy khu nhà xây bằng gạch đỏ hồi đầu thế kỷ, với hai mái nhà kiểu hiện đại thấp tè ở hai bên trông chẳng hợp lý tí nào. Thỉnh thoảng khu nhà lại biến mất mỗi khi cô chạy xe theo những khúc quanh và đoạn dốc của con đường nông thôn, rồi lại vụt hiện ra ngay trước mặt cô.

Cô đánh xe vào đường xe chạy vòng tròn. Kề sát đó là ngôi nhà cũ kỹ có phần ọp ẹp đồ nát. Lớp sơn trên những họa tiết trang trí bằng gỗ

đang tróc ra và trên tầng ba, một ô cửa sổ đã phải được gia cố thêm bằng ván, những tấm kính nứt vỡ được bịt một lớp gỗ dán. Caroline bước ra khỏi xe. Chân cô xỏ đôi giày bệt đã cũ, đế mỏng và sòn rách, vẫn cất trong tủ quần áo và được xỏ vội giữa lúc nửa đêm vì cô không tìm thấy đôi bốt của mình đâu cả. Sỏi rải đường nhô lên lổn nhổn trên mặt tuyết và đôi chân cô lập tức tê cóng. Cô khoác lên vai chiếc túi đã chuẩn bị trước đó – gồm có tã lót và một bình thủy tinh đựng sữa ấm, đoạn ôm chiếc hộp có đứa bé nằm trong bước vào tòa nhà. Những chiếc đèn bằng thủy tinh chì đã lâu không được lau chùi gắn hai bên cửa ra vào. Một cánh cửa bên trong với ô kính đã mờ đục, tiếp đến là một căn phòng giải lao ộp gỗ sồi sẫm màu. Không khí nóng ẩm, sực nức mùi nấu nướng – cà rốt, hành và khoai tây – ùa tới bao bọc cô. Caroline bước rất thận trọng, sàn nhà kêu cọt kẹt dưới từng bước cô đi, nhưng không một ai xuất hiện. Một tấm thảm cũ xơ xác chạy dài ngang mặt sàn lót ván to bản, dẫn ra khu phía sau nhà tới một căn phòng chờ có những ô cửa sổ cao và những tấm rèm xếp nặng nề. Cô ngồi xuống mép chiếc ghế đệm bọc nhung đã sòn, chiếc hộp đặt ngay bên cạnh, chờ đợi.

Căn phòng được sưởi ấm quá mức. Cô bỏ hết khuy chiếc áo khoác đang mặc. Cô vẫn còn bận nguyên bộ đồng phục y tá màu trắng, và khi sờ lên tóc cô mới nhận ra mình vẫn còn đội cả chiếc mũ chóp nhọn trắng nữa. Cô đã vùng dậy ngay khi bác sĩ Henry gọi, vội vã sửa soạn xống áo và phóng xe ra ngoài giữa đêm khuya khi bão tuyết còn đang vùn vụt và kể từ lúc đó vẫn chưa ngơi nghỉ phút nào. Cô rút trầm cài, gấp chiếc mũ cẩn thận, và nhắm mắt lại. Từ phía xa vẳng lại tiếng đồ bạc va vào nhau lanh canh và những tiếng nói rầm rì khe khẽ. Trên đầu cô, tiếng chân người qua lại vọng xuống. Cô chập chờn mơ thấy mẹ mình đang chuẩn bị bữa ăn cho ngày nghỉ lễ trong khi bố cô cặm cụi làm việc trong xưởng mộc. Tuổi thơ của cô rất biệt lập, lắm lúc thật cô đơn, dẫu vậy, cô vẫn lưu giữ những kỷ niệm ấy: một tấm chăn đặc biệt

luôn ở bên người, miếng thảm in hình những bông hồng đặt dưới chân, những giọng nói chỉ thuộc về cô mà thôi.

Ở phía xa, chuông reo vang, hai lần. Tôi cần cô tới đây ngay, bác sĩ Henry gọi, giọng căng thẳng và khẩn thiết. Và Caroline đã hối hả xếp mấy chiếc gối làm thành chiếc giường tạm, áp chiếc mặt nạ lên mặt bà Henry trong khi đưa trẻ thứ hai, bé gái bé bỏng này, trôi vào thế giới, đem tới luồng sinh khí cho một thực thể nào đó.

Sinh khí. Phải, nó không thể bị kìm nén. Ngay cả khi ngồi đây, trên chiếc sofa giữa không gian tĩnh lặng của nơi này, ngay cả khi đang chờ đợi, Caroline vẫn bị xao động bởi cảm giác thế giới đang tỏa sáng lung linh, rằng mọi vật đều không tĩnh tại. *Đây sao?* Câu hỏi ấy cứ lặp đi lặp lại trong tâm trí cô. *Là đây sao, sau ngàn ấy năm?*

Vì Caroline đã ba mươi mốt tuổi, và cô đã chờ đợi rất lâu cho cuộc đời thực sự của mình bắt đầu. Không phải vì cô từng tự ép mình phải trở thành một cái gì đó thật khác biệt. Nhưng ngay từ lúc nhỏ cô đã có cảm giác cuộc đời của mình sẽ không bình lặng. Một khoảnh khắc tới – cô sẽ nhận ra ngay khi gặp được nó – và mọi thứ sẽ thay đổi. Cô đã mơ ước trở thành một nghệ sĩ dương cầm vĩ đại, nhưng ánh đèn trên sân khấu trường trung học thật khác xa với ánh đèn ở nhà, và cô đã tê liệt trước ánh nhìn chăm chú của mọi người. Rồi cho đến tuổi đôi mươi, khi các bạn bè ở trường y tá của cô bắt đầu rục rịch kết hôn và có gia đình riêng, Caroline cũng tìm được cho mình những chàng trai trẻ để ngưỡng mộ, đặc biệt là một anh chàng có mái tóc sẫm, làn da trắng xanh và giọng cười trầm ấm. Nhiều lúc mơ mộng viễn vông, cô đã tưởng tượng rằng anh – và, nếu anh không tới thì một người nào khác cũng được – sẽ thay đổi cả cuộc đời cô. Năm tháng trôi qua, dần dần cô chỉ còn hướng sự chú ý của mình vào công việc, không chút chán nản tuyệt vọng. Cô có niềm tin vào bản thân và những năng lực của riêng mình. Cô không phải là kiểu người chỉ mới đi được nửa đường đã dừng bước, chỉ vì lo lắng nghĩ ngợi không biết có phải mình đã quên rút phích cắm

bàn là không, chẳng biết nhà có bị cháy không. Cô chỉ cắm cúi làm việc. Cô đợi.

Cô đọc cả những tiểu thuyết của Pearl Buck ⁽⁵⁾, sau đó là mọi thứ cô tìm được về cuộc sống ở Trung Quốc, Miến Điện và Lào. Đôi khi cô để mặc những cuốn sách trượt khỏi tay mình mà mơ màng nhìn ra ngoài ô cửa sổ căn hộ nhỏ bé tuềnh toàng nằm bên rìa thành phố. Cô thấy mình bước vào một cuộc đời khác, một cuộc đời mới lạ, trắc trở, nhưng cũng thật viên mãn. Phòng khám của cô sẽ rất giản dị, tọa lạc giữa một khu rừng hùng vĩ, hay có lẽ là ở gần biển. Phòng khám sẽ có những bức tường màu trắng; nó sẽ lấp lánh như viên ngọc trai vậy. Mọi người xếp hàng dài ngoài cửa, ngồi xổm dưới tán dừa trong khi chờ đợi. Cô, Caroline, sẽ chăm nom tất cả, cô sẽ chữa bệnh cho họ. Cô sẽ thay đổi cuộc sống của họ và của chính cô.

Bị thôi thúc bởi viễn cảnh ấy, cô đã nộp đơn, bằng tất cả nhiệt tình và hứng khởi, xin được làm một tình nguyện viên y tế. Trong một ngày cuối tuần rục rắng giữa tiết hè muộn, cô bắt xe buýt tới St. Louis để tham gia phỏng vấn. Tên cô đã được đưa vào danh sách đợi tới Hàn Quốc. Nhưng thời gian trôi qua; nhiệm vụ bị hoãn lại, sau rốt bị hủy hẳn. Caroline lại được chuyển sang một danh sách khác, lần này là tới Miến Điện.

Và rồi, trong khi cô vẫn còn mãi kiểm tra thư từ và mơ mộng về những xứ sở nhiệt đới, bác sĩ Henry xuất hiện.

Một ngày bình thường, không có gì để nói thêm. Lúc đó trời đã chuyển cuối thu, mùa cảm lạnh, căn phòng chật kín những người, đầy nghẹt tiếng hắt hơi và ho hắng. Ngay chính Caroline cũng cảm thấy những vết xước mờ tận sâu trong cổ họng mình khi gọi tên bệnh nhân tiếp theo, một cụ ông lịch lãm, bệnh cảm lạnh của ông sẽ còn nặng hơn trong mấy tuần kế tiếp, biến chứng thành bệnh viêm phổi có thể giết chết ông. Rupert Dean. Ông ngồi trên chiếc ghế tựa bọc da, vật lộn

với cơn chảy máu cam, rồi chậm chạp đứng dậy, vo tròn chiếc khăn mùi soa đã lấm đốm những vệt máu đỏ tươi nhét vào túi. Khi đến được quầy lễ tân, ông chìa cho Caroline xem một tấm ảnh đóng khung bằng giấy bồi màu xanh sẫm. Đó là một bức chân dung đen trắng, hơi ố vàng. Người phụ nữ trong ảnh mặc một chiếc áo len màu hồng đào nhạt. Mái tóc của bà hơi gọn sóng, đôi mắt mang màu xanh sâu thẳm. Vợ Rupert Dean, Emelda, mất đã hai mươi năm nay. “Bà ấy là tình yêu của đời tôi,” ông tuyên bố với Caroline, to đến mức mọi người ngừng đầu hết cả lên.

Cửa ngoài phòng khám bật mở, đập lạch cạch vào cánh cửa ốp kính phía trong.

“Bà ấy thật đáng yêu,” Caroline nói. Tay cô run rẩy. Bởi vì cô xúc động trước tình yêu và nỗi đau của ông, bởi vì chưa từng có ai yêu cô tha thiết đến thế. Bởi vì cô đã gần ba mốt tuổi, và nếu cô có chết ngay ngày hôm sau, sẽ chẳng có ai thương xót cho cô như Rupert Dean vẫn thương xót người vợ của ông sau hơn hai mươi năm trời. Chắc chắn là cô, Caroline Lorraine Gill, cũng đặc biệt và xứng đáng có được tình yêu như người phụ nữ trong tấm ảnh của ông, dẫu vậy cô vẫn chưa tìm ra cách nào để có thể bộc lộ điều đó, cả mưu mẹo hay tình yêu hay thậm chí là thiên hướng mạnh mẽ đối với công việc của cô đều không thể.

Cô vẫn còn đang cố gắng trấn an bản thân thì cánh cửa giữa tiền sảnh và phòng chờ bật mở. Một người đàn ông bận chiếc áo choàng vải tuyết màu nâu đứng ngập ngừng ở ngưỡng cửa trong giây lát, mũ cầm tay, mắt dò xét lớp giấy dán tường thô ráp màu vàng, cây dương xỉ đặt ở góc phòng, chiếc giá kim loại đựng đầy tạp chí cũ. Anh có mái tóc nâu hơi ngả màu hung đỏ và gương mặt xương xương, vẻ mặt chăm chú, thận trọng. Anh không có gì nổi bật, nhưng có gì đó trong thái độ, cử chỉ của anh – một sự tỉnh giác kín đáo, một khả năng lắng nghe đặc biệt – đã tách anh khỏi những người khác. Trái tim Caroline đập rộn ràng và cô thấy da sờn gai ốc, một cảm giác vừa dễ chịu vừa đáng ghét,

giống như khi cánh một con bướm đêm đột nhiên quét lên làn da vậy. Mắt anh gặp mắt cô – và cô biết. Trước cả khi anh đi ngang qua căn phòng để tới bắt tay cô, trước cả khi anh mở miệng để nói tên mình, *David Henry*, bằng tông giọng đều đều, chứng tỏ anh là người từ nơi khác đến. Trước tất cả những điều này, Caroline đã chắc chắn về một điều thật giản dị: người mà cô vẫn hằng mong đợi đã đến.

Khi ấy anh vẫn chưa kết hôn. Chưa kết hôn, chưa đính hôn, và không có mối quan hệ ràng buộc nào mà cô biết chắc. Caroline đã lắng nghe rất chăm chú, cả cái ngày anh đi tham quan phòng khám lần sau đó, trong bữa tiệc và họp mặt chào mừng. Cô thấy được những gì mà mọi người khác, bị lôi cuốn bởi cách nói chuyện lịch thiệp, bị phân tâm bởi tông giọng khác biệt và những tràng cười đột ngột của anh, không thấy: rằng ngoài việc thỉnh thoảng đề cập đến thời gian anh sống ở Pittsburgh, một điều ai cũng biết qua lý lịch và văn bằng của anh, anh không bao giờ nhắc đến quá khứ. Đối với Caroline, sự kín đáo ấy đã bao phủ quanh anh một tấm màn bí ẩn, và sự bí ẩn càng khiến cô thêm chắc chắn rằng cô hiểu anh ở những khía cạnh mà người khác không biết. Đối với cô, từng khoảnh khắc họ đối mặt đều tràn ngập xúc cảm, như thể cô đang nói với anh qua chiếc bàn giấy, qua chiếc bàn khám, qua cơ thể đẹp đẽ hay không hoàn hảo của một bệnh nhân này hoặc bệnh nhân khác, *Em biết anh; em hiểu; em nhìn thấy những gì người khác đã bỏ qua*. Khi cô tình cờ nghe thấy mọi người đùa cợt về tình cảm đặc biệt cô dành cho vị bác sĩ mới, cô đỏ bừng mặt vì ngạc nhiên và ngượng ngùng. Nhưng cô cũng thầm cảm thấy vui lòng, vì những lời đồn đại có lẽ sẽ đến được tai anh trong khi cô, vì xấu hổ, không dám tự mình bộc bạch.

Một buổi tối muộn, sau hai tháng lặng lẽ làm việc, cô bắt gặp anh đang ngủ gục trên bàn làm việc. Mặt úp lên tay, anh thở những nhịp nhẹ, đều đặn trong giấc ngủ say sưa. Caroline tựa mình vào khung cửa, đầu hơi cúi xuống, và trong khoảnh khắc ấy, những giấc mơ cô đã nuôi

nắng bao năm ròng kết lại thành một khối. Họ sẽ đi cùng nhau, cô và bác sĩ Henry, đến một nơi xa xôi nào đó trên thế giới, nơi họ có thể làm việc cả ngày, mồ hôi rịn trên trán và dụng cụ trở nên trơn tuột trong bàn tay họ, nơi mà vào buổi tối cô sẽ dạo nhạc cho anh nghe trên chiếc piano đã phải chu du qua biển lớn, vượt những con sông dữ và những miền đất trù phú để đến được nơi họ sống. Caroline đã hoàn toàn chìm đắm trong giấc mơ đó, đến mức khi bác sĩ Henry mở mắt, cô đã mỉm cười với anh, cười mở và thoải mái, như chưa từng làm thế với ai.

Sự ngỡ ngàng thấy rõ của anh đưa cô trở lại là mình. Cô đứng thẳng lên và vuốt tóc, lí nhí xin lỗi, mặt đỏ bừng. Cô biến mất, xấu hổ nhưng cũng cảm thấy hơi thích thú. Bởi vì giờ đây hẳn anh đã biết, giờ thì cuối cùng anh cũng hiểu cô như cô đã hiểu anh. Trong vài ngày, dự cảm của cô về những điều sẽ xảy ra tiếp đó mạnh đến nỗi cô cảm thấy thật khó lòng đứng trong cùng một căn phòng với anh. Và ngay cả khi nhiều ngày trôi qua mà không có gì xảy ra, cô vẫn không nản lòng. Cô thả lỏng mình và tự xuê xoa cho sự chậm trễ ấy và tiếp tục chờ đợi, không chút lo lắng.

Ba tuần sau, Caroline giở báo ra thì thấy tấm ảnh cưới trên trang xã hội: Norah Asher, giờ là bà David Henry, được chụp khi đang ngoái đầu lại, cái cổ thật duyên dáng, làn mi hơi uốn cong, như những mảnh vỏ sò...

Caroline giật mình, mồ hôi thấm ướt áo khoác cô. Căn phòng được sưởi ấm quá mức; cô đã gần như mê đi. Bên cạnh cô đứa bé vẫn ngủ. Cô đứng dậy đi về phía cửa sổ, những tấm ván lót sàn trơn trượt và kêu cọt kẹt phía dưới tấm thảm xơ xác. Những tấm rèm nhung dài lê thê quét xuống mặt sàn, dấu vết còn lại của thời xưa cũ khi nơi đây vẫn còn là một công trình nguy nga. Cô vén nhẹ tấm rèm mỏng phía dưới; vàng, giòn, bụi bặm đóng dày trên thớ vải. Phía bên ngoài, nửa tá bò đứng giữa cánh đồng tuyết trắng, dũi đất tìm cỏ. Một người đàn ông mặc

chiếc áo khoác kẻ ca rô đeo găng tay sẫm màu đang lộn bộ ra chuồng ngựa, mấy chiếc xô lung lảng trong tay.

Lớp bụi này, lớp tuyết này. Thật không công bằng, không công bằng chút nào, tại sao Norah Henry lại có nhiều thứ đến thế, sao cô ta lại có một cuộc đời hạnh phúc không chút vết nứt như vậy. Sững sờ trước ý nghĩ ấy, trước nỗi cay đắng của chính mình, Caroline buông rơi tấm rèm và rời căn phòng, dần bước về phía phát ra tiếng người nói.

Cô đi vào một hành lang, những chiếc bóng đèn huỳnh quang kêu ro ro trên trần nhà. Không khí đặc quánh mùi nước tẩy rửa, mùi rau dưa nấu chín, cả mùi nước tiểu khăm khảm. Tiếng xe bò kéo kẹt; những tiếng gọi nhau í ới và rì rầm nhỏ to. Cô rẽ vào một góc, rồi góc nữa, bước tiếp một bước và đi vào một chái nhà trông hiện đại hơn với những bức tường sơn màu ngọc lam nhạt. Ở chỗ này vải sơn được trải sơ sài trên mặt sàn gỗ dán. Cô đi băng ngang vài cánh cửa, lướt qua những khoảnh khắc trong cuộc sống của bao người, những hình ảnh chớp nháy loang loáng như những bức ảnh: một người đàn ông nhìn trân trân ra ngoài cửa sổ, bóng tối bao phủ khuôn mặt ông, xóa nhòa dấu ấn tuổi tác. Hai y tá đang dọn giường, vung tay hất tấm ga giường nhạt màu lên khiến nó gần như chạm tới cả trần nhà. Hai căn phòng trống không, vải nhựa trải khắp nơi, những thùng sơn xếp đầy trong góc. Một cánh cửa đóng kín, và rồi đến cánh cửa cuối cùng, để ngỏ, bên trong là một phụ nữ trẻ mặc chiếc váy vải bông trắng ngồi bên mép giường, đôi tay hơi khép lại trên vạt váy, đầu cúi thấp. Một phụ nữ khác, người này là y tá, ngồi phía sau cô, kéo đưa loang loáng. Tóc rơi lả tả xuống tấm ga giường trắng tinh, để lộ càn cổ trần của người phụ nữ: thon nhỏ, duyên dáng, trắng nhợt. Caroline dừng lại trước ngưỡng cửa.

“Cô ấy bị lạnh đấy,” cô nghe thấy chính giọng mình nói, khiến cả hai người phụ nữ ngược lên nhìn. Người phụ nữ ngồi trên giường có đôi

mắt to, tỏa ánh sáng u buồn lên khuôn mặt cô. Mái tóc cô ta, đã có lúc khá dài, giờ lởm chồm xơ xác, chỉ còn ngắn tầm ngang cằm.

“Phải,” cô y tá nói, đưa tay phủi mấy lọn tóc trên vai người phụ nữ, những món tóc rơi trong luồng ánh sáng nhờ nhờ và đáp xuống ga giường, xuống tấm vải sơn xám lốm đốm vết bẩn. “Nhưng việc cần thì vẫn phải làm thôi.” Đôi mắt cô ta nheo lại khi nhìn bộ đồng phục nhăn nhúm, cái đầu trần không đội mũ của Caroline. “Cô mới tới đây hả?” cô ta hỏi.

Caroline gật đầu. “Mới,” cô đáp. “Phải.”

Sau này, khi nhớ lại khoảnh khắc ấy, một phụ nữ cầm kéo còn người kia ngồi đó trong chiếc váy vải bông giữa món tóc tan tác của chính mình, cô thường nhìn những hình ảnh đó với tông màu đen trắng và nó khiến lòng cô tràn ngập một cảm giác trống trải cồn cào. Vì lẽ gì, cô cũng không biết chắc nữa. Những vạt tóc vương vãi khắp nơi, không thể lấy lại được nữa, và luồng ánh sáng lạnh lẽo chiếu xuống qua cửa sổ. Cô thấy nước dâng đầy trong mắt. Những tiếng nói vọng lại từ một hành lang khác, và Caroline chợt nhớ đến đứa bé, cô đã để nó ngủ trong chiếc hộp trên ghế đệm ngoài phòng chờ. Cô quay lưng và hối hả chạy về.

Mọi thứ vẫn y nguyên như lúc cô rời chỗ đó. Chiếc hộp với bộ mặt đỏ ửng vui tươi vẫn để trên ghế; đứa bé vẫn ngủ, tay nó hơi co lại thành những nắm đấm xinh xinh tì sát cằm. *Phoebe*, Norah Henry đã nói ngay trước khi cô ta mê đi vì khí gây tê. *Con gái sẽ tên là Phoebe*.

Phoebe. Caroline nhẹ nhàng gỡ lớp chăn ra và bế đứa bé lên. Nó bé xíu, chỉ nặng có hai cân rưỡi, nhỏ hơn anh nó dù tóc cũng dày và đen giống hệt. Caroline kiểm tra chiếc tã – vệt phân dính như hắc ín đã vấy bẩn lớp vải ướt – cô thay tã mới, và lại quấn con bé vào chăn như cũ. Nó vẫn không tỉnh dậy, Caroline ôm nó một lúc, cảm thấy nó thật nhẹ,

thật bé bỏng, thật ấm áp. Khuôn mặt nó nhỏ xíu, nhưng nét mặt thật dữ dội. Ngay cả trong giấc ngủ, các cung bậc cảm xúc vẫn lướt qua từng nét mặt nó như những đám mây. Caroline thoáng thấy cái cau mày của Norah Henry trong khoảnh khắc này, rồi đến vẻ chăm chú lắng nghe của David Henry trong khoảnh khắc khác.

Cô đặt Phoebe vào lại hộp và nhẹ nhàng len chân xung quanh con bé, cô nghĩ đến hình ảnh David Henry mệt mỏi rồi, ăn vội một cái bánh sandwich kẹp pho mát ngay ở bàn làm việc, uống nốt cốc cà phê đã nguội ngắt, rồi đứng dậy mở cửa phòng khám vào những tối thứ Ba, một địa chỉ miễn phí dành cho bệnh nhân không có đủ tiền trả phí khám bệnh cho anh. Căn phòng chờ luôn chật cứng người trong những tối ấy, và thường thì anh vẫn còn ở đó ngay cả khi Caroline đã sửa soạn về nhà vào lúc nửa đêm, ngay bản thân cô cũng đã hoàn toàn kiệt sức đến độ không thể nghĩ gì thêm. Đó là lý do tại sao cô lại yêu anh, vì sự thánh thiện của anh. Tuy vậy chính anh đã chỉ cho cô đến nơi này với đứa con gái mới sinh của mình, nơi có người phụ nữ ngồi trên mép giường, từng món tóc rơi lả tả trong luồng ánh sáng lạnh ngắt ghé người của sàn nhà.

Chuyện này sẽ hủy hoại cô ấy mất, anh đã nói về Norah như thế. Tôi sẽ không để cô ấy bị hủy hoại.

Có tiếng chân bước lại gần, rồi một người phụ nữ với mái tóc bạc và bộ đồng phục trắng rất giống bộ Caroline đang mặc xuất hiện trên ngưỡng cửa. Bà ta có vóc người chắc chắn, trông khá nhanh nhẹn so với dáng người, khuôn mặt nghiêm nghị. Trong một tình huống khác Caroline có lẽ đã có ấn tượng rất tốt về bà ta rồi.

“Tôi giúp gì được cho cô?” bà ta hỏi. “Cô đợi đã lâu chưa?”

“Vâng,” Caroline chậm rãi đáp. “Tôi đã đợi rất lâu rồi, đúng thế.”

Người phụ nữ cúi kính lắc đầu. “Phải, cô này, cho tôi xin lỗi nhé. Tại cơn bão tuyết đấy mà. Chỉ vì nó mà hôm nay chúng tôi thiếu người làm. Ở đây tuyết cứ rơi dày hai phân là toàn bang tê liệt luôn. Tôi sinh trưởng ở Iowa, nên thấy chuyện đó chả có quái gì mà phải rộn lên cả, nhưng đấy là quan điểm của mình tôi thôi. Nào, xem nào. Tôi giúp gì được cho cô?”

“Chị có phải là Sylvia không?” Caroline hỏi, cố nhớ lại cái tên viết bên dưới những hình vẽ chỉ đường. Cô đã để lại mẫu giấy trong xe. “Sylvia Patterson phải không ạ?”

Nét mặt của người phụ nữ chuyển sang khó chịu. “Không. Chắc chắn không phải tôi. Tôi là Janet Masters. Sylvia không làm việc ở đây nữa rồi.”

“Ô,” Caroline kêu lên, rồi im bặt. Người phụ nữ này không biết cô là ai; rõ ràng là bà ta chưa từng nói chuyện với bác sĩ Henry. Caroline, lúc ấy vẫn còn cầm chiếc tã bẩn, buông thông tay xuống để giấu nó khỏi tầm mắt.

Janet Masters chống tay lên hông và nheo mắt lại. “Cô có phải nhân viên của cái công ty sữa kia không?” bà ta hỏi, rồi gật đầu ra hiệu về phía chiếc hộp đặt trên sofa; khuôn mặt trẻ con hồng hào nở nụ cười rạng rỡ. “Sylvia đã đi đêm với nhân viên đại diện, chúng tôi đều biết cả rồi, và nếu cô cũng đến từ cái công ty đó thì xin mời dọn dẹp đồ nghề mà cuốn gói đi giùm.” Bà ta lắc đầu dứt khoát.

“Tôi không biết chị nói thế là có ý gì,” Caroline nói. “Tôi sẽ đi,” cô nói thêm. “Hẳn rồi. Tôi đi đây. Tôi sẽ không làm phiền chị nữa.”

Nhưng Jane Masters vẫn chưa nói xong. “Xảo quyết, các người đều thế hết. Đầu tiên bỏ lại các mẫu dùng thử miễn phí rồi sau đó lại gửi hóa đơn đòi tiền đến. Đây là nhà cứu tế dành cho bọn thiếu năng, chứ không phải do bọn thiếu năng quản lý đâu, nghe chưa.”

“Tôi biết rồi,” Caroline lí nhí đáp. “Tôi thành thật xin lỗi.”

Có tiếng chuông reo ở phía xa, và người phụ nữ buông thông tay xuống.

“Năm phút nữa là cô phải cuốn gói khỏi đây đấy,” bà ta đe. “Cút đi, và đừng bao giờ quay trở lại nữa.” Rồi bà ta biến mất.

Caroline nhìn chằm chằm vào ngưỡng cửa trống không. Một đợt gió tràn vào quần quanh chân cô. Sau một lúc cô đặt chiếc tã bẩn lên giữa cái bàn ọp ẹp màu vỏ bánh nướng kê cạnh sofa. Cô lần tay vào túi áo tìm chìa khóa, rồi bê chiếc hộp có Phoebe nằm trong lên. Rất nhanh, trước khi cô kịp nghĩ xem mình đang làm gì, cô đã đi dọc xuống dài hành lang u ám và qua cánh cửa kép, luồng gió lạnh buốt từ bên ngoài đột ngột ủa đến khiến cô sững sờ như thể mới sinh ra.

Cô lại đặt Phoebe vào trong xe và lái đi. Không một ai cố ngăn cô lại; thậm chí chẳng ai thèm để ý. Tuy vậy, Caroline vẫn lái rất nhanh khi đi đến đại lộ liên bang, cảm giác mệt mỏi lan khắp người cô như nước chảy xuống mỏm đá. Trong ba mươi dặm đầu tiên, cô không ngừng tranh cãi với chính bản thân mình, có lúc nói to hẳn thành tiếng. *Mày vừa làm gì vậy?* cô chì chiết. Cô cũng tranh cãi cả với bác sĩ Henry nữa, cô tưởng tượng ra những nếp nhăn trên trán anh hằn sâu hơn, thớ cơ trên má anh giật giật mỗi khi anh gặp chuyện gì bực bội. *Cô nghĩ gì thế hả?* anh muốn biết, và Caroline phải thừa nhận là cô cũng chẳng biết mình đang nghĩ gì nữa.

Nhưng hơi sức chẳng mấy chốc đã bị tiêu tán sau những cuộc hội thoại ấy, và đến khi xe đi vào đại lộ liên bang thì cô chỉ còn lái theo phản xạ, thỉnh thoảng lại lắc lắc đầu để cố giữ mình tỉnh táo. Khi ấy đã là chiều muộn; Phoebe đã ngủ được gần mười hai tiếng. Chẳng mấy nữa con bé sẽ cần được cho ăn. Caroline chỉ biết hy vọng và hy vọng rằng họ sẽ về đến Lexington trước khi con bé tỉnh dậy.

Cô vừa mới đi qua con lộ cuối cùng dẫn ra khỏi Frankfort, cách nhà chừng ba hai dặm, thì đèn phanh của chiếc xe phía trước nháy liên hồi. Cô lái chậm lại, rồi chậm lại nữa, sau cùng phải phanh hẳn lại. Hoàng hôn đã bắt đầu phủ bóng, ánh dương chỉ còn là những vệt sáng lơ lửng trên nền trời xám xịt. Xe cô trườn lên đồi, một hàng dài xe đi phía trước đã ách lại, những chiếc đèn đuôi xe tạo thành một dải sáng dài ngoằng, bị buộc tùm một đầu trong sắc đỏ trắng lấp loáng. Một vụ tai nạn: đâm xe dây chuyền. Caroline nghĩ mình sắp khóc mất. Bình xăng của cô chỉ còn chưa đến một phần tư, vẫn đủ để về tới Lexington, nhưng chỉ thế là hết. Với dòng xe dài dằng dặc thế này - họ có thể phải chết گیر ở đây hàng giờ liền. Cô cũng không dám tắt máy, sợ hơi ấm sẽ tan đi hết, không, không thể như thế với một đứa bé sơ sinh ngủ trong xe như lúc này.

Cô ngồi thần thờ mất vài phút. Con dốc cuối cùng để ra khỏi Frankfort còn xa tới một phần tư dặm đường, bị ngăn cách bởi một hàng xe dài nối đuôi nhau. Hơi nóng bốc lên từ nắp thùng màu xanh lơ của chiếc Fairlane, bay lượn vờn trong bóng tối làm tan chảy vài bông tuyết vừa rơi xuống. Phoebe thở dài, khuôn mặt con bé hơi khoằm lại rồi giãn ra. Bị thôi thúc bởi một sức mạnh mà mãi sau này còn khiến cô phải kinh ngạc, Caroline bẻ gấp tay lái và đánh xe rời đường nhựa chuyển sang làn đường rải sỏi bên cạnh. Cô quay đầu xe ngược lại, chầm chậm lái qua dãy dài xe chết máy nằm nối đuôi nhau. Cảm giác ấy thật lạ, như đi qua một đoàn tàu vậy. Một người phụ nữ bận áo choàng lông; ba đứa trẻ con phùng mồm trêu nhau, người đàn ông mặc áo khoác vải phỉ phèo hút thuốc lá. Cô lái xe chậm rãi trong bóng tối nhá nhem, lướt qua dòng xe cộ nằm im lìm như một dòng sông băng.

Cô tới được lối rẽ mà không gặp trở ngại gì. Con đường dẫn cô đến tuyến 60, tới đây tuyết lại rơi triu cây. Trên dải đồng minh mông đã lác đác xuất hiện vài ngôi nhà, lúc đầu chỉ hơi thừa thớt, càng về sau càng dày hơn, ánh đèn trên các ô cửa sổ đều đã sáng rực trong bóng chiều

chạng vạng. Chẳng mấy chốc xe Caroline đã chạy vào con phố chính của Versailles, với những mặt tiền cửa hàng ốp gạch xinh xắn, cô lái xe lòng vòng, mong tìm thấy bảng chỉ đường nào đó có thể dẫn cô về tới nhà.

Tấm bảng hiệu của cửa hàng Kroger chợt hiện ra chỉ cách xe cô chừng một khối nhà. Tấm biển quen thuộc và những ô cửa sổ giăng đầy tờ bướm quảng cáo khiến Caroline thấy lòng dịu lại, và đột nhiên cô nhận ra mình đang đói ngấu. Mà hôm nay là thứ mấy nhỉ, thứ Bảy, đã đến tối chưa nhỉ? Đến mai thì các cửa hàng sẽ đóng cửa cả ngày, mà giờ ở nhà cô cũng chỉ còn rất ít đồ ăn thôi. Dù mệt, Caroline vẫn đánh xe vào bãi và tắt máy.

Phoebe, mới ra đời mười hai tiếng, ấm áp và nhẹ bẫng, vẫn nằm ngủ say sưa. Caroline khoác chiếc túi đựng tã lên vai và ủ con bé dưới làn áo khoác dày, con bé nhỏ xíu, nằm co tròn, người ấm sục. Gió vùn vù trên mặt đường, cuốn theo cả bụi tuyết và những bông tuyết mới rơi vào các góc ngách. Cô thận trọng bước đi trên lớp tuyết mềm, chỉ lo lỡ mình trượt ngã, con bé sẽ bị đau. Nhưng cũng ngay lúc ấy, cô chợt nghĩ giờ cô có thể bỏ con bé ở ngay một bãi rác, hay trên bậc thềm một nhà thờ, hay bất cứ nơi nào cũng được, dễ dàng quá. Cô có toàn quyền quyết định số phận sinh linh bé bỏng này. Cô bỗng cảm thấy mình phải có trách nhiệm với nó, và ý nghĩ đó làm đầu óc cô nhẹ nhõm biết bao.

Cánh cửa kính bật mở khiến ánh sáng và hơi ấm ulla ra. Cửa hàng đông nghẹt người. Người mua hàng đi lại như mắc cửi, đẩy những xe đồ cao chất ngất. Cậu nhân viên gói đồ đứng ở cửa nói luôn ngay khi cô vừa dợm chân bước vào:

“Chúng tôi chỉ mở cửa khi thời tiết tốt thôi. Khoảng 30 phút nữa cửa hàng sẽ đóng cửa.”

“Những bão tan rồi cơ mà.” Nghe Caroline nói vậy, cậu nhân viên cười phá lên, vẻ khoái trá pha chút ngờ vực. Khuôn mặt anh chàng đỏ bừng vì hơi nóng đang tràn xuống qua những cánh cửa tự động và bị hút ra ngoài đêm tối mênh mông.

“Cô chưa biết sao? Tối nay sẽ có một đợt bão mới đấy, mà thế cũng tốt.”

Caroline đặt Phoebe vào một chiếc xe đẩy kim loại và bước đi giữa những gian hàng xa lạ. Cô đứng tần ngần trước một dãy dài xếp đầy các loại sữa bột, bình ủ, bình sữa có núm vú đủ kích cỡ và yếm dãi. Xong xuôi, cô tính trở ra quầy thu ngân luôn, rồi chợt nhớ ra phải tự mua cho mình ít sữa, thêm cả tã giấy và ít đồ ăn nữa. Mọi người đi ngang qua chỗ cô đứng, nhìn thấy Phoebe ai cũng mỉm cười, thậm chí nhiều người còn đứng hẳn lại vén tấm chắn ra để xem mặt con bé. Ai cũng khen “Ô, đáng yêu chưa kia!” và hỏi “Bé con được mấy tháng rồi?” Hai tuần, Caroline đáp đối không chút nao núng. Một bà cụ tóc hoa râm nghe thế liền quở ngay: “Giời ơi, thời tiết thế này mà cũng đưa con bé ra ngoài sao. Chết chết, cô mang nó về nhà mau lên.”

Sang gian hàng số 6, giữa lúc Caroline còn đang mãi gom mấy lon xúp cà chua thì Phoebe bị giật mình, hai bàn tay nhỏ xíu của nó hươ đi hươ lại dữ dội, rồi con bé khóc ré lên. Caroline lúng túng mất một giây, sau đó bế ngay nó lên, tay vẫn ôm nguyên túi đồ linh kính và chạy vào khu nhà vệ sinh phía sau cửa hàng. Cô ngồi trên chiếc ghế nhựa màu cam đặt trong góc, lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt tí tách trên vòi, vừa giữ con bé nằm yên trong lòng, cô vừa rót sữa từ phích giữ ấm vào bình. Phải mất vài phút con bé mới nằm yên hẳn, phần vì đã bị kích động khá mạnh, phần vì phản xạ bú của nó rất kém. Nhưng cuối cùng nó cũng chịu ngậm lấy núm vú và bú ngay trong lúc ngủ: bàn tay nó nắm chặt lại ngay dưới cằm, vừa dữ dội lại vừa chăm chú. Con bé vừa yên được một lúc sau khi đã bú no sữa thì có tiếng thông báo của hàng sắp đóng cửa. Caroline lại vội vã đẩy xe đến quầy thu ngân lúc đó chỉ

còn một nhân viên đứng chờ, mặt mày phờ phạc và cúi kính. Cô thanh toán thật nhanh, một tay ôm bao giấy đựng đồ, tay kia bế Phoebe. Ngay khi cô vừa bước ra khỏi cửa hàng, cánh cửa liền khóa sập lại sau lưng.

Bãi đỗ xe hầu như vắng tanh, chỉ còn lác đác vài chiếc xe nằm im lìm hoặc đang chậm chạp trườn ra phố. Caroline bỏ tạm túi đồ trên mui xe và đặt Phoebe trở vào chiếc thùng ở băng ghế sau. Tiếng rì rầm mấy nhân viên cửa hàng vang vọng ra tận bãi đỗ xe. Chỉ có vài bông tuyết rải rác bay phất phơ trên những ụ tuyết dưới chân mấy ngọn đèn đường, chẳng khác gì so với lúc trước. Chương trình dự báo thời tiết vẫn hay báo sai như thế. Tuyết đã rơi từ trước khi Phoebe ra đời – chỉ mới đêm qua, cô thầm nghĩ, vậy mà ngỡ như đã từ lâu lắm rồi – đến giờ vẫn chưa biết khi nào mới ngừng. Cô vớ lấy bịch giấy và xé bao một gói bánh mì, lấy ra một lát bánh. Cả ngày nay cô vẫn chưa ăn gì, bụng sôi lên vì đói. Cô vừa nhai vừa sập cửa xe, trong đầu chỉ tha thiết nghĩ đến căn hộ sạch sẽ và gọn gàng nơi cô sống, đến chiếc giường đôi trải ga trắng tinh, đồ đạc kê đặt đâu ra đấy. Đi vòng ra sau xe chưa được nửa đường, cô nhận ra đèn đuôi xe chỉ còn nhấp nháy một màu đỏ yếu ớt.

Cô dừng hẳn lại, đứng nhìn trần trời. Trong lúc cô đứng tần ngần giữa những gian hàng thực phẩm, trong lúc cô ngồi trong khu nhà vệ sinh xa lạ, lặng lẽ cho Phoebe bú sữa, thì cái đèn này đã nhấp nháy tuyết vọng giữa tuyết rơi.

Cô thử khởi động xe, nhưng bugi thậm chí không đánh lửa nổi, bình ắc quy đã cạn đến nỗi không làm động cơ nổ máy được.

Cô bước ra khỏi xe và đứng bên cánh cửa để ngỏ. Bãi đỗ xe giờ trống không; chiếc xe cuối cùng cũng đã đi mất. Cô cười lớn. Không phải là tiếng cười bình thường; chính Caroline cũng nhận thấy: giọng cô to quá, lạc hẳn đi, nghe gần như tiếng khóc. “Tôi có một đứa bé,” cô

hét lên, sững sờ. “Tôi có một đứa bé trong xe.” Nhưng khu bãi đỗ xe trải dài trước mặt cô hoàn toàn im lìm, ánh đèn trên những ô cửa sổ cửa hàng thực phẩm in những khuôn hình chữ nhật lớn lên nền tuyết bản. “Tôi có một đứa bé ở đây,” Caroline lại hét lên, tiếng cô tan đi rất nhanh giữa không trung. “Một đứa bé!” cô gào lên vào hư vô tĩnh lặng.

III

NORAH MỎ MẮT. BÊN NGOÀI, ĐÊM ĐÃ TAN DẦN, TRỜI DẦN chuyển bình minh nhưng mảnh trăng vẫn còn lơ lửng phía xa sau những rặng cây, hắt ánh sáng yếu ớt vào tận trong phòng. Nàng vừa mơ thấy mình lê bước trên mặt đất đã đóng băng, cố tìm kiếm thứ gì đó vừa đánh mất. Những lưới cỏ sắc và giòn cứa vào người nàng, để lại những vết xước nhỏ xíu trên da thịt. Nàng choàng tỉnh dậy và giơ tay lên, cảm giác hoảng hốt trong giây lát, nhưng hai bàn tay nàng vẫn lạnh lặn, móng tay đã giữa và tô sơn gọn ghẽ.

Đứa bé nằm trong chiếc nôi đặt bên cạnh đang khóc. Bằng một cử động mềm mại, xuất phát từ bản năng hơn là sự điều khiển của bộ não, Norah bế bổng nó lên giường. Khoảng đệm cạnh nàng đã lạnh tanh, phủ một màu trắng lạnh lẽo. David đã bị gọi tới phòng khám trong lúc nàng còn đang ngủ. Norah kéo cậu con trai ủ vào cơ thể ấm áp của mình, cởi nút áo ngủ. Đôi tay nhỏ xíu của cậu nhỏ đập nhẹ lên bầu vú căng tròn của mẹ như những cánh bướm; nó ngậm ngay lấy đầu vú. Con đau nhói lên trong giây lát, rồi dịu dần đi theo từng dòng sữa chảy. Nàng vuốt lên làn tóc nhẹ như tơ, làn da đầu mỏng manh của nó. Ôi, kỳ diệu làm sao, sức mạnh của cơ thể. Đôi tay thẳng bé nằm yên, ung dung, như những ngôi sao nhỏ điểm trên vầng hào quang của nàng.

Nàng nhắm mắt, nhẹ nhàng thả trôi vào trạng thái nửa ngủ nửa thức. Mạch nguồn ẩn sâu bên trong nàng dần được khai mở. Sữa tuôn chảy và, thật kỳ lạ, Norah thấy như mình đã biến thành một con sông, một ngọn gió, ôm trọn vạn vật: những nhành hoa thủy tiên đặt trên bàn trang điểm, những làn cỏ âm thầm và duyên dáng đâm chồi nảy lộc ngoài kia, những búp lá non trên cây bắt đầu bung ra. Những con ấu trùng nhỏ xíu, trắng muốt như ngọc, nằm ẩn dưới đất sâu, dần chuyển mình biến thành sâu bướm, sâu đo, ong mật. Chim chóc tung cánh

bay, ríu rít hót gọi nhau. Cửa nàng, tất cả là cửa nàng. Paul siết chặt nắm tay bé bé ngay dưới cằm. Hai má nó phập phồng thật nhịp nhàng lúc bú. Xung quanh họ, cả vũ trụ rầm rì, vừa âm thầm, vừa dữ dội.

Trái tim Norah tràn ngập yêu thương, niềm hạnh phúc vô bờ và cả nỗi đau đớn khôn cùng.

Nàng đã không rơi nước mắt trước cái chết của đứa bé gái như David. *Con bé mắc chứng xanh tím*, David đã nói vậy, nước mắt len lỏi giữa những sợi râu lởm chởm mới mọc trong ngày của anh. Đứa bé ấy không biết đến hít thở khí trời là gì, dù chỉ một lần. Lúc ấy Paul đang nằm trong vòng tay nàng, Norah còn mãi ngắm nó: khuôn mặt xinh xinh, trong trẻo và nhăn nheo, cái mũi tròn đầu bằng len có sọc nhỏ, những ngón tay nhỏ xíu, hồng hồng, mảnh mai và hơi cong cong. Móng tay nó bé tí ti, vẫn còn mềm và trong suốt như ánh trăng buổi ban mai. Norah không thể, chưa thể, nhận thức được những lời David nói. Ký ức của nàng về buổi đêm trước đó ban đầu còn rõ ràng, rồi nhòa dần: cơn bão tuyết, và cuộc xe dài lê thê qua những con phố vắng tanh tới phòng khám, David dừng lại ở tất cả các chốt đèn đỏ trong khi nàng vật lộn với những cơn co thắt đau xé người để đẩy đứa trẻ ra, cơ thể run rẩy và căng cứng. Sau đó nàng chỉ còn nhớ những điều rất lặt vặt, rất kỳ lạ: bầu không khí tĩnh lặng xa lạ của căn phòng khám, cảm giác mềm mại khi tấm vải màu xanh đã sờn được phủ lên đầu gối nàng. Mặt bàn khám lạnh toát áp vào tấm lưng trần của nàng. Chiếc đồng hồ mạ vàng của Caroline Gill sáng lấp lánh mỗi lần cô ta vươn tay ra để bơm khí gây tê cho Norah. Sau đó nàng tỉnh dậy thì Paul đã nằm gọn trong vòng tay mình còn David ngồi bên cạnh, khóc nức nở. Nàng ngược mắt lên, nhìn anh, vừa quan tâm lại vừa thờ ơ thích thú. Thực ra đó là do tác dụng của thuốc gây tê, dư chấn của ca sinh nở tạo ra những hormone gây phấn khích. Một đứa con nữa, một đứa trẻ chết non – sao lại thế? Nàng vẫn còn nhớ cơn co giật thứ hai, và giọng nói của David nặng trĩu như đá ném xuống mặt nước trắng xóa. Nhưng đứa bé sơ sinh đang nằm

trong vòng tay nàng thật hoàn hảo, thật xinh xắn, thế là quá đủ. *Không sao đâu anh*, nàng vuốt nhẹ lên cánh tay David và nói, *không sao đâu*.

Cho tới ngày hôm sau, khi họ rời phòng khám, bước ngập ngừng về phía luồng không khí ẩm ướt giá lạnh của buổi chiều, nỗi đau mất mát mới thực sự thấm thía. Trời đã nhá nhem tối, bầu không khí xông lên mùi tuyết tan và hơi đất. Nền trời u ám bao phủ một màu trắng xóa hơi vẩn lên chút mây phía sau những rặng tiêu huyền khẳng khiu trụi lá. Nàng bé Paul – nhẹ bẫng như một chú mèo con – với một cảm giác thật lạ lùng, nàng đang đưa một con người hoàn toàn mới về nhà. Nàng đã trang hoàng căn phòng cẩn thận, kỳ công chọn một chiếc cũi và tủ bàn đóng bằng gỗ thích rất xinh xắn, đã gắn rải rác những con gấu lên tường, đã tự tay may tất cả rèm cửa, tự thêu cả tấm chăn. Mọi thứ đã được sắp xếp đầu vào đấy, đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, con trai nàng giờ cũng đã nằm gọn trong vòng tay nàng. Vậy mà chỉ mới đi tới cửa, nàng bỗng đứng sững lại giữa hai cây trụ bê tông chóp nhọn, chân không rời nửa bước.

“David,” nàng cất tiếng gọi. Anh quay lại, khuôn mặt nhợt nhạt cùng mái tóc sẫm màu, trông như một cái cây trên nền trời xám.

“Sao?” anh hỏi. “Sao thế em?”

“Em muốn nhìn thấy con bé,” nàng nói, giọng khẽ như một lời thì thầm nhưng đầy vẻ cả quyết giữa không gian tĩnh lặng của bãi đỗ xe. “Chỉ một lần thôi. Trước khi chúng ta rời nơi này. Em phải nhìn thấy nó.”

David thọc tay vào túi áo và nhìn xuống mặt đường. Những cột băng nhọn bám trên mái nhà hình dích dắc rơi vỡ tan tành thành nhiều mảnh, nằm lăn lóc ngay gần bậc tam cấp.

“Ôi, Norah,” anh cất giọng yếu ớt. “Xin em, ta về nhà thôi. Chúng ta đã có một đứa con trai xinh xắn rồi kia mà.”

“Em biết,” nàng nói, bởi vì đó là năm 1964 và anh là chồng nàng, nàng luôn làm theo mọi ý muốn của anh. Nhưng nàng vẫn không nhúc nhích nổi một li, nàng không muốn, khi nghĩ tới việc nàng đang bỏ lại một phần rất quan trọng của chính mình. “Ồi! Chỉ một lúc thôi, David. Sao lại không được chứ?”

Mắt họ chạm nhau, và nỗi đau đón trong mắt anh khiến mắt nàng nhắm lại.

“Con bé không có ở đây.” Giọng David khô khốc. “Đó là lý do. Có một khu nghĩa địa trong khuôn viên trang trại nhà Bentley. Ở Hạt Woodford. Anh đã nhờ cậu ấy đưa con bé đến đó. Sau này, tới mùa xuân, ta có thể tới thăm lại con. Ôi, Norah, xin em. Em làm tim anh tan nát.”

Norah nhắm mắt lại, cảm giác kiệt quệ trước ý nghĩ một đứa trẻ sơ sinh, chính con gái nàng, nằm dưới ba tấc đất lạnh lẽo giữa tiết tháng Ba. Đôi tay nàng đang bế Paul cứng đờ lại và trở như đá, nhưng toàn thân lại có cảm giác như sắp tan chảy, như thể nàng cũng sẽ hóa thành nước trôi xuống các mương rãnh và biến mất cùng tuyết lạnh. David nói đúng, Norah tự nhủ, nàng không muốn thấy cảnh này. Khi anh bước lên bậc tam cấp và quàng tay quanh vai nàng, nàng gật đầu, và họ cùng đi qua bãi đỗ xe vắng tanh, bước về phía ánh chiều đang dần tắt. Anh kiểm tra ghế ngồi; lái xe về nhà thật cẩn trọng, máy móc; họ bế Paul qua mái hiên trước, qua cửa vào; và đặt thẳng bé vẫn đang ngủ say sưa vào căn phòng của nó. Cách David chăm chút mọi việc, cách anh săn sóc nàng đã đem đến cho nàng cảm giác gì đó giống như được xoa dịu, và nàng không còn đề cập với anh về ước nguyện muốn nhìn thấy con gái họ thêm một lần nào nữa.

Nhưng giờ đêm nào nàng cũng mơ thấy mình đánh mất thứ gì đó.

Paul đã ngủ say. Bên ngoài cửa sổ, những cành tiêu huyền lấm tấm lộc non khẽ rung rinh trên nền trời phơn phớt màu chàm. Norah xoay người, chuyển Paul sang bú bầu vú bên kia, và nhắm mắt lại, thả trôi vào giấc ngủ. Đột nhiên nàng tỉnh giấc, thấy người ướt đầm và nghe có tiếng khóc ngằn ngặt, khi ấy ánh nắng đã tràn ngập khắp căn phòng. Hai bầu vú của nàng đã lại căng đầy sữa; đã ba tiếng trôi qua. Nàng ngồi dậy, thấy trong người nặng nề và trì trệ, khối cơ bụng nhão tới mức trĩu hằn xuống mỗi khi nàng ngả lưng, đôi bầu vú căng cứng vì sữa, các khớp xương vẫn còn nhức nhối sau ca sinh nở. Dưới sảnh, những tấm ván sàn kêu kéo kẹt.

Nằm trên bàn thay tã, Paul càng khóc dữ hơn, người nó vằn lên những nốt đỏ lốm đốm. Nàng cởi hết quần áo ướt và chiếc tã vải bông sũng nước của nó. Làn da thẳng bé thật mỏng manh, cẳng chân nó khẳng khiu và đỏ au như cái cánh gà đã vặt trụi lông. Sâu thẳm trong tâm khảm của nàng, đứa con gái đã chết vẫn còn quanh quẩn đâu đó, đang dõi theo họ, âm thầm lặng lẽ. Nàng chồm cồm vào rốn Paul, vớt chiếc tã bẩn vào xô giặt, rồi mặc quần áo sạch cho nó.

“Con yêu,” nàng bế nó lên, miệng thì thầm. “Bé ngoan của mẹ,” nói rồi, nàng bế thẳng bé lên và đi xuống tầng dưới.

Trong phòng khách, mấy tấm màn mỏng mỏng vẫn buông, rèm rủ kín. Norah ngả lưng lên chiếc ghế bọc da êm mềm đặt trong góc phòng, cởi nút áo. Dòng sữa lại tuôn trào trong nhịp chảy ào ạt mãnh liệt tưởng như không gì ngăn nổi, một sức mạnh dường như xóa tan hoàn toàn bản ngã của nàng trong quá khứ. *Ta bừng tỉnh để rồi mê ngủ* (6). Nàng thăm nghĩ trong lúc ngả lưng xuống ghế, tâm trí bỗng lẫn lộn bởi không tài nào nhớ ra ai đã viết câu thơ này.

Căn nhà lặng im như tờ. Tấm màn chắn lò sưởi đóng im ỉm; ngoài trời lá cây reo xào xạc. Đàng xa, cánh cửa phòng tắm bật mở rồi đóng lại, tiếng nước chảy nghe thật khẽ. Bree, em gái nàng, rón rén bước

xuống cầu thang, trên người mặc một chiếc áo sơ mi tay dài trượt phủ kín cả đầu ngón tay. Hai cẳng chân cô trắng muốt, đôi bàn chân trần nhỏ nhắn nổi bật trên nền sàn lát gỗ.

“Đừng bật đèn,” Norah cất tiếng.

“Vâng.” Bree bước tới và vuốt nhẹ đầu ngón tay lên đầu Paul.

“Cháu của dì sao rồi?” Cô nựng. “Paul xinh có khỏe không?”

Norah nhìn khuôn mặt bé xú của con trai, ngỡ ngàng trước cái tên của nó, như mọi khi. Thằng bé vẫn chưa đủ lớn để mang cái tên ấy, với nó cái tên chỉ như một dải băng đeo tay, một vật gì đó dễ dàng rơi tuột đi và biến mất. Nàng đã đọc – ở đâu nhỉ? nàng chẳng nhớ nữa – có những người không chịu đặt tên cho con mình trong mấy tuần đầu, vì cảm giác chúng vẫn chưa thực sự hiện diện trên trái đất này mà vẫn còn là những thực thể ở giữa hai thế giới.

“Paul.” Nàng nói to, tự tin và cả quyết, giọng ấm áp như một viên đá đặt dưới nắng. Một niềm tin vững chắc.

Nàng thầm nói thêm với chính mình, Phoebe.

“Nó đói đấy,” Norah nói. “Lúc nào nó cũng đói thôi.”

“A. Thế thì giống dì nó rồi. Em đi lấy ít bánh mì với cà phê đây. Chị muốn ăn chút gì không?”

“Lấy cho chị ít nước thôi,” nàng đáp, mắt dõi theo Bree rời khỏi phòng, chân tay cô thật dài và duyên dáng. Thật lạ, em gái nàng, người hoàn toàn trái ngược với nàng, báo ứng của nàng, lại là người nàng muốn có mặt ở đây, nhưng sự thực là như vậy.

Bree mới chỉ hai mươi tuổi, nhưng là típ người cứng đầu và tự tin vào bản thân đến độ lắm lúc Norah ngỡ chính cô mới là chị. Ba năm

trước, khi còn là một nữ sinh lớp mười một trung học, Bree đã bỏ trốn cùng một dược sĩ sống bên kia đường, một người đàn ông độc thân gấp đôi tuổi cô. Mọi người đều chê trách anh chàng dược sĩ, ngần ấy tuổi đầu thì phải biết điều hơn lẽ thiệt chứ. Về phần Bree, họ cho rằng những hành động điên rồ như thế là hệ quả của nỗi đau đột ngột mất đi người cha giữa lúc cô bé đang tuổi mới lớn, cái tuổi thật mong manh bất ổn làm sao, ai cũng đồng ý như vậy cả. Họ còn đồn đoán rằng cuộc hôn nhân này sẽ chẳng mấy chốc mà tan, mà quả có thể thật.

Nhưng nếu mọi người tưởng rằng cuộc hôn nhân đổ vỡ sẽ quật ngã được Bree thì họ đã nhầm to. Khi Norah còn con gái, thế giới đã dần đổi khác, và Bree đã không trở về nhà trong sự thuần phục và hổ thẹn như mong đợi. Thay vì thế, cô ghi danh vào đại học, đổi tên từ Brigitte thành Bree vì cô thích cách phát âm của từ này: phóng khoáng, cô nói vậy, và tự do.

Bà mẹ của hai cô gái, nhục nhã vì cái đám cưới đầy tai tiếng và vụ ly dị còn tai tiếng hơn, đã cưới ngay một viên phi công làm cho hãng TWA và chuyển tới St. Louis sống, bỏ mặc hai chị em tự xoay xở. *Chắc, ít nhất thì mẹ cũng có một đứa con gái biết lẽ phải trái*, bà đã nói vậy, ngẩng đầu lên khỏi hộp đồ sứ bà đang cắm cùi đóng gói. Khi ấy là mùa thu, không khí hanh hao, lá vàng đỏ khắp nơi. Mái tóc vàng ánh kim của bà cuộn gọn thành một cái búi nhẹ tênh, và những đường nét tinh tế trên khuôn mặt bà bỗng dịu lại vì cảm xúc bất chợt. *Ôi, Norah, con không biết mẹ biết ơn Chúa tới mức nào vì đã cho mẹ một đứa con ngoan ngoãn như con đâu. Dù con có không bao giờ lập gia đình, con vẫn luôn là một quý bà*. Norah lúc ấy đang dở tay xếp tấm ảnh chân dung bố được đóng khung vào thùng các tông, đã đỏ bừng mặt vì khó chịu và giận dữ. Nàng cũng bị sốc bởi những hành động điên rồ, sự táo tợn của Bree, nàng cảm thấy giận dữ vì dường như mọi quy tắc đều đã bị đảo lộn, vì Bree có vẻ như chẳng bị ảnh hưởng tí gì bởi tất cả mọi chuyện – đám cưới, vụ ly dị, tai tiếng.

Nàng căm ghét những gì Bree đã gây ra cho họ.

Nàng ao ước trong tuyệt vọng, giá mà chính nàng mới là người làm những việc ấy.

Nhưng chuyện đó sao có thể xảy ra với nàng được. Lúc nào nàng cũng ngoan hiền; đó là bản chất của nàng. Nàng sống gần gũi với bố, một người đàn ông tính tình xuề xòa, vô tổ chức, một chuyên gia về cừu, ông thường dành nhiều ngày trời giam mình trong phòng kín ở tầng trên cùng để nghiên ngẫm các tờ chuyên san, hay ở trạm nghiên cứu, đứng giữa lũ cừu với đôi mắt vàng ệch nhìn nghiêng nghiêng về lạ lẫm. Nàng yêu ông, và cả cuộc đời mình, nàng cảm thấy mình có bổn phận phải làm cách nào đó bù đắp lại sự thờ ơ của ông đối với gia đình; và nỗi thất vọng của mẹ nàng vì đã trót trao cuộc đời mình cho một lão già gàn dở. Khi ông mất, sức mạnh thôi thúc nàng sắp xếp mọi việc vào đúng trật tự của nó và hàn gắn thế giới quanh nàng chỉ càng mạnh mẽ thêm. Vì vậy nàng lại tiếp tục cuộc sống ấy, lặng lẽ học tập và làm tất cả những gì mọi người mong mỏi ở nàng. Sau khi tốt nghiệp, nàng làm việc sáu tháng ở công ty điện thoại, một công việc mà nàng chẳng lấy gì làm thích thú và đã rất vui sướng được từ bỏ nó khi kết hôn với David. Cuộc gặp gỡ của họ tại gian hàng đồ lót trong khu trung tâm mua sắm Wolf Wile, đám cưới kín đáo chóng vánh của họ, là điều gần với sự điên rồ nhất mà Norah từng làm.

Bree vẫn hay cợt rằng, cuộc đời của Norah thật chẳng khác gì một bộ phim sitcom chiếu trên TV. *Với chị thế là ổn*, cô nói, hất mớ tóc dài ra sau lưng, chiếc vòng bạc rộng bản đẩy lên gần sát khuỷu tay. *Em ấy à, em chẳng chịu thấu đâu. Chắc em sẽ phát điên chỉ trong một tuần mất. Một ngày chứ!*

Norah ngấm ngầm căm giận, khinh bỉ và cả ghen tị với Bree, nhưng nàng cắn răng không nói ra; Bree tham gia các lớp học về Virginia Woolf (7), chuyển đến sống cùng ông chủ một nhà hàng thực phẩm dinh

đường ở Louisville, và thôi không ghé thăm nữa. Kể cũng lạ, khi Norah mang bầu, mọi chuyện thay đổi hẳn. Bree lại xuất hiện, mang tới những món đồ kết ren và vòng cổ chân bằng bạc nhập khẩu từ Ấn Độ; cô tìm thấy mấy món này trong một cửa tiệm ở San Francisco. Cô còn mang tới từng tập giấy nắn in những lời khuyên về phương pháp cho con bú khi nghe tin Norah tính không dùng tới sữa ngoài. Khi ấy, Norah thực sự mừng rỡ khi được gặp cô. Mừng vì những món quà vừa dễ thương vừa thiếu thực tế, mừng vì sự hỗ trợ của cô. Vào năm 1964, cho con bú sữa mẹ là một việc làm táo bạo, và nàng hầu như không tìm được những thông tin mình cần. Bà mẹ của họ từ chối bàn luận về ý tưởng này; còn mấy bà mấy chị trong tổ khâu vá của nàng thì kêu rằng họ sẽ mang ghế vào phòng tắm ngồi để nàng được thoải mái cho con bú. Nghe chuyện, Bree đã làm nàng thấy nhẹ nhõm biết bao khi hết ầm lên. *Mấy bà hay làm bộ quá đấy! Cô chì chiết. Kệ họ đi chị.*

Tuy vậy, dù biết ơn sự hỗ trợ của Bree, đôi khi Norah vẫn có cảm giác bất an. Trong thế giới của Bree, thế giới dường như chủ yếu tồn tại ở một nơi nào đó khác, ở California, Paris hay New York, những người phụ nữ trẻ có thể để ngực trần dạo bộ quanh nhà, chụp những bức ảnh của chính mình với đứa bé kề sát bộ ngực đồ sộ, viết những bài báo cổ động cho giá trị dinh dưỡng của sữa mẹ. *Chuyện đó là hoàn toàn tự nhiên; nó tồn tại trong bản năng của chúng ta, loài động vật có vú.* Bree lý luận, nhưng chỉ riêng cái ý nghĩ coi bản thân mình như động vật có vú, bị chi phối bởi bản năng và được mô tả bằng những từ ngữ kiểu như bú mớm (nàng thấy nghe cũng na ná như thú tính, đã hạ thấp một hình ảnh cao đẹp xuống ngang tầm với một trại súc vật), đã khiến Norah đỏ bừng mặt và chỉ muốn biến ngay khỏi phòng.

Giờ Bree đã trở lại, trên tay bưng một khay đầy cà phê, bánh mì tươi, bơ. Mái tóc dài của cô xõa xuống bờ vai khi cô nghiêng người đặt chiếc cốc cao đầy nước mát lạnh lên chiếc bàn kê cạnh Norah. Cô bỏ

cái khay lên bàn uống cà phê và ngồi xuống sofa, đôi chân trắng muốt thu lại phía dưới.

“Anh David đi rồi hả chị?”

Norah gật đầu. “Chị còn không biết anh ấy dậy lúc nào.”

“Chị nghĩ anh ấy cứ vui đầu vào công việc như vậy có tốt không?”

“Có chứ,” Norah nói giọng cả quyết. “Chị thực sự nghĩ như vậy.” Bác sĩ Bentley đã nói chuyện với các bác sĩ khác ở phòng khám, và họ đề nghị David nghỉ ngơi một thời gian, nhưng anh từ chối. “Chị nghĩ lúc này anh ấy cứ bận bịu là tốt nhất.”

“Thật không? Còn chị thì sao?” Bree hỏi, há miệng cắn một miếng bánh.

“Chị à? Thành thật mà nói, chị rất ổn.”

Bree phẩy tay. “Chả lẽ chị không nghĩ là...” cô dờm giọng, nhưng trước khi cô kịp phê phán David, Norah đã ngắt lời.

“Thật may vì có em ở đây,” nàng nói. “Sẽ chẳng có ai chịu nói chuyện với chị đâu.”

“Vớ vẩn. Nhà này chả đầy những người muốn nói chuyện với chị đấy thôi.”

“Chị có một cặp sinh đôi, Bree à,” Norah nói khẽ, cảm nhận rõ ràng giấc mơ của mình, giấc mơ với khung cảnh lạnh lẽo trống trải, và cuộc tìm kiếm điên dại. “Sẽ chẳng có ai đả động gì về con bé. Họ cư xử như muốn nói chị đã có Paul rồi, chị nên tự thấy hài lòng mới phải. Như thế mọi cuộc đời đều có thể thay thế được. Nhưng chị có một cặp sinh đôi. Chị có cả một đứa con gái nữa...”

Nàng ngừng lời, trong hòng chợt thấy nghèn nghẹn.

“Ai cũng buồn cả,” Bree dịu dàng nói. “Vừa vui lại vừa buồn, tất cả đều cùng một lúc. Họ không biết phải nói sao cho phải, vậy thôi.”

Norah bế bồng Paul, giờ đang say ngủ, áp vào vai mình. Hơi thở của thằng bé phả ra âm ấm nơi cổ nàng; nàng xoa lên lưng nó, vẫn chưa lớn hơn tay nàng là bao.

“Chị biết,” nàng nói. “Chị biết chứ. Nhưng mà.”

“Lẽ ra David không nên quay lại làm việc sớm như thế,” Bree nói. “Chị mới chỉ sinh được có ba ngày thôi mà.”

“Anh ấy tìm thấy niềm an ủi trong công việc,” Norah nói. “Chị mà có việc, chị cũng đi làm ngay.”

“Không,” Bree lắc đầu. “Không, chị sẽ không làm thế đâu, Norah. Chị biết đấy, em ghét phải nói ra, nhưng David đang tự khép mình lại, khóa chặt mọi cảm xúc. Còn chị thì vẫn cố gắng tự khóa lấp nỗi trống trải. Hàn gắn mọi thứ. Nhưng chị không thể.”

Norah nhìn em gái, tự hỏi không hiểu anh chàng dược sĩ đã phải kiềm chế những cảm xúc nào; vì dù rất cởi mở, phóng khoáng, nhưng Bree chưa bao giờ dả động tí gì đến cuộc hôn nhân chóng vánh của mình. Và dấu cảm thấy có phần xuôi theo ý kiến của em gái, nàng vẫn thấy mình có bốn phận phải bảo vệ David, anh đã vượt qua nỗi đau của riêng mình để chăm lo mọi việc: từ cái đám ma lặng lẽ không một người tham dự, rồi giải thích với bạn bè, cả việc nhanh chóng thu dọn những tàn dư của nỗi đau buồn nữa.

“Anh ấy cần phải làm theo cách của riêng mình,” nàng nói, với tay ra kéo tấm màn màn lên. Bầu trời đã chuyển màu xanh lơ tươi sáng, và dường như chồi non trên những cành nhánh đã phình to thêm chỉ sau

vài giờ qua. “Bree à, chị ước gì được nhìn thấy con bé. Mọi người sẽ nghĩ như thế là gớm ghiếc, nhưng chị vẫn ước được thấy nó. Ước gì chị được chạm vào nó, chỉ một lần thôi cũng được.”

“Chẳng có gì là gớm ghiếc đâu chị,” Bree dịu dàng. “Em nghĩ ý nguyện đó là hoàn toàn chính đáng.”

Sau đó là một khoảng im lặng, cho tới khi Bree phá vỡ nó một cách vụng về, ngập ngừng, bằng cách đưa cho Norah miếng bánh phết bơ cuối cùng.

“Chị không đói,” Norah đáp đối.

“Chị phải ăn đi,” Bree ép. “Đằng nào chị chả sứt cân. Đây là một trong những lợi ích to lớn không được nhắc đến của việc cho con bú đấy nhé.”

“Không là thế nào,” Norah nói. “Em chả nhai nhải suốt còn gì.”

Bree cười lớn. “Chắc vậy quá.”

“Thành thực mà nói,” Norah vừa nói, vừa giơ tay cầm cốc nước lên. “Chị mừng vì có em ở đây.”

“Ôi dào,” Bree nói, vẻ hơi ngượng nghịu. “Em còn ở đâu được nữa?”

Cái đầu của Paul nặng nặng âm ỉm, mớ tóc dày mềm như tơ của thằng bé cọ nhẹ lên cổ nàng. Norah tự hỏi không biết nó có nhớ đứa em sinh đôi không, nó còn nhớ cái hình hài giờ đã không còn tồn tại trên đời, người bạn đồng hành thân thiết suốt quãng thời gian vô cùng ngắn ngủi trong đời nó hay không? Liệu cảm giác mất mát có theo nó suốt đời? Nàng vuốt nhẹ lên đầu thằng bé, mắt nhìn ra ngoài cửa sổ, thoáng thấy vàng trắng tròn xa xa đang nhạt dần sau những rặng cây, chỉ còn là một vệt mờ mờ trên nền trời xanh.

Sau đó, trong khi Paul ngủ, Norah tranh thủ tắm táp tí chút. Nàng đã mặc thử ba bộ đồ khác nhau, nhưng rồi bỏ cả: váy ôm eo, quần bó sát hông. Trước đây người nàng lúc nào cũng thon gọn, nhỏ nhắn và cân đối, nên khi trông thấy thân hình mới xồ xề của mình, nàng vừa sững sốt lại vừa buồn bực. Cuối cùng, trong cơn tuyệt vọng, nàng đành xỏ tạm bộ áo liền quần bằng vải bông chéo đã cũ dành cho bà bầu rộng thùng thình, mặc dù nàng đã thề sẽ không động đến nó lần thứ hai. Mặc quần áo xong, nàng để nguyên chân trần đi loanh quanh trong nhà, từ phòng này qua phòng khác. Cũng giống như thân hình nàng, những căn phòng đều rối tung, lộn xộn, bừa bộn và hỗn loạn. Những lớp bụi mờ phủ khắp nơi, quần áo vứt vạ vật, còn ga trải giường thì xô lệch ngổn ngang trên những chiếc giường chưa được dọn. Chỉ có một khoảng sạch duy nhất trên lớp bụi phủ kín chiếc bàn phấn, nơi David đã đặt một bình cắm đầy hoa thủy tiên, mép cánh hoa đã ngả màu nâu; cả những ô cửa sổ cũng mờ bụi. Ngày kia Bree sẽ về và mẹ nàng sẽ đến thăm. Nghĩ đến đó, Norah ngồi phịch xuống mép giường, cảm giác bất lực hoàn toàn, chiếc cà vạt của David vắt lỏng lẻo trên tay. Sự bừa bộn của căn nhà đè nặng lên nàng, như thể mỗi tia nắng cũng kết thành hình thành khối, mang sức nặng của riêng nó. Nàng không còn chút sức lực nào để chống lại nó nữa. Đáng buồn hơn ở chỗ, nàng cũng chẳng thêm quan tâm nữa.

Chuông cửa reo vang. Văng vẳng tiếng chân Bree giậm thành thịch qua các phòng.

Norah nhận ra những giọng nói đó ngay. Một lúc lâu sau đó nàng vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, cảm giác kiệt quệ, tự hỏi làm thế nào để nhờ Bree đuổi họ đi. Nhưng những giọng nói cứ vọng lại gần hơn, sát cầu thang rồi lại nhỏ dần khi họ cùng bước vào phòng khách; đó là tổ sinh hoạt tối tại nhà thờ, họ mang theo đủ thứ quà cáp, háo hức được nhìn thấy đứa bé mới chào đời. Hai nhóm bạn của nàng đã đến từ trước,

một nhóm từ tổ khâu vá và nhóm kia từ câu lạc bộ sơn vẽ đồ sứ, họ chất đầy đồ ăn thức uống trong tủ lạnh, chuyền tay nhau bế Paul như một chiến lợi phẩm. Norah cũng đã nhiều lần làm điều tương tự với mấy bà mẹ mới sinh con, thế nhưng giờ nàng thực sự sốc khi thấy mình cảm thấy oán giận thay vì biết ơn: sự phiền nhiễu, gánh nặng từ những lá thư cảm ơn, và nàng còn chẳng thêm quan tâm đến những thứ đồ ăn thức uống kia nữa cơ.

Bree đang gọi. Norah bước xuống cầu thang mà không thêm tô sơn hay thậm chí chỉnh trang lại đầu tóc. Chân nàng vẫn để trần.

“Trông tôi kinh lắm,” nàng tuyên bố đầy vẻ thách thức khi bước vào phòng.

“Ồ, không đâu,” Ruth Starling nói, rồi vỗ vỗ lên chiếc sofa đặt ngay bên cạnh, mặc dù Norah, với một cảm giác thỏa mãn kỳ lạ, có thể nhận thấy những cái liếc mắt kín đáo được trao đổi giữa đám người còn lại. Nàng ngoan ngoãn ngồi xuống, hai chân bắt chéo lại nơi mắt cá, tay khoanh lại trong lòng như hồi bé đi học.

“Paul vừa mới ngủ rồi,” nàng nói. “Tôi sẽ không đánh thức thằng bé dậy đâu.” Giọng nói của nàng đầy giận dữ, vẻ thách thức thực sự.

“Không sao đâu, cháu yêu,” Ruth nói. Bà ta đã gần bảy mươi tuổi, mái tóc bạc trắng mỏng mảnh được tạo kiểu cẩn thận. Ông chồng bà chỉ mới năm mươi đã mất từ năm ngoái. Norah vẫn tự hỏi bà ta đã phải trả giá những gì, đang phải trả giá những gì để duy trì nhan sắc và vẻ ngoài tươi tỉnh như vậy? “Cháu đã phải trải qua bao nhiêu chuyện thế còn gì,” Ruth lại nói.

Norah lại cảm thấy con gái mình đang ở đâu đây, một sự hiện diện nằm ngoài tầm mắt của nàng, và phải cố lắm nàng mới kìm nổi ước muốn mãnh liệt được chạy lên gác để nhìn thấy Paul. Tôi đang phát điên đây, nàng tự nhủ, và nhắm mắt nhìn xuống sàn nhà.

“Mọi người dùng trà nhé?” Bree hỏi, mặt cố tỏ vẻ tươi tỉnh. Trong khi chưa ai kịp trả lời thì cô đã biến nhanh vào bếp.

Norah phải gắng hết sức mới tập trung vào câu chuyện được: nào là phải dùng vải bông hay vải phin để làm gối cho bệnh viện, mọi người nghĩ sao về vị linh mục mới về, rồi có nên tặng chăn cho Đội Cứu tế hay không. Sau đó Sally thông báo đêm qua Kay Marshall đã sinh con, một đứa bé gái.

“Ba cân đúng,” Sally nói. “Trông Kay tuyệt lắm. Con bé xinh lắm cơ. Bọn họ đặt tên cho nó là Elizabeth, theo tên bà ngoại. Họ còn nói ca này dễ dễ lắm.”

Rồi im lặng bao trùm, khi mọi người nhận thấy điều gì đang xảy ra. Norah có cảm giác sự im lặng bắt nguồn từ đâu đó sâu bên trong nàng và lan tỏa ra cả căn phòng. Sally nhìn lên, mặt đỏ bừng vì hối hận.

“Ôi,” chị ta nói. “Ôi Norah. Chị xin lỗi.”

Norah muốn nói câu gì đó để đưa mọi thứ trở lại bình thường. Những lời cần nói lớn vồn trong đầu nàng, nhưng nàng dường như không cất nổi thành lời. Nàng ngồi im lặng, rồi sự im lặng trở thành một cái hồ, một đại dương, có thể nhấn chìm tất cả bọn họ.

Cuối cùng, Ruth nhanh miệng nói. “Norah à, ta rất tiếc. Chắc cháu mệt lắm rồi phải không.” Bà ta lôi ra một gói lớn bọc giấy màu sắc sỡ, dính hàng chùm ruy băng uốn xoắn tít. “Mọi người mang đến cả một bộ sưu tập nhé, chắc cháu đã có đủ mọi loại ghim cài tã mà một bà mẹ ao ước rồi đấy.”

Cả đám phụ nữ cùng cười ồ nhẹ nhõm. Norah cũng mỉm cười và mở chiếc hộp, xé lớp giấy bọc ngoài: một chiếc ghế tập đi, có khung kim loại và đệm ngồi bọc vải, gần giống với chiếc ghế ở nhà một người bạn mà nàng từng trầm trồ thích thú.

“Tất nhiên phải mấy tháng nữa thằng bé mới dùng ghế này được,” Sally nói. “Chúng tôi không nghĩ ra được gì hay hơn để dành cho cháu tập đi.”

“Còn đây nữa,” Flora Marshall đứng dậy, tay cầm hai gói mềm mềm.

Flora là người lớn tuổi nhất trong nhóm, thậm chí còn hơn tuổi Ruth, nhưng rất dẻo dai và hoạt bát. Bà đã đan chăn cho tất cả trẻ sơ sinh trong nhà thờ. Nghĩ rằng Norah sẽ sinh đôi sau khi ước lượng kích cỡ bụng nàng, bà đã đan tặng hẳn hai tấm chăn, miệt mài làm việc trong suốt buổi sinh hoạt tối và cả giờ nghỉ uống cà phê ở nhà thờ, túi lúc nào cũng đầy ắp những cuộn len mềm màu sắc sặc sỡ. Màu vàng nhạt và xanh lục, xanh lơ và hồng đan xen với nhau – bà vẫn đùa rằng mình không dám cá là sinh đôi trai hay gái. Nhưng sinh đôi, bà chắc chắn thế. Lúc đó, không ai để ý đến lời bà nói.

Norah đỡ lấy hai cái gói, cố nén nước mắt. Chất len mềm quen thuộc rũ xuống bụng khi nàng mở gói đầu tiên, và nàng cảm thấy đứa con gái đã mất dường như ở đâu đó rất gần. Norah thấy lòng tràn ngập niềm biết ơn Flora, bằng kinh nghiệm của một người bà, bà thật biết mình phải làm gì. Nàng xé giấy bọc chiếc gói thứ hai, háo hức muốn thấy tấm chăn còn lại, chắc cũng rực rỡ và mềm mại như chiếc đầu tiên.

“Bộ này hơi to một chút,” Flora xin lỗi ngay khi một bộ áo liền quần rơi xuống bụng nàng. “Nhưng không sao đâu, bọn trẻ con tầm tuổi này lớn nhanh như thổi ấy mà.”

“Còn cái chăn kia đâu?” Norah hỏi vặn. Nàng nghe thấy chính giọng nói của mình, gay gắt như tiếng thét của một con chim, và cảm thấy sững sờ; cả đời mình nàng vẫn có tiếng là người điềm tĩnh, nàng vẫn thường tự hào về khí chất nhu hòa và những lựa chọn cẩn trọng của mình. “Cái chăn cô đan cho con gái cháu đâu rồi?”

Flora đỏ bừng mặt và liếc nhìn khắp phòng cầu cứu sự giúp đỡ. Ruth cầm lấy tay Norah siết thật mạnh. Norah cảm nhận thấy làn da mềm mại và sức ép mạnh mẽ đáng kinh ngạc trên từng ngón tay của bà ta. David đã từng nói cho nàng biết tên của mấy đốt xương đó, nhưng nàng không tài nào nhớ nổi. Tệ hơn nữa, nàng đang khóc.

“Nào, nào. Cháu đã có một đứa con trai kháu khỉnh rồi cơ mà,” Ruth dỗ dành.

“Nó có một đứa em gái nữa,” Norah thì thầm, giọng cả quyết, và nhìn vào từng khuôn mặt. Họ đã đến đây vì lòng tốt. Họ rất buồn, phải, vậy mà nàng còn vừa làm cho họ buồn thêm. Chuyện gì đang xảy ra với nàng vậy? Cả đời mình nàng đã cố gắng hết sức để làm những việc đúng đắn cơ mà. “Tên nó là Phoebe. Tôi muốn có ai đó gọi tên nó. Mọi người có nghe tôi nói gì không?” Nàng đứng dậy. “Tôi muốn có ai đó nhớ tên con bé.”

Sau đó một tấm khăn mát được đắp lên trán nàng, rồi những bàn tay giúp nàng nằm xuống sofa. Họ bảo nàng nhắm mắt lại, và nàng làm theo. Nước mắt tuôn rơi lã chã sau làn mi như suối chảy, nàng không tài nào kìm nổi. Mọi người lại bàn tán phải làm thế nào, những tiếng nói xoáy tròn như tuyết bay trong gió. Có người nói, chuyện này chẳng có gì lạ. Ngay cả trong những trường hợp khả quan nhất thì tình trạng suy sụp tinh thần đột ngột chỉ vài ngày sau khi sinh cũng không có gì bất thường. Họ phải gọi cho David, một người khác gợi ý, nhưng rồi Bree xuất hiện, điềm tĩnh và lịch sự, tiễn hết cả đám phụ nữ ra cửa. Khi bọn họ đã về hết, Norah mới mở mắt ra và nhìn thấy Bree đang đeo chiếc tạp dề của nàng, dải dây buộc viền đăng ten dích dắc thắt hờ ôm lấy vòng eo thon gọn.

Tấm chăn của Flora Marshall vẫn nằm vạ vật trên sàn nhà giữa đống giấy gói, nàng nhặt nó lên, luồn ngón tay vào những thớ sợi mềm mại. Norah gạt nước mắt nói.

“David nói tóc con bé màu nâu sẫm. Giống tóc anh ấy.”

Bree nhìn chị chăm chú. “Norah, chị nói chị định tổ chức một buổi lễ tưởng niệm đúng không. Còn chờ gì nữa? Sao không làm ngay bây giờ? Có lẽ nó sẽ an ủi chị được phần nào.”

Norah lắc đầu. “Những gì David nói, những gì mọi người nói, đều có lý cả. Có lẽ chị nên tập trung vào đứa con chị đã có.”

Bree nhún vai. “Nhưng chị có làm thế đâu. Chị càng cố không nghĩ đến con bé, chị lại càng nhớ nó nhiều hơn. David chỉ là một bác sĩ,” cô chêm vào. “Anh ấy có biết tất cả mọi thứ đâu. Anh ấy đâu phải là Chúa Trời.”

“Tất nhiên là không,” Norah nói. “Chị biết chứ.”

“Nhiều lúc em không dám chắc chị có biết thật không nữa.”

Norah không đáp lời. Những đường vân gỗ chạy ngoằn ngoèo trên mặt sàn bóng láng, bóng lá khoét những lỗ đen lên nắng. Chiếc đồng hồ trên lò sưởi khẽ kêu tích tắc. Nàng nghĩ mình nên nổi giận mới phải, nhưng không. Ý tưởng về một buổi lễ tưởng niệm dường như đã giúp nàng thoát khỏi tình trạng kiệt quệ, nó nảy sinh trong đầu nàng ngay từ lúc còn đứng trên những bậc tam cấp nơi phòng khám và cho tới tận giây phút này vẫn chưa biến mất.

“Có lẽ em nói đúng,” nàng nói. “Chị không biết. Có lẽ vậy. Một buổi lễ nhỏ thôi. Thật kín đáo nữa.”

Bree đưa nàng chiếc điện thoại. “Đây. Chị cứ hỏi đi.”

Norah hít một hơi thật sâu và bắt đầu. Trước tiên nàng gọi cho vị linh mục mới đến và bỗng thấy mình đang giải thích rằng nàng muốn tổ chức một buổi lễ, vâng, và tổ chức ngoài trời, ở sân nhà thờ. Vâng, nắng hay mưa cũng không sao. *Cho Phoebe, con gái tôi, con bé chết*

ngay khi mới sinh. Hai tiếng tiếp đó, ngàn ấy từ ngữ lại được nàng nhắc đi nhắc lại: với người bán hoa, với người phụ nữ phụ trách mục rao vặt trên tờ The Leader, với các bạn nàng ở tổ khâu, họ đã nhận làm hoa cho buổi lễ. Mỗi lần như vậy, cảm giác bình yên trong nàng lại lớn dần lên, giống như sự giải thoát khi Paul ngậm lấy đầu vú mẹ bú lấy bú để, kéo nàng trở lại với thực tại.

Bree đã đi học, còn Norah đi bộ quanh căn nhà tĩnh mịch, giữa khung cảnh hỗn độn. Trong phòng ngủ, ánh nắng chiều xuyên qua cửa kính, phơi bày mọi sự bất cẩn lơ đãng. Nàng đã chứng kiến cảnh bữa bộn này hàng ngày mà không mấy may bận tâm, nhưng giờ đây, lần đầu tiên sau khi sinh, nàng cảm thấy tràn trề sức lực thay vì uể oải. Nàng trải lại ga giường cho thật phẳng phiu, mở rộng cửa sổ, quét sạch bụi bặm. Vĩnh biệt bộ áo liền quần vải bông dành cho bà bầu. Nàng lục tung tủ quần áo cho tới khi tìm thấy một chiếc váy còn vừa vặn và một cái áo sơ mi không bó sát ngực quá. Nàng cau mày khi thấy mình trong gương, trông nàng vẫn xờ xề, thô kệch quá, nhưng tâm trạng thì đã khá hơn. Nàng cũng dành thời gian chỉnh trang lại mái tóc, chải đi vuốt lại hàng trăm lần. Khi chải xong, chiếc lược đã mắc đầy tóc, cuộn lại thành một túm dày những sợi vàng óng, vẻ mơn mớn của thời kỳ thai nghén giờ đã biến mất khi lượng hormone trong người nàng trở lại bình thường. Nàng biết điều này sẽ xảy ra. Nhưng sự mất mát ấy vẫn khiến nàng muốn khóc.

Đủ rồi, nàng tự nói với bản thân bằng giọng cứng cỏi, rồi tô son lên môi, chớp mắt cho lệ rơi hết. *Đủ rồi, Norah Asher Henry.*

Nàng khoác thêm chiếc áo len trước khi đi xuống tầng một và tìm thấy cả đôi giày đế bệt màu be của mình. Ít nhất thì đôi chân nàng đã trở lại nhỏ nhắn như xưa.

Nàng ghé qua thăm Paul – thằng bé vẫn ngủ say, hơi thở của nó thật khẽ nhưng nàng vẫn cảm thấy trên từng đầu ngón tay – sau đó

nàng bỏ món thịt hầm đông lạnh vào lò, bày bàn ăn và mở một chai rượu. Nàng đang dở tay thay lọ hoa, tay vẫn cầm mấy thân hoa héo đã mềm oặt lạnh ngắt thì cửa bật mở. Tim nàng đập gấp hơn khi tiếng chân của David dội lại gần, và một lúc sau anh đã đứng nơi ngưỡng cửa, bộ comple xộc xệch trên thân người gầy gò, khuôn mặt đỏ bừng vì cuộc đi bộ. Anh đang rất mệt, nhưng nàng thấy anh có vẻ nhẹ nhõm khi nhìn thấy căn nhà sạch sẽ, kiểu ăn mặc quen thuộc của nàng và mùi thức ăn đang nấu trên bếp thơm sực. Trên tay anh là một bó thủy tiên nữa, vừa mới hái trong vườn. Khi nàng hôn anh, làn môi của anh áp vào môi nàng lành lạnh.

“Chào em,” anh nói. “Xem ra em đã có một ngày tốt lành đấy nhỉ.”

“Vâng. Tốt anh ạ.” Suýt nữa thì nàng kể với anh những gì đã làm, nhưng thay vào đó nàng pha cho anh một cốc rượu: whisky nguyên chất, theo đúng sở thích của anh. Anh tựa người vào quầy bếp trong khi nàng rửa rau diếp. “Thế còn anh?” Nàng tắt vòi nước hỏi chồng.

“Không tệ lắm,” anh trả lời. “Bận. Anh xin lỗi chuyện tối qua nhé. Có một bệnh nhân bị nhồi máu cơ tim. Cũng may là không sao cả.”

“Có bị chấn thương xương nữa không?” nàng lại hỏi.

“Ồ. Có, ông ấy bị ngã cầu thang. Gãy xương ống chân. Con vẫn ngủ hả em?”

Norah liếc đồng hồ thở dài. “Chắc em phải đánh thức con dậy rồi,” nàng nói. “Em tính cho nó ăn ngủ đúng giờ giấc mà.”

“Để anh,” David nói rồi cầm bó hoa đi lên gác. Nàng nghe tiếng anh bước đi trên tầng và mừng tượng ra cảnh anh nghiêng người xuống để vuốt nhẹ lên trán Paul, cầm lấy bàn tay nhỏ xíu của nó. Nhưng chỉ vài phút sau David đã đi xuống một mình, anh đã thay một chiếc quần

jean và mặc áo len. “Con ngủ ngoan quá,” David phân trần. “Mình cứ để nó ngủ đi em ạ.”

Họ đi vào phòng khách và cùng nhau ngồi xuống sofa. Trong phút chốc mọi thứ bỗng trở lại như xưa, chỉ có hai người, và thế giới xung quanh họ vẫn còn là một nơi giản dị đầy hứa hẹn. Norah định đến bữa ăn sẽ kể cho David nghe về kế hoạch của nàng, nhưng lúc này, nàng bỗng thấy mình đang giải thích với anh về buổi lễ đơn giản mà nàng đã chuẩn bị, mẩu thông báo mà nàng đã đặt đăng. Càng nói nàng càng thấy David nhìn mình chăm chú hơn, cái nhìn ẩn chứa vẻ gì đó như cảm giác bị tổn thương nặng nề. Nét mặt anh khiến nàng thoáng do dự; như thể anh đang bị lột mặt nạ và nàng đang nói chuyện với một kẻ xa lạ không thể lường trước phản ứng. Đôi mắt anh tối sầm lại, nàng chưa bao giờ nhìn thấy cảnh tượng đó, và cũng không thể đoán nổi anh đang nghĩ gì trong đầu.

“Anh không thích chuyện này,” nàng nói.

“Không phải thế.”

Nàng lại nhìn thấy nỗi đau trong mắt anh; nghe thấy nỗi đau trong giọng nói của anh. Vì khao khát muốn xoa dịu chồng, nàng suýt nữa rút lại tất cả, nhưng nàng bỗng cảm thấy sự ỳ trệ mà nàng đã thu hết nỗ lực để gạt sang một bên lại lớn vồn đàu đó trong phòng.

“Nó sẽ giúp em vượt qua nỗi đau,” nàng nói. “Chuyện đó không có gì sai trái cả.”

“Không,” anh nói. “Nó không có gì sai trái cả.”

Dường như anh định nói thêm, nhưng rồi anh tự kìm mình lại và thay vào đó, anh đứng lên, bước ra phía cửa sổ và nhìn chằm chằm vào bóng tối nơi công viên bên kia phố. “Nhưng chết tiệt thật, Norah.” Anh nói, giọng trầm đục và dần gắt, thứ giọng anh chưa từng nói bao giờ.

Cơn thịnh nộ ẩn dưới từng câu từng lời khiến nàng khiếp đảm. “Sao em cứ phải ngoan cố như vậy? Ít nhất thì em cũng phải nói với anh một tiếng trước khi gọi cho báo chí chứ?”

“Nó chết rồi,” Norah kêu lên, giờ thì chính nàng cũng giận điên người. “Có gì là đáng xấu hổ nào. Chẳng có lý gì phải giấu giếm chuyện đấy cả.”

Vai David cứng đờ, anh vẫn không quay lại. Một người lạ mặt, chiếc áo khoác màu san hô vắt trên tay trong trung tâm mua sắm Wolf Wile, anh ta có vẻ gì thân quen một cách kỳ lạ, giống như một người nàng đã rất thân thiết nhưng chưa gặp lại nhiều năm trời. Vậy mà giờ đây, một năm sau ngày cưới, dường như nàng chẳng biết tí gì về anh cả.

“David,” nàng nói, “chuyện gì đang xảy ra với chúng ta vậy?”

Anh không quay lại. Mùi thịt và khoai tây thơm ngào ngạt tràn ngập căn phòng; nàng sức nhớ bữa tối vẫn đang hâm lại trong lò, và bụng nàng sôi lên vì cơn đói nàng đã cố tình lơ đi suốt ngày hôm nay. Trên gác, Paul bắt đầu khóc, nhưng nàng vẫn ngồi yên tại chỗ, chờ đợi câu trả lời của anh.

“Chẳng có chuyện gì xảy ra với chúng ta cả,” cuối cùng anh cũng lên tiếng. Khi anh quay lại, nỗi đau vẫn còn hiển hiện sống động trong đôi mắt anh và còn điều gì khác nữa – giống như sự cương quyết – mà nàng không tài nào hiểu được. “Em đang đem chuyện bé xé ra to đấy Norah,” anh nói. “Anh nghĩ chuyện đó cũng dễ hiểu thôi.”

Lạnh lùng. Thô bạo. Kẽ cả. Paul lại càng khóc dữ hơn. Sức ép của cơn thịnh nộ khiến Norah quay cuồng, nàng chạy ào lên gác, bế thẳng bé lên và thay tã cho nó, thật nhẹ nhàng, nhẹ nhàng, mỗi động tác của nàng đều run lẩy bẩy vì căm giận. Rồi nàng ngồi xuống chiếc ghế đu, cởi nút áo, và cảm giác xoa dịu ủa đến. Nàng nhắm mắt lại. Dưới tầng

một, David bước quanh các phòng. Ít nhất thì anh đã được chạm vào con gái họ, đã nhìn thấy khuôn mặt con bé.

Nàng sẽ tổ chức buổi lễ, bằng mọi giá. Nàng sẽ làm chỉ vì mình mà thôi.

Từ từ, từ từ, khi Paul đã bú no, ánh sáng đã nhạt dần, nàng dần bình tĩnh trở lại, lại biến thành dòng sông bình lặng, sẵn lòng đón nhận thế giới và dễ dàng mang nó trôi theo dòng chảy của mình. Bên ngoài, từng đám cỏ đâm lên chậm rãi và lặng lẽ; những búi trứng nhện bắt đầu nứt vỏ; những cánh chim đập mãi miết. *Thật thiêng liêng*, nàng tự nhủ, cảm thấy như được kết nối với tất cả mọi sinh linh đang sống và từng sống qua đứa trẻ mình bế trên tay và cả đứa trẻ đang nằm dưới ba tấc đất. Một lúc lâu sau nàng mới mở mắt, chợt sững sờ bởi bóng tối và vẻ đẹp quanh mình: một vệt sáng nhỏ phản chiếu qua năm đấm cửa, hắt lên thành một cái bóng rung rinh trên tường. Tấm chăn mới của Paul, được đan với bao yêu thương trù mẫn, vắt trên thành cũi rủ xuống như sóng dợn. Và trên bàn phấn là lọ thủy tiên David vừa mới cắm, cánh mỏng manh như làn da và gần như phát quang trong bóng tối, thu hết ánh sáng hắt lên từ dưới sảnh.

IV

KHI TIẾNG NÓI CỦA CÔ TAN BIẾN TRÊN BÃI ĐỒ XE VẮNG TANH, Caroline sập cửa xe và lội qua lớp tuyết bản. Nhưng chỉ mới đi được vài bước, cô đã dừng chân và quay lại với đứa bé. Tiếng khóc yếu ớt của Phoebe vắng vắng trong đêm tối, thôi thúc Caroline bước qua con đường nhựa, qua khoảng sáng trống trải rộng lớn, đến trước cánh cửa tự động của cửa hàng bách hóa. Cửa khóa. Caroline gào thét và gõ cửa liên hồi, tiếng hét của cô hòa lẫn trong tiếng khóc của Phoebe. Bên trong, những hành lang dài thấp đèn sáng rực đều vắng vẻ. Một cái xô bỏ đi đứng gần đó, những lon đồ hộp sáng lấp lánh trong cảm lạnh. Trong vài phút Caroline chỉ đứng yên, lắng nghe tiếng Phoebe khóc và tiếng gió luồn qua những rặng cây xa xa. Sau rồi cô thu hết quyết tâm và vòng ra sau cửa hàng. Cánh cửa cuốn kim loại chỗ bãi đỗ hàng cũng đóng im ỉm, nhưng cô vẫn dần bước tới, xung quanh cô xông lên mùi thực phẩm thối rữa trên nền bê tông lạnh băng và trơn nhẫy do tuyết tan. Cô đá thật mạnh lên cánh cửa, thỏa mãn trước âm thanh chất chứa mà cú đá tạo ra, cô đá mãi, đá mãi cho tới khi thở không ra hơi.

“Cô này, nếu họ vẫn còn ở trong đó, chuyện này tôi chẳng dám chắc, thì họ cũng chưa mở cửa ngay đâu.”

Giọng một người đàn ông. Caroline quay lại và nhìn thấy anh ta đang đứng phía dưới cô, trên con dốc cho xe kéo moóc lùi vào bãi đỗ hàng. Ngay cả ở khoảng cách này cô cũng ước chừng được anh ta là một người rất cao lớn. Anh ta khoác một chiếc áo to sù và đội mũ len đan. Đôi tay đút sâu trong túi áo.

“Con tôi đang khóc,” cô nói, mặc dù chẳng cần thiết. “Xe tôi bị chết ắc quy. Có một chiếc điện thoại ở ngay sau cửa trước, nhưng tôi không với tới được.”

“Con cô mấy tuổi rồi?” người đàn ông cất tiếng hỏi.

“Mới sinh thôi,” Caroline trả lời, cô hầu như không nghĩ nổi điều gì, giọng cô đã gần như lạc đi trong nước mắt và sợ hãi. Thật nực cười, cái ý tưởng mà cô không ngớt nguyên rủa, thì đây, cô đang trong cảnh ấy đấy thôi – người đẹp lâm nạn.

“Giờ là tối thứ Bảy,” người đàn ông nhìn cô, giọng nói của anh ta vang xa trong không gian đầy tuyết giữa hai người. Bên ngoài bãi đỗ xe, phố xá yên lặng như tờ. “Tất cả ga ra trong thành phố đều đóng cửa cả rồi.”

Caroline không đáp lại.

“Này cô,” anh ta cất giọng chậm rãi, chất giọng chắc chắn nghe có vẻ đáng tin cậy. Caroline chợt nhận ra anh ta đang cố tỏ ra điềm tĩnh, dịu dàng; có lẽ anh ta nghĩ cô bị điên cũng nên. “Tôi lỡ để quên dây cáp kéo ở chỗ một lái xe tải tuần trước rồi, nên tôi không kéo xe giúp cô được. Nhưng như cô vừa nói đấy, ngoài này rất lạnh. Tôi đang nghĩ, sao cô không vào ngồi cùng tôi trong buồng lái? Trong đó ấm lắm. Tôi vừa chở một kiện sữa tới vài giờ trước, tôi còn đang chờ xem tình hình thời tiết ra sao. Ý tôi là cô cứ thoải mái, cô ạ. Cô cứ vào xe ngồi cùng tôi. Tôi sẽ để cô chút thời gian suy nghĩ cho kỹ nhé.” Thấy Caroline không trả lời ngay, anh ta bèn đế thêm, “Ý tôi là cả cô và con cô.”

Caroline nhìn sang bãi đỗ xe, tới tận cuối bãi, nơi một chiếc xe tải chở hàng với cái đầu kéo đen sì sáng bóng đứng im lìm. Cô đã trông thấy nó trước đó nhưng chẳng hề để ý. Một cái thùng xe màu bạc xỉn dài ngoẵng, sự hiện diện của nó như một tòa nhà bên rìa thế giới vậy. Trong tay cô, Phoebe hỗn hển lấy lại hơi và lại bắt đầu khóc.

“Thôi được,” Caroline quyết định. “Lúc này thì sao cũng được.” Rồi cô cẩn thận bước qua chỗ hành gấp nát. Khi cô ra tới bờ dốc, anh ta đã đứng chờ sẵn, một tay giơ lên để giúp cô bước xuống. Cô vịn lấy cánh

tay anh ta, dù hơi khó chịu nhưng cũng thầm biết ơn, vì cô biết dưới đồng rau củ đang thổi rửa và tuyết là lớp băng. Cô ngược lên nhìn mặt anh ta, hàm râu rậm, chiếc mũ lưỡi trai kéo sụp xuống tận chân mày, và dưới cặp lông mày, là một đôi mắt nâu sẫm: một đôi mắt nhân hậu. Thật nực cười, cô tự nhủ, khi họ cùng đi qua bãi đỗ xe. Điên rồ. Xuẩn ngốc nữa chứ. Anh ta có thể là một tên sát nhân bằng rìu lăm chứ. Nhưng sự thật là cô đã quá mệt để bận tâm đến chuyện đó.

Anh ta giúp cô nhặt nhanh vài thứ trong xe rồi yên vị trong buồng lái, anh ta bế Phoebe trong khi Caroline trèo lên chiếc ghế ngồi cao ngất ngưỡng, rồi chuyền Phoebe cho cô. Caroline rót ít sữa trong phích vào bình. Phoebe đã mệt lả đi, đến nỗi phải mất một lúc sau con bé mới nhận ra hơi sữa, ngay cả khi ấy nó vẫn phải trần người lên để bú. Caroline vuốt nhẹ lên má con bé, cuối cùng nó cũng ngậm lấy núm vú và bắt đầu bú.

“Lạ quá phải không,” người đàn ông cất lời khi con bé đã nín. Anh ta đã trèo lên ghế tài xế. Tiếng động cơ kêu rì rì trong bóng đêm, thật dễ chịu, như tiếng một con mèo khổng lồ, và thế giới trải rộng ra mãi tận chân trời tối tăm. “Ý tôi là những trận tuyết kiểu này ở Lexington ấy.”

“Cứ vài năm lại có một lần như thế,” cô trả lời. “Anh không phải là người ở đây đúng không?”

“Akron, Ohio,” anh ta đáp. “Nguyên quán thôi. Còn suốt năm năm nay tôi chỉ rong ruổi trên đường. Đạo này tôi thích coi mình như dân giang hồ ấy.”

“Anh không thấy cô đơn sao?” Caroline hỏi, cô chợt nghĩ tới những đêm cô ngồi một mình trong căn hộ. Cô không thể tin rằng mình lại ở đây, đang nói chuyện với một người xa lạ thân mật đến thế. Cảm giác vừa mới lạ lại vừa hồi hộp, như thể ta đang đặt hết niềm tin của mình vào một người mới quen trên tàu điện hay xe bus.

“Ờ thì, cũng đôi khi,” anh ta thừa nhận. “Công việc này rất cô đơn, chắc chắn rồi. Nhưng tôi cũng thường hay gặp được ai đó một cách rất tình cờ. Như đêm nay chẳng hạn.”

Trong buồng lái thật ấm áp, và Caroline thấy mình ngày càng quen dần với cái không khí ấy, cô ngả lưng xuống chiếc ghế ngồi êm ái cao ngất ngưỡng. Tuyết vẫn vùn vù trên những cột đèn đường. Chiếc xe của cô nằm giữa bãi đỗ, một khối màu đen thẫm tro tro phủ đầy bông tuyết.

“Cô đang định đi đâu?” anh ta hỏi cô.

“Tới Lexington thôi. Vài giờ trước có một vụ tai nạn trên đường cao tốc liên bang cách đây có vài dặm đường. Tôi cứ nghĩ mình sẽ tiết kiệm thêm chút thời gian và tránh được phiền toái cơ đấy.”

Khuôn mặt anh ta hơi sáng lên dưới ánh đèn đường, anh ta mỉm cười. Bất ngờ, Caroline cười theo và rồi cả hai cùng cười vang.

“Kế hoạch tối ưu,” anh ta nói.

Caroline gật đầu.

“Cô này,” sau một hồi im lặng, anh ta mới nói. “Nếu cô chỉ tới Lexington thì tôi có thể cho cô đi nhờ. Tôi cũng có thể đậu xe tải ở đó như ở nơi này. Ngày mai – ừm, ngày mai là Chủ nhật, đúng không? Nhưng sang đến thứ Hai, trước tiên cô có thể gọi dịch vụ trục kéo để xử lý chiếc xe của cô. Để xe ở đây an toàn lắm, chắc chắn đấy.”

Ánh sáng hắt từ cột đèn đường chiếu xiên qua khuôn mặt bé xíu của Phoebe. Anh ta giơ tay ra và vuốt lên trán con bé thật dịu dàng bằng bàn tay to bè của mình. Caroline thích sự ngập ngừng, vẻ điềm tĩnh của anh ta.

“Vây cũng được,” cô quyết định. “Nếu như thế không phiền đến anh.”

“Ôi trời, không đâu,” anh ta nói. “Khỉ ả, không. Thứ lỗi cho tôi đã lỡ lời nhé. Lexington ở ngay trên đường tôi đi thôi mà.”

Anh ta gom hết đồ đạc còn lại trong xe cô, vài bịch thức ăn và mấy tấm chăn. Tên anh là Al, Albert Simpson. Mò mẫm một hồi dưới sàn, anh ta tìm thấy thêm một chiếc cốc dưới ghế ngồi. Anh ta lấy khăn mùi soa lau chùi nó thật kỹ rồi mới rót cà phê trong phích ra đưa cho cô. Cô uống cà phê, thấy vui vui vì cà phê rất đặc, vui vì không khí ấm áp và vì có một người bạn đồng hành dù anh không biết chút gì về cô. Cô cảm thấy an toàn và hạnh phúc kỳ lạ, mặc dù trong xe xông lên mùi ẩm mốc và mùi tất bần, cùng với một đứa bé không phải con cô lại đang nằm ngủ trong lòng cô. Vừa lái xe, Al vừa nói đủ thứ chuyện, về cuộc đời rong ruổi trên khắp các tuyến đường của anh, xe chỉ dừng những lúc anh cần tắm rửa, cứ như thế từng dặm đường trôi qua dưới bánh xe, hết đêm này sang đêm khác.

Bị ru ngủ bởi tiếng bánh xe rì rì, bởi không khí ấm áp và những bông tuyết không ngừng tấp vào đèn pha, Caroline mơ màng trôi vào giấc ngủ. Khi họ vòng vào bãi đỗ xe trong khu chung cư nơi cô sống, chiếc xe tải chiếm trọn năm ô đỗ. Al ra khỏi xe trước để giúp cô xuống xe và bỏ mặc chiếc xe tải nằm đấy để bê mấy món đồ đạc của cô lên cầu thang phía ngoài. Caroline lẻo đẻo đi theo, tay bế Phoebe. Tấm rèm buông trên một ô cửa sổ phía dưới chợt hé ra tích tắc – Lucy Martin lại dòm dỏ như mọi ngày – Caroline đứng khựng lại, trong một giây cô bỗng thấy đầu óc quay cuồng. Bởi tuy mọi thứ vẫn giữ nguyên như cũ, nhưng chắc chắn cô không còn là người phụ nữ đã rời đây nửa đêm hôm trước, người đã lợi bộ qua tuyết để tới được chiếc xe của mình. Chắc chắn cô đã bị biến đổi hoàn toàn, nhiều đến mức lẽ ra cô nên bước vào những căn phòng khác, đứng dưới thứ ánh sáng khác kia. Thế nhưng chiếc chìa khóa quen thuộc của cô vẫn trượt vào và nằm gọn

trong ổ khóa thân quen. Khi cánh cửa mở ra, cô bé Phoebe vào căn phòng cô đã thuộc nằm lòng từng tiểu tiết: tấm thảm màu nâu sẫm dày dặn, chiếc sofa bọc vải kẻ ca rô và chiếc ghế bành cô mua trong một đợt giảm giá, chiếc bàn uống cà phê mặt kính, quyển tiểu thuyết cô hay đọc trước khi đi ngủ – *Tội ác và trừng phạt* – đã được đánh dấu trang cẩn thận. Cô đã ngủ quên đúng đoạn Raskolnikov thú nhận mọi chuyện với Sonya, mơ thấy họ trong căn gác lạnh lẽo và sau đó bị đánh thức bởi tiếng chuông điện thoại và cơn mưa tuyết ngập tràn phố xá.

Al lúng túng bước vào, người đứng chắn hết cửa. Anh ta có thể là một tay giết người hàng loạt, hay tội phạm cưỡng dâm, hay một tay lừa đảo tráo trở lắm chứ. Anh ta có thể là bất cứ hạng người nào.

“Tôi có một cái giường sofa đấy,” cô nói. “Tối nay anh có thể sử dụng tùy ý.”

Sau một phút phân vân, anh ta bước hẳn vào trong.

“Còn chồng cô thì sao?” anh ta nhìn quanh hỏi.

“Tôi chẳng có chồng nào cả,” cô đáp, và ngay lập tức nhận ra sai lầm của mình. “Không có nữa thôi.”

Anh ta cứ đứng yên nhìn cô, chiếc mũ len cầm tay, những lọn tóc xoăn đen kỳ lạ thò ra lờm chờm trên đầu. Cô cảm thấy uể oải, nhưng vẫn bị kích thích bởi cốc cà phê vừa uống và sự mệt mỏi của bản thân, cô bỗng tự hỏi không hiểu trong mắt anh ta trông mình ra sao – bộ đồng phục y tá vẫn mặc trên người, mái tóc nhiều giờ qua chưa được chải chuốt, áo khoác không cài nút, lại thêm đứa bé trên tay cô, đôi tay rã rời.

“Tôi không muốn gây phiền toái cho cô,” anh ta nói.

“Phiền toái?” cô kêu lên. “Không có anh thì giờ tôi vẫn còn đang loay hoay ở bãi đỗ xe kia.”

Nghe vậy anh ta toét miệng cười, sau đó quay lại chỗ chiếc xe tải, và chỉ vài phút sau đã quay lại với một túi vải bạt nhỏ màu lục sẫm.

“Có ai đó đang theo dõi chúng ta từ cửa sổ tầng dưới ấy. Cô có chắc tôi sẽ không gây phiền toái gì cho cô không?”

“Lucy Martin đấy mà,” Caroline đáp. Phoebe lại quấy, cô bỏ bình sữa ra khỏi bình ủ, nhỏ ít sữa ra cánh tay để thử rồi ngồi xuống. “Cô ta buồn chuyện nhiều phát sợ đi được ấy. Tin tôi đi. Anh thật sự làm cô ta khoái chí đấy.”

Phoebe không chịu bú sữa, thêm nữa, nó bắt đầu quấy khóc, Caroline bèn đứng dậy, đi đi lại lại quanh phòng, vừa đi vừa ru khe khẽ. Trong khi đó, Al bắt tay vào việc ngay lập tức. Chỉ loáng một cái anh ta đã kéo chiếc giường sofa ra và trải chăn nệm chần chu, các mép chăn gấp rất gọn đúng kiểu nhà binh. Cuối cùng Phoebe cũng thôi khóc, Caroline gật đầu với anh ta và thì thầm chúc ngủ ngon. Cô đóng thật chặt cánh cửa phòng ngủ. Cô nghĩ một người như Al hẳn sẽ nhận ra sự thiếu vắng của một chiếc nôi trẻ em.

Trên đường đi Caroline đã trù tính mọi việc kỹ lưỡng, giờ cô bỏ một chiếc ngăn kéo bàn trang điểm ra, đổ hết những món đồ được xếp ngăn nắp trong đó thành một đống lên sàn nhà. Xong xuôi cô gấp hai cái khăn tắm làm lớp lót, gài xung quanh một tấm vải gấp, rồi đặt Phoebe vào giữa lớp chăn nệm. Khi cô leo lên giường, cảm giác mệt nhọc cuốn lấy cô như sóng lũ, cô chìm vào giấc ngủ ngay tức khắc, một nhấc ngủ mê mệt không mộng mị. Cô không hề nghe thấy tiếng ngáy như sấm của Al vọng vào từ phòng khách, tiếng máy xúc tuyết chạy rầm rầm dưới bãi đỗ xe, cả tiếng lạch cạch của xe chở rác đi qua phố. Nhưng khi Phoebe khóc, một lúc nào đó quãng nửa đêm, Caroline đã bật dậy chỉ

trong tích tắc. Cô mò mẫm trong bóng tối mà như bơi trong nước, mệt mỏi nhưng có chủ đích: cô thay tã cho Phoebe, ủ ấm bình sữa, dồn hết tâm sức vào đứa bé trong tay mình và những nhiệm vụ trước mắt – cực kỳ cấp thiết, cực kỳ tốn thì giờ và không thể không làm – những nhiệm vụ mà giờ chỉ mình cô có thể hoàn thành, những nhiệm vụ không thể trì hoãn một giây phút nào.

* * *

Caroline tỉnh dậy trong ánh sáng chói chang với mùi trứng và thịt muối thơm ngào ngạt. Cô vùng dậy, xỏ tạm chiếc áo choàng và cúi xuống chạm vào bầu má êm mượt của con bé. Sau đó cô đi xuống bếp, thấy Al đang phết bơ lên bánh mì.

“A, chào cô,” anh ta ngược lên. Mái tóc của anh đã được chải vuốt nhưng vẫn còn hơi bờm xờm. Sau đầu anh ta lộ ra một đốm hói nhỏ, quanh cổ lủng lẳng một sợi dây chuyền có mặt trái tim. “Hy vọng cô không khó chịu vì sự tùy tiện của tôi. Hôm qua tôi còn chưa kịp ăn tối.”

“Thơm quá,” Caroline nói. “Tôi cũng đang đói meo đây.”

“À, vậy hả,” vừa nói anh ta vừa đưa cô một tách cà phê. “May mà tôi làm nhiều. Cô có căn nhà xinh xắn gọn gàng quá. Đẹp mà lại sạch sẽ nữa.”

“Anh có thích không?” cô hỏi. Cà phê thơm và đậm hơn so với thứ cà phê ngày thường cô vẫn pha. “Tôi đang tính chuyển đi.”

Những lời ấy làm chính cô cũng phải ngạc nhiên, nhưng dường như từng lời nói ra đều là thật. Ánh sáng ban ngày chiếu xiên ngang tấm thảm nâu sẫm và cả trên tay vịn chiếc sofa cô ngồi. Nước chảy nhỏ giọt trên mái hiên phía ngoài. Cô đã dành dụm tiền của trong bao năm trời, đã tưởng tượng đến lúc mình sống trong một căn nhà riêng hay dự phần vào một cuộc phiêu lưu mạo hiểm nào đó, và giờ thì cô ngồi đây:

một đứa trẻ ngủ trong phòng ngủ của cô, một người lạ mặt ngồi bên chiếc bàn của cô, còn chiếc xe của cô thì kẹt ở Versailles.

“Tôi đang tính chuyển tới sống ở Pittsburgh,” cô lại nói, một lần nữa khiến bản thân ngạc nhiên quá đỗi.

Al lấy chiếc xẻng con lật trứng, rồi xúc ra đĩa. “Pittsburgh hả? Chỗ đó hay lắm. Sao cô lại muốn chuyển đến đấy?”

“À, mẹ tôi có họ hàng thân thích ở đấy,” Caroline đáp, trong khi anh ta đặt mấy đĩa thức ăn lên bàn và ngồi xuống phía đối diện với cô. Dường như chỉ cần một lời nói dối phát ra, thì chẳng còn giới hạn nào cho những câu dối trá tiếp theo nữa.

“Cô biết đấy, tôi muốn nói là tôi rất tiếc,” Al nói. Đôi mắt sẫm của anh ta trông thật nhân hậu. “Vì bất cứ điều gì đã xảy đến với cha của con cô.”

Caroline quên bẵng đi là mình đã bịa ra một ông chồng, vì vậy cô thực sự bất ngờ trước những gì Al nói, chứng tỏ anh ta không tin cô từng có chồng. Anh ta nghĩ cô là mẹ của một đứa con ngoài giá thú, có lẽ vậy. Họ cùng ăn mà không nói năng gì nhiều, chỉ thỉnh thoảng bình phẩm về chuyện thời tiết, chuyện giao thông và nơi Al sắp đến, Nashville, Tennessee.

“Tôi chưa bao giờ tới Nashville,” Caroline đưa đẩy câu chuyện.

“Chưa à? Ồ, thế thì ta cùng lên xe đi, cả cô và bé con của cô luôn,” Al kêu lên. Đó chỉ là câu đùa, nhưng ẩn dưới nó lại là một lời đề nghị. Đó không thực là lời đề nghị dành cho cô, mà là dành cho bà mẹ không có hôn thú, một vai trò cô đang phải gánh chịu. Tuy vậy, trong phút chốc Caroline bỗng mừng tưng ra cảnh cô bước khỏi cửa cùng những hòm xiểng chắn màn của mình và không bao giờ còn quay đầu lại nữa.

“Có lẽ để lần sau vậy,” cô đáp, tay vươn ra với lấy bình cà phê. “Tôi vẫn còn vài chuyện phải thu xếp nốt.”

Al gật đầu. “Rồi. Tôi cũng hiểu mấy chuyện đấy lắm.”

“Dù sao cũng cảm ơn anh nhé,” cô nói. “Tôi rất trân trọng lời mời của anh.”

“Vậy là tôi vui rồi,” anh ta đáp vẻ nghiêm trang, rồi đứng dậy rồi đi – Caroline đứng bên cửa sổ nhìn anh ta đi bộ ra chỗ đỗ xe, leo mấy bậc trèo vào buồng lái và giơ một tay ra vẫy cô từ khung cửa mở rộng. Cô vẫy tay chào lại, trong lòng vui vui khi thoáng thấy nụ cười của anh ta, thật cởi mở và phóng khoáng, bất ngờ thấy tim mình rộn lên. Trong cô bỗng còn lên ước muốn chạy theo anh, cô nhớ chiếc giường nhỏ đặt phía sau buồng lái, nơi thỉnh thoảng anh vẫn ngả lưng, nhớ cách anh vượt lên trán Phoebe thật dịu dàng. Chắc chắn một người đàn ông sống cuộc đời đơn độc đến thế có thể giữ kín những bí mật của cô, có thể đón nhận những ước mơ và cả nỗi sợ hãi trong cô. Nhưng động cơ đã nổ giòn, khói phun lên từ chiếc ống bạc trên nóc buồng lái, và anh ta cẩn thận lái xe rời bãi đỗ tiến ra con phố vắng lạnh rồi đi xa dần.

* * *

Hai tư giờ sau đó Caroline ngủ và thức theo thời gian biểu của Phoebe, chỉ tỉnh những lúc cần ăn uống. Lạ ở chỗ; cô luôn là người rất quy củ trong chuyện này vì sợ rằng ăn uống tùy tiện là biểu hiện của tính lập dị và sự khép kín, nhưng giờ cô ăn vào những giờ cực kỳ thất thường: cô bốc luôn ngũ cốc lạnh còn đựng trong túi, đứng xúc kem từ hộp giấy ra ăn ngay bên quầy bếp. Dường như khi ấy cô đã rơi vào trạng thái mơ hồ, ở lưng chừng giữa tỉnh và thức, ở đó cô không còn phải lo lắng thái quá về kết quả những quyết định của mình, hay về số phận của đứa trẻ đang nằm ngủ trong ngăn kéo chiếc bàn phấn của cô, hay thậm chí là số phận của chính cô nữa.

Buổi sáng thứ Hai cô thức dậy vừa kịp giờ để báo nghỉ ốm. Cô tiếp tân Ruby Centers là người nhận điện.

“Cậu có ổn không đấy?” cô ta hỏi. “Nghe giọng cậu khiếp quá.”

“Chắc mình bị dính cúm rồi,” Caroline đáp. “Có lẽ mình sẽ nghỉ vài ngày. Ở phòng khám có chuyện gì không?” Cô cố lấy giọng thản nhiên. “Vợ bác sĩ Henry vừa sinh con phải không?”

“Ôi, mình có biết gì đâu,” Ruby nói. Caroline tưởng tượng ra cái cau mày trầm tư của cô ta, quầy tiếp tân đã được lau chùi sạch bong để sẵn sàng cho một ngày làm việc mới, chiếc lọ cắm mấy bông hoa giả để một góc. “Đã có ai đến đâu, nhưng có cả trăm bệnh nhân ở đây rồi ấy. Có vẻ như mọi người bị nhiễm hết bệnh cúm của cô rồi, thưa cô Caroline.”

Caroline vừa gác máy thì ngoài cửa có tiếng gõ. Lucy Martin, không nghi ngờ gì nữa. Caroline chỉ ngạc nhiên là sao tới giờ này ả mới chịu lộ mặt ra.

Lucy mặc một cái váy có in hình những bông hoa to màu hồng rực rỡ, khoác chiếc tạp dề diềm hồng, và đi đôi dép lê đã mòn xơ mòn xác. Caroline vừa mở cửa, ả bước ngay vào, mang theo nửa ổ bánh nhân chuối bọc trong lớp ni lông.

Ai ai cũng nói Lucy là người có tấm lòng vàng, nhưng chỉ riêng sự hiện diện của ả cũng khiến Caroline sồn gai ốc. Những thứ bánh trái và món ăn nóng hổi do chính tay ả làm chính là tấm giấy thông hành giúp ả tham gia vào bất cứ câu chuyện ngồi lê đôi mách nào: từ chuyện chết chóc hay tai nạn, đến chuyện sinh nở, cưới xin và tang ma. Có điều gì đó không ổn trong vẻ háo hức của ả, thói tọc mạch bệnh hoạn trước những tin tức chả tốt lành gì, vì vậy Caroline thường cố gắng giữ khoảng cách với ả.

“Em nhìn thấy khách của chị rồi nhá,” Lucy vừa nói vừa vỗ lên tay Caroline. “Ồi trời! Anh ta trông được đấy chứ? Em không thể chờ đến lúc được nghe tin vui đâu đấy!”

Lucy ngồi xuống chiếc giường sofa giờ đã được gấp lại. Caroline chọn chiếc ghế bành. Cánh cửa phòng ngủ nơi Phoebe đang nằm ngủ vẫn hé mở.

“Chị yêu, chị có ốm không đấy?” Lucy nói. “Tự nhiên em lo quá, tại vì bình thường tầm giờ này chị đã đi làm từ lâu rồi kia.”

Caroline nhìn khuôn mặt háo hức của Lucy, cô biết rằng bất cứ điều gì mình nói ra sẽ nhanh chóng bay đến tai khắp mọi người trong thành phố – rằng chỉ trong hai, hoặc ba ngày nữa, sẽ có người chặn đường cô ở cửa hàng bách hóa hay nhà thờ để gặng hỏi về người lạ mặt đã qua đêm ở nhà cô.

“Người cô thấy đêm qua là cậu em họ tôi đấy,” Caroline nói rất thản nhiên, một lần nữa cô lại cảm thấy kinh ngạc trước thứ năng lực bất ngờ mình vừa khai thác được, bởi những lời nói dối trôi chảy và tự nhiên của chính mình. Nó đến với cô thật dễ dàng, thậm chí cô còn không mấy may chớp mắt.

“Ô, thế mà em cứ *tưởng*,” Lucy nói, vẻ hơi thất vọng.

“Tôi biết,” Caroline đáp. Bằng một cú đánh chặn bất ngờ mà về sau cứ mỗi lần nghĩ lại cô vẫn còn thấy ngạc nhiên, cô tiếp lời. “Khổ thân cậu Al. Vợ cậu ấy đang nằm viện.” Cô nghiêng người lại gần hơn, giọng hạ thấp. “Tội lắm, Lucy ạ. Con bé mới có hai năm tuổi đầu, nhưng thấy họ chẩn đoán có lẽ nó bị u não. Con bé yếu đi nhanh quá, Al phải đưa nó từ dưới Somerset lên đây để gặp chuyên gia. Còn đứa bé này là con của hai vợ chồng nó. Tôi bảo cậu ấy là, Này, cậu phải ở bên cạnh vợ chứ, phải túc trực ngày đêm ở bệnh viện ấy. Cứ để con tôi trông cho.

Tôi nghĩ vì tôi là y tá nên chắc vợ chồng cậu ấy cũng thấy yên tâm hơn. Tôi hy vọng cô không phiền vì con bé quấy khóc.”

Trong vài phút sau đó Lucy chỉ biết câm lặng vì sững sờ, và Caroline bỗng hiểu cảm giác khoan khoái – thứ quyền năng – sau khi tung một vố bất ngờ đến vậy.

“Ôi trời, khổ thân em họ chị và vợ cậu ấy! Đứa bé được mấy tuổi rồi?”

“Chỉ mới ba tuần tuổi thôi,” Caroline đáp, sau đó, trong lòng phần khích, cô đứng dậy. “Đợi ở đây nhé.”

Cô vào phòng ngủ và bế Phoebe từ chiếc ngăn kéo bàn trang điểm, cố giữ cho mấy lớp chăn quấn chặt quanh người con bé.

“Con bé xinh không này?” vừa hỏi cô vừa ngồi xuống cạnh Lucy.

“Ôi, xinh thật. Em bé đáng yêu quá đi mất!” Lucy kêu lên, nói rồi cầm lấy bàn tay nhỏ xinh của Phoebe.

Caroline mỉm cười, bất chợt trong lòng trào dâng cảm giác vừa tự hào vừa mãn nguyện. Những đặc điểm cô đã thấy trong phòng sinh – đôi mắt xéch, cái mặt hơi phẳng – đã trở nên quá đổi thân thương, tới mức cô hầu như chẳng còn để ý đến nữa. Còn Lucy, với con mắt của dân ngoại đạo, không hề nhận ra những nét ấy. Phoebe cũng giống như mọi đứa trẻ bình thường, nhạy cảm, dễ thương, và hay đòi hỏi.

“Tôi thích ngắm nó lắm,” Caroline thú thật.

“Ôi, bà mẹ tội nghiệp,” Lucy thì thầm. “Liệu cô ấy có sống được không chị?”

“Không ai biết cả,” Caroline trả lời. “Phải chờ thôi.”

“Chắc họ đau khổ lắm,” Lucy nói.

“Ừ. Họ buồn lắm. Thậm chí chẳng thèm ăn uống gì nữa kia.”

Caroline giải bày, tiện thể lái chủ đề sang món ăn thơm ngon mới ra lò do Lucy tự tay làm.

* * *

Trong hai ngày tiếp đó, Caroline không hề bước chân ra khỏi nhà. Cô chỉ tiếp xúc với thế giới qua báo chí, người đưa thực phẩm, người giao sữa, tiếng xe cộ. Thời tiết dần thay đổi, tuyết đã tan, cũng đột ngột như khi đổ xuống, chảy dọc theo gờ tường các tòa nhà rồi thoát xuống cống. Với Caroline, những ngày đã qua cũng phai nhạt dần, chỉ còn là một chuỗi hình ảnh và ấn tượng rời rạc: hình dáng chiếc Ford Fairlane của cô, ắc quy được nạp đầy lại, rồi được đưa vào bãi đỗ; ánh nắng xuyên qua ô cửa sổ mờ bụi; hơi đất ẩm mốc phảng phất; một con chim cổ đỏ đậu trên máng ăn. Cô luôn bị ám ảnh bởi những lo toan, nhưng thường những lúc ngồi bế Phoebe, cô ngạc nhiên khi thấy lòng mình hoàn toàn thư thái. Những gì cô nói với Lucy Martin là thật: cô thích ngắm đứa bé này. Cô thích ngồi dưới ánh nắng và bế nó trong tay. Cô tự dặn mình không được yêu Phoebe; rằng cô chỉ là bến đỗ tạm thời cho nó thôi. Khi ở phòng khám Caroline đã ngắm nhìn David Henry đủ nhiều nên cô hoàn toàn tin rằng anh là người đầy lòng trắc ẩn. Đêm ấy, khi anh ngẩng đầu lên khỏi chiếc bàn giấy, mắt chạm mắt với cô, cô đã thấy trong ánh mắt ấy lòng nhân hậu vô bờ bến. Cô tin chắc rằng một khi cú sốc đã qua đi, anh sẽ có quyết định đúng đắn.

Cứ mỗi lần chuông điện thoại reo cô lại thoáng giật mình. Nhưng ba ngày trôi qua mà chẳng có lời nào từ anh.

Buổi sáng thứ Năm, ngoài cửa có tiếng gõ. Caroline vội vàng chỉnh lại thắt lưng chiếc váy đang mặc, vuốt sơ mái tóc rồi chạy ra mở cửa. Nhưng hóa ra chỉ là một nhân viên vận chuyển, anh ta cầm một lẵng

đầy hoa: đám hoa baby đỏ thắm xen lẫn phớt hồng. Hoa Al gửi. Trên chiếc card anh ghi mấy dòng này: *Cám ơn cô vì sự mến khách. Có lẽ tôi sẽ được gặp lại cô vào chuyến xe sau.*

Caroline ôm hoa vào nhà và bày lên bàn cà phê. Trong cơn phấn khích, cô cầm tờ *The Leader* lên, đã mấy ngày nay cô chưa động vào nó; cô tháo sợi chun cao su, rồi liếc qua mấy bài viết, không thực để tâm đến một bài nào. Tình hình căng thẳng ngày càng gia tăng ở Việt Nam, rồi các bài báo ở mục xã hội về chuyện tuần vừa qua ai vui vẻ với ai, rồi trang hình các phụ nữ trong vùng diện một mũ mới cho mùa xuân. Caroline vừa định quăng tờ báo xuống thì một ô vuông viền đen đập vào mắt cô.

Lễ tưởng niệm

Dành cho con gái thân yêu của chúng tôi

Phoebe Grace Henry

Sinh và mất ngày mùng 6 tháng Ba năm 1964

Tổ chức tại Nhà thờ Lexington

Vào hồi 9.00, thứ Sáu, ngày 13 tháng Ba năm 1964.

Caroline chậm chạp ngồi xuống. Cô đọc đi đọc lại bản thông báo. Thậm chí cô còn sờ lên từng dòng chữ, như thể làm như thế có thể khiến chúng trở nên rõ ràng, dễ hiểu hơn. Tờ báo vẫn cầm trên tay, cô đứng dậy đi vào phòng ngủ. Phoebe vẫn đang ngủ trong chiếc ngăn kéo, cánh tay tái nhợt sã xuống trên mấy tấm chăn. Sinh và mất. Caroline quay lại phòng khách và gọi điện đến phòng khám. Ruby nhắc máy ngay sau tiếng chuông đầu tiên.

“Không ngờ lại là cậu à?” cô ta kêu lên. “Chỗ này cứ như là cái trại thương điên ấy. Hình như ở thành phố ai cũng dính cúm cả rồi thì

phải.” Rồi cô ta hạ thấp giọng. “Cậu nghe gì chưa Caroline? Chuyện bác sĩ Henry và con anh ấy ấy? Họ có hai đứa sinh đôi đấy. Thằng bé thì khỏe; nó xinh lắm. Nhưng con bé thì mất ngay lúc sinh. Tội quá.”

“Mình đọc trên báo rồi.” Caroline thấy hàm và lưỡi cứng đơ lại. “Nhờ cậu nhắc bác sĩ Henry gọi cho mình với, được không? Nói với anh ấy là có chuyện quan trọng lắm. Mình đã đọc báo rồi,” cô lặp lại. “Nhớ bảo anh ấy thế nhé, được không Ruby?” Nói rồi cô gác máy và ngồi trân trân nhìn cây tiêu huyền và bãi đỗ xe phía xa xa.

Một tiếng sau anh đã tới gõ cửa nhà cô.

“Chào anh,” cô nói rồi mời anh vào nhà.

David Henry bước vào và ngồi xuống sofa, lưng anh còng xuống, chiếc mũ cầm trong tay. Cô cũng ngồi xuống chiếc ghế tựa phía đối diện và nhìn anh như thể chưa từng gặp anh bao giờ.

“Norah đã cho đăng thông báo,” anh nói. Khi anh ngẩng mặt lên cô bỗng thấy lòng thất vọng vì thương cảm, trên trán anh đã hằn lên nhiều nếp nhăn, đôi mắt đỏ ngầu, dường như anh đã không ngủ nhiều ngày nay.

“Cô ấy tự ý làm mà không nói trước cho tôi biết.”

“Nhưng cô ấy nghĩ con gái mình đã chết,” Caroline nói. “Có phải anh đã nói với cô ấy như vậy không?”

Anh chậm chạp gật đầu. “Tôi cũng định cho cô ấy biết sự thật. Nhưng khi tôi mở miệng ra, tôi không thể nói nên lời được. Lúc ấy tôi nghĩ mình đang giúp cô ấy bớt đau khổ.”

Caroline nghĩ đến những lời nói dối của mình, câu nọ nối câu kia.

“Tôi không gửi con bé ở Louisville,” cô khẽ nói. Cô ra dấu về phía cánh cửa phòng ngủ. “Con bé ở trong kia. Đang ngủ.”

David Henry ngược mắt lên. Caroline hoảng hốt khi nhìn thấy khuôn mặt anh trắng bệch; cô chưa từng thấy anh tỏ vẻ rúng động đến thế bao giờ.

“Tại sao không?” anh chì chiết, gần như nổi điên lên. “Tại sao lại không hả trời?”

“Anh đã đến đó bao giờ chưa?” cô hỏi, trong đầu bỗng hiện ra hình ảnh người phụ nữ xanh xao với những món tóc sẫm rơi xuống tấm vải sơn lạnh lẽo. “Anh đã nhìn thấy nơi đó bao giờ chưa?”

“Chưa.” Anh cau mày. “Chỉ vì chỗ đó có vẻ rất tốt, vậy thôi. Trước đây tôi cũng đã giới thiệu vài người đến đấy. Tôi chưa thấy có ai phàn nàn gì cả.”

“Nơi đó kinh khủng lắm,” cô nói, trong lòng thấy nhẹ nhõm hẳn. Vậy là anh không biết mình đang làm gì. Dù muốn ghét anh, nhưng cô vẫn còn nhớ những đêm anh nán lại phòng khám để chữa bệnh cho những người bệnh không có đủ tiền thang thuốc chạy chữa. Những người lặn lội từ nông thôn lên, từ vùng núi cao xuống, đã phải trải qua một cuộc hành trình dài vất vả để tới Lexington, tiền bạc chẳng có, chỉ biết hy vọng. Các nhân viên khác làm việc cùng phòng khám chả bận mà gì với chuyện đó, nhưng bác sĩ Henry vẫn không ngừng nghỉ. Anh không phải người xấu, cô biết lắm chứ. Anh ấy không phải một con quái vật. Nhưng việc này – tổ chức lễ tưởng niệm cho một đứa trẻ vẫn còn sống – thì thực sự là man rợ.

“Anh phải nói cho cô ấy biết đi,” cô nói.

Khuôn mặt anh vẫn tái nhợt, nhưng lộ rõ vẻ cương quyết. “Không,” anh đáp. “Đã quá muộn rồi. Cô muốn làm gì cũng được, Caroline ạ,

nhưng tôi không thể nói cho cô ấy biết. Tôi sẽ không nói.”

Thật kỳ lạ; cô ghét anh kinh khủng vì những gì anh vừa nói ra, nhưng cũng trong chính khoảnh khắc ấy, cô cảm giác giữa mình và anh tồn tại một mối gắn bó khăng khít, hơn bất kỳ mối quan hệ nào cô từng có. Họ được nối với nhau bởi điều gì đó thật lớn lao, và dẫu có chuyện gì xảy ra họ cũng không thể bị tách rời. Anh cầm lấy tay cô, đối với cô hành động này thật tự nhiên. Rồi anh đưa sát lên môi và hôn lên bàn tay ấy. Cô thấy rõ môi anh ép lên đốt xương và hơi thở của anh phả lên làn da cô thật ấm áp.

Giá kể khi anh ngẩng đầu lên và buông tay cô ra, khuôn mặt anh có lộ chút gì như sự toan tính, thứ gì khác ngoài nét rối bời đau đớn, có lẽ cô đã làm điều cần làm. Cô sẽ nhắc điện thoại và gọi ngay cho bác sĩ Bentley hoặc cho cảnh sát, cô sẽ thú nhận tất cả. Nhưng đôi mắt anh lại đắm nước.

“Con bé nằm trong tay cô đấy,” nói rồi anh buông tay cô ra. “Tôi gửi nó cho cô. Tôi cứ nghĩ cái trại làm phúc ở Louisville là nơi tốt cho con bé. Tôi đâu có quyết bừa. Con bé cần được chăm sóc y tế mà không phải chỗ nào cũng sẵn. Dù cô định làm gì, tôi cũng tôn trọng ý kiến của cô. Kể cả nếu cô báo cho nhà chức trách, tôi cũng xin nhận tội. Cô sẽ không phải chịu bất cứ rắc rối nào đâu, tôi hứa đấy.”

Nét mặt anh càng nặng nề thêm. Lần đầu tiên Caroline nghĩ tới những việc xa hơn hiện tại, xa hơn đứa bé đang nằm trong căn phòng kế bên. Chưa bao giờ cô tưởng tượng nổi sự nghiệp của họ lại có lúc đứng bên bờ vực thẳm như thế.

“Tôi không biết,” cô nói chậm chạp. “Tôi phải nghĩ đã. Tôi không biết phải làm gì nữa.”

Anh rút ví ra và móc sạch tiền của trong đó ra. Ba trăm đô la – cô thấy sốc, không ngờ anh lại mang theo nhiều tiền đến thế.

“Tôi không cần tiền của anh,” cô nói.

“Tiền này không phải cho cô đâu,” anh chặn lời. “Là cho đứa trẻ.”

“Phoebe. Tên nó là Phoebe,” Caroline vừa nói vừa đẩy mớ tiền đi. Cô nhớ tới tờ giấy khai sinh vẫn để trống, chỉ có chữ ký của David viết vội vã trong buổi sáng đầy tuyết hôm ấy. Ghi tên của Phoebe, và tên của cô vào đó thì quá dễ.

“Phoebe,” anh nói. Anh đứng dậy ra về, bỏ lại tiền trên bàn. “Xin cô, Caroline, đừng vội làm gì khi chưa nói trước với tôi một tiếng. Tôi chỉ xin cô có vậy. Xin cô báo trước cho tôi, dù cô quyết làm gì đi nữa.”

Nói rồi anh bỏ đi, và mọi vật vẫn nguyên như nó vốn thế: chiếc đồng hồ trên mặt lò sưởi, khoảng vuông sáng trên sàn nhà, bóng những cành cây trụi hần lên thật sắc nét. Trong vài tuần nữa lá mới sẽ đâm lên, phủ đầy cây cối và biến đổi những hình ảnh in trên sàn nhà. Cô đã nhìn thấy cảnh này rất nhiều lần rồi, vậy mà căn phòng giờ bỗng trở nên xa lạ quá đỗi, dường như cô chưa từng sống ở đây một phút nào. Bao năm qua cô hầu như chẳng mua thêm mấy thứ cho riêng mình, cô đã sống một cuộc đời thanh đạm và không ngừng mơ mộng về cuộc sống thực sự của mình ở một nơi nào khác. Chiếc sofa bọc vải kẻ ca rô, cái ghế tựa tương hợp – cô khá ưng mấy món đồ này, cô đã tự tay chọn, vậy mà giờ đây cô bỗng thấy mình có thể rời bỏ chúng thật dễ dàng. Rồi bỏ tất cả, cô tự nhủ rồi nhìn quanh nhà, những bức tranh phong cảnh lồng khung, cái giá để tạp chí đan bằng liễu gai kê sát sofa, chiếc bàn cà phê thấp. Căn hộ nơi cô sống dường như chẳng cá tính gì hơn chỗ sanh đợi ở bất cứ một phòng khám nào trong thành phố. Mà kể ra thì ngàn ấy năm trời đã qua, mà cô có làm được việc gì khác đâu, ngoài chờ đợi?

Cô cố gắng kiềm chế những suy nghĩ của mình. Chắc chắn có một cách khác, ít gây biến động hơn. Giá là mẹ cô, hẳn bà sẽ lắc đầu quầy

quây, rồi gài cô dùng cố sắm vai Sarah Bernhardt⁽⁸⁾ mà làm gì. Trong nhiều năm ròng Caroline chẳng biết Sarah Bernhardt là ai cả, nhưng cô vẫn hiểu mẹ cô muốn nói điều gì: mọi sự quá khích đều không tốt, nó xáo trộn trật tự bình lặng trong cuộc sống của họ. Vì vậy Caroline đã luôn cẩn trọng kiểm xét mọi cảm xúc của mình, như người ta kiểm tra các túi trên áo khoác vậy. Cô gạt chúng sang bên và nghĩ sau này mình sẽ tìm lại những cảm xúc ấy, nhưng tất nhiên cô chưa bao giờ đạt được điều đó, cho tới khi cô nhận đứa trẻ này từ tay bác sĩ Henry. Có điều gì đó đã bắt đầu, và giờ thì cô không thể ngăn lại nữa. Hai dòng cảm xúc lẫn lộn xâm chiếm tâm trí cô: sợ hãi và háo hức. Cô có thể rời bỏ nơi này ngay hôm nay. Cô có thể bắt đầu một cuộc sống mới ở một nơi khác. Cô phải làm thế, dù cô định xử trí ra sao với đứa bé này. Thành phố này rất nhỏ, cô khó lòng đi mua sắm mà không gặp những người quen biết. Cô tưởng tượng nếu những lời nói dối của mình cùng tình thương cô dành cho đứa trẻ bị bỏ rơi này lộ ra, hẳn khi ấy đôi mắt Lucy Martin sẽ trở ra rất to với một vẻ thỏa mãn ngấm ngầm. Mọi người sẽ xì xào này nọ, rằng *tội nghiệp bà gái già, thêm có con quá đấy mà*.

Tôi gửi nó vào tay cô đấy, Caroline. Khuôn mặt anh già sạm đi cả chục tuổi, nhăn nheo như một cái vỏ hồ đào.

Sáng hôm sau, Caroline dậy thật sớm. Đó là một ngày đẹp trời, cô mở toang cửa sổ, để không khí trong lành và mùi hương của mùa xuân tràn vào. Phoebe thức dậy hai lần trong đêm, khi con bé ngủ lại Caroline đã tranh thủ đóng gói đồ đạc và chất lên xe giữa đêm tối. Hóa ra cô có rất ít tư trang, tất cả đồ đạc đựng trong mấy va li là hết, có thể xếp vừa vặn trong thùng xe và ở băng ghế sau của chiếc Fairlane. Kể ra giờ cô có sang Trung Quốc, Miến Điện hay Hàn Quốc cũng chẳng phải bận tâm gì nhiều. Suy nghĩ đó khiến cô phấn chấn hẳn lên. Cô cũng thấy hài lòng vì khả năng xoay sở của chính mình. Đến trưa hôm qua cô đã cất đặt mọi thứ đâu vào đấy: đồ đạc trong nhà đem tặng cho hội từ

thiện, còn căn hộ giao cho công ty dịch vụ vệ sinh dọn dẹp. Cô đã cắt cả hợp đồng điện nước và hợp đồng đặt báo, cũng như viết thư yêu cầu đóng các tài khoản của mình tại ngân hàng.

Caroline ngồi nhăm nháp cà phê và chờ đợi, cho tới khi nghe thấy tiếng sập cửa ở tầng dưới và tiếng xe của Lucy rồ ga phóng đi. Rất nhanh, cô bé Phoebe lên nhưng rồi đứng nán lại một lúc trên ngưỡng cửa căn hộ nơi cô đã sống bao nhiêu năm đầy hy vọng, những năm tháng ấy bỗng chỉ còn như một giây phút thoáng qua, như thể nó chưa bao giờ tồn tại vậy. Cuối cùng cô đóng chặt cánh cửa và đi xuống.

Cô đặt Phoebe vào một cái hộp để ở băng ghế sau và lái xe vào thành phố, đi qua khu phòng khám với những bức tường quét sơn màu ngọc lam với mái ngói màu cam, qua ngân hàng và mấy tiệm giặt ủi và cả trạm xăng cô rất ưa thích. Khi lái đến nhà thờ cô dừng xe lại trên phố và để Phoebe ngủ yên trong xe. Trong sân nhà thờ có nhiều người hơn cô tưởng, cô đứng lại phía ngoài, vẫn đủ gần để nhìn thấy cái gáy của David Henry đỏ ửng vì giá rét, và mái tóc của Norah Henry đã được vấn lại theo một kiểu cách rất trang nghiêm lịch sự. Không ai để ý đến Caroline. Gót giày của cô ngập lút trên vũng bùn bên rìa vỉa hè. Cô cố giảm trọng lượng lên mấy đầu ngón chân và chợt nhớ lại thứ mùi ẩm mốc của nhà cứu tế mà bác sĩ Henry đã chỉ cô đến tuần trước. Nhớ cả người phụ nữ mặc áo choàng, những lọn tóc rơi tan tác trên sàn nhà.

Từng câu nói trôi đi giữa không gian buổi sáng tĩnh lặng.

Đêm sáng rõ như ngày; bóng tối và ánh sáng đối với Người cũng như nhau.

Caroline đã từng thức dậy vào những giờ thất thường nhất. Cô đã đứng bên cửa sổ bếp ăn bánh quy ngay giữa đêm khuya. Ngày và đêm đối với cô không còn phân biệt rạch ròi nữa, cái khuôn mẫu tẻ nhạt của cuộc sống thường ngày cuối cùng cũng bị phá bỏ hoàn toàn.

Norah Henry đưa chiếc khăn tay viền ren lên lau nước mắt. Caroline vẫn còn nhớ cái siết tay của cô ta khi cô cố rặn để đẩy một đứa bé ra rồi đến đứa kia, và cả những giọt nước mắt của cô ta sau đó nữa. Chuyện này có thể hủy hoại cô ấy, David đã nói vậy. Sẽ ra sao đây, nếu Caroline bước tới cùng đứa trẻ đã mất của cô ta trên tay? Sẽ ra sao nếu cô ngăn chặn nỗi đau này, chỉ để mang tới thêm nhiều nỗi đau khác nữa?

Người đã phơi bày những hành động xấu xa của chúng con trước mặt Người, đã soi rọi những tội lỗi bí mật của chúng con dưới ánh sáng nhân từ của Người.

David Henry đổi chân trụ ngay giữa lúc vị giáo sĩ đang đọc kinh. Lần đầu tiên Caroline bỗng hiểu ra mình sẽ phải làm gì. Họng cô câm nín và hơi thở bỗng đứt quãng. Lốp sỏi phía dưới dường như nhô hẳn lên, xuyên thủng cả đôi giày cô đi, hình ảnh đám người đứng trong sân nhà thờ nhòe đi trong mắt cô, cô nghĩ mình sẽ ngã mất. Nắm mồ, Caroline thầm nghĩ, cô dõi theo đôi chân dài của Norah, cô ta bỗng khuỵu gối xuống lớp bùn, trông vẫn thật duyên dáng. Gió thổi tung tấm mạng ngăn che khuôn mặt Norah, xô lệch cả chiếc mũ tròn cô ta đang đội.

Bởi những gì nhìn thấy chỉ là thoáng qua, những gì không thấy được mới là vĩnh hằng.

Caroline nhìn theo bàn tay vị giáo sĩ, và khi ông cất lời, từng lời nói, dù rất nhỏ, dường như không còn hướng đến Phoebe nữa mà nhắm thẳng vào chính cô, giống như một bản án cuối cùng không thể xoay chuyển được nữa.

Chúng ta trả thân xác của em về với hư không, đất về với đất, tro tàn về với tro tàn, cát bụi về với cát bụi. Chúa ban phước lành cho em và che chở cho em, thiên nhân của Người mãi rọi ánh hào quang lên em và ban cho em bình an.

Giọng nói ngưng bật, gió reo xào xạc trên những rặng cây, Caroline gắng hết sức để giữ bình tĩnh, cô đưa khăn tay lên gạt nước mắt, rồi lệ làng lãch đầu. Cô quay lưng trở về chỗ chiếc xe đang đỗ, nơi Phoebe đang nằm ngủ, một vết nắng rớt trên khuôn mặt con bé.

Ở cuối mỗi điểm kết thúc lại là một sự khởi đầu mới. Chẳng mấy chốc cô đã rẽ ngoặt ở chỗ xưởng chế tác bia tưởng niệm với những dãy dài bia mộ, thẳng tiến hướng đại lộ liên bang. Thật kỳ quái. Để một xưởng khắc bia mộ án ngữ ngay cửa ngõ thành phố chẳng phải là điềm xấu lắm sao? Nhưng rồi cô cũng bỏ xa tất cả, và đến giao lộ đường cao tốc, cô chọn hướng Bắc, lên Cincinnati để tới Pittsburgh, men theo sông Ohio về nơi bác sĩ Henry đã sống một khoảng thời gian quá khứ đầy bí mật của anh. Con đường còn lại, con đường dẫn đến Louisville và nhà cứu tế dành cho bệnh nhân thiếu năng trí tuệ, mất hút dần trong gương chiếu hậu.

Caroline lái xe thật nhanh, trong lòng không chút vương bận, trái tim cô tràn ngập cảm xúc tươi sáng phấn khích. Phải rồi, điềm xấu thì đã sao? Dù gì thì trong mắt người đời, đứa trẻ bên cạnh cô đã chết rồi. Và cô, Caroline Gill, cũng đã biến mất khỏi mặt đất này, cảm giác ấy khiến cô thấy mình nhẹ nhõm, nhẹ nhõm thêm lên, dường như cả chiếc xe cũng sắp cất cánh bay lên trên những cánh đồng im lìm vùng Bắc Ohio. Trong suốt buổi trưa đầy nắng ấy, Caroline lái xe từ Bắc sang Đông, lòng tràn đầy niềm tin tưởng tuyệt đối vào tương lai. Mà tại sao lại không chứ? Vì trong mắt người đời chuyện tồi tệ nhất đã xảy ra với họ, vậy thì chắc chắn, chắc chắn là chuyện tồi tệ nhất ấy giờ đã lùi xa sau lưng họ rồi.

1965

Tháng Hai Năm 1965

NORAH ĐỨNG BẮP BÊN TRÊN CHIẾC GHẾ ĐẪU CAO ĐẶT

TRONG phòng khách, chân đế trần, nàng đang mài thắt những dải dây hoa màu hồng lên chiếc đèn chùm bằng đồng. Những dải dây giấy hình trái tim hồng và hồng đậm rủ xuống bàn, vắt lên chiếc bình sứ nàng được tặng hồi mới cưới, lên những bông hồng đỏ thắm và miệng lọ viền vàng, lên cả tấm khăn trải bàn kết bằng ren và mấy chiếc khăn ăn vải lanh. Trong khi nàng làm việc, chiếc lò sưởi kêu rì rì và những dải giấy nến bay phất phơ, quét lên váy nàng đang mặc, rồi nhẹ nhàng đáp xuống sàn nhà, vẫn còn du đưa nhẹ nhẹ.

Paul, đã mười một tháng tuổi, ngồi một góc, bên cạnh là chiếc giỏ đựng nho cũ đầy ắp những mẫu xếp hình bằng gỗ. Thằng bé mới tập đi, suốt cả buổi trưa cu cậu đi lảo đảo khắp căn nhà mới trong đôi giày đầu tiên mình có, lấy thế làm thú lắm. Mỗi căn phòng là một cuộc phiêu lưu. Thằng bé vút đỉnh xuống sàn gạch, thích thú trước âm thanh chúng tạo ra. Nó lê cả túi bột bả matit qua bếp, để lại một vệt bột trắng dài dưới chân. Bây giờ thì cu cậu lại tròn mắt nhìn những dải giấy màu xinh xắn và phất phơ như cánh bướm. Nó bám vào ghế đầu rồi huơ tay để bắt lấy. Vừa tóm được một dải giấy màu hồng, nó giật thật mạnh khiến chiếc đèn chùm lắc lư dữ dội. Thằng bé mất thăng bằng ngồi phịch xuống đất. Mất một giây lơ lửng rồi nó òa lên khóc.

“Ôi, cưng của mẹ,” Norah vội trèo xuống đất để bế thằng bé lên.

“Nào, nào,” nàng thì thầm và đưa tay lên vuốt mái tóc sẫm mềm mại của con.

Phía ngoài, ánh đèn pha lóe sáng rồi tắt ngay, tiếp đó là tiếng cửa xe sập lại. Cùng lúc đó, chuông điện thoại reo vang. Norah bế Paul vào bếp, vừa nhắc ống nghe thì có tiếng ai đó gõ cửa.

“A lô?” Nàng vừa áp môi lên vàng trán ấm và mềm của Paul, vừa nghiêng người để ngó xem xe ai vừa đi vào. Phải một tiếng nữa Bree mới đến. “Con ngoan,” nàng thì thầm. Nói rồi nàng lại quay lại với cái ống nghe, “A lô?”

“Chị Henry phải không ạ?”

Đó là nữ y tá ở chỗ làm mới của David – anh đã chuyển vào làm ở bệnh viện được một tháng – Norah chưa gặp bà ta bao giờ. Giọng nói của bà ta ấm và dày: Norah phác ra hình ảnh một người phụ nữ tuổi trung niên, khỏe mạnh và chắc nịch, tóc búi gọn ghẽ. Caroline Gill, nữ y tá đã nắm chặt tay nàng trong những cơn co thắt đau xé người, với đôi mắt xanh và cái nhìn kiên định theo sát nàng trong suốt buổi đêm điên rồ ngập trong bão tuyết hôm nào – đã biến mất – thật bí ẩn, và cũng tai tiếng nữa.

“Chị Henry, tôi là Sharon Smith. Bác sĩ Henry bị gọi vào xử lý một ca cấp cứu ngay đúng lúc anh ấy chuẩn bị ra cửa để về nhà, tôi xin thề đấy. Có một tai nạn rất kinh khủng trên đường Leestown. Toàn bọn choai choai chị ạ, bị thương nặng lắm. Bác sĩ Henry bảo tôi gọi về cho chị. Anh ấy sẽ cố gắng về nhà trong thời gian sớm nhất có thể.”

“Anh ấy có nói bao giờ về không?” Norah hỏi. Không khí tràn ngập mùi thơm của thịt lợn quay, dưa cải bắp và khoai tây bỏ lò: toàn món David thích.

“Không. Nhưng thấy bảo vụ tai nạn này khủng khiếp lắm. Ta nói giữa tôi và chị thôi nhé, chắc phải mất đến vài tiếng là ít.”

Norah gạt đầu. Đứng xa, cánh cửa trước mở ra rồi đóng lại. Có tiếng chân người khẽ và quen đi qua phòng nghỉ, qua phòng khách rồi tới phòng ăn: Bree đến đón Paul sớm, để Norah và David có cả một buổi tối bên nhau trong ngày kỷ niệm của hai người ngay trước lễ Valentine.

Đó là kế hoạch của Norah, một điều bất ngờ, món quà dành cho anh.

“Cám ơn chị nhé. Cám ơn vì đã báo cho tôi biết.” Nàng nói với nữ y tá rồi gác máy.

Bree bước vào bếp, mang theo cả mùi mưa ẩm. Bên dưới áo mưa dài cô đi một đôi boot đen cao đến đầu gối, cặp đùi dài và trắng muốt mất hút dưới cái váy ngắn nhất mà Norah từng thấy.

“Wow,” Bree kêu lên, vút hết mấy cái túi lên mặt quầy rồi quay ra bế Paul. “Đẹp quá chị Norah ạ. Em không ngờ chỉ trong thời gian ngắn mà chị đã trang hoàng nhà cửa long lanh thế này cơ đấy.”

“Chị làm mất thời gian lắm đấy,” Norah gạt gù đồng tình, nghĩ đến mấy tuần cặm cùi gỡ giấy dán tường bằng hơi nước để quét lớp sơn mới. Họ đã quyết định chuyển nhà, cả nàng và David cùng quyết, vì nghĩ rằng nơi ở mới, cũng như công việc mới của anh, sẽ giúp họ quên đi quá khứ. Norah vốn chẳng còn thiết tha với bất cứ việc gì, đã dồn hết tâm sức cho công trình này. Dầu vậy nó cũng chẳng giúp gì nhiều như nàng đã hy vọng lúc đầu; cảm giác mất mát vẫn thường xuyên khuấy động tâm can nàng, như những đốm lửa âm ỉ cháy dưới đám tro tàn. Chỉ mới tháng vừa qua thôi, đã hai lần nàng gọi người đến trông Paul và bỏ mặc căn nhà đầy đồ đạc đang sơn vẽ dở dang cùng những cuộn giấy dán tường ngổn ngang. Nàng lái xe như điên trên những con đường quê nhỏ hẹp tới khu nghĩa trang tư nhân có cánh cổng sắt uốn, đó là nơi con gái nàng đã được chôn cất. Những tấm bia mộ đều thấp lè tè, một số bia đã rất cũ, bị mài mòn tới gần như tròn nhẵn. Tấm bia

mộ của Phoebe được làm bằng đá granite hồng giản dị, ngày tháng đánh dấu cuộc đời ngắn ngủi của con bé được khắc sâu ngay bên dưới cái tên. Giữa tiết đông ảm đạm, gió rít giật tung mái tóc nàng, Norah lê gối trên đám cỏ gòn lạnh buốt giống hệt như trong mơ. Nàng đã đau đớn tới gần như đờ dại, quá đau đớn để còn có thể khóc được. Nhưng rồi sau vài giờ liền như thế, cuối cùng nàng cũng đứng dậy, phủi sạch quần áo và quay về nhà.

Giờ Paul còn đang mãi nghịch với Bree, cu cậu giờ tay ra túm lấy tóc dì.

“Mẹ con giỏi thật đấy,” Bree nựng thằng bé. “Mẹ con đúng là bà nội trợ kiểu mẫu thời nay, phải không cưng? Không không, cưng ơi, đừng giật hoa tai của dì,” vừa nói cô vừa giữ lấy bàn tay bé xíu của Paul.

“Bà nội trợ kiểu mẫu?” Norah lặp lại, cơn giận cồn lên trong nàng như sóng trào. “Ý em là sao hả?”

“Em chẳng có ý gì cả,” Bree đáp. Đang mãi làm mặt xấu với Paul, giờ Bree mới ngẩng mặt lên vẻ ngạc nhiên. “Ôi, em nói thật mà Norah. Tươi tỉnh lên xem nào.”

“Bà nội trợ kiểu mẫu?” nàng lặp lại. “Chị chỉ muốn trang hoàng nhà cửa cho đẹp để tổ chức lễ kỷ niệm của bọn chị thôi. Làm thế thì có gì sai?”

“Không có gì đâu.” Bree thở dài. “Trông đẹp lắm. Em chả vừa nói thế còn gì? Mới lại em đến đây để trông con cho chị, nhớ không? Sao chị lại nổi cáu nhỉ?”

Norah phẩy tay. “Thôi kệ đi. Ôi, chết tiệt, kệ nó đi. David phải lo một ca cấp cứu rồi.”

Bree lặng thinh một lúc rồi mới cất lời. “Thảo nào.”

Norah định bênh chồng nhưng lại thôi. Nàng áp chặt hai tay lên má. “Ôi, Bree ơi. Sao lại là tối nay cơ chứ?”

“Thế thì tệ quá,” Bree tán đồng. Mặt Norah cau lại, nàng cảm giác môi mình mím chặt, còn Bree thì cười âm lên. “Ôi, thôi nào. Nói thật đi. Có lẽ đấy không phải là lỗi của David. Nhưng chị lại cảm thấy đó chính là lỗi của anh ấy, đúng chưa?”

“*Không* phải lỗi của anh ấy mà,” Norah nói. “Có một vụ tai nạn. Nhưng phải. Em nói đúng. Chị nghĩ thế đấy – thối lắm. Thối không chịu được, sướng chưa?”

“Em biết,” giọng Bree bỗng dịu dàng đến không ngờ. “Nghĩ thế thì tệ thật. Em rất tiếc, chị à.” Rồi cô nhoẻn miệng cười. “Này, em mang quà cho chị với David đấy. Có khi lại làm chị vui lên ấy chứ.”

Nói rồi cô chuyển sang bế Paul trên một tay và khua khoắng chiếc túi thêu to bự, lôi ra mấy quyển sách, một thanh kẹo, một đồng hồ rơi quảng cáo buổi biểu diễn sắp tới, một chiếc kính mát đựng trong hộp da sờn cũ, và cuối cùng là một chai rượu. Cô rót cho hai chị em mỗi người một cốc đầy thứ nước óng ánh như hồng ngọc.

“Vì tình yêu,” nói rồi cô đưa Norah một ly và giơ cao ly kia. “Vì hạnh phúc và niềm vui vĩnh cửu.”

Họ cười và cùng cạn ly. Rượu nồng hương quả mọng, thoang thoang mùi gỗ sồi. Nước mưa nhỏ tong tong trên máng xối. Nhiều năm về sau Norah vẫn còn nhớ mãi cái đêm hôm ấy, nhớ nỗi thất vọng chán chường, nhớ Bree đã mang đến những món quà lấp lánh từ một thế giới khác; nhớ đôi ủng sáng bóng, đôi hoa tai, sức sống mơn mớn như một thứ ánh sáng của cô. Trong mắt Norah, những thứ ấy thật đẹp, và cũng khó với tới biết bao. Phiền muộn – nhiều năm sau Norah mới hiểu ra nàng đã sống một cuộc đời tăm tối thế nào – nhưng không ai thèm dả động đến chuyện đó vào năm 1965 cả. Thậm chí chẳng có ai

nghĩ đến nó. Chắc chắn không phải cuộc đời của Norah rồi, nàng đã có nhà, có con, và cả ông chồng bác sĩ nữa. Nàng phải thấy hài lòng mới đúng.

“Này – cái nhà cũ của chị bán chưa?” Bree hỏi, tay đặt chiếc ly lên quầy bếp. “Chị chịu bán chưa?”

“Chị chẳng biết nữa,” Norah đáp. “Giá thấp hơn bọn chị nghĩ. David muốn đồng ý cho xong, nhưng chị không biết phải làm sao nữa. Đây là tổ ấm của bọn chị. Thật chị chẳng muốn bán đi.”

Nàng nghĩ đến căn nhà đầu tiên của họ, nằm im lìm và câm lặng với tấm biển đề nhà cần bán cắm trước sân, và cảm thấy dường như mọi vật bỗng trở nên quá mong manh. Nàng bám vào thành quầy bếp để giữ thăng bằng và nhấp thêm một ngụm rượu nữa.

“Chuyện yêu đương của em dạo này sao rồi?” Norah chuyển chủ đề. “Cái cậu mà em đang hẹn hò thế nào rồi – cậu ta tên gì ấy nhỉ – Jeff phải không?”

“À, thằng cha đấy hả.” Khuôn mặt Bree bỗng sầm lại, cô lắc đầu như để xua tan sự nặng nề ấy. “Em chưa kể cho chị à? Hai tuần trước em về nhà thì thấy hấn trên giường – giường của em – với một con ranh rất kháu làm việc cùng bọn em trong chiến dịch của ngài thị trưởng.”

“Ôi thế à! Chị rất tiếc.”

Bree lắc đầu. “Kệ đi chị. Em cũng chả yêu hấn đâu mà. Bọn em chỉ hợp nhau thôi. Ít ra thì em nghĩ thế.”

“Em không yêu anh ta sao?” Norah lặp lại, nàng nghe thấy giọng phản đối của mẹ phát ra từ chính miệng mình và thấy ghét nó kinh khủng. Nàng không muốn trở thành người như bà, chỉ ngồi uống hết chén trà này tới chén trà khác trong căn nhà ngăn nắp tĩnh mịch mà chị

em nàng sống tuổi ấu thơ. Nhưng nàng cũng chẳng muốn thành người có lẽ nàng sắp trở thành, một người bị nỗi đau làm cho rệu rã, ngày ngày chìm đắm trong một thế giới vô nghĩa.

“Không,” Bree kêu lên. “Không đâu, em không hề yêu anh ta, mặc dù có lúc em cũng tưởng thế thật. Nhưng đấy không phải vấn đề. Vấn đề ở chỗ anh ta biến chuyện yêu đương của bọn em thành một trò sáo không tả nổi. Mà em thì ghét sự sáo rỗng nhất trần đời.”

Bree đặt chiếc ly cạn sạch lên quầy và chuyển Paul sang tay kia. Khuôn mặt cô không hề trang điểm mà vẫn thật tinh tế, xương xương nhẹ nhàng; gò má, làn môi hơi ửng sắc hồng.

“Chị chịu không sống như em được,” Norah nói. Từ khi Paul ra đời, từ khi Phoebe chết, nàng càng cảm thấy mình có bốn phận phải luôn giữ cảnh giác, dường như chỉ một sơ suất nhỏ cũng có thể mở rộng cánh cửa để tai họa ập tới. “Chị không tài nào làm thế được – phá vỡ mọi thứ luật lệ. Gạt bỏ tất cả.”

“Chả có ngày tận thế nào cả,” Bree nói khẽ. “Khó tin quá phải không, nhưng thực sự là chả có ngày tận thế nào hết.”

Norah lắc đầu. “Có chứ. Dù là thời điểm nào, mọi chuyện đều có thể xảy ra được hết.”

“Em biết rồi,” Bree lại nói. “Em biết mà chị.” Cơn giận dữ trước đó của Norah giờ đã tan biến, thay vào đó lòng biết ơn vô bờ. Bree là người luôn biết lắng nghe và đáp lại, cô không bao giờ nói điều gì khác những trải nghiệm thực tế của chính mình. “Chị nói đúng, Norah à, mọi chuyện đều có thể xảy ra, vào bất cứ lúc nào. Nhưng những chuyện không may xảy ra không phải do lỗi của chị. Chị không thể nào dành phần đời còn lại để rón rén đi tuần khắp nơi rồi cố gắng đảo ngược mọi thảm họa có thể xảy ra. Không ích gì đâu. Rốt cuộc chị chỉ bỏ phí cuộc đời chị đang có thôi.”

Norah không biết phải nói sao, vì thế nàng đỡ lấy Paul, thằng bé đang oằn oại trong tay Bree vì đói, tóc nó đã khá dài – rất dài rồi, nhưng Norah vẫn không đành lòng cắt bớt đi – từng lọn tóc phát phơ nhẹ nhẹ như đang chìm ngập trong nước theo từng cử động của thằng bé.

Bree rót thêm rượu cho cả hai chị em và lấy ra một quả táo trong bát hoa quả đặt trên quày. Norah cắt mấy lát pho mát cùng bánh mì và chuối rồi xếp rải rác lên chiếc khay đặt trên cái ghế ăn của Paul. Vừa làm nàng và nhấp thêm ít rượu. Dần dần mọi vật xung quanh nàng bỗng trở nên rõ ràng hơn, sống động hơn. Nàng thấy đôi bàn tay của Paul thật giống những cánh sao biển nhỏ xinh, mái tóc của thằng bé như ánh lên màu cà rốt. Ánh đèn bếp hắt qua lan can hàng hiên sau nhà, in xuống bãi cỏ những mảng sáng tối lẫn lộn.

“Chị mua cho David một cái máy ảnh làm quà cho ngày kỷ niệm của bọn chị,” Norah nói, thầm ước có thể chớp lấy những khoảnh khắc thoáng qua và giữ chúng lại mãi mãi. “Từ lúc nhận việc mới anh ấy bận bịu luôn. Anh ấy cần thứ gì đó để giải khuây. Chị không thể tin nổi là đến đêm nay anh ấy vẫn còn phải làm việc.”

“Chị này?” Bree nói. “Sao em lại không đón Paul về nhà luôn nhỉ? Em nghĩ là, biết đâu đấy, có thể David sẽ về nhà để kịp ăn bữa tối. Nhưng nếu tới nửa đêm anh ấy mới về thì sao? Sao lại không thể nhỉ? Nếu vậy chị có thể bỏ luôn bữa tối, dọn hết bát đĩa đi rồi làm tình ngay trên bàn ăn ấy.”

“Bree!”

Bree cười phá lên. “Đi mà Norah? Em muốn đón thằng bé về mà.”

“Nó phải tắm nữa,” Norah nói.

“Chuyện nhỏ,” Bree đáp. “Em hứa sẽ không làm thằng bé chết đuối trong bồn tắm đâu.”

“Không đùa đâu,” Norah nói. “Không đùa thật đấy.”

Nhưng cuối cùng nàng cũng chiều lòng Bree và đi gói đồ cho Paul. Bree bế thằng bé ra khỏi cửa, mái tóc mềm của nó áp vào má cô, đôi mắt đen to tròn nhìn cô ra chiều nghiêm trọng, và rồi thằng bé đi mất. Nàng đứng bên cửa sổ dõi theo cho tới khi ánh đèn chiếu hậu từ chiếc xe hơi của Bree mất hút trên phố, mang theo con trai nàng. Đó là tất cả những gì nàng còn làm được để tự kiểm chế bản thân không chạy theo họ. Sao lại có thể để một đứa trẻ lớn lên và bước vào cái thế giới vừa nguy hiểm vừa khó lường đến thế? Nàng đứng thẩn thờ trong mấy phút, chỉ nhìn chằm chằm vào bóng tối. Sau đó nàng vào bếp, lấy giấy bạc bọc món thịt quay lại và tắt lò nướng. Bảy giờ. Chai rượu Bree mang tới đã gần cạn. Căn bếp tĩnh lặng đến độ nàng có thể nghe thấy tiếng kim đồng hồ tích tắc, Norah lại mở một chai rượu khác, một chai rượu Pháp rất đắt tiền nàng mua để dành cho bữa tối.

Căn nhà im ắng quá. Nàng đã bao giờ ở một mình chưa, dù chỉ một lần, kể từ khi Paul ra đời? Nàng nghĩ vậy là chưa. Nàng đã cố tránh những giây phút cô độc, những thời khắc bình lặng mỗi khi ý nghĩ về đứa con gái đã mất bất ngờ trỗi dậy. Buổi lễ tưởng niệm tổ chức trong sân nhà thờ dưới ánh nắng mới gay gắt của tiết tháng Ba đã giúp nàng nguôi ngoai phần nào, nhưng không hiểu sao, đôi lúc Norah vẫn nhận thấy sự hiện diện của con gái nàng, như thể chỉ cần quay lại, nàng sẽ nhìn thấy con bé trên bậc cầu thang hay đang đứng ngoài bãi cỏ.

Nàng xòe bàn tay ra áp chặt lên tường và lắc đầu để gạt bỏ ý nghĩ ấy. Rồi, với cốc rượu vẫn cầm trên tay, nàng đi quanh nhà ngắm nghía công trình của mình. Dấu chân nàng in hằn lên nền nhà vừa mới đánh xi sáng bóng. Bên ngoài, mưa rơi nặng hạt, ánh đèn bên kia đường nhòe dần. Norah nhớ lại đêm hôm nào, nhớ cơn bão tuyết điên cuồng.

David đã đỡ lấy khuỷu tay nàng, giúp nàng mặc chiếc áo khoác xanh đã cũ, chiếc áo ấy giờ đã sờn rách lắm rồi, nhưng nàng vẫn không nỡ bỏ đi. Chiếc áo choàng lúc đó rũ xuống, để hở cái bụng tròn của nàng, và rồi mắt hai người chạm nhau. Anh thật tận tâm, thật nghiêm trang, khuôn mặt anh tràn ngập một vẻ háo hức pha lẫn hồi hộp; trong khoảnh khắc ấy, Norah cảm thấy nàng hiểu anh như chính bản thân mình.

Nhưng mọi thứ đã thay đổi. David đã thay đổi. Có những tối, anh ngồi đọc tạp chí trên sofa ngay bên nàng, vậy mà anh cứ như thể không hiện diện ở đó vậy. Trước đây, khi còn là nhân viên tổng đài điện thoại đường dài, Norah đã điều khiển những núm nút kim loại lạnh băng, đã lắng nghe tiếng chuông reo ở nơi xa xăm, tiếng cạch khê báo máy được nối. Nàng sẽ nói, Xin giữ máy, lời nàng vang vọng, rồi ngưng bật; tiếng người nói rồi dừng, mở ra khoảng tối tĩnh lặng hoang dại chần giữa bọn họ. Có đôi khi nàng lắng tai nghe giọng nói của những con người nàng chưa bao giờ gặp mặt, nghe họ thông báo những tin tức nghiêm túc: chuyện sinh nở hoặc cưới xin, ốm đau hoặc tang ma. Nàng cảm nhận được bóng tối của khoảng cách và thấy mình mang quyền năng có thể xóa nhòa chúng.

Nhưng đó là quyền năng nàng đã đánh mất – ít nhất là trong lúc này, và lại đứng ở nơi nó cần có mặt nhất. Đôi khi, vào giữa đêm khuya, ngay sau khi họ vừa ân ái và vẫn còn nằm bên nhau, trái tim đập sát trái tim, nàng nhìn David và thấy tai mình ong lên những tiếng gào thét từ nơi xa thăm thẳm tối trong vũ trụ.

Đã quá tám giờ. Ranh giới của vạn vật nhòa dần đi. Nàng quay vào bếp và đứng bên lò sưởi, xắn lấy ít thịt lợn khô. Nàng ăn luôn một củ khoai tây ngay trong chảo, lấy nĩa xẻ củ khoai thành nhiều mẫu nhỏ. Món pho mát cải bông xanh đã đông lại và khô đi; Norah cũng ném thử một miếng. Nó làm cổ họng nàng khô cháy, nàng liền vớ lấy chiếc ly. Cạn sạch. Đứng bên bồn rửa, nàng uống một cốc nước, rồi thêm cốc

khác, tay bám vào thành quầy vì thấy thế giới thật quay cuồng. Mình say mất rồi, nàng tự nhủ, ngạc nhiên và có phần hài lòng với chính bản thân. Nàng chưa từng say lần nào, mặc dù đã có lúc Bree đi nhảy về rồi nôn ọe ra đầy tấm vải sơn. Cô nói lại với mẹ là uống nhầm rượu pha, nhưng trong mắt Norah, cô em gái đã tự thú nhận tất cả: cái chai trong túi giấy nâu và lũ bạn của cô túm tụm trong mấy bụi cây, phả ra những làn khói mỏng nồng gắt trong đêm khuya.

Chiếc điện thoại dường như ở rất xa. Khi bước đi, nàng cảm thấy thật khác lạ, như thể nàng đã vượt ra khỏi thân xác mình mà trôi bồng bênh. Một tay nàng bám lấy gióng cửa, tay kia nắm số, chiếc ống nghe ép chặt giữa vai và tai. Bree nhắc máy ngay sau tiếng chuông đầu tiên.

“Em biết ngay là chị mà,” cô nói. “Paul vẫn ổn. Bọn em đọc sách rồi đi tắm, bây giờ trông thằng bé có vẻ buồn ngủ lắm.”

“Ô, tốt lắm. Phải, tuyệt,” Norah nói. Nàng đã định kể cho Bree nghe về cái thế giới huyền hoặc này, nhưng giờ nó bỗng trở nên quá riêng tư, một bí mật.

“Chị thì sao?” Bree nói. “Chị có ổn không?”

“Chị ổn,” Norah đáp. “David vẫn chưa về, nhưng chị ổn.”

Nàng gác máy thật nhanh, tự rót cho mình một ly rượu nữa rồi đi ra hiên nhà, đứng ngửa mặt nhìn lên trời. Một màn sương mỏng lơ lửng giữa không trung. Bấy giờ rượu còn dường như lan khắp người nàng, tựa làn hơi nóng hay luồng ánh sáng, rượu chảy theo chân tay nàng tới từng đầu ngón tay, ngón chân. Khi Norah quay lại, cả thân hình nàng cơ hồ trôi đi, như thể nàng đang dần trượt khỏi chính mình. Nàng nhớ đến chiếc xe của họ, chạy trên những con đường phủ băng như đi giữa không trung, bị lệch hướng một lúc cho đến khi David kiểm soát được nó. Mọi người nói đúng; nàng không thể nhớ được cơn đau đẻ, nhưng nàng lại chưa bao giờ quên cảm giác lúc ở trong xe, thấy thế giới cứ

trượt đi, quay cuồng, đôi tay nàng bám nhanh lấy mặt táp lô lạnh cứng trong khi David, thật máy móc, dừng xe ở tất cả các chốt đèn đỏ.

Anh đâu rồi, nàng tự hỏi, nước mắt bỗng dâng đầy khóe mi, mà sao nàng lại cười anh nhỉ? Tại sao anh lại khao khát có được nàng đến vậy? Những tuần yêu đương điên rồ sau ngày họ gặp nhau, hôm nào anh cũng đến căn hộ nàng ở, mang tặng hoa hồng, mời đi ăn tối rồi còn đưa nàng về nông thôn chơi. Đêm Giáng sinh chuông cửa reo vang, nàng mặc nguyên chiếc áo choàng cũ ra mở cửa, nghĩ rằng đây là Bree. Nhưng không, nàng mở cửa ra thì thấy David, mặt đỏ bừng lên vì lạnh, trên tay ôm mấy cái hộp bọc giấy màu rực rỡ. Cũng muộn rồi, anh nói, anh biết vậy, nhưng nàng có thể ra ngoài với anh không?

Không, nàng đáp, rồi *Anh điên rồi!* nhưng nàng lại cười không ngớt trước sự điên rồ của hành động ấy, vừa cười vừa lùi lại để anh vào nhà, người đàn ông ấy đứng trên bậc cửa nhà nàng, tay cầm hoa và quà. Nàng thấy ngạc nhiên và dễ chịu, có chút gì đó sững sờ nữa. Có những lúc, nhìn những người khác đi dự tiệc của hội nữ sinh, hoặc ngồi trên ghế đầu trong căn phòng không có lấy một ô cửa sổ nơi công ty điện thoại trong khi các bạn đồng nghiệp lên kế hoạch cho đám cưới từ bông hoa cài áo tới kẹo bạc hà dùng trong bữa tiệc, Norah, khi ấy lặng lẽ và dè dặt làm sao, tin rằng mình sẽ ở vậy cả đời. Nhưng David đã tới, một bác sĩ đẹp trai đứng trên ngưỡng cửa căn hộ nàng sống và khẩn khoản, *Đi mà, có một thứ rất đặc biệt anh muốn cho em xem.*

Đêm hôm đó trời rất trong, sao sáng lấp lánh. Norah ngồi trên ghế trước khá rộng bọc vinyl trong chiếc xe cũ kỹ của David. Nàng mặc một chiếc váy len màu đỏ và thấy mình thật xinh đẹp. Bầu không khí ngoài trời khô hanh, đôi tay David đặt trên vô lăng và chiếc xe bon bon chạy xuyên bóng đêm, qua giá rét, chạy vào những con đường ngày càng nhỏ dần, đến một nơi nàng không nhận ra. Anh dừng xe lại bên cạnh một cối xay bột mì cũ. Họ ra khỏi xe và bước về phía nước chảy. Dòng nước đen lấp lánh ánh trăng soi và chảy len qua đá sỏi, làm cái guồng quay

tròn. Ngôi nhà đứng im lìm trên nền trời đen thẫm, điểm những ánh sao mờ ảo, không khí tràn ngập tiếng nước vỗ ràn rạt và xoáy tròn.

“Em có lạnh không?” David đứng bên kia dòng nước hét to, Norah cười lớn, người run run, nói, Không; không đâu, nàng không lạnh, nàng vẫn ổn.

“Tay em thì sao?” anh hét to, giọng rung lên, dội lại như nước. “Em không mang găng tay mà.”

“Em ổn mà,” nàng hét lên để trả lời anh, nhưng anh đã cầm lấy tay nàng áp lên ngực mình, ủ ấm tay nàng giữa đôi găng tay của anh và lớp len lốm đốm sẫm màu của chiếc áo anh đang mặc.

“Chỗ này đẹp quá!” nàng nói với anh, và anh bật cười. Rồi anh cúi xuống hôn nàng, buông tay nàng ra để luồn tay mình vào áo choàng của nàng, men dần lên lưng. Nước chảy ào ạt, dội âm thanh lên ghềnh đá.

“Norah,” anh hét lên, giọng nói của anh như một phần của bóng đêm, xoáy tròn như nước chảy, từng chữ đều rõ ràng dù nghe thật nhỏ bé giữa các âm thanh khác. “Norah! Em lấy anh nhé?”

“Vâng!” nàng cũng hét vang, lại áp lòng bàn tay lên áo khoác của anh. “Vâng, em đồng ý!”

Anh lồng chiếc nhẫn vào ngón tay nàng: một chiếc nhẫn mảnh bằng vàng trắng vừa đúng cỡ của nàng, với một viên kim cương bầu dục đính trên mặt và hai viên ngọc lục bảo nhỏ xíu khảm hai bên. Cho hợp với màu mắt nàng và chiếc áo nàng mặc ngày họ gặp nhau, anh nói vậy.

Giờ nàng lại vào trong nhà, đứng trên ngưỡng cửa phòng ăn, xoay xoay chiếc nhẫn trên ngón tay. Những dải dây giấy đu đưa. Một dây quệt vào mặt nàng; một dây khác nhúng trong ly rượu của nàng. Norah

ngắm nhĩa rượu ngắm dần lên phía trên sợi dây một cách thích thú. Nàng nhận thấy nó có màu gần như giống hệt màu mấy chiếc khăn tay. Bà nội trợ kiểu mẫu, đúng thật: kể cả nếu có chủ ý từ đầu nàng cũng không thể kiểm được bộ đôi nào hợp hơn. Rượu bắn ra ngoài ly và loang ra tấm khăn trải bàn, làm vấy bẩn cả lớp giấy sọc vàng gói món quà nàng dành tặng David. Nàng cầm cái gói lên và, trong một cơn thôi thúc, xé lớp giấy ra. *Mình thực sự đã say lắm rồi*, nàng thầm nghĩ.

Chiếc máy ảnh này thuộc dạng máy bỏ túi, vừa đủ nhẹ. Norah đã phân vân hàng tuần trời không biết tặng quà gì cho hợp tới khi nàng nhìn thấy chiếc máy này trên kệ trưng bày ở cửa hàng Sears. Vỏ màu đen và crôm sáng loáng, với những núm nút, cần bẫy và con số phức tạp khắc quanh thân ống kính, chiếc máy ảnh có hình dạng tựa tựa như những dụng cụ y tế của David. Anh chàng bán hàng, rất trẻ và nhiệt tình, đã quảng cáo với nàng đủ loại thông tin kỹ thuật kiểu như khẩu độ, độ dài tiêu cự, và cả ống kính góc ngắm rộng. Những thuật ngữ đó ào vào đầu nàng như nước lũ nhưng nàng lại chỉ thích sức nặng của chiếc máy trên tay, đường nét thanh lịch của nó, và cái cách thế giới thu lại trong khuôn hình thật chuẩn xác khi nàng ghé mắt qua ống ngắm.

Rồi, thật thận trọng, nàng đẩy chiếc cần gạt bằng bạc. Một tiếng click rồi tách, vang rất to trong căn phòng, khi cửa trập mở ra. Nàng bấm vào chiếc nút nhỏ, *lên phim* – nàng còn nhớ lúc người bán hàng nói cụm từ đó, lên phim, giọng anh ta cao vống lên một lúc, vượt lên hẳn dòng âm thanh ồn ã trong cửa hiệu. Nàng nhòm qua ống ngắm, lấy khuôn hình chiếc bàn bản một lần nữa, rồi bật hai nút khác để lấy nét. Lần này, khi nàng bật cửa trập, chiếc đèn flash bất ngờ nổ tung bắn văng ra tận chân tường. Mắt hoa lên, nàng lật máy ảnh lại và xem xét chiếc bóng đèn, giờ đã đen thui lại và vỡ tan. Nàng thay bóng, làm mấy ngón tay bỏng rát, nhưng dường như nàng không cảm thấy đau nữa.

Nàng đứng dậy và liếc nhìn đồng hồ: đã 9:45.

Mưa nhỏ, rơi rả rích. David đã đi bộ đến chỗ làm, và nàng mừng tượng ra cảnh anh uể oải lê bước về nhà trên những con phố tối tăm. Trong một cơn thôi thúc, nàng vớ lấy áo khoác và chùm chìa khóa xe – nàng sẽ tới bệnh viện để làm anh bất ngờ một phen.

Trong xe lạnh cóng. Nàng lùi xe ra khỏi lối vào, mò mẫm tìm máy sưởi, và theo thói quen cũ lại quay xe sai hướng. Ngay cả sau khi nhận ra mình đã nhầm, nàng vẫn tiếp tục lái xe trên những con phố hẹp mưa giăng kín, trở về ngôi nhà cũ của họ, nơi ấy nàng đã từng trang hoàng căn phòng trẻ với niềm hy vọng trong trẻo biết bao, nơi ấy cũng chính là nơi nàng ngồi ru Paul trong bóng tối. Nàng và David đã nhất trí rằng chuyển chỗ ở là một quyết định sáng suốt, nhưng sự thực là nàng không thể chịu được cái cảm giác phải bán nơi này đi. Hầu như ngày nào nàng cũng ghé qua đây. Cuộc sống mà con gái nàng đã nếm trải, những gì Norah đã có với con bé đều đã diễn ra trong căn nhà ấy.

Căn nhà hầu như không thay đổi gì, chỉ khác là tối om mà thôi: hiên trước rộng rãi với bốn cây trụ sơn trắng, phiến đá vôi dẻo thô và chỉ có một đốm đèn còn sáng. Kế bên là nhà bà Michaels, chỉ cách có vài bước chân, bà đang đi đi lại lại trong bếp, rửa bát đĩa và chăm chú nhìn vào đêm tối; kia là ông Bennett ngồi trên chiếc ghế tựa, rèm cửa để ngỏ, ti vi vẫn bật. Norah hầu như tin chắc rằng, chỉ cần đi vài bước nữa thôi, nàng sẽ lại sống ở nơi này. Nhưng cánh cửa mở ra những căn phòng trống trơn, lạnh lẽo, nhỏ bé đến se lòng.

Rảo bước quanh căn nhà vắng lạnh, Norah cố hết sức để suy nghĩ tỉnh táo. Dường như lúc này rượu càng ngấm sâu vào nàng hơn và nàng hầu như không nhận thức được thời gian nữa. Một tay nàng cầm chiếc máy ảnh mới của David. Thực tế, chứ không phải quyết định. Máy còn chụp được mười lăm tấm hình nữa và trong túi nàng cũng có sẵn đèn flash dự phòng. Nàng chụp một tấm hình chiếc đèn chùm, khi đèn flash lóe lên, nàng cảm thấy thật thỏa mãn, vì từ giờ nàng có thể giữ mãi hình ảnh ấy bên mình, sau hai mươi năm nữa, nàng sẽ không bao

giờ phải choàng dậy giữa đêm khuya mà không nhớ nổi từng chi tiết, từng đường viền vàng duyên dáng ấy.

Nàng đi hết phòng này tới phòng khác, vẫn say trong hơi men nhưng có chủ đích hẳn hoi, những ô cửa sổ, giá treo đèn, những đường vân xoắn trên nền nhà. Đường như việc nàng ghi lại từng tiểu tiết đều vô cùng hệ trọng. Lúc ấy, một chiếc đèn dùng rồi đã bị cháy rơi tuột khỏi tay nàng và vỡ tan tành; khi nàng lùi bước, những mảnh thủy tinh cào rách gót chân nàng. Nàng xem xét bàn chân lồng trong bít tất một lúc, thích thú và ấn tượng vì mình đã say đến mức này – chắc nàng đã bỏ đôi giày ướt ngoài cửa trước, do thói quen cũ. Nàng lang thang khắp căn nhà thêm hai lần nữa, ghi nhớ những công tắc đèn, cửa sổ, đường ống từng dùng để dẫn khí gas lên tầng hai. Chỉ đến khi đi xuống cầu thang nàng mới nhận thấy chân mình đang rỉ máu, để lại một vệt bầm: những dấu hình trái tim gớm ghiếc, biểu tượng valentine nhỏ xíu vẽ bằng máu. Norah thấy sốc và bỗng sồn gai ốc trước sự tàn phá mà nàng đã chủ định gây ra.

Nàng tìm thấy đôi giày của mình, rồi bước ra ngoài. Gót chân nàng gài gặt khi nàng ngồi vào xe, chiếc máy ảnh vẫn còn đeo lưng lẳng trên cổ tay.

Về sau, nàng không còn nhớ mấy về chuyến xe, chỉ còn hình ảnh những con phố hẹp tối tăm, gió thổi xào xạc qua tán lá, ánh đèn loang loáng trên những vũng nước, và nước tấp vào bánh xe. Nàng không còn nhớ tiếng kim loại va vào nhau, chỉ còn hình ảnh cái thùng rác sáng lấp lánh bất thần bay vèo tới phía trước xe. Ướt đầm trong nước mưa, chiếc thùng dường như lơ lửng một lúc cho tới khi bắt đầu rơi xuống. Nàng nhớ là nó đập lên mui xe rồi lặn ngược lên và đập vỡ tấm kính chắn gió; nàng nhớ chiếc xe đã nảy bật trên lề đường và từ từ dừng lại ở chính giữa gốc một cây sồi lá kim. Nàng không còn nhớ mình đã va vào kính chắn gió, nhưng trông nó giống một cái mạng nhện, những đường nứt

lan rộng ra xung quanh, mỏng manh, tinh tế và chuẩn xác. Khi nàng áp tay lên trán, tay nàng từ từ trượt xuống, vấy đầy máu.

Nàng không ra khỏi xe. Cái thùng rác nằm lăn lóc trên đường. Những hình hài đen thẫm – những con mèo – lấp ló bên rìa thùng, đứng rải rác thành một vòng cung. Ánh đèn lóe lên trong căn nhà ở bên phải, và một người đàn ông bận áo choàng và dép lê chạy ra, hối hả bước xuống vỉa hè tới chỗ chiếc xe của nàng nằm.

“Cô có sao không?” anh ta cúi xuống để nhìn qua cửa xe khi nàng chậm chạp quay kính xe xuống. Không khí buổi đêm mát lạnh táp vào mặt nàng. “Ngoài này có chuyện gì vậy? Cô có sao không? Trán cô đang chảy máu kìa,” anh ta nói tiếp, đoạn rút một chiếc khăn tay từ trong túi ra.

“Không sao đâu,” Norah đáp, đưa tay gạt chiếc khăn tay của anh ta, nó nhàu nhĩ một cách đáng ngờ. Nàng lại áp nhẹ lòng bàn tay lên trán, quệt sạch một vệt máu khác. Chiếc máy ảnh, vẫn còn lủng lẳng trên cổ tay nàng, đập vào vô lăng. Nàng tháo ra và cẩn thận đặt xuống ghế bên cạnh mình. “Ngày kỷ niệm của tôi đấy,” nàng thông báo với người lạ mặt. “Gót chân tôi cũng bị chảy máu nữa.”

“Cô có cần đi gặp bác sĩ không?” người đàn ông hỏi.

“Chồng tôi là bác sĩ,” Norah đáp, nàng nhận thấy người đàn ông tỏ vẻ ngập ngừng và biết có lẽ mình vừa cư xử rất ngớ ngẩn. Có lẽ là đang cư xử rất ngớ ngẩn ngay lúc này ấy chứ. “Anh ấy là bác sĩ đấy,” nàng lặp lại với giọng cả quyết. “Tôi sẽ đi tìm anh ấy.”

“Tôi không chắc cô có lái xe được không,” người đàn ông nói. “Sao cô không để xe lại đây và để tôi gọi xe cấp cứu?”

Mắt nàng đắm lệ trước cử chỉ tử tế của anh ta, nhưng rồi nàng tưởng tượng ngay ra cảnh ấy, ánh đèn, tiếng còi hú và những bàn tay dịu

dàng, David sẽ vội vã chạy đến và thấy nàng trong phòng cấp cứu, rũ rượi, bê bết máu me và vẫn còn say xỉn: một vụ tai tiếng và một nỗi nhục nhã.

“Không,” nàng nói, thận trọng với từng ngôn từ của mình. “Tôi ổn mà, thật đấy. Có một con mèo chạy qua làm tôi giật mình đấy mà. Nhưng nói thật là tôi ổn. Tôi sẽ về nhà, để chồng tôi sẽ xử lý vết thương này. Không sao thật mà.”

Người đàn ông ngập ngừng một lúc lâu, đèn đường hắt ánh bạc lên mái tóc anh ta, rồi anh nhún vai, gật đầu một cái và bước lùi lại nơi lề đường. Norah lái xe thật cẩn thận, chậm rãi, bật đèn xi nhan trên con phố vắng tanh. Qua kính chiếu hậu nàng nhìn thấy anh ta, tay khoanh lại, mắt dõi theo nàng cho tới khi nàng rẽ ở góc đường và biến mất.

Không gian tĩnh lặng khi nàng lái xe về qua những con phố quen thuộc, hơi men bắt đầu tan dần. Căn nhà mới của nàng sáng rực ánh đèn trên tất cả các ô cửa sổ, tầng trên và tầng dưới, ánh sáng tràn ra ngoài như một loại chất lỏng, như thứ gì đó đã đầy tràn không thể bị giữ lại nữa. Nàng đậu xe trên lối vào nhà và bước ra, nàng đứng một lúc trên bãi cỏ ướt sũng, mưa rơi rả rích và đọng thành hạt trên mái tóc, trên áo choàng của nàng. Trong nhà, nàng thoáng thấy David ngồi trên sofa. Paul nằm trong vòng tay anh, thằng bé đang ngủ say, đầu khể tựa lên vai bố. Nàng nghĩ đến quang cảnh lúc nàng đi, rượu đổ tung tóe và dây giầy vắt ngổn ngang, món thịt quay nham nhở. Nàng xốc lại áo choàng và hối hả bước lên bậc cửa.

“Norah!” David gặp nàng ở cửa, tay vẫn bế Paul. “Norah, chuyện gì xảy ra với em vậy? Em đang chảy máu kìa.”

“Không sao đâu. Em ổn mà,” nàng nói, đoạn gạt tay David ra khi anh cố đỡ nàng. Chân nàng đau nhói, nhưng nàng thấy vui vì cơn đau rức buốt, nó cân bằng lại cơn chấn động trong đầu nàng, dường như

cơn đau ấy chạy dọc cơ thể nàng trong một chuỗi liên lạc và giữ cho nàng đứng vững. Paul ngủ có vẻ say, hơi thở của thằng bé chậm và đều. Nàng nhẹ nhàng áp lòng bàn tay lên cái lưng nhỏ xíu của nó.

“Bree đâu rồi anh?” nàng hỏi.

“Nó đi tìm em đấy,” David nói. Anh liếc mắt qua phòng ăn và nàng dõi theo hướng nhìn của anh, thấy bữa tối tanh bành, những dải dây rơi vương vãi trên sàn nhà. “Thấy em không có ở nhà, anh sợ quá nên gọi cho nó. Nó đưa Paul sang đây, rồi ra ngoài tìm em.”

“Em ở nhà cũ đấy,” Norah nói. “Em đâm phải một cái thùng rác.” Nàng đưa tay lên trán và nhắm mắt lại.

“Em đã uống rượu.” Anh tuyên bố bằng giọng điềm tĩnh.

“Uống rượu và ăn tối. Anh đã về muộn.”

“Có tận hai chai rượu cạn sạch cơ mà, Norah.”

“Bree đã ở đây. Chờ anh lâu quá.”

Anh gật đầu. “Bọn choai choai đêm nay, mấy đứa bị tai nạn ấy? Bọn nó nốc bia bí tí. Anh rất hoảng, Norah ạ.”

“Em có say đâu.”

Chuông điện thoại reo vang và nàng nhấc máy, ống nghe nặng trĩu trong tay. Là Bree, giọng cô hối hả như nước chảy, nôn nóng muốn biết chuyện gì đã xảy ra. “Chị ổn mà,” Norah nói, cố gắng giữ giọng thật bình tĩnh và rõ ràng. “Chị ổn.” David nhìn nàng, xem xét đường sẫm màu trên lòng bàn tay nàng nơi đọng lại những giọt máu khô. Nàng co ngón tay che lại và quay đi.

“Đây,” khi nàng gác máy, anh chạm lên tay và nàng nói thật dịu dàng. “Em ra đây.”

Họ đi lên gác. Trong khi David đặt Paul vào nôi, Norah xoa xoa chỗ tất rách và ngồi xuống thành bồn tắm. Mọi vật đã trở nên rõ ràng và vững chãi hơn, và nàng thấy lóa mắt trước ánh đèn sáng rực, cố gắng sắp xếp lại những sự việc đã xảy ra trong buổi tối theo đúng trình tự. Khi David quay lại, anh bèn gạt mấy món tóc vương trên trán nàng, động tác của anh nhẹ nhàng và chính xác, và bắt đầu lau rửa vết thương.

“Hy vọng em đã bỏ lại người kia trong tình trạng tồi tệ hơn thế này,” anh nói, và nàng tưởng tượng ra có lẽ anh cũng nói câu tương tự với những bệnh nhân đã tới phòng khám của anh: dăm ba mẫu chuyện trò lật vật, rồi đùa cợt, những câu vô thưởng vô phạt để phân tán tâm trí người bệnh khỏi công việc anh đang làm.

“Chẳng còn ai nữa đâu,” nàng nói, thầm nghĩ tới người đàn ông tóc ánh bạc đã cúi xuống nhìn vào cửa xe nàng. “Một con mèo làm em giật mình, rồi em bị lạc tay lái. Nhưng tấm kính chắn gió – au!” nàng kêu lên khi anh rịt thuốc sát trùng lên vết thương. “Au, David, đau quá.”

“Không đau lâu đâu em,” anh nói, đoạn đặt tay lên vai nàng một lúc. Sau đó anh quỳ xuống bên bồn tắm và nắm lấy bàn chân nàng trong tay.

Nàng ngắm anh gấp những mảnh thủy tinh ra. Anh làm thật cẩn thận và bình tĩnh, hoàn toàn đắm chìm trong những suy nghĩ của riêng mình. Nàng biết anh sẽ chữa chạy cho bất cứ một bệnh nhân nào khác với những cử chỉ y như vậy.

“Anh tốt với em quá,” nàng thì thầm, hòng mong có thể nối lại khoảng cách giữa hai người, khoảng cách chính nàng đã tạo ra.

Anh lắc đầu và tạm ngưng việc đang làm, ngẩng đầu lên.

“Tốt với em,” anh chậm chạp nhắc lại. “Sao em lại về đây hả Norah, về ngôi nhà cũ của chúng mình ấy? Sao em lại không muốn rời bỏ nó?”

“Bởi vì đó là thứ cuối cùng,” nàng đáp ngay, thấy ngạc nhiên trước giọng nói chắc chắn và đầy đau buồn của mình. “Cách cuối cùng để chúng ta rời bỏ con bé.”

Trong chớp mắt trước khi anh nhìn lảng đi, nét căng thẳng, giận dữ thoáng vụt qua trên khuôn mặt David rồi nhanh chóng bị kìm lại.

“Có điều gì em nói mà anh không làm không? Anh nghĩ căn nhà mới này sẽ khiến cả hai ta hạnh phúc. Nó sẽ giúp hầu hết mọi người hạnh phúc, Norah ạ.”

Nghe giọng anh nói, trong Norah tràn ngập nỗi sợ hãi, nàng có thể đánh mất luôn cả anh nữa. Bàn chân nàng giần giật, và đầu nàng nữa, nàng nhắm mắt thật nhanh trước ý nghĩ về khung cảnh mà nàng vừa gây ra. Nàng không muốn mắc kẹt vĩnh viễn trong cái đêm câm lặng tăm tối này, khi David dường như ở một nơi rất xa mà nàng không tài nào với tới được.

“Thôi được rồi,” nàng nói. “Mai em sẽ gọi cho đại lý nhà đất. Chúng ta nên đồng ý bán thôi.”

Cuốn phim quá khứ giờ đã khép lại sau những lời nàng vừa nói, một hàng rào mong manh và yếu ớt như băng tuyết đã thành hình. Nó sẽ ngày càng dày lên và vững chắc hơn. Rồi nó sẽ trở thành bất khả xâm phạm, và mờ đặc. Norah cảm thấy điều ấy đang xảy ra và nàng e sợ nó, nhưng điều khiến nàng sợ hãi hơn lúc này là điều gì sẽ xảy ra nếu nó đổ vỡ. Phải, họ sẽ tiếp tục sống. Đây sẽ là món quà của nàng, cho David và cho Paul.

Còn Phoebe, nàng sẽ để nó sống mãi trong tim mình.

David lấy một chiếc khăn bông quấn bàn chân nàng lại và ngồi tựa trên hai gót chân.

“Em ạ, anh không nghĩ chúng ta nên quay lại đó,” anh nói, giọng anh đã dịu hơn sau khi nàng tỏ ra biết lỗi. “Nhưng chúng ta có thể. Nếu em thực sự muốn như vậy, chúng ta có thể bán căn nhà này đi và quay lại đó.”

“Không,” nàng nói. “Chúng ta đang sống ở đây kia mà.”

“Nhưng em cứ buồn rầu như thế,” anh nói. “Đừng buồn. Anh không quên đâu, Norah à. Không quên ngày kỷ niệm của chúng ta. Không quên con gái của chúng ta. Không quên một chút gì hết.”

“Ôi, David,” nàng nói. “Em để quên quà của anh trong xe rồi.” Nàng nghĩ đến chiếc máy ảnh, nhớ chính xác từng cái nút và cần gạt của nó. Người giữ ký ức, trên chiếc hộp đựng ghi mấy dòng này, bằng những chữ in nghiêng màu trắng; nàng bỗng nhận ra đó là lý do khiến nàng mua nó – để anh có thể lưu giữ mọi khoảnh khắc, để anh không bao giờ quên.

“Không sao đâu,” anh nói, rồi đứng dậy. “Em đợi nhé. Ngồi đây đợi anh.”

Anh chạy xuống tầng dưới. Nàng ngồi trên thành bồn tắm một lúc lâu, rồi đứng dậy và tập tễnh lê qua hành lang để tới phòng Paul. Tắm thảm xanh sẫm dày dặn trải dưới chân nàng. Nàng đã vẽ những đám mây lên bức tường màu xanh lơ và treo một giàn sao trên chiếc nôi. Paul ngủ yên dưới những ngôi sao lơ lửng, tấm chăn bị đạp ra, còn đôi bàn tay nhỏ xíu thông xuống. Nàng dịu dàng hôn thẳng bé và gài lại chăn cho nó, rồi đưa tay lên vuốt mái tóc mềm mại, chạm nhẹ ngón trỏ vào lòng bàn tay của nó. Giờ thẳng bé đã lớn lắm rồi, đã đi được và

đang bập bẹ tập nói. Những buổi tối hôm nào dường như đã trôi xa hàng năm trời, những lúc Paul được chăm chút bế ẵm từng tí một còn David đem hoa thủy tiên vào bày khắp nhà: Những ngày ấy đâu rồi? Nàng nhớ đến chiếc máy ảnh, và nhớ lúc nàng lang thang trong căn nhà vắng lạnh của họ, quyết tâm ghi lại từng chi tiết nhỏ, như một cách chống lại thời gian.

“Norah?” David bước vào phòng và đứng sau lưng nàng. “Em nhắm mắt lại đi.”

Một dải dây mát lạnh sáng lấp lánh trên da nàng. Nàng nhìn xuống và nhìn thấy một viên ngọc lục bảo, một dải đá dài sẫm màu, tiếp màu với sợi dây vàng nổi bật trên nền da. Cho hợp với chiếc nhẫn nàng đeo, anh nói. Cho hợp với màu mắt nàng.

“Đẹp quá,” nàng thì thầm và sờ tay lên chất vàng ấm ảm. “Ôi, David.”

Rồi anh đặt tay lên vai nàng, và trong chớp mắt nàng lại đứng giữa tiếng nước vỗ nơi cối xay bột, hạnh phúc bao trùm lấy nàng như bóng đêm. Đừng thở, nàng tự nhủ. Đừng cử động. Nhưng chẳng thể nào ngăn được vạn vật. Ngoài trời, mưa rơi nhẹ nhẹ, và hạt giống của mình dưới lớp đất đen ẩm ướt. Paul thở dài và trở mình trong giấc ngủ. Sớm mai nó sẽ thức dậy, lớn lên và thay đổi. Họ sẽ sống cuộc sống của mình ngày này qua ngày khác, mỗi ngày lại đưa họ đi thêm một bước rời xa dần đứa con gái đã mất.

Tháng Ba Năm 1965

NƯỚC TỪ VÒI SEN ĐỔ XUỐNG RÀN RẠT VÀ HƠI NƯỚC BỐC LÊN phủ mờ tấm gương và ô cửa sổ, che khuất vầng trăng xanh tái. Caroline đi tới đi lui trong buồng tắm quét sơn tím bé tí tẹo, trên tay ôm chặt Phoebe. Hơi thở của con bé nhẹ và gấp, trái tim nhỏ bé của nó đập thành thịch. *Cố gắng lên, con yêu*, Caroline thì thầm, vuốt ve mái tóc sẫm mềm mại của con bé. *Cố khỏe lên nhé, bé ngoan, cố lên con*. Một rá rời, cô dừng bước ngấm vầng trăng ngoài cửa sổ, một đốm sáng len giữa những cành cây tiêu huyền, lúc ấy cơn ho của Phoebe lại trỗi dậy, tận sâu trong lồng ngực con bé. Thân hình nó cứng đờ ra trong tay Caroline khi con bé đẩy không khí qua vòm họng nhỏ hẹp, tiếng nghe rât và khò khè. Đó là bệnh bạch hầu thanh quản, một bệnh đã được nhắc đến trong giáo trình. Caroline xoa xoa lên lưng Phoebe, lưng con bé chẳng lớn hơn bàn tay cô là bao. Khi cơn ho vừa dứt, cô lại tiếp tục đi đi lại lại để không rơi vào trạng thái ngủ đứng. Mới trong năm nay thôi đã hơn một lần cô giật mình tỉnh dậy thì thấy mình vẫn đứng nguyên còn Phoebe, kỳ diệu thay, vẫn an toàn trong vòng tay cô.

Cầu thang kêu kéo kẹt, rồi đến mấy tấm ván sàn, tiếng nghe gần hơn, và cánh cửa màu tím bật mở kéo theo luồng không khí lạnh buốt. Doro bước vào, chị khoác một chiếc áo choàng lụa đen bên ngoài váy ngủ, mái tóc hoa râm xõa xuống bờ vai.

“Tệ lắm hả em?” chị cất tiếng hỏi. “Nghe tiếng sợ quá. Có cần chị đi lấy xe không?”

“Em nghĩ là không cần đâu. Nhưng chị đóng cửa giùm em được không? Có hơi nước cũng đỡ nhiều đấy.”

Doro đóng cửa lại rồi ngồi lên thành bồn tắm.

“Bọn em lại đánh thức chị dậy rồi,” Caroline nói, hơi thở của Phoebe phả nhẹ nhẹ lên cổ cô. “Xin lỗi chị nhé.”

Doro nhún vai. “Em biết chị ngủ thế nào rồi đấy. Đằng nào thì chị vẫn đang thức đọc sách mà.”

“Có gì thú vị không?” Caroline hỏi. Cô đưa cổ tay áo chùi lên cửa sổ; ánh trăng rải xuống mảnh vườn phía dưới cách đây ba tầng lầu và chiếu sáng chan hòa như nước chảy trên cỏ.

“Tập chí khoa học ấy mà. Tẻ chết đi được, chị còn thấy thế nữa là. Đọc để dỗ giấc thôi.”

Caroline mỉm cười. Doro có bằng tiến sĩ vật lý; chị làm việc tại trường đại học, đúng phân khoa mà ông cụ thân sinh ra chị đã từng nắm chức trưởng khoa. Leo March, một con người lỗi lạc và tiếng tăm lừng lẫy, giờ đã ở tuổi tám mươi, tuy chân tay còn khỏe mạnh nhưng trí nhớ và giác quan đã sút kém. Mười một tháng trước, Doro đã thuê Caroline làm bầu bạn với ông cụ.

Một món quà, chính là công việc này: cô biết. Cô lái xe từ đường hầm Fort Pitt lên chiếc cầu cao bắc ngang qua sông Monongahela, những ngọn đồi xanh nhô cao bên dòng nước phẳng lặng, thành phố Pittsburgh đột ngột hiện lên lung linh trước mắt cô, gần gũi và sống động. Ngõ ngàng trước sự rộng lớn và vẻ đẹp huy hoàng của nó, cô thở gấp và nhấn ga chậm lại, chỉ sợ mình sẽ lạc tay lái.

Suốt một tháng rông cô sống trong một khách sạn rẻ tiền nằm ở ngoại ô thành phố, khoanh tròn các loại quảng cáo tìm người và nhìn món tiền dành dụm của mình teo tóp dần. Khi cô tới dự cuộc phỏng vấn này, lòng phấn khích đã chuyển thành vẻ hoảng loạn đến đờ dại. Cô bấm chuông và đứng trên hiên nhà, chờ đợi. Những đóa thủy tiên vàng rực rỡ rung rinh trên thảm cỏ xuân xanh tốt; ở căn nhà kế bên, một người phụ nữ khoác áo choàng thêu mặc ở nhà đang mài quét

đám muội vương trên bậc thềm. Những người sống trong căn nhà đó còn chẳng thềm để ý; chiếc ghế ngồi ô tô của Phoebe đã phủ đầy một lớp sạn bắn tích tụ từ mấy ngày liền. Bụi rải như tuyết đen, dấu chân của Caroline in xuống chỗ mờ chỗ tỏ sau lưng cô.

Cuối cùng thì Dorothy March, một người cao ráo và mảnh dẻ mặc bộ đồ thể thao màu xám, cũng ra mở cửa, Caroline phớt lờ cái nhìn cảnh giác chị ta dành cho Phoebe, cô nhắc cái ghế của con bé lên, bước vào nhà. Cô ngồi xuống mép một chiếc ghế tựa khá chênh vênh, lớp nệm nhung từng có màu đỏ thắm như rượu đã ngả sang sắc hồng, ngoại trừ mấy chỗ sẫm màu hơn xung quanh đỉnh tán bọc vải. Dorothy March ngồi xuống đối diện cô, trên chiếc trường kỷ bọc da nứt nẻ, một đầu được gia cố thêm bằng một cục gạch. Chị châm một điếu thuốc. Trong một lúc lâu chị chỉ ngắm nghía Caroline, đôi mắt xanh tinh nhanh và linh động. Chị chưa nói ngay điều gì cả. Sau rốt chị cũng háng giọng, rồi phả ra một hơi khói.

“Nói thật nhé, tôi không tin tưởng một đứa trẻ ranh lắm đâu,” chị nói.

Caroline rút tờ lý lịch ra. “Tôi đã làm y tá trong mười lăm năm liền. Tôi có vô khối kinh nghiệm và tâm huyết để làm công việc này.”

Dorothy March cầm mấy tờ giấy bằng bàn tay không hút thuốc và đưa lên đọc.

“Chà, xem ra cô có nhiều kinh nghiệm thật. Nhưng ở đây còn không ghi cô đã làm việc ở đâu. Cô chẳng trình bày rõ ràng gì cả.”

Caroline ngập ngừng. Cô đã nghĩ ra hàng tá câu trả lời khác nhau cho câu hỏi này ở hàng tá cuộc phỏng vấn khác nhau những tuần trước đó, và tất cả đều chẳng có tác dụng gì cả.

“Bởi vì tôi đã bỏ trốn,” cô nói, đầu óc như quay cuồng. “Tôi đã chạy trốn cha của Phoebe. Vì vậy tôi không thể nói cho chị biết tôi từ đâu đến, và cũng không thể đưa cho chị một lá thư giới thiệu nào. Đó là lý do duy nhất tôi vẫn chưa kiếm được việc. Tôi là một y tá xuất sắc, và thẳng thắn mà nói, chị rất may mắn vì tìm được tôi đấy, nhất là với mức lương chị định trả.”

Nghe vậy Dorothy phá lên cười the thé, nghe rợn cả người. “Ăn nói mới táo tợn chưa! Thưa cô, đây là công việc làm toàn thời gian tại nhà tôi. Vì có gì mà tôi phải vờ vập nhận ngay một người hoàn toàn xa lạ cơ chứ?”

“Tôi sẽ bắt đầu ngay từ bây giờ, chỉ cần được nuôi ăn ở thôi,” Caroline vẫn kiên trì, cô nghĩ đến căn phòng ở nhà nghỉ với lớp giấy dán tường tróc luôm nhuôm và cái trần phòng cầu bần, căn phòng mà cô không đủ tiền để trả thậm chí chỉ cho một đêm nữa. “Trong vòng hai tuần. Tôi làm việc, sau đó chị có thể quyết định.”

Điều thuốc trên tay Dorothy March đã cháy hết. Chị nhìn nó, rồi dụi xuống cái gạt tàn đã đầy tràn.

“Nhưng cô tính xoay xở thế nào?” chị trầm ngâm. “Lại còn thêm đứa bé nữa? Bố tôi không phải là một bệnh nhân. Mà ông cũng không phải là một bệnh nhân kiên nhẫn đâu đấy, tôi cam đoan với cô như thế.”

“Chỉ một tuần thôi,” Caroline đáp ngay. “Nếu trong một tuần chị cảm thấy không thích tôi, tôi sẽ đi ngay.”

Đến giờ gần một năm đã trôi qua. Doro đứng trong căn phòng tắm mù mịt hơi nước. Ống tay áo choàng lụa đen in đầy hình những con chim vùng nhiệt đới sặc sỡ tụt xuống tận khuỷu tay. “Để chị bế nó cho. Trông em mệt quá rồi, Caroline ạ.”

Cơn khò khè của Phoebe đã dịu bớt và da dẻ con bé dần tươi tắn trở lại, đôi má giờ đã phơn phớt hồng, Caroline chuyển con bé sang, cảm thấy rõ hơi lạnh đột ngột khi con bé không còn trong vòng tay mình nữa.

“Tình hình bố chị hôm nay thế nào?” Doro hỏi. “Cụ có gây phiền phức cho em chút nào không?”

Mất một lúc Caroline vẫn không trả lời. Cô đã quá mệt mỏi, một năm qua cô đã đi quá xa, từ cảnh huống này sang cảnh huống khác, và cuộc sống đơn độc chĩn chu của cô đã bị xáo trộn hoàn toàn. Không hiểu bằng cách nào cô lại có mặt trong căn phòng tắm sơn tím nhỏ bé này, trở thành mẹ của Phoebe, thành bạn đồng hành với một người đàn ông lỗi lạc nhưng trí óc đã lẫn lộn, thành một người bạn kỳ lạ nhưng đáng tin cậy của người phụ nữ này, Doro March: một năm trước đây thôi họ vẫn còn là những người xa lạ, những người phụ nữ có thể lướt qua nhau trên phố mà không buồn liếc nhau đến lần thứ hai, giữa đôi bên cũng chẳng có chút liên hệ nào, vậy mà giờ đây cuộc sống của họ đã xoắn bện vào nhau bởi những nhu cầu thường nhật cùng một lòng tôn trọng bền chặt và nghiêm cẩn.

“Ông cụ không chịu ăn. Ông kêu em đã bỏ bột giặt vào khoai tây nghiền. Chà – nói thế nào nhỉ, cũng như ngày thường thôi.”

“Tính ông không thế, em biết mà,” Doro nhẹ nhàng. “Không phải lúc nào ông cụ cũng như thế.”

Caroline tắt vòi hoa sen và ngồi lên thành bồn tắm màu tím.

Doro hát hăm về phía ô cửa sổ mờ hơi nước. Đôi bàn tay Phoebe xanh tái như những ngôi sao, nổi bật trên nền chiếc áo choàng của chị. “Mảnh đất đằng xa trên đồi là nơi bọn chị chơi đùa hồi xưa. Trước khi người ta xây đường cao tốc kia. Bọn diệc hay làm tổ trên cây, em biết chuyện đó không nhỉ? Cứ tới mùa xuân mẹ chị lại trồng hoa thủy tiên ở

đấy, phải đến hàng trăm củ ấy. Ngày nào bố chị cũng đi tàu từ trường về nhà lúc sáu giờ, ông sẽ đi thẳng tới đó và hái cho mẹ chị một bó hoa đầy. Em không biết ông trước kia như thế nào đâu,” chị nói. “Em không biết đâu.”

“Em biết,” Caroline nói khẽ. “Em đã nhận ra điều đó rồi mà.”

Họ im lặng một lúc. Vòi nước nhỏ từng giọt, và hơi nước cuộn lên.

“Chị nghĩ con bé ngủ rồi,” Doro nói. “Con bé sẽ ổn chứ?”

“Vâng. Em nghĩ thế.”

“Con bé bị làm sao vậy, Caroline?” Giọng nói của Doro giờ đây quan tâm, từng câu từng chữ của chị phát ra thật dứt khoát. “Em à, chị chẳng biết gì về trẻ con cả, nhưng ngay cả người như chị đây cũng có thể cảm thấy có điều gì đó không ổn. Phoebe rất xinh, rất ngoan, nhưng có gì đó không ổn, đúng không? Con bé đã gần một tuổi rồi mà giờ nó chỉ mới đang tập ngồi dậy là sao?”

Caroline nhìn xuyên qua ô cửa sổ động từng vệt dài hơi nước, ngấm mặt trắng rồi nhắm mắt lại. Khi còn là một đứa trẻ sơ sinh, sự ồ ồ của Phoebe dường như, hơn bất cứ điều gì khác, là một món quà của sự thềm lặng, của lòng tận tụy, và Caroline có thể cho phép mình tin rằng không có điều gì bất thường cả. Nhưng sau sáu tháng, khi Phoebe đã lớn hơn nhưng vẫn quá nhỏ bé so với tuổi của nó, chỉ lọt thỏm trong vòng tay cô, khi ánh mắt Phoebe dõi theo chuyển động của chùm chìa khóa, đôi lúc con bé còn vẫy vẫy tay nhưng không bao giờ cố vươn ra để tóm lấy, khi con bé không có biểu hiện gì của khả năng tự ngồi dậy, Caroline bắt đầu đưa Phoebe tới thư viện vào những ngày cô được nghỉ. Ngồi bên chiếc bàn lớn đóng bằng gỗ sồi ở thư viện Carnegie, giữa những căn phòng trần cao vút rộng rãi, thoáng đãng, cô chất đống sách cùng các bài báo và bắt đầu đọc, những cuộc hành trình ghé rón tới các nhà cứu tế tâm tối, những cuộc đời ngắn ngủi, không có chút tia

hy vọng nào. Đó là một cảm xúc kỳ dị, giống như bụng cô bị khoét thủng một lỗ sâu mỗi khi đọc tới từng chữ. Và Phoebe vẫn ở đó, trần mình trong chiếc ghế ô tô, con bé nhoẻn cười, vẫy vẫy tay và ê a: một đứa trẻ, không phải một ca bệnh kinh điển.

“Phoebe có triệu chứng Down,” cô tự ép mình phải nói ra. “Thuật ngữ gọi như vậy.”

“Ôi, Caroline,” Doro nói. “Chị rất tiếc. Có phải đó là lý do khiến em bỏ chồng không? Em nói anh ta không muốn có nó mà. Ôi, em thân yêu, chị rất, rất lấy làm tiếc.”

“Đừng chị à,” Caroline nói, đoạn cô giờ tay ra để đỡ lấy Phoebe. “Con bé rất xinh.”

“Ừ, phải. Phải, nó xinh lắm. Nhưng Caroline à. Con bé sẽ ra sao đây?”

Thân hình Phoebe ấm và nặng trong vòng tay cô, mớ tóc sẫm mềm mại lòa xòa nổi bật trên làn da tái. Caroline, vừa e sợ lại vừa thận trọng, vuốt lên má con bé thật nhẹ nhàng.

“Chúng ta sẽ ra sao đây? Ý em là, nói thực em nghe nào, Doro. Chị có bao giờ tưởng tượng cuộc đời chị sẽ như thế này không?”

Doro nhìn lảng đi, có gì đó như nỗi đau lướt qua khuôn mặt chị. Nhiều năm về trước, vị hôn phu của chị đã bỏ mạng khi liều lĩnh nhảy từ trên một cây cầu xuống sông. Doro đã quá đau đớn vì anh ta và không bao giờ kết hôn, không bao giờ có những đứa con mà chị hằng ao ước.

“Không,” cuối cùng chị cất lời. “Nhưng chuyện này thì khác.”

“Tại sao? Tại sao lại khác?”

“Caroline,” Doro nói, đặt tay lên cánh tay cô. “Thôi đừng nói nữa em. Em mệt rồi. Chị cũng vậy.”

Caroline đặt Phoebe vào nôi trong lúc tiếng chân Doro bước xuống cầu thang vắng lại khe khẽ. Lúc ngủ say dưới ánh đèn đường mờ ảo hắt qua cửa sổ, trông nó cũng giống như bất cứ đứa trẻ nào khác, tương lai của con bé vẫn còn mờ lung, thật chẳng khác nào đấng đại dương, vẫn còn ẩn chứa biết bao bí ẩn. Xe cô trườn lên những cánh đồng thời thơ ấu của Doro, ánh đèn pha nhảy nhót trên tường, và Caroline hình dung ra cảnh những con diệc bay vù lên trên đồng lầy, cánh dài trải trong ánh sáng vàng mờ ảo của buổi ban mai. *Con bé sẽ ra sao?* Thực ra, lắm lúc Caroline nằm thao thức giữa đêm khuya, trăn trở không nguôi cũng vì chính câu hỏi đó.

Trong phòng riêng của cô, những tấm rèm do chính tay bà cụ thân sinh của Doro đan móc và treo lên cửa sổ mấy chục năm về trước phủ xuống những mảng tối tinh tế; ánh trăng đủ sáng để xuyên qua lớp rèm. Trên bàn làm việc có một chiếc phong bì đựng ba tấm hình của Phoebe, kế đó là một tờ giấy gấp đôi. Caroline mở ra và đọc lại những gì mình đã viết.

Bác sĩ Henry,

Tôi viết những dòng này để thông báo chúng tôi vẫn khỏe, Phoebe và tôi. Chúng tôi vẫn an toàn và hạnh phúc. Tôi có một công việc rất tốt. Về cơ bản, Phoebe là một đứa trẻ khỏe mạnh, mặc dù thỉnh thoảng vẫn gặp vấn đề về hô hấp. Tôi gửi cả ảnh nữa. Cho tới giờ, cảm ơn trời, tim con bé vẫn chưa có gì bất thường.

Lẽ ra cô nên gửi đi – cô đã viết từ mấy tuần trước – nhưng mỗi lần định gửi cô lại nghĩ tới Phoebe, đến cái cảm giác êm ái mỗi khi chạm vào tay nó, hay tiếng ê a của nó mỗi khi nó vui, và cô không thể nào làm được nữa. Cô lại cất lá thư đi và nằm xuống, chẳng mấy chốc đã

chìm vào giấc ngủ mê man. Cô bỗng mơ thấy khu sảnh đợi nơi phòng khám với mấy cái cây ụ rũ, những chiếc lá lay động bởi hơi nóng, và rồi bừng tỉnh, khắc khoải lo lắng không biết mình đang ở đâu.

Đây, cô tự nhủ, tay sờ lên mấy tấm chăn mát lạnh. *Mình đang ở đây.*

* * *

Buổi sáng khi Caroline thức dậy, căn phòng tràn ngập ánh sáng và tiếng kèn trumpet. Nằm trong nôi, Phoebe đang hươ hươ tay như thể nốt nhạc là những sinh vật nhỏ bé có cánh, giống như bướm hay đom đóm, mà con bé có thể bắt lấy. Caroline sửa soạn áo xống cho cả hai rồi bế nó xuống tầng dưới, cô dừng lại ở tầng hai, nơi Leo March đang thu mình trong văn phòng sơn vàng ngập nắng của ông, sách vương vãi khắp đi văng, ông nằm trên đó, tay đan sau đầu, mắt nhìn trần trần lên trần nhà. Caroline đứng bên ngưỡng cửa nhìn ông – cô không được phép bước vào căn phòng này trừ phi được mời – nhưng ông không nhận ra sự có mặt của cô. Một người đàn ông già nua, cái đầu đã hói chỉ còn lại một nhúm tóc bạc lơ thơ, vẫn mặc nguyên bộ quần áo từ hôm trước, say sưa lắng nghe tiếng nhạc âm ỉ tuôn ra từ dàn loa, làm rung chuyển cả căn nhà.

“Bác có muốn ăn sáng không ạ?” cô gào to.

Ông phẩy tay, ý rằng mình sẽ tự lo lấy. Vậy thì tốt thôi.

Caroline đảo qua bếp pha cà phê. Ngay cả ở dưới này cô vẫn nghe thấy tiếng kèn trumpet văng vẳng. Cô đặt Phoebe lên chiếc ghế ăn, cho nó uống nước sốt táo, ăn trứng cùng pho mát mềm. Ba lần cô đặt chiếc thìa vào tay con bé là ba lần thìa rơi xuống chiếc khay kim loại.

“Không sao,” Caroline nói to, nhưng trái tim cô se lại. Tiếng Doro lại văng vẳng: *Con bé sẽ ra sao? Ra sao đây? Mười một tháng tuổi, lẽ ra con bé phải cầm nắm được những vật nhỏ rồi chứ.*

Cô dọn sạch bếp và sang phòng ăn gấp đồ giặt ủi vừa rút trên dây phơi; vải vóc thơm nồng hơi gió. Phoebe nằm ngửa trên xe cũi đẩy, miệng ê a, tay đập lên những chiếc vòng và đồ chơi Caroline treo trên đầu nó. Thỉnh thoảng Caroline dừng việc để chỉnh lại mấy món đồ sắc sỡ, với hy vọng rằng Phoebe, bị hấp dẫn bởi màu sắc, sẽ khua cho chúng quay tít.

Sau chừng nửa tiếng đồng hồ tiếng nhạc bỗng ngưng bật, rồi chân Leo xuất hiện trên bậc thang trong đôi giày da đánh xi bóng loáng và thắt buộc chỏm chu, mắt cá chân để trần xanh xao lấp ló dưới ống quần ngắn phải tới vài centimet so với mức thông thường. Từ từ từng chút một, ông hiện ra trong tầm mắt – một người đàn ông cao kều, thân hình đã một thời rất tráng kiện và cơ bắp, nhưng giờ các thớ thịt chỉ còn bám lỏng lẻo trên cái khung xương khẳng khiu.

“A, tốt lắm,” ông nói, gật gù với đồng đồ giặt ủi. “Chúng ta cần một cô giúp việc như thế đấy.”

“Bác ăn sáng không?” cô hỏi.

“Tôi tự làm lấy được.”

“Thế thì bác làm đi.”

“Tôi sẽ tổng cổ cô trước bữa trưa,” ông nói vọng ra từ trong bếp.

Tiếp đó là tiếng nôi niêu xoong chảo rơi loảng xoảng, tiếng ông cụ chửi rủa. Caroline tưởng tượng ra ông đang phải cúi lom khom để nhồi nhét hết đồng xoong chảo trở vào tủ đựng chén đĩa. Cô phải tới giúp ông – nhưng thôi, cứ để ông tự xoay sở lấy. Trong mấy tuần đầu làm việc, cô còn ngần ngại không dám mở miệng đáp trả, không dám giật mình mỗi lần Leonard March gọi, cho tới khi Doro nói riêng với cô. *Dào ôi, cô có phải là người hầu kẻ ở đâu. Mọi chuyện cứ nói với tôi là được; cô không cần phải nghe mọi thứ ông cụ sai bảo. Cô làm tốt lắm, cô cứ*

ở lại đây, chị đã nói vậy, và Caroline hiểu rằng thời kỳ thử việc của cô đã chấm dứt.

Leo đi ra, tay bưng một đĩa trứng đầy tú hụ và một cốc nước cam.

“Không phải lo,” cô chưa kịp mở miệng, ông đã nói trước. “Tôi đã tắt cái lò nướng chết tiệt đấy rồi. Giờ tôi lên gác ăn sáng cho yên thân đây.”

“Xin bác ăn nói cho cẩn thận,” Caroline nói.

Ông gặm gù trong miệng rồi dận chân thỉnh thoảng lên gác. Cô ngừng tay, bỗng nhiên thấy nghẹn ngào muốn khóc, cô dõi theo một con chim hồng y thoát đậu xuống bụi tử đinh hương dưới cửa sổ, rồi bay đi ngay. Cô đang làm gì ở đây vậy nhỉ? Không hiểu ước muốn nào đã đẩy cô đến quyết định hệ trọng này, đến cái cảnh không thể quay đầu trở lại như thế này? Và rốt cuộc, số phận của cô sẽ ra sao đây?

Sau vài phút, tiếng nhạc trumpet lại nổi lên âm âm trên gác và chuông cửa reo đến lần thứ hai. Caroline bế Phoebe lên khỏi chiếc xe cũi đẩy.

“Họ đến rồi,” cô nói, đoạn giơ cổ tay lên chùi mắt. “Đến lúc luyện tập rồi.”

Sandra đã chực sẵn dưới hiên nhà, Caroline vừa mở cửa cô đã ập vào, một tay bế Tim còn tay kia kéo lê theo một túi vải to vật vữa. Cô ta cao lớn, khung xương thô kệch, tóc vàng hoe, tràn đầy sức sống; cô ngồi bệt xuống giữa tấm thảm không chút câu nệ, rồi dốc túi đổ ra một chồng đồ đồng đồ chơi xếp khối.

“Xin lỗi chị tôi đến muộn quá,” cô ta nói. “Đường sá ùn tắc kinh quá đi mất. Chị sống ở gần trung tâm thành phố thế này mà không phát điên lên à? Như tôi thì chắc muốn rồ luôn rồi. Mà thôi, xem tôi có cái

gì này. Nhìn mấy món đồ chơi xếp khối tuyết chua này – đồ nhựa đấy, màu sắc phong phú lắm. Tim thích chơi trò này lắm đấy.”

Caroline cũng ngồi xuống sàn nhà. Cũng như Doro, Sandra là một người bạn lạ thường, một người mà trong cuộc sống trước kia của mình có lẽ Caroline sẽ không bao giờ biết đến. Họ đã gặp nhau trong thư viện giữa một ngày tháng Giêng âm đậm, lúc ấy Caroline, phát ngấy vì chuyên gia và những số liệu chuyên môn âm đậm, đóng sập quyển sách lại trong tuyệt vọng. Sandra ngồi cách đó hai bàn, cũng lệt thỏm giữa những chồng sách của chính mình, những quyển sách có bìa và gáy giống với đồng sách của Caroline khủng khiếp, cô nhìn lên. *Ôi chao, tôi hiểu chị đang nghĩ gì. Tôi cũng điên đầu lắm rồi đây, khéo đập vỡ tan cửa sổ được ấy.*

Họ bắt đầu trò chuyện: lúc đầu hãy còn thận trọng, rồi sau lời lẽ cứ thế tuôn ra. Con trai của Sandra tên Tim đã gần tròn bốn tuổi. Cậu bé cũng bị Down, nhưng Sarah lại không hay biết. Sarah có để ý thấy thằng bé phát triển chậm hơn ba đứa con còn lại của cô, nhưng cô chỉ nghĩ đơn giản là chậm thôi, chứ không cho rằng có nguyên do gì khác. Là một bà mẹ bận rộn, cô chỉ mong Tim có thể làm được những gì mà anh chị nó đã làm được, và nếu thằng bé có chậm hơn thì cũng không sao hết. Thằng bé biết đi lúc lên hai, tập đi toilet khi lên ba. Kết quả chẩn đoán đã làm cả gia đình sững sờ; lời khuyên của bác sĩ – rằng nên đưa Tim vào một nhà cứu tế nào đó – đã khiến cô nổi giận mà bắt tay vào hành động.

Caroline lắng nghe chăm chú, từng câu từng lời khiến lòng cô thấy thêm phẫn chấn.

Họ rời khỏi thư viện và đi uống cà phê. Có lẽ Caroline sẽ không bao giờ quên những giây phút ấy, sự hứng khởi mà cô cảm thấy, như thể cô vừa thức dậy sau một giấc mơ dài nặng nề. Họ cùng phỏng đoán điều gì sẽ xảy ra, nếu cứ giả định là con mình có thể làm *tất cả mọi việc*. Có

lẽ sẽ không nhanh. Có lẽ sẽ không giống như những gì sách nói. Nhưng nếu họ bỏ hết những biểu đồ tăng trưởng và phát triển kia đi, thay vào đó là những mục tiêu, kế hoạch rõ ràng và gắt gao của mình thì sao? Nếu họ kiên trì hy vọng bất chấp cả thời gian? Làm thế thì có hại gì đâu? Sao lại không thử cơ chứ?

Phải, sao lại không nhỉ? Họ bắt đầu gặp nhau thường xuyên, ở đây hoặc ở nhà Sandra khi có mặt cả mấy đứa con trai lớn bướng bỉnh của cô. Họ mang theo sách vở và đồ chơi, bài nghiên cứu và những câu chuyện, và cả kinh nghiệm của riêng mình – Caroline có kinh nghiệm của một y tá, Sandra lại có kinh nghiệm của một giáo viên và một bà mẹ của bốn đứa con. Có rất nhiều phương pháp chỉ xuất phát từ suy nghĩ thông thường. Ví dụ khi Phoebe cần học lấy, cứ đặt một quả bóng màu sắc sõ ngoài tầm với của nó; khi Tim cần học cách kết hợp hành động, cứ đưa cho thằng bé một chiếc kéo cùn cùng tập giấy màu và để nó tự cắt. Những dấu hiệu tiến bộ biểu hiện rất chậm chạp, đôi khi không thể nhận thấy được, nhưng đối với Caroline, những giờ phút ấy đã trở thành sự cứu rỗi.

“Hôm nay trông chị mệt mỏi quá,” Sandra nói.

Caroline gật đầu. “Tối qua Phoebe bị ho bạch hầu. Thực sự tôi cũng không biết con bé trụ được bao lâu nữa. Tai của Tim sao rồi?”

“Tôi thích ông bác sĩ mới lắm,” Sandra nói, đoạn ngồi ngả ra. Ngón tay của cô dài và thô; cô mỉm cười với Tim và đưa cho thằng bé một cái cốc màu vàng. “Ông ấy có vẻ tận tâm lắm, chứ không xua chúng tôi đi đâu. Nhưng mà tình hình cũng chẳng có gì sáng sủa hơn. Tim hơi có vấn đề về thính giác, thế nên thằng bé học nói mới chậm như thế. Đây này, con ngoan,” cô nói, gõ nhẹ lên cái cốc thằng bé vừa đánh rơi. “Cho cô Caroline với em Phoebe xem con làm được gì đi nào.”

Tim chẳng buồn quan tâm; lớp sợi thảm đã thu hết sự chú ý của thằng bé, nó đưa tay luồn qua lớp sợi hết lần này tới lần khác, đầy hào hứng và thích thú. Nhưng Sandra vẫn tỏ ra kiên quyết, bình tĩnh và dứt khoát. Rốt cuộc, thằng bé cũng cầm cái cốc vàng lên, áp miệng cốc lên má một lúc, rồi đặt cốc lên sàn nhà và bắt đầu đem những chiếc cốc khác xếp chồng lên nhau thành một cái tháp.

Suốt hai tiếng đồng hồ sau đó, họ chơi với bọn trẻ và trò chuyện. Sandra có quan điểm dứt khoát đối với mọi vấn đề và không ngần ngại bày tỏ ý kiến của mình. Caroline thích ngồi trong phòng khách nói chuyện với người phụ nữ thông minh, mạnh mẽ này, như những người mẹ với nhau. Đạo này Caroline bỗng thấy nhớ mẹ da diết, mẹ cô đã qua đời cách đây cả chục năm rồi, cô ước sao mình có thể gọi điện cho bà và xin bà lời khuyên hay chỉ cần bà ghé qua đây chốc lát để trông thấy cô bé Phoebe trên tay. Không biết mẹ cô có phải nếm trải những cảm giác này – tình yêu thương lẫn nỗi âu lo – khi Caroline lớn lên? Chắc là có, và đột nhiên Caroline thấu hiểu tuổi thơ của mình theo một cách khác. Mối lo sợ thường trực về bệnh bại liệt – cái cảm giác đó, theo cách kỳ dị của riêng nó, chính là tình yêu. Và những giờ làm việc cật lực của cha cô, sự chuyên chú cẩn trọng về chuyện chi tiêu gia đình được nói đến trong mỗi tối – đó cũng là tình yêu.

Cô không có mẹ bên cạnh nhưng đã có Sandra, và những buổi sáng tâm sự cùng nhau đã trở thành niềm vui trong tuần của cô. Họ kể cho nhau nghe những câu chuyện từ cuộc sống của mình, chia sẻ quan điểm và kinh nghiệm làm mẹ, cùng vui cười khi Tim cố xếp chồng những chiếc cốc trên đầu họ, khi Phoebe cố với cao hơn, cao hơn để tóm lấy quả bóng màu sắc sỡ và cuối cùng, vượt qua được chính bản thân mình, nó đã biết lấy. Cũng trong buổi sáng hôm đó, Caroline vẫn thấy chưa chắc chắn, nên đã vài lần cô thử dùng chìa khóa xe trước mặt Phoebe. Chùm chìa khóa bắt nắng sáng lấp lánh, và đôi bàn tay nhỏ xíu của Phoebe xòe ra, những ngón tay ngọc ngậy, mở rộng

như cánh sao biển. Tiếng leng keng, những đốm sáng: con bé cố với lấy chùm chìa khóa. Nhưng dù có gắng sức tới đâu, nó cũng không tài nào tóm được.

“Thôi để lần sau,” Sandra nói. “Cứ chờ xem sao. Rồi sẽ được thôi.”

Tối trưa Caroline giúp họ khuân đồ ra xe, rồi đứng trên hiên nhà, tay bế Phoebe, thắm mệt nhưng hạnh phúc, cô vẫy tay trong khi Sandra đánh ô tô ra đường.

Khi cô trở vào trong nhà, chiếc đĩa hát của Leo đang kẹt, nó nhai đi nhai lại ba khuôn nhạc hết lần này tới lần khác.

Ông già xấu tính, cô tự nhủ, chân bước lên cầu thang. *Lão già góm ghiếc*.

“Bác tắt cái thứ đấy đi không được sao?” cô xẵng giọng, đoạn đẩy cửa vào. Nhưng chỉ thấy chiếc đĩa hát vấp giữa căn phòng trống trơn. Leo đã không còn ở đó.

Phoebe khóc ré lên, dường như tự bên trong, con bé có một sự nhạy cảm đặc biệt đối với xung đột và căng thẳng. Có thể ông đã lên qua cửa hậu trong lúc cô còn đang đỡ tay giúp Sandra. Ôi, ông ta quả là thông minh, mặc dù dạo này đã có lúc ông để quên giày ở cả trong tủ lạnh. Ông thấy khoái chí vô cùng mỗi lần chơi khăm cô như thế. Đã ba lần Leo trốn đi, trong đó có một lần ông trần như nhộng.

Caroline hối hả chạy xuống cầu thang và xỏ chân vào đôi giày lười lạnh toát và nhỏ xíu của Doro. Cô lấy thêm một chiếc áo khoác cho Phoebe, áo vẫn để sẵn trong xe đẩy của nó – về phần mình, cô không để ý tới.

Trời phủ đầy những cụm mây xám nặng. Phoebe khóc thút thít, đôi tay nhỏ xinh của nó đập liên hồi khi họ bước qua ga ra để ra ngõ. Mẹ

biết rồi. Caroline xoa đầu nó, miệng thì thầm. *Mẹ biết rồi, con yêu, mẹ biết rồi.* Cô nhận ra dấu chân của Leo trên một mảng tuyết đang tan dần, một vết sâu hoắm của đôi ủng ông đi, và thấy nhẹ nhõm hẳn. Ông đã đi theo lối này, và ông có mặc quần áo.

À, ít nhất thì ông cũng có đi ủng.

Đi hết khu nhà kế bên, cô tới chỗ 105 bậc thang dẫn xuống Đồng Koenig. Chính Leo đã nói cho cô biết số bậc ở đó vào một buổi tối ngay sau bữa ăn đêm, ấy là lúc ông còn đang lịch sự nền nã. Giờ ông đang đứng dưới chân dải cầu thang xi măng dài dằng dặc, tay buông thõng hai bên, mái tóc bạc lờm chờm, trông ông mới hoảng hốt, bối rối và đau đớn làm sao, tới độ cơn giận dữ của cô bỗng chốc tan biến. Caroline không ưa Leo March – ông chẳng phải người dễ mà ưa nổi – nhưng sự oán ghét cô dành cho ông thường pha chút lòng trắc ẩn. Bởi trong những giây phút như lúc này, cô nhận ra cả thế giới đang nhìn nhận ông ra sao, họ chỉ thấy một ông già bạc nhược và lẫn lộn, chứ không phải một bộ óc vĩ đại đã và vẫn đang là Leo March.

Ông quay lại và trông thấy cô, chỉ sau giây lát, vẻ thất thần đã tan biến trên gương mặt ông.

“Nhìn đây!” ông gào lên. “Nhìn đây, cô ả, rồi khóc đi nhé!”

Nhanh như chớp, mặc kệ tuyết đã đóng thành một dải băng nằm bất động giữa những bậc thang, Leo chạy lên chỗ cô đứng, chân đưa thoăn thoắt như được trợ lực bởi chất adrenaline quen thuộc và một thứ nhu cầu bức thiết nào đó.

“Tôi cá là cô chưa bao giờ được thấy cái gì như vậy đâu,” ông chạy tới những bậc trên cùng, vừa nói vừa thở hổn hển.

“Ông nói đúng,” Caroline nói. “Cháu chưa thấy bao giờ thật. Mà cháu cũng mong là không bao giờ phải thấy lần nữa.”

Leo cười phá lên, cặp môi ông ửng lên một màu hồng sinh động trên sắc da tái nhợt.

“Tôi trốn được cô rồi nhá,” ông nói.

“Bác đâu đã đi được xa.”

“Tôi có thể lắm chứ. Nếu tôi chủ tâm. Đợi lần sau mà xem.”

“Lần sau nhớ mang theo áo choàng,” Caroline khuyên.

“Để lần sau,” ông nói, khi hai người nhấc chân bước đi. “Tôi sẽ trốn đến tận Timbuktu.”

“Bác dám không,” Caroline nói, cảm giác mệt mỏi bao trùm khắp cơ thể cô. Những củ nghệ tây óng lên sắc tím và trắng trên lớp cỏ xanh mướt; Phoebe khóc ngằn ngặt. Cô thấy nhẹ người vì đã đưa được Leo về cùng, vì thấy ông vẫn an toàn, cô vui mừng vì đã ngăn được chuyện không may. Sẽ là lỗi của cô, nếu như ông đi lạc hay bị thương, vì cô đã quá chú tâm vào Phoebe, đã hàng tuần nay nó chỉ biết với, vẫn chưa học được cách tóm lấy đồ vật.

Họ đi thêm mấy bước nữa mà không nói năng gì.

“Cô là một phụ nữ thông minh,” Leo nói.

Cô đứng khựng lại trước thềm gạch, sững sờ.

“Sao? Bác nói sao kia?”

Ông nhìn cô, hoàn toàn minh mẫn, đôi mắt ánh lên màu xanh biếc mê hoặc giống hệt mắt Doro.

“Tôi nói cô rất thông minh. Trước cô con gái tôi đã thuê tới tám nữ y tá khác nhau. Chẳng có người nào trụ lại được quá một tuần. Tôi cá là cô không biết chuyện đấy đâu nhỉ.”

“Không,” Caroline nói. “Cháu không biết thật.”

* * *

Sau đó, trong lúc lau dọn nhà bếp và mang rác đi đổ, Caroline nghĩ mãi về những lời Leo nói. *Mình rất thông minh*, cô tự nhủ, đứng chờ đợi trong con hẻm cạnh thùng rác. Không khí ẩm và lạnh. Hơi thở của cô phả ra thành những làn khói nhỏ. *Thông minh cũng chẳng giúp kiếm cho con một tấm chõng đêu*, mẹ cô gay gắt đốp lại, nhưng ngay cả điều đó cũng không làm suy giảm chút nào cảm giác khoan khoái của Caroline trước câu nói tử tế đầu tiên Leo dành cho cô.

Caroline đứng một lúc lâu nữa trong bầu không khí lạnh toát, cảm giác thật dễ chịu khi bốn bề đều tĩnh lặng. Phía dưới đồi, các ga ra nằm so le nhau, cái nọ nối tiếp cái kia. Dần dần, cô bỗng nhận thấy một bóng người đứng cuối ngõ. Một người đàn ông cao lớn, mặc chiếc quần jean sẫm màu và khoác áo jacket màu nâu, màu sắc trang phục trầm đến nỗi gần như biến anh ta trở thành một phần trong khung cảnh tiết cuối đông. Có điều gì ở anh ta – điều gì đó trong cách anh ta đứng và nhìn thật chăm chú về phía cô – khiến Caroline thấy bất an. Cô đẩy cái nắp kim loại của thùng rác lại rồi khoanh tay trước ngực. Anh ta đang tiến về phía cô, một người đàn ông to cao, vai rộng và bước rất nhanh. Chiếc áo jacket của anh ta không phải màu nâu, mà là những ô vuông mờ, kẻ đỏ. Anh ta rút một chiếc mũ màu đỏ tươi trong túi ra và đội lên đầu. Caroline chợt cảm thấy yên tâm đến kỳ lạ trước cử chỉ này, mặc dù cô không hiểu là vì đâu.

“Này, cô,” anh ta gọi. “Chiếc Fairlane của cô dạo này chạy tốt không?”

Nỗi lo sợ của cô càng tăng thêm, cô quay lưng lại nhìn căn nhà, những ô gạch đen in trên nền trời trắng xóa. Đúng rồi, kia là phòng tắm phòng cô, đêm qua cô đã đứng ở đó để ngắm ánh trăng chiếu trên bãi

cỏ. Kia là cửa sổ phòng cô, vẫn hé mở để đón không khí mùa xuân se lạnh, gió thổi khiến tấm rèm thêu ren khẽ lay động. Khi cô quay lưng lại, người đàn ông đã dừng bước, giờ chỉ cách cô có vài bước chân. Cô biết anh ta, cô hiểu điều này trong từng chân tơ kẽ tóc, với cảm giác thanh thản nhẹ nhõm trước cả khi đầu óc kịp định hình thành ý nghĩ. Nhưng chuyện này quá kỳ dị, sao cô có thể tin nổi.

“Làm sao mà...” cô dờm giọng.

“Cũng không dễ đâu!” Al vừa nói vừa cười vang. Trên cằm anh ta giờ đã phủ một lớp râu mềm, hàm răng sáng lóa lên. Đôi mắt sẫm màu của anh trông thật ấm áp, thân thiện và tươi vui. Cô vẫn còn nhớ lúc anh trút thịt muối vào đĩa cô, lúc anh vẫy tay từ buồng lái chiếc xe tải màu bạc khi xe lăn bánh. “Cô đúng là người khó tìm thật đấy. Nhưng cô đã nói đi Pittsburgh. Tình cờ làm sao cứ hai tuần tôi lại dừng ở đây một lần. Đi tìm cô gần như đã là sở thích của tôi rồi đấy.” Anh mỉm cười. “Bây giờ không biết tôi phải làm gì đây.”

Caroline không nói được câu nào. Được gặp lại anh cảm giác thật dễ chịu nhưng cũng khiến cô bối rối biết bao. Đã gần một năm nay cô không cho phép bản thân nghĩ quá lâu hay quá nhiều về cuộc đời mà cô đã rời bỏ, nhưng giờ nó lại trở dậy mạnh mẽ và còn cao hơn bao giờ hết: mùi của nước tẩy rửa và ánh nắng nơi phòng đợi, cảm giác mỗi khi về nhà, về với căn hộ gọn gàng, yên ả sau một ngày dài, tự sửa soạn cho mình một bữa ăn giản dị, và mỗi tối ngồi thư giãn với một cuốn sách trên tay. Cô đã sẵn lòng rời bỏ những thú vui ấy để nắm lấy sự đổi thay này cũng chỉ bởi một cơn thôi thúc không nói thành tên ở đâu đó sâu thẳm trong tâm can. Thế mà giờ đây trái tim cô lại xao động, cô nhìn đắm đắm xuống con ngõ, như thể cô sẽ bất thần nhìn thấy cả David Henry đứng đó. Đột nhiên cô hiểu ra, đó là lý do tại sao cô chưa bao giờ gửi bức thư kia đi. Lỡ đâu David lại muốn lấy lại Phoebe – hoặc Norah muốn thế thì sao?

Nghĩ tới đó, nỗi hoảng loạn bao trùm lấy cô.

“Anh làm thế nào vậy?” Caroline hỏi dồn. “Sao anh tìm ra tôi? Tại sao?”

Al hơi chùn lại, rồi anh nhún vai. “Tôi ghé qua Lexington để chào cô một câu. Nhưng căn nhà của cô trống trơn cả. Đang sơn lại. Cô hàng xóm kia bảo cô đã đi được ba tuần rồi. Chắc tại tính tôi không thích những thứ bí ẩn, nên tôi cứ nghĩ mãi về cô.” Đoạn anh ta ngừng lời, dường như đang cân nhắc không biết có nên nói tiếp hay không. “Vả lại – khỉ thật, tôi thấy thích cô, Caroline ạ, và tôi đoán là cô đang gặp trục trặc gì đấy, nên mới bỏ đi như thế. Thật ra ngay từ cái ngày cô đứng trên bãi đỗ xe ấy, trông cô đúng là một người đang bị rắc rối vây quanh. Tôi nghĩ tôi có thể giúp cô một tay. Tôi nghĩ có lẽ cô sẽ cần san sẻ.”

“Tôi vẫn sống ổn,” cô nói. “Đấy. Giờ thì anh nghĩ sao?”

Cô không định thế, nhưng lời lẽ cứ nối nhau tuôn ra, sỗ sàng và cay nghiệt. Tiếp đó là một khoảng dài im lặng cho tới khi Al cất lời trở lại.

“Tôi nghĩ có lẽ mình đã nhầm lẫn vài chuyện mất rồi,” Al nói. Anh lắc đầu. “Tôi nghĩ chúng ta đã rất quý mến nhau, tôi và cô.”

“Đúng vậy,” Caroline nói. “Tôi chỉ bị sốc quá, vậy thôi. Tôi nghĩ mình đã cắt đứt hết mọi sự ràng buộc rồi.”

Bỗng anh ngược nhìn cô, cặp mắt nâu bắt gặp ánh mắt cô.

“Tôi đã mất hẳn một năm trời,” anh nói. “Nếu cô bận tâm đến việc có ai đó lần theo tung tích mình, hãy nhớ lấy điều này. Khi ấy, tôi đã biết phải bắt đầu từ đâu, và tôi đã gặp may. Đầu tiên tôi tìm đến những nhà nghỉ rẻ tiền mà tôi quen biết, dò hỏi về người phụ nữ đi cùng một đứa bé. Mỗi lần tôi lại tới một chỗ khác, và tuần vừa rồi tôi đến được đúng nơi cần đến. Bà trực quầy chỗ cô từng trọ vẫn còn nhớ cô. À, tiện

thể nói để cô biết luôn, tuần sau bà ta nghỉ việc rồi.” Anh ta giờ ngón tay cái và ngón tay trỏ lên, gí sát vào nhau. “Chỉ trong một tích tắc nữa thôi là tôi sẽ mãi mãi không được gặp lại cô nữa.”

Caroline gật đầu, cô nhớ lại người phụ nữ đứng sau quầy tiếp tân, bà có mái tóc bạc trắng búi gọn ghẽ, đôi hoa tai ngọc trai sáng lung linh. Cái nhà nghỉ ấy đã hiện diện trong gia đình bà suốt năm chục năm trời. Lò sưởi kêu tí tách cả đêm, còn những bức tường thì quanh năm ẩm ướt, khiến giấy dán tường bong tróc hết cả. Cô không bao giờ biết được, ai sẽ bước qua ngưỡng cửa này, người phụ nữ nói, đoạn đẩy chiếc chìa khóa lên mặt quầy.

Al hất hàm về phía thùng xe màu xanh lơ của chiếc Fairlane.

“Ngay lúc nhìn thấy nó, tôi biết mình đã tìm thấy cô,” anh ta nói. “Con cô sao rồi?”

Cô nhớ lại bãi đỗ xe vắng tanh, ánh sáng xoáy tròn theo những bông tuyết và dần lụi tàn, nhớ cái cách tay anh đặt lên vầng trán bé nhỏ của Phoebe, thật dịu dàng làm sao.

“Anh có muốn vào nhà không?” Cô bỗng nghe thấy chính mình nói. “Vừa đúng lúc tôi định đánh thức con bé dậy. Tôi sẽ pha cho anh một tách trà.”

Caroline dẫn anh ta đi trên dải vỉa hè hẹp và bước lên những bậc cầu thang dẫn tới hiên sau. Cô để anh ta ngồi trong phòng khách rồi trèo lên gác, đầu óc quay cuồng choáng váng, như thể cô đột nhiên nhận thấy mặt đất dưới chân mình quay tròn giữa không trung, khiến cả thế giới quanh cô đảo lộn bất chấp mọi nỗ lực giữ nó đứng yên. Cô thay đồ cho Phoebe và vẽ nước lên mặt mình, cố gắng trấn tĩnh lại.

Al ngồi bên chiếc bàn trong phòng ăn, mắt nhìn ra cửa sổ. Khi cô bước xuống cầu thang, anh ta quay lại, khuôn mặt nở bừng một nụ cười

rạng rỡ. Anh ta dang tay ra đón ngay lấy Phoebe, kêu rằng con bé lớn nhanh quá, xinh xắn quá. Caroline thấy lòng tràn ngập niềm vui sướng, còn Phoebe, thích quá, cười khanh khách, những món tóc sẫm rũ xuống lò xo trên má. Al lần tay vào áo sơ mi và lôi ra một chiếc mề đay làm bằng nhựa trong, trên mặt khắc mấy chữ Grand Ole Opry⁽⁹⁾ màu xanh ngọc mà anh đã giành được ở Nashville. *Hãy đi với tôi*, anh đã nói với cô như thế từ bao nhiêu tháng trước đây, về nửa đùa nửa thật.

Và giờ thì anh ở đây, đã trải qua ngàn ấy dặm đường để tìm ra cô.

Phoebe khẽ ậm ừ, đoạn giơ tay ra với. Đôi tay con bé cọ lên cổ Al, chỗ xương đòn, lên chiếc sơ mi kẻ ca rô sẫm màu của anh ta. Ban đầu, Caroline còn chưa định thần được chuyện gì đang xảy ra; nhưng đột nhiên, mọi thứ trở nên rõ ràng. Những lời Al nói nhòa đi, hòa lẫn tiếng chân Leo trên gác và tiếng xe cộ đi lại ồn ào ngoài phố, thành một chuỗi âm thanh mà mãi sau này Caroline vẫn còn ghi nhớ trong tâm khảm như những thanh âm của sự may mắn.

Phoebe đang cố với chiếc mề đay. Không chỉ đập tay trong không khí như sáng nay đã làm, nó lấy ngực Al làm chỗ tì, những ngón tay nhỏ bé cào cào chiếc mề đay vào lòng bàn tay cho tới khi nắm chắc mới thôi. Sung sướng trước thành công của mình, con bé cầm chiếc mề đay giật mạnh khiến sợi dây căng thẳng ra, làm Al phải đưa tay lên xoa vết xước trên cổ.

Caroline cũng chạm tay lên cổ, thấy người nóng ran lên vì vui sướng.

Ôi, phải rồi, cô tự nhủ. Nắm lấy, con yêu. Nắm lấy cả thế giới ấy.

Tháng Năm Năm 1965

NORAH ĐI TRƯỚC ANH, ĐI CHUYỂN TỰA NHƯ MỘT VỆT ÁNH sáng, sắc trắng và xanh thoáng ẩn thoáng hiện giữa đám cây: vừa mới hiện ra, lát sau đã mất hút. David bước theo sau, thỉnh thoảng lại cúi xuống nhặt đá. Những hốc tinh sù sì, hóa thạch nổi trong từng phiến đá. Rồi cả trong một viên hình đầu mũi tên nữa. Anh cầm từng viên trong tay một lúc, thích thú với sức nặng và hình thù của chúng, với cảm giác mát lạnh đọng trên lòng bàn tay, sau đó mới nhét hết vào túi. Hồi anh còn bé, những chiếc kệ trong phòng anh lúc nào cũng bừa bộn đá, và tới tận bây giờ anh vẫn không cưỡng lại được những bí mật và khả năng của chúng, mặc dù cúi mình xuống giữa lúc Paul nằm trong túi địu thì sát vào ngực cùng chiếc máy ảnh cọt bên hông thật là bất tiện.

Phía xa, Norah đã dừng lại để vẫy anh, rồi dường như lại biến mất sau bức tường đá màu xám nhẵn nhụi. Có vài người khác, đầu đội mũ lưỡi trai màu xanh đồng bộ, bất thần ủa ra từ chính bức tường xám đó, người nọ nối sau người kia. David tiến lại gần hơn, anh nhận ra có một dải bậc thang dẫn lên chiếc cầu đá tự nhiên nằm khuất sau tầm mắt. *Cậu đi cẩn thận đấy*, một người phụ nữ đang đi xuống nhắc. *Trên kia dốc không tưởng được đâu. Trơn nữa chứ.* Rồi thở hển hển không ra hơi, bà dừng lại và đưa tay áp lên tim.

Thấy mặt bà ta tái nhợt, hơi thở đứt quãng, David cũng dừng lại. “Kìa chị? Tôi là bác sĩ đây. Chị có sao không?”

“Đánh trống ngực thôi mà,” bà ta phẩy tay. “Tôi bị như thế từ lâu rồi.”

Anh đặt tay lên cổ tay mũm mĩm của bà ta để nghe mạch, mạch đập nhanh nhưng đều, rồi chậm lại dần theo từng nhịp đếm của anh. *Đánh*

trống ngực: người ta hay dùng thuật ngữ này bừa bãi để chỉ mọi ca tim đập nhanh, nhưng bản thân anh ngay lập tức biết rằng bà ta không gặp vấn đề gì nghiêm trọng hết. Không giống như em gái anh, chỉ cần chạy từ đầu này qua đầu kia căn phòng là lại thở dốc và xây xẩm mặt mày đến độ bị ép phải ngồi xuống ngay. Bệnh tim, ông bác sĩ ở Morgantown đã nói vậy, và lắc đầu. Ông không nói rõ hơn, mà cũng chẳng còn quan trọng nữa, ông không thể làm gì hơn. Nhiều năm sau đó, khi đang học ở trường y, David vẫn còn nhớ những triệu chứng của em và cặm cụi đọc sách tới khuya để tự mình chẩn đoán bệnh trạng: hẹp động mạch chủ, hoặc dị tật van tim. Không rõ là cái nào đúng, nhưng June luôn cử động chậm chạp và thở rất khó nhọc, tình trạng của em càng ngày càng xấu đi theo thời gian, tới những tháng cuối đời thì làn da em chỉ còn một màu tái nhợt xanh xao. Em yêu những con bướm, thích đứng quay mặt về phía mặt trời với đôi mắt nhắm nghiền, thích ăn mút nhà làm phết trên bánh quy dẹt mẹ anh mua trên thị trấn. Lúc nào em cũng hát líu lo, hay khe khẽ ngâm nga những giai điệu mình tự nghĩ ra, mái tóc em có màu rất lợt, gần như bạc trắng, đúng ra là màu sữa bơ. Nhiều tháng trời sau khi em chết, anh vẫn hay choàng tỉnh dậy giữa lúc đêm khuya, tưởng như mình còn nghe thấy giọng nói khe khẽ của em, reo lên như gió qua những rặng thông.

“Chị nói chị bị thế này từ lâu rồi sao?” anh nghiêm giọng hỏi, đoạn buông tay bà ra.

“Ôi chao, bị suốt đấy,” bà ta đáp. “Các bác sĩ bảo với tôi là cũng không nghiêm trọng gì đâu. Chỉ hơi khó chịu thôi.”

“Chà, tôi nghĩ chị sẽ ổn thôi,” anh nói. “Nhưng đừng ép mình quá đấy.”

Bà ta cảm ơn anh, rồi xoa đầu Paul nói, *Anh nhớ trông chừng cháu bé cẩn thận đấy*. David gạt đầu và dẫn bước, một tay che đầu Paul và thận trọng leo lên giữa những bức tường đá ẩm ướt. Anh thấy trong

lòng thư thái – thật dễ chịu khi giúp được những người đang gặp khó khăn, khi an ủi được họ – điều mà dường như anh không làm nổi cho những người mình yêu thương nhất. Paul khẽ đập tay lên ngực anh, rồi túm lấy chiếc phong bì anh nhét trong túi: lá thư của Caroline Gill, vừa được đưa tới văn phòng của anh sáng hôm đó. Anh chỉ mới đọc một lần, thật nhanh, rồi cất ngay đi vừa lúc Norah bước vào, cố giấu vẻ bối rối trên mặt. *Chúng tôi vẫn khỏe, Phoebe và tôi, thư viết. Cho tới giờ, cảm ơn trời, tìm con bé vẫn chưa có gì bất thường.*

Anh nhẹ nhàng nắm lấy những ngón tay bé nhỏ của Paul. Con trai anh ngược lên, đôi mắt tròn xoe tò mò, anh bỗng cảm thấy trong lòng tràn ngập tình yêu thương vô bờ.

“Này,” David mỉm cười nói. “Bố yêu con lắm, cậu nhỏ ạ. Nhưng không được ăn cái đấy, nghe chưa?”

Paul nhìn anh với đôi mắt sẫm tròn xoe, rồi xoay đầu, áp má lên ngực David, tỏa ra làn hơi ấm sục. Thằng bé đội một cái mũ trắng thêu hình những chú vịt vàng óng do chính tay Norah làm trong những ngày lặng lẽ, thao thức sau tai nạn. Cứ mỗi con vịt hiện ra là David lại thấy nhẹ nhõm thêm chút ít. Khi rửa cuộn phim đã chụp hết trong chiếc máy ảnh mới, anh đã nhìn thấy nỗi đau của nàng, khoảng trống trong tim nàng: căn phòng nọ nối tiếp căn phòng kia nơi ngôi nhà cũ họ từng sống, thấy đều trống trơn, hình chụp cận cảnh những khung cửa sổ, cái bóng u buồn của tay vịn cầu thang, những ô gạch lát nền, xiên xẹo và vẹo vọ. Và cả vết chân của Norah, những dấu máu ngoằn ngoèo. Anh đã vút hết cả mấy tấm hình đi, cùng với phim âm bản, tất cả, nhưng chúng vẫn ám ảnh anh. Và anh sợ rằng sẽ mãi như thế. Thật ra, anh đã nói dối; anh đã gửi con gái họ tới một nơi khác. Những hậu quả đau đớn sẽ còn theo mãi một sự thật tất yếu và đơn giản làm sao. Nhưng thời gian cũng trôi qua, tính đến nay đã gần ba tháng, và Norah dường như đã trở lại là chính mình. Nàng làm vườn, cười rộ lên mỗi khi nói

chuyện với bạn bè trên điện thoại, hay nhắc bóng Paul khỏi xe cũi đẩy bằng đôi tay duyên dáng, mảnh mai của mình.

David ngắm nhìn nàng, và tự nhủ rằng nàng đang rất hạnh phúc.

Giờ những chú vịt vui vẻ đang nảy lên nảy xuống theo từng bước chân, rồi sáng bừng lên khi David nhô đầu khỏi lối cầu thang hẹp và bước lên cây cầu đá tự nhiên bắc ngang qua hẻm núi. Norah bận một chiếc quần soóc vải bông chéo và áo không tay, nàng đứng giữa cầu, mũi đôi giày thể thao trắng nhô ra sát bờ đá. Từ từ, với sự khéo léo của một vũ công, Norah dang rộng hai tay và uốn cong lưng, mắt nhắm lại, như thể nàng đang hiến mình cho bầu trời.

“Norah!” anh kêu thất thanh. “Nguy hiểm lắm!”

Paul áp bàn tay bé xíu lên ngực David. A, thằng bé kêu lên ngay khi nghe David nói *nguy hiểm*, từ này được nó áp dụng cho ổ cắm điện, cầu thang, lò sưởi, ghế, và lần này là cho cái khoảng không hun hút ngay dưới chân mẹ nó.

“Đẹp quá!” Norah hét lên, rồi thả tay xuống. Nàng xoay người lại, khiến sỏi đá dưới chân trượt đi và văng ra khỏi gờ đá. “Anh lại đây mà xem!”

Anh thận trọng bước lên cầu và đến đứng bên nàng nơi gờ đá. Những hình thù nhỏ xíu di chuyển chậm chạp trên lối đi ở tít xa phía dưới, nơi một con sông cổ đã từng chảy qua. Lúc này những ngọn đồi đã thay da đổi thịt, tràn ngập nhựa sống mùa xuân, hàng trăm mảng màu lục khác nhau nổi bật trên nền trời xanh trong vắt. Anh hít vào một hơi thật dài, cố chống lại cảm giác chóng mặt, sợ hãi đến mức không dám liếc nhìn Norah. Anh đã muốn giải thoát cho nàng, muốn bảo vệ nàng khỏi mất mát và đớn đau; anh đã không hiểu được rằng nỗi mất mát sẽ bám theo nàng dai dẳng đến mãi mãi và nhào nặn cuộc đời nàng như một dòng nước. Chính bản thân anh cũng không lường

trước được nỗi đau mà mình phải gánh chịu, nỗi đau đốn xoắn bên cùng những mối chỉ thăm đăm đã dệt nên quá khứ của anh. Khi anh muông tượng ra hình ảnh đứa con gái anh đã từ bỏ, anh nhìn thấy khuôn mặt em gái mình, mái tóc bợt bặt cùng nụ cười nghiêm nghị của em.

“Để anh chụp một tấm nhé,” anh nói, chậm chậm lùi về phía sau một bước, rồi lại một bước nữa. “Em ra đứng ở giữa cầu đi. Chỗ đấy ánh sáng đẹp hơn.”

“Đợi em chút nhé,” nàng đáp lại, tay chống lên hông. “Cảnh đẹp quá đi mất.”

“Norah,” anh nhắc. “Em đang làm anh lo đấy.”

“Ôi, David,” nàng nói, mặt hất lên nhưng vẫn không quay lại nhìn anh. “Sao lúc nào anh cũng lo lắng quá thế? Em không sao đâu mà.”

Anh không trả lời, cảm nhận rõ hai lá phổi của mình đang run lên, thấy nhịp thở sâu bên trong mình nhộn nhạo. Anh cũng có cảm giác như thế khi mở lá thư của Caroline, đề tên địa chỉ phòng khám cũ của anh bằng nét chữ gầy guộc của cô, bị che khuất phân nửa bởi một con tem chuyển tiếp. Trên thư đóng dấu bưu điện của Toledo, Ohio. Cô còn gửi kèm ba bức hình chụp Phoebe, một đứa trẻ sơ sinh mặc chiếc váy hồng. Địa chỉ gửi trả thư là một hòm thư bưu điện, không phải ở Toledo mà là Cleveland. Cleveland, nơi anh chưa từng đặt chân đến, có vẻ chính là nơi Caroline đang sống cùng con gái anh.

“Mình đi khỏi đây đi em,” cuối cùng anh lại lên tiếng. “Để anh chụp cho em một tấm nhé.”

Nàng gật đầu, nhưng khi anh bước tới chỗ an toàn ở chính giữa cây cầu rồi quay lưng lại, Norah vẫn còn đứng sát mép cầu, mặt hướng về phía anh, hai cánh tay khoanh lại, miệng mỉm cười.

“Anh chụp luôn ở đây đi,” nàng nói. “Ngắm sao cho giống như em đang đi giữa không trung ấy nhé.”

David ngồi xổm xuống, xoay núm điều chỉnh của máy ảnh, hơi nóng bốc lên từ những mòm đá vàng nhẵn nhụi. Paul oằn người đẩy anh và bắt đầu quấy nhặng lên. David sẽ nhớ mãi – tất cả những gì không thể thấy lại và không thể ghi lại – khi ảnh hiện lên dưới lớp nước rửa phim, dần thành hình. Anh căn khuôn hình Norah trong ống ngắm, gió lùa qua tóc nàng, làn da nàng rám nắng và săn chắc, anh tự hỏi không hiểu nàng có giấu anh điều gì không.

Không khí mùa xuân ấm áp, thoảng hương thơm dịu dịu. Họ cuốc bộ quay xuống, đi qua những cửa hàng cùng đám đồ quỳn tím ngắt và những cây nguyệt quế núi. Norah dẫn cả nhà tách khỏi đường cái và đi vào giữa đám cây cối, lần theo một con lạch nhỏ cho tới khi ra đến một khoảng đất ngập nắng mà nàng vẫn nhớ như in vì có rất nhiều dâu dại. Gió lùa nhẹ qua hàng cỏ cao, những chiếc lá dâu dại xanh thẫm lấp lánh sát mặt đất. Không khí tràn ngập một mùi hương ngòn ngọt, tiếng côn trùng vo ve và hơi nóng.

Họ bày hết thức ăn cho buổi dã ngoại ra: pho mát và bánh quy giòn cùng mấy chùm nho. David ngồi trên tấm khăn trải, để đầu Paul tựa lên ngực mình trong khi anh cởi chiếc đai đeo trẻ, đầu chột lơ mơ nghĩ tới cha mình, chắc nịch và khỏe mạnh, những ngón tay thô kệch nhưng khéo léo nắm trọn bàn tay David mỗi khi ông dạy anh cầm rìu, vát sữa hay đóng đinh lên những tấm ván ốp bằng gỗ tuyết tùng. Đó chính là cha anh, người luôn nồng mùi mồ hôi và nhựa thông, thoảng hơi đất đen vùng mỏ nơi ông làm việc vào mùa đông. Ngay cả khi David vào trung học, mặc dù phải trọ lại trên thị trấn cả tuần để tiện đến trường, anh vẫn thích đi bộ về nhà mỗi cuối tuần để thấy cha mình đang đứng đó trên hiên nhà, miệng ngậm tẩu thuốc.

Nào, Paul kêu lên. Vừa được thả ra, cu cậu cởi phăng ngay một chiếc giày. Nó ngắm nghía chiếc giày chăm chú, rồi quăng xuống đất tức thì và bò về phía thảm cỏ bên ngoài tấm khăn trải. David ngắm thằng bé giật một nắm cỏ dại cho vào miệng, những đường nét nhỏ xíu trên khuôn mặt thoáng ngạc nhiên trước mùi vị của cỏ. Đột nhiên, David thấy cồn lên ước muốn bố anh vẫn còn sống để nhìn thấy con trai anh.

“Món này ghê quá hả?” anh dịu dàng nói, đoạn lau sạch mấy lá cỏ cùng nước dãi lem nhem trên cằm Paul. Norah cúi húi bên cạnh anh, lặng lẽ và nhanh nhẹn bày đồ bạc cùng khăn ăn ra. Anh vẫn quay mặt đi; anh không muốn nàng nhìn thấy mình đang xao động dữ dội đến thế. Anh rút trong túi ra một mẩu hốc tinh, Paul bèn giơ cả hai tay chộp lấy, xoay xoay nó trong tay.

“Lỡ thằng bé cho cục đá vào mồm thì sao?” Norah nói, đoạn ngồi xuống bên anh, gần đến mức anh có thể cảm thấy hơi ấm phả ra từ người nàng, mùi mồ hôi và xà phòng thơm tỏa ngập không gian.

“Chắc không đâu,” anh nói, lấy lại cục đá và đưa Paul một chiếc bánh quy. Mẩu hốc tinh ấm và ướt. Anh giơ nó lên đập thật mạnh xuống đá, khối hốc tinh vỡ ra để lộ lớp nhân tím lấp lánh tựa pha lê.

“Đẹp quá,” Norah thì thầm, đảo nhẹ nắm vụn trong tay.

“Biển cỏ đấy,” David nói. “Qua nhiều thế kỷ nước đọng lại bên trong và hóa thành những tinh thể.”

Cả nhà ăn uống uể oải, rồi cùng nhau đi nhặt dâu dại chín mềm dưới nắng mặt trời ấm áp. Paul vốc từng nắm cho vào mồm, nước dâu chảy dọc cổ tay thằng bé. Hai con điều hâu lừ đừ đảo qua đảo lại trên bầu trời xanh sâu thẳm. Ù ù, Paul vừa nói vừa giơ cánh tay mũm mĩm lên chỉ trỏ. Lát sau, thằng bé ngủ thiếp đi, Norah đặt cu cậu nằm trên khăn trải trong bóng râm bụi cỏ.

“Thích thật đấy,” Norah ngấm con, đoạn ngả lưng lên một tảng đá.
“Chỉ có ba người chúng ta ngồi phơi nắng.”

Chân nàng đang để trần, anh đưa tay mát xa hai bàn chân nàng, những đốt xương mảnh ẩn dưới da thịt.

“Ôi,” nàng nhắm mắt lại nói, “dễ chịu thật đấy. Anh làm em ngủ mất thôi.”

“Cố thức đi em,” anh nói. “Nói cho anh nghe em đang nghĩ gì nào.”

“Em không biết nữa. Em chỉ đang nhớ đến cánh đồng nhỏ kế bên trang trại cừu. Hồi em và Bree còn nhỏ, bọn em vẫn hay ra đó chờ bố về. Bọn em hái được bao nhiêu là hoa dã quỳ với cà rốt dại. Ánh nắng khi ấy cũng y như lúc này – giống một cái ôm thật chặt ấy. Mẹ em mang hoa cắm vào lọ bày khắp nhà.”

“Dễ thương quá,” David nói, anh bỏ bàn chân của nàng ra và chuyển sang mát xa chân kia. Ngón tay cái của anh lướt nhẹ trên vết sẹo mảnh trắng nhợt mà vụn kính đèn flash để lại. “Anh thích tưởng tượng ra cảnh em đang ở đó.” Làn da của Norah thật mềm mại. Anh vẫn còn nhớ những ngày ngập nắng hồi anh còn nhỏ, trước khi bệnh tình của June xấu đi, khi ấy cả gia đình anh cùng đi đào sâm, một thứ cây mỏng manh giấu mình trong bóng râm giữa những tán cây. Bố mẹ anh đã gặp nhau trong những cuộc tìm kiếm như thế. Anh còn giữ tấm ảnh cưới của hai người, và đính vào ngày Norah và anh làm lễ cưới, Norah đã tặng anh tấm ảnh được lồng trong khung gỗ sồi sinh xăn. Mẹ anh có làn da sáng và mái tóc dợn sóng, vòng eo thon nhỏ, và một nụ cười phảng phất. Bố anh có hàm râu rậm rạp, đứng ngay sau mẹ, chiếc mũ cầm trong tay. Sau đám cưới họ rời tòa án và chuyển tới sống trong căn nhà nhỏ bố anh dựng trên sườn núi nhìn ra những cánh đồng của họ. “Bố mẹ anh thích sống gần thiên nhiên,” anh nói thêm. “Mẹ anh trồng

hoa ở khắp nơi. Bên bờ con suối chảy qua nhà anh còn có đám củ cải Ấn Độ mọc nữa.”

“Tiếc là em chưa bao giờ được gặp bố mẹ anh. Chắc hai người tự hào về anh lắm.”

“Anh không biết nữa. Chắc vậy. Bố mẹ mừng vì thấy cuộc sống của anh có vẻ dễ dàng hơn.”

“Mừng chứ,” nàng chậm chậm gật đầu, rồi mở mắt ra liếc nhìn Paul, thằng bé ngủ trông mới bình yên làm sao, những đốm nắng rớt nhẹ trên khuôn mặt nó. “Nhưng chắc cũng buồn nữa chứ? Tới lúc Paul lớn và chuyển tới nơi khác sống, có lẽ em sẽ cảm thấy thế.”

“Ừ,” anh gật đầu. “Đúng thế. Bố mẹ vừa tự hào lại vừa luyến tiếc nữa. Hai người không thích thành phố. Họ chỉ tới thăm anh có đúng một lần hồi anh ở Pittsburgh.” Anh vẫn còn nhớ cảnh bố mẹ anh ngồi ngượng ngịu trong căn phòng đơn của ký túc xá, mẹ anh giật thót người mỗi khi tiếng còi tàu rít lên. Hồi đó June vừa mới mất, và khi họ cùng ngồi nhăm nháp cà phê loãng bên chiếc bàn học ọp ẹp của anh, anh nhớ mình đã chưa xốt nghĩ rằng bố mẹ mình không còn biết phải làm gì nữa khi không còn June trên đời để lo lắng săn sóc. Em đã là trung tâm trong cuộc sống của hai người suốt một thời gian rất dài. “Bố mẹ chỉ ở lại với anh có một đêm. Sau khi bố mất, mẹ anh đến sống với em gái bà ở Michigan. Bà không dám đi máy bay, mà cũng chưa bao giờ học lái xe. Sau lần đó, anh chỉ còn gặp bà có đúng một lần.”

“Thế thì buồn quá anh ạ,” Norah nói, vừa đưa tay phủi vết bẩn bám trên bắp chân.

“Ừ,” David nói. “Buồn lắm.” Anh nghĩ tới June, nghĩ tới mái tóc của em vàng rực lên dưới ánh nắng hè, mùi hương tỏa ra từ làn da em – mùi xà phòng, hơi ấm và cả hơi kim loại, như một đồng xu – tràn ngập trong gió mỗi khi hai anh em ngồi xồm cạnh nhau, cùng cầm gậy đào

đất. Anh đã yêu em rất rất nhiều, cả tiếng cười trong trẻo của em. Và anh ghét phải về nhà để rồi nhìn thấy em nằm chờ ra trên chiếc đi văng kê ngoài hiên nhà những ngày nắng, khuôn mặt mẹ anh đầy âu lo khi bà ngồi sát bên cái thân hình loẻo khoẻo của đứa con gái, khe khẽ hát trong khi tẽ ngô hay bóc vỏ đỗ.

David nhìn Paul, thằng bé nằm ngủ ngon lành trên tấm khăn trải, đầu ngoẹo sang một bên, những món tóc dài hơi xoắn rủ xuống cái cổ ẩm ướt. Ít nhất thì con trai anh cũng tránh được nỗi đau ấy. Paul sẽ không lớn lên mà phải chịu đựng nỗi đau mất đi đứa em gái của mình, như David đã phải chịu. Nó sẽ không bị buộc phải tự lo cho chính mình chỉ vì em gái nó không thể làm được điều đó.

Ý nghĩ đó, và tác động của nỗi chua xót kia, khiến David nghẹt thở. Anh rất muốn tin rằng mình đã đúng khi giao con gái cho Caroline Gill. Hoặc ít nhất anh cũng đã viện được những lý do đúng đắn. Nhưng hình như không phải thế. Hình như không phải Paul là người được anh bảo vệ trong cái đêm bão tuyết quay cuồng đấy, mà chỉ là một phiên bản thất lạc của chính bản thân anh mà thôi.

“Sao anh nhìn mông lung vậy,” Norah quan sát anh.

Anh xích lại gần nàng hơn, rồi cùng tựa lưng xuống phiến đá.

“Bố mẹ anh đã ấp ủ nhiều mơ ước về anh,” anh nói. “Nhưng những mơ ước đó lại không giống với mơ ước của chính anh.”

“Nghe giống như em và mẹ em ấy,” Norah nói, rồi vòng tay quanh đầu gối. “Mẹ nói tháng sau sẽ tới thăm chúng ta. Em nói với anh chưa nhỉ? Bà được bay miễn phí.”

“Thế chẳng phải tốt hay sao? Paul sẽ làm cho bà bận bịu luôn.”

Norah cười vang. “Phải thế không? Đây là lý do chính cho chuyến đi của bà mà.”

“Norah, em mơ ước gì?” anh hỏi. “Em mơ ước gì cho Paul?”

Norah không trả lời ngay. “Em nghĩ chắc em mong con được hạnh phúc.” Cuối cùng nàng cũng cất lời. “Bất cứ điều gì khiến con hạnh phúc, em đều mong nó có được. Em không quan tâm đó là gì, miễn là con lớn lên trở thành người tốt và luôn thành thật với bản thân mình. Và rộng lượng, mạnh mẽ như bố nó nữa.”

“Không,” David nói, giọng không vui lắm. “Em sẽ không muốn con lại giống anh đâu.”

Nàng chăm chú nhìn anh, vẻ ngạc nhiên. “Sao lại không?”

Anh không trả lời. Ngập ngừng mất một lúc lâu, Norah mới tiếp lời.

“Có chuyện gì không ổn hả anh?” nàng hỏi, giọng không có vẻ gì công kích mà rất trầm ngâm, như thể khi nói ra nàng cũng đang cố gắng tìm ra câu trả lời. “Ý em là giữa hai chúng ta ấy, David à.”

Anh không trả lời, anh đang cố gắng kìm nén cơn giận đang đột ngột dâng lên. Tại sao nàng cứ phải khuấy tung mọi chuyện lên cơ chứ? Tại sao nàng không để quá khứ ngủ yên và tiếp tục cuộc sống của mình? Nhưng nàng đã lại nói tiếp.

“Mọi thứ đã không còn như cũ nữa kể từ ngày Paul ra đời và Phoebe chết. Còn anh thì vẫn không chịu dấn động gì đến con bé cả. Cứ như là anh muốn xóa sạch cái thực tế là con bé đã từng tồn tại vậy.”

“Norah, em muốn anh nói gì đây? Tất nhiên là cuộc sống không thể giống như cũ được rồi.”

“Đừng cẩu, David. Đây chỉ là một kiểu đối phó tình huống thôi, phải không? Nếu thế em sẽ không nói gì liên quan đến con bé nữa. Nhưng em không rút lại đâu. Những gì em vừa nói là sự thật.”

Anh thở dài.

“Đừng làm hỏng ngày vui này, Norah,” cuối cùng anh nói.

“Em có làm gì đâu,” nàng nói, đoạn quay đi. Nàng nằm xuống tấm khăn trải và nhắm mắt lại. “Em hoàn toàn hài lòng về ngày hôm nay.”

Anh nhìn nàng một lúc, ánh nắng rực sáng trên mái tóc vàng của nàng, lồng ngực nàng nhô lên rồi hạ xuống nhịp nhàng theo từng hơi thở. Anh muốn lại gần và lần tay theo những đường cong tinh tế trên xương sườn nàng; anh muốn hôn lên những mấu khớp nơi các đốt xương gặp nhau rồi từ đó tỏa rộng ra như một đôi cánh.

“Norah,” anh nói. “Anh không biết phải làm sao. Anh không biết em muốn gì.”

“Không,” nàng đáp. “Anh không biết đâu.”

“Em có thể nói cho anh biết mà.”

“Em nghĩ em nói được. Có lẽ em sẽ nói. Họ có yêu nhau nhiều không?” đột nhiên nàng hỏi, mắt vẫn không mở ra. Giọng nói của nàng vẫn dịu dàng và bình thản, nhưng anh cảm nhận được sự căng thẳng đang lan dần trong không gian. “Bố mẹ anh ấy?”

“Anh không biết nữa,” anh đáp chậm rãi, thận trọng, cố gắng xác định động cơ gì khiến nàng hỏi một câu như thế. “Họ yêu nhau. Nhưng bố anh thường xuyên phải đi xa. Anh cũng nói rồi đấy, cuộc sống của họ vất vả lắm.”

“Bố em yêu mẹ em nhiều hơn là bà yêu ông,” Norah nói, và David thấy một cảm giác bất an nhói lên trong tim mình. “Ông yêu bà, nhưng dường như ông không thể bộc lộ tình yêu của mình theo cách khiến bà hài lòng. Bà chỉ luôn nghĩ ông là một người lập dị, có phần hơi ngốc nghếch nữa. Trong nhà em thường im ắng lắm, càng lúc càng tĩnh lặng hơn... Mọi người cũng khá kiệm lời khi ở nhà nữa,” nàng nói thêm, và anh chợt nghĩ đến những buổi tối bình lặng của họ, đầu nàng cúi xuống trên chiếc mũ trắng với những chú vịt.

“Im lặng tích cực đấy chứ,” anh nói.

“Đôi lúc thôi.”

“Còn những lúc khác?”

“Em vẫn còn nghĩ về nó, David ạ,” nàng nói, đoạn xoay người sang và bắt gặp ánh nhìn chăm chú của anh. “Con gái chúng ta ấy. Không hiểu trông nó như thế nào.”

Anh không trả lời, và khi anh nhìn, nàng lặng lẽ khóc, mặt vùi trong đôi bàn tay. Sau một lát, anh ngồi sát lại và khẽ chạm vào tay nàng; nàng gạt nước mắt.

“Còn anh?” nàng gặng hỏi, giọng quyết liệt. “Chẳng lẽ anh chưa bao giờ thấy nhớ nó sao?”

“Có,” anh đáp thành thật. “Lúc nào anh cũng nghĩ đến con bé.”

Norah đặt bàn tay lên ngực anh, và rồi đôi môi nàng, thấm đỏ nước quả dâu dại, ép lên môi anh, một thứ vị ngọt ngào đến nhói tim tựa như sự ham muốn lan tỏa trên đầu lưỡi anh. Anh thấy mình ngã xuống, ánh nắng chan hòa trên làn da anh, và bầu ngực nàng khẽ phập phồng như con chim nhỏ dưới tay anh. Nàng lần tìm cúc áo chiếc sơ mi anh đang mặc, tay chạm phải lá thư anh giấu trong túi áo.

Anh cười sơ mi ra, nhưng ngay cả trong lúc ấy, khi anh vòng tay quanh người nàng lần nữa, trong đầu anh vẫn ong ong lên ý nghĩ, *Anh yêu em, anh yêu em nhiều lắm, nhưng anh đã nói dối em.* Và khoảng cách giữa hai người, ban đầu chỉ vài li thôi, ngắn như một hơi thở, dần rộng ra và sâu xuống, trở thành một cái hang lớn mà chính anh đang đứng chơi vơi trên mép. Anh vùng mình ra, lùi người lại dưới khoảng tranh tối tranh sáng, những đám mây vụt qua đầu anh rồi tản đi, và tảng đá được sưởi nắng ấm sức áp lên lưng anh.

“Sao vậy?” nàng hỏi, vuốt ve ngực anh. “Ồi, David, có chuyện gì vậy anh?”

“Không có gì.”

“David,” nàng thì thào. “Ồi David. Đi mà anh.”

Anh ngập ngừng, gần như sắp sửa thú nhận tất cả mọi chuyện, nhưng rồi anh lại không thể nói ra nổi.

“Chuyện ở phòng khám ấy mà. Một bệnh nhân. Anh không thể gạt nó ra khỏi đầu được.”

“Kệ đi anh,” nàng nói. “Em phát ngán với công việc của anh rồi.”

Những con diều hâu tung cánh bay vút lên bầu trời cao, và ánh nắng ấm sức. Vạn vật xoay tròn, mỗi lần lại quay về với đúng điểm xuất phát. Anh phải nói cho nàng biết; những câu chữ đã ứ lên đầy lưỡi anh. *Anh yêu em, anh yêu em nhiều lắm, nhưng anh đã nói dối em.*

“Em muốn có thêm một đứa con nữa, David ạ,” Norah nói, nàng đang ngồi thẳng dậy. “Paul đã đủ lớn, còn em cũng đã sẵn sàng rồi.”

David sững sờ, mất một lúc lâu anh không nói năng gì.

“Paul mới có một tuổi thôi mà em,” cuối cùng anh cũng cất lời.

“Vậy thì sao? Người ta nói nên dồn tất cả việc khăn tã, chăm con vào làm luôn một thể, như thế thì sẽ dễ xoay xở hơn.”

“Ai nói cơ?”

Nàng thở dài. “Em biết là anh sẽ không đồng ý mà.”

“Không phải anh không đồng ý,” David thận trọng đáp.

Nàng không trả lời.

“Chỉ có điều tính như thế vẫn chưa đúng lúc lắm,” anh nói. “Vậy thôi.”

“Anh không đồng ý. Anh không đồng ý, nhưng anh không muốn thừa nhận.”

Anh lặng thinh, anh nhớ tới lúc Norah đứng sát rìa cây cầu. Nhớ cả những bức ảnh nàng chụp mấy thứ chẳng đâu vào đâu, và lá thư trong túi áo anh. Anh chẳng mong gì hơn là làm sao cho cái kết cấu mong manh của cuộc sống hiện tại được bảo vệ an toàn, để mọi thứ giữ nguyên như nó vốn thế. Mong sao cuộc đời đừng thay đổi, mong sao trạng thái cân bằng mong manh giữa bọn họ được bền vững dài lâu.

“Mọi chuyện lúc này đều ổn cả,” anh dịu dàng nói. “Sao lại phải xáo trộn hả em?”

“Thế còn Paul thì sao?” Nàng gật đầu về phía thằng bé, nó vẫn đang ngủ ngon lành và bình yên trên tấm khăn trải. “Nó nhớ con bé.”

“Làm sao nó nhớ được,” David đáp lại bằng giọng gay gắt.

“Chín tháng,” Norah nói. “Cùng lớn lên bên nhau. Làm sao nó không nhớ cho được, dù chỉ chút gì thôi?”

“Chúng ta vẫn chưa sẵn sàng,” David nói. “Anh vẫn chưa sẵn sàng.”

“Đấy không chỉ là chuyện của riêng anh,” Norah nói. “Dù sao thì anh cũng có ở nhà mấy đầu. Có lẽ chỉ mình em còn nhớ con bé thôi, David ạ. Thật sự, nhiều lúc em có cảm giác con đang ở đâu đây rất gần, chỉ ngay ở phòng bên thôi, thế mà em đã quên mất nó. Em biết là chuyện đó nghe có vẻ điên rồ, nhưng đó hoàn toàn là sự thật.”

Anh không trả lời, mặc dù anh hiểu rất rõ nàng muốn nói gì. Bầu không khí đượm hương dâu. Ngày xưa mẹ anh rất hay đun mút dâu trên chiếc bếp lò xây ngoài sân, bà khuấy đều hỗn hợp sủi đầy bọt khi dâu tan dần thành nước xi rô, tráng bình thủy tinh bằng nước sôi rồi xếp kín những bình lấp lánh như đá quý lên giá. Anh và June được ăn mút ngay giữa mùa đông, hai anh em múc vụng hàng thìa mút đầy mỗi lần mẹ không để ý rồi nấp dưới tấm vải dầu trải bàn để liếm cho kỳ sạch mới thôi. Cái chết của June đã khiến mẹ anh hoàn toàn suy sụp, và David không còn tin tưởng mình có thể thoát khỏi bàn tay của bất hạnh nữa. Về mặt thống kê mà nói, họ khó có thể có thêm đứa con nữa cũng bị mắc bệnh Down, nhưng dù gì chuyện đó vẫn có khả năng xảy ra, bất kỳ chuyện gì cũng có thể xảy ra; và anh không thể mạo hiểm được.

“Nhưng có thể một đứa con nữa cũng chẳng giúp giải quyết được mọi chuyện đâu, Norah. Đấy không phải là lý do đúng đắn.”

Sau một hồi lặng thinh nàng đứng dậy, phui sạch quần soóc rồi vùng vằng đi xuyên qua đồng cỏ.

Chiếc áo sơ mi của anh nằm nhàu nhĩ ngay bên cạnh, mép phong bì trắng tinh hơi nhô ra. David không cầm lên, không cần thiết nữa rồi. Bức thư rất ngắn, và dù mới chỉ nhìn qua mấy tấm ảnh có một lần, anh vẫn thấy chúng hiện lên rõ ràng như thể chính tay mình đã chụp. Mái tóc của Phoebe sẫm và dày, giống hệt Paul. Đôi mắt con bé màu nâu, và nó giơ cả hai nắm tay mũm mĩm lên huơ huơ trong không khí, dường như đang cố với vật gì đó nằm ngoài khuôn hình của máy ảnh. Có lẽ Caroline đang giữ máy ảnh. Anh đã thoáng thấy bóng cô trong

buổi lễ tưởng niệm, cái dáng dong dỏng cao và đầy cô độc trong chiếc áo choàng đỏ, ngay sau đó anh đã tìm đến căn hộ nơi cô sống, không rõ mình đến vì mục đích gì, chỉ biết là phải gặp cô. Nhưng khi đó Caroline đã đi rồi. Căn hộ của cô vẫn y nguyên như cũ, với những đồ đạc thấp bè và bức tường giản dị; cái vòi nước nhỏ từng giọt tí tách trong phòng tắm. Chỉ có điều không gian quá tĩnh lặng, các giá sách đều trống trơn. Ngăn kéo bàn và tủ quần áo không còn lại thứ gì. Trong bếp, ánh sáng nhờ nhờ hắt xuống tấm vải sơn lót sàn màu đen trắng, David đứng im lặng, chỉ còn nghe thấy tiếng tim mình đập từng hồi bồn chồn.

Lúc này anh nằm dài, từng cụm mây trôi lững lờ trên đầu, nắng gắt rồi lại râm mát. Anh đã không cố tìm Caroline, và vì lá thư của cô cũng không đề địa chỉ trả lại, nên anh cũng không biết phải bắt đầu từ đâu. *Con bé nằm trong tay cô đấy*, anh đã nói vậy. Nhưng anh lại thấy xúc động mạnh trong chính những khoảnh khắc lạ thường: khi anh ngồi một mình trong văn phòng mới; hay khi đang rửa ảnh, ngắm nhìn hình ảnh hiện lên đầy bí ẩn trên mặt giấy trắng trơn, hay nằm dài trên mặt đá ấm áp trong khi Norah, tự ái và giận dữ, vùng vằng bỏ đi.

Anh mệt nhoài, và thấy mình chìm dần vào giấc ngủ. Côn trùng kêu vo vo dưới nắng, anh thoáng lo về sự xuất hiện của lũ ong. Những viên đá nằm trong túi quần ép sát lên chân anh. Nhớ những đêm hồi còn nhỏ, nhiều lúc anh thấy bố ngồi trên ghế đu nơi hiên nhà, những hàng dương điểm đầy những đốm sáng lấp lánh sinh động của đom đóm. Chính trong một đêm như thế, bố anh đã đưa cho anh một viên đá tròn nhẵn, một viên đá hình đầu rìu ông tìm thấy lúc đào mộ. *Phải đến hơn hai ngàn năm tuổi rồi đấy*, ông nói. *Thử tưởng tượng mà xem, David. Nó đã từng nằm trong những bàn tay khác, từ thuở xa xưa cách đây lâu lắm rồi, nhưng cũng vẫn dưới ánh trăng ấy mà thôi.*

Lần đấy là một. Còn có những lần khác khi hai bố con đi bắt rắn chuông. Từ lúc nhá nhem tối cho tới khi bình minh lên, họ luồn lách

trong rừng, vai vác chạc cây, túi vải cùng một chiếc hộp kim loại đeo lưng lẳng trên tay David.

Đối với David, trong những ngày như thế, thời gian như ngừng lại, mặt trời tỏa sáng vĩnh hằng trên cao và từng đám lá khô chuyển mình dưới chân anh. Thế giới thu lại chỉ còn mình anh, bố anh cùng lũ rắn, rồi lại trải rộng ra, bầu trời cao và rộng thêm mãi, xanh thăm thẳm hơn sau mỗi bước đi, và vạn vật bỗng chậm hẳn lại đúng giây phút anh nhận thấy có vật gì đó chuyển động giữa những màu sắc của đám đất bần và lá khô, đó là những mảng màu hình thoi mà mắt người chỉ nhìn thấy được khi con rắn bắt đầu chuyển mình. Bố đã dạy anh cách đứng bất động, quan sát cặp mắt vàng khè, cái lưỡi liên tục thè ra rồi thụt vào. Sau mỗi lần lột xác, cái đuôi chuông lại dài thêm ra một chút, vì vậy căn cứ vào tiếng đuôi rung giữa khu rừng im ắng người ta có thể đoán được tuổi của con rắn, kích thước của nó và số tiền nó có thể mang lại. Với những con lớn nhất, vẫn được các sở thú và các nhà khoa học, đôi khi là dân buôn rắn thêm muốn, họ có thể kiếm được năm đô mỗi con.

Ánh nắng xuyên qua những tán cây hắt lên nền đất rừng những đốm sáng, gió thổi vi vu. Rồi bỗng có tiếng đuôi rắn rung lên, cái đầu rắn ló ra, và cánh tay của bố anh, mạnh mẽ và vững chãi, phóng càn chạc xuống kìm chặt cổ con rắn. Những cái nanh nhô dài ra, sục thẳng vào lớp đất ẩm, tiếng đuôi con rắn rung lên càng thêm điên dại và cuồng giận. Bằng hai ngón tay cực khỏe, bố anh kẹp chặt hai bên mép con rắn đang ngoác ra hết cỡ và nhấc con vật lên: nó lạnh, khô, thân mình oằn oại như một ngọn roi da. Ông thả con rắn vào chiếc túi vải và thít chặt miệng túi, cái túi đã trở thành một vật thể sống, ngo nguậy trên mặt đất. Bố anh quẳng nó vào chiếc hộp kim loại và sập nắp lại. Không nói với nhau câu nào, hai bố con lại đi tiếp, trong đầu nhắm tính món tiền kiếm được từ lũ rắn. Vào mùa hè và cuối thu, có những tuần hai người kiếm được tới hai trăm đô bằng cách này. Tiền này được dùng để mua

thực phẩm; những lần họ tới phòng khám ở Morgantown, phí khám bệnh cũng trả bằng tiền đó.

David!

Tiếng Norah gọi vẳng đến tai anh mơ hồ, gấp gáp, xuyên qua quá khứ xa xăm, qua cánh rừng và vọng đến hiện tại. Anh chống khuỷu tay nhôm dậy, nhìn thấy nàng đang đứng bên rìa cánh đồng dâu tây chín ở tít phía xa, vẻ mặt sững sờ bởi vật gì đó dưới đất. Anh bỗng thấy adrenaline trào lên cùng nỗi sợ hãi. Rắn đuôi chuông rất thích những thân cây ngoài nắng giống khúc gỗ kê bên chỗ nàng đứng; chúng thường đẻ trứng trong lớp gỗ mục màu mỡ. Anh liếc nhìn Paul, thằng bé đang ngủ ngon lành dưới bóng râm, rồi anh bật dậy chạy như điên, lá kế đại cào xước mắt cá chân anh, dâu tây bị giẫm nát kêu lép bép dưới chân, anh đã thọc tay sẵn vào túi quần và nắm chặt cục đá to nhất. Khi đã chạy tới đủ gần để thoáng thấy dải màu đen thẫm của con rắn, anh thu hết sức ném mạnh cục đá. Viên đá nhò nhò chậm rãi xé một đường vòng cung trên không trung rồi chuyển hướng. Nó rơi xuống cách chỗ con rắn chừng mười lăm phân và vỡ tan, nhân đá tím ngắt một màu sinh động và lấp lánh.

“Anh làm gì vậy?” Norah kêu lên.

Anh đã chạy tới nơi nàng đứng. Vừa thở hỗn hển, anh vừa cúi xuống nhìn. Không phải rắn, chỉ là một cành cây sẫm màu nằm trên khúc gỗ vỏ khô sần.

“Anh tưởng em đang gọi anh,” anh nói, vẻ bối rối.

“Phải.” Nàng giơ tay chỉ một cụm hoa màu phơn phớt nằm ngay ngoài rìa bóng râm. “Củ cải Ấn Độ kìa. Giống hoa mẹ anh trồng hồi xưa ấy. David, anh làm em sợ quá.”

“Anh tưởng đấy là rắn,” anh nói, đoạn ra dấu về phía cành cây, lắc đầu lần nữa để cố rũ sạch hình ảnh quá khứ. “Rắn đuôi chuông. Chắc tại anh nằm mơ. Anh cứ nghĩ em đang kêu cứu.”

Trông nàng có vẻ hoang mang. Anh lại lắc đầu để xua tan giấc mơ. Thốt nhiên anh thấy mình ngớ ngẩn khủng khiếp. Cành cây chỉ là cành cây thôi, còn sao nữa. Một ngày dường như bình thường đến lối bích. Chim chóc hót ríu rít, và lá trên cây lại khẽ xào xạc.

“Sao anh lại mơ thấy rắn?” nàng hỏi.

“Anh từng phải bắt rắn,” anh đáp. “Để bán lấy tiền.”

“Bán lấy tiền?” nàng lặp lại, vẻ khó hiểu. “Tiền để làm gì?”

Khoảng cách giữa hai người lại rộng ra, cái vực thẳm của quá khứ mà anh không thể nào vượt qua. Tiền mua thức ăn, tiền cho những chuyến đi lên thị trấn. Nàng đến từ một thế giới khác; làm sao nàng hiểu được.

“Chúng giúp anh có tiền đi học, những con rắn ấy,” anh đáp.

Nàng gật đầu, dường như còn muốn hỏi thêm điều gì, nhưng lại thôi.

“Mình về đi anh,” nàng nói, tay xoa xoa vai. “Đi đón Paul rồi về nhà thôi.”

Họ đi qua cánh đồng, trở lại bãi cỏ và gói ghém các thứ. Norah bế Paul; còn anh xách chiếc giỏ đựng đồ dã ngoại.

* * *

Họ bước đi, David chợt nhớ tới lúc bố anh đứng giữa phòng khám của ông bác sĩ, những tờ giấy bạc xanh rơi như lá bay xuống mặt quày

thu ngân. Cứ mỗi tờ rơi xuống, David lại nhớ đến những con rắn, đuôi rung lên và cái mồm há ra thành hình chữ V trong vô vọng, lớp da mát lạnh dưới từng ngón tay anh, và sức nặng của chúng. Tiền bán rắn. Anh chỉ là một cậu bé, tám hay chín tuổi, và đó là điều duy nhất anh có thể làm được.

Việc đó và bảo vệ June. *Con trông em nhé*, mẹ anh hay nhòm đầu lên khỏi lò nướng và nhắc anh. *Con cho gà ăn rồi dọn chuồng gà và nhổ cỏ ngoài vườn nhé. Và nhớ trông June nữa.*

David đã làm theo lời mẹ dặn, dù không được tốt lắm. Anh trông chừng June nhưng không ngăn em bôi đất cát rồi bôi lên đầy tóc. Anh không dễ dàng khi em vấp phải đá và ngã lăn ra, khuỷu tay xây xước hết cả. Tình yêu anh dành cho em gái xoắn chặt cùng nỗi oán giận, đến độ anh không thể điều hòa nổi hai thứ tình cảm đó. Lúc nào em cũng ốm đau, vì trái tim yếu ớt và vì những trận cảm lạnh mùa nào cũng hành hạ em, khiến em thở khò khè hỗn hển suốt. Nhưng khi anh bước trên con đường từ trường về nhà, mấy tập sách lủng lẳng đeo trên lưng, chính June luôn là người đứng chờ anh, là June luôn nhìn anh và hiểu hôm ấy anh vui hay buồn, là người luôn muốn biết mọi chuyện đã xảy ra. Ngón tay em nhỏ nhắn, em thích vỗ nhẹ lên người anh, hơi gió khẽ lay động mái tóc dài lơ thơ.

Cho đến một ngày cuối tuần anh rời trường về nhà thì thấy căn nhà vắng tanh, lặng như tờ, tấm khăn kỳ lưng vắt vẻo trên thành bồn tắm và không khí xông lên lạnh buốt. Anh ngồi bệt trên hiên nhà, đói và lạnh, chờ đợi. Rất lâu sau đó, khi trời đã nhá nhem, anh thấy mẹ đi từ trên đồi xuống, hai tay khoanh lại. Bà không nói năng gì cho tới khi bước lên bậc thang, sau đó bà ngược lên nhìn anh và nói, *David, em con mất rồi*. June mất rồi. Mái tóc mẹ buộc túm chặt phía sau gáy, tĩnh mạch trên thái dương bà giãn giật và đôi mắt bà đỏ hoe vì khóc. Bà mặc chiếc áo len xám mỏng manh bó sát, và bà nói, *David, con bé đi rồi*. Khi anh đứng dậy và ôm lấy bà, bà khuỵu xuống, khóc òa lên, và anh hỏi, *Khi*

nào cơ, bà đáp, *ba hôm trước, thứ Ba, lúc đấy mới sáng sớm và mẹ ra ngoài để lấy nước, đến khi mẹ quay về nhà im ắng lắm nên mẹ biết ngay. Con bé đi rồi. Ngừng thở rồi.* Anh ôm mẹ, và không còn nghĩ được phải nói gì nữa. Nỗi đau mà anh cảm nhận được nằm trong tận cùng tâm can anh, và trên tất cả là cảm giác tê dại khiến anh không thể khóc nổi. Anh choàng một tấm chăn lên vai mẹ. Anh pha cho bà một tách trà rồi ra chuồng gà, thấy có nhiều trứng bà vẫn chưa nhặt, và anh gom hết. Anh cho gà ăn và vắt sữa bò. Anh làm tất cả những công việc bình thường ấy, nhưng khi anh bước vào, căn nhà vẫn âm u, không khí im ắng, và June đã không còn.

Davey, rất lâu sau đó, mẹ anh mới cất tiếng gọi, từ cái góc tối tăm nơi bà đang ngồi, *Con hãy trở lại trường đi. Cố mà học cái gì đó có ích cho đời.* Nghe câu ấy, anh cảm thấy giận sôi gan; anh muốn cuộc đời của anh chỉ thuộc về chính anh, không còn bị vướng bận bởi những đau buồn, mất mát này. Anh cảm thấy có lỗi bởi June đang nằm dưới ba tấc đất còn anh vẫn đứng đây; anh vẫn còn sống, không khí vẫn chảy vào rồi chảy ra từ buồng phổi của anh; và anh cảm nhận được nó, và cả nhịp đập của trái tim anh. Con sẽ trở thành bác sĩ, anh nói, mẹ anh không nói gì, nhưng một lúc sau bà gật đầu và đứng dậy, kéo cánh áo len sát vào người thêm. *Davey, mẹ muốn con cầm quyển Kinh Thánh ra đây, lên đây với mẹ rồi thề đi. Mẹ muốn con tuyên bố chính thức, và thật rõ ràng.* Rồi hai mẹ con cùng leo lên sườn đồi. Khi họ đến nơi thì trời đã tối, đứng dưới rừng thông lao xao gió reo, bên ánh sáng lập lờ của cây đèn dầu, anh đọc to, *Chúa là người dẫn dắt con. Mình không muốn. Nhưng mình muốn,* anh thầm nghĩ, trong khi miệng vẫn đọc. *Con muốn.* Mẹ anh khóc nức lên và họ lặng lẽ xuôi theo triền đồi trở về nhà, ở đó anh đã viết cho bố một bức thư để báo tin. Anh gửi đi ngay thứ Hai, ngày anh trở lại với thị trấn, với sự ồn ã và những ánh đèn rực rỡ. Anh đứng phía sau chiếc quầy đóng bằng gỗ sồi đã bị mài mòn đến nhẵn thín sau bao năm dãi dầu, và bỏ bức thư trắng giản dị vào hòm.

* * *

Khi họ về tới nơi đỗ xe, Norah dừng lại để ngó xuống bờ vai đã ửng hồng vì nắng. Nàng đang đeo kính mát, nên lúc nàng ngược lên nhìn anh, anh không nhận biết được thái độ của nàng khi ấy ra sao.

“Anh không phải cố tỏ ra mình là người hùng như thế đâu,” nàng nói. Những từ nàng nói ra thẳng đuột và rành rọt, anh có thể nói ngay là nàng đã suy nghĩ kỹ, có lẽ là tự nhảm trước trên suốt quãng đường về.

“Anh không cố tỏ ra anh hùng.”

“Không à?” Nàng quay mặt đi. “Em nghĩ là có đấy,” nàng nói. “Cũng là lỗi tại em. Trong suốt thời gian dài em đã mong có người giải thoát cho mình, em nhận ra thế. Nhưng giờ thì không cần nữa. Anh không cần phải bảo vệ em mọi lúc mọi nơi nữa. Em ghét lắm.”

Rồi nàng ngồi vào xe và quay mặt đi. Dưới những vệt nắng lấp lóa, bàn tay Paul giơ lên với tóc nàng, và David bỗng cảm thấy nỗi sợ hãi đến chếnh choáng dâng lên, anh không biết là vì đâu; anh biết, nhưng không thể khống chế được nó. Và cả giận dữ: đột nhiên anh thấy cơn giận bùng lên. Giận chính mình, giận cả Caroline, cô đã không làm theo những gì anh yêu cầu, cô đã khiến tình hình vốn đã bi đát trở nên tồi tệ hơn. Norah ngồi phịch xuống ghế trước và đóng sầm cửa lại. Anh thọc tay vào túi để lấy chìa khóa nhưng thay vì thế, anh lại lôi ra khối hốc tinh cuối cùng còn sót lại, một cục đá xám trơn nhẵn, hình cầu. Anh nắm chặt cục đá đang ấm dần lên trong lòng bàn tay, nghĩ đến tất cả những bí mật mà thế giới đang chứa trong nó: những tầng đá, ẩn sâu dưới lớp đất thịt và cỏ dại; những cục đá vô tri ấy, và trái tim lấp lánh ẩn giấu bên trong nó.

1970

Tháng Năm Năm 1970

I

“CHÁU BỊ DỊ ỨNG ONG,” NORAH NÓI VỚI CÔ GIÁO TRONG KHI vẫn quan sát Paul chạy trên lớp cỏ mới mọc phủ kín sân chơi. Thành bé leo lên đỉnh cầu trượt rồi ngồi xuống một lúc, hai tay áo trắng ngấn ngùn bay phấp phới trong gió, và nó trượt xuống, vừa chạm đất đã nhảy lên, mặt mày hớn hở. Hoa đỗ quyên đang đến độ nở rộ, và không khí, ấm áp như làn da, rộn lên tiếng côn trùng, chim chóc. “Bố cháu cũng bị dị ứng như thế. Bệnh nặng lắm.”

“Chị đừng lo,” cô Throckmorton đáp. “Chúng tôi sẽ để ý cháu cẩn thận.”

Cô Throckmorton vẫn còn trẻ măng, chỉ vừa ra trường, mái tóc sẫm màu xoăn tít tràn đầy sức sống. Cô mặc một chiếc váy dài và đi đôi xăng đan bệt chắc chắn, đôi mắt cô không phút nào rời đám trẻ đang chơi đùa trên sân. Ở cô toát lên sự điềm tĩnh, năng lực, sự chuyên chú và lòng nhân hậu. Tuy vậy, Norah vẫn không hoàn toàn tin rằng cô hiểu rõ việc mình đang làm.

“Có lần thành bé nhặt được một con ong,” nàng tiếp, “một con ong *chết rồi*; tức là, con ong đấy rơi ngay trên bậu cửa sổ. Chỉ vài giây sau, mình thấy nó đã sung vù lên như trái bóng rồi.”

“Chị Henry, chị đừng lo,” cô Throckmorton lại nói, giọng có vẻ thiếu kiên nhẫn. Đoạn cô xoay người bước đi, giọng nói trong trẻo của cô

nghe thật điềm tĩnh, như tiếng chuông rung, cô phải ra giúp một bé gái bị cát bay vào mắt.

Norah đứng nán lại một chút dưới ánh nắng xuân, ngắm nhìn Paul. Thằng bé đang chơi đuổi bắt, hai má đỏ ửng lên, vừa chạy hai tay vừa buông thông xuống hai bên sườn – hồi mới sinh, nó cũng ngủ trong tư thế ấy. Tóc thằng bé màu sẫm, còn lại thì đều giống Norah, ai cũng nói vậy, cả đường nét khuôn mặt lẫn nước da sáng. Nàng nhìn thấy chính mình trong hình ảnh thằng bé, điều đó đúng, cả những đặc điểm của David nữa, từ khuôn xương hàm của Paul đến hai vành tai, cung cách thằng bé hay đứng, vừa khoanh hai tay lại, vừa lắng nghe lời cô giáo nói. Nhưng về cơ bản Paul vẫn là chính mình. Nó yêu âm nhạc và suốt ngày ngâm nga những bài hát nó tự nghĩ ra. Mặc dù mới lên sáu, thằng bé đã giữ chân hát sô lô ở trường, nó bước lên phía trước với vẻ ngây thơ và tự tin khiến Norah phải sửng sốt, giọng hát ngọt ngào của nó vút lên giữa khán phòng trong trẻo và du dương tựa làn suối reo.

Giờ nó đang ngồi xõm cạnh một thằng bé khác, cu cậu này đang cầm que khều lá rơi trong vũng nước đen ngòm. Đầu gối bên phải của thằng bé bị trầy da, mảnh băng gạc bị xô lệch. Ánh nắng nhảy nhót trên mái tóc sẫm ngắn ngùn. Norah ngắm con, thằng bé đang cực kỳ chăm chú và hoàn toàn mê mải với công việc của mình, nàng bỗng choáng ngợp bởi sự tồn tại quá ư giản dị của thằng bé. Paul, con trai nàng. Ở đây, trong thế giới này.

“Norah Henry! Đúng người tôi cần gặp đây rồi.”

Nàng quay lại và thấy Kay Marshall, mặc chiếc quần ôm màu hồng cùng chiếc áo len hồng kem, đi đôi giày da đế bệt màu vàng đồng, đeo hoa tai vàng lấp lánh. Cô ta đang đẩy chiếc xe nôi đan bằng liễu gai kiểu cổ trong đó chở đứa nhỏ mới sinh trong khi cô con gái lớn, Elizabeth bước sóng đôi bên mẹ. Elizabeth sinh sau Paul một tuần, vào đúng độ xuân bất ngờ ủa về ngay sau cơn bão tuyết bất thường năm ấy.

Sáng nay cô bé mặc một chiếc váy hồng chấm bi và đi đôi giày da trắng đóng rất khéo. Cô bé nòn nống dứt khỏi Kay rồi chạy vù qua sân chơi tới chỗ mấy chiếc xích đu.

“Trời đẹp quá,” Kay vừa nhìn theo con gái vừa nói. “Chị khỏe không, Norah?”

“Tôi khỏe,” Norah nói, cố gắng kìm nén ước muốn chạm vào mái tóc cô ta, nàng cũng ý thức rõ ràng về chiếc áo trắng giản dị và cái váy xanh mình đang mặc, cùng cách phục sức đi kèm rất ít đồ nữ trang. Dù Norah nhìn thấy cô ta trong thời điểm nào hoặc ở bất cứ nơi đâu, Kay Marshall vẫn luôn như vậy: điềm tĩnh và thanh thoi, chỉ chu tới từng chi tiết, những đứa con của cô ta luôn ăn mặc cực kỳ gọn gàng và cư xử rất lễ độ. Kay là hình mẫu bà mẹ mà Norah vẫn luôn hướng đến, một bà mẹ có thể xử lý mọi tình huống bằng vẻ bình tĩnh tự nhiên và phong thái ung dung. Norah ngưỡng mộ cô ta, và cả ghen tị nữa. Thậm chí đôi khi nàng bất chợt nghĩ giá như mình có thể được như Kay, giá như nàng trầm tính hơn, bớt lo âu đi, biết đâu cuộc hôn nhân của nàng đã khá hơn; biết đâu nàng và David đã hạnh phúc hơn.

“Tôi khỏe,” nàng lặp lại, mắt nhìn xuống đứa bé đang giương đôi mắt to tròn lên nhìn nàng đầy vẻ tò mò. “Xem Angela lớn chưa kìa!”

Rồi Norah hấp tấp cúi xuống và bế con bé lên, đứa con gái thứ hai của Kay, cũng mặc đồ hồng phớt giống chị nó. Thân hình con bé nhẹ và ấm trong vòng tay Norah, nó vỗ bàn tay nhỏ lên má Norah rồi cười khanh khách. Norah cảm thấy khoan khoái vô cùng, nàng nhớ hồi bằng này tuổi Paul cũng như thế, nhớ mùi hương xà phòng và sữa tắm ra từ thằng bé, làn da mềm mại của nó. Nàng đưa mắt nhìn khắp sân chơi; thằng bé lại đang chạy, nó đang chơi đuổi bắt. Giờ nó đã đi học, có cuộc sống riêng. Nó không thích ngồi ôm mẹ nữa chỉ trừ lúc ốm hay khi muốn nài mẹ kể chuyện trước khi đi ngủ. Có lẽ không bao giờ nó có thể bé lại được như xưa nữa, không bao giờ nó trở lại thành thằng bé ngồi

trên chiếc xe đạp ba bánh màu đỏ, tay cầm que vừa khua khoắng các vũng nước vừa hát véo von nữa.

“Tính đến hôm nay là con bé tròn mười tháng tuổi rồi đấy,” Kay nói. “Chị tin nổi không?”

“Không,” Norah đáp. “Thời gian trôi nhanh quá.”

“Chị đã đi qua trường chưa?” Kay hỏi. “Chị có biết chuyện vừa xảy ra không?”

Norah gật đầu. “Đêm qua Bree đã gọi cho tôi.” Nàng đã đứng sững người, một tay cầm ống nghe còn tay kia đặt trên ngực, mắt theo dõi cái tin rợn người qua TV: bốn sinh viên bị bắn chết tại Kent State. Ngay tại Lexington, tình hình căng thẳng đã bao trùm khắp nơi suốt nhiều tuần lễ, báo chí tràn ngập tin tức về chiến tranh, những cuộc biểu tình lẫn bạo động, cả thế giới biến loạn và đổi thay.

“Đáng sợ quá,” Kay nói, nhưng giọng vẫn nhẹ nhàng, có vẻ bất bình hơn là lo lắng, đúng chất giọng mà có lẽ cô ta sẽ dùng khi nói về vụ lý dị của ai đó. Cô ta đỡ lấy Angela, hôn lên trán con, rồi dịu dàng đặt nó xuống xe nôi.

“Tôi biết,” Norah tán thành. Nàng cũng nói với tông giọng y như vậy, nhưng đối với nàng cảm giác âu lo dường như là thứ gì đó rất đổi riêng tư, nó phản chiếu những gì đã giày vò trái tim nàng trong suốt bao năm trời. Trong một tích tắc nàng bỗng thấy nhói lên lòng ghen tị sâu cay. Kay sống vô tư lự, không biết đến mất mát, và tin tưởng rằng mình sẽ luôn được bình an; còn thế giới của Norah đã thay đổi kể từ khi Phoebe chết. Tất cả niềm vui của nàng giờ chỉ còn là những phút giải khuây nhạt nhẽo – bởi nỗi mất mát ấy và mối lo sợ về những mất mát tiếp theo mà nàng nhìn thấy trong từng khoảnh khắc. David luôn khuyên nàng thả lỏng, khuyên nàng tìm kiếm sự giúp đỡ, khuyên nàng không nên tự ép bản thân mình quá mức. Anh giận dữ với những dự án, hội

nhóm, kế hoạch của nàng. Nhưng Norah không thể nào ngồi yên một chỗ cho được; như thế khiến nàng cảm thấy bất an. Vì thế nàng sắp xếp các cuộc hội họp và lấp kín lịch các ngày, trong đầu luôn thường trực một ý nghĩ đen tối là nếu nàng lơ là cảnh giác, dù chỉ là một khoảnh khắc, tai họa sẽ ập đến. Cảm giác này trở nên tệ hại nhất vào tầm sáng muộn; thời điểm ấy hầu như khi nào nàng cũng uống nhanh một ly rượu – rượu gin, đôi khi là vodka – để xoa dịu bản thân cho tới chiều. Nàng yêu cái cảm giác thanh thản, lan tỏa khắp người như ánh sáng. Nàng đã giấu rất kỹ mấy cái chai để David khỏi nhìn thấy.

“À,” Kay nói. “Tôi muốn báo lại về việc dự bữa tiệc của chị ấy. Chúng tôi sẽ tới, nhưng chắc hơi muộn một chút. Tôi mang gì được đây?”

“Chỉ đi người không là được,” Norah đáp. “Hầu như mọi thứ đều đã sẵn sàng hết rồi. Có điều tôi còn phải về nhà dỡ một cái tổ ong nữa.”

Đôi mắt Kay hơi trố ra. Cô ta sinh ra trong một gia đình giàu có lâu đời ở Lexington và có “gia nhân”, đấy là theo cách cô ta vẫn gọi. Gia nhân trông nom bể bơi, gia nhân quét dọn, gia nhân cắt cỏ và gia nhân lo việc bếp núc. David vẫn luôn nói Lexington giống hệt như lớp đá vôi mà từ đó nó được dựng lên: sự phân cấp giai tầng, những lớp người và phương thức sở hữu khác nhau, thành phố của bạn được đóng khung trong một thứ tôn ti trật tự nghiêm ngặt đã tồn tại bao đời nay. Nếu Kay có cả người lo diệt côn trùng thì cũng chẳng có gì lạ.

“Tổ ong kia à? Khổ thân chị quá!”

“Vâng,” Norah đáp. “Ong vò vè. Nó làm tổ ở chỗ ga ra ấy.”

Nàng thấy khoan khoái vì đã khiến Kay sốc, dù chỉ chút đỉnh; nàng thích cái thanh âm chắc nịch của nhiệm vụ đang đặt ra phía trước. Ong. Dụng cụ. Dỡ chiếc tổ. Norah mong sao công việc này sẽ choán hết buổi sáng của nàng. Nếu không, có thể nàng sẽ lái xe như đã làm nhiều bận trong suốt mấy tuần vừa rồi, nàng phóng đi như điên, chai rượu

dẹt bằng bạc vút trong túi xách. Nàng có thể phóng ra sông Ohio trong chưa đầy hai tiếng. Tới Louisville, Maysville hoặc như một bữa, lên tận Cincinnati. Nàng thường đậu xe bên sườn dốc của sông rồi ra khỏi xe, ngắm nghía dòng nước cuồn cuộn chảy không ngừng phía xa.

Tiếng chuông reo vang và bọn trẻ bắt đầu ủa vào lớp. Norah ngóng tìm mái tóc sẫm của Paul, nàng dõi theo con cho tới khi thằng bé mất hút. “Tôi rất muốn hai đứa con chúng mình hát cùng nhau,” Kay nói, đoạn hôn gió với Elizabeth. “Paul có một chất giọng thật tuyệt vời. Đúng là tài năng thiên bẩm.”

“Thằng bé yêu âm nhạc lắm,” Norah đáp. “Từ xưa đã vậy rồi.”

Quả đúng như vậy. Có một lần, khi mới được ba tháng tuổi, trong lúc nàng chuyện gẫu với bạn bè, đột nhiên thằng bé cất tiếng bập bẹ, một chuỗi âm thanh tràn ngập khắp căn phòng như những đóa hoa bất thần đổ xuống từ một cột sáng, khiến tất cả mọi người đều im bật.

“Thật ra, còn có chuyện khác tôi muốn nhờ chị, Norah à. Buổi lễ gây quỹ tôi tính tổ chức trong tháng sau đó. Chủ đề buổi lễ là Cinderella, nên tôi đã gửi giấy mời để tập hợp càng nhiều trẻ con đóng vai người phục vụ càng tốt. Tôi đang nghĩ đến Paul.”

Trái với bản chất, Norah bỗng cảm thấy vô cùng hài lòng. Nàng đã hết hy vọng nhận được những lời mời như vậy nhiều năm về trước, kể từ sau đám cưới và vụ ly dị đầy tai tiếng của Bree.

“Người phục vụ à?” nàng lặp lại để tiếp nhận cái tin này.

“Phải, đó là phần hay nhất,” Kay thẽ thọt. “Mà không chỉ đóng vai người phục vụ thôi đâu. Paul còn được hát riêng nữa. Một bản song ca. Với Elizabeth.”

“Tôi hiểu rồi,” Norah nói, nàng thật sự hiểu. Giọng Elizabeth trong nhưng rất mỏng. Con bé thường hát với một vẻ tươi vui guồng gao, giống như những nụ hoa xuân giữa tháng Giêng, đôi mắt đầy lo lắng quét khắp lượt khán giả. Thiếu giọng Paul, giọng con bé sẽ không đủ độ ngân vang.

“Nếu thằng bé có thể tham gia thì mọi người sẽ vui lắm đấy.”

Norah chậm rãi gật đầu, nàng thấy thất vọng và bức bối với chính bản thân mình vì đã quan tâm. Nhưng giọng của Paul rất trong và vang; chắc thằng bé sẽ thích đóng vai người phục vụ. Và ít nhất bữa tiệc này, cũng như những con ong, sẽ cho nàng thêm một điểm tựa trong những ngày tới.

“Tuyệt vời!” Kay nói. “Ôi, tuyệt quá. Tôi mong là chị không thấy phiền,” cô ta thêm, “tôi đã tự tiện thuê trước một bộ lễ phục cỡ nhỏ cho thằng bé rồi. Tôi biết là chị sẽ đồng ý mà!” Cô ta liếc nhìn đồng hồ, vẻ vội vã, có lẽ chuẩn bị đi đâu đó. “Rất vui được gặp chị,” cô ta nói thêm, vừa bước vừa vẫy tay, đẩy chiếc xe nô đi.

Sân chơi vắng tanh. Một cái vỏ kẹo lóe sáng lấp lánh, lăn tròn trên thảm cỏ xuân tươi tốt và mắc vào giữa những đóa đỗ quỳen hồng rực. Norah đi qua mấy cây xích đu sơn màu rực rỡ và ngồi vào xe. Con sông, dòng xoáy bình thản của nó, đang vẫy gọi nàng. Hai tiếng thôi là nàng đã có thể ở đó rồi. Sức mê hoặc của cuộc xe tốc độ cao, của cơn gió thổi phàn phật, của nước, gần như không thể cưỡng lại nổi, mạnh mẽ tới mức trong đợt nghỉ lễ vừa rồi của trường học, nàng đã rất sốc khi thấy mình đang ở Louisville, Paul sợ điếng người, ngồi im re trên ghế sau, mái tóc nàng rối bù vì gió và chai rượu gin đã gần như cạn sạch. *Sông kia con*, nàng đã nói vậy khi đứng đó nắm bàn tay nhỏ của Paul, mắt dõi theo con nước cuồn cuộn, ngầu lên bùn đất. *Giờ mẹ con mình đi vườn thú nhé*, đoạn nàng tuyên bố, như thể đó đã luôn là mục đích duy nhất của nàng vậy.

Nàng rời trường học và lái xe vào thành phố, xuyên qua những con phố với hai hàng cây bên đường, đi qua ngân hàng và tiệm nữ trang, nổi khao khát mệnh mệnh như bầu trời. Nàng chạy chậm lại khi đi ngang qua công ty Du lịch Thế giới. Hôm qua, nàng vừa mới phỏng vấn cho một vị trí ở đó. Nàng nhìn thấy quảng cáo trên báo, và bị thu hút bởi những hình vẽ xinh xắn trên các ô cửa sổ của tòa nhà gạch thấp: những bãi biển và tòa nhà lấp lánh, bầu trời và màu sắc sống động. Khi mới đến nàng cũng không thực muốn có công việc đó lắm; và rồi đột nhiên nàng lại muốn. Mặc chiếc váy lanh bó in hoa, nàng ngồi đó ôm khư khư chiếc ví trắng trong lòng, nàng đã khao khát công việc này hơn tất cả mọi thứ trên đời. Đại lý này do một người đàn ông tên là Pete Warren làm chủ, ông ta đã năm mươi tuổi và hơi hói trên đỉnh đầu, ông ta hay gõ bút chì lạch cạch lên tập bìa kẹp hồ sơ và pha trò giễu nhóm Mèo Hoang⁽¹⁰⁾. Ông ta thích nàng, nàng có thể đoán ra ngay, mặc dù bằng cấp của nàng chỉ là bằng Ngữ văn và chẳng có chút kinh nghiệm nào. Theo kế hoạch thì hôm nay ông ta sẽ cho nàng biết kết quả.

Phía sau nàng, ai đó đang bấm còi inh ỏi. Norah tăng tốc. Con đường này chạy xuyên qua thành phố và cắt ngang đường cao tốc. Nhưng khi nàng lái gần tới trường đại học, giao thông đông đúc hơn. Đường đông nghẹt người khiến xe nàng bò chậm dần rồi phải dừng hẳn lại. Nàng ra khỏi xe và bỏ mặc nó ở đó. Phía xa xa, từ sâu trong khuôn viên trường, những tiếng nói rộ lên mơ hồ, vừa nhịp nhàng vừa ồn ã, thanh âm trầm bổng tràn đầy sức sống tựa như những nụ chồi đang bung nở trên cây cối. Cảm giác bồn chồn và khắc khoải của nàng dường như được khóa lấp bởi khoảnh khắc ấy, và nàng hòa mình vào dòng người đang chuyển động.

Mùi mồ hôi và dầu hoắc hương tràn ngập không gian, ánh nắng sưởi ấm cánh tay nàng. Nàng nhớ đến trường tiểu học, cách đây có một dặm, nhớ đến trật tự ở đó cũng như những quy phạm, nàng nhớ đến giọng nói bất bình của Kay Marshall, và lại dẫn bước. Những bờ vai,

cánh tay, mái tóc sượt qua người nàng. Dòng người di chuyển chậm dần rồi dồn lại; đã có một đám đông tụ tập nơi tòa nhà ROTC⁽¹¹⁾, ở đó hai anh thanh niên đứng trên bậc thang, một người cầm chiếc loa. Norah cũng dừng lại, nàng ngẩn cổ xem chuyện gì đang diễn ra. Một trong hai thanh niên mặc vest và đeo cà vạt, tay giơ cao lá cờ Mỹ với những đường sọc ngang dập dờn. Nàng quan sát thấy người thanh niên kia, cũng ăn mặc chỉnh tề, giơ cao nắm tay ngay sát mép lá cờ. Ban đầu ngọn lửa gần như vô hình, chỉ là một làn hơi nóng phảng phất, và rồi lửa bén vào vải, bùng lên trên nền màu lá, trên nền xanh lục xen lẫn xanh dương của buổi ban ngày.

Norah nhìn tất cả mọi chuyện diễn ra như trong một cuốn phim quay chậm. Qua bầu không khí chập chờn, nàng nhìn thấy Bree chạy xung quanh đám đông đứng ngay sát tòa nhà, phát các tờ rơi. Mái tóc dài buộc túm đuôi ngựa lúc lắc trên chiếc áo cánh rộng màu trắng của cô. Con bé đẹp quá, nàng tự nhủ, thoáng thấy nét cương quyết và lòng nhiệt thành hiển hiện trên gương mặt em gái chỉ trong tích tắc trước khi cô biến mất. Nỗi ghen tị lại cồn lên trong nàng, bùng bùng như lửa đốt: ghen tị với Bree, với sự kiên định và tự do của cô. Norah rẽ đám đông dẫn tới.

Nàng lại thoáng thấy em gái hai lần nữa – mái tóc vàng của cô vụt qua, khuôn mặt cô nhìn nghiêng – rồi cuối cùng nàng cũng đến được chỗ Bree. Khi đó Bree đang đứng trên lề đường, nói chuyện với một cậu thanh niên có mái tóc hung hung đỏ, hai người nói chuyện chăm chú quá, phải đến khi Norah chạm vào tay Bree mới quay ngoắt lại, bối rối và bất ngờ, mặt ngẩn ra một lúc lâu rồi mới nhận ra chị gái.

“Norah à?” cô nói. Cô đặt tay lên ngực anh chàng tóc đỏ, cử chỉ tự tin và âu yếm tới mức khiến trái tim Norah se lại. “Đây là chị gái em,” Bree giải thích. “Norah, đây là Mark.”

Anh ta gật đầu nhưng không cười và bắt tay Norah, vẽ mặt thăm dò nàng.

“Họ đốt cờ kìa,” Norah nói, một lần nữa ý thức rất rõ rằng trang phục mình khoác trên người chẳng ăn nhập gì với quang cảnh quanh đây cũng như trước đó trên sân chơi, bởi những lý do hoàn toàn khác biệt.

Đôi mắt nâu của Mark hơi nhúu lại, anh ta nhún vai.

“Họ đã từng chiến đấu ở Việt Nam,” anh ta nói. “Nên tôi cho là họ có lý do của riêng mình.”

“Mark đã mất nửa bàn chân ở Việt Nam.”

Norah bỗng thấy mình liếc xuống nhìn đôi ủng của Mark, dây buộc cao đến mắt cá chân.

“Nửa phần trước,” anh ta nói, đoạn gõ gõ bàn chân phải. “Mấy ngón chân và một số phần nữa.”

“Tôi hiểu,” Norah nói, cảm thấy ngại ngùng không để đầu cho hết.

“Mark à, anh chờ bọn em một phút được không?” Bree hỏi.

Anh ta liếc nhìn đám đông đang kích động. “Khó đấy. Anh sắp phát biểu rồi.”

“Rồi rồi. Em sẽ quay lại ngay,” cô nói, đoạn cầm tay Norah, kéo nàng ra xa mấy bước, khom người dưới vòm cây đình tán.

“Chị làm gì ở đây vậy?” cô hỏi.

“Chị cũng chẳng biết nữa,” Norah đáp. “Chị buộc phải dừng lại khi gặp phải đám đông này, vậy thôi.”

Bree gật đầu, đôi hoa tai bạc của cô lóe sáng lấp lánh. “Tuyệt quá, phải không nào? Phải có đến năm ngàn người ở đây ấy chứ. Lúc đầu bọn em chỉ dám mong có vài trăm người thôi. Do vụ Kent State đây mà. Thế là hết.”

Hết cái gì cơ? Norah tự nhủ, quanh nòng, những chiếc lá cây rung rinh. Ở đâu đó, cô Throckmorton đang gọi học sinh còn Pete Warren ngồi ghi vé dưới những tấm áp phích du lịch rực rỡ. Lũ ong vo ve biếng nhác trong bầu không gian ngập nắng bên ga ra nhà nòng. Thế giới có thể đi đến hồi kết trong một ngày như thế này hay sao?

“Đấy là bạn trai của em à?” cô hỏi. “Anh chàng em kể với chị ấy?”

Bree gật đầu, khẽ mỉm cười ỷ nại.

“Ôi chao, xem em kìa! Em đang yêu chứ gì.”

“Em nghĩ vậy,” Bree thì thào, mắt liếc về phía Mark. “Em nghĩ vậy.”

“Ừm, chị mong là anh ta đối xử tốt với em,” Norah nói, chợt giật mình khi lại nghe thấy tiếng của mẹ, âm điệu y hệt. Nhưng Bree đang quá hạnh phúc, cô chỉ cười.

“Anh ấy đối xử với em tốt lắm,” cô nói. “Chị này, cuối tuần này em đưa anh ấy đến nhé? Đến bữa tiệc của chị ấy?”

“Được.” Norah đáp, nhưng thật lòng nòng chẳng dám chắc.

“Tuyệt. À, Norah, chị đã nhận được công việc chị thích chưa?”

Những chiếc lá đình tán rung rinh quanh nòng như những trái tim xanh mềm mại, phía ngoài kia đám đông đang gầm gừ và lắc lư.

“Chị chưa biết,” Norah đáp, nghĩ đến khu văn phòng rực rỡ, trang nhã. Đột nhiên nòng cảm thấy những khao khát của mình thật quá tầm

thường.

“Thế buổi phỏng vấn thế nào?” Bree hỏi dồn.

“Tốt. Tốt lắm. Chị chỉ không chắc giờ chị còn thích công việc đó nữa không, vậy thôi.”

Bree gài một lọn tóc ra sau tai và cau mày.

“Sao không? Norah, chỉ mới ngày hôm qua thôi chị còn phát điên vì công việc đó. Chị đã rất hào hứng kia mà. Lại là David hả? Lại bảo chị không làm được chứ gì?”

Norah bực bội lắc đầu. “David còn chẳng biết nữa cơ. Bree, chỗ đấy bất quá cũng chỉ là một cái văn phòng bé tí. Tẻ nhạt. Trưởng giả. Mình chả nên chết già ở đấy làm gì.”

“Em không phải là chị,” Bree nói, giọng sốt ruột. “Chị không phải là em. Chị muốn công việc đó, Norah ạ. Vì sự hấp dẫn. Trời ạ, vì tự do nữa.”

Đúng thế thật, nàng đã muốn công việc đó, nhưng cơn giận của nàng lại đang bùng lên, điều đó cũng đúng nốt: với Bree, người đang đứng ở đây để kích động những cuộc cách mạng, thì giao phó nàng cho một cuộc sống theo giờ hành chính mới là tốt.

“Chị chỉ ngồi đánh máy, chứ có được đi đâu đâu. Đợi tới lúc được đi thì chắc cũng phải mất hàng năm trời. Đấy không phải là những gì chị đã tưởng tượng về cuộc đời mình, Bree ạ.”

“Thế đi di máy hút bụi mới đúng à?”

Norah nghĩ tới những đợt gió táp rất mặt, đến con sông Ohio cuộn cuộn chảy, chỉ cách đây có tám mươi dặm đường. Nàng mím môi không đáp.

“Chị làm em điên mất, Norah ạ. Sao chị lại sợ thay đổi thế nhỉ? Sao chị không là *chính mình* và để mặc thế giới xoay vần đi?”

“Chị có,” nàng nói. “Chị đang là chính mình. Em không hiểu đâu!”

“Chị đang rúc đầu vào cát thì có. Em chỉ thấy mỗi thế.”

“Em chẳng thấy gì cả, ngoài mấy cậu trai chưa vợ.”

“Rồi rồi. Thế là đủ rồi.” Bree chỉ bước một bước là đã bị nuốt chửng bởi đám đông: một chút sắc màu thấp thoáng, rồi vụt biến mất.

Norah đứng lặng một lúc dưới vòm cây đình tán, người run lẩy bẩy vì cơn giận ngùn ngụt. Nàng bị làm sao vậy? Sao nàng có thể ghen tị với Kay Marshall, sau đó là với Bree, vì những lý do hoàn toàn trái ngược đến thế?

Nàng rẽ đám đông quay trở lại xe. Sau cơn náo loạn và kích động của đám người biểu tình, đường phố trở lại với vẻ tẻ nhạt, thiếu sắc màu, và quy phạm một cách đáng ngại. Nàng đã mất quá nhiều thời gian rồi, chỉ còn hai tiếng nữa nàng sẽ phải đi đón Paul. Không còn thời gian cho dòng sông nữa. Về đến nhà, trong căn bếp đầy nắng, Norah tự pha cho mình một ly gin với tonic. Chiếc ly cứng cáp và mát lạnh trong tay nàng, những cục đá kêu lanh canh lóe lên ánh sáng dễ chịu. Đi qua phòng khách nàng dừng lại một lúc trước tấm ảnh chụp nàng đứng trên cây cầu đá tự nhiên. Khi nhớ lại ngày hôm ấy – cuộc đi bộ và buổi picnic của họ – nàng chưa bao giờ nghĩ tới giây phút này. Thay vào đó, nàng nhớ cả thế giới đã trải rộng dưới chân mình, nắng và gió ve vuốt làn da nàng. *Để anh chụp cho em một kiểu nhé*, David nói, giọng nài nỉ, nàng quay ra thì thấy anh đã khom gối, chăm chú lấy nét để lưu giữ một khoảnh khắc không bao giờ thực sự tồn tại. Nàng đã đoán đúng về chiếc máy ảnh, và tự thấy hối hận vì chuyện đó. David, đam mê tới mức ám ảnh, đã xây hẳn một buồng tối để tráng phim trên ga ra.

David. Không hiểu sao càng ngày anh càng trở nên bí ẩn, nhưng cũng thân thuộc hơn trong mắt nàng như vậy? Anh đã bỏ lại một cặp khuy măng séc bằng hổ phách trên chiếc giá kê dưới mấy bức ảnh. Norah nhặt lên và nắm trong lòng bàn tay; lắng nghe tiếng đồng hồ tích tắc nhẹ nhàng trong phòng khách. Mấy viên đá ấm lên trong tay nàng, nàng thấy dễ chịu với cảm giác trơn mượt của chúng. Nàng tìm thấy đá ở khắp nơi, đá dồn từng nắm trong túi của David, đá rải rác trên bàn trang điểm, đá lẫn giữa các phong bì trong ngăn kéo bàn làm việc. Có đôi lúc nàng nhắc thấy bóng David và Paul ở sân sau, hai bố con chụm đầu vào nhau cùng xem một viên đá đẹp nào đó. Ngắm nhìn họ, trái tim nàng luôn rộng mở với một niềm hân hoan dè dặt. Những giây phút như thế rất hiếm hoi; David ngày càng bận rộn hơn. *Dừng lại đi, Norah rất muốn nói như vậy. Chỉ một lát thôi. Hãy dành chút thời gian. Con trai anh lớn nhanh chưa kìa.*

Norah bỏ cặp khuy măng séc vào túi và cầm ly rượu đi ra sân. Nàng đứng dưới cái tổ mồng tang như giấy, ngắm nhìn những con ong bay vo ve xung quanh tổ rồi biến vào trong. Thỉnh thoảng bị hấp dẫn bởi mùi rượu gin ngọt ngào, một con bay sát lại gần nàng. Nàng nhấp từng ngụm và ngắm nhìn. Từng thớ thịt, từng tế bào của nàng đều giãn ra theo một chuỗi phản ứng nhịp nhàng, tựa như nàng đang uống từng hớp hơi ấm của buổi ban ngày. Nàng uống nốt ly rượu, đặt chiếc ly trên lối xe vào nhà, rồi quay đi tìm đôi găng và mũ làm vườn, đi vòng qua chiếc xe đạp ba bánh của Paul. Thằng bé đã quá lớn để đi chiếc xe này; nàng nên đóng gói cất đi cùng với những món khác thì hơn: quần áo mặc hồi bé, những món đồ chơi cũ của nó. David không muốn có thêm đứa con nào nữa, và tới giờ, khi Paul bắt đầu đi học, nàng cũng đã thôi không còn đòi co với anh về vấn đề đó nữa. Thật khó mà tượng tưởng nổi nếu phải quay lại với khăn tã và những bữa ăn đêm cho con lúc hai giờ sáng, mặc dù nàng vẫn luôn khao khát được ôm một đứa trẻ nữa trong vòng tay: giống như Angela hồi sáng nay, hơi ấm và sức nặng của

con bé thật dễ chịu. Kay thật quá may mắn, vậy mà cô ta thậm chí còn không nhận thức được điều đó.

Norah xỏ găng và bước ra dưới nắng. Nàng không có chút kinh nghiệm nào với ong vò vẽ hay ong mật, trừ một lần nàng bị một con đốt vào ngón chân hồi tám tuổi, vết châm chỉ đau nhức trong một tiếng đồng hồ là tự khỏi. Khi Paul nhặt con ong đã chết từ sàn nhà lên và hét lên đau đớn, nàng không cảm thấy sợ hãi chút nào. Nàng nghĩ chỉ cần chườm đá lên chỗ sưng, rồi ôm thằng bé thật lâu trên xích đu trước hiên nhà; thế là ổn. Nhưng những nốt phồng rộp và mẩn đỏ nổi lên từ bàn tay nhanh chóng lan ra khắp người. Khuôn mặt thằng bé sưng húp híp, thế là nàng vội gọi David, giọng hoảng hốt. Anh biết ngay chuyện gì đang xảy ra, và phải tiêm cho thằng bé thuốc gì. Chỉ sau giây lát Paul đã có thể thở dễ dàng hơn. *Không sao đâu*, David nói. Quả có vậy thật, nhưng nàng vẫn phát ốm lên vì sợ. Nếu hôm đấy David mà không có nhà thì sẽ ra sao?

Nàng ngắm nghía những con ong trong vài phút, đầu chợt nghĩ tới những người biểu tình trên đời, tới thế giới bất ổn, mờ ảo. Nàng đã làm những gì mọi người trông đợi ở nàng, luôn là thế. Nàng đã vào đại học và nhận một công việc bình thường; rồi kết hôn suôn sẻ. Vậy mà kể từ khi các con ra đời – là Paul, tuột xuống cầu trượt với hai cánh tay vung vẩy, và Phoebe, vẫn hiện diện theo cách nào đó thông qua chính sự vắng mặt của mình, vẫn đến trong những giấc mơ, vẫn đứng ở góc khuất nào đó trong từng giây từng phút – Norah không còn có thể nhìn thế giới xung quanh bằng con mắt cũ nữa. Những mất mát khiến nàng thấy mình bất lực, và nàng chống lại nó bằng cách lấp đầy mỗi ngày nàng sống.

Giờ đây nàng chủ tâm nghiên cứu các dụng cụ. Nàng sẽ tự tay xử lý đám côn trùng này.

Chiếc cuốc cán dài nặng trĩu trên tay nàng. Nàng chậm chạp nâng nó lên rồi liều lĩnh phạt ngang cái tổ, lưỡi cuốc cắt rất ngọt qua lớp vỏ mỏng như giấy. Nàng thấy sợ, trước sức mạnh của đòn tấn công mở đầu. Nhưng khi nàng thu cuốc lại, những con ong vò vẽ, giận dữ và kiên quyết, tóa ra khỏi chiếc tổ rách nát và bay thẳng theo nàng. Một con châm vào cổ tay nàng, con khác đốt lên má. Nàng vút cuốc và chạy trốn vào nhà, sập mạnh cửa rồi đứng chống lưng lên đó, hỗn hển thở không ra hơi.

Phía bên ngoài, cả bầy ong bay lượn, kêu vo vo giận dữ quanh chiếc tổ vỡ. Vài con còn đậu lên bậu cửa sổ, lớp cánh mỏng khê phe phẩy. Đông đúc, giận dữ – chúng khiến nàng nhớ đến những sinh viên mà nàng trông thấy sáng hôm đó; khiến nàng nghĩ đến chính mình. Nàng vào trong bếp pha thêm một ly rượu nữa, xoa một ít rượu gin lên má và cổ tay, vết ong đốt ở hai chỗ này đã bắt đầu sưng lên. Vị rượu gin trong mát, lâng lâng, khiến một cảm giác êm dịu và ấm áp của sức sống cùng quyền lực lan khắp cơ thể nàng. Còn một tiếng nữa nàng mới phải đi đón Paul.

“Được rồi, lũ ong chết tiệt,” nàng nói to thành tiếng. “Giờ chúng mày sẽ biết tay.”

Có một lọ thuốc diệt côn trùng trong tủ quần áo, để phía trên áo khoác, giày và máy hút bụi – một cái máy Electrolux màu xanh ánh thép, mới nguyên. Norah nhớ lại lúc Bree gạt lọn tóc vương trên má. *Di máy hút bụi – cả cuộc đời mình chị chỉ muốn thế thôi sao?*

Norah đi được nửa đường tới chỗ cánh cửa thì chợt nghĩ ra một cách.

Những con ong còn đang bận bịu, chúng đã kịp bắt tay vào sửa sang chiếc tổ, và dường như không để ý đến Norah khi nàng bước ra ngoài, trên tay xách chiếc máy Electrolux. Nàng đặt nó trên lối xe vào nhà,

chiếc máy lọc lông và kỳ dị như một con lợn có nước da xanh ánh thép. Norah đi găng tay, đội mũ, mặc thêm áo khoác và quấn một chiếc khăn quanh mặt. Nàng cắm điện vào máy hút bụi rồi bật công tắc, để nó kêu rừ rừ một lúc, tiếng máy ngoài trời nghe êm lạ thường, sau đó nàng nhặt chiếc vòi hút lên. Thật liêu lĩnh, nàng gí mũi vòi vào phần tổ còn sót lại. Lũ ong kêu vo vo và bay tán loạn giận dữ – má và cánh tay nàng nằm trong đúng tầm ngắm của chúng – nhưng chúng nhanh chóng bị hút vào chiếc máy, tạo ra âm thanh lộp bộp như những hạt sỏi rơi trên nóc nhà. Nàng khua vòi hút trong không khí, nó giống như một chiếc đĩa thần vậy, gom hết sạch đám côn trùng giận dữ, xé vụn cả chiếc tổ. Chẳng mấy chốc nàng đã xử lý xong cả đàn. Nàng để máy tiếp tục chạy trong khi nghĩ cách để bao vòi hút lại; nàng không muốn những con ong cần cù và kiên tâm này thoát ra ngoài. Đó là một ngày nắng ấm áp, rượu khiến nàng thấy lâng lâng dễ chịu. Nàng cắm vòi phun xuống đất, nhưng chiếc máy bắt đầu kêu như quá tải. Bỗng nàng để ý thấy ống xả của chiếc ô tô: đúng rồi, vòi hút cắm vào đấy thì vừa in. Trong lòng cực kỳ thỏa mãn, phấn chấn với công việc vừa hoàn thành, Norah tắt công tắc máy và trở vào nhà.

Trong phòng tắm, ánh nắng tràn vào lênh láng qua những khung cửa mờ hơi nước, nàng cởi khăn mũ, ngắm mình trong gương. Đôi mắt lục thẳm, mái tóc vàng óng, khuôn mặt hốc hác vì lo lắng. Mái tóc dính bết và làn da đầm đìa mồ hôi. Một nốt rộp đỏ sưng tấy trên má nàng. Nàng khẽ cắn môi, tự hỏi David sẽ nghĩ gì khi nhìn thấy nàng trong bộ dạng này. Tự hỏi không hiểu mình thật sự là ai, tại sao trong chốc lát nàng lại gắng hết sức để làm vừa lòng Kay Marshall, ngay sau đó lại cố hòa nhập với đám bạn của Bree, rồi lái xe như điên ra bờ sông, và không đâu đem lại cho nàng cảm giác như nhà mình? David sẽ thấy mặt nào của con người nàng? Hay chỉ đơn giản là người phụ nữ nằm bên anh hàng đêm? Chính nàng, phải, nhưng không giống như nàng từng thấy. Và cũng chẳng giống như người phụ nữ mà anh đã từng thấy, cũng như cách nàng nhìn người đàn ông mình đã cưới làm

chồng mỗi tối khi anh về nhà, cẩn thận vắt chiếc áo vest lên lưng ghế tựa, và mở tờ báo chiều ra đọc.

Nàng lau khô tay và đi lấy đá chườm lên bên má bị sưng. Chiếc tổ ong treo lơ lửng, tả tơi và trống trải, dưới mái hiên ga ra. Chiếc Electrolux đứng chồm hồm trên lối xe vào nhà, nối với ống xả ô tô bằng cái vòi ruột xếp nếp dài lòng thòng, trông như chiếc dây rốn bạc lấp lánh trong nắng. Nàng tưởng tượng đến lúc David về nhà, tổ ong đã biến mất, sân sau được trang hoàng, một bữa tiệc được chuẩn bị hoàn hảo đến từng chi tiết. Anh sẽ ngạc nhiên lắm, nàng mong vậy, và hài lòng nữa chứ.

Nàng liếc đồng hồ. Đã tới giờ đi đón Paul. Bước xuống bậc thang ở cửa hậu, Norah dừng lại, lần tay vào túi để tìm chìa khóa nhà. Một tiếng ồn kỳ dị phát ra từ lối xe vào nhà khiến nàng ngước lên. Nghe như tiếng vo ve, mới đầu nàng còn cho rằng lũ ong sắp chạy thoát. Nhưng không trung xanh thắm vẫn trong veo, trống trải. Rồi tiếng vo ve chuyển thành tiếng lẹt xẹt, không khí sục lên mùi ozone, mùi dây điện cháy. Những thứ đó, Norah nhận biết có phần hơi chậm chạp, đều là từ chiếc máy Electrolux mà ra. Nàng rảo chân chạy xuống bậc thang. Khi chân nàng vừa chạm lớp nhựa đường, tay vẫn còn vung lên trong bầu không khí mùa xuân trong trẻo, bất thành linh chiếc máy Electrolux nổ tung và bắn ra xa, bay vèo qua thảm cỏ rồi đập mạnh vào hàng rào, bẻ gãy nguyên một thanh ván. Cái máy xanh rơi xuống giữa bụi đỗ quyên, khói cuộn lên từng đám đầu mỡ, rít lên như một con thú bị thương.

Norah cứng đờ người, hai tay vẫn sải rộng, tê liệt như trong những bức ảnh của David, cố gắng định thần xem chuyện gì đang xảy ra. Một mẩu ống xả đã bị giật tung khỏi xe. Vừa nhìn thấy nó, nàng đã hiểu: hơi xăng tích tụ trong ruột máy hút bụi vẫn còn nóng, khiến chiếc máy nổ tung. Norah nghĩ đến Paul, dị ứng với ong, một thằng bé có chất giọng trong như tiếng sáo, nếu khi đó thằng bé ở nhà, rất có thể nó đang đứng ngay trên đường bay của máy hút bụi.

Khi nàng còn đang mãi nhìn, thì một con ong chui ra từ chiếc ống xả bốc khói và bay đi.

Không hiểu sao, điều đó chẳng khác nào một giọt nước tràn ly đối với Norah. Nỗi nhọc nhằn của nàng, sự khéo léo của nàng, thế mà giờ đây, bất chấp tất cả, lũ ong sắp sửa trốn thoát. Nàng chạy qua bãi cỏ. Bằng một động tác nhanh nhẹn, không chút do dự, nàng mở chiếc máy Electrolux, xông vào giữa đám khói dày để lôi chiếc túi đầy bụi bẩn và côn trùng ra, vút nó xuống đất rồi giậm chân thành thịch lên như một vũ điệu hoang dại. Cái túi giấy bị rách một bên mép và một con ong rơi ra; bàn chân nàng di ngay lên con vật. Nàng đang chiến đấu vì Paul, nhưng cũng để hiểu chính bản thân mình nữa. *Chị ngại thay đổi*, Bree đã nói như vậy. *Sao chị không là chính mình đi? Là gì đây?* Norah phân vân suốt cả ngày. Là gì đây? Trước đây nàng từng biết: nàng đã là một đứa con ngoan, một sinh viên và một nhân viên trực tổng đài điện thoại đường dài, những vai trò nàng đã hoàn thành dễ dàng và tự tin. Rồi nàng cũng đã là một người vợ, một bà mẹ, và nhận ra rằng những từ ngữ ấy quá hạn hẹp để bao chứa hết những trải nghiệm nàng có.

Ngay cả sau khi lũ ong trong túi chắc chắn đã chết hết, Norah vẫn nhảy nhót trên đồng bụi nhùi, điên dại và hăng hái. Có điều gì đó đang diễn ra, điều gì đó đã thay đổi, bên ngoài kia và trong trái tim nàng. Đêm hôm đó, khi tòa nhà ROTC trong khuôn viên trường đại học bị thiêu rụi đến tận móng, ánh lửa rực cháy trong đêm xuân ấm áp, Norah sẽ mơ thấy ong vò vẽ và ong mật, những con ong nghệ to lớn hiền hòa bay là là giữa đám cỏ cao. Hôm sau nàng sẽ thay chiếc máy hút bụi mới mà không dả động gì về vụ tai nạn với David. Nàng sẽ hủy đơn đặt bộ lễ phục dùng cho bữa tiệc gây quỹ của Kay, nàng sẽ nhận công việc kia. Hấp dẫn, phải, và phiêu lưu, một cuộc sống của riêng nàng.

Tất cả sẽ xảy ra, nhưng trong khoảnh khắc này nàng không nghĩ tới điều gì khác ngoài chuyển động của bàn chân và chiếc túi dần chuyển thành một đồng dơ bẩn những cánh và vòi châm. Ở phía xa, đám đông

người biểu tình gào thét, âm thanh lớn dần lên, xuyên qua làn không khí mùa xuân trong lành đến tận nơi nàng đứng. Máu chảy giàn giụa hai bên thái dương nàng. Những gì đang xảy ra ở đó cũng đang xảy ra tại nơi đây, trong cái tĩnh lặng của mảnh sân sau, trong những khoảng không sâu kín nơi trái tim nàng: một sự bùng phát, theo cách nào đó khiến cuộc sống không còn như trước kia nữa.

Một con ong lượn vo vo gần những bụi đỗ quyên rực đỏ và giận dữ bay đi. Norah rời khỏi cái túi giấy nhão nhoẹt. Vừa mê muội, vừa tỉnh táo, nàng đi qua bãi cỏ, chìa khóa móc trên ngón tay. Nàng ngồi vào xe, như thể đó chỉ là một ngày như bao ngày khác, và phóng đi đón con.

II

“BỐ? BỐ ƠI?” Nghe tiếng Paul cùng những bước chân thoăn thoắt của thằng bé trên bậc thang ga ra, David rời mắt khỏi tấm giấy ảnh đã được phơi sáng mà anh vừa thả vào thuốc tráng phim.

“Guộm đã!” anh kêu lên. “Đợi đã, Paul.” Nhưng anh vừa kịp mở miệng thì cánh cửa đã bật mở, ánh sáng ủa vào khắp phòng.

“Chết tiệt!” David nhìn tấm giấy tối đen lại rất nhanh, những hình ảnh biến mất dưới luồng sáng bất ngờ. “Chết tiệt, Paul, chẳng phải bố đã nói với con hàng triệu triệu tỷ tỷ lần là không được vào phòng khi đèn đỏ sao?”

“Con xin lỗi. Con xin lỗi bố.”

David hít một hơi dài, cố kiềm chế. Paul mới có sáu tuổi, và khi đứng trên bậu cửa trông thằng nhóc bé bỏng làm sao. “Thôi không sao đâu Paul. Con vào đi. Bố xin lỗi đã quát con.”

Anh ngồi xổm xuống và dang rộng vòng tay, Paul lao vào ngay, ngã đầu lên vai David trong giây lát, món tóc lỏm chớm mới cắt của Paul cọ lên cổ David, vừa mềm mềm, vừa gai gai. Paul gầy nhưng rắn rỏi, khỏe mạnh, thằng bé di chuyển khắp nơi một cách hiếu động, nhẹ nhàng, thận trọng và đầy háo hức. David hôn lên trán con, hối hận vì phút cău giận vừa qua, sưng sờ ngấm xương bả vai của thằng bé, duyên dáng và hoàn hảo, rải rộng ra như đôi cánh dưới lớp da và những thớ cơ.

“Nào. Có chuyện gì quan trọng vậy?” anh hỏi, đoạn ngồi dựa ra sau, tì lên gót chân. “Chuyện gì quan trọng đến mức phá hỏng cả mấy bức ảnh của bố?”

“Bố, bố nhìn xem!” Paul nói. “Xem con tìm được gì này!”

Anh mở nắm tay bé tí của con ra. Vài miếng đá dẹt, những chiếc đĩa mỏng với một cái lỗ ở chính giữa, nằm trong lòng bàn tay nó, chỉ nhỏ cỡ chiếc khuy áo.

“Tuyệt quá,” David vừa nói vừa cầm một mảnh lên. “Con tìm ở đâu thế?”

“Hôm qua. Lúc con theo Jason đến nông trại của ông bạn ấy. Ở đó có một con lạch, phải coi chừng vì mùa hè năm ngoái Jason đã trông thấy cả một con rắn hổ mang, nhưng bây giờ trời lạnh quá rắn không ở được, nên bọn con đã lội vào rồi con tìm thấy mấy mảnh đá này ngay gần mép nước.”

“Chà.” David mân mê mảnh hóa thạch; nhẹ bằng và mỏng mảnh, phải tới hàng ngàn năm tuổi, được thời gian lưu giữ chính xác hơn bất cứ tấm ảnh nào. “Những mảnh hóa thạch này là một phần của một cây huệ biển đấy, Paul à. Con biết đấy, thời xa xưa, phần lớn Kentucky từng nằm dưới mực nước biển.”

“Thật à? Hay quá. Có ảnh ở trong cuốn sách về đá không bố?”

“Chắc có. Để bố dọn dẹp đã rồi bố con mình sẽ cùng xem. Làm sao kịp bây giờ?” anh nói, đoạn bước ra phía cửa buồng tối và ngó ra ngoài. Đó là một ngày mùa xuân đẹp trời, không khí thoáng đãng và ấm áp, hoa sơn thù du nở rộ xung quanh vườn. Norah đã bày bàn ăn và trải lên đó những tấm khăn rực rỡ. Nàng còn sắp cả đĩa và cốc uống rượu, ghế và khăn ăn, cùng những bình hoa. Một cây cột hoa [\(12\)](#), vốn là một cây dương hơi cong được trang trí mà thành, đặt giữa sân, những dải ruy băng sặc sỡ rủ xuống. Cũng do nàng tự tay làm. David đã đề nghị giúp đỡ, nhưng nàng từ chối. *Tránh ra đi*, nàng đã nói vậy. *Đó là điều tốt nhất anh có thể làm bây giờ*. Vậy là anh nghe lời.

Anh quay gót trở vào trong buồng tối, lạnh lẽo và kín đáo, với ánh đèn đỏ mờ đục và mùi hóa chất nồng nặc.

“Mẹ đang thay đồ,” Paul nói. “Con không được để người trần đâu.”

“Yêu cầu khó đây,” David ngắm nghía, rồi cất mấy chai keo và thuốc trắng ảnh lên một cái giá cao vượt hẳn tầm với của Paul. “Con vào nhà đi, nhé? Bố sẽ vào ngay. Rồi ta sẽ cùng tìm mấy bông huệ biển kia.”

Paul chạy xuống cầu thang; David thoáng thấy nó chạy ào qua bãi cỏ, tấm cửa lưới của căn nhà đóng sập lại sau lưng nó.

Anh rửa sạch mấy cái khay và dựng lên cho khô, rồi lấy phim ra khỏi chậu thuốc trắng và đổ dung dịch đó đi. Ở trong buồng tối thật là thanh bình, mát lạnh và yên tĩnh, anh đứng đó thêm vài giây rồi theo gót Paul. Ở bên ngoài, những tấm khăn trải bàn khế dọn lên theo từng cơn gió thoảng. Những giỏ con, kết bằng giấy và cắm đầy những hoa xuân, tô điểm thêm cho mỗi chiếc đĩa. Hôm qua, đúng ngày mùng một tháng Năm, Paul đã cầm những chiếc giỏ như thế sang các nhà hàng xóm, treo lên từng cánh cửa, rồi gõ cửa và chạy đi nấp để xem cảnh mọi người phát hiện ra chiếc giỏ. Đó là sáng kiến của Norah: nghệ thuật, sức sống và trí tưởng tượng của nàng.

Nàng đang ở trong bếp, đeo một chiếc tạp dề bên ngoài bộ đồ lụa màu san hô, đang dờ tay xếp mùi tây và cà chua bi lên đĩa thịt.

“Mọi thứ xong hết rồi à?” anh hỏi. “Ngoài kia bày biện đẹp quá. Anh giúp gì được không?”

“Anh thay đồ đi nhé?” nàng nói, mắt liếc đồng hồ rồi lấy khăn lau khô tay. “Nhưng giờ anh bê cái đĩa này để vào tủ lạnh dưới nhà được không? Nó đầy rồi. Cảm ơn anh.”

David đỡ lấy cái đĩa, chất thủy tinh mát rượi trong tay anh. “Cả một núi việc ấy nhỉ,” anh nhìn nàng. “Sao em không đặt đồ ăn?”

Anh có ý giúp nàng, nhưng Norah đã dừng bước trên đường ra cửa, cau mày lại.

“Bởi vì em thích làm,” nàng đáp. “Lên kế hoạch và nấu nướng – tất cả mọi việc. Bởi vì em cảm thấy rất dễ chịu khi làm ra những thứ đẹp đẽ từ những vật tầm thường. Em có rất nhiều năng khiếu,” nàng nói thêm, giọng lạnh băng, “dù anh có biết hay không.”

“Ý anh không phải vậy.” David thở dài. Đạo này họ giống như hai hành tinh quay xung quanh một mặt trời, không va chạm mà cũng chẳng tiến gần nhau hơn chút nào. “Ý anh là, sao em không nhờ ai phụ giúp? Thuê người nấu ăn chẳng hạn. Chúng ta hoàn toàn có thể lo được chi phí cơ mà.”

“Không phải vấn đề tiền nong,” nàng nói, rồi lắc đầu, và bước ra ngoài.

Anh cắt đĩa thức ăn rồi đi lên gác cạo râu. Paul bám theo anh, nó ngồi trên thành bồn tắm, vừa nói liến thoắng vừa gõ gót chân lên lớp men sứ. Thành bé yêu nông trại của ông Jason, nó đã giúp ông vắt sữa bò, còn ông Jason cho nó uống ít sữa, vẫn còn âm ỉ, và có vị của cỏ.

David lấy chiếc chổi lông mềm xoa đều xà phòng, vui vẻ lắng nghe. Lưỡi dao cạo trượt những đường rất êm và gọn ghẽ trên da anh, hất những đốm sáng lấp lánh lên trần nhà. Trong giây lát cả thế giới như dừng lại, bất động: không khí mùa xuân nhẹ nhàng, mùi hương xà phòng cùng giọng nói phấn khích của con trai anh.

“Bố đã từng vắt sữa bò rồi đấy nhé,” David nói. Anh lau khô mặt và với tay lấy chiếc áo sơ mi. “Hồi xưa bố có thể bắn tia sữa vào trứng miệng con mèo cơ.”

“Ông bạn Jason cũng làm được thế đấy! Con thích Jason lắm. Ước gì bạn ấy là anh trai con.”

David, vừa thất cà vạt, vừa ngắm hình ảnh Paul trong gương. Trong cái lặng im không hoàn toàn tĩnh tại ấy – vòi nước bồn rửa nhỏ tí tách, kim đồng hồ tích tắc khe khẽ – anh miên man nghĩ tới con gái mình. Cứ chừng vài tháng một lần, rà qua những thư từ gửi đến văn phòng, anh lại gặp một bức thư với nét chữ ngoằn ngoèo của Caroline. Những lá thư đầu đến từ Cleveland, còn đến giờ cứ mỗi phong bì lại đóng dấu của một bưu điện khác. Đôi khi Caroline gửi từ một số hòm thư bưu điện mới – luôn luôn là những địa điểm khác nhau, những thành phố cực kỳ đông đúc – và mỗi lần cô làm vậy, David lại gửi tiền. Họ chưa bao giờ hiểu rõ về nhau, vậy mà những lá thư cô gửi cho anh qua năm tháng ngày càng thêm phần thân thiết. Những lá thư gần đây nhất có lẽ vừa được xé ra từ chính nhật ký của cô, được bắt đầu bằng David thân mến hay chỉ đơn giản là David, những suy nghĩ của cô tuôn trào như thác lũ. Nhiều khi anh cố gắng vớt những lá thư đi mà không hề mở ra, nhưng rốt cuộc anh vẫn lục lại chúng từ trong thùng rác và đọc vội vã. Anh khóa kỹ chúng trong tủ hồ sơ đặt ở buồng tối để luôn biết chắc nơi cất. Để Norah không bao giờ tìm thấy.

Có một lần, cách đây cũng nhiều năm rồi, khi những lá thư đầu tiên tới tay anh, David đã lái xe thẳng một mạch tám tiếng liền đến Cleveland. Anh đi khắp thành phố suốt ba ngày trời, lùng sục khắp các danh bạ điện thoại, hỏi thăm từng bệnh viện. Ở bưu điện trung tâm anh đã chạm đầu ngón tay lên cánh cửa bằng đồng nhỏ xíu đánh số 621, nhưng ông trưởng bưu cục không chịu cho anh biết tên hay địa chỉ của chủ hộp thư. *Tôi sẽ đứng đây đợi vậy*, David nói, và người đàn ông nhún vai. Cứ việc, ông ta nói. *Tốt hơn hết là anh nên mang theo cả thức ăn nữa ấy. Phải nhiều tuần nữa may ra mới có người tới lấy thư.*

Cuối cùng, anh đã bỏ cuộc và quay về nhà, mặc kệ thời gian trôi qua, ngày nối ngày, khi Phoebe cứ lớn dần mà không có anh. Mỗi lần

gửi tiền, anh lại gửi kèm một mẫu giấy nhắn Caroline báo cho anh biết nơi cô sống, nhưng anh không ép cô, hay thuê một thám tử tư như cái ý định đôi lúc nảy sinh trong đầu anh. Anh tin mình muốn tìm ra cô. Anh tin rằng một khi anh làm được – một khi anh có thể sửa chữa mọi chuyện – anh có thể nói với Norah sự thật.

Anh tin tưởng tất cả những điều đó, anh thức dậy mỗi sáng và đi bộ đến bệnh viện. Anh tiến hành những cuộc phẫu thuật, chẩn đoán các bản chụp X-quang rồi về nhà, xén cỏ ngoài sân và chơi đùa với Paul; cuộc sống của anh đã viên mãn. Nhưng ngay cả thế, thì cứ độ vài tháng, không hiểu vì lý do gì, anh lại choàng tỉnh và nhận ra mình vừa mơ thấy Caroline Gill nhìn anh trân trối từ ngưỡng cửa phòng khám hay bên kia sân nhà thờ. Bừng tỉnh, run rẩy, anh mặc quần áo và đi xuống phòng làm việc hoặc ra buồng tối, ở đó anh soạn tài liệu hoặc thả ảnh vào chậu hóa chất, ngắm nhìn những hình ảnh hiện dần lên trên nền giấy trắng trơn.

“Bố, bố quên không tra mấy mẫu hóa thạch à,” Paul nói. “Bố hứa rồi mà.”

“À phải rồi,” David nói, giật mình trở về với thực tại, rồi chỉnh lại nút thắt cà vạt. “Phải rồi, con trai. Bố hứa mà.”

Hai bố con cùng nhau đi xuống căn phòng nhỏ dưới nhà và bày những cuốn sách quen thuộc ra bàn. Mẫu hóa thạch là một loại hoa huệ biển, là một phần của loài sinh vật biển có bề ngoài giống như một bông hoa. Những mảnh đá hình cúc áo xưa kia từng là những phiến đá góp phần tạo nên những cột trụ. Anh khẽ đặt tay lên lưng Paul, cảm nhận từng thớ thịt của thằng bé, thật ấm áp và sống động, cùng những đốt xương sống mảnh dẻ ẩn dưới làn da nó.

“Để con đem cho mẹ xem,” Paul nói. Thằng bé vơ hết các mẫu hóa thạch rồi chạy ào ra khỏi nhà qua cửa hậu. David rót một ly rượu và đến

đứng bên cửa sổ. Có vài người khách đã tới, đang đứng rải rác quanh bãi cỏ, cánh đàn ông mặc áo khoác xanh sẫm, các bà các cô lại như bông hoa xuân sắc sỡ trong những bộ đồ màu hồng, vàng rực, và lam nhạt. Norah len lỏi giữa đám đông, ôm hôn những người phụ nữ, bắt tay, giới thiệu mọi người. Khi David mới biết nàng, nàng rất ít nói, điềm tĩnh, khép kín, và thận trọng. Anh chưa từng tưởng tượng nổi là sẽ có khi thấy nàng như trong giờ khắc này, ham giao du và thoải mái, tổ chức hẳn một bữa tiệc do chính tay mình chuẩn bị đến từng chi tiết nhỏ nhất. Ngắm nhìn nàng, David bỗng thấy trong lòng tràn ngập một cảm giác tựa như là khao khát. Khao khát điều gì? Cuộc sống lẽ ra họ đã có, chắc vậy. Dường như Norah đang vui vẻ, nàng cười vang trên bãi cỏ. Tuy vậy David biết rằng thành công này sẽ là không đủ, dù chỉ cho một ngày. Đến tối nàng sẽ nghĩ ra việc gì khác, và nếu anh tỉnh dậy giữa đêm khuya, lướt tay trên đường cong tấm lưng nàng, hy vọng sẽ làm nàng giật mình, thì nàng sẽ cắn nhằn, giữ tay anh lại rồi quay đi mà không hề tỉnh ngủ.

Paul đang ngồi trên xích đu, bay cao tít lên trời xanh. Trên cổ thành bé là một sợi dây dài xâu mấy mảnh hóa thạch hoa huệ biển; chúng nảy lên rồi lại rơi xuống, nhảy nhót trên ngực thành bé, có lúc lại đập vào sợi dây treo xích đu.

“Paul,” Norah kêu lên, giọng nàng vang lên rành rõ dù ở ngoài trời. “Paul, bỏ ngay thứ ấy ra khỏi cổ con đi. Nguy hiểm lắm.”

David uống nốt hớp rượu và ra ngoài. Anh gặp Norah trên bãi cỏ.

“Đừng em,” anh nhẹ nhàng nói, đặt tay lên cánh tay nàng. “Con tự làm đấy.”

“Em biết. Em đã cho nó sợi dây. Nhưng nó đeo lúc khác cũng được. Nếu nó trượt chân ngã trong lúc chơi mà dây bị vướng, cái dây có thể siết cổ thành bé đấy.”

Nàng vô cùng căng thẳng; anh bèn thả tay xuống.

“Chắc không đâu,” anh nói, thầm ước mình có thể xóa đi những mất mát và những gì nó đã gây ra đối với cả hai người. “Norah, sẽ không có chuyện gì xảy ra với con đâu.”

“Anh làm sao biết được.”

“Kể cả thế, David nói đúng đấy, Norah.”

Tiếng nói phát ra từ sau lưng. Anh quay lại và thấy Bree, sự hoang dại, cảm xúc và vẻ đẹp của cô tràn qua nhà họ như một cơn gió. Cô mặc một chiếc váy mỏng nhẹ dành cho tiết xuân, dường như bồng bênh theo mỗi bước chân đi, và nắm tay một chàng thanh niên trẻ, thấp hơn cô: râu ria cạo sạch nhẵn, mái tóc hung hung đỏ, chân đi xăng đan và không cài khuy cổ áo.

“Bree, thật đấy, sợi dây có thể bị vướng và siết cổ thằng bé,” Norah khẳng định, nàng quay người lại.

“Nó đang chơi đu mà,” Bree dịu dàng nói với nàng trong khi Paul bay cao giữa trời, đầu ngả ra sau, ánh nắng rót lên khuôn mặt nó. “Chỉ xem xem, thằng bé vui chưa kìa. Đừng bắt nó xuống và làm nó lo lắng. David nói đúng đấy. Sẽ chẳng có chuyện gì đâu.”

Norah cố nở nụ cười. “Không à? Thế giới có thể sụp đổ. Chỉ mới hôm qua chính miệng em đã nói thế kia mà.”

“Nhưng đấy là ngày hôm qua,” Bree nói. Cô chạm vào tay Norah và họ nhìn nhau một lúc lâu, trong khoảnh khắc họ kết nối với nhau theo cách khiến tất cả những người khác đều bị gạt ra ngoài lề. David quan sát mà thấy lòng dâng trào khao khát, những kỷ niệm về em gái anh chợt ùa về, hai anh em trốn dưới gầm bàn bếp, hé nhìn qua những nếp

gấp của tấm vải dầu, cố nén cười. Anh nhớ mãi đôi mắt em, hơi ẩm trên cánh tay em, và niềm vui khi có em ở bên.

“Hôm qua có chuyện gì cơ?” David hỏi, gạt những ký ức qua một bên, nhưng Bree lờ đi, vẫn nói chuyện với Norah.

“Chị à, em xin lỗi,” cô nói. “Hôm qua mọi chuyện cứ rối tung hết cả lên. Em cư xử hơi quá.”

“Chị cũng xin lỗi,” Norah noi. “Chị rất mừng vì em vẫn đến chơi.”

“Hôm qua có chuyện gì? Em có mặt ở chỗ đám cháy hả Bree?” David lại hỏi. Anh và Norah đã tỉnh giấc giữa đêm khi nghe tiếng còi báo động, ngửi thấy mùi khói cay sè và thấy một khoảng sáng kỳ dị hắt lên bầu trời. Họ ra ngoài đứng bên cạnh những người hàng xóm trên bãi cỏ tối om im ắng, mắt cá chân ướt đẫm sương, trong khi đó, trong khuôn viên trường đại học, tòa nhà ROTC bốc cháy ngùn ngụt. Đã từ nhiều ngày nay các cuộc biểu tình trở nên gay gắt hơn, không khí căng thẳng bao trùm, vô hình nhưng hiện hữu, trong khi đó ở những làng mạc dọc sông Mê Kông, bom rơi đạn nổ và người dân chạy loạn, bế những đứa trẻ đã chết trên tay. Bên kia sông ở Ohio, bốn sinh viên đã thiệt mạng. Nhưng không một ai có thể tưởng tượng nổi chuyện này ở Lexington, Kentucky: một quả bom xăng rồi một tòa nhà chìm trong biển lửa, cảnh sát đổ ra khắp các tuyến phố.

Bree quay sang phía anh, mái tóc dài lúc lắc trên vai, và lắc đầu. “Không, em không có ở đó, nhưng Mark thì có.” Cô mỉm cười với chàng thanh niên đi cùng và đưa cánh tay thon dài khoác tay anh ta. “Đây là Mark Bell.”

“Mark đã từng chiến đấu ở Việt Nam,” Norah chêm vào. “Hiện giờ cậu ấy đang tham gia biểu tình phản chiến.”

“À,” David nói. “Một phần tử quá khích.”

“Em nghĩ là người biểu tình thì đúng hơn,” Norah chữa lại, rồi vẫy tay về phía bên kia bãi cỏ. “Kay Marshall kia,” nàng nói. “Xin lỗi mọi người một chút nhé?”

“Thế là người biểu tình hả,” David nhắc lại, anh nhìn Norah quay gót bước đi, gió lùa nhẹ nhẹ lên tay áo bộ đồ bằng lụa nàng mặc.

“Phải,” Mark đáp. Anh ta nói bằng giọng cố ý bốn cột bản thân, chất giọng quen quen khiến David nhớ tới giọng của bố anh, trầm và êm. “Cuộc đeo đuổi công bằng và công lý không ngừng nghỉ.”

“Cậu có mặt trên bản tin nữa,” David nói, lập tức nhớ ngay ra anh chàng. “Tối qua. Cậu có phát biểu vài lời. Chà. Chắc cậu rất vui mừng về đám cháy đó.”

Mark nhún vai. “Không vui. Không hối tiếc. Nó đã xảy ra, thế thôi. Chúng tôi vẫn phải tiếp tục.”

“David, sao anh hần học thế nhỉ?” Bree hỏi, đôi mắt xanh nhìn anh như đóng đinh.

“Anh không hần học,” David đáp, nhưng anh biết mình có cảm giác đó ngay cả khi nói ra. Anh cũng nhận ra mình bắt đầu nén bệt rồi kéo dài các nguyên âm, bị thôi thúc bởi một sức hút ngôn từ sâu thẳm bên trong, kiểu nói đã quá quen thuộc và hấp dẫn như nước chảy. “Anh chỉ đang thu thập tin tức, thế thôi. Quê cậu ở đâu?”

“Tây Virginia. Gần Elkins. Sao?”

“Chỉ tò mò thôi. Gia đình tôi từng sống ở đó.”

“Em không biết chuyện đó đấy, David,” Bree nói. “Em tưởng anh sinh ra ở Pittsburgh.”

“Gia đình anh từng sống gần Elkins,” David lặp lại. “Cũng lâu rồi.”

“Thật hả?” Ánh nhìn của Mark đối với anh đã bớt phần đề phòng.
“Nhà anh làm than à?”

“Thỉnh thoảng, vào mùa đông thôi. Gia đình tôi có một nông trại. Cuộc sống cũng khó khăn lắm, nhưng không vất vả bằng làm than.”

“Nhà anh giữ đất đai chứ?”

“Phải.” David nghĩ tới ngôi nhà anh đã không nhìn thấy gần mười lăm năm nay.

“Sáng suốt đấy. Ông già tôi ấy, ông ấy đã bán hết đất đai. Năm năm trước khi ông chết trong mỏ than, chúng tôi chẳng biết phải đi đâu. Chẳng có chỗ nào mà đi.” Mark cười chua chát và ngẫm nghĩ một lát.
“Anh đã từng quay lại đó chưa?”

“Cũng lâu lắm rồi tôi chưa về. Còn cậu?”

“Không. Sau khi rời Việt Nam tôi vào đại học. Morgantown, theo diện ưu tiên cho cựu binh. Cái cảm giác khi trở lại, lạ lắm. Tôi thuộc về nơi này, rồi không còn thuộc về nó nữa, không biết anh có hiểu ý tôi không. Khi ra đi, tôi không nghĩ là mình đang lựa chọn, vậy mà lại đúng như thế.”

David gật đầu. “Tôi hiểu,” David nói. “Tôi hiểu ý cậu mà.”

“Ừm,” Bree cất lời, sau hồi lâu im lặng. “Hai anh ở đây nhé. Em càng lúc càng thấy khát. Mark? David? Có ai muốn uống chút gì không?”

“Anh đi với em.” Mark nói, đoạn chìa tay ra với David. “Thế giới nhỏ quá, phải không? Rất vui được gặp anh.”

“David là một điều bí ẩn đối với tất cả mọi người,” Bree vừa nói vừa kéo anh ta đi. “Anh cứ hỏi Norah mà xem.”

David nhìn họ mất hút vào đám đông đang đi lại náo nhiệt. Một cuộc gặp gỡ bình thường, vậy mà anh lại cảm thấy bị kích động một cách kỳ dị, thấy mình bị bóc trần và thật mong manh, quá khư trần về như biển dâng. Mỗi sáng anh lại đứng hồi lâu trên bậc cửa văn phòng, ngắm nhìn thế giới giản dị sạch sẽ của mình: những dây dụng cụ xếp ngăn nắp, tấm vải trắng bong phủ trên bàn khám. Nhìn bề ngoài, anh là người thành công trên mọi phương diện, nhưng bản thân anh lại chưa bao giờ cảm thấy trọn vẹn niềm kiêu hãnh và sự an lòng như mình mong muốn. *Bố nghĩ là đã đến lúc rồi*, bố anh đã nói vậy khi sập cánh cửa xe tải và đứng trên vỉa hè kế trạm dừng xe buýt vào cái ngày David khăn gói đi Pittsburgh. *Bố nghĩ đây là lần cuối chúng ta trông ngóng tin con, con còn phải thắng tiến và nhiều thứ nữa phải lo. Con sẽ không có thời gian cho chúng ta nữa đâu*. Và David, đứng trên vỉa hè, những chiếc lá đầu mùa rụng rơi quanh anh, cảm thấy một nỗi tuyệt vọng sâu sắc, bởi vì ngay trong khoảnh khắc ấy, anh đã linh cảm thấy những gì bố anh nói sẽ trở thành sự thực: dù bản thân anh toan tính điều gì, dù anh có yêu họ đến đâu, cuộc đời anh cũng sẽ kéo anh đi xa dần.

“Anh vẫn ổn đấy chứ, David?” Kay Marshall hỏi. Cô ta tiến đến, tay ôm một bình hoa tulip màu hồng phớt, mỗi cánh hoa mỏng manh tựa mép lá gan. “Trông anh đảm chiêu thế.”

“À, Kay,” anh đáp. Cô ta khiến anh phần nào nghĩ tới Norah, có gì đó như sự cô đơn ẩn dưới vẻ ngoài trau chuốt cẩn thận của cô. Có lần, sau khi nốc rượu say mềm ở một bữa tiệc, Kay bám theo anh vào hành lang tối om, vòng tay quanh cổ anh và hôn anh. Giật mình, anh đã hôn lại cô ta. Giây phút đó đã qua lâu, và dù vẫn hay nhớ tới làn môi mát lạnh bất thần áp lên môi mình, nhưng mỗi lần nhìn thấy cô ta, David lại tự hỏi liệu nó đã thực xảy ra chưa. “Lúc nào trông cô cũng quyến rũ chết người, Kay ạ.” Anh giương mục kính lên nhìn cô. Cô nhoẻn miệng rồi cười vang và bước tiếp.

Anh bước vào bầu không khí mát lạnh của ga ra rồi đi lên gác, lấy chiếc máy ảnh trong tủ ra và lắp một cuộn phim mới. Giọng Norah vượt lên hẳn tiếng ồn ào của đám đông. Anh nhớ lại cảm giác trên làn da nàng khi anh chạm vào nàng sáng đó, đường cong mềm mại của sống lưng nàng. Anh nhớ khoảnh khắc nàng và Bree chia sẻ cùng nhau, họ thật sự gắn kết, hơn mọi mối dây tình cảm mà vợ chồng anh từng có. *Anh muốn*, anh thầm nghĩ, rồi quàng dây máy ảnh qua cổ. *Anh rất muốn*.

Anh đi quanh các bàn tiệc, cười và chào hỏi, bắt tay, né tránh mọi cuộc trò chuyện để có thể ghi lại những khoảnh khắc của bữa tiệc vào phim. Anh ngừng lại trước bình hoa tulip của Kay, ngắm thật gần, chợt thấy chúng thật sự rất giống đường nét mỏng mảnh của tế bào gan và hẳn sẽ rất thú vị nếu đóng khung hai bức hình chụp chúng và đặt cạnh nhau. Anh khám phá ra rằng bằng một cách bí ẩn nào đó, cơ thể chính là hình ảnh phản chiếu hoàn hảo của vạn vật. Anh chìm đắm trong đó, những âm thanh của bữa tiệc nhòa dần khi anh say sưa với những bông hoa, và anh bỗng giật mình khi nhận thấy bàn tay Norah đặt lên tay anh.

“Cất cái máy ảnh đi,” nàng nói. “Em xin anh. Đang tiệc tùng mà David.”

“Mấy bông hoa tulip đẹp quá,” anh dợm giọng, nhưng không tài nào giải thích được, anh không biết phải diễn tả lý do khiến những hình ảnh đó mê hoặc anh đến vậy.

“Đang bữa tiệc,” nàng lặp lại. “Anh có thể đứng ngoài mà chụp ảnh, nếu không thì tự lấy cho mình đồ uống và tham gia cùng mọi người.”

“Anh có rượu rồi,” anh phân bua. “Chẳng ai để ý đến việc anh chụp ảnh đâu, Norah.”

“Em để ý. Làm thế là bất lịch sự.”

Họ nói rất nhỏ, và giữa cuộc trao đổi Norah không ngừng mỉm cười. Trông nàng rất điềm tĩnh; vẫn gật đầu và vẫy tay với mọi người ở phía bên kia bãi cỏ. Ngay cả lúc ấy David vẫn có thể cảm thấy sự căng thẳng toát ra từ nàng, và cơn giận mà nàng đang cố kìm nén.

“Em đã phải vất vả bao nhiêu,” nàng nói. “Em đã cắt đặt mọi việc. Em chuẩn bị tất cả thức ăn. Thậm chí em còn phá cả tổ ong. Sao anh không chịu tận hưởng bữa tiệc đi?”

“Em dỡ tổ ong xuống lúc nào?” anh hỏi, cố tìm một chủ đề an toàn, mắt liếc nhìn mái hiên ga ra đã sạch trơn.

“Hôm qua.” Nàng giơ cổ tay ra, vết sưng tấy lên đỏ đỏ. “Em không muốn anh hay Paul bị dị ứng thêm một lần nào nữa.”

“Bữa tiệc đẹp lắm,” anh nói. Trong cơn bốc đồng, anh đưa cổ tay nàng lên môi và dịu dàng hôn lên chỗ ong đốt. Nàng nhìn anh, đôi mắt mở to ngạc nhiên và lấp lánh niềm vui, rồi rút tay lại.

“David,” nàng kêu lên khe khẽ, “trời đất, không phải ở đây. Không phải lúc đâu anh.”

“Bố, bố ơi,” Paul gọi to, David nhìn quanh, cố xác định xem con mình ở đâu. “Bố, mẹ, xem con này. Xem con này!”

“Thằng bé ở trên cây sấu,” Norah kêu lên, mắt tối sầm lại, chỉ tay sang bên kia bãi cỏ. “Kia, ở trên kia, thằng bé leo đến lưng chừng rồi. Sao nó làm được thế nhỉ?”

“Anh cá là thằng bé bám xích đu leo lên. Ê này!” David gọi, đoạn vẫy tay với thằng bé.

“Xuống ngay đi con!” Norah gọi. Rồi nàng quay sang David, “Nó làm em lo quá.”

“Trẻ con mà em,” David nói. “Trẻ con thích leo cây. Nó không sao đâu.”

“Mẹ ơi! Bố ơi! Cứu con với!” Paul gào to, nhưng khi họ ngược lên nhìn thì thằng bé lại cười ngặt nghẽo.

“Anh có nhớ lần nó làm thế ở tiệm tạp hóa không?” Norah hỏi. “Anh có nhớ hồi mới tập nói, nó cũng hay kêu cứu khi đứng giữa cửa hàng không? Mọi người đã nghĩ là em bắt cóc nó.”

“Nó cũng từng làm thế ở phòng khám mà,” David nói. “Em nhớ không?”

Họ cùng cười vang. David cảm thấy lòng tràn ngập niềm vui.

“Anh cất máy ảnh đi nhé,” nàng nói, bàn tay đặt trên cánh tay anh.

“Rồi,” anh đáp. “Để anh cất đi.”

Bree lang thang quanh cây cột hoa và nhặt một dải dây ruy băng hồng tím lên. Một vài người khác thấy có vẻ thú vị, bèn tham gia trò chơi của cô. David quay gót trở lại ga ra, mắt ngắm nhìn những đầu ruy băng tung bay dập dờn. Anh nghe thấy tiếng lá cây thốt nhiên lay động, và một cành cây gãy rắc rất to. Anh thấy Bree giơ hai tay lên, dải ruy băng tuột khỏi ngón tay khi cô vói lên cao. Một khoảng im lặng kéo dài dằng dặc, rồi Norah thét lên. David quay lưng lại vừa đúng lúc Paul ngã bịch xuống đất, rồi khễ nẩy lên, lưng chạm đất, chiếc vòng cổ xâu mảnh hóa thạch huệ biển vỡ vụn, những mảnh đá quý giá rơi vãi trên mặt đất. David xô đẩy khách khứa chạy đến, và quỳ gối xuống bên con. Đôi mắt sẫm của Paul tràn đầy nỗi sợ hãi. Thằng bé túm chặt lấy tay David, cố gắng thở.

“Không sao đâu,” David nói, rồi vuốt nhẹ lên trán Paul. “Con bị ngã từ trên cây xuống nên thấy khó thở thôi, không sao đâu. Thả lỏng người

đi con. Hít một hơi đi. Con sẽ ổn thôi mà.”

“Con có sao không anh?” Norah hỏi, quỳ xuống bên thằng bé, nàng vẫn bận bộ đồ màu san hô. “Paul, con yêu, con có sao không?”

Paul thở hổn hển và ho húng hắng, nước mắt ầng ậng dâng lên mắt thằng bé. “Tay con đau quá,” nó cất tiếng, khi bắt đầu nói trở lại được. Người nó tái nhợt, một đường tĩnh mạch xanh mảnh hằn trên trán, David đoán được ngay thằng bé đang gắng hết sức để không khóc. “Tay con đau lắm.”

“Tay nào hả con?” David hỏi bằng giọng bình tĩnh nhất có thể. “Con chỉ cho bố xem nào.”

Đó là tay trái, và khi David thận trọng nhấc cánh tay này lên, đỡ lấy khuỷu tay và cổ tay, Paul hét lên đau đớn.

“David!” Norah kêu lên. “Tay con có bị gãy không?”

“Ừm, anh cũng không chắc,” anh bình tĩnh đáp, mặc dù khá chắc chắn cánh tay đã gãy. Anh nhẹ nhàng đặt cánh tay Paul lên ngực nó, rồi đặt tay lên lưng Norah để xoa dịu vợ. “Paul, bố sẽ bế con lên. Bố sẽ bế con ra xe. Rồi chúng ta đến phòng khám của bố nhé? Bố sẽ chỉ cho con xem tia X.”

Chậm rãi, nhẹ nhàng, anh bế Paul lên. Con trai anh nằm trên tay thật nhẹ. Khách khứa rẽ ra cho anh bước qua. Anh đặt Paul vào ghế sau, lấy một chiếc chăn trong cốp xe và quấn quanh người nó.

“Em đi cùng hai bố con,” Norah vừa nói vừa ngồi vào ghế trước bên cạnh anh.

“Còn bữa tiệc thì sao?”

“Còn rất nhiều thức ăn và rượu,” nàng đáp. “Họ chỉ cần tự tìm lấy thôi.”

Họ lái đi trong bầu không khí xuân rạng rỡ thẳng hướng bệnh viện. Thỉnh thoảng Norah vẫn hay trêu chọc anh về đêm nàng sinh, cách anh lái xe chậm và máy móc thế nào qua những con phố vắng tanh, nhưng đến hôm nay anh cũng không tài nào ép nổi mình tăng tốc.

Họ lái xe qua tòa nhà ROTC vẫn còn âm ỉ cháy. Làn khói bốc lên như những dải đăng ten tối màu. Những cây sơn thù du đang vào độ nở hoa, cánh hoa nhàn nhạt và mỏng mảnh nổi bật trên nền những bức tường đen kịt.

“Thế giới đang vỡ ra từng mảnh, cảm giác đúng là như vậy,” Norah khẽ nói.

“Không phải lúc này, Norah.” David liếc nhìn Paul qua gương chiếu hậu. Thành bé im lặng, không phản nản nửa câu, nhưng nước mắt chảy dài trên hai gò má nhợt nhạt của nó.

Đến phòng cấp cứu, David dùng ảnh hưởng của mình để đẩy nhanh thủ tục nhập viện và chụp X-quang. Anh đỡ Paul nằm lên giường, để Norah đọc cho thành bé những mẩu chuyện trong một cuốn sách nàng chộp lấy nơi phòng chờ, rồi đi lấy bản chụp X-quang. Khi nhận bản chụp từ tay kỹ thuật viên, anh thấy tay mình run lên, anh đi dọc hành lang yên tĩnh đến kỳ lạ trong buổi chiều thứ Bảy đẹp đẽ, tới thẳng văn phòng của mình. Cánh cửa đóng sập lại sau lưng, trong khoảnh khắc David đứng đơn độc trong bóng tối, cố gắng trấn an bản thân. Anh biết những bức tường sơn màu xanh biển nhạt, mặt bàn gỗ ngang giấy tờ. Anh biết những dụng cụ, bằng thép và crôm, sắp thành hàng trên khay bên dưới chiếc tủ ốp kính mặt tiền. Nhưng anh không nhìn thấy chúng. Anh đưa tay lên và áp lòng bàn tay vào mũi, ngay cả ở khoảng

cách gần đến thế anh cũng không nhìn thấy những thớ thịt của mình, chỉ có thể cảm thấy mà thôi.

Anh rờ rẫm công tắc đèn; nó bật lên ngay khi anh chạm tới. Một tấm bảng gắn trên tường rung lên rồi tràn ngập ánh sáng trắng khiến mọi vật trông đều có màu nhợt nhạt. Trên nền sáng đó là những tấm phim âm bản anh rửa tuần trước: một seri ảnh chụp tĩnh mạch người, được chụp liên tục, với độ sáng giảm dần từng chút một, độ tương phản cũng thay đổi rất tinh tế qua từng bức ảnh. Điều khiến David vô cùng phấn khích là sự chuẩn xác mà anh đã đạt tới, và trông những bức ảnh như không phải là hình chụp bộ phận trên cơ thể con người mà giống như một vệt sét chạy thẳng xuống mặt đất, như những dòng sông trôi lững lờ, như những đợt sóng trào nơi biển cả.

Tay anh run run. Anh cố ép mình hít mấy hơi thật sâu, rồi gỡ những tấm phim âm bản xuống và kẹp bản chụp X-quang của Paul lên. Những đốt xương nhỏ bé của con trai anh, cứng cáp nhưng cũng rất mỏng mảnh, nổi bật hẳn lên với một sự sắc nét ma quái. David lần đầu ngón tay theo những hình ảnh tràn ngập ánh sáng. Đẹp quá, xương cậu con trai bé bỏng của anh, tuy mờ đục nhưng hiển hiện ngay đây như thể được lấp đầy trong ánh sáng, những hình ảnh mờ ảo bỗng bình trong bóng tối phòng làm việc, vừa mạnh mẽ vừa mong manh tựa như hai nhánh cây bện xoắn vào nhau.

Chấn thương khá rõ ràng: xương trụ chỗ khuỷu và xương quay gãy rời. Những đốt xương này chạy song song với nhau; nhưng chỗ nguy hiểm nhất cũng chính là ở đó, khi lành lại, hai xương này có thể bị dính vào nhau.

Anh bật chiếc đèn trên đầu và quay lại hành lang, mông lung nghĩ về thế giới tuyệt đẹp bên trong cơ thể người. Rất nhiều năm trước, trong một cửa hiệu bán giày ở Morgantown, trong khi bố anh thử một đôi ủng lao động và nhăn mặt trước mức giá thì David lại đứng trên cái

máy chụp X-quang bàn chân, khiến những ngón chân bình thường biến thành những hình hài ma quái, bí ẩn. Mê mẩn, cậu bé ngắm nghía những đường sáng, vòng sáng mờ ảo phản ánh chính ngón chân, gót chân của cậu.

Dù sau nhiều năm trời anh mới nhận ra, nhưng đó thực sự là một khoảnh khắc quyết định. Rằng có những thế giới khác, chưa được nhìn thấy, chưa được biết tới, thậm chí nằm ngoài sức tưởng tượng, lại là những điều anh sẽ khám phá. Trong mấy tuần tiếp đó, khi ngắm nai chạy chim vỗ cánh, lá rung rinh và cỏ chạy vọt lên từ dưới bụi cây David đều ngắm thật kỹ, cố gắng nhìn thấy cấu trúc xương bên trong của chúng. Và June – ngồi trên bậc thềm, lặng lẽ lột vỏ đậu hay tẽ ngô, hai bờ môi hé ra chăm chú – anh cũng ngắm cả cô bé nữa. Vì em vừa giống anh lại vừa không giống anh, và điều gì phân biệt giữa hai anh em vẫn còn là một bí ẩn lớn.

Em gái của anh, em yêu gió, em cười với nắng nhảy nhót trên khuôn mặt mình và không sợ rắn. Em chết khi mới mười hai tuổi, và giờ đây em đã là hư vô, chỉ còn trong ký ức yêu thương – đã không còn gì, ngoài một nắm xương tàn.

Và con gái anh, sáu tuổi, đang bước đi ngoài kia, nhưng anh không biết đến.

Khi anh quay lại, Norah đang ôm Paul trong lòng, mặc dù thằng bé đã hết cái tuổi để được ôm ấp kiểu ấy, nó khó khăn ngả đầu trên vai nàng. Cánh tay thằng bé run rẩy trong cơn co giật nhẹ do chấn thương.

“Có phải gãy xương không anh?” nàng hỏi ngay.

“Phải, anh sợ là thế,” David đáp. “Em ra xem đây này.”

Anh kẹp mấy bản chụp X-quang lên bàn đèn và chỉ vào những đường tối của vết nứt.

Bộ xương trong tủ, như mọi người vẫn nói, và khô như xương, và Tôi cần bàn với anh một vấn đề rất xương xẩu. Nhưng thật ra xương là vật thể sống; chúng tự sinh trưởng và hàn gắn; những phần bị gãy rời có thể tự liền lại.

“Em đã dè chừng lũ ong kỹ đến thế cơ mà,” Norah vừa nói vừa giúp anh đỡ Paul nằm lên bàn khám. “Mấy con ong vò vẽ ấy. Em đã đỡ cả tổ, và giờ thì thế này đây.”

“Tai nạn thôi mà,” David nói.

“Em biết,” nàng đáp, gần như bật khóc. “Thì mới là vấn đề.”

David không đáp. Anh đã lấy đủ các dụng cụ cần thiết, giờ anh chỉ tập trung vào bó bột. Đã từ lâu anh không động tay vào việc này – thường anh chỉ nắn xương vào đúng chỗ và để y tá lo phần việc còn lại – như thế thì dễ chịu hơn. Cánh tay Paul nhỏ và lớp bột bó ngoài dày dần lên, trắng phớt như một cái vỏ sò bị tẩy màu, sáng lóa và hấp dẫn chẳng khác nào một tờ giấy. Chỉ vài ngày nữa nó sẽ ngả sang màu xám nhạt, rồi chỉ chút những hình vẽ vui nhộn của trẻ con.

“Ba tháng,” David nói. “Sau ba tháng con sẽ được tháo bột.”

“Thế thì hết cả mùa hè rồi còn gì,” Norah nói.

“Thế còn các giải đấu mini?” Paul hỏi. “Bơi nữa?”

“Không bóng chày,” David đáp. “Không cả bơi luôn. Bố rất tiếc.”

“Nhưng Jason với con đã lên kế hoạch tham gia giải Little League rồi mà.”

“Bố rất tiếc,” David đáp, còn Paul thì khóc thút thít.

“Anh có nói sẽ không xảy ra chuyện gì,” Norah nói, “thế mà thằng bé bị gãy tay. Thế đấy. Biết đâu còn có thể là cổ nó. Lưng nó.”

David bỗng cảm thấy vô cùng mệt mỏi, một phần anh thấy đau lòng vì Paul, phần khác bức bối vì Norah.

“Chuyện đó đã có thể xảy ra, phải rồi, nhưng chưa hề. Thế nên em hãy thôi đi. Được chứ? Thôi ngay đi, Norah.”

Paul nín thít và chăm chú nghe ngóng, đề phòng trước giọng điệu thay đổi của bố mẹ. David tự hỏi Paul sẽ nhớ lại ngày hôm nay như thế nào? Cứ nghĩ tới việc con trai mình dấn bước vào một tương lai chẳng lấy gì làm chắc chắn, bước vào một thế giới nơi ai cũng có thể tham gia biểu tình và rồi ngã xuống với một viên đạn găm trên cổ, David thấy cảm thông với nỗi lo sợ của Norah. Nàng nói đúng. Bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Anh đặt tay lên đầu Paul, món tóc húi cua cọ vào lòng bàn tay anh gai gai.

“Bố ơi, con xin lỗi,” Paul nói, giọng lí nhí. “Con không cố tình làm hỏng mấy tấm ảnh đâu.”

Sau một giây lúng túng, David mới nhớ ra cách đây mấy tiếng anh đã găm lên khi đèn phòng tối đồng loạt bật sáng, Paul đứng đó tay vẫn còn đặt trên công tắc, sợ đến cứng đờ cả người.

“À, không. Không, con ạ. Bố không giận chuyện đó đâu, con đừng lo.” Anh vuốt lên má Paul. “Chuyện mấy tấm ảnh chẳng có gì đâu. Sáng nay bố mệt quá thôi mà. Con hiểu không?”

Paul di di ngón tay dọc lớp bó bột.

“Bố không định làm con sợ đâu,” David đáp. “Bố không giận đâu mà.”

“Con nghe thử ống nghe được không?”

“Được chứ.” David gài hai cái ống nghe màu đen vào tai Paul rồi ngồi xổm xuống. Anh áp miếng đĩa kim loại mát lạnh lên tim mình.

Qua khوة mắt anh có thể thấy Norah đang dõi theo hai bố con. Rồi khỏi bữa tiệc vui vẻ, nàng đem theo nỗi u buồn của mình như một hòn đá đen vẫn nắm chặt trong tay. Anh khao khát được an ủi nàng, nhưng không biết phải nói gì. Anh ước mình có thể nhìn xuyên thấu trái tim con người: trái tim Norah và cả trái tim anh.

“Anh chỉ mong sao em được hạnh phúc hơn,” anh nói khẽ. “Anh ước gì mình có thể làm điều gì đó.”

“Anh không phải lo đâu,” nàng đáp. “Không phải lo cho em.”

“Không ư?” David hít một hơi thật sâu, sâu đến mức chính Paul cũng có thể nghe thấy luồng khí bị hút vào.

“Không. Em vừa nhận một công việc hôm qua rồi.”

“Một công việc?”

“Phải. Một công việc rất tốt.” Rồi nàng nói cho anh nghe tất cả về công việc đó: tại một đại lý du lịch, tất cả các buổi sáng. Nàng sẽ về kịp lúc đón Paul ở trường. Nghe nàng nói, David có cảm tưởng như nàng đang bay xa khỏi vòng tay anh. “Em tưởng như đã phát điên,” Norah nói bằng thứ giọng chì chiết khiến anh sững sờ. “Phát điên vì có quá nhiều thời gian. Đây sẽ là một chuyện tốt.”

“Thôi được,” anh nói. “Cũng tốt thôi. Nếu em mong có một công việc đến thế, thì cứ làm đi.” Anh cù Paul và giờ tay với lấy chiếc ống nghe. “Đây nhé,” anh nói. “Nhìn vào tai bố xem nào. Xem bố có để quên con chim nào trong đó không.”

Paul cười, và chất kim loại mát lạnh áp lên dái tai anh.

“Em biết là anh sẽ không thích mà,” Norah nói.

“Ý em là sao cơ? Anh đã bảo em nhận việc rồi mà.”

“Ý em nói là cách anh nói cơ. Anh cứ thử nghe mà xem.”

“Chà, vậy em muốn sao đây?” anh nói, cố gắng giữ giọng điềm tĩnh, vì Paul. “Khó mà không cảm thấy những lời này có tính tiêu cực lắm.”

“Chỉ tiêu cực nếu liên quan đến anh thôi,” nàng đáp. “Đấy là điểm anh vẫn chưa hiểu. Nhưng nó không liên quan đến anh. Vấn đề ở đây là tự do. Vấn đề là em nên có cuộc sống cho riêng mình. Em chỉ mong sao anh có thể hiểu cho em.”

“Tự do?” anh nói. Hẳn nàng đang ám chỉ em gái mình, anh đoán chắc là thế. “Em nghĩ có ai được tự do không, Norah? Em có nghĩ anh tự do không?”

Im lặng rất dài, và anh cảm thấy nhẹ nhõm khi Paul phá tan bầu không khí ấy.

“Chẳng có con chim nào cả, bố ạ. Toàn là hươu cao cổ thôi.”

“Thật hả? Bao nhiêu con?”

“Sáu.”

“Sáu con! Cha chả! Con xem nốt tai kia xem.”

“Có voi trong lỗ tai mất rồi,” David nói, rồi lấy lại chiếc ống nghe. “Ta phải về nhà ngay mới được.” Anh cố nở một nụ cười, rồi ngồi xổm xuống nhắc Paul lên, cùng cái tay bó bột. Khi anh cảm nhận được sức nặng của con trai mình, hơi ấm của cánh tay trần lạnh lặn vòng quanh cổ anh, David lại thả mình trong suy tư, tự hỏi liệu cuộc sống của họ sẽ ra sao nếu sáu năm trước anh quyết định làm khác đi. Tuyết đã rơi và

anh đứng trong im lặng, hoàn toàn đơn độc, rồi trong một thời khắc quan trọng anh đã tự quyết mọi việc. *David*, Caroline Gill đã viết trong bức thư mới nhất gửi cho anh, *giờ tôi đã có bạn trai. Anh ấy rất tốt, còn Phoebe vẫn khỏe; con bé rất thích đuổi bướm và hát.*

“Anh mừng vì em đã có việc,” anh nói với Norah trong lúc họ đứng ngoài hành lang chờ thang máy. “Anh không muốn tỏ ra khó khăn. Nhưng anh không tin là chuyện này không có dính dáng gì tới anh.”

Nàng thở dài. “Không,” nàng đáp. “Anh không chịu tin, phải không?”

“Thế nghĩa là sao?”

“Anh cứ cho mình là cái rốn của vũ trụ,” Norah nói. “Là điểm bất biến mà mọi vật khác phải xoay quanh.”

Họ thu nhặt tư trang và bước vào thang máy. Bên ngoài thời tiết vẫn dễ chịu, ngày ngả chiều muộn, trời trong và đầy nắng rực rỡ. Khi họ về đến nhà, khách khứa đã ra về hết. Chỉ còn lại Bree và Mark, khệ nệ bê những đĩa đầy thức ăn vào nhà. Những dải ruy băng treo trên cây cột hoa bay phất phơ trong gió. Chiếc máy ảnh của David nằm trên bàn, mấy mảnh hóa thạch của Paul xếp gọn gàng ngay cạnh đó. David dừng bước, ngắm nhìn bãi cỏ rải rác ghế. Đã từng có thời, cả vùng đất này chìm ngập dưới một biển nước nông. Anh bế Paul vào nhà và đi lên gác. Anh lấy cho nó một cốc nước cùng một viên aspirin vị cam nhai được mà thằng bé vẫn thích rồi ngồi bên nó trên giường, cầm bàn tay nó. Nhỏ quá, bàn tay này, thật ấm áp và tràn đầy sức sống. Nhớ đến hình ảnh những đốt xương của Paul tràn ngập trong ánh sáng, David bỗng thấy dâng tràn một cảm xúc sùng sờ. Đó là những gì anh vẫn khao khát ghi lại trong từng thước phim: những khoảnh khắc hiếm hoi khi vạn vật dường như thu về một mối, gắn bó, mỗi vật đều được bao chứa trong một dáng hình thoáng hiện. Một điều giản dị giúp náu giữ mọi nét đẹp, hy vọng và chuyển động – như một bài thơ bằng bạc, cũng

giống như cơ thể chính là một bài thơ kết thành từ máu thịt và xương vậy.

“Bố ơi, bố kể chuyện đi,” Paul nói, David bèn nằm xuống giường, vòng tay ôm Paul, giở quyển Câu George hiếu kỳ, đoạn cậu bé phải nằm trong bệnh viện với cái chân gãy. Dưới nhà, Norah đi khắp các phòng để dọn dẹp. Cánh cửa lưới mở ra rồi đóng lại, mở ra rồi đóng lại. Anh tưởng tượng nàng bước qua khung cửa ấy, mặc bộ vest, hướng tới công việc mới của mình và một cuộc sống không có bóng dáng anh. Trời đã ngả chiều muộn, ánh sáng vàng rực tràn ngập căn phòng. Anh lật từng trang và ôm chặt Paul, cảm nhận rõ hơi ấm, hơi thở đều đặn của nó. Một làn gió nhẹ khẽ lay động những tấm rèm. Bên ngoài, cây sơn thù du như một đám mây sáng nổi bật lên trên nền đen sẫm của hàng rào. David ngừng đọc, ngắm những cánh hoa trắng rồi càn chao xuống. Anh thấy nhẹ lòng và cả rối bời bời chính vẻ đẹp của chúng, anh cố hết sức để xua đi cảm giác rằng, từ đây nhìn lại, trông chúng chẳng khác nào những bông tuyết.

Tháng Sáu Năm 1970

“TRỜI ĐẤT, PHOEBE CHẮC CHẮN THỪA HƯỞNG MÁI TÓC CỦA em đấy,” Doro ngấm nghĩa.

Caroline sờ lên gáy, xem có đúng thế không. Họ đang ở mạn Đông Pittsburgh, trong một khu nhà máy cũ đã được xây lại thành một nhà trẻ hiện đại. Ánh sáng chiếu qua khung cửa sổ dài, hắt những đốm sáng và hình thù kỳ dị lên mặt sàn ốp ván; nắng chiếu sáng những vệt màu hung vàng trên bím tóc mỏng dính của Phoebe khi con bé đứng trước cái thùng gỗ lớn, xúc những hạt đậu lăng đổ vào lọ. Sáu tuổi, con bé trông thật mũm mĩm, với hai đầu gối lôm xuống và nụ cười hớn hở. Mắt nó hình quả hạnh nhân tinh tế, xéch lên nâu sẫm. Hai bàn tay nó nhỏ xíu. Sáng nay nó mặc váy kẻ sọc hồng trắng, do chính nó chọn và tự mặc lưng ra trước ngực đằng sau. Con bé mặc cả áo len hồng, đây là nguyên nhân của cả một cơn thịnh nộ lúc ở nhà. *Chắc chắn con bé thừa hưởng cái nét bản gắt của cô đấy.* Leo, tính đến nay đã mất gần một năm trời, rất thích càu nhàu như thế, và Caroline lần nào cũng sống sờ: không phải vì ông đã nhìn ra một sự liên hệ về nơi chẳng thể có mối liên hệ nào mà bởi ai có thể nói cô là một người phụ nữ bản gắt cho được.

“Chị nghĩ vậy sao?” cô hỏi Doro, tay luồn vào lọn tóc sau tai. “Chị nghĩ tóc con bé giống tóc em à?”

“Ồ, phải. Chắc chắn đấy.”

Phoebe thọc sâu tay xuống lớp đậu mìn như lụa, cười khanh khách với một thằng bé đứng bên cạnh. Nó vốc lên những nắm to và để đậu rơi qua kẽ tay còn thằng bé giờ một cái ca nhựa màu vàng ra hứng lấy.

Đối với những đứa trẻ khác trong nhà trẻ này Phoebe đơn giản là chính nó, một cô bé thích màu xanh dương, kem que và xoay vòng tròn; ở đây, những điểm khác biệt của nó chẳng bị ai để ý. Trong những tuần đầu tiên Caroline rất cảnh giác, cố gồng mình đón những lời bình phẩm cô đã nghe đến nhàm tai, ở trên sân chơi, trong tiệm tạp hóa, tại phòng khám. *Sợ thật đấy! Trời đất, chị đang phải sống như ác mộng ấy nhỉ.* Và có một lần thì, *Dù sao con bé cũng chẳng sống lâu đâu mà –* may phước. Hoặc vô tâm, hoặc ngu dốt, hoặc tàn nhẫn, thấy đều chẳng đáng kể gì, qua năm tháng những lời bình phẩm kiểu đó đã tạo thành vết chai trong tim Caroline. Nhưng ở đây các cô giáo đều trẻ trung và nhiệt tình, các ông bố bà mẹ đều âm thầm noi gương các cô: Phoebe có thể phải vật lộn vất vả hơn, tiến bộ chậm hơn, nhưng như bao đứa trẻ khác, nó vẫn luôn học hỏi.

Những hạt đậu rơi vung vãi trên sàn khi thằng bé vút cái gàu xúc và chạy vào sảnh. Phoebe cũng chạy theo, bím tóc tung bay, thẳng hướng căn phòng sơn màu xanh lục nơi có những giá vẽ và hộp màu.

“Nơi này tốt cho con bé thật,” Doro nói.

Caroline gật đầu. “Em ước sao bộ Giáo dục được nhìn thấy con bé ở đây.”

“Em có luận điểm thuyết phục, và một luật sư giỏi. Em sẽ ổn thôi.”

Caroline liếc nhìn đồng hồ. Tình bạn của cô với Sandra đã nảy nở thành một lực lượng chính trị, và cho tới nay Hội Bệnh nhân Down, với hơn năm trăm thành viên đầy nhiệt huyết, đang đòi ủy ban trường học cho phép con em họ được theo học tại các trường công lập. Cơ hội của họ là rất khả quan, nhưng Caroline vẫn rất lo lắng. Có quá nhiều thứ phụ thuộc vào quyết định này.

Một đứa bé lao đến, xô vào người Doro, chị nhẹ nhàng giữ vai nó lại. Tóc Doro giờ đã bạc trắng, tương phản hoàn toàn với màu mắt sẫm

và nước da màu ô liu nhẵn mịn. Sáng nào chị cũng bơi và chơi gôn, dạo gần đây Caroline thường bắt gặp chị mỉm cười một mình, như thể chị đang ôm ấp một bí mật nào đó.

“Chị thật tốt đã đến đây hỗ trợ cho em,” Caroline vừa nói, vừa mặc áo khoác.

Doro phẩy tay. “Có gì đâu. Thật ra chị thích ở đây hơn là ngồi nhà vật lộn với đồng giấy tờ của ông cụ.” Giọng chị mệt mỏi, nhưng một nụ cười thoáng lướt qua gương mặt.

“Doro ạ, nếu em không biết tính chị thì em đã tưởng chị đang yêu rồi.”

Doro chỉ cười. “Suy đoán mới táo bạo chứ,” chị đáp. “À nhân nói chuyện yêu đương, chiều nay Al có qua không? Hôm nay là thứ Sáu kia mà.”

Những hình hài tạo bởi ánh sáng và bóng tối trên rặng tiêu huyền mềm mại uyển chuyển như nước chảy. Hôm nay là thứ Sáu, phải rồi, nhưng suốt cả tuần qua Caroline vẫn chưa nghe tin gì của Al. Thường anh gọi khi đang đi trên đường, từ Columbus hay Atlanta, thậm chí là Chicago. Anh đã ngỏ lời cầu hôn cô lần thứ hai kể từ đầu năm; mỗi lần trái tim cô lại rộn lên xao động, và rồi lần nào cô cũng nói không. Trong lần gặp gỡ mới đây họ khá căng thẳng – *em cứ giữ khoảng cách với anh thế*, anh than thở – và rồi anh giận dữ bỏ đi, không cả nói lời tạm biệt.

“Chúng em chỉ là bạn tốt thôi, Al và em. Chuyện đấy không dễ thế đâu chị.”

“Em đừng ngốc thế chứ,” Doro nói. “Chả có gì đơn giản hơn đâu.”

Vậy ra đó là tình yêu, Caroline thầm nghĩ. Doro hôn lên đôi má mềm mại của Phoebe rồi phóng đi trên chiếc Buick cũ của Leo: đen sì,

cồng kền, có cái vô lăng chẳng khác nào một chiếc thuyền. Trong những năm cuối đời mình Leo đã yếu đi nhiều, hầu như cả ngày ông chỉ ngồi trên chiếc ghế tựa kê sát cửa sổ với một cuốn sách để trong lòng, mắt chăm chăm nhìn ra ngoài đường. Một ngày kia Caroline thấy ông đã gục xuống, món tóc bạc phát phơ, làn da của ông – thậm chí là môi – đều tái nhợt. Ông đã chết. Cô biết điều đó trước cả khi chạm vào ông. Cô gỡ đôi mắt kính, đưa tay lên mắt ông, vuốt cho khép lại. Khi họ đưa thi thể ông đi, cô ngồi trên chiếc ghế của ông, cố gắng hình dung cuộc sống ông ra sao, cành lá khẽ lay động ngoài cửa sổ, dấu chân cô, và dấu chân Phoebe, in thành hình trên sàn căn phòng của ông. “Ôi, Leo,” cô chợt nói thành tiếng với căn phòng trống. “Cháu xin lỗi đã để bác cô đơn như thế.”

Sau đám tang ông, một buổi lễ lặng lẽ với sự tham gia của các giáo sư Vật lý và có rất nhiều hoa dành dành, Caroline đề nghị thôi việc, nhưng Doro không chịu. *Chị đã quen với sự có mặt của em. Chị đã quen có em ở bên cạnh. Không, em phải ở lại. Chúng ta sẽ cùng nhau vượt qua mọi chuyện.*

Caroline lái xe xuyên qua cái thành phố mà cô đã dần nảy sinh tình yêu thương, thành phố can trường, bất khuất, đẹp đến nghẹt thở này với những tòa nhà cao vút, những cây cầu lộng lẫy và công viên rộng mênh mông, đường biên của nó mất hút dưới chân đồi xanh ngút mắt. Cô tìm được một ô đỗ xe trên con phố hẹp rồi bước vào tòa nhà, những phiến đá thắm lại dưới lớp muội than của hàng thập kỷ. Cô đi qua phòng chờ có trần cao vút và mặt sàn khảm gạch rối mắt rồi trèo lên hai lượt cầu thang. Cánh cửa gỗ đen kịt vì cáu bẩn, phía trên gắn một tấm kính mờ và những con số bằng đồng đã xỉn màu ghi: 304B. Cô hít một hơi dài – cô chưa từng lo lắng như thế kể từ hồi đi thi vấn đáp – và đẩy cánh cửa ra. Vẻ tuềnh toàng của căn phòng khiến cô không khỏi ngạc nhiên. Chiếc bàn gỗ sồi lớn tróc lam nham và những ô cửa sổ mờ đục khiến bầu trời bên ngoài dường như âm đạm, xám xịt. Sandra đã

ngồi đó với khoảng nửa tá bậc phụ huynh khác cũng tham gia vào ban điều hành của Hội Bệnh nhân Down. Caroline thấy trong lòng trào dâng một niềm thân thương. Ban đầu họ tập trung vào những cuộc gặp gỡ đơn lẻ, những người cô và Sandra đã gặp trong cửa hiệu tạp hóa và trên xe buýt; sau rồi chuyện cứ thế lan ra và mọi người bắt đầu kêu gọi cả những người khác nữa. Luật sư của họ, Ron Stone, ngồi bên cạnh Sandra, mái tóc vàng của cô được cột chặt đằng sau gáy, khuôn mặt nghiêm nghị và xanh xao. Caroline ngồi vào chỗ còn trống bên cạnh cô ta.

“Trông chị mệt mỏi quá,” cô khẽ thăm thì.

Sandra gật đầu. “Tim bị cúm. Mấy ngày rồi. Mẹ tôi phải đi từ McKeesport lên để trông thằng bé.”

Caroline chưa kịp nói gì thì cánh cửa lại bật mở, và các thành viên của bộ Giáo dục bước vào, vẻ thanh thoi, họ cười đùa, bắt tay nhau. Khi mọi người đã yên vị và cuộc họp xin được bắt đầu, Ron Stone đứng dậy hăng giọng.

“Mọi trẻ em đều xứng đáng được đi học,” ông mở lời, từng từ ông nói đều quá đổi thân thuộc. Luận cứ ông đưa ra đều rõ ràng, đích đáng: phát triển bền vững, những nhiệm vụ cần được hoàn thành. Tuy vậy, Caroline vẫn thấy những khuôn mặt đối diện dửng dưng, lạnh lẽo. Cô nghĩ đến Phoebe ngồi bên bàn tối qua, bút chì siết chặt trong tay, con bé viết tên nó: chữ ngược, xiên xẹo khắp tờ giấy, nét run rẩy, nhưng vẫn là viết. Các thành viên trong ủy ban lật tài liệu và hăng giọng. Khi Ron Stone ngừng lời, một người còn khá trẻ có mái tóc sẫm dọn sóng cất lời.

“Lòng nhiệt thành của ông thật đáng trân trọng, thưa ông Stone. Mọi người trong ủy ban chúng tôi đều đánh giá cao những điều ông vừa nói, cũng như đánh giá cao sự tận tâm và cống hiến của các bậc

cha mẹ ở đây. Nhưng những trẻ em này chậm phát triển về trí tuệ; đó mới là vấn đề mấu chốt. Tiến bộ chúng đạt được, dù rất đáng kể, là nhờ một môi trường được bao bọc kỹ lưỡng, với những giáo viên có khả năng dành sự quan tâm đặc biệt, thậm chí là tuyệt đối. Có vẻ đó là một điểm rất đáng chú ý.”

Mắt Caroline gặp mắt Sandra. Những lời này đã quá quen rồi.

“Chậm phát triển trí tuệ là một thuật ngữ có tính miệt thị,” Ron Stone điềm đạm bác lại. “Những trẻ em này chậm tiến bộ, đúng, không ai nghi ngờ điều đó. Nhưng chúng không đần độn. Không ai ngồi trong căn phòng này biết được chúng có thể đạt được những thành tựu gì. Hy vọng lớn lao nhất cho sự trưởng thành và phát triển của chúng, cũng như của bao trẻ em khác, là một môi trường giáo dục không có những rào cản định sẵn. Hôm nay chúng tôi chỉ muốn đòi hỏi sự công bằng.”

“A. Công bằng, phải rồi. Nhưng chúng tôi không có đủ nguồn lực,” một người đàn ông khác lên tiếng, ông này gầy nhom, mái tóc bạc lơ thơ. “Muốn công bằng, chúng tôi phải nhận hết các trẻ đó, cả một con lũ trẻ em chậm phát triển sẽ khiến hệ thống quá tải. Các vị cứ thử nghĩ mà xem.”

Ông ta phát cho mọi người bản sao của một báo cáo và bắt đầu làm phép phân tích chi phí-lợi ích. Caroline hít một hơi dài. Sẽ không hay gì nếu cô nổi khùng. Một con ruồi bay vo ve, rồi kẹt cứng giữa lớp kính trên ô cửa sổ cũ kỹ. Caroline lại nghĩ đến Phoebe, một đứa trẻ nhanh nhẹn đáng yêu làm sao. Kiện tướng tìm đồ vật mất tích, một cô bé có thể đếm đến năm mươi, tự mặc đồ và học thuộc bảng chữ cái, một cô bé phải gắng hết sức mới nói được nhưng có thể đọc được tâm trạng của Caroline chỉ trong nháy mắt.

Có hạn, những tiếng nói cứ vang lên. *Tràn ngập các trường học. Tốn kém nguồn lực và cản trở các trẻ em thông minh.*

Caroline hoàn toàn tuyệt vọng. Họ chưa từng thực sự trông thấy Phoebe, những người này, họ sẽ không bao giờ nhìn thấy điểm gì ở con bé ngoài sự khác biệt, chậm nói và chậm tiếp thu kiến thức mới. Làm thế nào cô có thể cho họ thấy đứa con gái xinh đẹp của cô: Phoebe, ngồi trên tấm thảm trải trong phòng khách mà xếp những khối gỗ thành tháp, mớ tóc mềm rủ xuống tai và sự tập trung tuyệt đối hiển hiện trên khuôn mặt? Phoebe, ghi số 45 lên chiếc máy hát nhỏ Caroline đã mua cho con bé, bị mê hoặc bởi tiếng nhạc, nháy nhót trên mặt sàn lát gỗ sồi bóng loáng. Hay bàn tay mềm mại nhỏ nhắn của Phoebe bất chợt đặt lên đầu gối cô, giữa lúc Caroline đang trầm ngâm hay thần thờ, chìm đắm trong thế giới xung quanh và những mối lo. *Mẹ có khỏe không, mẹ?* Con bé sẽ nói thế, hay chỉ đơn giản là, *con yêu mẹ*. Phoebe, vắt vẻo trên vai Al trong ánh đèn buổi tối, Phoebe ôm chầm lấy bất cứ ai mà con bé gặp. Phoebe nổi giận, bướng bỉnh thách thức, Phoebe tự mặc đồ trong buổi sáng hôm ấy, thật kiêu hãnh.

Cuộc nói chuyện xung quanh bàn họp đã chuyển hướng sang những con số và phép suy luận logic, sự thay đổi bất khả. Caroline đứng bật dậy, run rẩy. Sức mạnh từ người mẹ quá cố thổi tới miệng cô trong cơn sốc. Ngay chính Caroline cũng không tin nổi, cuộc sống đã khiến cô thay đổi ra sao, cô đã trở thành một người khác tới nhường nào. Nhưng không còn đường lui nữa rồi. Con lữ những kẻ chậm phát triển trí não, thật hả! Cô ghì tay xuống bàn chờ đợi. Dần dần từng người một ngừng lời, căn phòng trở lại im ắng.

“Đấy không phải chuyện những con số,” Caroline nói. “Vấn đề là bọn trẻ kia. Tôi có một đứa con gái sáu tuổi. Đúng là con bé mất nhiều thời gian hơn trẻ khác để học những điều mới. Nhưng nó đã học được cách làm mọi thứ như mọi trẻ khác: bò, đi, nói và sử dụng nhà tắm, tự mặc quần áo, như con bé đã làm sáng nay. Những gì tôi thấy là một đứa bé ham học, yêu quý những người nó gặp. Tôi còn thấy một căn phòng đầy

những kẻ dường như đã quên mất là chính tại đất nước này chúng ta đã hứa hẹn sẽ giúp mọi trẻ em được đến trường – bất kể năng lực.”

Trong một lúc không ai nói gì. Cánh cửa sổ cao khẽ cọt kẹt trong cơn gió nhẹ. Lớp sơn đã bắt đầu rộp lên và bong ra trên những bức tường màu be.

Giọng nói của người đàn ông tóc sẫm vang lên nhẹ nhàng.

“Tôi – tất cả chúng tôi – đều rất thông cảm với hoàn cảnh của chị. Nhưng khả năng con gái chị, hay bất cứ cháu nào trong số trẻ này, đạt được các kỹ năng học tập là bao nhiêu? Mà điều đó có giúp gì được cho bản thân cháu không? Nếu là tôi, tôi sẽ cho cháu học một nghề gì đó bổ ích và hữu dụng.”

“Con tôi mới sáu tuổi,” Caroline đáp. “Nó chưa sẵn sàng để học nghề.”

Ron Stone chăm chú theo dõi cuộc trao đổi, và rồi ông cất lời.

“Thật ra,” ông nói, “cuộc tranh luận này đi ra ngoài lề mất rồi.” Ông mở cặp táp lấy ra một tập tài liệu dày cộp. “Đây không chỉ là vấn đề đạo đức hay logic. Đây là vấn đề luật pháp. Đây là đơn kiến nghị, được ký bởi các bậc cha mẹ có mặt ở đây và năm trăm người khác. Đơn này kèm với bộ luật khởi tố tập thể, được đệ trình thay mặt cho các gia đình tại đây hầu giúp con em họ được nhận vào các trường công lập ở Pittsburgh.”

“Đây là luật dân quyền,” người đàn ông tóc bạc nói, ngược lên khỏi tập tài liệu. “Ông không thể lấy đó làm căn cứ được. Nó không thuộc phạm vi theo cả nghĩa hẹp lẫn nghĩa rộng của bộ luật này.”

“Các ngài cứ xem cho kỹ đi,” Ron Stone đáp, đoạn đóng cặp táp lại. “Chúng tôi sẽ liên lạc sau.”

Bên ngoài, trên những bậc thềm đá cũ kỹ, mọi người xôn xao bàn tán; Ron tỏ vẻ hài lòng, lạc quan một cách dè dặt, còn những người khác thì sôi nổi hơn, họ ôm chầm lấy Caroline để cảm ơn cô vì bài phát biểu. Cô mỉm cười, ôm lại họ, cảm thấy vừa như kiệt sức lại vừa xúc động vì tình cảm sâu sắc cô dành cho những người này: Sandra, tất nhiên rồi, người vẫn ghé thăm cô hàng tuần để cùng uống cà phê; Colleen, người đã cùng con gái thu thập chữ ký cho đơn kiến nghị; Carl, một người đàn ông hoạt bát, dong dỏng cao, có đứa con trai duy nhất đã chết vì dị tật tim mà nguyên nhân bắt nguồn từ hội chứng Down, anh đã sắp xếp cho hội một văn phòng trong chính kho chứa thảm của mình để phục vụ công việc chung. Bốn năm trước đây cô không biết ai trong số này ngoại trừ Sandra, nhưng giờ đây họ đã gắn bó với cô qua bao nhiêu đêm thức khuya, bao nhiêu tranh đấu với những chiến thắng nhỏ bé, và vô vàn hy vọng.

Vẫn còn xúc động sau bài phát biểu, cô lái xe quay lại nhà trẻ. Phoebe nhảy khỏi vòng tròn chạy tới chỗ Caroline, ôm chầm lấy gối cô. Người con bé sục lên mùi sữa và sô cô la còn vấy thì lấm lem vết bẩn. Tóc con bé mềm như một dải mây xấp dưới tay Caroline. Caroline kể sơ qua cho Doro nghe những việc vừa xảy ra, những từ đầy ác ý – một cơn lũ, cản trở – vẫn còn ong ong trong đầu cô. Doro, giờ đã trễ giờ làm, vỗ lên tay cô. Tối nay chị em mình nói chuyện thêm nhé.

Đoạn đường về nhà thật đẹp, lá trên cành và hoa tử đinh hương nở rộ như những dải bọt xốp và đốm lửa trái khắp triền đồi. Đêm trước trời vừa mưa; bầu trời xanh trong vắt. Caroline đỗ xe trong ngõ, thất vọng vì Al vẫn chưa về. Cô và Phoebe sổng bước dưới bóng râm rung rinh của rừng tiêu huyền, trong tiếng vo vo đinh tai nhức óc của lũ ong. Caroline ngồi lên bậc thềm nhà và bật đài lên. Phoebe bắt đầu quay tròn trên thảm cỏ mềm, hai cánh tay dang rộng và đầu ngả về phía sau, mặt hướng về phía mặt trời.

Caroline ngấm cô bé, cố gắng xua đi cảm giác căng thẳng và bức bối từ lúc sáng. Tuy vẫn có lý do để hy vọng, nhưng sau chừng ấy năm tranh đấu để thay đổi nhận thức của mọi người, Caroline còn rất nghi ngại.

Phoebe chạy ào tới, đưa hai tay chụm lên tai Caroline mà thì thầm một điều bí mật. Caroline không nghe rõ tiếng, chỉ cảm thấy một luồng hơi hào hứng tới ngạt thở, rồi Phoebe lại chạy vụt ra dưới nắng, xoay tròn trong chiếc váy hồng phớt xòe. Nắng rải ánh hổ phách trên mái tóc sẫm của nó, và Caroline chợt nhớ tới Norah Henry dưới ánh đèn sáng trưng nơi phòng khám. Trong khoảnh khắc cô chợt thấy nhói lên cảm giác kiệt quệ và hoang mang.

Phoebe ngừng quay tròn, hai tay dang rộng để giữ thăng bằng. Rồi con bé hét toáng lên và chạy một mạch qua bãi cỏ lên bậc thềm nơi Al đang đứng, mắt nhìn xuống, một cái gói bọc giấy sặc sỡ cầm trên tay dành cho Phoebe và một bó tử đinh hương mà Caroline biết là dành cho mình.

Tim cô rộn lên. Anh đã cố chiếm được tình cảm của cô bằng lòng kiên nhẫn bền bỉ, diễm đạm, anh đến, đúng giờ và đều đặn, tuần này qua tuần khác, đem đến những bó hoa hoặc những món quà dễ thương khác, niềm vui sướng hiển hiện trên mặt anh chân thực đến mức cô không đành lòng khước từ anh. Mặc dù cô vẫn còn giữ khoảng cách với anh, không dám tin vào tình yêu đến bất ngờ này, từ một người cô không ngờ tới. Giờ đây cô đứng đó, tràn ngập vui sướng. Cô đã lo lắng biết bao rằng anh sẽ không tới!

“Trời đẹp quá,” anh nói, đoạn ngồi xổm xuống ôm Phoebe, con bé quàng tay quanh cổ anh chào đón. Trong cái gói là một chiếc vợt bướm bướm mỏng nhẹ cán gỗ uốn, con bé nhận ngay lấy, rồi chạy ù ra chỗ bụi tú cầu xanh thẫm. “Cuộc họp thế nào hở em?”

Cô kể cho anh nghe mọi chuyện còn anh lắng nghe, rồi lắc đầu.

“Chà, trường học đâu phải dành cho tất cả mọi người,” anh nói.
“Như anh thì chẳng khoái nó mấy. Nhưng Phoebe là đứa trẻ đáng yêu, họ không nên gạt con bé ra ngoài.”

“Em muốn nó có được một vị trí trong xã hội,” Caroline đáp, thốt nhiên nhận ra mình không e ngại về tình yêu Al dành cho cô, mà là về tình yêu Al dành cho Phoebe.

“Em à, con bé đã có rồi đấy thôi. Là ngay tại đây. Nhưng cũng phải, anh nghĩ em nói đúng. Anh nghĩ em đang làm những việc đúng đắn để đấu tranh cho nó.”

“Em hy vọng anh đã có một tuần vui vẻ,” cô nói, nhận thấy có những quầng thâm dưới mi mắt anh.

“Ồi dào, vẫn thế, vẫn thế thôi,” anh đáp, ngồi xuống bậc thềm bên cạnh cô và nhặt lấy một cành cây, rồi bắt đầu gọt giũa. Phía xa xa, tiếng máy gặt kêu ầm ì; chiếc đài nhỏ của Phoebe phát bài “Love, Love Me, Do.” “Tuần này anh đã đi tới 2.398 dặm cơ đấy. Kỷ lục, ngay cả với anh.”

Chắc anh ấy sẽ lại ngỏ lời, Caroline thầm nghĩ. Đến lúc rồi; anh đang mệt mỏi sau quãng đường dài và chuẩn bị nghỉ ngơi, rồi anh sẽ ngỏ lời. Cô nhìn theo bàn tay anh chuyển động khéo léo, nhịp nhàng, tước từng lớp vỏ cây, và trái tim cô xao động. Lần này cô sẽ đồng ý. Nhưng Al không nói gì. Bầu im lặng dai dẳng đến độ cuối cùng cũng thúc bách cô phải phá vỡ nó.

“Món quà rất dễ thương,” cô nói, ra hiệu về phía bên kia thảm cỏ nơi Phoebe đang chạy, chiếc vợt tạo thành một hình vòng cung rực rỡ trong không trung.

“Một ông bạn ở Georgia làm đấy,” Al đáp. “Ông ấy tốt bụng lắm. Ông ấy làm cả một đồng cho mấy đứa cháu. Bọn anh gặp nhau trong tiệm tạp hóa. Ông già sưu tập đài sóng ngắn và mời anh ghé qua xem. Thế là chuyện trò suốt cả đêm, anh và ông ấy. Đấy, sống nay đây mai đó cũng có cái hay. A, phải rồi,” anh nói, đoạn thò tay vào túi quần rút ra một phong bì màu trắng. “Thư của em lấy từ Atlanta đây.”

Caroline nhận lấy phong bì mà không nói gì thêm. Bên trong có lẽ là mấy tờ hai mươi đô gói gọn trong một tờ giấy trắng. Al mang chúng về từ Cleveland, Memphis, Atlanta, Akron: những thành phố anh thường ghé qua trên đường đi. Cô chỉ nói với anh đó là tiền gửi cho Phoebe, từ bố nó. Al chấp nhận lời giải thích này mà không bình luận gì, song cảm giác của Caroline lại phức tạp hơn thế. Đôi khi cô mơ thấy mình bước đi trong ngôi nhà của Norah Henry, nhặt nhạnh các thứ đồ trên giá và trong tủ, cho vào một cái túi vải, cảm giác thật hạnh phúc cho tới khi cô nhìn thấy Norah Henry đứng bên cửa sổ, khuôn mặt trông thật xa xăm và tràn đầy nỗi buồn đau vô hạn. Cô tỉnh giấc, run lấy bầy, rồi trở dậy pha cho mình một tách trà, ngồi trong bóng tối. Khi tiền được chuyển đến, cô gửi hết vào ngân hàng và không nghĩ ngợi gì nữa cho đến khi phong bì tiếp theo tới tay cô. Đã năm năm ròng cô làm như vậy, tính đến nay cô đã dành ra được gần 7.000 đô.

Phoebe vẫn đang chạy, đuổi theo bướm, chim, những đốm sáng, những nốt nhạc réo rắt tuôn ra từ chiếc đài. Al đang táy máy mấy nút bấm.

“Cái hay của thành phố này là ở chỗ em có thể thưởng thức âm nhạc. Ở mấy cái xứ khỉ ho cò gáy anh từng đi qua, bất quá chỉ được nghe Top 40 bài hát. Chỉ được một thời gian là thấy nhàm.” Anh bắt đầu ngâm nga theo nhạc bài “Begin with Beguine”.

“Hồi xưa bố mẹ em từng khiêu vũ theo nhạc bài này,” Caroline nói, và trong chốc lát cô đã ngồi trên những bậc cầu thang nơi căn nhà thuở

ấu thơ, hoàn toàn vô hình, ngắm mẹ cô mặc chiếc váy dài đang chào khách khứa ở cửa ra vào. “Lâu rồi em không nghĩ đến. Nhưng thỉnh thoảng cứ đến tối thứ Bảy bố mẹ em lại cuốn hết thảm trong phòng khách và mời mấy cặp vợ chồng đến, rồi họ cùng nhảy.”

“Khi nào anh với em cũng phải đi nhảy mới được,” Al nói. “Em thích nhảy không, Caroline?”

Caroline bỗng thấy trong lòng xao động, hơi kích thích. Cô không lý giải nổi là do đâu: do cơn giận của cô từ buổi sáng, do một ngày sôi nổi, và hơi ấm của vòng tay Al ngay sát bên cô. Gió lay động hàng dương, làm lộ ra mặt sau những chiếc lá bạc.

“Tại sao phải đợi nhỉ?” cô nói, rồi đứng dậy, dang tay ra.

Anh có phần bối rối, ngỡ ngàng, nhưng rồi anh cũng đứng dậy, tay đặt lên vai cô và họ thả mình trên bãi cỏ theo điệu nhạc, trên nền tiếng xe cộ đi lại hối hả. Ánh nắng đan vào tóc cô, lớp cỏ êm mượt dưới bàn chân lòng tất của cô, họ cùng di chuyển thật nhẹ nhàng, nhún và xoay, cảm giác căng thẳng đeo đuổi cô từ cuộc họp cứ nhạt dần đi theo từng bước nhảy. Al mỉm cười, siết chặt cô thêm; nắng sưởi ấm trên cổ cô.

Ồ, cô thầm nghĩ, khi anh xoay vòng cô lần nữa, *Mình sẽ nói có.*

Cảm giác thật thư thái với ánh nắng và tiếng cười trầm bổng của Phoebe, với bàn tay Al ấm áp qua làn vải trên lưng cô. Họ nhảy trên cỏ, xoay cùng điệu nhạc, khiêu vũ gắn kết họ với nhau. Dòng xe cộ gấp gáp băng qua như hiện tại, nhẹ nhàng như sóng biển. Rồi có những âm thanh khác, khe khẽ, xen vào từng nốt nhạc, vang lên giữa buổi ban ngày rực rỡ. Caroline không nhận ra ngay. Al xoay cô lại, và cô dừng nhảy. Phoebe đang quỳ trên lớp cỏ mềm bên bụi tú cầu, khóc đến nghẹn cả lời, tay giơ lên. Caroline chạy đến và quỳ xuống cỏ, quan sát đốm tròn sung tấy trên lòng bàn tay Phoebe.

“Vết ong đốt,” cô nói. “Ôi, con yêu, con đau lắm phải không?”

Cô áp mặt lên mái tóc âm ỉm của Phoebe. Làn da mềm mềm, lồng ngực nó nhô lên rồi xẹp xuống; bên dưới đó là nhịp đập đều đặn của trái tim. Đó là điều không thể đo đếm được, không thể cân đong hay thậm chí lý giải: Phoebe là chính nó. Nói cho cùng, chẳng ai có thể xếp loại mỗi con người. Không ai biết được cuộc sống thực sự là gì hay chứa đựng điều gì.

“Con yêu, không sao đâu mà,” cô nói, vuốt ve mái tóc Phoebe.

Nhưng cơn nức nở của Phoebe đã nhường chỗ cho tiếng khò khè giống như bệnh bạch hầu con bé mắc hồi nhỏ. Lòng bàn tay nó sưng vù lên; cả mu bàn tay và ngón tay cũng vậy. Caroline cảm thấy lòng mình bỗng trở nên tê dại, ngay cả khi cô đứng vụt dậy gọi Al.

“Nhanh nhanh!” cô hét lên, giọng lạnh lạnh và kỳ lạ. “Ôi Al ơi, con bé bị dị ứng.”

Cô bế Phoebe lên, nặng trĩu trên tay, rồi đứng khựng lại, lúng túng, vì chìa khóa còn để trong túi trên quầy bếp, cô không nghĩ ra cách gì để mở cửa trong khi tay vẫn bế Phoebe, con bé khò khè càng lúc càng dữ hơn. Rồi Al chạy đến, đỡ lấy Phoebe và chạy ra xe, Caroline bằng cách nào đó đã lấy được chìa khóa, cả chìa khóa lẫn túi. Cô lái nhanh hết mức có thể luồn lách qua những con phố nội thành. Khi họ đến được bệnh viện, Phoebe đã thở ra từng nhịp ngắn, gấp gáp khó khăn.

Họ để xe ở ngay lối vào và túm lấy y tá đầu tiên họ nhìn thấy.

“Có một ca dị ứng. Chúng tôi cần gặp bác sĩ *ngay bây giờ*.”

Bà y tá đã đứng tuổi, vóc người hơi nặng nề, mái tóc bạc cắt ngắn khum khum ôm lấy mặt. Bà ta dẫn họ đi qua hàng loạt cánh cửa thép cho đến khi Al nhẹ nhàng, nhẹ nhàng đặt Phoebe xuống giường cấp

cứu. Phoebe gắng thở, môi tái nhợt. Caroline cũng vậy, cô hỗn hển không ra hơi, nỗi sợ hãi quặn thắt lồng ngực. Bà y tá vuốt tóc Phoebe ra sau, đưa tay lên bắt mạch ở cổ con bé. Và rồi Caroline thấy bà ta xem xét Phoebe đúng như cách bác sĩ Henry đã xem xét con bé trong cái đêm bão tuyết cách đây lâu lắm rồi. Cô thấy bà y tá ngắm nghía đôi mắt xéch xinh đẹp, đôi bàn tay nhỏ xíu nắm chiếc vợt rất chặt khi con bé đuổi bắt bướm, nhìn thấy mắt bà ta khẽ nheo lại. Tuy vậy, bà ta vẫn chưa sẵn sàng xử lý.

“Cô có chắc không đây?” bà y tá hỏi, ngược lên và chạm mắt cô. “Cô có chắc là muốn tôi gọi bác sĩ tới không?”

Caroline đứng đờ một chỗ. Cô nhớ mùi rau củ luộc, nhớ cái ngày cô lái xe đưa Phoebe đi, và khuôn mặt trơ trơ vô cảm của những thành viên hội đồng giáo dục. Trong cơn xúc động mãnh liệt, nỗi sợ hãi chuyển thành giận dữ, cuồng nộ và đau đớn. Cô giơ tay lên tát vào bản mặt lạnh lùng, thờ ơ của bà y tá, nhưng Al đã giữ cổ tay cô lại.

“Bà đi gọi bác sĩ đi,” anh nói với bà y tá. “Đi ngay đi.”

Anh vòng tay ôm Caroline, không buông ra, cho tới khi bà y tá quay đi và khi bác sĩ tới, cho tới khi hơi thở của Phoebe trở lại bình thường và đôi má hồng hào trở lại. Họ cùng sang phòng chờ và ngồi trên những chiếc ghế nhựa màu cam, tay trong tay, tiếng y tá lao xao, tiếng nói vang vọng trên loa phát thanh, tiếng trẻ con khóc.

“Suýt nữa thì con bé mất mạng rồi,” Caroline nói. Sự điềm tĩnh của cô đã mất; cô bắt đầu run lẩy bẩy.

“Nhưng nó không sao mà,” Al đáp bằng giọng cứng cỏi.

Bàn tay của Al ấm áp, to lớn và dịu dàng. Anh đã rất nhẫn nại trong ngần ấy năm trời, anh đã quay lại hết lần này tới lần khác, kể những điều thú vị mình đã gặp. Nói rằng anh sẽ chờ. Nhưng lần này anh đã đi

suốt hai tuần liền, không chỉ một. Anh không gọi về trên đường đi, và dù anh vẫn mang hoa tặng cô như mọi lần, anh đã không nhắc lại chuyện cầu hôn suốt sáu tháng qua. Lẽ ra anh đã có thể lái xe đi mãi mãi, không bao giờ quay trở lại nữa, không bao giờ cho cô cơ hội để chấp nhận lời cầu hôn.

Cô cầm tay anh lên hôn vào lòng bàn tay mạnh mẽ, thô ráp với đầy vết chai sần, những đường chỉ tay ngang dọc. Anh quay sang, như bừng tỉnh giữa dòng suy tư, vẻ mặt bối rối như vừa bị kim châm.

“Caroline này.” Anh nói bằng giọng thật trịnh trọng. “Có điều này anh muốn nói với em.”

“Em biết.” Cô đặt bàn tay anh lên tim mình và giữ nguyên ở đó. “Ôi, Al, em thật ngu ngốc làm sao. Tất nhiên rồi, em sẽ lấy anh,” cô nói.

1977

Tháng Bảy Năm 1977

“NHƯ THẾ NÀY ĐƯỢC CHƯA?” NORAH HỎI. Nàng đang nằm dài trên bãi biển, dưới hông nàng, lớp cát ram ráp trôi trượt không ngừng. Mỗi lần nàng hít một hơi dài và thở ra, cát lại tuôn chảy xuống phía dưới. Mặt trời tỏa nắng gay gắt, như một cái đĩa kim loại lấp lánh áp lên da thịt. Nàng đã ở đây hơn một tiếng liền, tạo dáng và *ngủ ngơi*, cái từ ngủ ngơi nghe mới mĩa mai làm sao, đó là điều nàng mong muốn mà không được. Dù sao đây cũng là kỳ nghỉ của nàng cơ mà – nàng giành được một chuyến du lịch hai tuần tại Aruba vì đã bán được nhiều gói du lịch đường biển nhất bang Kentucky năm vừa qua – và rồi nàng ở đây: cát dính với mồ hôi trên cánh tay và cổ do nằm bất động, bị ép chặt giữa bãi biển và ánh nắng mặt trời.

Để phân tán suy nghĩ của mình, nàng dán mắt vào Paul, thằng bé đang chạy dọc bãi biển, một chấm nhỏ nơi đường chân trời. Giờ nó đã mười ba tuổi, năm vừa rồi thằng bé lớn vổng hẳn lên. Cao lênh khênh và vụng về, thằng bé chạy bộ mỗi sáng, dường như đó là cách để nó thoát khỏi cuộc sống của chính mình.

Sóng vỗ nhẹ nhàng lên bãi cát. Thủy triều chuyển hướng, bắt đầu dâng lên, và ánh nắng gay gắt của buổi trưa sẽ sớm dịu đi, David sẽ phải chờ đến ngày mai mới chụp được những tấm ảnh ưng ý. Một lọn tóc vương vào môi Norah, cảm giác nhồn nhột, nhưng nàng cố ép mình nằm bất động.

“Tốt,” David nói, hạ ống kính máy ảnh xuống thấp và bấm lia lịa. “Ồ, phải rồi, tuyệt lắm, rất tốt.”

“Em nóng lắm,” nàng than.

“Chỉ vài phút nữa thôi. Sắp xong rồi.” Anh quỳ hẳn xuống, hai bắp đùi trắng xanh nổi bật trên nền cát. Anh đã làm việc miệt mài, giam mình hàng tiếng đồng hồ trong phòng tối, treo các tấm ảnh trên dây phơi chẳng khắp các bức tường cho ráo. “Hãy nghĩ đến biển. Những đợt sóng dợn trên mặt nước, sóng vỗ trên bờ cát. Em là một phần của quang cảnh đó, Norah ạ. Em sẽ cảm nhận được điều đó khi xem ảnh. Anh sẽ cho em thấy.”

Nàng nằm im dưới nắng, nhìn anh làm, nhớ lại những ngày đầu khi họ mới cưới, hai người thường cùng nhau dạo bộ trong những buổi tối mùa xuân, tay nắm tay, không khí quện đẫm hương kim ngân và dạ hương. Không hiểu Norah trẻ trung ngày ấy, khi đang thả bộ giữa luồng ánh sáng dịu dàng của ánh chiều chạng vạng, đã mơ mộng những gì? Chắc chắn không phải là cuộc sống như thế này rồi. Norah đã học hỏi về ngành du lịch trong suốt năm năm vừa qua. Ban đầu nàng quản lý văn phòng, rồi dần dần bắt đầu giám sát các tour du lịch. Nàng đã gây dựng được một danh sách khách hàng thân thiết và học cách bán tour, bày trên bàn mình những tờ quảng cáo rực rỡ, mô tả cận kề đến từng chi tiết những vùng đất mê hồn mà nàng chỉ dám mơ được đặt chân đến. Nàng đã trở thành chuyên gia giải quyết những vấn đề cấp bách: mất hành lý, thất lạc hộ chiếu, các ca ngộ độc thực phẩm bất ngờ. Năm ngoái, khi Pete Warren quyết định về hưu, nàng thu hết can đảm và mua lại công ty. Giờ đây tất cả đã là của nàng, từ tòa nhà gạch thấp tè cho đến những chiếc vé máy bay trống trong tủ. Mỗi ngày của nàng đều sôi nổi, bận rộn, mãn nguyện – và mỗi tối nàng lại về với căn nhà im lặng như tờ.

“Em vẫn chẳng hiểu gì cả,” nàng nói khi David đã hoàn tất công việc, nàng đứng dậy và phúi cát bám trên chân tay, rũ cả những hạt cát bám trên tóc. “Tại sao lại phải chụp hình em, khi mà anh muốn trong ảnh em mất hút giữa quang cảnh xung quanh?”

“Vấn đề là ở góc nhìn,” David đáp, ngẩng lên khỏi đồng dụng cụ. Mái tóc anh rối bù, hai má và cánh tay đỏ au vì cái nắng buổi trưa. Ở phía xa Paul đã quay lại và đang chạy về phía họ, càng lúc càng gần hơn. “Là kỳ vọng. Mọi người sẽ nhìn vào tấm ảnh này và nhìn thấy biển, thấy những cồn cát thoải thoải. Rồi họ sẽ thoáng nhận ra một điểm khác biệt, một cảm giác thân quen nơi những đường cong đặc biệt của em, hoặc họ sẽ đọc tựa đề bức ảnh rồi xem lại, tìm kiếm người phụ nữ mà họ đã không nhìn thấy lúc đầu, và họ sẽ nhìn ra em.”

Giọng anh đầy hào hứng; gió từ biển thổi vào lùa qua mớ tóc sẫm của anh. Nàng thấy buồn, vì anh nói về nhiếp ảnh giống như cách anh từng nói về y học, về cuộc hôn nhân của họ, bằng thứ ngôn ngữ, âm điệu khuấy động dĩ vãng đã mất và khiến nàng dâng trào khao khát. *Chỉ và David nói về những vấn đề to tát hay chỉ những chuyện vụn vặt thôi?* Có lần Bree đã hỏi nàng như thế, và Norah bỗng giật mình nhận ra số lần hai người trao đổi qua loa hoặc về những đề tài bắt buộc như việc nhà hay thời gian biểu của Paul.

Nắng chiếu gay gắt trên tóc nàng, những hạt cát ram ráp bám đầy vào làn da mỏng trên đùi non. David chỉ để hết tâm trí vào việc cắt xếp máy ảnh. Norah đã hy vọng chuyến đi trong mơ này sẽ giúp hâm nóng lại tình cảm gắn kết họ đã từng có. Đó là lý do khiến nàng phải ép mình nằm hàng tiếng đồng hồ dưới nắng nóng, không dám cử động trong khi David chụp hết cuộn phim này đến cuộn phim khác, thế mà họ đã ở đây được ba ngày, và điểm khác biệt lớn nhất giữa nơi này và ở nhà chính là khung cảnh. Ngày ngày hai người uống cà phê sáng trong im lặng. David luôn tìm được việc để làm; anh chụp ảnh hoặc đi câu cá. Tối tối anh lại đọc sách, du đưa trên chiếc võng. Norah đi dạo rồi chợp mắt, chạy loanh quanh và đi mua sắm trong các cửa hiệu dành cho khách du lịch được trang trí rực rỡ và có giá đắt đỏ trong vùng. Paul chơi ghi ta, và chạy bộ.

Norah che mắt, nhìn xuống dải bờ biển vàng rực. Ở khoảng cách gần hơn, hình dáng người đang chạy nổi rõ thêm, và rốt cuộc nàng nhận ra đó không phải là Paul. Người đàn ông đang chạy cao gầy, có lẽ tầm ba mươi hay bốn mươi tuổi. Anh ta mặc chiếc quần soóc sợi ni lông màu xanh biển, viền sọc trắng và cổ trần. Đôi vai rám nắng hằn rõ một vết bỏng trông có lẽ khá đau. Khi khoảng cách giữa anh ta và hai người gần lại, anh ta chạy chậm dần rồi dừng hẳn lại, tay chống lên hông, thở hổn hển.

“Mấy ảnh đẹp quá,” anh ta nói. Và rồi, nhìn thẳng vào Norah, anh ta thêm, “Góc chụp rất hay.” Đầu anh ta đã chồm hói; đôi mắt nâu sẫm, nhìn chăm chú. Nàng quay đi, cảm thấy sức nóng từ đôi mắt ấy, trong khi đó, David bắt đầu thao thao: sóng biển và đụn cát, cát và da thịt, hai hình ảnh đối lập cùng lúc.

Nàng chăm chú nhìn khắp bãi biển. Kia rồi. Ở xa xa, gần như không thấy rõ, là một bóng người khác đang chạy, con trai nàng. Nắng chiếu chói chang. Trong phút chốc nàng cảm giác hơi choáng váng, những đốm sáng chói lòa dường như lấp lóe dưới làn mi khi mắt nàng lướt qua những ngọn sóng bạc. Howard: không biết anh ta là người ở đâu, sao lại có cái tên như vậy nhỉ. Anh ta và David đang say sưa trao đổi về độ mở ống kính và bộ lọc sáng.

“Vậy ra cô là nguồn cảm hứng cho công việc này phải không,” anh ta nói, quay sang kéo Norah vào cuộc nói chuyện.

“Chắc vậy,” nàng đáp, rồi phủi những hạt cát khỏi cổ tay. “Làm thế này hơi hại da,” nàng nói thêm, đột nhiên nhận ra bộ áo tắm mới khiến nàng trông gần như trần trụi. Gió thổi qua, vờn mái tóc nàng.

“Không, cô có làn da đẹp lắm,” Howard nói. Đôi mắt David trở ra – anh nhìn vợ như thể chưa bao giờ gặp nàng – và Norah cảm thấy vô cùng đắc thắng. *Anh thấy chưa?* Nàng ước mình có thể nói ra. *Anh ta*

bảo da em đẹp đấy. Nhưng ánh nhìn đắm đắm của Howard khiến nàng im lặng.

“Anh phải nhìn thấy những bức hình khác David chụp cơ,” Norah nói. Nàng ra dấu về phía mái nhà gỗ, nằm nép mình dưới hàng cọ, giàn hoa giấy rủ xuống lớp lưới mắt cáo giăng trên hiên nhà. “Anh ấy đem cả bộ ảnh của mình đi đấy.” Những điều nàng nói là một bức tường ngăn cách, nhưng cũng là một lời mời.

“Tôi muốn xem lắm,” Howard đáp, rồi quay sang David. “Tôi rất quan tâm đến nghiên cứu của anh.”

“Sao lại không nhỉ?” David nói. “Mời anh cùng ăn trưa với chúng tôi.”

Nhưng Howard có cuộc hẹn trong thị trấn lúc một giờ chiều.

“Paul đây rồi,” Norah nói. Thằng bé đang chạy rất nhanh dọc mép nước, kết thúc một trăm thước cuối cùng, chân tay vung loang loáng trong nắng, giữa cái nóng đang hạ dần. Con trai mình, Norah tự nhủ, thế giới, trong khoảnh khắc, bỗng trải ra như đôi khi vẫn thế trước sự hiện diện của thằng bé. “Con trai chúng tôi,” nàng nói với Howard. “Cháu là một vận động viên chạy.”

“Vóc người cân đối lắm,” Howard nhìn theo. Paul tiến lại gần hơn và chạy chậm lại. Khi đến chỗ họ đứng, thằng bé chống hai tay xuống gối, hít sâu vào phổi những hơi thật dài.

“Con về đúng lúc lắm,” David nói, đoạn liếc nhìn đồng hồ. *Đừng thế mà*, Norah thầm nghĩ; David dường như không hiểu được Paul ác cảm đến mức nào đối với những dự định mà anh vạch ra cho thằng bé. *Đừng mà*. Nhưng David vẫn tiếp lời. “Tôi không muốn thằng bé bỏ phí năng khiếu của mình. Trông chiều cao của nó mà xem. Đủ biết nó có

thể làm những gì trên sàn đấu. Ấy vậy mà thằng bé chẳng thèm để ý đến bóng rổ chút nào.”

Paul ngược lên, mặt nhăn nhó, và Norah cảm thấy cơn giận dữ thường trực lại bùng lên. Tại sao David không chịu hiểu là càng ép thằng bé tập bóng rổ, Paul sẽ càng chống đối quyết liệt hơn chứ? Nếu anh muốn Paul chơi bóng, tốt nhất là cứ cấm tiệt nó động đến quả bóng.

“Con thích chạy hơn,” Paul nói, rồi đứng thẳng dậy.

“Ai mà trách được cháu cơ chứ,” Howard nói, giơ tay ra bắt tay thằng bé, “khi cháu chạy cừ đến thế?”

Paul bắt tay anh ta, mặt đỏ bừng lên vì thích thú. *Cô có một làn da rất đẹp*, mới đây thôi, anh ta đã khen nàng như thế. Norah không biết khuôn mặt nàng có lộ rõ niềm vui sướng đến vậy không.

“Vậy mời anh qua ăn tối,” nàng gợi ý trong một giây bốc đồng, có lẽ vì cảm kích trước sự tử tế anh ta dành cho Paul. Nàng cũng đang đói và khát nữa, ánh nắng mặt trời khiến đầu nàng ong ong. “Nếu anh không cùng ăn trưa được, thì mời anh ăn tối vậy. À, nhớ đưa cả vợ anh đi cùng,” nàng nói thêm. “Đưa cả nhà tối đi. Chúng ta sẽ đốt lửa và nấu nướng trên bãi biển luôn.”

Howard nhú mày, đưa mắt nhìn ra mặt nước lấp lánh ánh bạc. Anh ta đan hai tay lại và vòng sau gáy, rướn căng người ra. “Không may là,” anh ta nói, “tôi đến đây một mình. Kiểu như ẩn dật ấy mà. Tôi sắp ly dị rồi.”

“Tôi rất tiếc,” Norah nói, dù trong thâm tâm nàng không nghĩ vậy.

“Anh cứ đến nhé,” David nói. “Norah tổ chức tiệc tối thì nhất. Tôi sẽ cho anh xem phần còn lại của seri ảnh tôi đang thực hiện – chủ đề của

nó là về nhận thức. Sự chuyển biến.”

“À, sự chuyển biến,” Howard nói. “Tôi khuyến khích chuyện đó. Rất vui được đến ăn tối cùng anh chị.”

David và Howard lại nói chuyện trong khi Paul chạy theo những con sóng để xua tan cái nóng, và rồi Howard rời đi. Một phút sau đó, đứng trong bếp thái những lát dưa chuột cho bữa trưa, Norah nhìn theo anh ta bước xa dần trên bãi biển, hiện ra rồi biến mất và lại hiện ra mỗi khi tấm rèm bị gió lay động. Nàng nhớ lại vết bóng đen thẫm trên vai, giọng nói và cái nhìn xuyên thấu tâm can của anh ta. Nước tuôn ào ào từ vòi sen Paul đang tắm, và có tiếng giấy sột soạt rất khẽ khi David sắp xếp các tấm ảnh trong phòng khách. Dường như qua mỗi năm, anh lại càng bị ám ảnh thêm, anh luôn nhìn thế giới – cũng như nhìn nàng – như từ phía sau ống kính máy ảnh. Đứa con gái đã mất vẫn còn quanh quẩn giữa hai người; cuộc sống đã nhào nặn họ theo sự vắng mặt của nó. Đôi khi, Norah thậm chí cảm thấy băn khoăn, rằng có phải chính sự mất mát đó là lý do chính giữ họ bên nhau. Nàng đổ dưa chuột thái lát vào bát salad rồi bắt đầu nạo vỏ một củ cà rốt. Bóng Howard phía xa giờ chỉ còn nhỏ như đầu kim, rồi biến mất hẳn. Đôi tay anh ta to, nàng vẫn nhớ, lòng bàn tay và lớp biểu bì trắng nhợt, trái ngược hẳn với làn da rám nắng. *Làn da rất đẹp*, anh ta đã nói vậy, và đôi mắt không rời nàng.

Sau bữa trưa, David nằm ngủ lơ mơ trên võng còn Norah nằm dài trên chiếc giường kê dưới cửa sổ. Một cơn gió biển thổi vào; nàng bỗng cảm thấy tràn đầy sức sống, dường như nàng được giao hòa với bờ cát và biển cả qua cơn gió này. Howard chỉ là một người bình thường, khá gầy gò và đầu bắt đầu hói, dầu vậy anh ta vẫn có một sức lôi cuốn thật kỳ lạ, có lẽ nó nảy sinh từ nỗi cô đơn và những ao ước thầm kín trong nàng. Nàng tưởng tượng ra Bree, đùa nghịch với mình, miệng cười vui.

Sao, sao không thử? cô sẽ nói thế cho mà xem. Thật mà, chị Norah, sao không thử đi?

Chị là phụ nữ có gia đình rồi, Norah đáp, rồi quay người nhìn ra cửa sổ, nhìn cát trôi lấp lóa, háo hức chờ nghe em gái bẻ lại mình.

Norah, trời ơi là trời, chị chỉ sống có một lần. Sao không cho phép bản thân vui thú chút đỉnh nhỉ?

Norah đứng dậy, khẽ nhón chân trên những tấm ván sàn cũ mòn, tự đi pha cho mình một cốc gin và tonic với chanh. Nàng ngồi trên chiếc xích đu ngoài hiên, uể oải tận hưởng làn gió mát, nhìn David ngủ, dạo này anh đã trở nên quá đỗi xa lạ với nàng. Những nốt nhạc từ cây đàn ghi ta của Paul bỗng bình trong không trung êm ả. Norah tưởng tượng ra thằng bé, chân bắt chữ ngũ trên chiếc giường hẹp, đầu cúi xuống chăm chú trên chiếc đàn Almansa yêu quý, món quà của David trong dịp sinh nhật vừa rồi. Đó là một cây đàn xinh xắn, cần đàn bằng gỗ mun, sườn và mặt sau bằng gỗ hồng, chốt lên dây bằng đồng thau. David đã thử, cùng Paul. Anh ép Paul chơi thể thao có phần quá quắt, quả có vậy, nhưng anh cũng dành thời gian đưa Paul đi câu cá hay cuộc bộ trong rừng, hoặc chìm đắm vào những cuộc tìm kiếm đá bất tận. Anh đã dành rất nhiều giờ tìm hiểu về cây đàn ghi ta này, đặt làm tại một công ty trên tận New York, khuôn mặt tràn đầy niềm vui sướng không nói nên lời khi Paul trịnh trọng nhấc cây đàn từ trong hộp ra. Nàng nhìn David, đang ngủ phía bên kia hiên nhà, cơ mặt giật giật một bên má. David, nàng thì thầm, nhưng anh không nghe thấy. David, nàng lại nói, giọng to hơn một chút, nhưng anh không mảy may động đậy.

Đến bốn giờ nàng nhồm dậy, đầu óc vẫn còn mơ màng. Nàng chọn một cái váy cotton chấm hoa, thắt eo, với hai sợi dây mảnh vắt ngang vai. Nàng quàng tạp dề và bắt tay vào nấu nướng, những món đơn giản, nhưng sang trọng: sò hấp ăn kèm bánh tráng giòn, ngô vàng còn

nguyên lõi, món salad xanh tươi ngon, cùng tôm hùm nhỏ nàng mua hồi sáng ở chợ, vẫn còn bơi trong xô nước biển. Khi nàng đi lại trong gian bếp nhỏ, biến chảo nướng bánh thành chảo nướng thịt và lấy kính giới thay bạc hà để làm sốt salad, lớp vảy vảy thô cọ nhẹ lên đùi, lên hông nàng. Làn gió ấm như hơi thở lướt trên tay nàng. Nàng nhúng hẳn tay xuống chậu nước lạnh, nhẹ nhàng rửa từng chiếc lá rau diếp mỏng manh. Bên ngoài, Paul và David hì hụi nhóm lửa cho chiếc bếp nướng đã gỉ sét phân nửa, những lỗ thủng được vá lại bằng lá nhôm. Đĩa giấy đã bày sẵn trên bàn sồn cũ, và rượu rót vào những chiếc cốc nhựa đỏ. Họ sẽ ăn tôm hùm bằng tay không, để bơ chảy xuống lòng bàn tay.

Nàng nghe thấy giọng nói của anh ta khi chưa thấy mặt, tông giọng khác, hơi trầm so với giọng David và pha chút giọng mũi, với âm điệu đều đều kiểu miền Bắc; như một làn khí hanh hao, điểm xuyết những bông tuyết, bông bành trong căn phòng khi mỗi âm tiết phát ra. Norah lấy khăn bếp lau khô tay và đi ra cửa.

Ba người đàn ông – Norah thấy sốc vì mình đã nghĩ về Paul như thế, nhưng giờ thằng bé đã cao ngang David, gần như đã trưởng thành và độc lập, như thể cơ thể của nó chẳng có mối liên kết nào với cơ thể của nàng vậy – ba người túm tụm trên bờ cát phía ngoài hiên nhà. Mùi khói và nhựa thông bốc lên từ chiếc vỉ nướng, những hòn than tỏa ra hơi nóng chập chờn lên trời cao. Paul cời trần, hai tay thọc vào túi chiếc quần cắt cụt ống, ngượng nghịu trả lời vắn tắt những câu nó được hỏi. Họ không nhìn thấy nàng, chồng nàng và con trai nàng; mắt họ còn mãi nhìn ngọn lửa và nhìn biển, giờ phẳng lặng như lớp kính mờ đục. Chỉ có Howard, đứng đối mặt với hai cha con, hất cằm về phía nàng và mỉm cười.

Trong một giây, trước khi hai bố con David quay lại, trước khi Howard giơ chai rượu lên và nhẹ nhàng đặt vào tay nàng, mắt họ chạm nhau. Đó là phút giây có thực chỉ giữa hai người bọn họ mà thôi, là một điều mà sau này cũng chẳng thể sáng tỏ, một khoảnh khắc giao cảm

bất chấp tương lai có áp đặt thế nào. Nhưng đó là sự thật: đôi mắt đen thăm của anh ta, khuôn mặt anh ta và khuôn mặt nàng giãn ra sung sướng, đầy hứa hẹn, thế giới xung quanh vỡ vụn ra như những con sóng.

David quay lại, mỉm cười, và khoảnh khắc ấy vụt tắt như một cánh cửa đóng sập lại. “Vang trắng đấy,” Howard nói, đoạn đưa cái chai cho nàng. Norah thấy chột dạ trước vẻ bình thản của Howard sau đó, trước cái cách vết cháy nắng chạy dài xuống tận giữa má anh ta trông ngớ ngẩn làm sao. Ấn ý trong giây phút trước đó – có phải chỉ do nàng tưởng tượng ra không nhỉ? – đã biến mất. “Tôi hy vọng sẽ dùng được.”

“Tuyệt,” nàng đáp. “Chúng ta sẽ ăn tôm hùm.” Phải, thật bình thường, cuộc trao đổi ấy. Giây phút ngây ngất giờ đã lùi xa, và nàng là bà chủ nhà hòa nhã, làm tròn bốn phận của mình trơn tru nhẹ nhàng như di chuyển trong lớp váy mỏng. Howard là khách của nàng; nàng mời anh ta ngồi xuống chiếc ghế mây và rót cho anh ta một ly rượu. Sau đó nàng quay lại, bê theo một cái khay, trên có mấy chai gin và tonic cùng một xô đá, mặt trời đã xuống gần mép nước. Mây cuộn lên trên nền trời rực ánh hồng đào.

Họ ăn tối trên hiên nhà. Bóng tối sụp xuống rất nhanh, David bèn thấp những cây nến đặt cách nhau một khoảng dọc lan can. Phía xa xa, nước triều lên, từng đợt sóng xô vào bờ cát một cách vô hình. Trong ánh sáng lập lờ, giọng Howard vút lên, hạ thấp rồi lại vút lên. Anh ta kể về chiếc hộp tối đang làm. Hộp tối là một chiếc hộp gỗ gụ chấn sáng hoàn toàn, chỉ chứa lại một lỗ nhỏ như đầu kim. Qua cái lỗ ấy, hình ảnh nhỏ xíu của thế giới bên ngoài hiện lên trên gương. Chiếc hộp này chính là tổ tiên của chiếc máy ảnh hiện nay; một số họa sĩ – trong đó có Vermeer – đã sử dụng chiếc hộp đó để đưa những chi tiết chính xác đến kinh ngạc vào tác phẩm của mình. Howard cũng đang tìm hiểu vấn đề này.

Norah lắng nghe, chìm ngập trong bóng đêm, cảm thấy xao động bởi hình ảnh anh ta phác ra: cả thế giới hiện lên trên bức tường tối bên trong hộp, những hình hài nhỏ xíu rực sáng chuyển động. Thật khác với những buổi nàng chụp ảnh cùng David, khi ấy chiếc máy ảnh dường như đóng đinh nàng vào một vị trí, một thời điểm, khiến nàng không thể động đậy. Nhấp ngậm rượu trong bóng tối, nàng chợt nhận ra, đấy chính là mấu chốt của mọi vấn đề. Ở đâu đó trên con đường họ cùng đi, nàng và David đã rơi vào bế tắc. Họ chuyển động quanh nhau, bị gò cứng trong cái quỹ đạo riêng biệt của mỗi người. Cuộc nói chuyện chuyển hướng, Howard kể đến quãng thời gian ở Việt Nam, với vai trò là thợ chụp ảnh cho quân đội, ghi lại hình ảnh các trận đánh. “Thật ra thì nhiều lúc công việc ấy cũng nhàm chán lắm,” anh ta nói, khi Paul tỏ vẻ ngưỡng mộ. “Đa số thời gian tôi đi ngược xuôi sông Mê Kông trên một chiếc thuyền. Dẫu vậy, đó quả là một con sông vĩ đại, một xứ sở vĩ đại.”

Sau bữa tối Paul trở về phòng. Vài phút sau, những nốt nhạc từ chiếc ghi ta của thằng bé tuôn ra hòa cùng tiếng sóng biển. Thằng bé đã không muốn cùng đi nghỉ chuyển này; nó phải bỏ một tuần sinh hoạt tại trại nhạc, và còn phải tham gia một buổi hòa nhạc quan trọng chỉ vài ngày sau khi họ về đến nhà. David nhất mực bắt nó đi; anh không coi trọng lắm những tham vọng âm nhạc của Paul. Nếu chỉ để giải trí thì được, còn lấy đó làm nghề thì không. Nhưng Paul yêu ghi ta, thằng bé quyết tâm vào học trường Juilliard. David, dù luôn gắng hết sức mình để hai cha con được hòa thuận, cũng không tránh khỏi trở nên gay gắt mỗi khi động đến vấn đề này. Giờ đây từng nốt nhạc của Paul rơi vào không trung, bay bổng và duyên dáng nhưng cũng là một vết cắt, một mũi dao của vào da thịt.

Cuộc trò chuyện chuyển từ đề tài quang học sang thứ ánh sáng kỳ ảo ở thung lũng sông Hudson, nơi Howard sống, và miền Nam nước Pháp, nơi anh ta rất thích đến thăm. Anh ta miêu tả một con đường hẹp, một

đám bụi mỏng bốc lên, những cánh đồng hoa hướng dương nở rộ. Chỉ có giọng Howard vang lên, còn hình ảnh của anh ta hầu như không hơn một bóng đen bên nàng, từng lời anh ta nói thấm vào nàng như những nốt nhạc Paul chơi, không hiểu sao vừa bao bọc lại vừa len lỏi vào tận trong lòng nàng. David rót thêm rượu và đổi chủ đề, rồi họ đứng dậy, bước vào phòng khách nến thấp sáng trưng. David lôi ra một loạt ảnh đen trắng từ chiếc cặp của mình, anh và Howard lại bắt đầu say sưa bàn luận về chất lượng ánh sáng.

Norah ngồi nán lại. Những tấm ảnh họ đang xem đều chụp nàng: hông nàng, da nàng, tay nàng, tóc nàng. Vậy mà nàng lại hoàn toàn bị loại ra khỏi câu chuyện: đối tượng, không phải là chủ thể. Có những lúc đến văn phòng ở Lexington, Norah nhìn thấy một bức ảnh, vô danh nhưng lại quen thuộc đến kỳ lạ – những đường cong của cơ thể nàng hay một nơi nàng đã tới cùng David, những hình ảnh bị bóc tách khỏi ý nghĩa ban đầu của nó và được nhào nặn: hình ảnh da thịt nàng trở thành thứ gì đó thật trừu tượng, một ý niệm. Nàng đã cố gắng tạo dáng cho David chụp để thu bớt khoảng cách giữa hai người. Là lỗi ở anh, hay lỗi của nàng – cũng chẳng quan trọng gì. Nhưng ngắm nhìn David lúc này, mê mải trong những luận giải của bản thân, nàng hiểu anh đã không thực nhìn thấy nàng và đã như thế từ rất lâu rồi.

Cơn giận dữ trào lên khiến nàng run lấy bầy. Nàng quay đi và rời khỏi căn phòng. Từ ngày dỡ cái tổ ong nàng chỉ còn uống rất ít, nhưng giờ thì nàng vào bếp và rót đầy rượu vào cái cốc nhựa đỏ. Xung quanh nàng là nồi xoong bắn, bơ đóng cục, vỏ tôm đỏ au như lớp giáp của con ve sầu chết. Quá nhiều việc phải làm cho một cuộc vui chóng vánh! Thường thì David vẫn rửa bát, nhưng tối nay Norah lại thất dây tạp dề quanh hông, xả nước đầy bồn rồi cất phần sò hằm ăn thừa vào tủ lạnh. Trong phòng khách, tiếng người không ngớt, lên bổng xuống trầm như sóng biển. Nàng đã nghĩ gì vậy, sao lại mặc chiếc váy này, sao lại rung động trước giọng nói của Howard? Nàng là Norah Henry, vợ của David,

mẹ của Paul, một cậu trai gần như đã trưởng thành. Tóc nàng thậm chí còn điểm vài sợi bạc, dù nàng tin rằng không ai có thể nhìn ra trừ mình, và chỉ khi nheo mắt thấy dưới ánh sáng chói trong phòng tắm. Tuy vậy, điều đó là thật. Howard chỉ đến để nói chuyện nhiếp ảnh với David, và chỉ vậy thôi.

Nàng ra ngoài, xách theo túi rác đi đổ. Mặt cát lạnh lạnh trải dưới bàn chân trần, không khí ẩm áp như làn da nàng. Norah bước ra tận mép nước và đứng nhìn trần trần dải sao sáng trắng. Phía sau nàng cánh cửa lưới mở ra rồi đung đưa sập lại. David cùng Howard bước ra, đi qua bãi cát và bóng tối.

“Cảm ơn em đã dọn giúp anh,” David nói. Tay anh lướt nhanh qua lưng nàng, nàng thấy căng thẳng, cố gắng không bỏ đi. “Anh xin lỗi đã không giúp em. Chắc tại anh mãi nói chuyện quá. Howard vừa nghĩ ra vài ý hay lắm.”

“Thành thật mà nói, tôi bị cánh tay cô mê hoặc mất rồi,” Howard nói, ý nhắc đến hàng trăm tấm ảnh David đã chụp. Anh ta nhặt một mẫu gỗ dặt lên và phóng đi thật mạnh. Họ nghe thấy tiếng một tiếng tồm, rồi những con sóng liếm lên mẫu gỗ, cuốn nó ra tít xa.

Sau lưng họ căn nhà trông như một chiếc đèn lồng, tỏa ra xung quanh một vòng sáng rực rỡ, nhưng chỗ họ đứng chỉ có bóng tối, dày đặc tới mức Norah hầu như không nhìn thấy mặt David, Howard, hay chính bàn tay mình. Chỉ còn những cái bóng mờ ảo, những giọng nói tách khỏi cơ thể vang lên trong đêm. Cuộc nói chuyện loanh quanh một lúc rồi lại trở về với đề tài kỹ thuật và phương pháp, Norah muốn hét lên. Nàng đưa một bàn chân trần ra sau chân kia, định quay gót bỏ đi thì đột nhiên một bàn tay quét qua đùi nàng. Nàng dừng lại, sững sờ. Chờ đợi. Trong giây lát mấy ngón tay Howard nhẹ nhàng lần ngược lên theo đường may chiếc váy, rồi luồn gọn cả bàn tay vào túi váy nàng, một luồng hơi ấm đột ngột áp lên da thịt nàng.

Norah nín thở. David lại nói về những tấm ảnh anh chụp. Nàng vẫn mặc nguyên chiếc tạp dề, mà trời thì tối om. Sau một lúc nàng hơi xoay người, bàn tay Howard xòe hẳn ra, áp lên lớp vải mỏng và khuôn bụng phẳng lì của nàng.

“Đúng vậy,” Howard nói, giọng trầm và bình thản, “Nếu anh dùng loại kính lọc đó thì ảnh sẽ kém nét. Nhưng hiệu ứng tạo ra sau đó thì đúng là rất đáng đồng tiền bát gạo.”

Norah thở ra, từ từ, từ từ, tự hỏi liệu Howard có nhận thấy máu nàng đang chảy ồ ạt hay không. Hơi ấm lan tỏa từ những ngón tay của anh ta; toàn thân nàng rạo rực đến nhức nhối. Sóng xô lên, lùi ra xa rồi lại tràn tới. Norah đứng yên, lắng nghe luồng hơi thở của chính mình.

“Giờ đây, nhờ dùng chiếc hộp tối, anh còn hiểu sâu hơn quá trình đó nữa kia,” Howard nói. “Tôi phải nói là rất tuyệt, cách nó phản ánh sự vật ấy. Anh gạt qua chỗ tôi xem thì biết. Đi chứ?” anh ta hỏi.

“Ngày mai tôi đưa Paul đi câu cá xa bờ mất rồi,” David đáp. “Có lẽ để ngày kia nhé.”

“Em nghĩ em phải vào nhà đây,” Norah lí nhí.

“Norah chán rồi,” David nói.

“Ai mà trách được cô ấy cơ chứ?” Howard đáp, bàn tay anh ta ấn sâu xuống bụng nàng, mạnh và nhanh, như một cú đập cánh. Sau đó anh ta rút tay ra khỏi túi váy nàng. “Nếu cô thích thì mai cứ ghé qua nhé,” anh ta nói. “Tôi đang dùng chiếc hộp tối đó để vẽ vài bức.”

Norah chỉ gạt đầu mà không nói lời nào, nàng mừng tượng ra một tia sáng lẻ loi xuyên thẳng qua bóng tối, in những hình ảnh điểm lẹ lên tường.

Vài phút sau anh ta ra về, gần như biến mất ngay tức khắc vào bóng đêm.

“Anh thích anh chàng này,” David nói, khi hai người đã vào nhà. Căn bếp bây giờ đã sạch tinh tươm, tất cả những dấu vết từ buổi chiều mơ màng của nàng đã được giấu kỹ.

Norah đang đứng bên cửa sổ nhìn ra biển đêm, nghe tiếng sóng vỗ, hai tay thọc sâu vào túi váy.

“Phải,” nàng đồng tình. “Em cũng vậy.”

* * *

Sáng sớm hôm sau, David và Paul dậy từ mờ sáng để lái xe ra bờ biển bắt tàu cá. Norah nằm im trong bóng tối trong khi hai cha con sửa soạn, tấm ga cotton sạch sẽ mềm mại áp vào da nàng, nàng lắng nghe hai người vụng về va đụng trong phòng khách, cố không gây tiếng ồn. Nhưng có tiếng bước chân, rồi tiếng động cơ xe gầm lên và nhật dần cho tới khi im ắng hẳn, chỉ còn tiếng sóng vỗ. Nàng vẫn nằm nguyên, uể oải, cho đến khi một dải sáng bùng lên tại ranh giới giữa trời và biển. Nàng tắm rửa, mặc quần áo rồi tự pha cho mình một tách cà phê. Nàng ăn nửa quả bưởi, rửa bát đĩa và xếp gọn ghề, rồi ra khỏi nhà. Nàng mặc quần soóc và áo sơ mi màu ngọc lam in hình những chú hồng hạc. Đôi giày thể thao trắng bị buộc lại với nhau, lúc lắc trên tay. Nàng vừa gọi đầu nhưng gió biển đã hong khô tóc, thổi tung từng lọn vờn quanh mặt nàng.

Căn nhà gỗ của Howard, cách đó chừng một dặm, gần như giống hệt căn nhà nàng đang ở. Anh ta đang ngồi trên hiên nhà, cúi xuống một chiếc hộp gỗ tối màu đã hoàn chỉnh. Anh ta mặc quần soóc trắng và sơ mi ca rô màu cam. Bàn chân, cũng như nàng, đang để trần. Anh ta đứng lên khi nàng tiến lại gần.

“Cô uống cà phê không?” anh ta gọi. “Tôi đang ngắm cô đi dọc bờ biển.”

“Không, cảm ơn anh,” nàng đáp.

“Cô chắc chứ? Cà phê Ireland đấy nhé. Hơi sốc một chút đấy, nếu cô hiểu ý tôi.”

“Thôi để lát nữa.” Nàng trèo lên bậc thang và đưa tay sờ chiếc hộp gỗ gụ bóng loáng. “Đây là cái hộp tối phải không?”

“Phải,” anh ta đáp. “Cô lại đây. Nhìn thử xem.”

Nàng ngồi xuống ghế, vẫn còn hơi ấm của da thịt anh ta, và nhìn qua khe hở. Thế giới bên ngoài hiện ra, bờ biển trải dài với những mô đá, một cánh buồm trôi lững lờ nơi đường chân trời. Gió vút cao trên những rặng phi lao chớp nhẹn hoắt, mọi vật đều bé tí và được phản ánh bằng những chi tiết sắc cạnh, được đóng khung và thu gọn lại, động chứ không tĩnh. Norah nhìn lên, chớp chớp mắt, và nhận thấy khung cảnh đã biến đổi: những bông hoa, in bóng rõ nét lên nền cát, chiếc ghế với những đường sọc rực rỡ, và đôi tình nhân dạo bộ dọc mép nước. Sống động, đẹp sững sờ, hơn cả mức nàng có thể tưởng tượng được.

“Ồ,” nàng kêu lên, rồi lại nhìn vào chiếc hộp. “Tuyệt thật. Mọi vật đều chi tiết, sống động quá. Thậm chí tôi còn nhìn thấy cả gió lùa qua những rặng cây nữa.”

Howard cười. “Kỳ diệu quá phải không? Tôi biết cô sẽ thích mà.” Nàng nghĩ đến Paul khi mới chào đời, miệng há hốc thành một hình chữ O hoàn hảo mỗi khi nằm trong cũi nhìn chăm chú vào thứ gì đó lạ lẫm. Nàng lại cúi đầu xuống để nhìn thế giới chứa trong chiếc hộp, rồi nhìn lên xem nó biến đổi ra sao. Nổi bật lên giữa cái nền tối bao

quanh, ánh sáng bỗng lung linh hơn, sinh động hơn. “Đẹp quá,” nàng thì thầm. “Đẹp không tả nổi.”

“Tôi biết,” Howard nói. “Nào. Cô ra đằng xa đi. Để tôi vẽ cô.” Nàng nhòe dậy và đi ra chỗ dải cát nóng, nơi có nhiều ánh sáng. Nàng quay lưng lại đứng trước Howard, anh ta đang cúi xuống lỗ ống kính, nàng nhìn thấy tay anh ta đưa đi đưa lại trên giá vẽ. Tóc nàng rục lên – mặt trời như bàn tay nhấn nhai nóng bỏng – nàng nhớ lại những lúc phải tạo dáng ngày hôm trước, và hôm trước nữa. Nàng đã đứng như thế bao nhiêu lần rồi nhỉ, là chủ thể và cũng là đối tượng, tạo dáng để khơi gợi hay lưu giữ một điều gì đó không thực sự tồn tại, trong khi những suy nghĩ thật lại bị kìm nén?

Giờ nàng lại đứng đây, một người đàn bà với hình ảnh của chính mình được thu nhỏ hoàn hảo, từng đường nét trên cơ thể nàng được ánh sáng phản chiếu lại trên một tấm gương. Làn gió biển, ẩm áp và ẩm ướt, luồn trong tóc anh ta, bàn tay Howard, với những ngón dài và móng cắt gọn gàng, lướt rất nhanh khi phác hình nàng, giữ lại hình ảnh nàng trên mặt giấy. Nàng nhớ cảm giác cát chảy dưới hông khi tạo dáng cho David chụp ảnh, và cách họ nói chuyện về nàng sau đó, David và Howard, không phải như một người phụ nữ bằng xương bằng thịt đang có mặt trong phòng mà chỉ như một hình ảnh, một dáng điệu. Nhớ đến đó, cơ thể nàng bất chợt trở nên yếu đuối, như thể nàng không phải là người phụ nữ độc lập, tài năng đã dẫn cả một đoàn người sang Trung Quốc rồi quay lại mà chỉ còn là một người có thể bị thổi bay ngay khi luồng gió tiếp theo tràn tới. Rồi nàng nhớ đến bàn tay Howard, ấm sục lên trong túi nàng và trên da thịt nàng. Bàn tay ấy, bàn tay đang chuyển động, bàn tay đang vẽ nàng.

Nàng đưa tay xuống eo và túm lấy vạt áo. Chạm rãi, nhưng không chút e dè, nàng kéo áo qua đầu và thả rơi xuống cát. Trên hiên nhà, Howard ngừng vẽ, dù đầu vẫn không ngẩng lên. Nhưng thớ cơ nhỏ trên cánh tay và vai đã dừng chuyển động. Norah kéo khóa quần soóc. Chiếc

quần tụt qua hông, và nàng nhấc chân bước ra ngoài. Đến đó vẫn chưa có gì khác lạ, vẫn bộ đồ bơi nàng mặc trong hàng chục lần làm mẫu trước đó. Nhưng lúc này nàng vòng tay ra sau lưng và cởi dây áo bơi. Nàng kéo chiếc quần bơi qua hông dọc xuống chân, rồi đá nó đi. Nàng đứng yên, cảm thấy nắng gió mơn man trên da thịt mình.

Howard chậm chạp ngẩng đầu lên khỏi chiếc hộp tối và ngồi nhìn trần trần.

Đột nhiên tất cả giống như một cơn ác mộng, nàng cảm thấy sợ hãi và hổ thẹn khi nhận ra, giữa cơn mơ, mình đang mua sắm và đi lại trong một công viên đông đúc, nhưng lại không có lấy một mảnh vải che thân. Nàng liền cúi xuống nhặt quần áo.

“Không, đừng,” Howard thì thầm, nàng khựng lại, rồi đứng thẳng lên. “Em đẹp quá.” Anh ta nhồm dậy, thận trọng, chậm rãi, như thể nàng là một con chim có thể bị giạt mình mà bay đi mất. Nhưng Norah đứng yên, hoàn toàn chú tâm vào cơ thể mình, cảm giác như thể nàng được tạo nên từ cát, cát gặp lửa và chuẩn bị biến đổi, chảy ra, trở nên lấp lánh. Howard vượt qua mấy thước đường bờ biển. Dường như anh ta đi khá lâu, chân lội ngập trong cát ấm. Khi cuối cùng cũng đến được chỗ nàng đứng, anh ta dừng lại, không chạm vào người nàng, chỉ nhìn chằm chằm. Gió thổi tung tóc nàng, anh ta gạt một lọn tóc vương trên môi nàng, thật nhẹ nhàng, gài nó ra sau tai.

“Anh không bao giờ có thể lưu lại được,” anh ta nói, “hình ảnh em trong giây phút này. Anh không bao giờ có thể lưu lại được.”

Norah mỉm cười và xòe tay đặt lên ngực anh ta, cảm nhận lớp vải ca rô mỏng bằng cotton và da thịt ấm áp, cùng những lớp cơ, xương. Xương ức, nàng vẫn còn nhớ, từ những ngày tìm hiểu về xương để hiểu rõ David và công việc của anh hơn. Chuôi ức và thân xương ức, hình dạng như lưỡi gươm. Xương sườn thật và giả, những đường nối xương.

Anh ta dịu dàng khum tay quanh mặt nàng. Nàng thả hai tay xuống. Cùng nhau, không nói một lời, họ bước về phía căn nhà gỗ nhỏ. Nàng bỏ quần áo trên cát; cũng chẳng thèm quan tâm liệu có ai nhìn thấy chúng không. Những tấm ván trên nhà khẽ lún dưới chân nàng. Miếng vải phủ trên chiếc hộp tối bị lật lên, và nàng hài lòng khi thấy Howard đã phác ra bãi biển và đường chân trời, những mô đá và cây cối nằm rải rác; tất cả đều được sao chép hoàn hảo. Anh ta đã phác họa cả mái tóc nàng, một đám mây mềm mại, vô định hình, nhưng chỉ có thế. Nơi nàng đứng chỉ là một khoảng giấy trắng tinh. Quần áo nàng rơi xuống như lá rụng, và anh ta đã ngược lên để nhìn nàng đứng đó.

Trong phút chốc, chính nàng đã khiến thời gian ngưng lại.

Căn phòng có vẻ tù mù vì nàng đang quen với ánh sáng ngoài bờ biển, cả thế giới đóng khung trong ô cửa sổ giống hệt như trong ống ngắm của chiếc hộp tối, rục rờ và sống động quá khiến mắt nàng nhòe nước. Nàng ngồi xuống mép giường. *Nằm xuống đi*, anh ta bảo, đoạn kéo áo qua đầu. *Anh chỉ muốn ngắm em một lát thôi*. Nàng làm theo, Howard đứng đó, mắt lướt trên làn da nàng. *Ở lại đây với anh*, anh ta nói, rồi khiến Norah sững sờ khi quỳ xuống, ngả đầu lên bụng nàng. Nàng cảm nhận được sức nặng của anh ta mỗi khi nàng thở, và hơi thở của anh ta mơn man trên da nàng. Nàng đưa tay xuống, luồn những ngón tay trong lớp tóc mỏng của anh ta, và kéo anh ta lên môi hôn.

Sau rồi, nàng cảm thấy bàng hoàng, không phải vì nàng đã làm những việc ấy hay bất cứ hành động nào tiếp theo, mà vì nàng đã làm chuyện đó trên giường Howard ngay dưới ô cửa sổ không hề che chắn, đóng khung như một bức ảnh trong máy. David đã đi rồi, anh đang ở tít ngoài khơi với Paul để câu cá. Tuy vậy, vẫn có thể có người đi ngang qua và nhìn thấy hai người bọn họ.

Nhưng nàng không dừng lại, lúc ấy và cả sau đó nữa. Anh ta đến bên nàng như một cơn sốt, một sự ép buộc, một cánh cửa mở ra những

khả năng cho riêng nàng, dẫn đến thứ mà nàng tin chính là tự do. Kỳ lạ thay, nàng nhận ra điều bí mật khiến nàng và David xa cách dường như trở nên dễ chịu hơn. Nàng trở lại với Howard hết lần này đến lần khác, ngay cả khi David bắt đầu thắc mắc về số lần nàng đi dạo hay quãng đường nàng đã đi. Thậm chí, lúc nán lại trên giường chờ Howard đi lấy đồ uống cho cả hai, nàng lục túi quần soóc anh ta vớt trên sàn nhà và tìm thấy một tấm ảnh chụp cô vợ tươi cười cùng ba đứa con nhỏ của anh ta, bên trong là một bức thư viết: *Mẹ em đã khỏe, cả nhà rất nhớ và yêu anh, tuần sau gặp anh nhé.*

Chuyện xảy ra vào buổi chiều, nắng chiếu lấp lánh trên mặt nước lay động, hơi nóng lò mờ bốc lên từ mặt cát. Chiếc quạt trần quay lạch xạch trong căn phòng mờ tối còn nàng cầm tấm ảnh, nhìn trân trân ra ngoài, hướng đến khung cảnh tường tượng dưới ánh sáng rực rỡ. Trong đời thực, tấm ảnh này sẽ cửa vào tim nàng một nhát nhanh gọn và sắc ngọt, nhưng ở đây nàng không cảm thấy gì cả. Norah nhét tấm ảnh vào chỗ cũ và thả chiếc quần soóc xuống sàn. Ở đây, chuyện đó chẳng còn ý nghĩa. Chỉ có giấc mơ là quan trọng, và cả thứ ánh sáng kích thích nữa. Trong mười ngày sau đó, nàng tiếp tục gặp anh ta.

Tháng Tám Năm 1977

I

DAVID CHẠY LÊN CẦU THANG VÀ BƯỚC VÀO CĂN PHÒNG GIẢI LAO tĩnh mịch của trường, ngừng lại một lát để lấy hơi và chỉnh đốn lại tác phong. Anh đã trễ buổi hòa nhạc của Paul, rất trễ rồi. Anh định rời bệnh viện sớm hơn, nhưng ngay khi bước ra cửa thì xe cứu thương lại mang tới một cặp vợ chồng già: người chồng trượt chân trên cầu thang và rơi trúng bà vợ. Chân ông ta bị gãy, tay bà vợ cũng vậy; ông cần phải nẹp và đóng đinh vào chân. David gọi cho Norah, nghe thấy sự giận dữ gần như không thể kìm nén trong giọng nói của nàng, tự bản thân anh đã đủ cáu rồi nhưng anh chẳng quan tâm, thậm chí còn sung sướng khi chọc tức được nàng. Xét cho cùng, nàng đã lấy anh thì phải hiểu được công việc của anh chứ. Sự im lặng giữa hai người dâng cao trong một lúc lâu trước khi anh gác máy.

Sàn nhà lát đá mài có sắc hồng nhạt, các ổ khóa sắp thành hàng trên những bức tường hành lang sơn màu xanh đậm. David đứng đó lắng nghe, trong giây lát chỉ nghe thấy nhịp thở của mình, rồi sau đó một tràng pháo tay vang lên dẫn anh xuống đại sảnh tới cánh cửa đôi bằng gỗ của thánh phòng. Anh kéo một cánh cửa rồi bước vào trong, để cho mắt tự điều chỉnh. Mọi chỗ ngồi đã được sắp xếp; một biển các mái đầu tối thẫm chảy xuống phía sân khấu thấp đèn rực sáng. Anh nhìn lướt qua họ, tìm kiếm Norah. Một phụ nữ trẻ đưa cho anh tờ chương trình, rồi khi một chàng trai mặc quần bò cạp trễ bước ra phía trước sân khấu và ngồi xuống cùng cây kèn saxophone, cô chỉ vào cái tên thứ năm từ trên xuống. Anh thở một hơi dài khoan khoái và cảm thấy bớt căng thẳng hẳn. Paul được xếp số 7; anh đã tới vừa kịp lúc.

Cậu bé chơi saxophone bắt đầu bài biểu diễn, thể hiện với niềm đam mê và xúc cảm mãnh liệt, rồi bỗng vấp phải một nốt lồi cao chói tai khiến David ớn lạnh cả sống lưng. Anh nhìn lướt qua đám thính giả một lần nữa và tìm thấy Norah ở ngay giữa gần hàng đầu tiên, với một chỗ trống bên cạnh nàng. Như thế nàng đã nghĩ đến anh, ít ra là vậy, khi giữ cho anh chỗ ấy. Anh đã không chắc liệu nàng có làm thế không; anh đã không còn chắc chắn nữa, về bất cứ điều gì. Phải, anh biết chắc về cơn giận dữ của mình, và về tội lỗi đã khiến anh im lặng trước những gì chứng kiến ở Aruba; những chuyện đó tất nhiên vẫn án ngữ giữa họ. Nhưng anh đã không hề để tâm, dù là chút ít, đến trái tim của Norah, đến những khát vọng cũng như động lực đã thúc đẩy nàng.

Cậu bé chơi saxo kết thúc bằng một đoạn nhạc ngẫu hứng rồi đứng lên chào khán giả. Giữa những tràng vỗ tay vang dội, David tìm đường men xuống lối đi sáng lờ mờ giữa các hàng ghế, vụng về lách qua những chỗ đã có người ngồi để tới chỗ của mình ngay cạnh Norah.

“David,” nàng thốt ra, nhắc chiếc áo khoác lên. “Thế đấy. Cuối cùng thì anh cũng tới.”

“Đó là một ca phẫu thuật khẩn cấp, Norah,” anh nói.

“Ồ, em biết, em quen với việc ấy rồi. Em chỉ lo cho Paul thôi.”

“Anh cũng lo cho Paul đấy chứ,” David nói. “Đó là lý do tại sao anh có mặt ở đây.”

“Vâng. Phải rồi.” Giọng nàng sắc lạnh và cụt ngủn. “Anh cũng thế.”

Anh cảm thấy sự tức giận của nàng, đang tỏa ra thành từng đợt sóng. Mái tóc ngắn vàng óng được tạo kiểu hoàn hảo, đồ nàng bận trên người toàn là tông kem và vàng, nàng mặc một bộ vest lụa tự nhiên mua trong chuyến du lịch đầu tiên tới Singapore. Khi công việc kinh doanh ngày một phát đạt, nàng đi lại nhiều hơn, đưa các đoàn khách

tới những xứ sở vừa trần tục vừa kỳ thú. David đã đi cùng nàng vài lần trong những ngày đầu, khi quy mô những chuyến đi còn nhỏ và ít tham vọng hơn: xuống thăm Động Ma mút hay đi thuyền trên sông Mississippi. Lần nào anh cũng kinh ngạc trước Norah, trước con người mà nàng đã trở thành. Những người khách đi cùng đoàn tìm đến nàng với tất cả những lo âu và thắc mắc của họ: thịt bò nấu chưa chín, buồng quá nhỏ, điều hòa nhiệt độ bị hỏng, giường quá cứng. Nàng chăm chú lắng nghe, và bình tĩnh trước mọi vấn đề, gặt đầu, vỗ vai, với tay lấy điện thoại. Trông nàng vẫn vô cùng xinh đẹp, cho dù nhan sắc ngày xưa có phần nhỉnh hơn hiện giờ. Nàng làm việc tốt, và đã có hơn một phụ nữ lớn tuổi kéo anh ra một chỗ chỉ cho anh thấy mình may mắn đến nhường nào.

Anh đã phải tự hỏi liệu họ sẽ nghĩ gì, những người đàn bà này, nếu họ là người tìm thấy quần áo của nàng vớt một đồng trên bãi biển.

“Em không có quyền giận dữ với anh, Norah,” anh thầm thì. Người nàng tỏa ra hương cam nhè nhẹ, và miệng mím chặt. Trên sân khấu, một chàng trai trẻ trong bộ vest xanh ngồi xuống trước cây đàn piano, bẻ ngón tay. Sau giây lát, cậu ta dạo phím, những nốt nhạc ngân lên. “Chẳng đúng tẹo nào,” David nói.

“Em không giận. Em chỉ lo cho Paul thôi. Anh mới là người giận dữ.”

“Không, đó là em,” anh nói. “Em đã thành ra thế kể từ hồi ở Aruba.”

“Nhìn vào gương xem,” nàng thầm thì lại. “Trông anh như vừa nuốt phải con thạch sùng bò trên trần nhà ấy.”

Sau đó, một bàn tay đặt lên vai anh. Anh quay sang và thấy một phụ nữ to béo ngồi cạnh chồng, bên cạnh là cả một lũ con.

“Xin lỗi,” bà ta nói. “Ông là bố cậu Paul Henry, phải không? Ừm, trên kia là cậu con trai Duke nhà tôi đang chơi piano, và nếu ông không

phiên, chúng tôi rất muốn nghe nó chơi.”

David chạm mắt Norah, và trong thời khắc giao thoa ngắn ngủi ấy, nàng thậm chí còn xấu hổ hơn anh.

Anh ngả lưng ra sau ghế và lắng nghe. Chàng trai trẻ này, Duke, một người bạn của Paul, chơi piano một cách dè dặt, tuy nhiên cậu chơi rất tốt, kỹ thuật nhuần nhuyễn và cũng rất tình cảm. David ngắm đôi bàn tay cậu lướt trên các phím đàn, tự hỏi liệu Duke và Paul nói những chuyện gì khi hai đứa cùng đạp xe qua những con đường vắng lặng của khu lân cận. Chúng mơ ước gì, hai chàng trai này? Paul đã kể cho bạn những gì, chuyện mà nó không bao giờ nói với bố nó?

Quần áo của Norah, vút thành một đồng rục rờ trên nền cát trắng, gió thổi tung vạt áo sặc sỡ của nàng: đó là điều mà họ không bao giờ dám động đến, dù David nghĩ rằng Paul cũng đã nhìn thấy. Sáng hôm đó hai bố con dậy rất sớm để đi câu cá, họ lái xe tới bờ biển trong bóng tối nhập nhoạng buổi rạng đông, đi qua những ngôi làng nhỏ ven đường. Họ không phải những người hay chuyện, cả anh và Paul, nhưng vẫn luôn có sự đồng cảm ngay từ ban đầu, giống như một bên quăng dây và bên kia bắt dây, và David đã chờ đợi cơ hội này để được ở bên con trai mình, nó lớn quá nhanh, giờ đây cứ như một điều bí ẩn đối với anh. Tuy nhiên chuyến đi đã bị hủy, động cơ của chiếc thuyền bị hỏng và người chủ thuyền đang ngồi chờ phụ tùng mới. Thất vọng, hai bố con nán lại một lát ở bến tàu, uống soda cam và ngắm mặt trời mọc trên mặt biển phẳng như gương. Sau đó họ lái xe trở lại nhà.

Ánh sáng buổi sớm hôm đó thật đẹp, và David, dù hơi thất vọng, cũng vẫn háo hức quay lại với chiếc máy ảnh. Anh nghĩ ra một ý tưởng khác, lúc nửa đêm, cho những bức ảnh của mình. Howard đã chỉ cho anh một nơi có thể chụp thêm tám ảnh nữa giúp kết nối toàn bộ chuỗi ảnh lại với nhau. Howard là một anh chàng dễ thương và sâu sắc. Cuộc trò chuyện của họ luẩn quẩn trong tâm trí David suốt đêm, tạo ra một

cảm giác phấn khích nhẹ nhàng. Anh hầu như không ngủ, và giờ anh muốn quay về nhà ngay và chụp một cuộn phim về Norah trên cát. Nhưng họ thấy căn nhà gỗ tĩnh mịch, lạnh ngắt và trống trải, tràn ngập ánh sáng và tiếng sóng vỗ. Norah bỏ lại một bát cam ở chính giữa bàn. Cốc cà phê của nàng được rửa sạch sẽ và úp trong bồn cho ráo nước. *Norah?* anh gọi, rồi lặp lại, *Norah?* Nhưng nàng không đáp lời. *Có lẽ con đi chạy bộ một chút đây*, Paul nói, bóng nó đổ dài xuống bậc cửa sáng, và David gật đầu. *Để mất tìm mẹ con nhé*, anh nói.

Một mình trong căn nhà, David để bát cam sang quầy bếp và rải những tấm ảnh của mình lên bàn. Chúng rung rinh trong gió nhẹ, anh phải lấy mấy chiếc cốc đóng rượu chặn lại. Norah vẫn phàn nàn rằng anh đang bị nhiếp ảnh choán hết tâm trí – sao anh lại mang bộ ảnh đi nghỉ mát mà không phải thứ nào khác? – và có lẽ điều đó là sự thật. Nhưng Norah đã làm về phần còn lại. Anh không dùng chiếc máy ảnh để chạy trốn thực tại. Đôi khi, ngắm những hình ảnh dần hiện lên trong chậu rửa phim, anh thoáng thấy tay nàng, đường cong của hông, và lặn đi trong xúc cảm sâu sắc của tình yêu anh dành cho nàng. Anh vẫn loay hoay sắp xếp tới lui những tấm ảnh thì Paul quay về, cánh cửa đóng sập sau lưng anh.

“Đi nhanh thế con,” David nói, đoạn ngược lên nhìn.

“Mệt,” Paul đáp. “Con mệt.” Thành bé đi thẳng qua phòng ăn và biến vào phòng riêng.

“Paul?” David gọi. Anh bước về phía cửa và vặn nắm đấm. Cửa đã khóa.

“Con chỉ mệt thôi,” Paul nói. “Mọi chuyện đều ổn.”

David đợi thêm vài phút nữa. Gần đây Paul hay ủ rũ như vậy. Không có việc gì David làm mà có vẻ hợp lý cả, và tồi tệ nhất là những lúc phải nói chuyện với Paul về tương lai của nó. Tương lai Paul có thể vô cùng

xán lạn. Paul có năng khiếu về âm nhạc và thể thao, mọi khả năng đều rộng mở với nó. David thường nghĩ rằng cuộc sống của riêng anh – những lựa chọn khó khăn mà anh đã đưa ra – sẽ được chứng minh là đúng đắn, chỉ cần Paul nhận ra được tiềm năng của nó, và anh sống với một mối lo thường trực, day dứt rằng mình đã làm hỏng con bằng cách này hay cách khác; rằng Paul đã phung phí những tài năng của mình. Anh gõ cửa một lần nữa, nhẹ thôi, nhưng Paul không trả lời.

Cuối cùng, David thở dài rồi trở vào bếp. Anh thích thú nhìn bát cam đặt trên quầy, những đường cong của trái cây và đồ gỗ tối màu. Thế rồi, bị thôi thúc bởi một cơn bốc đồng mà anh không thể lý giải, anh ra ngoài và men theo bờ biển. Anh đi được chừng một dặm thì thoáng thấy chiếc áo sặc sỡ của Norah rung rinh từ xa. Khi lại gần hơn, anh nhận ra đó là quần áo của nàng, vút lại trên bãi biển trước nơi chắc chắn là căn nhà Howard ở. David dừng lại dưới ánh mặt trời chói chang, bối rối. Có lẽ họ đã đi bơi, rồi sao nữa? Mắt anh lướt qua mặt nước nhưng không thấy họ, anh tiếp tục rảo bước cho tới khi tiếng cười quen thuộc của Norah, trầm và du dương, vọng ra từ cửa sổ căn nhà, khiến anh đứng khựng lại. Anh nghe thấy cả tiếng cười của Howard, hòa theo tiếng cười của Norah. Ngay lúc đó anh đã hiểu, cảm thấy bị bóp nghẹt trong nỗi đau bỏng rát và rức buốt như cát nóng dưới chân.

Howard, với mái tóc mỏng dính và chân đi xăng đan, đứng trong phòng khách vào đêm trước, cho anh những lời khuyên thú vị về nhiếp ảnh.

Với Howard. Làm sao nàng có thể?

Tuy vậy, cũng trong khoảnh khắc ấy, anh đã chờ đợi giây phút này bao năm trời.

Cát ép dưới chân David nóng giãy và nắng vẫn chói chang. Anh vẫn ngập trong cảm giác chắc chắn xưa cũ, rằng cái đêm mưa tuyết khi anh

trao con gái họ cho Caroline Gill sẽ không trôi qua mà chẳng để lại hậu quả gì. Cuộc sống vẫn tiếp tục, đầy đủ và sung túc; nhìn bề ngoài thì anh đã thành công trên mọi phương diện. Tuy vậy trong những thời khắc lạ lùng – giữa cuộc phẫu thuật, lúc lái xe vào thành phố, khi vừa chợp mắt – thốt nhiên anh rung mình với cảm giác tội lỗi. Anh đã đem cho đứa con gái của hai vợ chồng. Bí mật này tồn tại ngay giữa gia đình họ; nhào nặn cuộc sống của họ. Anh biết bí mật đó, anh thấy nó, hiển hiện trước mắt anh như một bức tường đá lớn lên giữa họ. Anh trông thấy Norah và Paul cố vươn tới rồi va vào bức tường ấy mà không hiểu chuyện gì đang xảy ra, chỉ biết rằng có cái gì đó đứng chắn giữa họ mà không thể bị phát hiện hay phá bỏ.

Duke Madison kết thúc với một khúc ngẫu hứng, đứng dậy, và cúi chào. Norah vỗ tay nhiệt liệt, rồi quay sang gia đình ngồi cạnh họ.

“Cậu bé giỏi quá,” nàng nói. “Duke thật là tài năng.”

Sân khấu sau đó trống không, tiếng vỗ tay thưa dần. Một phút trôi qua, và một phút nữa. Mọi người bắt đầu rì rầm.

“Nó đâu nhỉ?” David hỏi, liếc xuống tờ chương trình. “Paul đâu rồi?”

“Đừng lo, nó ở đây thôi.” Norah nói. Trước sự ngạc nhiên của David, nàng nắm lấy tay anh. Anh cảm thấy tay nàng mát lạnh trong tay mình, một cảm giác khuây khỏa và tin tưởng khó giải thích bao trùm anh trong chốc lát, rằng chưa từng có gì thay đổi cả; rằng rốt cuộc chẳng có gì đứng chắn giữa họ hết. “Nó sẽ ra ngay.”

Ngay khi nàng vừa nói thì có tiếng lao xao, và sau đó Paul bước ra sân khấu. David ngấm nhìn cậu: cao và gầy lêu nghêu, mặc một chiếc áo trắng tinh với ống tay được xắn lên, nở một nụ cười guồng gạo, méo mó chào thỉnh giả. David bỗng sững sờ trong giây lát. Từ khi nào mà Paul đã gần như trưởng thành, đứng đây trước căn phòng tối đầy áp người với một sự tự tin và thoải mái như vậy? Đó không phải là điều mà

David đã từng mơ ước sẽ làm, và một cảm giác lo lắng tốt độ xâm chiếm anh. Nhờ Paul thất bại trên sân khấu kia trước ngàn này người thì sao? Anh nhận thấy bàn tay của Norah đang nằm trong tay mình khi Paul cúi đầu trên cây đàn ghi ta, dạo thử vài nốt, và bắt đầu trình tấu.

Đó là Segovia ⁽¹³⁾, như tờ chương trình đã chú dẫn: hai tiểu khúc, “Estudio” và “Estudio Sin Luz”. Những nốt nhạc của hai bản này, tinh tế và chính xác, thật quá đối thân thuộc. David đã nghe Paul chơi mấy bản nhạc này cả trăm lần trước đó. Trong suốt kỳ nghỉ tại Aruba, âm nhạc tuôn trào từ căn phòng của nó, lúc khoan lúc nhặt, nhịp và phách lặp đi lặp lại. Những đoạn nhạc càng quen thuộc hơn với anh hơn khi những ngón tay dài khéo léo của Paul, tự tin lướt trên dây đàn, dệt nên chuỗi âm thanh trong không trung. Vậy mà David lại có cảm giác như mới nghe lần đầu, và có lẽ anh cũng đang nhìn thấy Paul lần đầu. Đâu rồi đứa bé lẫm chẫm vẫn hay tụt giày ra để gặm, thằng bé trèo cây, và thả tay đứng chênh vênh trên xe đạp? Dẫu sao, thằng bé liều lĩnh đáng yêu ấy đã trở thành chàng trai trẻ này đây. Trái tim của David căng tràn, đập mạnh liệt tới mức trong giây lát anh bỗng hoảng hốt không biết mình có thể lên cơn nhồi máu cơ tim không – anh còn quá trẻ để bị như thế, mới chỉ bốn mươi sáu tuổi, nhưng một sự cố kiểu như vậy vẫn có khả năng xảy ra.

Từ từ, từ từ, David thả trôi mình trong bóng tối, nhắm mắt lại, để âm nhạc, âm nhạc của Paul, thấm vào cơ thể anh trong những đợt sóng. Nước mắt anh trào ra, cổ họng đau nhói. Anh nghĩ đến em gái mình, đứng trên hiên nhà và cất cao tiếng hát với chất giọng ngọt ngào trong trẻo; âm nhạc là một ngôn ngữ tinh khiết mà dường như em được sinh ra để nói, cũng như Paul vậy. Một cảm giác mát mát sâu sắc lớn dần trong anh, càng lúc càng mãnh liệt, kết lại từ vô vàn mảnh ký ức: giọng hát của June, Paul đóng sầm cánh cửa sau lưng nó, quần áo của Norah vương vãi trên bờ biển. Đứa con gái mới chào đời của anh, được đặt vào đôi bàn tay đang chờ đợi của Caroline Gill.

Quá nhiều. Quá nhiều. David suốt nửa thì bật khóc. Anh mở mắt ra và tự ép mình nhắm lại bảng tuần hoàn – hydro helium lithium – để khối u uất trong lòng anh sẽ không còn quặn thắt khiến anh phải trào nước mắt nữa. Nó có tác dụng, như vẫn luôn vậy khi anh đứng trong phòng giải phẫu, giúp anh tập trung đầu óc. Anh đẩy lùi tất cả: June, âm nhạc, tình yêu dâng trào mãnh liệt dành cho con trai. Những ngón tay của Paul dừng lại trên phím đàn. David rút tay khỏi tay Norah. Anh vỗ tay như điên như dại.

“Anh có sao không?” nàng hỏi, đưa mắt nhìn anh. “Anh ổn chứ, David?”

Anh gật đầu, vẫn không thực sự tin tưởng bản thân mình để cất nên lời.

“Nó chơi hay quá,” cuối cùng thì anh cũng nói, thật lớn tiếng để từ ngữ thoát ra ngoài. “Nó chơi hay quá.”

“Phải.” Nàng gật đầu. “Đó là lý do tại sao nó muốn đi học ở Juilliard.” Nàng vẫn đang vỗ tay, và khi Paul nhìn về phía họ, nàng gửi tới nó một nụ hôn gió. “Nếu được như thế thật thì chẳng phải sẽ tuyệt lắm sao? Nó còn vài năm nữa để tập luyện, và nếu như nó dồn hết tâm sức thì – ai mà biết được?”

Paul cúi chào, rời sân khấu cùng cây ghi ta. Tiếng vỗ tay lại càng vang dội hơn.

“Dồn hết tâm sức ấy à?” David lặp lại. “Nhỡ không thành công thì sao?”

“Nếu có thì sao?”

“Anh không biết nữa,” David chậm rãi đáp. “Anh chỉ nghĩ là nó vẫn còn quá trẻ để đóng lại những con đường tương lai của nó.”

“Nó thật tài năng, David. Anh nghe thấy rồi đấy. Có khi đây là một con đường mở ra cho nó thì sao?”

“Nhưng nó chỉ mới mười ba tuổi.”

“Phải, và nó yêu âm nhạc. Nó nói nó thấy phấn chấn nhất khi được chơi ghi ta.”

“Nhưng – cuộc đời thật khó mà lường trước. Liệu nó có thể kiếm sống được không?”

Khuôn mặt Norah nghiêm lại. Nàng lắc đầu. “Em không biết. Nhưng người xưa thường nói gì nhỉ? *Cứ làm những gì bạn thích, tiền bạc sẽ tới sau.* Đừng đóng sập cánh cửa dẫn tới giấc mơ của nó anh ạ.”

“Anh sẽ không làm thế,” David nói. “Nhưng anh lo lắng. Anh muốn cuộc đời của nó được đảm bảo. Và Juilliard là một nơi rất khó với, cho dù nó giỏi đến đâu. Anh không muốn Paul bị tổn thương.”

Norah mở miệng định nói gì đó, nhưng thính phòng yên ắng trở lại khi một cô gái trẻ trong bộ váy đỏ sậm bước ra cùng cây đàn violin, và họ hướng ánh mắt lên sân khấu.

David xem cô gái trẻ và tất cả những người tiếp theo biểu diễn, nhưng chỉ có âm nhạc của Paul là còn đọng lại trong anh. Khi buổi trình diễn kết thúc, anh và Norah tìm lối ra hành lang, chốc chốc lại phải dừng lại để bắt tay, để nghe những lời tán thưởng dành cho con trai họ. Cuối cùng khi họ tìm tới được chỗ Paul, Norah chen qua đám đông và ôm chầm lấy nó, còn Paul, ngượng ngịu thấy rõ, chỉ vỗ nhẹ lên lưng mẹ. Mắt David chạm phải mắt nó, anh nở một nụ cười rạng rỡ, và Paul, khiến anh ngạc nhiên, cười tươi đáp lại. Một khoảnh khắc bình thường: một lần nữa David cho phép mình tin rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi. Nhưng chỉ sau giây lát Paul dường như trở lại với chính con người nó. Nó thoát ra khỏi vòng tay của Norah, đoạn bước lùi lại.

“Con chơi tốt lắm,” David nói. Anh ôm lấy Paul, cảm thấy vai nó đang gồng cứng lên, nó đang cố thu mình lại: cứng cỏi, xa cách. “Con thật tuyệt vời, con trai ạ.”

“Cảm ơn bố. Lúc đấy con cũng hơi căng thẳng.”

“Trông con chẳng có vẻ gì là căng thẳng cả.”

“Không hề,” Norah nói. “Con có một bài trình diễn hoàn hảo lắm.”

Paul vẫy tay ở hai bên sườn, uể oải, như để giải phóng phần năng lượng thừa.

“Mark Miller mời con cùng chơi với ông ấy tại liên hoan nghệ thuật. Không tuyệt sao?”

Mark Miller là thầy dạy ghi ta của David, đang ngày càng nổi danh. David lại thấy lòng tràn ngập niềm vui sướng.

“Đúng thế, tuyệt nhất.” Norah nói, cười lớn. “Chắc chắn là điều tuyệt vời nhất rồi.”

Nàng ngược nhìn lên và bắt gặp khuôn mặt đau đớn của Paul.

“Sao thế con?” nàng hỏi. “Có chuyện gì à?”

Paul dịch sang bên, rút tay vào túi, và liếc quanh dãy hành lang đông đúc. “Chỉ là – con không biết nữa – mẹ cư xử có vẻ lố quá. Mẹ, ý con là, mẹ không còn là con gái mới lớn nữa, đúng không?”

Norah đỏ bừng mặt. David thấy nàng trở nên dờ dại trong nỗi đau, và chính trái tim anh cũng buốt nhói. Nàng không biết nguồn cơn nỗi giận dữ của Paul, hay của chính anh. Nàng không biết rằng những xống áo bị nàng trút bỏ bay phất phơ trong gió là hệ quả của một hành động mà chính anh đã thực hiện từ nhiều năm trước.

“Không được nói với mẹ bằng cái giọng đấy,” anh nói, phủ đầu cơn giận của Paul. “Bố muốn con xin lỗi mẹ ngay lập tức.”

Paul nhún vai. “Phải rồi. Hẳn rồi. Cũng được. Con xin lỗi.”

“Nói tử tế vào.”

“David,” – bàn tay của Norah giờ đặt lên vai anh. “Đừng nghiêm trọng hóa chuyện này. Em xin anh. Mọi người hơi quá khích một chút, vậy thôi mà. Ta về nhà ăn mừng đi. Em đang nghĩ sẽ mời thêm vài người đến nữa. Bree nói cô ấy sẽ tới, cả nhà Marshall nữa – chẳng phải là Lizzie thối sáo rất tuyệt hay sao? Có khi thêm bố mẹ Duke nữa. Con nghĩ sao, Paul? Mẹ chưa biết họ rõ lắm, nhưng có lẽ họ cũng sẽ sẵn lòng tới thôi, đúng không?”

“Không,” Paul nói. Giờ nó rất lạnh nhạt, mắt nhìn qua Norah ra sảnh chờ đông nghẹt người.

“Thật à? Con không muốn mời nhà bạn Duke tới à?”

“Con chẳng muốn mời ai hết,” Paul nói. “Con chỉ muốn về nhà.”

Họ đứng đó trong chốc lát, một hòn đảo câm lặng ngay giữa căn phòng ồn ã.

“Thế cũng được,” cuối cùng David cất tiếng, “ta về nhà thôi.”

Căn nhà tối om khi họ về tới nơi, và Paul đi thẳng lên gác. Họ nghe thấy tiếng bước chân của nó vào phòng tắm rồi quay lại; nghe tiếng cửa phòng sập nhẹ vào, tiếng khóa xoay trong ổ.

“Em không hiểu,” Norah nói. Nàng cởi giày ra, trong mắt anh, nàng thật bé nhỏ và mong manh, đứng trên đôi chân lòng tất giữa căn bếp. “Nó biểu diễn trên sân khấu thật tuyệt. Trông nó thật hạnh phúc – vậy

mà lại có chuyện gì xảy ra thế nhỉ? Em không hiểu.” Nàng thở dài. “Bọn trẻ mới lớn này. Em phải nói chuyện với nó mới được.”

“Không,” anh nói. “Để anh.”

Anh đi lên cầu thang mà không bật đèn, và khi tới trước cửa phòng Paul anh dừng lại một lúc lâu trong bóng tối, nhớ lại đôi bàn tay của con trai mình lướt trên những phím đàn với độ chính xác tinh tế đến nhường nào, lấp đầy gian thính phòng rộng lớn bằng âm nhạc. Nhiều năm trước anh đã sai; anh đã sai lầm khi giao con gái mình cho Caroline Gill. Anh đã chọn, và giờ anh đứng đây, đêm nay, trong bóng tối bên ngoài căn phòng của Paul. Anh gõ cửa, nhưng Paul không trả lời. Anh lại gõ, thấy vẫn không có động tĩnh gì, David bước tới tủ sách, tìm thấy chiếc đinh nhỏ anh vẫn để đó và cắm vào lỗ khóa trên nắm đấm cửa. Có tiếng cách nhẹ, cánh cửa mở ra khi anh vặn nắm đấm. Anh không ngạc nhiên khi thấy căn phòng trống không. Lúc anh bật đèn lên, một cơn gió tràn vào thổi tấm rèm trắng nhạt bay tung lên chạm trần.

“Nó đi rồi,” anh nói với Norah. Nàng vẫn ở trong bếp, đứng khoanh tay lại, chờ ấm trà sôi.

“Đi rồi?”

“Qua cửa sổ. Trèo cây xuống, nhiều khả năng là thế.”

Nàng úp tay lên mặt.

“Em có nghĩ ra nó đi đâu không?”

Nàng lắc đầu. Ấm nước bắt đầu reo nhưng nàng không phản ứng ngay, và rồi tiếng rít khế nhưng dai dẳng tràn ngập khắp căn phòng.

“Em không biết. Có lẽ là đi với thằng Duke.”

David đi ngang qua phòng và nhắc chiếc ấm ra khỏi bếp.

“Anh chắc là nó sẽ ổn thôi,” anh nói.

Norah gật đầu, rồi lắc đầu.

“Không,” nàng nói. “Đấy mới là vấn đề. Em thực sự không nghĩ nó sẽ ổn.”

Nàng nhắc điện thoại lên. Mẹ của Duke cho Norah biết địa chỉ tổ chức bữa tiệc sau buổi biểu diễn, Norah liền với lấy chìa khóa.

“Không, ” David nói, “Anh sẽ đi. Anh không nghĩ là bây giờ nó muốn nói chuyện với em.”

“Hoặc với anh nữa,” nàng đốp lại.

Nhưng anh thấy là nàng hiểu, kể cả khi đã nói vậy. Trong khoảnh khắc ấy có điều gì đó đã bị lật trăn. Và rồi nó đứng đó giữa hai người, hàng tiếng đồng hồ nàng vắng bóng trong căn nhà gỗ, những lời nói dối và biện minh, những món quần áo vút lại trên bờ biển. Cả những lời nói dối của chính anh nữa. Nàng gật đầu một lần, chậm chạp, và anh thấy e sợ trước những gì nàng có thể sẽ nói và làm, trước sự thật là mọi thứ có thể bị thay đổi vĩnh viễn ra sao. Anh muốn, hơn tất cả mọi điều, ghim chặt cái khoảnh khắc này lại, để giữ cho cuộc sống đừng tiếp tục trôi chảy.

“Anh tự trách mình,” anh nói. “Về mọi chuyện.”

Anh cầm chìa khóa và đi ra ngoài trong đêm xuân êm dịu. Trăng tròn, ánh lên màu của kem ngậy, thật đẹp xinh, đầy đặn, nằm sát đường chân trời. David cứ ngắm mãi trong khi lái xe qua khu nhà tĩnh lặng, dọc theo những đường phố kiên cố và giàu có, một nơi mà anh chưa từng mơ tới khi còn bé. Đó là điều anh biết rằng Paul không hình

dung được: thế giới thật bất ổn và đôi khi rất tàn nhẫn. Anh đã phải vật lộn khốn khổ để đạt được những gì mà Paul cho là hiển nhiên.

Anh trông thấy Paul khi chỉ còn cách nơi tổ chức bữa tiệc một dãy nhà, nó đang đi bộ dọc theo vỉa hè, hai tay đút túi, đôi vai so lại. Xe đỗ kín bên lề đường, không có chỗ nào để tạt vào, nên David đi chậm lại và bấm còi. Paul nhìn lên, trong giây lát David sợ rằng nó sẽ bỏ chạy.

“Vào đi,” David nói. Và Paul vâng lời.

David bắt đầu lái đi. Hai bố con không nói gì. Vàng trắng rải lên vạn vật thứ ánh sáng tuyệt đẹp, David ý thức rõ ràng Paul đang ngồi cạnh anh, ý thức được hơi thở nhẹ nhàng và đôi tay nó nằm yên trên vật áo, ý thức được nó đang nhìn chăm chăm ra những bãi cỏ cam lạng mà họ đi qua.

“Tối nay con chơi hay lắm. Bố rất ấn tượng.”

“Con cảm ơn.”

Họ lái xe đi qua hai dãy nhà nữa trong im lặng.

“Ừm. Mẹ nói con muốn vào học ở Juilliard.”

“Có thể.”

“Con giỏi lắm,” David nói. “Con giỏi rất nhiều thứ, Paul ạ. Con sẽ có rất nhiều lựa chọn trong cuộc đời mình. Có rất nhiều hướng mà con có thể đi. Con có thể làm bất cứ điều gì.”

“Con thích âm nhạc,” Paul nói. “Nó khiến con cảm thấy mình được sống. Con nghĩ con không dám mong bố hiểu được điều đó.”

“Bố hiểu mà,” David nói. “Nhưng có thứ khiến con thấy mình được sống, và có thứ giúp con kiếm sống.”

“Đúng vậy. Chính xác.”

“Con có thể nói như thế bởi vì con chưa bao giờ mong muốn một điều gì,” David nói. “Đó là một điều xa xỉ mà con không hiểu được đâu.”

Giờ họ đã gần về tới nhà, nhưng David rẽ sang hướng ngược lại. Anh muốn ngồi cùng Paul trong xe, lái xuyên qua cái thế giới tràn ngập ánh trắng, nơi mà cuộc trò chuyện này, dù có căng thẳng và gượng gạo, vẫn có thể tiếp diễn được.

“Bố và mẹ,” Paul nói, lời lẽ đưa nhau tuôn ra, như thể đã bị kìm nén quá lâu rồi. “Rốt cuộc thì bố bị làm sao vậy? Bố cứ sống như không cần quan tâm đến bất cứ chuyện gì nữa ấy. Bố không có niềm vui nào cả. Bố chỉ tồn tại ngày qua ngày, mặc kệ mọi chuyện. Bố thậm chí còn chẳng biết gì về gã khốn Howard kia nữa.”

Vậy là nó đã biết.

“Bố biết chứ,” David nói. “Nhưng mọi chuyện phức tạp lắm, Paul. Bố sẽ không tranh luận với con về việc này, bây giờ hay bất cứ thời điểm nào khác. Có nhiều điều con không hiểu đâu.”

Paul không nói gì. David dừng lại trước cột đèn giao thông. Không có chiếc xe nào đi lại xung quanh và họ ngồi im lặng, đợi đèn chuyển màu.

“Con nghe cho rõ đây,” cuối cùng David cất tiếng. “Con không cần phải lo lắng cho mẹ và bố. Đây không phải việc của con. Việc của con là tìm được con đường cho mình bước vào đời. Để tận dụng được tất cả các năng khiếu của con. Và không phải chỉ biết nghĩ đến bản thân mình thôi đâu. Con phải làm gì đó để đáp lại cuộc đời nữa. Đó là lý do khiến bố làm việc ở phòng khám.”

“Con yêu âm nhạc,” Paul nói khẽ. “Khi con chơi, con cảm thấy mình đang làm thế – đang làm gì đó để đáp lại cuộc đời.”

“Và con đang làm thế. Con đang làm như thế. Nhưng Paul, nhớ đâu con có tố chất để có thể, giả dụ như, phát hiện ra một nguyên tố mới trong vũ trụ? Nhớ đâu con có thể tìm ra phương thuốc chữa trị một căn bệnh nan y hiếm gặp thì sao?”

“Mơ ước của bố,” Paul nói. “Của bố, không phải của con.”

David câm lặng, anh nhận ra rằng có một thời, đó đích thực là mơ ước của chính anh. Anh gánh trách nhiệm hàn gắn thế giới, biến đổi và nhào nặn nó, nhưng thay vào đó anh lại đang lái xe trong ánh trăng lênh lảng với đứa con trai đã gần trưởng thành, và mỗi khía cạnh của cuộc đời anh dường như đều vượt qua tầm với của anh mất rồi.

“Đúng vậy,” anh nói. “Đó là những ước mơ của bố.”

“Nhưng nếu con có thể trở thành một Segovia thứ hai thì sao?” Paul hỏi. “Thử nghĩ mà xem, bố. Nếu con có khả năng làm được, mà lại không thử thì sao?”

David không trả lời. Anh lại đi tới dãy phố nhà họ, và lần này anh lái về nhà. Hai bố con rẽ vào cổng, xe hơi chồm lên khi đi qua mép gờ hơi gồ lên ở đoạn giao với đường cái, và dừng lại trước ga ra xây biệt lập. David tắt động cơ, trong vài giây họ ngồi trong im lặng.

“Không phải bố không quan tâm,” David nói. “Vào đây. Bố muốn cho con xem vài thứ.”

Anh dẫn Paul đi dưới ánh trăng và trèo lên cầu thang bên ngoài dẫn tới phòng tối phía trên ga ra. Paul đứng cạnh cánh cửa đóng kín, tay khoanh lại, vẻ sốt ruột thấy rõ, trong khi David tiến hành các công đoạn

rửa ảnh, rút các hóa chất ra và đặt tấm phim âm bản vào máy phóng ảnh. Sau đó anh vẫy Paul lại.

“Nhìn cái này xem,” anh nói. “Con nghĩ nó là gì?”

Sau một thoáng ngập ngừng, Paul đi qua căn phòng và quan sát. “Cái cây à?” nó nói. “Trông giống như bóng của một cái cây.”

“Tốt,” David nói. “Giờ con xem lại nhé. Bố chụp bức ảnh này giữa một ca phẫu thuật, Paul. Bố đứng trên ban công phòng mổ với một cái ống kính tele. Con có nhìn thấy gì khác không?”

“Con không rõ... có phải là trái tim không?”

“Trái tim, đúng thế. Đáng kinh ngạc chứ hả? Bố đang thực hiện hẳn một seri ảnh về hiệu ứng thị giác, bao gồm những tấm ảnh chụp cơ thể người đem lại cảm giác như những sự vật hoàn toàn khác. Đôi khi bố nghĩ cả thế giới đã được bao gọn chỉ trong cơ thể một con người sống mà thôi. Điều bí ẩn đó, và điều bí ẩn của thị giác – bố quan tâm đến nó. Thế nên bố hiểu ý con khi con nói về âm nhạc.”

David chiếu một luồng sáng tập trung đi qua máy phóng ảnh, và thả tờ giấy vào chậu thuốc hiện ảnh. Anh cảm nhận rõ Paul đang đứng cạnh mình trong bóng tối và bầu không gian tĩnh lặng.

“Nhiếp ảnh xoay quanh những bí mật,” David nói, sau vài phút, anh dùng kẹp gấp tấm ảnh lên và thả nó vào chậu hãm. “Những bí mật mà chúng ta đều có và không bao giờ kể ra.”

“Âm nhạc thì không thế,” Paul nói, và David nghe thấy sự chống đối trong giọng của con. Anh nhìn lên, nhưng không thể đọc nổi nét mặt Paul dưới ánh sáng đỏ mờ mờ này. “Với con âm nhạc giống như ta chạm vào nhịp đập của cuộc sống ấy. Âm nhạc luôn ở đó, có những lúc con

chạm được vào nó, và khi ấy con biết rằng mọi thứ luôn được kết nối với những thứ khác nữa kia.”

Rồi nó quay gót và bước ra khỏi buồng tối.

“Paul!” David gọi với theo, nhưng con trai anh đã nện từng bước chân thành thịch giậm dũ trên những bậc thang bên ngoài. David ra đứng bên cửa sổ, nhìn nó chạy dưới ánh trăng, lên cầu thang phía sau rồi biến vào trong nhà. Một lát sau ánh đèn sáng lên trong phòng nó, và những nốt nhạc chuẩn xác của Segovia tuôn trào khắp không gian, trong treo và tinh tế.

David, nhắm lại trong đầu cuộc trò chuyện giữa hai bố con, tính xem có nên đuổi theo nó hay không. Anh muốn được kết nối với Paul, để có được giây phút hai bố con thấu hiểu lẫn nhau, nhưng những ý định tốt đẹp ban đầu lại bị bóp méo, chỉ còn tranh cãi và xa cách. Sau một lát, anh quay gót trở lại buồng tối. Ánh đèn đỏ mờ mờ giờ rất dịu. Anh nghĩ lại những gì mình đã nói với Paul – rằng thế giới được cấu thành từ những thứ bị ẩn giấu, những bí mật; được xây dựng trên những đốt xương không bao giờ nhìn thấy ánh sáng. Đúng là anh đã từng kiếm tìm sự đồng nhất, như thể nét tương xứng cơ bản giữa hoa tulip và lá phổi, mạch máu và cây cối, cơ thể và vạn vật, có thể hé lộ một mô thức mà anh hiểu được. Nhưng thực tế không phải vậy. Trong vài phút nữa anh sẽ vào nhà và uống một cốc nước. Anh sẽ đi lên gác và thấy Norah đã ngủ, và anh sẽ đứng đó ngắm nàng – điều bí ẩn ấy, con người mà anh chưa bao giờ thực sự hiểu, nằm cuộn tròn quanh những bí mật của nàng.

David bước tới chỗ tủ lạnh nhỏ nơi anh bảo quản hóa chất và phim chụp. Chiếc phong bì được giấu kín ở tít trong cùng, đằng sau mấy cái chai. Trong đó chứa đầy những tờ hai mươi đô, mới cứng và lạnh ngắt. Anh đếm mười, rồi hai mươi tờ, và cất chiếc phong bì trở lại, phía sau những chai lọ. Những tờ giấy bạc nằm gọn ghẽ trên mặt quầy.

Thông thường anh chỉ gửi tiền, được gói trong một tờ giấy trống trơn, nhưng đêm nay, cơn giận dữ của Paul vẫn còn vương vất trong căn phòng, âm nhạc của nó bành bồng trong không gian, David ngồi xuống viết một lá thư. Anh viết rất nhanh, để từ ngữ cứ thế tuôn ra, tất cả sự hối tiếc về quá khứ, tất cả những hy vọng anh dành cho Phoebe. Nó là ai, đứa trẻ sinh ra từ máu thịt của anh, đứa trẻ mà anh đã cho đi? Anh đã không kỳ vọng là nó sẽ sống lâu đến thế, hoặc nó sẽ có được cuộc sống như Caroline đã viết thư kể cho anh. Anh nghĩ về con trai mình, ngồi một mình trên sân khấu, và về nỗi cô đơn mà Paul luôn mang bên mình. Liệu Phoebe có như thế không? Chúng sẽ ra sao nếu hai anh em được cùng nhau lớn lên, giống như Norah và Bree, dẫu khác nhau một trời một vực nhưng vẫn gắn bó vô cùng khăng khít? David sẽ ra sao nếu như June không chết? *Tôi rất mong được gặp Phoebe*, anh viết. *Tôi muốn nó biết về anh trai nó, và muốn anh nó được biết về em gái.* Rồi anh gấp lá thư bao quanh xấp tiền mà không đọc lại, cho tất cả vào một phong bì, và ghi địa chỉ. Dán kín lại, thêm một con tem. Ngày mai anh sẽ gửi thư đi.

Ánh trăng chiếu qua cửa sổ tràn ngập không gian phòng trung bày. Paul đã dừng chơi nhạc. David đắm đắm ngắm nhìn mặt trăng, giờ đã lên cao hơn giữa trời, nổi bật và như bút hằn lên trên nền bóng tối. Anh đã quyết định, khi đứng trên bờ biển; anh đã để mặc đồng quần áo của Norah nằm trên cát cùng tiếng cười tràn ngập trong nắng của nàng. Anh đã trở lại căn nhà gỗ và làm việc với những tấm ảnh, khi nàng bước vào, chừng một tiếng sau đó hoặc hơn, anh đã không dả động gì đến Howard. Anh giữ im lặng như thế bởi vì bí mật của riêng anh còn đen tối hơn, bị giấu kỹ hơn, và bởi vì anh tin rằng bí mật của anh đã tạo nên những bí mật của nàng.

Giờ đây anh trở lại buồng tối và tìm kiếm trong những cuộn phim mới chụp gần đây nhất. Anh có chụp vài tấm ảnh rất thực trong bữa tiệc tối hôm đó: Norah, đang bê một khay cốc, Paul đứng bên cạnh lò

nướng và giờ cao chiếc chén, một số bức chụp cảnh họ đang nghỉ ngơi trên hiên nhà. Anh cần tấm ảnh chụp cuối cùng; khi tìm thấy nó rồi, anh chiếu sáng nó lên giấy ảnh. Trong chậu rửa, anh nhìn hình ảnh hiện ra từ từ, lần lượt từng hạt màu li ti, hiện lên ở chỗ trước đó còn trắng trơn. Với David, đó luôn là trải nghiệm về một bí ẩn lớn lao. Anh ngắm nhìn những hình ảnh nổi dần lên, Norah và Howard trên hiên nhà, vừa nâng ly chúc mừng, vừa cười vang. Một khoảnh khắc vừa ngây thơ vừa kích động; một khoảnh khắc khi sự lựa chọn được quyết định. David gấp bức ảnh khỏi chậu rửa, nhưng anh không đưa vào chậu hãm. Thay vì thế, anh bước vào phòng tranh và đứng dưới trăng với bức ảnh trong tay, ngắm nhìn ngôi nhà của mình, giờ đã tối đen, Paul và Norah ở trong đó, đang mơ những giấc mơ của riêng mình, đang chuyển động trong những quỹ đạo biệt lập, cuộc sống của họ không ngừng bị nhào nặn bởi sức hút từ lựa chọn mà anh đã theo cách đây nhiều năm trời.

Trở lại phòng tối, anh treo tấm ảnh ghi lại khoảnh khắc ấy lên để hong khô. Chưa được tráng xong, chưa được hãm, hình ảnh đó sẽ không tồn tại lâu. Trong những giờ tối, ánh sáng sẽ tác động lên tấm giấy bị phơi ra. Tấm ảnh chụp Norah đang cười với Howard sẽ từ từ tối dần cho đến khi – trong một hoặc hai ngày – trở nên đen đặc hoàn toàn.

II

HAI THẰNG ĐANG ĐI TRÊN ĐƯỜNG RAY, DUKE MADISON ĐÚT TAY trong túi áo jacket da nó mua ở Goodwill, Paul sút những viên đá văng vào thanh ray. Có tiếng còi tàu rít lên phía xa. Trong sự im lặng đồng thuận, hai đứa bước lên rìa đường ray, bàn chân vẫn còn đang đặt trên thanh ray hướng Tây, cố giữ thăng bằng. Đoàn tàu mất một lúc lâu mới chạy đến gần, đường ray dưới chân hai đứa rung lên bần bật, đầu máy nhỏ như một cái chấm, rồi cứ dần to và thẫm hơn, người lái tàu kéo còi inh ỏi. Paul nhìn Duke, mắt thằng này long lên trước sự liều lĩnh và hiểm nguy, và cảm thấy sự phấn khích đang trào dâng trong từng thớ thịt của chính mình, mạnh đến gần như không chịu nổi, đoàn tàu tiến lại càng lúc càng gần hơn, tiếng còi lạnh lạnh vang vọng khắp những con phố quanh đó và xa hơn nữa. Có ánh đèn cùng người thợ máy thấp thoáng sau ô cửa sổ cao, tiếng còi lại vang lên, cảnh báo. Đoàn tàu lại gần hơn nữa, gió từ động cơ ép đám cỏ dại ngã rạp xuống đất, nó chờ đợi, mắt nhìn Duke, thằng này đang đứng thăng bằng trên thanh ray bên cạnh, rồi đoàn tàu lao tới, gần như sắp cán nát hai đứa. Chúng vẫn cứ đợi, và Paul nghĩ có lẽ nó chẳng bao giờ nhảy ra nổi. Thế mà nó làm được, nó đã đứng giữa đám cỏ dại còn đoàn tàu phóng qua vùn vụt chỉ cách mặt nó gang tấc. Trong tích tắc khuôn mặt người lái tàu hiện ra, sốc đến tái nhợt, và rồi đoàn tàu – tối và sáng, tối và sáng – khi các toa tàu nối nhau chạy xa dần, ngay cả gió cũng tan biến.

Duke, đứng cách một bước chân, ngời ngửa mặt lên bầu trời u ám.

“Mẹ,” nó nói. “Phê thật.”

Hai thằng phui sạch người và dắt nhau về nhà Duke, một căn nhà nhỏ ngay kề đường ray. Nơi Paul sinh ra ở ngay gần đây, cách chừng vài phố, mặc dù mẹ thỉnh thoảng vẫn lái xe đưa nó tới để xem cái công

viên nhỏ với vọng lâu và ngôi nhà đối diện nơi nó đã sống khi mới chào đời, mẹ không thích nó lai vãng ở khu vực này hay đến nhà Duke chơi. Nhưng chết một nỗi, bà chẳng kè kè mãi ở bên cạnh nó được, và miễn là bài tập về nhà được hoàn thành, đã xong, cắt cỏ và tập piano một tiếng đồng hồ, cũng xong nốt, thế là thằng bé được tự do.

Những gì mẹ không thấy sẽ không làm bà đau lòng. Những gì bà không biết.

“Lão ta chắc sôi tiết lắm nhỉ,” Duke nói. “Lão lái tàu ấy.”

“Ờ,” Paul nói. “Tức lộn mề ấy chứ.”

Thằng bé thích chửi thề, và ký ức về làn gió nóng phả lên mặt nó, cơn gió làm dịu bớt, dù chỉ trong giây lát, cơn thịnh nộ âm thầm trong lòng nó. Nó đã chạy dọc bờ biển buổi sáng hôm ấy ở Aruba với trái tim thanh thoi, cảm giác khoan khoái khi lớp cát ẩm trải dài sát mép nước dịu dàng áp lên gan bàn chân nó, khiến bắp chân thêm săn chắc. Khoan khoái, còn vì chuyến đi câu cùng với bố đã thất bại. Bố nó thích câu cá, thích ngồi hàng tiếng đồng hồ im lặng trên thuyền hoặc trên bến, quăng dây câu đi rồi lại quăng lại và – chốc chốc – lại điểm một pha kéo cá gay cấn. Paul cũng đã từng yêu thích trò chơi đó, khi còn bé, không hẳn là vì những nghi thức của việc câu cá mà vì cơ hội được ở bên bố. Nhưng khi nó lớn hơn, những chuyến đi câu dần biến thành cái gì đó như là nghĩa vụ, giống như một số việc khác bố nó đã vẽ ra vì ông không nghĩ được thứ gì khác để làm. Hay có lẽ vì việc đó sẽ khiến hai bố con gần bó hơn; Paul nghĩ chắc bố đã đọc được điều đó trong một cuốn cẩm nang dành cho các bậc cha mẹ. Nó ngộ ra được thực tế của cuộc sống từ một chuyến đi nghỉ, ngồi chết gí trên thuyền giữa một cái hồ ở Minnesota trong khi bố nó, da đỏ au lên vì cháy nắng, thao thao về quá trình sao chụp ảnh. Đạo gần đây, tương lai của Paul là chủ đề ưa thích của bố, những ý tưởng của ông trong mắt nó cũng chả thú vị hơn cái mặt nước phẳng lặng lấp lánh đang trải dài trước mặt là mấy.

Thế nên thằng bé sung sướng được chạy dọc bờ biển, nó thấy trong lòng thư thái, và ban đầu cũng chẳng nghĩ ngợi gì khi thấy đồng quần áo vứt vương vãi trước một trong những ngôi nhà gỗ nhỏ nằm cách xa nhau, nép mình dưới rừng phi lao. Nó thản nhiên chạy vụt qua, hoàn toàn chú tâm vào những sỏi chân nhip nhàng, toàn bộ cơ bắp ngân lên trong một khúc nhạc giúp nó giữ vững nhịp chạy cho đến tận mỏm đá. Sau đó nó dừng lại, đi lòng vòng một lúc, rồi chạy về, khoan thai hơn. Đồng quần áo bị xô lệch đôi chút: ống tay áo sơ mi đang bay phàn phật trong gió biển, và những con chim hồng hạc, nhuộm một màu hồng rực rỡ, nhảy nhót trên nền ngọc lam tối sẫm. Thằng bé chạy chậm lại. Đây có thể là áo của bất kỳ ai. Nhưng có lần mẹ nó đã thích một chiếc như thế. Hai mẹ con đã cười bò khi nhìn thấy chiếc áo trong một cửa tiệm bán đồ lưu niệm cho khách du lịch dưới thị trấn; mẹ cầm lên, vẻ thích thú, và mua áo như một trò đùa.

Như vậy, rồi, có thể có tới hàng trăm, hàng ngàn cái áo giống hệt như thế ở quanh đây. Tuy vậy, thằng bé vẫn cúi xuống nhặt lên. Bộ đồ bơi của mẹ nó, những mảnh bé tí màu da và không thể nhầm lẫn được, rơi ra từ ống tay áo sơ mi. Paul đứng lặng người, không cử động nổi, như thể nó vừa bị bắt quả tang đang ăn trộm, như là có một chiếc máy ảnh đã chụp lại và đóng đinh nó một chỗ. Nó thả rơi chiếc áo sơ mi, nhưng vẫn chẳng thể nhúc nhích một li. Cuối cùng, nó bắt đầu bước đi, và chạy về căn nhà gỗ cả nhà đang ở như để tìm kiếm một nơi ẩn náu. Thằng bé đứng trên ngưỡng cửa, cố lấy lại bình tĩnh. Bố vừa chuyển bát cam lên quầy. Ông đang sắp xếp lại mấy tấm ảnh trên chiếc bàn gỗ lớn. Sao thế con? ông ngẩng đầu hỏi nhưng Paul không nói nên lời. Nó đi về phòng và đóng sầm cửa lại, không thèm ngước lên, thậm chí cả khi bố tới gõ cửa.

Hai tiếng sau mẹ về, miệng ngậm nga, chiếc áo sơ mi in hình những con hồng hạc được gài ngay ngắn trong quần soóc màu nâu nhạt. “Mẹ nghĩ là mẹ sẽ đi bơi một chút trước khi ăn trưa,” bà nói, như thể mọi

chuyện vẫn bình thường. “Con đi không?” Thằng bé lắc đầu và thế đấy, điều bí mật, bí mật của nó, bí mật của mẹ và giờ là của nó, đứng chắn giữa họ như một bức màn.

Bố cũng có những bí mật, một cuộc sống diễn ra tại nơi làm việc hoặc trong buồng tối, và Paul đã cho rằng chuyện đó là hoàn toàn bình thường, gia đình nào cũng thế cả, cho đến khi thằng bé bắt đầu lê la với Duke, một tay chơi piano cừ khôi nó gặp trong phòng tập nhạc vào một buổi chiều. Gia đình Madison không được dư dả lắm, mỗi bận tàu chạy tới gần cả ngôi nhà rung lên bần bật còn cửa sổ thì lạch cạch trên khung lúc tàu đi qua, và bà mẹ thằng Duke thì từ thuở bé tới giờ chưa được đặt chân lên máy bay. Paul biết nó nên thông cảm với bà, cả bố mẹ nó cũng sẽ vậy thôi; bà có năm đứa con và một ông chồng làm việc trong nhà máy General Electric, lương bổng bèo bọt lắm. Nhưng bố Duke lại thích chơi bóng với lũ con trai ông, tối tối ông về nhà vào đúng sáu giờ sau khi tan ca, và mặc dù ông cũng không nói nhiều hơn bố Paul là mấy, ông vẫn luôn có mặt ở nhà, còn nếu không, họ vẫn luôn biết phải tìm ông ở đâu.

“Thế mày thích làm gì?” Duke hỏi nó.

“Chịu,” Paul nói. “Mày?” Đường ray kim loại vẫn đang kêu rừ rừ. Paul tự hỏi không biết đoàn tàu sẽ dừng lại ở đâu. Tự hỏi có ai nhìn thấy nó đứng trên mép đường ray, gần đến độ có thể giơ tay ra là chạm vào một toa tàu đang chuyển động, gió luồn vào tóc nó, khiến mắt nó cay sè không. Và nếu có thấy, họ sẽ nghĩ gì nhỉ? Những hình ảnh vụt qua ô cửa sổ trên tàu giống như một chuỗi ảnh tĩnh: cái nọ nối tiếp cái kia; một cái cây, phải rồi; một tảng đá, phải rồi; một đám mây; phải rồi; chẳng cái nào giống cái nào cả. Và một thằng bé, chính nó, đầu ngật ra phía sau, cười lớn. Rồi lại biến mất. Một bụi cây, những đường dây điện, con đường loang loáng.

“Ê làm vài hiệp bóng rổ đi.”

“Thôi.”

Hai đứa thả bộ dọc đường ray. Khi đã đi qua vườn Rosemont và bị vây quanh bởi những bụi cỏ cao, Duke dừng lại, sục sạo trong túi chiếc áo khoác da. Đôi mắt nó màu xanh lục, điểm chút xanh dương. Giống như thế giới này, Paul thầm nghĩ. Đôi mắt Duke là thế đấy. Giống như khi ta đứng từ mặt trăng nhìn xuống trái đất vậy.

“Nhìn đây,” nó nói. “Tuần trước ông anh họ Danny cho tao cái này.”

Đấy là một cái túi nhựa bé tí chứa đầy những mẫu vụn khô màu xanh lục.

“Gì đấy,” Paul hỏi, “cỏ khô à?” Vừa nói khỏi mồm thì Paul đã hiểu ngay, nó đỏ bừng mặt xấu hổ, sao nó lại gà thế chứ lại.

Duke cười, tiếng cười vang vọng trong không gian tĩnh lặng, trong tiếng xào xạc của cỏ dại.

“Phải, khi ẹ, cỏ đấy. Mà đã phê thuốc bao giờ chưa?”

Paul lắc đầu, tự nhiên choáng váng.

“Không nghiện đâu mà mà lo. Tao thử hai lần rồi. Phê như con tê tê. Thật đấy.”

Bầu trời vẫn xám xịt, gió luồn qua những tán lá, phía xa xa một hồi còi tàu nữa vang lên.

“Tao sợ đếch gì,” Paul nói.

“Ồ. Có quái gì mà sợ,” Duke nói. “Mày muốn thử không?”

“Thử chứ.” Nó nhìn quanh. “Nhưng ở đây thì không được.”

Duke cười. “Thế mà nghĩ ngoài này thì có ai bắt được bọn mình nào?”

“Nghe kìa,” Paul nói. Hai đứa đồng tai lên, ngay sau đó đoàn tàu hiện ra, tiến lại từ hướng đối diện, một chấm nhỏ mỗi lúc một lớn dần, tiếng còi rít lên xé toạc không gian. Hai thằng nhảy khỏi đường ray và đứng đối mặt với nhau từ hai phía của thanh ray kim loại.

“Về nhà tao đi,” Paul hét lên, khi đoàn tàu chạy lại gần. “Không có ai ở nhà đâu.” Nó hình dung ra cảnh hai đứa nằm hút hít trên chiếc sofa vải hoa mẹ nó mới mua và cười lớn. Rồi đoàn tàu lao vụt qua hai thằng; có tiếng xình xịch rồi im lặng, xình xịch rồi im lặng, của những toa tàu nối nhau chạy qua. Nó thoáng nhìn thấy Duke trong tích tắc, giống như những tấm ảnh được treo trong buồng tối của bố, tất cả khoảnh khắc trong cuộc đời ông chẳng khác gì những hình ảnh vụt qua khi nhìn từ trên tàu. Bị giữ lại và chớp lấy. Áo ạt và tĩnh lặng. Như thế này.

Hai đứa về nhà Duke rồi nhảy lên xe đạp, đi qua đường Nicholasville rồi luồn lách qua khu lân cận để đến nhà Paul.

Cửa đã khóa, chìa được giấu dưới miếng đá ốp sơ sài ngay cạnh bụi đỗ quyên. Không khí trong nhà ấm áp, hơi xông lên mùi ẩm mốc. Trong khi Duke gọi về nhà để báo về muộn, Paul mở cửa sổ, một làn gió nhẹ ùa vào khe lay động những tấm rèm do chính tay mẹ nó may. Đạo trước khi đi làm, cứ hàng năm mẹ lại bài trí lại cả ngôi nhà. Nó còn nhớ cảnh mẹ khom lưng bên máy khâu, miệng nguyên rửa khi lớp vải lót đang may dở bị rách và đùn lại một đống. Mấy tấm rèm này màu kem, bên trên in hình khung cảnh nông thôn có màu xanh sẫm hợp tông với giấy dán tường kẻ sọc đậm. Paul nhớ nó đã ngồi bên bàn nhìn đăm đăm, như thể những hình người sẽ bất thần cử động, bước ra khỏi ngôi nhà, chỉnh lại xống áo rồi vẫy chào tạm biệt.

Duke gác máy và nhìn quanh. Rồi nó huýt sáo. “Ái chà,” nó nói. “Mày giàu thật đấy.” Nó ngồi xuống bàn ăn và trải một mẩu giấy mỏng hình chữ nhật ra. Paul nhìn theo, như bị thôi miên, trong khi Duke rắc một dải cỏ xơ xác lên, rồi quấn lại thành một điệu trắng mỏng dính.

“Đừng hút ở đây,” Paul nói, đến phút cuối cùng nó bỗng thấy bất an. Hai thằng ra ngoài và ngồi trên những bậc thang cửa hậu, đốm lửa màu cam lóe sáng trên đầu điệu thuốc, đưa đi đưa lại giữa chúng. Ban đầu Paul chẳng cảm thấy gì khác lạ. Trời bắt đầu lắt rắc mưa, rồi tạnh, và sau một lúc – chẳng rõ là bao lâu nữa – nó nhận ra mình đang nhìn chằm chằm vào giọt nước rơi trên vỉa hè, ngắm nghía giọt nước chậm chậm lan ra, hòa vào một giọt khác rồi tuột khỏi bờ hè rơi xuống đám cỏ. Duke đang cười sằng sặc.

“Ồi giờ ôi, mày nhìn lại mày xem,” nó nói. “Mày đã bao giờ say thuốc chưa thế hử!”

“Mặc xác tao, thằng chó,” Paul nói, rồi nó cũng bắt đầu cười phá lên.

Đến một lúc nào đó hai thằng đi vào nhà, nhưng không phải trước khi trời đổ mưa trở lại, cả hai ướt như chuột lột và rét run người. Mẹ đã để sẵn một nồi thịt hầm trên bếp nhưng Paul bỏ qua. Thay vào đó, nó mở một lọ dưa muối và một lọ bơ đậu phộng, tiếp đến Duke gọi một chiếc pizza. Paul lấy cây đàn ghi ta rồi hai đứa vào phòng khách, ở đó có kê chiếc đàn piano, để chơi vài bản. Paul ngồi nơi mép gờ trên phần nhô lên phía trước lò sưởi rồi bấm vài phím, sau đó ngón tay nó lại lướt theo giai điệu quen thuộc của những bản nhạc Segovia viết mà tối qua nó vừa chơi: “Estudio” và “Estudio Sin Luz”. Tựa đề của chúng khiến thằng bé nghĩ đến bố, cao và lẳng lẽ, khom người trên chiếc máy phóng ảnh trong buồng tối. Những bài hát đem lại cảm giác như ánh sáng và bóng tối, cái này tương phản với cái kia, và giờ từng nốt nhạc đã được đan cài vào cuộc sống của chính nó, vào cái không khí tĩnh lặng bao trùm ngôi nhà và kỳ nghỉ ở biển, cùng những lớp học với ô cửa sổ cao

vút ở trường. Paul chơi nhạc, cảm giác như mình được nâng lên, sóng tràn tới và nó cười sóng, nó đang tạo ra âm nhạc và rồi nó *chính là* âm nhạc, âm nhạc đưa nó lên cao mãi, cao mãi, đến tận đỉnh ngọn sóng.

Khi nó chơi xong, xung quanh im ắng trong chốc lát rồi Duke gật gù, *Mẹ kiếp, hay thật đấy!* Duke dạo một lượt trên chiếc đàn piano và bắt đầu chơi lại bản nhạc đã trình bày trong đêm diễn tấu, bản *March of the Trolls* của Grieg, với tất cả sinh lực và niềm hạnh phúc ám muội của tác phẩm này. Duke chơi xong lại đến lượt Paul, cả hai không hề nghe thấy tiếng chuông cũng như tiếng gõ cửa; đột nhiên anh chàng giao bánh pizza đã đứng lù lù trên ngưỡng cửa rộng mở. Khi ấy trời đã nhá nhem tối; một cơn gió u ám tràn vào nhà. Hai đứa xé hộp giấy ra và ngốn ngấu, không kịp nếm thấy vị gì, mặc kệ lưới bóng rât. Paul cảm thấy thức ăn trôi dần xuống bụng, kéo trĩu nó xuống như một tảng đá. Nó ngược nhìn qua những cánh cửa kiểu Pháp ra bầu trời xám xịt ảm đạm bên ngoài, rồi nhìn mặt Duke, xanh xao đến nỗi mụn nhọt nhìn cứ nổi bần bật lên, món tóc sẫm rù xuống trán, một vệt nước xốt đỏ lem nhem trên môi.

“Mẹ kiếp,” Paul nói. Nó áp bàn tay lên mặt sàn ốp gỗ sồi, mừng rỡ vì thấy sàn nhà vẫn ở chỗ cũ và nó đang nằm trên đó, căn phòng xung quanh vẫn hoàn toàn nguyên vẹn.

“Chẳng phải đùa,” Duke tán đồng. “Vài ba chuyện. Máy giờ rồi nhỉ?”

Paul đứng dậy và đi về phía chiếc đồng hồ quả lắc trong phòng nghỉ. Vài phút hoặc vài giờ trước đó, hai thằng còn đứng trước chính cái đồng hồ này, cười ngặt nghẽo khi mỗi giây trôi đi, một khoảng thời gian vụt qua giữa hai giây đồng hồ. Giờ đây tất cả những gì Paul có thể nghĩ đến là bố, người luôn dừng lại để chỉnh đồng hồ đeo tay của ông theo chiếc đồng hồ này mỗi sáng, ngược lên nhìn qua chiếc bàn phủ đầy những ảnh, và trong lòng nó tràn ngập một nỗi buồn đau. Nó quay

lại nhìn buổi chiều tà, thấy chiều đã tàn, tụ lại thành một vệt ký ức không lớn hơn giọt mưa, và bầu trời gần như tối đen.

Chuông điện thoại reo. Duke vẫn đang nằm thẳng cẳng trên tấm thảm ngoài phòng khách, và dường như phải mất hàng tiếng đồng hồ Paul mới nhắc điện thoại lên nổi. Là mẹ.

“Con yêu à,” bà nói, giữa tiếng ồn ào và đồ bạc lạnh canh. Nó hình dung ra mẹ mặc bộ vest công sở, có lẽ là bộ màu xanh sẫm, tay lùa qua mái tóc ngắn, lấp loáng bóng mấy chiếc nhẫn. “Mẹ phải đưa khách hàng đi ăn tối. Khách hàng ở IBM đấy, quan trọng lắm. Bố đã về chưa? Con ổn không?”

“Con làm xong bài tập về nhà rồi,” nó đáp, ngấm nghĩa chiếc đồng hồ quả lắc, vừa mới đây thôi trông còn buồn cười tệ. “Con đã tập đàn rồi. Bố chưa về.”

Một khoảng im lặng. “Bố hứa là sẽ về cơ mà nhỉ,” mẹ nói.

“Con ổn mà,” nó nói, nhớ lại đêm qua, nó đã ngồi trên bậu cửa sổ và định nhảy xuống thế nào, rồi nó rơi trong không trung; và tiếp đất với một tiếng bịch nhẹ, chẳng ai nghe thấy. “Tối nay con không đi đâu cả đâu,” nó nói.

“Mẹ không biết nữa, Paul. Mẹ lo cho con lắm.”

Thế thì về nhà đi, nó muốn nói thế, nhưng phía bên kia đầu dây những tiếng cười rộ lên rồi lắng xuống, vỡ tan như sóng. “Con ổn mà,” nó nhắc lại.

“Con chắc chứ?”

“Chắc ạ.”

“Ừm, mẹ không biết nữa.” Bà thở dài, che ống nghe, nói với ai đó, rồi trở lại. “Ừm, dù sao con cũng đã làm bài xong rồi, tốt lắm. Nghe này, Paul, mẹ sẽ gọi cho bố, và dù có chuyện gì xảy ra đi nữa, thì mẹ cũng sẽ có mặt ở nhà sau hai tiếng nữa. Mẹ hứa đấy. Thế có được không? Con có chắc là con ổn không? Vì mẹ sẽ gác lại tất cả mọi việc nếu như con cần mẹ.”

“Con không sao,” thằng bé đáp. “Mẹ không cần phải gọi bố đâu.”

Giọng của mẹ, khi bà trả lời, lạnh lẽo và cụt lủn. “Bố đã nói với mẹ là sẽ về nhà,” bà nói. “Bố đã hứa rồi cơ đấy.”

“Mấy người,” nó hỏi, “ở IBM ấy. Họ có thích chim hồng hạc không?”

Một khoảng im lặng, rồi tiếng cười rộ lên và ly tách chạm nhau lanh canh.

“Paul,” cuối cùng bà nói. “Con ổn thật chứ?”

“Con ổn mà,” nó nói. “Đùa chút thôi. Mẹ đừng bận tâm.”

Khi mẹ đã gác máy, Paul đứng một mình trong giây lát, lắng nghe tiếng tút tút trong điện thoại. Căn nhà vây lấy nó, câm lặng. Không giống như sự im lặng trong thánh phòng, tràn ngập những háo hức và đợi chờ, ở đây chỉ còn lại sự trống rỗng. Nó với lấy cây ghi ta, nghĩ đến em gái mình. Nếu em không chết, liệu em có giống nó không? Liệu em có thích chạy không? Em có hát không?

Trong phòng khách, Duke vẫn nằm chềnh ềnh ra đấy, một tay che ngang mặt. Paul nhặt chiếc hộp đựng pizza rỗng không lên cùng mấy tấm giấy sáp mỏng dính rồi quẳng hết vào sọt rác. Không khí tươi mát, mọi vật trông đều mới mẻ. Nó thấy khát cháy cổ, như vừa chạy liên mùi dậm vậy, thế là nó cầm một bình sữa hai lít quay lại phòng khách, tu thẳng từ bình rồi chuyển cho Duke. Nó ngồi xuống và lại chơi

nhạc, lần này khế hơn. Những nốt nhạc từ cây ghi ta tuôn chảy trong không gian, chậm rãi, duyên dáng, như những sinh vật có cánh.

“Mày còn cỏ không?” nó hỏi.

“Còn. Nhưng phải xì tiền đấy.”

Paul gạt đầu, tiếp tục chơi, trong khi Duke đứng dậy và đi gọi điện.

Paul đã có lần vẽ em gái nó, hồi nó còn nhỏ, có lẽ là đang học mẫu giáo. Mẹ đã kể cho nó nghe về em, nên nó đã vẽ em trong một bức tranh tên là “Gia đình tôi”: bố, được phác họa bằng màu nâu, mẹ có mái tóc màu vàng sậm, và thằng bé đang nắm tay một đứa trẻ giống nó như lột. Vẽ xong ở trường, nó lấy một dải ruy băng buộc lại, rồi mang món quà về tặng bố mẹ vào bữa sáng hôm sau, cảm thấy trong lòng tràn ngập một thứ cảm xúc u ám khi nhìn thấy nét mặt bố, những cảm xúc mà, khi mới lên năm, Paul không thể lý giải hay diễn tả, chỉ biết rằng có gì đó giống với nỗi buồn đau. Cả mẹ nữa, khi mẹ nhận lấy bức tranh từ tay bố, mặt bà đượm vẻ u buồn, nhưng mẹ đã phủ lên đó một lớp mặt nạ, lớp mặt nạ tươi tắn mà giờ đây bà vẫn đeo khi gặp khách hàng. Nó còn nhớ tay mẹ vương vẩn trên má nó ra sao. Thỉnh thoảng mẹ vẫn làm thế, mắt nhìn nó đăm đăm như thể thằng bé có thể biến mất vậy. *Ôi, đẹp quá con ạ*, hôm ấy mẹ đã nói. *Tranh đẹp lắm, Paul ạ*.

Sau này, khi Paul lớn hơn, có lẽ chín hay mười tuổi, mẹ đã đưa nó đến một nghĩa trang vắng vẻ ở nông thôn nơi em gái nó được chôn cất. Đó là một ngày mùa xuân mát mẻ, và mẹ đã gieo những hạt cây bìm bìm hoa tím dọc hàng rào gang. Paul đứng đó, đọc cái tên – PHOEBE GRACE HENRY – và ngày sinh tháng đẻ của chính nó, thấy một cảm giác bất an, trĩu nặng, mà nó không thể lý giải nổi. *Sao em lại chết hả mẹ?* nó hỏi, khi mẹ quay lại chỗ nó, rút đôi găng tay làm vườn ra. *Không ai biết cả*, mẹ đáp, rồi sau đó, nhìn thấy vẻ mặt nó, mẹ vòng tay

quanh người nó. *Không phải lỗi của con đâu*, bà nói giọng chắc nịch. *Chẳng liên quan gì đến con cả*.

Nhưng lúc đấy nó không thực sự tin lời mẹ, đến bây giờ cũng không. Nếu bố giam mình trong buồng tối hàng đêm còn mẹ làm việc đến bỏ cả bữa tối trong hầu hết các ngày, rồi đến kỳ nghỉ của gia đình, bà vứt bỏ quần áo và chui vào căn nhà gỗ của những người đàn ông lạ, thì là do lỗi của ai đây? Không phải của em nó, em nó đã chết từ lúc mới ra đời và rời xa cái không khí âm lạnh này rồi. Tất cả tạo thành một cục u trong bụng nó, mỗi sáng dậy còn bé như một đồng xu rồi lớn dần lên trong ngày, khiến bụng nó nhức nhối. Rốt cuộc, nó vẫn còn sống. Nó vẫn đang ở đây. Chắc chắn bốn phận của nó là phải bảo vệ tất cả bọn họ.

Duke hiện ra trên ngưỡng cửa, và Paul ngừng chơi.

“Bọn nó sắp đến rồi, thằng Joe ấy,” thằng kia báo. “Mày có tiền mặt chứ hả.”

“Có,” Paul đáp. “Đi theo tao.”

Hai thằng ra ngoài theo lối cửa hậu, bước xuống những bậc thềm bê tông ẩm ướt rồi leo lên cầu thang bên dẫn tới một căn phòng lớn mở cửa phía trên ga ra. Căn phòng này có những ô cửa sổ cao ở khắp bốn mặt tường, vào ban ngày hướng nào của phòng cũng tràn ngập ánh sáng. Một căn buồng tối, không có cửa sổ, được xây phía trong giống như một nhà kho ở ngay cạnh lối ra vào. Vài năm trước, khi những tác phẩm của bố bắt đầu thu hút sự chú ý, ông đã xây căn phòng này. Giờ ông dành phần lớn thời gian rảnh rỗi ở đây, tráng phim, làm thí nghiệm với ánh sáng. Hầu như không có ai khác lai vãng lên đây – riêng mẹ nó thì không bao giờ. Đôi khi bố cũng mời Paul lên, thực ra thằng bé mong những dịp như thế đến cháy ruột ra, và nó xấu hổ vì nỗi khao khát ấy của mình.

“Ê, mấy cái này đẹp nhỉ,” Duke nói, đi xung quanh bức tường phía ngoài, ngắm nghía những bức ảnh lồng trong khung.

“Lẽ ra bọn mình không được vào trong đây,” Paul nói. “Còn không được lai vãng ngoài này nữa ấy chứ.”

“Ê, tao từng nhìn thấy cái ảnh này rồi đấy,” Duke nói, đoạn dừng lại trước một tấm ảnh chụp đám tro tàn vẫn còn đang cháy âm ỉ của tòa nhà ROTC, những cánh hoa sơn thù du trắng nhợt nổi bật trên nền tường cháy đen. Đó là bức ảnh đột phá của bố. Nhiều năm trước nó đã được các đài truyền hình chọn và phát đi khắp nước. *Nó đã khởi đầu tất cả, bố vẫn thích nói vậy. Nó làm bố nổi tiếng.*

“Ừ,” Paul nói. “Bố tao chụp đấy. Đừng động vào thứ gì cả, được không?”

Duke cười. “Bình tĩnh đi mày. Mọi thứ vẫn y nguyên mà.”

Paul vào phòng tối, trong này ấm áp và yên tĩnh hơn. Những tấm ảnh được treo lên, đang khô dần. Nó mở tủ lạnh nhỏ nơi bố cất phim và lấy ra một chiếc phong bì sợi chuối mát lạnh nằm ở tít trong cùng. Bên trong là một chiếc phong bì khác, chứa đầy những tờ hai mươi đô. Nó rút một tờ ra, thêm một tờ nữa, rồi cất số tiền còn lại vào chỗ cũ.

Nó đã từng vào đây với bố, những lần khác là do nó tự lén vào. Nhờ thế mà thằng bé tìm thấy tiền, một buổi chiều nọ nó chơi ghi ta trên này, tức giận vì bố đã hứa dạy nó cách sử dụng máy phóng ảnh rồi đến phút cuối lại hủy ngang. Tức giận, thất vọng và cuối cùng là đói cồn ruột. Nó lục lọi trong tủ lạnh thì tìm thấy chiếc phong bì đựng đầy những tờ tiền lạnh cứng, mới tinh, chẳng hiểu từ đâu ra. Đầu tiên nó chỉ lấy một tờ hai mươi đô thôi, lần sau thì nhiều hơn. Hình như bố cũng chả bao giờ để ý. Nên thỉnh thoảng nó lại mò lên đây và lấy thêm vài tờ.

Chuyện này khiến Paul cảm thấy bất an, số tiền, hành vi trộm cắp và việc nó không bị phát hiện. Đó cũng là cảm giác bao trùm lấy nó khi nó đứng đây cùng bố trong bóng tối, những hình ảnh dần hiện lên trước mắt hai bố con. Trong một tấm phim âm bản không chỉ chứa một hình ảnh, bố nói; mà có cả một chuỗi ảnh. Một khoảnh khắc không chỉ là khoảnh khắc đơn lẻ mà là vô số những khoảnh khắc khác nhau, phụ thuộc vào người nhìn và cách nhìn. Paul lắng nghe bố nói, cảm thấy như có một cái hố đang há miệng ra bên trong nó. Nếu tất cả những điều này là sự thật, thì bố là người nó sẽ không bao giờ thực sự hiểu được, và nó thấy sợ. Dầu vậy, nó vẫn thích được ở đây, giữa ánh sáng dịu dịu và mùi hóa chất. Nó thích chuỗi quy trình chính xác từ lúc khởi đầu cho đến khi kết thúc, tấm giấy phơi sáng được thả vào dung dịch tráng ảnh và những hình ảnh nổi dần lên từ chỗ trước đó chỉ là một tờ giấy trơn, đồng hồ căn giờ bấm thời gian trôi, tiếp đó tờ giấy được cho vào khay thuốc hãm. Những hình ảnh khô dần, thành hình thành khối, lóng bóng và huyền ảo.

Nó dừng lại để xem ảnh. Những đường xoáy lạ mắt, giống như những bông hoa bị hóa đá. Hóa ra là san hô, nó chợt nhận ra, hồi đi Aruba, đây là loại san hô nào, phần thịt đã bị teo rút hết, chỉ còn lại mỗi bộ khung xương phức tạp. Mấy tấm ảnh khác cũng tương tự, những cái lỗ tổ ong há miệng trắng xóa, trông giống như cảnh những miệng núi lửa chẳng chịt được truyền từ bề mặt mặt trăng. *San hô não/xương*, mấy chữ này ghi trên mẫu giấy ghi chú của bố nó, đặt ngay ngắn trên bàn kế bên máy phóng ảnh.

Vào cái ngày ở căn nhà gỗ, ngay trước khi cảm thấy sự hiện diện của Paul và nhìn lên, khuôn mặt bố hoàn toàn cởi mở, tràn ngập những cảm xúc như mưa rơi – một tình yêu hòa với cảm giác mát mát xưa cũ. Paul nhìn thấy và khao khát nói gì đó, hay làm gì đó, gì cũng được, để mọi việc tốt hơn. Cũng ngay trong khoảnh khắc ấy, nó lại muốn bỏ đi thật xa, để quên hết những rắc rối của họ, để được tự do. Nó liếc sang

chỗ khác, và khi nhìn lại thì khuôn mặt bố đã trở lại vẻ dửng dưng, xa cách. Có lẽ ông đang nghĩ đến một trục trặc kỹ thuật của phim, hay những chứng bệnh về xương, hoặc bữa trưa.

Một khoảnh khắc có thể ẩn chứa hàng ngàn ý nghĩa khác nhau.

“Ê,” Duke nói, đoạn đẩy cánh cửa mở ra. “Mày có ra đây không thì bảo?”

Paul nhét những tờ tiền mát lạnh vào túi rồi quay lại căn phòng lớn phía ngoài. Hai thằng khác vừa đến, chúng lớn tuổi hơn, bữa trưa hay lê la trên bãi đất trống đối diện trường và phì phèo hút thuốc. Một trong hai thằng xách một lốc sáu lon bia và đưa cho nó một lon, và suýt nữa thì Paul đã nói *Xuống đi bọn mày, ra ngoài nhậu*, nhưng trời mưa càng lúc càng nặng hạt mà hai thằng này lại lớn tuổi hơn và to con hơn, nên nó đành ngồi xuống nhập bọn với cả lũ. Nó đưa Duke tiền và sau đó đấm lửa được chuyền vòng quanh. Paul bỗng say sưa ngắm nhìn đầu ngón tay Duke, những đốt xương nối với nhau mới tinh tế làm sao, nhớ lại lúc chính những đầu ngón tay ấy lướt trên phím đàn với một sự chính xác phóng khoáng. Bố nó cũng kỹ tính lắm. Ông chỉnh xương cho mọi người, cả cơ thể họ nữa.

“Ngắm chưa mày?” Sau một lúc Duke cất tiếng hỏi.

Paul nghe tiếng thằng kia như vọng lại từ một nơi rất xa, như thể qua một lớp nước, qua tiếng còi tàu xa xăm. Lần này chẳng có tiếng cười như hóa rồ lẫn cơn choáng váng nữa, chỉ thấy bên trong nó như có một cái giếng sâu thăm thẳm, còn nó thì đang rơi xuống giếng. Cái giếng bên trong ấy trở thành một phần của bóng đêm ngoài kia, nó không nhìn thấy Duke đâu cả, và thấy hoảng thật sự.

“Nó bị làm sao thế?” có thằng hỏi và Duke trả lời, *Chắc nó đang bị ảo giác đấy*, rồi từng chữ nói ra cứ như to lên mãi, choán cả căn phòng và ép chặt nó vào tường.

Những tràng cười dài tràn ngập căn phòng, khuôn mặt của mấy đứa còn lại méo mó vì đang đùa giỡn. Paul không thể cười nổi; nó ngồi đơ một chỗ. Họng nó khô cháy và nó thấy tay mình phình quá to so với người, nó nhìn ra cửa chầm chầm như thể bố nó sẽ ập vào bất cứ lúc nào, cơn giận dữ của ông sẽ khiến bọn nó vỡ tan như những con sóng. Rồi tiếng cười dứt hẳn và mấy thằng còn lại đứng dậy. Chúng lục lọi trong các ngăn kéo để tìm xem có thứ gì ăn được không, nhưng chỉ thấy những cặp tài liệu sắp xếp cẩn thận của bố nó. *Đừng*, nó cố kêu lên khi thằng lớn tuổi nhất, thằng có râu, bắt đầu lôi các cặp tài liệu và mở ra. *Đừng*: đó là tiếng thét trong đầu nó, nhưng chẳng có lời nào thoát ra khỏi miệng cả. Những thằng khác giờ cũng đã đứng cả dậy, lôi hết chiếc cặp này đến chiếc cặp khác ra, rải ảnh và phim âm bản khắp sàn nhà, những thứ trước đó đã được sắp xếp rất cẩn thận.

“Ê,” Duke nói, quay sang chỉ cho nó xem một tấm ảnh 8x10. “Mày đây hả, Paul?”

Paul ngồi ngay đơ, hai tay ôm lấy đầu gối, hơi thở dồn dập trong phổi. Nó không động dậy, nó không thể. Duke thả tấm ảnh xuống sàn rồi nhập hội với những thằng khác, hai thằng này giờ đã phê hơn một chút, chúng rải hết những tấm ảnh và phim âm bản khắp mặt sàn sơn bóng loáng.

Nó ngồi im phăng phắc. Trong một lúc lâu, cơn sợ hãi khiến nó không cựa quậy nổi nhưng rồi nó đã cử động, nó đang ở trong buồng tối, thu lu trong một xó ẩm áp, tựa lưng lên chiếc tủ hồ sơ bố nó khóa kỹ, dỏng tai nghe ngóng những gì đang xảy ra ngoài kia: những tiếng nói cười quay cuồng, và tiếng chai lọ vỡ. Cuối cùng, không gian trở lại im ắng. Cánh cửa mở ra và Duke hỏi, *Ê, mày, mày ở trong này à, mày ổn chứ?* Paul không trả lời, có tiếng người trao đổi vội vã bên ngoài rồi cả bọn bỏ đi, lạch cạch bước xuống cầu thang. Paul ì ạch đứng dậy và đi trong bóng tối, bước vào không gian phòng trưng bày la liệt những đồng ảnh rách nát. Nó đứng bên cửa sổ, nhìn Duke ngồi lên xe đạp

lẳng lẳng lao xuống cống, chân phải đu đưa trên gióong xe rồi biến mất trên con phố.

Paul mệt nhoài. Kiệt sức. Nó quay lại xem xét căn phòng: ảnh vương vãi khắp nơi, phát phơ trong gió trên cửa sổ, những cuộn phim âm bản buông dài như suối chảy từ trên mặt quày hoặc mắc trên đèn. Một cái lọ đã bị vỡ. Những mảnh thủy tinh xanh vương vãi khắp sàn nhà, và mặt quày lênh láng bia. Có nhiều chữ viết trên tường, những hình vẽ và hình graffiti thô thiển. Nó tựa lưng vào cửa rồi trượt xuống cho đến khi ngồi hẳn trên sàn nhà giữa đồng ngổn ngang. Nó sẽ phải đứng dậy ngay thôi, nó phải dọn dẹp đồng bừa bộn này, phân loại các tấm ảnh, để lại đúng chỗ cũ.

Nó nhấc tay lên, nhìn tấm ảnh bên dưới tay, rồi cầm lên. Đó không phải một nơi nó biết: một căn nhà xiêu vẹo xây trên sườn đồi. Đứng trước nhà là bốn người: một người phụ nữ mặc váy dài đến bắp chân, đeo tạp dề, hai tay đan lại phía trước. Gió thổi một lọn tóc lơ thơ bay ngang mặt bà. Một người đàn ông, trông hốc hác, người còng xuống như dấu phẩy, đứng bên cạnh bà, tay ôm mũ trước ngực. Người phụ nữ hơi quay về phía người đàn ông, họ đang cố nín cười, dường như một trong hai người vừa mới pha trò gì đó, và chỉ một giây nữa thôi, họ sẽ cười phá lên. Bàn tay bà mẹ đặt lên mái đầu tóc vàng của một cô bé gái, và đứng giữa bọn họ là một cậu bé, chắc cũng tầm tuổi nó, đang nghiêm trang nhìn thẳng vào máy ảnh. Tấm ảnh này có vẻ gì đó thân thuộc đến kỳ lạ. Nó nhắm mắt lại, cảm thấy trong người kiệt quệ, nước mắt chực trào ra vì mệt mỏi.

* * *

Nó tỉnh dậy, thấy ánh bình minh rực rỡ rọi qua ô cửa sổ phía Đông và bóng của bố đổ dài xuống, ông cất tiếng nói từ chính giữa luồng sáng đó.

“Paul,” ông nói. “Cái quái gì đây?”

Paul ngồi dậy, cố gắng định hình xem mình đang ở đâu và chuyện gì đã xảy ra. Những tấm ảnh và phim rách nát vung vãi khắp sàn nhà, lấm lem những vết chân đầy bùn đất. Những cuộn phim âm bản bung ra như sợi. Mảnh thủy tinh vỡ vương khắp phòng, để lại những vết rạch sâu hoắm trên sàn nhà. Nỗi sợ hãi tràn ngập trong Paul; nó cảm thấy như mình sắp nôn thốc nôn tháo. Nó đưa tay lên che mắt để tránh ánh nắng chói chang buổi sáng.

“Chúa ơi, Paul!” bố nó vẫn đang nói. “Chuyện gì xảy ra ở đây thế?” Cuối cùng ông bước ra khỏi luồng sáng, khom người ngồi xổm xuống. Ông nhặt tấm ảnh chụp gia đình xa lạ kia lên từ mớ hỗn độn trên sàn nhà và ngắm nhìn nó một lát. Sau đó ông ngồi tựa lưng vào tường, tấm ảnh vẫn cầm trên tay, và nhìn quanh phòng.

“Chuyện gì đã xảy ra ở đây thế con?” ông hỏi lại, giọng nhẹ nhàng hơn.

“Có mấy đứa bạn đến chơi. Con nghĩ là mọi việc hơi vượt quá tầm kiểm soát.”

“Ừ,” bố nói. Ông áp tay lên trán. “Duke có ở đây không?”

Paul ngáp ngừng, rồi gật đầu. Nó cố ngăn nước mắt, và mỗi lần nhìn vào đồng giấy tờ rách nát, có gì đó siết chặt trong lồng ngực nó như một nắm đấm.

“Con có làm chuyện này không, Paul?” bố hỏi, giọng ông mềm mỏng một cách kỳ lạ.

Paul lắc đầu. “Không ạ. Nhưng con đã không ngăn tội nó.”

Bố gật đầu.

“Phải mất mấy tuần mới dọn xong đồ đạc này,” cuối cùng ông nói. “Con sẽ làm việc đó. Con phải giúp bố khôi phục lại các tập tài liệu nữa. Cả một núi việc đấy. Sẽ tốn thời gian lắm. Con sẽ phải ngưng tập nhạc.”

Paul gật đầu, nhưng khối căng thẳng chèn trong ngực nó cứ lớn dần lên, đến độ nó không thể ghìm lại lâu hơn nữa. “Bố chỉ muốn tìm lý do nào đó để không cho con chơi nhạc nữa thôi.”

“Không phải thế. Chết tiệt, Paul, con biết là đấy không phải sự thật.”

Bố lắc đầu và Paul sợ rằng ông sẽ đứng dậy bỏ đi, nhưng thay vào đó ông lại nhìn xuống tấm ảnh cầm trên tay. Đó là một tấm ảnh đen trắng, với đường viền trắng hình răng cưa bao quanh hình một gia đình đứng trước ngôi nhà nhỏ thấp lè tè.

“Con biết đây là ai không?” bố hỏi.

“Không ạ,” Paul đáp, nhưng vừa nói dứt miệng nó đã nhận ra là mình biết. “Ồ,” nó kêu lên, rồi chỉ vào cậu bé đứng trên bậc thềm nhà. “Ồ, đấy là bố.”

“Đúng rồi. Hồi đó bố vừa bằng tuổi con. Kia là ông nội con đứng ngay phía sau. Bên cạnh bố là em gái bố. Bố em gái, con biết chưa nhỉ? Tên cô ấy là June. Cô rất giỏi nhạc, giống như con ấy. Đây là tấm ảnh cuối cùng mà mọi người được chụp chung với nhau. Cô June bị bệnh tim, đến mùa thu năm sau đó thì cô mất. Việc June qua đời gần như đã giết chết bà nội con.”

Giờ thì Paul nhìn tấm ảnh theo cách khác hẳn. Những con người này không còn xa lạ nữa, mà chính là ruột thịt của nó. Bà của Duke sống ở tầng trên nhà thẳng nhái, vẫn làm bánh táo và xem phim truyền hình vào mỗi buổi chiều. Paul ngắm nhìn người phụ nữ trong tấm ảnh đang

cố nén cười – người phụ nữ mà nó chưa bao giờ biết đến lại chính là bà nội nó.

“Rồi bà có chết không ạ?” nó hỏi.

“Bà con ấy hả? Có. Nhưng nhiều năm sau cơ. Ông con cũng thế. Cả hai ông bà đều không thọ. Ông bà sống vất vả lắm, Paul ạ. Họ chẳng có tiền bạc gì cả. Không phải chứ không giàu có thối đâu. Ý bố là đôi khi cả nhà còn chẳng biết liệu có thứ gì để mà ăn không nữa. Điều đó làm ông con đau lòng lắm, ông con là một người làm việc rất chăm chỉ. Và nó làm cả bà con đau lòng nữa, vì họ không thể giúp gì nhiều cho cô June. Khi bố bằng tuổi con, bố đã kiếm được một công việc, nhờ thế bố có thể đi học trung học dưới thị trấn. Rồi cô June mất, và bố đã tự hứa với mình. Bố sẽ đi và cứu giúp cuộc đời.” Ông lắc đầu. “Ừm, tất nhiên bố đã không thực sự làm được thế. Nhưng chúng ta ở đây, Paul ạ. Chúng ta có rất nhiều thứ. Chúng ta không bao giờ phải lo xem có đủ thức ăn để ăn không. Con có thể vào bất cứ trường đại học nào con muốn. Vậy mà tất cả những gì con có thể nghĩ đến là hút hít với lũ bạn và vứt bỏ mọi thứ.”

Cơn bức bối trong bụng Paul giờ đã dâng lên đến tận họng, nó không biết phải nói sao. Cảnh vật xung quanh vẫn quá sáng chói và chưa thật sự đứng yên. Nó muốn nổi phiền muộn trong giọng nói của bố biến mất, muốn xóa tan bầu không khí im lặng đang choán lấy cả ngôi nhà họ. Hơn tất cả mọi thứ, nó đã mong sao giây phút này – bố ngồi bên cạnh nó và kể cho nó nghe mẩu câu chuyện về gia đình – đừng bao giờ kết thúc. Nó đã sợ rằng mình sẽ nói gì không phải và phá hỏng tất cả, giống như quá nhiều ánh sáng chiếu lên giấy sẽ làm hỏng bức ảnh. Một khi điều đó xảy ra bạn chẳng thể nào làm lại được nữa.

“Con xin lỗi,” nó nói.

Bố gạt đầu, nhìn xuống. Rất nhanh và khẽ khàng, tay ông lướt qua mái tóc Paul.

“Bố biết,” ông nói.

“Con sẽ dọn dẹp mọi thứ.”

“Ừ,” ông nói. “Bố biết mà.”

“Nhưng con yêu âm nhạc,” Paul nói, nó biết rằng đó là điều không nên phát ngôn, một luồng ánh sáng đột ngột có thể khiến tấm giấy ảnh đen thui lại, nhưng nó không ngăn nổi bản thân mình. “Chơi nhạc là cuộc sống của con. Con sẽ không bao giờ từ bỏ đâu.”

Bố ngồi im lặng một lúc lâu, đầu ông cúi xuống. Sau đó ông thở dài và đứng dậy.

“Bây giờ con đừng vội đóng lại bất kỳ cánh cửa nào,” ông nói. “Bố chỉ yêu cầu có thể thôi.”

Paul nhìn bố biến mất trong phòng tối. Rồi nó quỳ xuống và bắt đầu nhặt nhạnh những mảnh kính vỡ. Xa xa, tàu chạy hối hả, bầu trời bên ngoài những ô cửa sổ trải dài đến vô tận, trong vắt và xanh thăm thẳm. Paul ngừng lại một lát trong ánh nắng gắt buổi sớm, lắng nghe tiếng bố làm việc trong buồng tối, hình dung ra cảnh chính đôi bàn tay ấy đã cử động thật cẩn trọng bên trong cơ thể của một người nào đó, tìm kiếm để hàn gắn những vết thương.

Tháng Chín Năm 1977

CAROLINE DỪNG NGÓN CÁI VÀ NGÓN TRỎ KẸP VÀO GÓC TẮM ẢNH polaroid khi nó trôi ra từ máy ảnh, hình ảnh dần hiện lên. Chiếc bàn với tấm khăn trải màu trắng trông như đang lơ lửng giữa một biển cỏ sẫm màu. Những bông hoa bạch cúc, trắng muốt và tỏa ánh dạ quang dịu nhẹ, rải trên sườn đồi. Phoebe trông mờ nhạt trong bộ váy mặc cho lễ Kiên tín. Caroline vẫy bức ảnh cho khô giữa không gian thơm ngát. Có tiếng sấm ở đằng xa, một cơn bão cuối hạ đang hình thành; cơn gió nhẹ thổi qua làm lay động đồng khăn giấy.

“Một lần nữa,” cô nói.

“Ôi, mẹ,” Phoebe phản đối, nhưng nó vẫn đứng yên.

Đúng lúc máy ảnh kêu tách thì con bé biến mất, nó chạy ào qua bãi cỏ đến chỗ cô bé hàng xóm tên Avery, tám tuổi, tay đang ôm một chú mèo con bé tí có lông màu cam sậm giống hệt màu tóc cô. Phoebe, giờ đã mười ba, vẫn còn khá lùn so với tuổi mình, vóc người mập mạp, tính tình vẫn còn bốc đồng và hay bị kích động, học rất chậm nhưng có thể thay đổi cảm xúc từ mừng rỡ sang dăm chiêu sang buồn bã rồi trở lại mừng rỡ với một tốc độ đáng kinh ngạc. “Tớ được làm lễ Kiên tín rồi nhá!” con bé hét to, quay ngoắt ra bãi cỏ, hai cánh tay tung tủy trong không khí, khiến khách khứa đều liếc về phía nó chạy và mỉm cười, ly nước cầm trên tay. Váy xoay tròn, con bé chạy đến chỗ cậu con trai Sandra, Tim, giờ cũng đã là một cậu thiếu niên. Nó vòng hai tay quanh người thằng bé, rồi hôn hờ hôn lên má cậu chàng.

Đoạn nó khựng người và quay lại lăm lét nhìn Caroline. Đầu năm nay, ôm hôn đã trở thành một vấn đề ở trường học. “Tớ *thích* cậu,” Phoebe thường nói, rồi ôm chặt thằng bé hơn; con bé không hiểu tại

sao lại không được làm thế. Caroline đã nói đi nói lại với nó, *Ôm là hành động rất đặc biệt. Ôm chỉ dành cho gia đình thôi*; dần dần Phoebe cũng hiểu ra. Dầu vậy, trong lúc này đây, nhìn thấy Phoebe phải kìm nén tình cảm của mình, cô phân vân không biết liệu việc mình làm có đúng đắn hay không.

“Không sao đâu, con yêu,” Caroline hét to. “Con có thể ôm bạn con trong bữa tiệc được mà.”

Phoebe thở phào. Nó và Tim chạy đi nựng con mèo con. Caroline nhìn tấm ảnh polaroid trong tay mình: khu vườn sáng lung linh và nụ cười của Phoebe, một khoảnh khắc thoáng qua được ghi lại, đã biến mất. Thêm nhiều tiếng sấm đi đùng ở phía xa, nhưng buổi tối vẫn dễ chịu, ấm áp và rục rờ đầy hoa. Phía bên kia bãi cỏ mọi người đi lại, chuyện trò, cười nói và rót đầy rượu vào cốc nhựa. Một chiếc bánh, ba tầng và phủ kem trắng, đặt giữa bàn, được trang trí bằng những bông hồng đỏ thắm hái trong vườn. Ba lớp bánh, cho ba dịp kỷ niệm: lễ Kiên tín cho Phoebe, kỷ niệm lễ cưới của chính cô, và ngày Doro về hưu, một lời chúc thượng lộ bình an.

“Bánh của tớ đấy.” Tiếng Phoebe vang lên giữa âm thanh trầm bổng của những cuộc trò chuyện, các giáo sư Vật lý, hàng xóm láng giềng, thành viên đội thánh ca, bạn học, các gia đình trong Hội Bệnh nhân Down, đủ loại trẻ con đang chạy lông nhông. Cả những người bạn mới của Caroline ở bệnh viện nơi cô bắt đầu làm việc bán thời gian những lúc Phoebe đi học. Cô đã đưa những con người này đến với nhau, cô đã lên kế hoạch cho bữa tiệc đẹp đẽ này bùng lên giữa bóng tối như một bông hoa. “Bánh của tớ đấy.” Tiếng Phoebe lại vang lên, cao và vang. “Tớ được làm lễ Kiên tín rồi nhé.”

Caroline nhấp một ngụm rượu, không khí ấm như hơi thở mơn man trên làn da cô. Cô không nhìn thấy Al đi tới nhưng đột nhiên anh xuất hiện, vòng tay qua eo cô và hôn lên má cô, sự hiện diện của anh, mùi

hương của anh, tràn qua cô. Năm năm trước họ đã kết hôn trong một bữa tiệc vườn rất giống với bữa tiệc hôm nay, những trái dâu bắp bênh trong rượu sâm banh và bầu không khí đầy đom đóm bay, tràn ngập hương hoa hồng. Năm năm, và cảm giác mới lạ vẫn chưa hề phai nhạt. Căn phòng của Caroline trên tầng ba ngôi nhà của Doro đã trở thành một chốn đầy bí ẩn và khoái cảm cũng như khu vườn này. Cô yêu những lúc thức dậy bên Al, đang chìm trong giấc ngủ sâu và ấm áp, bàn tay dịu dàng đặt lên cái bụng phẳng của cô, mùi hương của anh – mùi xà phòng thơm mát và lẫn khứ mùi Old Spice – dần dần lan tỏa khắp căn phòng, bám vào khăn trải giường, khăn tắm. Anh ở đó, hiện diện thật sống động đến mức cô có thể cảm thấy anh trong từng giác quan. Ở đó, rồi thoát biến mất.

“Mừng ngày kỷ niệm,” anh nói, ép nhẹ bàn tay lên eo cô.

Caroline mỉm cười, lòng tràn ngập hạnh phúc. Buổi tối ngả dần về đêm, mọi người đi lại và cười nói trong luồng hơi ấm cùng hương thơm phảng phất, sương đọng trên những ngọn cỏ tối thẫm, những đốm hoa trắng lấm tấm khắp nơi. Cô nắm lấy bàn tay Al, rấn rỏi và chắc chắn, gần như cười thành tiếng vì anh mới về và còn chưa biết tin gì. Doro sắp lên đường cho chuyến đi vòng quanh thế giới kéo dài một năm với người tình của mình, người đàn ông tên Trace. Al đã biết chuyện đó; các kế hoạch đã lên trong nhiều tháng qua. Nhưng anh chưa biết rằng Doro, trong một động thái mà chị gọi là sự giải phóng sung sướng khỏi quá khứ, đã chuyển giao cho Caroline giấy tờ sở hữu căn nhà cũ này.

Doro cũng vừa tới, chị đi từ lối đường vườn xuống bậc thang trong bộ váy lụa. Trace đi ngay sau chị, tay bê một túi đá viên. Anh kém chị một tuổi, sáu mươi năm, với mái tóc bạc ngắn ngủn, khuôn mặt dài nhỏ thó, cặp môi dày. Anh có làn da trắng tự nhiên, là người rất để ý đến vấn đề cân nặng, và ăn uống cầu kỳ, một người yêu chuộng opera và xe thể thao. Trace từng là vận động viên bơi lội Olympic, suýt nữa đã đạt huy chương đồng, và đến tận bây giờ, anh cũng không ngại ngần

nhảy xuống sông Monongahela rồi bơi một mạch sang bờ bên kia. Một chiều nọ anh trôi lên từ mặt nước và loạng choạng đi lên bờ sông, tái nhợt và ướt sũng, gia nhập vào cuộc dã ngoại thường niên của khoa Vật lý. Họ đã gặp nhau như thế. Trace rất ân cần và tử tế với Doro, người rõ ràng vô cùng tôn sùng anh, và giả thử anh có tỏ ra thiếu thân thiện với Caroline, có phần xa cách và giữ kẽ, thì chị cũng chẳng lấy thế làm quan tâm.

Một cơn gió mạnh thổi tung chõng khăn giấy trên bàn, Caroline bèn khom người xuống để giữ chúng lại.

“Chị mang gió tới đấy hả,” Al nói, khi Doro bước lại gần.

“Tuyệt quá,” chị nói, đoạn giơ hai tay lên. Càng ngày chị càng giống Leo, những đường nét trông sắc sảo hơn, mái tóc chị, giờ được cắt ngắn, đã toàn một màu trắng bạc.

“Al giống như các thủy thủ hồi xưa ấy nhỉ,” Trace nói, rồi đặt túi đá lên bàn. Caroline lấy một viên đá nhỏ để chặn chõng khăn giấy. “Câu ấy có thể cảm nhận được sự thay đổi không khí cơ đấy. Ôi, Doro, em cứ đứng yên như thế nhé,” ông trầm trồ. “Trời đất, nhưng mà em đẹp thật. Thật đấy. Trông em chẳng khác nào nữ thần gió cả.”

“Nếu chị là nữ thần gió,” Al nói, rồi bắt lấy những chiếc đĩa giấy đang bị gió nhấc bổng lên, “thì làm ơn thổi nhẹ đi một tí để chúng ta còn được tiệc tùng nữa chứ.”

“Chẳng phải là rất tuyệt sao?” Doro hỏi. “Đúng là một bữa tiệc lộng lẫy, một lời tạm biệt tuyệt vời.”

Phoebe chạy đến, tay ôm một con mèo con bé tí, một cuộn len màu cam nhạt. Caroline giơ tay ra và vuốt tóc cô bé, miệng mỉm cười.

“Nhà mình nuôi nó được không ạ?” cô bé hỏi.

“Không được,” Caroline trả lời như mọi khi. “Bác Doro bị dị ứng.”

“Mẹ,” Phoebe nỉ non, nhưng ngay lập tức con bé đã bị phân tâm bởi làn gió, và chiếc bàn đẹp đẽ. Nó bám lấy tay áo lụa của Doro. “Bác Doro ơi. Bánh của cháu đấy.”

“Bánh của bác nữa chứ,” Doro nói, rồi quàng một tay quanh vai Phoebe. “Bác sắp đi xa rồi, đừng quên nhé, nên đây cũng là bánh của bác nữa đấy. Bánh của mẹ cháu và bố Al nữa vì bố mẹ đã cưới được tròn năm năm rồi mà.”

“Cháu cũng đi với bác,” Phoebe nói.

“Ồ, không, cháu yêu,” Doro nói. “Lần này thì không được. Đây là chuyến đi cho người lớn thôi, cưng ạ. Cho bác với bác Trace.”

Vẻ thất vọng hiện lên khuôn mặt Phoebe, cũng sâu sắc như niềm vui sướng trước đó của con bé. Hiếu động, hay thay đổi – cảm xúc của con bé trong mỗi giây phút đều vô cùng mãnh liệt.

“Này, con yêu,” Al nói, rồi ngồi xổm xuống. “Con nghĩ sao? Con có nghĩ bạn mèo con này thích ăn ít kem không?”

Con bé cố nén cười nhưng chịu thua, lại gật đầu, quên ngay giây phút thất vọng vừa nãy.

“Tuyệt,” Al nói, cầm lấy tay nó và nháy mắt với Caroline.

“Không được đem mèo vào nhà đâu đấy,” Caroline đe.

Cô xếp đầy một khay cốc và len lỏi giữa đám khách khứa, trong lòng vẫn chưa hết kinh ngạc. Cô là Caroline Simpson, mẹ của Phoebe, vợ của Al, người tổ chức các cuộc biểu tình – một con người hoàn toàn khác với người phụ nữ nhút nhát đứng trước văn phòng tuyết phủ im lìm mười ba năm về trước với một đứa trẻ sơ sinh trên tay. Cô quay lại

nhìn căn nhà, những viên gạch nhợt nhạt bỗng trở nên sống động đến kỳ lạ trên nền trời xám xám. *Đây là nhà của mình*, cô thầm nghĩ, tai văng vẳng câu nói trước đó của Phoebe. Cô mỉm cười vì ý nghĩ tiếp sau của mình, thích hợp đến kỳ lạ: *Mình đã được chứng thực* ⁽¹⁴⁾ rồi.

Sandra đang cười với Doro bên bụi kim ngân, còn bà Soulard đang đi lên con đường vườn với một bình cắm đầy hoa huệ. Trace, gió thổi những món tóc bạc lòa xòa quanh mặt, đang chụm tay che que diêm, cố thắp mấy ngọn nến. Ngọn lửa kêu lách tách, le lói, nhưng cuối cùng cũng bùng lên được, soi sáng cả tấm khăn trải bàn bằng lanh trắng, những chiếc cốc Tạ ơn trong suốt nhỏ xíu, những lọ hoa trắng, và chiếc bánh phủ kem tươi. Xe cô lướt qua vù vù, bị át đi bởi tiếng cười nói, tiếng lá cây xào xạc. Trong giây lát Caroline đứng im, nghĩ đến Al, bàn tay anh tìm đến cô trong bóng tối của màn đêm đang đến. *Đây là hạnh phúc*, cô tự nhủ thầm. *Hạnh phúc nghĩa là thế này đây*.

Bữa tiệc kéo dài đến tận mười một giờ đêm. Doro và Trace còn nán lại đến khi những người khách cuối cùng ra về, dọn dẹp khay cốc và bánh thừa, những lọ hoa, kê bàn ghế vào ga ra. Phoebe lúc ấy đã buồn ngủ díp mắt; Al bế con bé vào nhà sau khi nó khóc một trận thảm thiết, mệt nhoài và kích động quá mức, mất bình tĩnh vì bác Doro sắp đi xa, con bé thổn thức đến độ gần như không thở được nữa.

“Thôi đừng làm nữa,” Caroline nói, đoạn chặn chị lại nơi bậc thang trên cùng, người cô lướt qua đám lá mềm rậm rạp của những bụi tử đinh hương. Cô đã trồng dải hàng rào này từ ba năm trước, trong một thời gian dài chỉ có vài nhánh con nẩy lên, nhưng giờ rễ bắt đầu ăn vào đất và cây đã lớn bóng lên. Năm sau, những bụi cây này sẽ trĩu hoa. “Mai em sẽ dọn mà, chị Doro. Chị còn có chuyến bay sớm nữa. Chắc chị háo hức được đi lắm nhỉ.”

“Ừ,” Doro đáp, giọng chị khẽ đến mức Caroline phải căng tai ra mới nghe thấy. Chị gật đầu về phía ngôi nhà nơi Al và Trace đang lúi húi

trong căn bếp sáng rực, trắng sạch thức ăn trên chén đĩa. “Nhưng Caroline ạ, nó là cảm giác vừa buồn vừa vui ấy. Vừa rồi, chị đã đi khắp các phòng, một lần cuối cùng. Chị đã sống gần trọn đời mình ở đây. Phải xa rời nơi đây chị thấy lạ lẫm. Nhưng mà, cùng lúc, chị lại thấy háo hức vì được đi xa.”

“Lúc nào chị quay về cũng được mà,” Caroline nói, cố nén nỗi xúc động đột ngột trào dâng.

“Chị mong rằng mình sẽ không muốn thế,” Doro nói. “Dù sao cũng chẳng hơn một cuộc viếng thăm.” Chị nắm lấy khuỷu tay Caroline. “Ra đây em,” chị nói. “Ra hiên nhà ngồi đi.”

Họ đi dọc hông nhà, dưới vòm cây đậu tía, rồi ngồi lên xích đu, một dòng sông xe cộ đi lại nườm nượp trên đường lớn. Nhưng chiếc lá cao vút trên vòm cây tiêu huyền, to tướng như chiếc đĩa, rung rinh trong ánh đèn đường.

“Chị sẽ không nhớ giao thông ở đây đâu,” Caroline nói.

“Ừ, đúng thế. Ở đây đã từng rất yên tĩnh. Người ta từng chặn nguyên cả con phố trong mùa đông. Bọn chị còn cười xe trượt tuyết chạy thẳng ra giữa đường, ngay đây này.”

Caroline đẩy xích đu, nghĩ đến cái đêm xa xưa khi ánh trăng chảy tràn trên bãi cỏ và rơi rớt qua cửa sổ phòng tắm, Phoebe ho húng hắng trên tay cô, và những chú diệc bay lên từ cánh đồng thời thơ ấu của Doro.

Cánh cửa lưới bật mở và Trace bước ra.

“Sao?” anh hỏi. “Em sẵn sàng đi chưa, Doro?”

“Sắp rồi,” chị đáp.

“Thế anh đi lấy xe rồi đánh ra trước cửa nhé.”

Anh quay trở vào trong nhà. Caroline đếm xe, có đến hai mươi chiếc. Khoảng mười hai năm về trước cô đã tìm đến trước cửa ngôi nhà này, Phoebe vẫn còn là một đứa bé đỏ hỏn trong tay cô. Cô đã đứng ngay chính tại đây, chờ đợi điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

“Mấy giờ chị bay?” cô hỏi.

“Sớm lắm. Tám giờ. Ôi, Caroline,” Doro nói, rồi ngả người ra sau và dang rộng hai tay. “Sau bao nhiêu năm trời, giờ đây chị cảm thấy tự do biết bao. Ai mà biết được chị sẽ đi đến tận đâu?”

“Em sẽ nhớ chị lắm,” Caroline nói. “Cả Phoebe cũng thế.”

Doro gật đầu. “Chị biết. Nhưng chị em ta sẽ còn gặp lại nhau mà. Chị sẽ gửi bưu thiếp từ khắp nơi nữa.”

Ánh đèn pha đổ xuống sườn đồi, chiếc xe thuê đi chậm lại và cánh tay dài của Trace giờ lên vẫy vẫy.

“Đường xa vẫy gọi rồi!” anh hét lớn.

“Chị giữ gìn sức khỏe nhé,” Caroline nói. Cô ôm chặt lấy Doro, cảm thấy bầu má mềm mại của chị. “ Bao nhiêu năm trước chị đã cứu đời em, chị biết không.”

“Em à, em cũng cứu cả đời chị nữa đấy.” Doro buông tay ra. Đôi mắt sẫm của chị đắm nước. “Bây giờ đây là nhà của em rồi. Chúc em vui vẻ nhé.”

Và rồi Doro bước xuống bậc thềm, chiếc áo len trắng của chị phát phơ trong gió. Chị ngồi vào xe và vẫy chào tạm biệt; chị đã ra đi.

Caroline nhìn chiếc xe hòa vào con đường lớn rồi biến mất trong dòng ánh sáng hối hả. Con bão vẫn vùn vũ trên trời, thi thoảng lại xẹt ra những tia sáng trắng trời, tiếng sấm trầm đục dội lại từ xa. Al bước ra với mấy ly nước, đá chân để mở cửa. Họ cùng ngồi xuống xích đu.

“Chà,” Al nói. “Bữa tiệc tuyệt quá.”

“Vâng,” Caroline đáp. “Vui thật. Em kiệt sức rồi.”

“Còn đủ sức mở cái này không?” Al hỏi.

Caroline đỡ lấy gói quà và bóc lớp giấy gói sơ sài. Một trái tim bằng gỗ rơi ra, được đeo bằng gỗ anh đào, trơn mượt như một viên đá được nước mài nhẵn trong lòng bàn tay cô. Cô khum tay nắm lấy trái tim, nhớ đến cách chiếc mề đay lấp lánh ánh sáng lạnh lẽo trong khoang xe của Al và sau đó vài tháng, bàn tay nhỏ xíu của Phoebe đã túm lấy nó.

“Đẹp quá,” cô nói, đoạn áp chặt trái tim trơn nhẵn lên má. “Ấm quá. Rất vừa vặn, trong lòng bàn tay em.”

“Anh tự đeo đấy,” Al nói, giọng sung sướng. “Trong những đêm trên đường. Anh nghĩ mấy món này hơi sến, nhưng một cô phục vụ anh quen ở Cleveland nói em sẽ thích. Anh mong là em thích.”

“Em thích mà,” Caroline nói, khoác tay anh. “Em cũng có thứ này cho anh.” Cô đưa cho anh một chiếc hộp các tông nhỏ. “Em không có thời gian gói lại.”

Anh mở hộp và lấy ra một chiếc chìa khóa đồng mới tinh.

“Cái gì đây, chìa khóa mở cửa trái tim em à?”

Cô cười. “Không. Đây là chìa khóa ngôi nhà này.”

“Sao cơ? Em vừa thay khóa à?”

“Không.” Caroline đẩy xích đu. “Doro đưa cho em đấy. Không tuyệt sao? Em có tất cả giấy tờ sở hữu ngôi nhà này. Chị ấy nói muốn có một khởi đầu hoàn toàn mới.”

Một nhịp tim đập. Hai, ba, và rồi tiếng xích đu kéo kẹt, đưa đi đưa lại.

“Có vẻ hơi phóng tay quá nhỉ,” Al nói. “Nhờ chị ấy muốn quay về thì sao?”

“Em cũng hỏi chị ấy đúng câu đấy. Chị ấy nói bác Leo đã để lại rất nhiều tiền. Bằng sáng chế, các khoản tiết kiệm, em không biết là có những gì nữa. Với lại Doro đã sống tằn tiện suốt cả đời mình rồi, nên chị ấy cũng chẳng cần đến tiền làm gì. Nếu quay về, chị ấy và Trace sẽ mua một căn hộ hay gì đó.”

“Hào phóng thật,” Al nói.

“Vâng.”

Al chỉ im lặng. Caroline ngồi lắng nghe tiếng xích đu kéo kẹt trên hiên nhà, tiếng gió, tiếng xe cộ.

“Chúng ta có thể bán nó đi,” anh trầm ngâm. “Rồi lên đường. Đi bất cứ nơi đâu.”

“Căn nhà cũng chẳng đáng giá là bao,” Caroline chậm rãi đáp. Ý tưởng bán ngôi nhà này đi chưa bao giờ vụt qua đầu cô. “Vả lại, chúng ta sẽ đi đâu bây giờ?”

“Ôi, anh chẳng biết nữa, Caroline ạ. Em biết anh rồi đấy. Cả đời anh đã lang bạt khắp nơi rồi. Anh chỉ đang tính thế. Tiêu hóa cái tin này thôi mà.”

Sự êm dịu của bóng tối, tiếng xích đu đều đặn, đã nhường chỗ cho cảm giác bất an ẩn sâu bên dưới. Người đàn ông ngồi bên cạnh cô là ai nhỉ, Caroline tự hỏi, người vẫn về nhà mỗi buổi cuối tuần và suồng sã thả mình xuống chiếc giường của cô, người mỗi sáng luôn nghiêng đầu theo một góc quen thuộc để vỗ nước khử mùi Old Spice lên cằm và cổ? Cô thực sự biết gì về những giấc mơ, những cảm xúc riêng tư của anh? Gần như chẳng gì cả, bỗng nhiên cô cảm thấy vậy, hay nói cách khác, cô chưa hiểu hết về người đàn ông của mình.

“Vậy là anh không thích có một ngôi nhà chứ gì?” cô nhấn mạnh.

“Không phải. Doro quả là tử tế.”

“Nhưng nó làm vướng chân anh.”

“Anh thích được về nhà với em, Caroline ạ. Anh thích đi xuôi cung đường cuối cùng trên đường cao tốc và biết rằng em và Phoebe đang ở đây, nấu nướng trong bếp, trồng hoa, hay làm bất cứ việc gì. Nhưng chắc chắn là, những gì họ đang làm cũng hấp dẫn lắm chứ. Gói ghém đồ đạc. Lên đường. Lãng du khắp thế giới. Anh nghĩ thế cũng hay. Cảm giác được tự do như thế.”

“Em không còn khao khát những thứ đó nữa rồi,” Caroline đáp, nhìn ra khu vườn tối om, những ánh đèn rải rác trên thành phố và những chữ cái đỏ thẫm trên tấm biển báo khu vực dành cho người đi bộ, cả những đốm lá giữa tán cây mùa hè rậm rạp. “Em hạnh phúc được ở chính nơi em đang sống. Rồi anh sẽ chán em thôi.”

“Bậy. Chuyện đó chỉ làm chúng ta hợp nhau thôi, em yêu ạ,” Al nói.

Họ ngồi trong im lặng một lúc lâu, lắng nghe tiếng gió, tiếng dòng xe cộ lướt qua.

“Phoebe không thích thay đổi,” Caroline nói. “Con bé không thích nghi tốt lắm.”

“Ừ, cả chuyện đó nữa,” Al nói.

Anh đợi một lát, rồi quay sang cô.

“Em biết đấy, Caroline. Phoebe bắt đầu lớn rồi. Con bé bắt đầu không còn là một đứa trẻ con nữa.”

“Nó đã gần mười ba tuổi rồi còn gì,” Caroline nói, nghĩ đến Phoebe với con mèo, con bé mới dễ sa vào những thú vui vô tư lự của trẻ con làm sao.

“Phải. Nó mười ba tuổi rồi, Caroline ạ. Nó – ừm, em biết đấy – đã bắt đầu phát triển rồi. Anh thấy không thoải mái lắm khi phải bế nó lên như tối nay anh vừa làm.”

“Thế thì đừng làm như vậy nữa,” Caroline gay gắt đáp, nhưng cô còn nhớ lúc Phoebe ở bể bơi hồi đầu tuần, nó bơi đi rồi bơi lại, ôm chặt lấy cô lúc ở dưới nước, những núm vú mềm mại mới nhú của con bé áp lên cánh tay cô.

“Em không cần phải nổi cáu như thế đâu, Caroline. Chỉ là chúng ta chưa bao giờ nói đến chuyện này, phải không? Rồi con bé sẽ ra sao. Rồi chúng ta sẽ thế nào khi cả hai về hưu, như Doro và Trace.” Anh dừng lại, và cô cảm giác rằng anh đang lựa chọn từng lời rất thận trọng. “Anh chỉ muốn nghĩ là có lẽ chúng ta sẽ tính đến chuyện đi du lịch. Anh có cảm giác hơi ngọt ngào khi nghĩ đến việc ở lì trong căn nhà này suốt đời. Còn Phoebe thì sao? Liệu con bé có sống mãi với chúng ta không?”

“Em không biết nữa,” Caroline đáp, cảm giác mệt mỏi bao lấy cô, đặc quánh như màn đêm. Cô đã phải trải qua bao nhiêu cuộc chiến để

cho Phoebe có một cuộc sống trong cái thế giới lãnh đạm này. Cho tới nay cô đã giải quyết được mọi vấn đề, và đến khoảng năm vừa rồi cô mới có thể nghỉ ngơi một chút. Nhưng việc Phoebe sẽ làm ở đâu và sống ra sao khi lớn lên – tất cả đều vẫn còn mờ mịt. “Ôi, Al, em không thể nghĩ được tất cả những chuyện này trong đêm nay. Xin anh.”

Chiếc xích đu đưa đi đưa lại.

“Rồi cũng đến lúc chúng ta phải nghĩ đến thôi.”

“Nó chỉ mới là đứa trẻ con thôi. Anh nói thế là có ý gì?”

“Caroline. Anh chẳng có ý gì cả. Em biết là anh cũng yêu Phoebe. Nhưng em hoặc anh, chúng ta có thể chết ngay ngày mai. Không phải lúc nào ta cũng có thể ở bên cạnh để chăm lo cho nó được, thế thôi. Và cũng sẽ đến lúc nó không muốn được chúng ta chăm sóc nữa. Anh chỉ hỏi xem liệu em đã bao giờ nghĩ đến lúc đó chưa. Em tiết kiệm ngàn ấy tiền bạc để làm gì. Anh chỉ đặt ra vấn đề cho mình cùng bàn luận thôi. Ý anh là, thử nghĩ mà xem. Thỉnh thoảng em đi xa cùng anh cũng hay đấy chứ? Chỉ một buổi cuối tuần thôi cũng được?”

“Vâng,” cô khẽ đáp. “Như thế cũng hay.”

Nhưng cô cũng không dám chắc. Caroline cố gắng hình dung ra cuộc sống của Al, một căn phòng khác mỗi đêm, một thành phố khác, và con đường trải ra như một dải ruy băng xám đơn điệu. Ý nghĩ đầu tiên xuất hiện cũng chính là ý nghĩ luôn thường trực trong đầu anh: bán căn nhà, lên đường, chu du khắp thế giới.

Al gạt đầu, uống cạn cốc nước, rồi dợm đứng dậy.

“Đừng đi vội,” cô nói, nhẹ nhàng đặt tay lên cánh tay anh. “Em có chuyện này cần nói với anh.”

“Nghe có vẻ nghiêm trọng nhỉ,” anh nói, đoạn ngồi xuống xích đu. Anh cười vẻ hoang mang. “Em không định bỏ anh đấy chứ? Sau khi em có được món thừa kế này và những thứ khác nữa?”

“Dĩ nhiên là không; không có chuyện ấy đâu.” Cô thở dài. “Tuần vừa rồi em nhận được một lá thư,” cô nói. “Đó là một lá thư kỳ lạ. Và em phải nói.”

“Thư của ai?”

“Bố của Phoebe.”

Al gật đầu và khoanh tay lại, nhưng anh không nói gì. Anh biết về những lá thư, dĩ nhiên. Chúng đã được gửi tới nhiều năm nay, chứa tiền mặt số lượng khác nhau và một mẫu giấy chỉ vón vện một câu nguệch ngoạc. *Xin hãy cho tôi biết cô đang sống ở đâu.* Cô đã không làm theo, nhưng trong những năm đầu cô thường kể cho David Henry mọi chi tiết khác. Những bức thư đầy tâm sự chân thành, như thể anh là một người bạn chí thiết của cô, một người bạn tâm giao. Thời gian trôi qua, cô dần tỏ ra thực tế hơn, chỉ gửi ảnh đi kèm cùng lắm là một hai dòng ngắn. Cuộc sống của cô đã trở nên viên mãn, phong phú và phức tạp; chẳng có cách nào để viết hết từng chi tiết lên mặt giấy, nên cô chỉ đơn giản là thôi không cố nữa. Vì vậy đó thực sự là một cú sốc khi cô nhận được phong thư dày cộp từ David Henry, ba trang giấy kín đặc, viết bằng nét chữ sin sít của anh, một bức thư thống thiết mở đầu bằng Paul, tài năng và giấc mơ của nó, sự nổi loạn và giận dữ của nó.

Tôi biết đó là một sai lầm. Việc tôi đã làm, giao con gái của mình cho cô, tôi biết đó là một việc làm khủng khiếp, và tôi biết mình không thể thay đổi được. Nhưng tôi muốn gặp cô, Caroline. Tôi muốn sửa chữa, bằng cách nào đó. Tôi muốn biết thêm về Phoebe, và về cuộc sống của cô.

Cô thấy mềm lòng trước những hình ảnh anh miêu tả – Paul, một cậu bé mới lớn, chơi ghi ta và mơ mộng về Juilliard, Norah với công ty riêng của mình, và David, người gắn chặt trong tâm trí cô suốt bao nhiêu năm qua, vẫn rõ ràng như một tấm ảnh trong cuốn sách, đầu cúi xuống tờ giấy này, lòng tràn ngập hối hận và khao khát. Cô bỏ lá thư vào một hộp ngăn kéo, như thể làm vậy có thể giữ nó, nhưng những câu chữ cứ lớn vồn trong đầu cô từng giây từng phút suốt tuần lễ bận rộn và nhiều cảm xúc này.

“Anh ấy muốn được gặp con bé,” Caroline nói, ngón tay mân mê dải tua chiếc khăn choàng Doro dùng để bao ngoài tay vịn xích đu. “Để bằng cách nào đó trở lại là một phần trong cuộc đời nó.”

“Anh ta cũng tử tế đấy chứ,” Al nói. “Đúng là người dám làm dám chịu, sau ngần ấy thời gian.”

Caroline gật đầu. “Nói gì thì nói, anh ta cũng là bố con bé.”

“Thế thì anh không hiểu mình là cái gì vậy?”

“Em xin anh,” Caroline nói. “Anh là ông bố mà Phoebe biết và yêu thương. Nhưng em đã không nói với anh tất cả mọi chuyện, Al, về việc làm sao em có được Phoebe. Và em nghĩ em nên nói ra.”

Anh nắm lấy bàn tay cô.

“Caroline. Anh đã lang thang khắp Lexington sau khi em bỏ đi. Anh đã nói chuyện với mấy người hàng xóm của em, và nghe được rất nhiều câu chuyện. Thật ra, anh cũng chẳng được học hành gì nhiều, nhưng anh không phải thằng ngốc, và anh biết rằng bác sĩ David Henry đã mất một đứa con gái đúng vào khoảng thời gian em bỏ đi. Anh muốn nói rằng bất cứ chuyện gì xảy ra giữa hai người bọn em đều không quan trọng. Không quan trọng đối với anh. Không quan trọng đối với chúng ta. Thế nên anh không cần biết chi tiết làm gì hết.”

Cô ngồi trong im lặng, ngắm nhìn xe cộ lao đi trên đường cao tốc.

“Anh ấy không muốn giữ con bé,” cô nói. “Anh ấy định đưa nó đến một nhà cứu tế – một viện làm phúc. Anh ấy nhờ em đưa con bé đến, và em đã làm theo. Nhưng em không thể bỏ nó ở đấy. Đó là một nơi kinh khủng.”

Al không nói năng gì một lúc lâu. “Anh đã được nghe nhiều thứ như thế,” cuối cùng anh cất lời. “Anh đã được nghe những câu chuyện tương tự dọc đường. Em dũng cảm lắm, Caroline ạ. Em đã làm đúng. Khó mà tưởng tượng nổi Phoebe phải lớn lên ở một nơi như thế.”

Caroline gật đầu, nước dâng đầy mắt cô. “Em xin lỗi, Al. Lẽ ra em nên nói cho anh biết từ nhiều năm trước.”

“Caroline,” anh nói. “Chuyện đó như nước chảy qua cầu rồi còn gì.”

“Anh nghĩ em nên làm thế nào đây?” cô hỏi. “Ý em là, về lá thư kia. Em có nên trả lời không? Để anh ấy gặp con bé chẳng? Em không biết nữa, chuyện này đã giày vò em suốt cả tuần nay. Lỡ anh ta mang con bé đi thì sao?”

“Anh không biết phải nói gì với em mới phải,” anh đáp, chậm rãi. “Anh không có quyền quyết định.”

Cô gật đầu. Cũng phải thôi, đó là hậu quả của việc giữ kín bí mật này cho riêng mình.

“Nhưng anh sẽ ủng hộ em,” Al nói thêm, siết chặt tay cô. “Bất cứ điều gì em cho là tốt nhất, anh sẽ ủng hộ em và Phoebe một trăm phần trăm.”

“Cảm ơn anh. Em đã rất lo lắng.”

“Em lo lắng quá nhiều về những thứ không đâu, Caroline ạ.”

“Vậy là chuyện này không ảnh hưởng gì đến chúng ta đúng không?” cô hỏi. “Việc trước đây em không nói cho anh biết ấy – nó không ảnh hưởng gì đến chúng ta đúng không?”

“Không hề,” anh đáp.

“Thế thì tốt rồi.”

“Ừ.” Anh đứng dậy, vươn vai. “Quả là một ngày dài. Em lên gác không?”

“Một lát nữa thôi.”

Cánh cửa lưới mở kéo kẹt rồi đóng lại. Gió tràn qua chỗ trống nơi anh vừa ngồi.

Trời bắt đầu mưa, lúc đầu chỉ tí tách rơi trên mái nhà, sau đó tấp xuống ràn rạt. Caroline khóa cửa căn nhà – nhà của cô. Đi lên gác, cô dừng lại để xem Phoebe ra sao. Da con bé ẩm và ảm; nó giật mình và ú ớ những từ gì không rõ, rồi lại ngoan ngoãn chìm vào giấc mơ. Con ngoan, Caroline thì thầm, và kéo chăn lên đắp cho con bé. Cô đứng một lúc trong căn phòng vang vọng tiếng mưa rơi, xúc động trước sự nhỏ bé của Phoebe, trước tất cả những thứ cô không thể làm để bảo vệ con gái mình trong thế giới này. Sau đó cô quay về phòng riêng của mình, chui vào khoảng chăn lạnh tanh bên cạnh Al. Cô nhớ bàn tay anh lướt trên da cô, râu của anh cọ lên cổ cô, và tiếng thét của cô giữa đêm tối. Một người chồng tốt đối với cô, một người cha tốt đối với Phoebe, người đàn ông thức dậy mỗi sáng thứ Hai, tắm rửa, mặc quần áo rồi biến mất trên chiếc xe tải của anh trong suốt tuần, tin tưởng mọi việc cô làm mà cô cho là tốt nhất đối với David Henry và lá thư của anh ta. Caroline nằm một lúc lâu, lắng nghe tiếng mưa rơi, bàn tay đặt lên ngực anh.

Cô tỉnh giấc khi trời vừa sáng, Al giậm chân thình thình xuống cầu thang để lấy đồ nghề thay dầu xe cho sớm sửa. Mưa tuôn xối xả từ máng nước và ống xối, đọng thành vũng và đổ xuống triền đồi như suối.

Caroline đi xuống tầng một và pha cà phê, đắm chìm trong những suy nghĩ của riêng mình, trong không khí kỳ lạ của căn nhà yên ắng, đến độ không nghe thấy tiếng Phoebe cho đến tận khi con bé đứng trên ngưỡng cửa sau lưng cô.

“Mưa,” Phoebe nói. Chiếc áo choàng tắm khoác sơ sài trên người con bé. “Như trút nước⁽¹⁵⁾.”

“Ừ,” Caroline đáp. Một lần hai mẹ con đã dành hàng giờ để học câu thành ngữ này, dùng một bức tranh khổ lớn do Caroline vẽ, với hình những đám mây xám xịt, chó và mèo rơi xuống từ trên trời cao. Đó là một trong những thứ Phoebe thích nhất. “Hôm nay thì trông giống hươu cao cổ với voi hơn.”

“Bò với lợn,” Phoebe nói. “Lợn với dê.”

“Con có muốn ăn bánh mì nướng không?”

“Muốn một con mèo cơ,” Phoebe đáp.

“Con muốn gì?” Caroline hỏi. “Nói cả câu đi nào.”

“Mẹ ơi, con muốn có một con mèo ạ,” Phoebe nói.

“Nhà mình không nuôi mèo được con ạ.”

“Bác Doro đi rồi,” Phoebe nói. “Con có thể nuôi một con mèo được mà.”

Đầu Caroline ong lên. Liệu con bé sẽ thành người như thế nào đây?

“Này, Phoebe, bánh của con đây. Mẹ con mình sẽ nói chuyện con mèo sau, được không?”

“Con muốn có một con mèo,” Phoebe lại nằn nì.

“Để sau đi.”

“Con mèo,” Phoebe nói.

“Chết tiệt,” lòng bàn tay Caroline đập mạnh lên mặt quầy bếp, khiến hai mẹ con đều giật bắn mình. “Đừng có nói chuyện con mèo với mẹ nữa. Con không nghe thấy à?”

“Ngồi ngoài hiên,” Phoebe nói, mặt rầu rĩ. “Ngắm mưa.”

“Con muốn gì? Nói cả câu đi.”

“Con muốn ra ngồi ngoài hiên ngắm mưa ạ.”

“Thế thì con bị cảm lạnh mất.”

“Con muốn...”

“Rồi, tốt thôi,” Caroline ngắt lời, phẩy tay. “Tốt thôi. Ra ngoài đi, ngồi trên hiên. Ngắm mưa. Gì cũng được.”

Cánh cửa mở ra và đóng lại. Caroline nhìn ra ngoài thấy Phoebe đang ngồi trên xích đu trên hiên nhà với tán ô xòe ra và chiếc bánh nướng đặt trong lòng. Cô giận chính mình vì đã nổi nóng. Không phải do Phoebe. Chỉ là vì Caroline không biết phải trả lời David Henry như thế nào, và cô thấy e sợ.

Cô gom lại album ảnh và những bức ảnh lẻ cô định phân loại rồi ngồi trên sofa nơi có thể để mắt trông Phoebe, bị bao phủ bởi chiếc ô,

đang đu đưa trên chiếc xích đu trên hiên nhà. Cô rải những tấm ảnh mới chụp gần đây lên bàn uống cà phê, xé ra một tờ giấy và viết cho David.

Phoebe vừa được làm lễ Kiên tín hôm qua. Con bé trông rất dễ thương trong bộ váy trắng vải lưới và ruy băng hồng. Nó còn biểu diễn cả một bài đơn ca ở nhà thờ. Tôi gửi kèm một tấm ảnh chụp bữa tiệc chúng tôi vừa tổ chức trong vườn. Khó mà tin nổi con bé đã lớn đến thế, và tôi bắt đầu lo lắng về tương lai của nó. Tôi cho rằng đó là điều anh cũng đã nghĩ tới vào cái đêm anh đưa nó cho tôi. Tôi đã phải đấu tranh rất vất vả trong suốt những năm qua và đôi lúc tôi cảm thấy sợ hãi trước những điều có thể xảy ra tiếp theo, tuy nhiên...

Viết đến đây cô dừng lại, tự hỏi không hiểu động cơ gì khiến cô trả lời. Không phải vì tiền. Từng đồng lẻ trong số đó đã được gửi vào ngân hàng, trong suốt những năm qua Caroline đã tiết kiệm được gần 15.000 đô la, tất cả Phoebe đều được hưởng. Có lẽ đó đơn giản là một thói quen cũ, hoặc chỉ để giữ cho mối liên hệ giữa hai người tiếp tục tồn tại. Có lẽ Caroline chỉ đơn giản muốn anh hiểu được anh đã bỏ lỡ những gì. *Đây này, cô muốn túm lấy cổ áo David Henry mà nói, con gái anh đấy: Phoebe, mười ba tuổi, nụ cười trên khuôn mặt nó rạng rỡ như mặt trời ấy.*

Cô đặt bút xuống, nghĩ đến Phoebe trong bộ váy trắng, hát cùng dàn đồng ca, tay ôm con mèo. Làm sao cô có thể nói cho anh tất cả những điều này mà không tôn trọng yêu cầu muốn gặp con gái của anh? Ngộ nhỡ anh đến đây, sau ngàn ấy thời gian, thì chuyện gì sẽ xảy ra đây. Cô không nghĩ mình còn yêu anh nữa, nhưng có lẽ là còn. Có lẽ cô vẫn còn giận anh nữa, vì những lựa chọn mà anh đã theo, vì đã không bao giờ thực sự nhìn ra con người của cô. Cô hoang mang khi khám phá ra những trần trở đó trong trái tim mình. Nếu rốt cuộc anh

đã thay đổi thì sao? Nhưng nếu anh chưa thay đổi thì sao? Có thể anh sẽ làm Phoebe tổn thương như đã từng làm cô tổn thương, mà không hề biết gì về chuyện đó.

Cô gạt bức thư sang một bên. Thay vào đó, cô trả vài tờ hóa đơn, rồi đi ra ngoài để cho vào thùng thư. Phoebe đang ngồi trên bậc thềm trước nhà, tay giơ cao chiếc ô để che mưa. Caroline nhìn con trong giây lát rồi thả cho cánh cửa đóng lại và vào bếp để lấy thêm một cốc cà phê nữa. Cô đứng một lúc lâu ở cửa sau, nhìn đăm đăm những chiếc lá ướt rượt, bãi cỏ sưng nước, dòng nước nhỏ chảy dọc theo vỉa hè. Một chiếc cốc giấy mắc chông chờ dưới bụi cây, một mẫu khăn giấy mủn ra bên ga ra. Trong vài giờ nữa Al sẽ lại lái xe đi. Cô thoáng nhận ra, chỉ trong khoảnh khắc thôi, cảm giác đó tự do tự tại đến thế nào.

Đột nhiên mưa rơi nặng hạt hơn, rào rào giội xuống mái nhà. Có thứ gì đó cồn lên trong lòng cô, một thứ bản năng mãnh liệt khiến Caroline quay gót và bước vào phòng khách. Cô biết trước cả khi đặt chân ra hiên nhà rằng cô sẽ thấy ở đó trống không, chiếc đĩa đặt gọn gàng trên mặt sàn bê tông, cây xích đu đứng im lìm.

Phoebe đã đi mất.

Đi đâu? Caroline chạy ra bờ rìa hiên nhà và nhìn khắp con phố qua làn mưa dày. Tiếng tàu hỏa văng vẳng phía xa; con đường bên tay trái trườn lên đồi dẫn ra đường ray. Bên phải, con đường kết thúc ở đoạn dốc dẫn lên đường cao tốc. *Được rồi, nghĩ đi. Nghĩ đi! Con bé có thể đi đâu nào?*

Dưới phố đêm trẻ con nhà Swan đang nghịch trong mấy vũng nước, chân để trần. Caroline nhớ ra sáng hôm nay Phoebe đã nói, *Con muốn có một con mèo*, và Avery đứng giữa bữa tiệc tay ôm một cuộn lông. Nhớ đến Phoebe, thích thú trước sự bé bỏng, tiếng kêu nho nhỏ của con mèo ấy. Và quả đúng như vậy, khi cô hỏi đám trẻ nhà Swan về

Phoebe, mấy đứa chỉ ngang qua đường ra hướng bụi cây. Con mèo con đã chạy mất. Phoebe và Avery đã đi cứu nó.

Ngay khi dòng xe vừa thưa đi, Caroline chạy ào qua đường. Mặt đất ướt nhoẹt, nước tràn vào lấp đầy vết chân cô để lại. Cô luồn lách qua bụi cây rậm và cuối cùng cũng ra đến bãi đất trống. Avery ở đó, đang quỳ gối bên cạnh ống cống dẫn nước từ trên đồi xuống con mương bê tông. Chiếc ô màu vàng của Phoebe vút chổng chơ, như một lá cờ, bên cạnh con bé.

“Avery!” Cô ngồi xổm xuống bên cạnh con bé, đặt tay lên bờ vai ướt sũng của nó. “Phoebe đâu rồi cháu?”

“Bạn ấy đi bắt con mèo rồi,” Avery nói, đoạn chỉ vào trong ống cống. “Nó chạy vào kia kìa.”

Caroline rửa thềm rồi khom gối trước cửa ống cống. Nước lạnh buốt tấp ò ạt vào đầu gối cô, tay cô. *Phoebe!* Cô hét lên, giọng vang vọng trong bóng tối. *Mẹ đây, con yêu, con có ở đây không?*

Im lặng. Cô lần bò vào bên trong. Nước lạnh buốt. Tay cô đã tê cứng lại. *Phoebe!* Cô hét lên thật to, giọng lạc đi. *Phoebe!* Cô căng tai lắng nghe. Rồi một tiếng động, mơ hồ. Caroline bò vào sâu hơn một chút, mò mẫm đường đi trong làn nước chảy ràn rạt vô hình lạnh giá. Rồi tay cô chạm phải lớp vải, làn da lạnh buốt, và Phoebe đang run lẩy bẩy, giờ nằm gọn trong vòng tay cô. Caroline ôm chặt con bé, nhớ đến cái đêm cô bế Phoebe trong căn phòng tắm sơn màu tím ẩm ướt, cố vuốt cho nó thở.

“Chúng ta phải ra khỏi đây ngay, con yêu. Chúng ta phải ra ngay.”

Nhưng Phoebe không nhúc nhích.

“Con mèo của con,” nó nói, giọng cao, kiên quyết, và Caroline nhận thấy có thứ gì quần quai dưới lớp áo của Phoebe, nghe có tiếng meo meo khe khẽ. “Đấy là con mèo của con.”

“Quên con mèo đi,” Caroline quát. Cô nhẹ nhàng kéo Phoebe theo hướng cô vừa đi. “Đi nào, Phoebe. Đi ngay đi con.”

“Mèo của con,” Phoebe nói.

“Thôi được rồi,” Caroline nói, nước đã dâng cao hơn, đến gần đầu gối cô. “Được rồi, được rồi, đấy là mèo của con. Đi đi nào!”

Phoebe bắt đầu di chuyển, chậm chạp lần bước về phía vòng tròn ánh sáng. Cuối cùng họ nhô đầu ra, nước lạnh cuồn cuộn chảy quanh hai mẹ con trong con mương bê tông. Phoebe ướt sũng nước, tóc bết chặt vào mặt, cả con mèo cũng ướt như chuột lột. Qua những bụi cây Caroline thoáng thấy căn nhà của mình, chắc chắn và ấm áp, như một chiếc bè giữa thế giới đầy hiểm nguy. Cô tưởng tượng ra Al, đang rong ruổi trên con đường cao tốc xa xôi nào đó, và cảm giác bình an thân thuộc về những căn phòng giờ đã là của cô.

“Ổn rồi,” Caroline vòng tay quanh người Phoebe. Con mèo con oằn mình, cào những chiếc móng nhỏ xíu lên mu bàn tay cô. Mưa vẫn rơi, nhỏ tí tách trên những chiếc lá thẫm màu, tươi xanh.

“Người đưa thư đến kìa,” Phoebe nói.

“Ừ,” Caroline đáp, nhìn ông ta leo lên hiên nhà và lấy những hóa đơn cô vừa mang ra cho vào chiếc túi da.

Lá thư cô viết cho David Henry vẫn còn nằm dở dang trên bàn. Cô đã đứng ở cửa sau ngắm nhìn cơn mưa, chỉ mông lung nghĩ đến bố của Phoebe, trong khi Phoebe lang thang giữa hiểm nguy. Đột nhiên nó giống như một điềm báo, và cô để mặc bản thân biến nỗi sợ hãi trước

sự biến mất của Phoebe thành sự căm giận. Cô sẽ không viết thư cho David nữa: anh đòi hỏi quá nhiều ở cô, và anh đòi hỏi quá muộn. Người đưa thư đã quay gót bước xuống bậc thềm, chiếc ô sặc sỡ của ông lấp loáng.

“Phải rồi, con yêu,” cô nói, vuốt ve cái đầu xương xẩu của con mèo con. “Phải rồi. Ông ấy đấy.”

1982

Tháng Tư Năm 1982

I

CAROLINE ĐỨNG Ở BẾN XE BUÝT GẦN GÓC ĐƯỜNG GIAO GIỮA PHỐ Forbes và Braddock, ngắm nhìn vẻ hiếu động tinh nghịch của lũ trẻ trên sân chơi, tiếng la hét vui vẻ của chúng át đi cả tiếng gầm rú đều đều của xe cộ trên đường. Xa hơn, trên sân bóng chày, những dáng hình trong bộ đồ màu xanh đỏ từ các đội chơi của mấy quán rượu trong vùng di chuyển nhịp nhàng lặng lẽ trên nền cỏ mới nhú. Đang độ vào xuân. Trời bắt đầu tối dần. Chừng vài phút nữa các ông bố bà mẹ đang ngồi trên ghế dài hay đứng hút tay túi quần sẽ bắt đầu gọi các con về nhà. Cuộc chơi của người lớn sẽ còn kéo dài đến lúc trời gần tối hẳn, và khi kết thúc những người chơi sẽ vỗ lưng nhau rồi chia tay, hẹn nhau tụ tập ở quán rượu làm vài ly, tiếng cười của họ vang vang và sáng khoái. Bà và Al đã nhìn thấy họ khi hai người ra ngoài buổi tối. Cùng xem một buổi diễn sớm ở Regent, rồi ăn tối và – nếu Al không vướng việc gì – thì sau đó sẽ là vài ly bia.

Tuy nhiên tối nay ông không ở nhà, mà đang rong ruổi ở một nơi xa xôi nào đó trong bóng tối nhập nhoạng, hướng lên phía Nam từ Cleveland xuống Toledo, rồi qua Columbus. Caroline có một tờ giấy ghi lộ trình của ông treo trên tủ lạnh. Nhiều năm về trước, trong những ngày lạ lùng sau khi Doro ra đi, Caroline đã thuê người trông Phoebe trong khi bà lên đường cùng Al, mong nối liền khoảng cách giữa hai

người. Nhiều giờ đồng hồ trôi qua; bà ngủ rồi thức và mất hết ý niệm về thời gian, con đường xoáy rộng ra mãi dưới bánh xe của họ, một dải ruy băng sẫm màu bị cắt đôi bởi những vệt màu trắng đều đặn, lồi cuốn và mê hoặc. Cuối cùng Al, mệt rã rời, dừng lại tại bến đỗ xe tải và đưa bà vào một nhà hàng chẳng khác gì mấy so với nhà hàng hai người đã tới trong thành phố nào đó mà họ vừa ở lại hôm trước. Cuộc sống rong ruổi trên đường giống như bị rơi vào những cái lỗ kỳ dị của vũ trụ, cứ như là ta có thể bước vào nhà vệ sinh tại một thành phố ở Mỹ rồi vẫn cánh cửa đó, ta bước ra và thấy mình đã ở một nơi khác: những tiệm tạp hóa ven đường, trạm xăng và cửa hàng đồ ăn nhanh, tiếng rừ rừ nhàm chán của bánh xe cán lên mặt đường. Chỉ có những cái tên là khác nhau, ánh sáng, những khuôn mặt. Bà đã đi cùng Al hai chuyến, sau đó thì không một lần nào nữa.

Chiếc xe buýt vòng qua góc phố và rít lên khi dừng lại. Những cánh cửa xếp kéo ra, Caroline leo lên xe và kiểm một chỗ ngồi cạnh cửa sổ, những bóng cây lướt qua khi xe âm âm đi qua cầu và con đường phía dưới. Xe lao nhanh qua nghĩa trang, lão đảo xuyên đồi Squirrel, rồi ịch vượt khu vực lân cận để tới Oakland, ở đó Caroline xuống xe. Bà đứng trước bảo tàng Carnegie một lúc, trấn tĩnh lại, rồi nhìn lên tòa nhà đá sừng sững với những bậc thang đồ dài và cột chống Ionic. Một tấm băng rôn treo trên đỉnh mái cổng bay phất phơ trong gió: **ẢNH GƯƠNG: NHIẾP ẢNH GIA DAVID HENRY.**

Tối nay là đêm khai mạc: ông sẽ có mặt ở đây để phát biểu. Tay run rẩy, Caroline nhét mẫu báo vào túi. Bà đã mang theo nó trong suốt hai tuần nay, tim bà rộn lên mỗi khi chạm vào nó. Phải đến chục lần, có lẽ là hơn, bà đã thay đổi ý định. Làm thế thì ích gì cơ chứ?

Và rồi, ngay giây sau đó, có hại gì đâu nhỉ?

Nếu Al đang ở đây, bà sẽ ngồi nhà. Bà sẽ để cơ hội trôi đi mà không mảy may bận tâm, liếc nhìn đồng hồ cho đến khi buổi khai mạc kết

thức và David Henry biến mất, quay về với bất cứ cuộc đời nào mà ông đang sống.

Nhưng Al gọi về báo tối nay ông vẫn chưa về, và đã có bà O'Neil ở nhà trông Phoebe, với lại xe buýt cũng đến đúng giờ nữa.

Trái tim Caroline như đang gào thét. Bà đứng im lặng, hít những hơi thật sâu, trong khi thế giới xoay vờn quanh bà, tiếng phanh xe kin kít cùng mùi khói xăng, và tiếng xào xạc rất khẽ của đám lá non nhẹ như lông hồng tiết xuân. Tiếng người nói lớn dần khi mọi người tiến lại gần, rồi nhỏ đi, những mẩu chuyện trò lơ lửng như các mảnh giấy bị cuốn theo gió. Hàng dòng người, xúng xính diện váy lụa, giày cao gót và những bộ vest đắt tiền sẫm màu, ủa lên những bậc đá dẫn vào viện bảo tàng. Bầu trời thuần một màu chàm sẫm, đèn đường đã được thắp sáng; không khí tràn ngập hương chanh và bạc hà tỏa ra từ bữa tiệc của Giáo hội Chính thống Hy Lạp cách đó một dãy phố. Caroline nhắm mắt lại, nghĩ đến món ô liu đen bà chưa từng nếm qua cho đến khi tới thành phố này. Nghĩ đến những mảng màu hỗn độn của phiên chợ sáng thứ Bảy ở Strip, những ổ bánh mì tươi, hoa quả và rau cỏ, một bữa đại tiệc của thực phẩm và sắc màu ở những gian hàng trải dọc con sông, điều mà cả đời bà có lẽ sẽ không bao giờ biết đến nếu không nhờ có David Henry và cơn bão tuyết bất ngờ. Bà dấn một bước rồi thêm một bước nữa, hòa mình vào dòng người đông đúc.

Viện bảo tàng có trần nhà trắng cao vút và sàn nhà ốp gỗ sồi, đánh véc ni cho thành màu vàng thẫm, bóng lộn. Caroline được phát một tờ chương trình in trên giấy màu kem dày dặn với tên của David Henry nằm ở phía trên. Tiếp đó là danh sách các bức ảnh. “Đồi cát buổi hoàng hôn,” bà đọc. “Cây mọc trong tim.” Bà bước vào phòng tranh và nhìn thấy bức ảnh nổi tiếng nhất của ông, bãi biển nhấp nhô – thực chất không chỉ có bãi biển, có đường cong ở hông một người phụ nữ, tiếp nối bằng chiều dài mượt mà của chân bà, ẩn dưới những đụn cát. Hình ảnh đó như run lên, chơi vơi trên ranh giới của một thứ gì đó khác, và

đột nhiên nó chính là thứ gì đó khác. Caroline đã nhìn chăm chăm bức ảnh trong suốt mười lăm phút ngay lần đầu tiên bà thấy nó, bà biết những đường cong này thuộc về Norah Henry, nhớ đến ngọn đồi trắng muốt hay chính là bụng của bà ta rùng rùng theo từng cơn co thắt, sức mạnh ghê gớm khi bà ta siết tay. Trong nhiều năm trời bà đã tự an ủi mình bằng cái nhìn khinh thị, có phần thiên kiến dành cho Norah Henry, một người hơi độc đoán quen sống thoải mái và trật tự, Norah Henry – người phụ nữ đó hẳn đã có thể vứt bỏ Phoebe trong một nhà cứu tế. Nhưng tấm ảnh này đã phá tan ý nghĩ ấy. Những tấm ảnh này cho thấy một người phụ nữ bà chưa từng biết.

Khách khứa đổ vào phòng; ghế ngồi được lấp đầy. Caroline ngồi xuống, chăm chú theo dõi từng chi tiết. Ánh đèn ban đầu mờ dần rồi bùng sáng trở lại, sau đó bỗng nhiên tiếng vỗ tay rộ lên và David Henry bước vào, cao dong dỏng và thân thuộc, dạo này trông có vẻ béo lên, mỉm cười với khán giả. Bà bị sốc khi thấy ông không còn là một người đàn ông trẻ trung nữa. Mái tóc của ông đã ngả bạc và bờ vai đã hơi còng xuống. Ông bước đến bục diễn thuyết và chăm chú nhìn khán giả, Caroline nín thở, bà chắc rằng ông đã nhìn thấy bà, chắc rằng ông phải nhận ra bà ngay, như bà nhận ra ông. Ông hắng giọng và pha trò về thời tiết. Khi tiếng cười lan ra quanh bà và thưa dần, khi ông nhìn vào tập giấy của mình và bắt đầu nói, Caroline mới hiểu rằng bà chỉ là một khuôn mặt bình thường trong đám đông.

Ông phát biểu bằng một chất giọng tự tin du dương, mặc dù Caroline hầu như chẳng để ý đến điều ông đang nói. Thay vào đó, bà ngẩng nhìn những cử chỉ quen thuộc của bàn tay ông, những vết chân chim mới xuất hiện ở khóe mắt ông. Tóc ông đã dài hơn, dày dặn và kiểu cách dù đã ngả bạc, trông ông thật mãn nguyện, điềm tĩnh. Bà nhớ lại đêm đó, tính ra cũng đã gần hai chục năm trời, kể từ ngày ông tỉnh giấc và ngẩng đầu lên từ bàn làm việc, bắt gặp bà đứng trên ngưỡng cửa, phô bày không chút giấu giếm tình yêu bà dành cho ông, trong

khoảnh khắc đó hai người bỗng trở nên thật quá mong manh trong mắt nhau. Khi ấy bà đã nhận ra có điều gì đó, điều gì đó mà ông đang che giấu, một thứ trải nghiệm, hy vọng hay mơ ước riêng tư đến mức chẳng thể chia sẻ. Và đó là sự thật, ngay cả lúc này bà vẫn có thể nhìn ra điều đó: David Henry có một cuộc đời bí mật. Sai lầm của bà hai mươi năm trước chính là ở chỗ bà tin rằng bí mật của ông hẳn có liên quan đến tình yêu ông dành cho bà.

Khi bài phát biểu kết thúc, tiếng vỗ tay rộ lên, nồng nhiệt, sau đó ông rời khỏi bục diễn thuyết, uống một hơi dài ở cốc nước của mình, và trả lời các câu hỏi. Có vài người – từ một người đàn ông cầm cuốn sổ ghi chép, một phụ nữ đứng tuổi tóc đã bạc, một phụ nữ trẻ mặc đồ đen với mái tóc đen huyền suôn dài – đặt câu hỏi khá quyết liệt về hình thể. Toàn thân Caroline căng lên và tim bà đập thình thịch đến độ bà gần như không thở nổi. Những câu hỏi kết thúc và im lặng lan dần, David Henry hắng giọng, một nụ cười giãn ra khi ông nói lời cảm ơn khán giả và quay đi. Caroline cảm thấy mình đứng lên liền sau đó, gần như ngoài tầm kiểm soát của bản thân, chiếc túi che phía trước như một tấm khiên. Bà đi qua căn phòng và hòa vào nhóm người đang vây quanh ông. Ông liếc nhìn bà và mỉm cười lịch sự, không hề nhận ra. Bà đợi qua vài câu hỏi nữa, cảm thấy vững dạ hơn sau mỗi phút trôi qua. Người tổ chức buổi triển lãm đứng ngay mé ngoài, lo lắng David sẽ bị cuốn theo đám đông, nhưng khi vừa có một khoảng trống giữa các câu hỏi, Caroline đã bước lên phía trước và đặt tay lên cánh tay David.

“David,” bà nói. “Anh không nhận ra tôi sao?”

Ông quan sát khuôn mặt bà.

“Tôi có thay đổi nhiều lắm không?” bà thì thầm.

Ngay lúc đó bà thấy ông đã hiểu ra. Khuôn mặt ông biến đổi hẳn, rúm rúm, như thể trọng lực đột nhiên mạnh lên. Máu dồn lên cổ ông và

cơ mặt ông giật giật. Caroline cảm thấy một điều gì kỳ dị đang xảy ra với thời gian, như thể họ đang trở lại phòng khám cách đây bao năm, tuyết rơi rơi ngoài trời. Họ nhìn nhau đăm đăm không nói, cứ như cả căn phòng và những con người trong đó đã biến mất hoàn toàn.

“Caroline,” cuối cùng ông nói, có vẻ đã tỉnh trí lại. “Caroline Gill. Một người bạn cũ,” ông đế thêm, giải thích với những người vẫn vây quanh họ. Ông giơ một tay lên và chỉnh cà vạt, một nụ cười nở rộng trên môi ông, mặc dù đôi mắt không hề tươi vui. “Xin cảm ơn,” ông nói. “Cảm ơn tất cả các bạn đã đến đây. Bây giờ, xin thứ lỗi cho chúng tôi.”

Sau đó họ đi qua phòng. David sóng bước bên bà, một tay đặt nhẹ nhàng nhưng chắc chắn trên lưng bà, như thể bà có thể sẽ biến mất trừ phi ông giữ bà thật chắc.

“Vào đây,” ông nói, bước ra sau một tấm panô trưng bày, ở đó có một cánh cửa không có khung nhìn gần như hòa lẫn vào bức tường trắng. Ông dẫn bà đi vào trong, rất nhanh, và đóng cánh cửa lại sau lưng họ. Đó là một cái nhà kho, nhỏ thôi, một chiếc bóng trần rót ánh sáng lên những chiếc kệ xếp đầy sơn và dụng cụ. Họ đứng mặt-đối-mặt, chỉ cách nhau có vài centimet. Mùi hương của ông tràn ngập khắp căn phòng, mùi nước hoa Cologue ngòn ngọt, và ẩn dưới đó là một mùi hương bà vẫn còn nhớ, mùi gì đó ngai ngái như mùi thuốc pha lẫn chút adrenaline. Căn phòng nhỏ nóng sực, và đột nhiên bà bỗng thấy choáng váng, những đốm đom đóm quay cuồng trong mắt.

“Caroline,” ông nói. “Lạy Chúa tôi, cô sống ở đây à? Ở Pittsburgh sao? Sao cô không nói với tôi cô sống ở đâu?”

“Tôi không phải người khó tìm lắm đâu. Đã có những người khác tìm ra tôi rồi đấy,” bà chậm rãi đáp, nhớ lại lúc Al đi lên con hẻm, lần đầu tiên bà hiểu được sự bền bỉ vô hạn của ông. Và giả thử sự thực là David

đã không tìm kiếm hết sức, thì thật ra chính bà cũng không muốn bị tìm thấy.

Bên ngoài cánh cửa có tiếng bước chân, tiến đến gần rồi dừng lại. Tiếng nói ồn ào và xì xào. Bà nhìn khuôn mặt ông. Bao nhiêu năm qua ngày nào bà cũng nghĩ về ông, vậy mà giờ đây bà lại không biết phải nói gì.

“Có lẽ anh nên ra ngoài kia chẳng?” bà hỏi, liếc nhìn ra cửa.

“Họ sẽ đợi được.”

Sau đó họ nhìn nhau, không nói gì. Caroline đã giữ hình ảnh của David trong óc bà suốt thời gian qua như một tấm ảnh, một trăm thậm chí một ngàn tấm ảnh. Trong tấm nào David Henry cũng là một người đàn ông trẻ trung, luôn tràn đầy sức mạnh kiên quyết. Giờ đây, nhìn sâu vào đôi mắt sẫm và đôi má bầu bầu của ông, mái tóc chải chuốt cẩn thận, bà nhận ra rằng, thật ra, nếu bà có đi ngang qua ông trên phố, rốt cuộc bà cũng sẽ chẳng nhận ra.

Khi ông cất lời trở lại, giọng ông đã dịu dàng hơn, mặc dù thớ cơ trên mặt vẫn gằn gặt. “Tôi đã đến căn hộ của cô, Caroline ạ. Chính ngày hôm đó, sau lễ tưởng niệm. Tôi đến, nhưng cô đã đi mất rồi. Trong suốt thời gian qua...” ông nói, rồi lại im lặng.

Có tiếng gõ cửa rất khẽ, rồi đến một giọng hỏi han nghe lòng bùng không rõ.

“Đợi tôi một lát,” David nói vọng lại.

“Tôi đã yêu anh,” Caroline nói nhanh, sững sờ trước lời bộc bạch của mình, vì đó là lần đầu tiên bà nghe thấy điều đó được thốt ra thành lời, thậm chí là chỉ với chính mình, mặc dù đó là ý niệm bà đã cùng chung sống trong bao nhiêu năm rong. Lời thú nhận khiến bà thấy đầu

hơi ong ong, bà thấy mình liều lĩnh, và rồi lại tiếp tục. “Anh biết không, tôi đã dành không biết bao nhiêu thời gian mơ mộng về cuộc sống có anh bên cạnh. Và chính trong cái giây phút ở nhà thờ tôi nhận ra rằng tôi chưa bao giờ vượt qua tâm trí anh, chưa hề.”

Ông cúi đầu nghe bà nói, rồi ngược mắt lên.

“Tôi biết,” ông nói. “Tôi biết cô yêu tôi. Nếu không làm sao tôi dám nhờ cô giúp? Tôi xin lỗi, Caroline. Bao nhiêu năm qua, tôi đã... rất hối hận.”

Bà gạt đầu, mắt đầm nước, phiên bản thời trẻ của bà vẫn còn sống, vẫn còn đứng bên lề buổi tưởng niệm, không ai thừa nhận, không ai nhìn thấy. Ngay cả lúc này, bà vẫn thấy giận dữ vì khi ấy ông đã không nhìn thấy bà. Và rằng, dù không hề hiểu bà, ông vẫn không ngần ngại nhờ bà đưa con gái mình đi.

“Cô có hạnh phúc không?” ông hỏi. “Cô sống có hạnh phúc không, Caroline? Cả Phoebe nữa?”

Câu hỏi của ông, và sự dịu dàng trong giọng nói của ông, xua tan nỗi oán giận trong bà. Bà nghĩ tới Phoebe, nghĩ đến con bé đã gắng hết sức để học cách xếp chữ, để buộc dây giày. Phoebe, vui vẻ cười đùa ở sân sau trong khi Caroline gọi hết cú điện thoại này đến cú điện thoại khác, đấu tranh cho việc học hành của con bé. Phoebe, vòng đôi cánh tay mềm mại quanh cổ Caroline chẳng vì lý do gì cả và nói, Mẹ ơi, con yêu mẹ. Bà nghĩ đến Al, đi biệt biệt tối ngày nhưng cuối mỗi tuần lễ dài đằng đặc ông đều bước qua cửa, tay ôm hoa hoặc một túi đầy những cuộn bánh mới ra lò hoặc một món quà xinh xinh, quà cho bà, lúc nào cũng vậy, và quà cho Phoebe nữa. Khi bà còn làm ở phòng khám của David Henry, bà vẫn còn quá trẻ, quá cô đơn và ngây thơ, đến mức bà đã tưởng tượng bản thân mình giống một chiếc lọ rỗng cần được lấp đầy bằng tình yêu. Nhưng thực tế không phải vậy. Tình yêu

luôn ẩn sâu bên trong bà, và cách duy nhất để làm mới nó là đem cho đi tình yêu.

“Anh thực sự muốn biết ư?” Cuối cùng bà hỏi, nhìn thẳng vào mắt ông. “Vì anh chưa bao giờ hỏi âm một dòng nào cả, David ạ. Chỉ trừ có lần đó, còn lại anh chưa từng hỏi một câu nào về cuộc sống của chúng tôi. Chưa từng, suốt bao nhiêu năm qua.”

Khi Caroline nói ra, bà bỗng nhận ra đó là lý do tại sao bà đến đây. Hoàn toàn không phải vì tình yêu, hay bất cứ thứ bốn phận nào đối với quá khứ, thậm chí cũng không phải vì cảm giác có lỗi. Bà đã đến đây vì nỗi oán giận và ước muốn làm rõ mọi chuyện.

“Bao nhiêu năm qua anh chẳng cần biết tôi sống ra sao. Phoebe sống ra sao. Anh không thèm quan tâm, phải không? Và rồi đến lá thư cuối cùng ấy, lá thư mà tôi không bao giờ trả lời. Đột nhiên, anh muốn nhận lại con bé.”

David bật ra một tiếng cười ngắn đầy hoảng hốt. “Đấy là cách cô nhìn nhận sự việc hay sao? Có phải vì thế mà cô thôi không viết cho tôi nữa không?”

“Tôi còn nhìn nhận thế nào được nữa?”

Ông chậm chạp lắc đầu. “Caroline, tôi đã xin cô cho tôi địa chỉ. Hết lần này đến lần khác – mỗi lần tôi gửi tiền cho cô. Và đến lá thư cuối cùng đó tôi chỉ xin cô cho tôi được hiện diện trở lại trong cuộc sống của cô thôi. Tôi còn có thể làm gì hơn được nữa? Nghe này, tôi biết cô không nhận ra, nhưng tôi đã giữ mọi lá thư cô từng gửi. Và khi cô thôi không viết nữa, tôi có cảm giác như cô vừa đóng sập cánh cửa trước mặt tôi.”

Caroline nghĩ đến tất cả những lá thư của bà, bao nhiêu lời bộc bạch chân thành đã theo dòng mực trải lên mặt giấy. Bà không còn nhớ

những gì mình đã viết nữa: những tiểu tiết về cuộc sống của Phoebe, hy vọng, ước mơ và những nỗi lo sợ của bà.

“Chúng ở đâu?” bà hỏi. “Anh giữ những lá thư tôi gửi ở đâu?”

Trông ông có vẻ ngạc nhiên. “Trong tủ đựng hồ sơ đặt trong buồng tối của tôi: ngăn dưới cùng. Lúc nào cũng khóa. Sao cơ?”

“Tôi đã không nghĩ anh sẽ đọc chúng,” Caroline đáp. “Tôi có cảm giác như mình đang viết thư gửi vào khoảng không. Có lẽ vì thế mà tôi cảm thấy thật thoải mái. Giống như tôi có thể nói bất cứ điều gì.”

David cọ tay lên má, một cử chỉ bà nhớ ông thường làm khi mệt mỏi hoặc nản chí. “Tôi đã đọc tất cả. Ban đầu tôi phải cố ép mình, nói thật là vậy. Sau đó, tôi muốn biết mọi chuyện diễn ra thế nào, mặc dù rất đau lòng. Cô giúp tôi biết vài nét về Phoebe. Những mẫu nhỏ từ cuộc sống của hai người. Tôi luôn mong mọi điều đó.”

Bà không trả lời, nhớ lại cảm giác thỏa mãn của mình vào cái ngày mưa đó, khi bà đưa Phoebe lên gác cùng con mèo con của nó, Mưa, để thay quần áo ướt trong khi bà đứng trong phòng khách, xé lá thư viết cho anh thành bốn mảnh, rồi tám mảnh, rồi mười sáu mảnh, và thả chúng rơi như hoa giấy vào thùng rác. Thỏa mãn, và cả cảm giác hài lòng vì đã giải quyết xong vấn đề. Bà đã tận hưởng những cảm xúc đấy, lỡ quên đi – thậm chí là không thèm để ý – xem David đã cảm thấy như thế nào.

“Tôi không thể đánh mất con bé,” bà nói. “Tôi đã căm giận anh rất, rất lâu rồi, nhưng sau đó chủ yếu tôi lại lo sợ rằng nếu anh được gặp con bé anh sẽ đưa nó đi. Đó là lý do tại sao tôi ngừng viết thư.”

“Đó chưa bao giờ là ý định của tôi cả.”

“Anh không định gây ra bất cứ chuyện nào trong số này,” Caroline đáp. “Nhưng nó vẫn xảy ra đấy thôi.”

David Henry thở dài, và bà tưởng tượng ông đứng trong căn hộ trống không của bà, đi từ phòng này sang phòng khác và nhận ra rằng bà đã ra đi mãi mãi. *Nói cho tôi biết kế hoạch của cô là gì*, ông sẽ nói thế. *Chỉ vậy thôi*.

“Nếu tôi không chịu mang con bé đi,” bà nhẹ nhàng nói thêm. “Có lẽ anh đã xử sự khác.”

“Tôi đã không ngăn cô lại,” ông nói, ánh mắt lại bắt gặp cái nhìn dăm dăm của bà. Giọng ông gay gắt. “Lẽ ra tôi đã có thể làm thế. Hôm đó cô mặc chiếc áo choàng đỏ ở lễ tưởng niệm. Tôi trông thấy cô và tôi nhìn cô lái xe đi.”

Caroline đột nhiên cảm thấy kiệt sức, gần như muốn ngất lịm. Bà không biết mình đã hy vọng những gì từ đêm nay, nhưng khi tưởng tượng ra cuộc nói chuyện này, bà đã không tưởng tượng ra những gì ẩn chứa trong đó: nỗi đau đớn và giận dữ của ông, và của chính bà nữa.

“Anh nhìn thấy tôi?” bà nói.

“Tôi đến thẳng nhà cô ngay sau đó. Tôi đã hy vọng cô có ở đó.”

Caroline nhắm mắt lại. Khi ấy bà đang lái xe thẳng hướng đường cao tốc, trên đường đến với nơi này, đến với cuộc sống này. Có lẽ bà đã đi trước cuộc viếng thăm của David Henry mất vài phút hoặc một tiếng. Bao nhiêu chuyện đã xoay vần từ cái khoảnh khắc ấy. Cuộc sống của bà có lẽ đã đi theo một hướng rất khác rồi.

“Cô vẫn chưa trả lời tôi,” David nói, hắng giọng. “Cô có được hạnh phúc không, Caroline? Cả Phoebe nữa? Sức khỏe con bé có ổn không? Tìm nó ra sao rồi?”

“Tim con bé vẫn ổn,” Caroline đáp, nhớ đến những năm đầu luôn thường trực lo lắng cho sức khỏe của Phoebe – những chuyến đi đến gặp bác sĩ, nha sĩ, bác sĩ chuyên khoa tim mạch và các chuyên gia về tai, mũi, họng. Nhưng con bé đã lớn lên; nó vẫn khỏe mạnh; nó ném bóng rổ trên lối vào nhà và thích nhảy múa. “Những cuốn sách tôi đã đọc khi con bé còn nhỏ dự đoán là đến giờ nó đã chết rồi, nhưng nó vẫn khỏe. Tôi đoán là nó cũng may mắn nữa; nó chưa bao giờ gặp vấn đề gì về tim cả. Nó thích hát. Nó có một con mèo tên là Mua. Nó đang học dẹt. Nó đang ở đấy. Ở nhà. Ngồi dẹt.” Caroline lắc đầu. “Con bé được đến trường. Trường công, cùng với những đứa trẻ khác. Tôi phải đấu tranh rất vất vả để xin họ nhận nó. Đến bây giờ nó gần như trưởng thành rồi tôi không biết điều gì sẽ xảy ra nữa. Tôi có một công việc tốt. Tôi làm việc bán thời gian cho một phòng khám nội khoa ở bệnh viện. Chồng tôi, anh ấy đi công tác nhiều lắm. Hàng ngày Phoebe thường đến khu nhà tập thể chơi. Con bé có nhiều bạn tốt ở đó. Nó cũng đang học cách làm công việc văn phòng. Tôi còn nói gì được nữa đây? Anh đã bỏ qua rất nhiều chuyện đau tim, chắc chắn rồi. Nhưng David ạ, anh cũng bỏ lỡ rất nhiều niềm vui nữa.”

“Tôi biết,” ông nói. “Nhiều hơn mức cô nghĩ.”

“Thế còn anh?” bà hỏi, lại giật mình vì trông ông già đi nhiều quá, bà vẫn đang cố ghi nhận thực tế về sự hiện diện của ông, ở đây bên bà, trong căn phòng nhỏ bé này sau bao nhiêu năm qua. “Anh có hạnh phúc không? Norah thế nào? Cả Paul nữa?”

“Tôi không biết nữa,” ông chậm chạp trả lời. “Cũng hạnh phúc như mọi người thôi, tôi nghĩ vậy. Paul rất thông minh. Nó có thể làm bất cứ việc gì. Điều nó mong muốn là vào Juilliard học và chơi ghi ta. Tôi nghĩ nó đang sai lầm, nhưng Norah không đồng tình. Thế nên cũng căng thẳng lắm.”

Caroline nghĩ đến Phoebe, con bé thích dọn dẹp và sắp đặt đến thế nào, nó thích hát một mình khi đang rửa bát đĩa hoặc lau chùi sàn nhà ra sao, nhớ con bé yêu âm nhạc bằng cả trái tim mình và sẽ không bao giờ có cơ hội được chơi ghi ta.

“Còn Norah thì sao?”

“Cô ấy sở hữu cả một đại lý du lịch,” David nói. “Cô ấy cũng đi công tác suốt. Giống chồng cô.”

“Một đại lý du lịch ư?” Caroline lặp lại. “Norah ư?”

“Tôi biết. Tôi cũng thấy ngạc nhiên. Nhưng cô ấy điều hành công ty nhiều năm nay rồi. Cô ấy làm rất tốt.”

Nắm đấm của xoay vòng, và cánh cửa mở ra vài phân. Người tổ chức triển lãm thò đầu vào, đôi mắt xanh của anh ta đầy vẻ tò mò và quan tâm. Anh ta vừa căng thẳng đưa tay lên vuốt mái tóc đen dày vừa nói. “Thưa bác sĩ Henry,” anh ta nói. “Ông biết đấy, có rất nhiều người đang ở ngoài kia. Hy vọng ông có thể... à... có thể tham gia cùng mọi người. Mọi chuyện vẫn ổn chứ?”

David nhìn Caroline. Ông có vẻ phân vân, nhưng ông cũng không còn kiên nhẫn nữa, và Caroline biết rằng chỉ một giây nữa ông sẽ quay lưng, chỉnh lại cà vạt, đi ra ngoài. Điều được chịu đựng suốt bao nhiêu năm trời đang kết thúc trong khoảnh khắc này. Đứng, bà thầm nghĩ, nhưng người tổ chức đã hắng giọng và cười vẻ không thoải mái, David nói, “Không có vấn đề gì đâu. Tôi ra đây... Cô sẽ ở lại chứ?” ông nói với Caroline, tay giữ khuỷu tay bà.

“Tôi phải về nhà,” bà đáp. “Phoebe đang đợi.”

“Xin cô.” Ông dừng lại bên ngoài ngưỡng cửa. Bà bắt gặp đôi mắt ông và nhìn thấy chính nỗi buồn đau và lòng thương cảm mình vẫn nhớ

từ xa xưa lắm, khi họ còn rất trẻ. “Còn quá nhiều điều phải nói, đã bao nhiêu năm rồi còn gì. Làm ơn hãy nói là cô sẽ đợi đi? Không lâu đâu.” Bà cảm thấy bụng dạ còn cào, một cảm giác bất an mà bà không thể định nghĩa được, nhưng bà cũng khẽ gật đầu, và David Henry mỉm cười. “Tốt quá. Chúng ta sẽ cùng ăn tối, được không? Mấy cuộc trò chuyện xã giao này - tôi phải làm xong đã. Nhưng tôi đã sai, trong suốt bao năm qua. Tôi muốn biết nhiều hơn nữa ngoài những chi tiết vụn vặt.”

Bàn tay ông đặt lên cánh tay bà khi họ quay trở lại chỗ đám đông. Caroline dường như không nói được lời nào. Mọi người đang chờ, mắt nhìn chòng chọc về phía họ, tò mò và xì xào. Bà thò tay vào túi đưa cho David một chiếc phong bì đã chuẩn bị sẵn, trong đó chứa những tấm ảnh mới nhất chụp Phoebe. David cầm lấy, ông chạm mắt bà và nghiêm trang gật đầu, liền ngay sau đó một người phụ nữ dáng mảnh khảnh diện chiếc váy lanh màu đen nắm lấy cánh tay ông. Đó chính là người phụ nữ trong khán phòng, xinh đẹp và có phần thách thức, lại đặt một câu hỏi khác về hình thể.

Caroline đứng nguyên tại chỗ trong vài phút, nhìn ông đưa tay chỉ một tấm ảnh mô phỏng những cành nhánh đen thẫm của một cái cây, vừa nói với người phụ nữ bận váy đen. Ông đã từng rất đẹp trai và đến giờ vẫn thế. Đã hai lần ông liếc mắt nhìn về phía Caroline và rồi, nhìn thấy bà, ông lại dồn toàn tâm vào bài phát biểu. *Đợi đã*, ông đã nói. *Xin hãy đợi tôi*. Và ông mong rằng bà sẽ đợi. Cảm giác cồn cào lại rộn lên trong bụng bà. Bà không muốn đợi; vấn đề là thế. Bà đã dành quá nhiều thời gian tuổi trẻ để chờ đợi rồi – chờ được nhận ra, chờ những cuộc phiêu lưu, chờ tình yêu. Chỉ đến khi bà bước đi với Phoebe trên tay và rời căn nhà của mình ở Louisville, đến khi bà gói ghém đồ đạc và dọn đi, cuộc sống của bà mới thực sự bắt đầu. Chưa từng có gì tốt đẹp tìm đến với bà nhờ chờ đợi cả.

David đang đứng, đầu hơi cúi xuống, gật gù, lắng nghe người phụ nữ tóc sẫm, chiếc phong bì nắm chặt trong tay, giấu sau lưng. Khi bà

nhìn theo, ông đưa tay lên và thản nhiên nhét cái phong bì vào túi, như thể nó chứa thứ gì đó chẳng mấy quan trọng và có phần phiền toái – một cái hóa đơn điện nước, hay một tấm vé giao thông.

Trong chốc lát bà đã ở bên ngoài, hối hả bước xuống những bậc đá và lao vào đêm tối.

Đang là mùa xuân, bầu không khí mát lành, ẩm ướt, và Caroline quá xúc động để có thể đứng chờ xe buýt. Thay vào đó bà rảo bước, qua hết dãy nhà này đến dãy nhà khác, mặc kệ xe cộ hay mọi người đi qua hay thậm chí cả những hiểm nguy nhỏ nhặt khi bà ở ngoài đường có một mình vào giờ này. Các khoảnh khắc ùa về trong bà, trong những cơn lốc và hình ảnh thoáng hiện, những chi tiết rời rạc kỳ dị. Có một lọn tóc sẫm phía trên tai phải của ông, móng tay ông được cắt đến sát da. Những ngón tay móng vuông, bà vẫn còn nhớ, nhưng giọng nói của ông đã thay đổi, nghe trầm hơn xưa. Thật hỗn độn: những hình ảnh bà đã giữ trong tâm trí suốt thời gian qua đã bị xáo trộn ngay giây phút bà nhìn thấy ông.

Còn bà thì sao? Không hiểu tối nay trông bà thế nào trong mắt ông? Ông đã nhìn thấy gì, ông đã từng nhìn thấy gì, ở Caroline Lorraine Gill? Và cảm xúc riêng tư của bà? Không gì cả. Không một chút gì. Bà cũng biết vậy, bà đã biết nhiều năm nay rồi, kể từ cái khoảnh khắc đứng bên ngoài nhà thờ khi cái vòng quay cuộc sống của ông đóng lại trước mắt bà, khi bà quay gót ra đi. Tận sâu thẳm trong trái tim mình, Caroline vẫn giữ mãi cái ý niệm lãng mạn ngốc nghếch rằng David Henry đã từng hiểu bà theo cách mà không ai khác có thể hiểu nổi. Nhưng đó không phải là sự thật. Ông thậm chí chưa từng liếc nhìn bà.

Bà đã đi qua năm dãy nhà. Trời bắt đầu đổ mưa. Mặt bà ướt đẫm, cả áo choàng và giày cũng vậy. Đêm tối lạnh buốt dường như đã thấm vào bà, len lỏi tận sâu bên trong da thịt bà. Bà đi đến gần góc phố thì chiếc xe buýt 61B phanh rít lên đỗ vào bên và bà chạy nhanh để bắt kịp xe,

vuốt lại tóc, rồi ngồi xuống chiếc ghế nhựa nứt nẻ. Ánh sáng neon, và ánh đèn pha màu đỏ nhờ nhờ, nhợt nhạt loang loáng lướt qua cửa sổ. Không khí tiết đầu xuân lạnh và ẩm phủ lên mặt bà. Chiếc xe buýt ì ạch chạy qua những con phố, phi nhanh dần khi đến đoạn đường tối mù uốn quanh công viên, quanh những dải đồi dài thấp lè tè.

Bà xuống xe ở trung tâm quảng trường Regent. Tiếng la hét, reo hò dội ra từ quán rượu khi bà đi ngang qua, và sau cửa kính bà thoáng thấy hình dáng lơ mơ của những cầu thủ mình bắt gặp trước đó, tay cầm cốc rượu và đâm tung vào không khí trong lúc túm tụm quanh ti vi. Ánh đèn từ chiếc máy hát tự động hắt những sọc sáng màu xanh neon lên cánh tay bà phục vụ khi bà ta quay lưng rời khỏi chiếc bàn kê sát cửa sổ. Caroline dừng bước, dòng adrenaline sôi sục từ cuộc gặp của bà với David Henry đột nhiên biến mất, tan vào đêm xuân như sương mù. Bà bỗng cảm nhận sâu sắc sự cô độc của chính mình, những người trong quán bar được kết nối với nhau bởi một mục đích chung, những người đang bước đi quanh bà trên vỉa hè bị kéo theo dòng đời tới những nơi bà thậm chí không thể tưởng tượng nổi.

Nước dâng lên trong mắt bà. Màn hình ti vi sáng nhấp nháy và thêm một đợt reo hò rộ lên dội qua cửa kính. Caroline rời bước, huých phải một người phụ nữ đang ôm túi giấy đựng đồ tạp phẩm, bước qua một đồng thức ăn nhanh còn thừa ai đó vớt lại trên vỉa hè. Men xuống triền đồi rồi đi lên con ngõ dẫn đến nhà mình, ánh đèn ngoài phố dần nhường chỗ cho những ngôi nhà thật thân thương quen thuộc: nhà O'Neils, ánh đèn vàng chảy tràn trên tán cây sơn thù du; nhà Soularads, với khu vườn tối đen, và cuối cùng là thảm cỏ nhà Margolis, những khóm bạch cúc mọc đại ven sườn đồi khi hè về, xinh đẹp và hoang dã. Những ngôi nhà xếp thành hàng giống như các bậc thang dẫn xuống triền đồi và, ở phía cuối, là ngôi nhà của bà.

Bà dừng lại ở ngõ, nhìn căn nhà cao, hẹp của mình. Bà đã hạ mình che xuống, chắc chắn là thế, nhưng giờ chúng lại được kéo lên và bà có

thể nhìn rõ rành qua những ô cửa sổ phòng ăn. Chiếc đèn chùm tỏa ánh sáng lung linh trên bàn nơi Phoebe vừa trải hết những cuộn chỉ của mình lên. Con bé đang cúi đầu trên khung cửi, đưa đi đưa lại con thoi, bình thản, chăm chú. Mưa cuộn tròn trong lòng nó, một quả bông màu cam mềm như tơ. Caroline ngấm nhìn, lo lắng thấy con gái mình dường như mong manh biết bao, thiếu sự che chở biết bao trước cái thế giới đang xoay vần bí ẩn trong bóng đêm sau lưng bà. Bà nhăn trán, cố nhớ lại giây phút ấy – tay bà vận chiếc cần nhựa nhỏ xíu và tấm màn mỏng mỏng hạ dần xuống. Rồi bà thoáng thấy ai đó di chuyển ở sân trong nhà, một bóng đen đi đi lại lại bên ngoài những cánh cửa kiểu Pháp dẫn ra phòng khách.

Caroline nín thở, giật mình nhưng vẫn chưa đến mức hoảng hốt, rồi bóng đen hiện ra và bà thở phào. Chẳng phải ai xa lạ mà chỉ là Al, về nhà sớm sau chuyến đi dài, đang lảng vảng chạy quanh nhà. Bà thấy ngạc nhiên và hân hoan kỳ lạ; Al đã nhận thêm nhiều việc và thường mỗi chuyến đều đi liền hai tuần liền. Nhưng ông ở đây; ông đã về nhà. Ông đã kéo tấm màn lên cho bà thưởng thức khoảnh khắc này, hình ảnh thoáng qua của cuộc sống bà đang có, được bao bọc giữa những bức tường gạch, được đóng khung trong những bữa ăn do chính tay bà sửa soạn, cây si bà vẫn chưa nghĩ ra cách nào để chặt đi, những lớp kính và sơn bà đã chùi rửa với bao yêu thương trong ngần ấy năm qua. Phoebe rời mắt khỏi công việc đang làm, ngược lên nhìn mông lung ra bãi cỏ tối om ướt đẫm ngoài cửa sổ, tay vuốt ve lên sống lưng mềm mại của con mèo. Al bước qua căn phòng, tay cầm một cốc cà phê. Ông đứng bên cạnh con bé, và giờ cái cốc chỉ về phía tấm thảm nó đang dẹt dỏ.

Trời mưa nặng hạt hơn, mái tóc bà đã sưng nước, nhưng Caroline vẫn không nhúc nhích. Cảm giác trống trải khi đứng ngoài cửa sổ quán rượu, một khoảng trống mênh mông và đáng sợ, đã biến mất trước khung cảnh gia đình bà. Mưa rơi trên má bà và chảy dài trên ô cửa sổ,

lắm tấm trên chiếc áo khoác len dày dặn của bà. Bà tháo găng tay và lục sạo trong túi để tìm chìa khóa, rồi chợt nhớ ra là cửa không khóa. Trong bóng tối của bãi cỏ, dòng xe cộ không ngớt vun vút lao trên đường lớn, ánh đèn pha nháy múa trên những bụi tử đinh hương sum suê bà trồng làm hàng rào nhiều năm về trước, Caroline đứng im một lúc lâu nữa. Đây là cuộc sống của bà. Không phải cuộc sống bà từng mơ tới, không phải cuộc sống mà chính bà thời trẻ từng tưởng tượng ra hay khao khát, nhưng là cuộc sống bà đang sống, với mọi sự phức tạp của nó. Đây là cuộc sống của bà, được xây dựng bằng sự yêu thương và ân cần, và nó rất tốt.

Rồi bà đóng túi lại. Bà bước lên bậc thềm. Bà đẩy cánh cửa sau ra và bước vào nhà.

II

BÀ TA LÀ GIÁO SƯ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT Ở CANERGIE MELLON, VÀ đang đặt câu hỏi cho ông về vấn đề hình thể. *Vẻ đẹp là gì?* Bà ta muốn biết, bàn tay bà ta nắm lấy cánh tay ông, dẫn ông đi trên sàn nhà ốp gỗ sồi bóng loáng, giữa những bức tường trắng tinh treo đầy các tấm ảnh của ông chụp. *Liệu vẻ đẹp có thể tìm thấy trong hình thể hay không? Và ý nghĩa của nó?* Nữ giáo sư quay lại, mái tóc hất ra sau lưng; bà ta đưa tay gài lọn tóc ra sau tai.

Ông cúi xuống nhìn bà ta chăm chú, nhìn mảng tóc bạc, khuôn mặt trắng xanh mịn màng của bà ta.

“Sự giao thoa,” ông ôn tồn trả lời, liếc mắt về phía Caroline đang nấn ná trước một tấm ảnh chụp Norah trên bãi biển, trong lòng nhẹ nhõm khi thấy bà vẫn còn ở đó. Gắng hết sức, ông quay lại phía nữ giáo sư. “Sự hội tụ. Đó là điều tôi theo đuổi. Tôi không tiếp cận theo hướng lý thuyết. Tôi chỉ chụp lại những gì khiến tôi rung động.”

“Không có ai nằm ngoài lý thuyết cả!” bà ta kêu lên. Nhưng rồi bà ta ngừng hỏi, mắt nheo lại, khẽ cắn bờ môi. Ông không nhìn thấy rằng bà ta nhưng ông tưởng tượng ra chúng, thẳng tắp, trắng lóa và đều đặn. Căn phòng quay cuồng xung quanh ông, những tiếng nói rộ lên rồi lắng xuống, trong một khoảnh khắc im lặng ông nhận ra tim mình đang đập thình thịch, rằng mình vẫn còn đang cầm chiếc phong bì Caroline vừa đưa. Ông liếc về phía bên kia phòng lần nữa – phải, tốt rồi, bà vẫn ở đấy – và cẩn thận nhét nó vào túi áo sơ mi; tay ông hơi run lên.

Tên bà ta là Lee, người phụ nữ tóc sẫm đang nói. Bà là nhà phê bình tự do, đến tham dự một hội nghị lưu trú. David gật đầu, chỉ nghe lơ mơ. Có phải Caroline sống ở Pittsburgh không nhỉ, hay bà đọc được

quảng cáo về buổi triển lãm và đi từ nơi khác đến, từ Morgantown, Columbus hoặc Philadelphia? Bà đã gửi thư cho ông từ tất cả những nơi đó, rồi bà rời khỏi đám khán giả vô danh và bước lên phía trước, trông vẫn rất giống ngày xưa nhưng đã già hơn, có phần cứng rắn và cương quyết hơn, vẻ ủy mị thời trẻ không còn nữa. *David, anh không nhận ra tôi sao?* Và ông đã nhận ra, ngay cả khi ông không chịu ghi nhận thực tế đó.

Ông nhìn lướt khắp căn phòng để tìm bà lần nữa nhưng không thấy bà, và mối chỉ đầu tiên của nỗi sợ hãi bắt đầu xâm vào tim, nhỏ xíu, lan tỏa, như những sợi nấm náu mình trong khúc gỗ. Bà đã đi cả quãng đường dài; bà đã nói sẽ ở lại; chắc chắn bà sẽ không bỏ đi. Một người bê khay rượu sâm banh đi ngang qua và ông lấy một ly. Nhân viên tổ chức triển lãm lại xuất hiện, để giới thiệu ông với các nhà tài trợ của buổi triển lãm. David cố gắng tập trung hết mức để nói năng thật khúc chiết, nhưng ông vẫn không thôi nghĩ về Caroline, hy vọng có thể nhìn thấy bà ở một góc phòng. Ông đã rời đi với niềm tin rằng bà sẽ chờ, nhưng giờ đây, thật chẳng dễ dàng gì, ông chợt nhớ lại buổi sáng xa xưa ở lễ tưởng niệm, Caroline đứng trong cái rét căm căm, vận chiếc áo choàng màu đỏ. Ông nhớ cái giá lạnh của bầu không khí độ xuân về, bầu trời ngập nắng, và trong giỏ Paul đạp chân liên hồi dưới những lớp chăn. Ông nhớ rằng ông đã để bà ra đi.

“Xin thứ lỗi,” ông thì thầm, ngắt lời người đang nói. Ông đi thẳng qua mặt sàn ốp gỗ cứng ra sảnh chờ ở cửa chính, đến đó ông dừng chân và quay lưng lại để bao quát cả khu triển lãm, sục sạo trong đám đông. Chắc chắn là, khi đã tìm thấy bà sau bao năm trời như thế, ông không thể để mất bà một lần nữa.

Nhưng bà đã ra đi. Bên ngoài cửa sổ, ánh đèn thành phố lấp lánh đầy mê hoặc, rải rác như kim sa trên sườn đồi sắc nét, nhấp nhô. Ở đâu đó, ngay tại đây hoặc gần đây thôi, Caroline Gill đang rửa bát quét nhà, dừng lại để nhìn ra ô cửa sổ tối om. Mất mát và nỗi đau: tất cả tràn qua

ông như một đợt sóng, mạnh mẽ đến mức ông phải tựa lưng vào tường và gục đầu xuống, để chống lại cơn buồn nôn đang cồn lên trong ruột. Những cảm xúc của ông quá dạt dào, hỗn độn. Dù sao ông cũng đã sống mà không gặp Caroline Gill trong bao nhiêu năm trời rồi còn gì. Ông hít một hơi thật sâu, rồi nhắm qua bảng tuần hoàn trong đầu mình – bạc catmi indi thiếc – nhưng dường như ông không thể giúp bản thân mình trấn tĩnh lại được.

David lần tay vào túi lấy ra chiếc phong bì bà đưa; có lẽ bà có để lại địa chỉ hoặc số điện thoại cũng nên. Bên trong là hai tấm ảnh polaroid, giấy cứng, màu sắc khá tồi, nhợt nhạt và nhuộm tông xám bâng bạc. Tấm đầu tiên chụp hình Caroline, đang cười, cánh tay quàng quanh một cô bé ngồi bên mặc váy xanh lơ vải cứng, eo thấp, với một dải đai buộc. Họ đứng ngoài trời, trước bức tường gạch của một ngôi nhà, bầu không khí ngập nắng nhuộm vàng cả khung cảnh. Con bé trông khỏe mạnh; chiếc váy vừa in với thân người nhưng không làm nó thêm xinh. Mái tóc rủ xuống mặt thành những đợt sóng mềm mại và nó nở một nụ cười rạng rỡ, đôi mắt gần như nhắm tít lại, hớn hờ trước cái máy ảnh hoặc ai đó đứng sau máy. Khuôn mặt nó to bè, trông có vẻ hiền lành, và dường như góc chụp làm đôi mắt nó hơi xếch lên. *Phoebe trong ngày sinh nhật*, Caroline đã ghi ở mặt sau. *Tuổi mười sáu ngọt ngào*.

Ông gài tấm ảnh thứ nhất bên dưới tấm ảnh thứ hai, chụp gần đây hơn. Lại là Phoebe, đang chơi bóng rổ. Cô bé chuẩn bị ném bóng, gót chân kiểng cao khỏi mặt sàn bê tông. Bóng rổ, môn thể thao mà Paul đã từ chối chơi. David nhìn vào mặt sau tấm ảnh và kiểm tra lại cả chiếc phong bì, nhưng không có dòng địa chỉ nào cả. Ông uống cạn ly sâm banh và đặt chiếc ly xuống mặt bàn đá cẩm thạch. Khu triển lãm vẫn đông nghịt người, lao xao tiếng nói chuyện. David dừng lại trên ngưỡng cửa và nhìn ngấm với vẻ dừng đọng khó hiểu, như thể khung cảnh này là thứ gì đó ông tình cờ nhìn thấy, chẳng liên quan gì đến ông

cả. Sau đó ông quay đi, bước vào làn không khí êm dịu, mát lạnh, dầm nước mưa. Ông nhét chiếc phong bì cùng những tấm ảnh vào túi áo ngực và, chẳng biết mình sẽ đi đâu, ông bắt đầu cất bước.

Oakland, khu trường học cũ của ông, đã có nhiều đổi thay, tuy vậy về cơ bản vẫn thế. Sân Forbes, nơi ông đã dành không biết bao nhiêu buổi chiều lom khom trên khán đài cao tít, tắm ngập trong ánh nắng, reo hò cuồng nhiệt khi gậy đập vào khiến trái bóng bay vút lên khỏi mặt sân xanh muốt rực rỡ, đã không còn nữa. Một tòa nhà đại học mới, vuông vức và tẻ nhạt, mọc lên giữa không gian nơi tiếng hò hét của hàng ngàn người đã một thời vang dội. Ông dừng lại, quay mặt ra phía Đại học Đường, một khối đá xám thanh thoát, một bóng đen in hằn lên nền trời đêm, để lấy lại bình tĩnh.

Ông đi tiếp, men theo những con phố nội thành tối tăm, đi qua đám người ừa ra từ các nhà hàng và rạp hát. Ông không thực sự nghĩ mình sẽ đi đâu, dù ông biết rõ. Ông thấy mình bị mắc kẹt, bị đông cứng suốt bao năm qua trong đúng khoảnh khắc giao con gái mình cho Caroline. Cuộc sống của ông xoay vần quanh hành động duy nhất ấy: một đứa trẻ sơ sinh trong tay ông – rồi ông vươn người ra để đem cho nó đi. Như thế ông đã chụp ảnh lại tất cả những năm qua để cố gắng mang lại cho một khoảnh khắc khác thứ phẩm chất, sức nặng tương tự. Ông đã muốn cố gắng để ghìm lại cái thế giới quay cuồng, và những dòng sự kiện, nhưng dĩ nhiên điều đó là không thể.

Ông đi tiếp, trong lòng rung động, chốc chốc lại lăm bắm với chính mình. Những gì chôn chặt trong tim ông suốt bao năm qua đột nhiên trở lại sống động sau cuộc gặp gỡ của ông với Caroline. Ông nghĩ đến Norah, người đã trở thành một người phụ nữ độc lập và đầy quyền lực, người gặp gỡ khách hàng là các tập đoàn lớn với vẻ tự tin lấp lánh và trở về nhà sau bữa tối, người xông lên mùi rượu và mưa, dấu vết của tiếng cười, của chiến thắng và thành công vẫn đọng trên khuôn mặt bà. Bà đã có hơn một lần ngoại tình trong những năm qua, ông biết, và bí

mặt của bà, cũng như bí mật của chính ông, đã lớn dần lên thành một bức tường chắn giữa hai người bọn họ. Đôi khi vào buổi tối ông thoáng thấy, chỉ trong chớp mắt thôi, người phụ nữ mà ông đã lấy làm vợ: Norah, đứng bế đứa bé đỏ hỏn là Paul trên tay; Norah, đôi môi còn vương vết nước dâu, đang dở tay buộc chiếc tạp dề; Norah với tư cách là một nhân viên đại lý du lịch non nớt, thức rất khuya để quyết toán các khoản chi thu. Nhưng bà đã rũ bỏ từng lớp bản ngã như những lớp da, và giờ đây họ sống như hai kẻ xa lạ trong căn nhà rộng lớn của mình.

Paul đau khổ vì điều đó, ông biết chứ. David đã cố gắng hết sức để dành cho nó mọi thứ. Ông đã cố gắng để làm một ông bố tốt. Hai bố con cùng đi gom nhặt các mẫu hóa thạch với nhau, phân loại và dán nhãn từng món rồi trưng bày trong phòng khách. Ông tận dụng mọi cơ hội để đi câu cá với Paul. Nhưng dù có cố gắng đến đâu để giúp cuộc sống của Paul êm đềm và dễ dàng hơn, thì sự thật vẫn là David đã xây dựng cuộc sống đó trên nền tảng một sự dối trá. Ông cố gắng bảo vệ con trai khỏi những gì mình phải chịu đựng khi còn bé: nghèo đói, lo âu và đau đớn. Dầu vậy những nỗ lực của ông đã gây ra nhiều mất mát mà David không bao giờ có thể lường nổi. Lời nói dối đã lớn dần lên giữa bọn họ như một tảng đá, ép họ thành ra méo mó theo, như những cái cây mọc cong queo quanh một hòn cuội.

Phố xá giao nhau, rồi hợp lại làm một ở những góc kỳ dị, khi thành phố thu hẹp lại ở điểm hai con sông lớn gặp nhau, sông Monongahela và sông Allegheny, hợp lưu của hai sông này tạo thành sông Ohio, sông Ohio tiếp tục chảy đến Kentucky và xa hơn nữa trước khi hòa mình vào sông Mississippi và biến mất. Ông bước ra sát mép nước. Khi còn là một chàng trai trẻ, một sinh viên, David Henry thường đến chốn này, đứng ở bờ đất, ngắm nhìn hai con sông hợp nhất. Đôi lúc ông đứng đây, ngón chân lơ lửng trên dòng nước đen thẫm của con sông, thờ ơ tự hỏi không hiểu dòng nước đen kia lạnh giá đến thế nào, liệu

ông có đủ sức bơi vào bờ nếu lỡ chân rơi xuống không. Giờ đây, cũng như ngày xưa, gió lùa qua lớp vải bộ quần áo ông đang mặc, và ông nhìn xuống, nhìn dòng sông cuộn chảy giữa hai mũi giày. Ông nhích ra thêm hai phân, đổi góc nhìn. Một thoáng nuối tiếc vụt qua giữa cảm giác mệt mỏi: đây sẽ là một bức ảnh đẹp, nhưng ông đã để lại máy ảnh ở khách sạn.

Xa tít bên dưới dòng nước cuộn xoáy, ngàu lên bọt trắng xóa vỗ quanh chân cột xi măng, rồi trôi xa. Gan bàn chân, đó là nơi David cảm nhận được sức ép của gờ bê tông. Nếu ông sảy chân rơi xuống hoặc nhảy xuống mà không thể bơi đến nơi an toàn, họ sẽ tìm thấy những thứ này: một chiếc đồng hồ đeo tay có tên bố ông khắc ở mặt sau, chiếc ví của ông với hai trăm đô tiền mặt, bằng lái xe, một viên sỏi nhặt ở con suối gần căn nhà ông sống hồi nhỏ mà ông đã mang bên mình ba chục năm nay. Và những tấm ảnh, trong chiếc phong bì nhét trong túi bên trên trái tim ông.

Đám tang của ông sẽ đông nghịt người. Dòng người đưa đám có lẽ sẽ kéo dài mấy dãy nhà.

Nhưng tin tức chỉ đến thế là hết. Caroline có lẽ sẽ không bao giờ biết. Và cái tin cũng sẽ chẳng lan xa hơn, chẳng thể nào đến được vùng đất nơi ông đã sinh ra.

Kể cả có đi chăng nữa, sẽ không có ai ở đó nhận ra tên ông.

Một ngày nọ sau buổi tan trường, lá thư đang chờ ông, được gài sau lon cà phê rỗng đặt ở góc cửa tiệm. Không ai nói gì, nhưng mọi người đều nhìn ông chằm chằm, họ biết đó là cái gì; biểu tượng của Đại học Pittsburgh lồ lộ ra đấy. Ông đã mang chiếc phong bì lên gác và đặt lên bàn kê cạnh giường, quá hồi hộp không dám mở ra. Ông còn nhớ bầu trời xám xịt buổi chiều hôm đó, trống trải và nhợt nhạt bên ngoài cửa sổ, bị rạch ngang bởi những cành cây bạch đàn trụi lá.

Trong hai tiếng đồng hồ ông không cho phép mình được xem. Rồi ông đã xem, và đó là tin tốt: ông đã được nhận vào trường với một suất học bổng toàn phần. Ông ngồi trên mép giường, quá sững sờ, quá đề phòng trước tin tốt – như ông vẫn luôn thế, suốt cả cuộc đời mình – đến mức không cho phép bản thân tận hưởng chút niềm vui thực thụ. *Chúng tôi rất vui mừng được thông báo với em...*

Nhưng sau đó ông nhận thấy lỗi sai, một sự thật ảm đạm trời dậy và khóa laptop vừa vặn vào đúng nơi ông chờ đợi, trong cái hố nông ngay bên dưới những đốt xương sườn của ông: cái tên trong thư không phải của ông. Địa chỉ đúng, mọi chi tiết khác từ ngày sinh cho đến số bảo hiểm xã hội của ông – tất cả đều chính xác. Và hai tên đầu của ông, David cho tên cha và Henry cho tên ông nội, cũng đúng, được gõ chẵn chu bởi một cô thư ký, người có lẽ đã bị làm phiền bởi một cuộc điện thoại hay một người khách. Hoặc cũng có thể chính làn gió xuân dịu dàng đã khiến cô rời công việc ngẩng đầu lên, mơ màng tưởng tượng ra chính mình trong buổi tối hôm ấy, vị hôn phu của cô xuất hiện với bó hoa trên tay, khiến trái tim cô run rẩy như một chiếc lá. Rồi có tiếng cửa sập mạnh. Tiếng chân dội lại gần, sắp của cô. Cô giật mình, cố trấn tĩnh và trở về với thực tại. Vừa chớp chớp mắt, cô nhấn phím Return và quay lại với công việc.

David Henry cô đã gõ xong, chính xác.

Nhưng họ của ông, McCallister, đã bị bỏ sót.

Ông chưa từng nói cho ai biết. Ông đã đến trường đại học ghi danh, và không có ai từng biết. Dù gì thì đó cũng là tên thật của ông. Tuy vậy, David Henry là một con người hoàn toàn khác so với David Henry McCallister, ông biết vậy, và có vẻ rõ ràng chính David Henry mới là người được đi học đại học, một người không có tiểu sử, không chút vương bận bởi quá khứ. Một người với cơ hội để làm mới chính mình.

Và ông đã làm vậy. Cái tên cho phép ông làm thế; xét theo một phương diện nào đó, thì cái tên đòi hỏi phải làm thế: mạnh mẽ và hơi có chất con nhà dòng dõi. Chẳng phải đã có Patrick Henry, chính trị gia và nhà hùng biện đầy sao. Trong những ngày đầu, giữa những cuộc nói chuyện nơi ông có cảm tưởng như mình đang ở giữa biển khơi, bị bao quanh bởi những người giàu có và quan hệ rộng vượt xa mức ông có thể đạt tới, bởi những người sống hoàn toàn thoải mái trong cái thế giới mà ông đã phải cố gắng đến tuyệt vọng để hòa nhập, thỉnh thoảng ông cũng gợi chuyện bóng gió, dù không bao giờ nói trực tiếp, về một người họ hàng xa nhưng có dòng dõi thế phiệt, viện dẫn những vị cha ông tưởng tượng để đứng sau hỗ trợ cho ông.

Đó là món quà mà ông đã cố gắng đem đến cho Paul: một vị trí trong cuộc đời này mà không ai có thể nghi ngờ.

Dòng nước chảy giữa hai bàn chân ông ngàu lên một màu nâu, được viền quanh bởi lớp bọt trắng lơ lờ. Gió cuộn lên, và làn da ông bỗng trở nên xôm xộp như bộ đồ đang mặc. Gió luồn trong huyết quản ông, dòng nước cuộn cuộn quay cuồng, dâng lên gần hơn và rồi acid trào lên cổ họng khiến ông quy xuống, tì lên cả hai tay lẫn đầu gối, những phiến đá lạnh buốt dưới tay ông, ông nôn thốc nôn tháo xuống con sông xám xịt cuồng dại, nôn cho đến khi không còn thứ gì có thể thải ra được nữa. Ông nằm đó một lúc lâu, trong bóng tối. Cuối cùng, thật chậm chạp, ông đứng dậy, đưa mu bàn tay quạt ngang miệng, và quay về thành phố.

* * *

Ông ngồi ở ga Greyhound suốt đêm, lúc ngủ gà gật lúc thì giật mình choàng tỉnh, đến buổi sáng ông bắt chuyến xe buýt đầu tiên trở lại ngôi nhà thời thơ ấu ở Tây Virginia, đi sâu vào những quả đồi bao quanh ông như một vòng tay ôm ấp. Sau bảy tiếng, xe buýt đỗ ở nơi nó vẫn luôn dừng lại, ở góc phố Main và Vine, rồi rời ga phóng đi, để lại David

Henry trước cửa tiệm tạp hóa. Phố xá tĩnh lặng, một tờ báo dán trên bột điện thoại công cộng, cỏ mọc lên qua những kẽ nứt trên vỉa hè. Ông đã từng làm việc trong cửa hàng này để đổi lấy phòng trọ trên tầng hai và tiền cơm hàng tháng, cậu bé sáng dạ rời những quả đồi xuống thị trấn học tập, sững sờ trước tiếng chuông và tiếng ồn của xe cộ, những bà nội trợ đi mua sắm, bọn học sinh túm tụm mua soda bên cạnh đài phun nước, tối tối cánh đàn ông tụ tập với nhau, nhổ bã thuốc, chơi bài và giết thời gian bằng chuyện gẫu. Nhưng tất cả đã không còn nữa, tất cả. Những hình vẽ graffiti màu đỏ và đen phủ kín những ô cửa sổ ốp gỗ ván, nứt nẻ thành những hạt màu, không còn đọc ra nổi nữa.

Cơn khát thiêu đốt cổ họng David. Phía bên kia đường, hai người đàn ông, tầm trung tuổi, một người hói đầu, người kia có mái tóc bạc mỏng dính dài chấm vai, đang ngồi chơi cờ dưới hiên nhà. Họ ngược nhìn lên, vẻ tò mò, pha lẫn ngờ vực, và trong khoảnh khắc David bỗng nhìn thấy mình theo trong mắt họ, quần của ông lấm bẩn và nhăn nhúm, áo sơ mi đã mặc cả một ngày và một đêm, cà vạt không còn trên cổ, mái tóc bẹp rúm sau giấc ngủ chập chờn trên xe buýt. Ông không thuộc về nơi đây, chưa bao giờ. Trong căn phòng chật hẹp phía trên tiệm tạp hóa, sách vở bày la liệt ra giường, ông đã nhớ nhà đến không tập trung nổi, tuy vậy khi ông trở về núi, nỗi cồn cào cũng không vì thế mà bớt nguôi ngoai. Trong ngôi nhà ván ghép bé nhỏ của bố mẹ ông, được xây vững chãi trên sườn đồi, những giờ đồng hồ cứ kéo dài và trải rộng ra mãi, được đo bằng tiếng bố ông gõ tấu lên thành ghế, tiếng thở dài của mẹ ông, cơn run rẩy của em gái ông. Có một cuộc sống ở dưới thung lũng và một cuộc sống khác ở trên đó, nỗi cô đơn xâm chiếm khắp nơi, như một bông hoa bí ẩn.

Ông gật đầu với mấy người đàn ông, rồi quay gót bước đi, vẫn cảm thấy cái nhìn chăm chăm của họ bám theo mình.

Cơn mưa nhỏ, dịu nhẹ như sương mù, bắt đầu rơi. Ông bước tiếp, dù cẳng chân nhức nhối. Ông nghĩ đến khu văn phòng sáng sủa của mình, cách đây cả một cuộc đời hoặc một giấc mơ. Khi ấy trời đã ngả chiều muộn. Norah có lẽ vẫn ở công ty còn Paul thì chắc đang nhốt mình trong phòng, trút hết nỗi cô đơn và giận dữ vào âm nhạc. Họ nghĩ tối nay ông sẽ về, nhưng ông không về được. Ông sẽ phải gọi điện báo, để sau, cho đến khi nào ông biết mình đang làm gì đã. Ông có thể nhảy lên một chiếc xe buýt khác và quay trở về với họ ngay bây giờ. Ông biết thế, nhưng dường như cuộc sống đó không thể tồn tại trong cùng một thế giới với cuộc sống này được.

Dải vỉa hè mấp mô chẳng mấy chốc đã bị chia cắt bởi những bãi cỏ ở rìa thị trấn, một kiểu chấm-dứt-và-khởi đầu giống như một loại mã Morse, bị đứt đoạn ở một vài nơi rồi biến mất hoàn toàn. Những rãnh nước nông chạy dọc theo lề con đường hẹp; ông còn nhớ ở đó có lúc tràn ngập hoa hiên, từng dải màu cam nở rộ trải dài như đám lửa. Ông luồn tay xuống dưới cánh tay để sưởi ấm. Ở đây mùa thường đến sớm hơn. Hoa tử đinh hương ở Pittsburgh và cơn mưa ẩm áp đã biến mất. Từng mảng tuyết nứt vỡ ra dưới chân ông. Ông đá những luối băng đen sì xuống rãnh, nơi có nhiều tuyết đọng, điểm tuyết cỏ dại và gạch vụn.

Ông đến đường cao tốc của thị trấn. Xe cộ lao như điên ép ông đi sát vào lề cỏ bên vệ đường, dây khấp người ông một lớp bùn mỏng. Nơi đây từng là một con đường vắng lặng, tiếng động cơ vọng lại từ cách đó hàng dặm trước khi xe xuất hiện, và thường thường thì một khuôn mặt quen thuộc sẽ hiện ra sau kính chắn gió, xe đi chậm lại, rồi dừng hẳn, và một cánh cửa mở ra để cho ông vào. Mọi người biết ông, biết cả gia đình ông, rồi thì sau vài câu trò chuyện lật vặt – *Bố mẹ cháu có khỏe không; vườn tược năm nay thu hoạch khá không?* – không khí im lặng sẽ bao trùm tất cả, khi đó người lái xe và những hành khách khác bắt đầu thận trọng cân nhắc xem nên và không nên nói gì với cậu bé thông minh đã nhận được học bổng, cậu bé có đứa em gái quá ốm yếu không

thể đến trường được. Ở miền núi, mà có lẽ là trên toàn thế giới nói chung, có một thuyết về sự bù trừ trong đó cho rằng với tất cả mọi thứ có thêm sẽ có một thứ khác ngay lập tức hiển nhiên bị mất đi. *Ừ thì cậu thông minh đấy, cho dù không bảnh trai bằng em họ cậu.* Những lời khen, dầu quyến rũ như một bông hoa, vẫn đầy gai góc của những điểm đối nghịch: *Phải rồi, cậu cũng sáng dạ đấy, nhưng mà mặt thì xấu như quỷ; trông cô thì xinh mà đầu óc thì dần lảm.* Sự bù trừ; cân bằng trong vũ trụ. David nghe thấy lời buộc tội trong từng câu khen ngợi thành tích học tập của ông – ông đã lấy đi quá nhiều, lấy đi tất cả – và trong những chiếc xe hơi và xe tải sự im lặng lớn dần lên cho đến khi dường như một giọng nói con người cũng không bao giờ có thể phá vỡ nổi.

Con đường rẽ ngoặt, rồi lại rẽ ngoặt tiếp: con đường nhảy múa của June. Sườn đồi dốc hơn, suối đổ xuống như thác, còn nhà cửa thưa thớt, xơ xác hơn. Những căn nhà lưu động dần hiện ra, nằm trên triền đồi như các món trang sức mờ xỉn trong một cửa tiệm rẻ tiền, màu xanh ngọc, bạc và vàng bột đi thành màu kem. Đây là cây tiêu huyền, tảng đá hình trái tim, ngã rẽ nơi ba cây thập giá sơn trắng, được trang trí bằng hoa úa và ruy băng, đóng sâu xuống đất. Ông rẽ sang và đi dọc theo con suối tiếp theo, con suối của ông. Lối mòn đã bị cây cỏ mọc lên che khuất gần hết, nhưng vẫn chưa biến mất hẳn.

Phải mất gần một tiếng đồng hồ ông mới về đến ngôi nhà cũ, sau bao năm mưa nắng dài dẫu đã phủ một màu xám nhạt, mái nhà võng xuống ở chính giữa thanh xà ngang và vài tấm ván lợp mái đã bay mất. David dừng bước, bị cuốn vào quá khứ mãnh liệt đến mức ông tưởng như sắp được nhìn thấy họ: mẹ ông bước xuống bậc thang, tay cầm một chiếc chậu thiếc mạ kẽm để mức nước giặt, em gái ông ngồi trên hiên nhà, tiếng rìu bỏ vào gỗ vọng lại từ nơi bố ông chẻ củi, chỉ ở đâu đó ngay ngoài tầm mắt thôi. Ông đã rời nhà đi học, June đã mất, còn bố mẹ ông ở lại đây đến chừng nào có thể, do dự không muốn bỏ mảnh đất này. Nhưng cuộc sống của họ cũng chẳng khấm khá hơn là

mấy, rồi sau đó bố ông mất, khi còn quá trẻ, và cuối cùng mẹ ông cũng chuyển về miền Bắc sinh sống, dọn đến với em gái cụ cùng lời hứa hẹn về một việc làm trong nhà máy ô tô. David hiếm khi đi từ Pittsburgh về thăm nhà và không bao giờ quay lại nữa kể từ ngày mẹ mất. Nơi này thân thuộc với ông như hơi thở nhưng cách xa cuộc sống của ông bây giờ như mặt trăng.

Gió thổi mạnh thêm. Ông bước lên bậc thềm. Cánh cửa gỗ vẹo vọ trên bản lề không khép kín lại được. Bầu không khí trong nhà lạnh giá, xông lên mùi mốc meo. Chỉ có căn phòng duy nhất, căn gác xếp làm chỗ ngủ giờ được gia cố bằng một thanh xà cong oằn. Những bức tường loang lổ vì ẩm ướt; qua các kẽ hở, ông thoáng nhìn thấy bầu trời nhợt nhạt. Ông đã giúp bố cất nóc nhà, mồ hôi chảy đầm đìa trên khuôn mặt và nhầy nhựa đầy tay họ, tay búa của họ giờ cao trong nắng, trong mùi hương nồng gắt của gỗ tuyết tùng mới chặt.

Theo như David được biết, thì đã nhiều năm nay không có ai sống trong ngôi nhà này. Tuy vậy vẫn có một cái chảo rán nằm trên chiếc bếp lò cũ, lạnh tanh, lớp mỡ đã đông váng lại, nhưng không hề có mùi ôi khi ông cúi xuống ngửi. Trong góc là chiếc giường sắt cũ, trên phủ một tấm chăn tả tơi giống tấm chăn bà ngoại và mẹ ông đã may. Lớp vải lạnh ngắt, âm ẩm dưới tay ông. Không có đệm, chỉ có mấy lớp chăn dày xếp chồng lên nhau trên tấm giát giường. Mặt sàn ốp ván đã được quét sạch, và có ba củ nghệ tây để trong chiếc lọ trên cửa sổ.

Có người đang sống ở đây. Một cơn gió nhẹ tràn qua căn phòng, lay động những hình cắt bằng giấy được treo khắp nơi – trên trần nhà, trên cửa sổ, trên đầu giường. David đi quanh nhà, ngắm nhìn chúng với cảm giác sửng sốt ngày càng tăng. Những hình này hơi giống với hình bông tuyết ông đã cắt ở trường, nhưng vượt xa về độ tinh xảo và tỉ mỉ, mô tả toàn bộ cảnh trí đến từng chi tiết nhỏ nhất: hội chợ tỉnh, một căn phòng khách gọn gàng trước lò sưởi, một buổi dã ngoại với những bông pháo hoa rực rỡ. Tinh xảo và chính xác, chúng khiến cả căn nhà

phảng phất một bầu không khí bí ẩn. Ông chạm vào mép răng cửa của một hình cắt cảnh xe thồ, các cô bé đội mũ có dải nơ, các cậu bé mặc quần xắn đến tận gối. Vòng đu quay, vòng tròn ngựa gỗ rung rinh, xe chạy trên đường lớn: những hình này được giăng trên đầu giường, khẽ lay động trên dây treo, mong manh tựa đôi cánh.

Ai đã cắt những hình này với sự khéo léo và kiên nhẫn nhường ấy? Ông lại nghĩ đến những bức ảnh của chính mình: ông đã cố gắng hết sức để chớp lại từng khoảnh khắc, ghim nó lại một chỗ, để nó tồn tại mãi mãi, nhưng khi hình ảnh dần hiện lên trong buồng tối thì cũng là lúc chúng bị thay thế. Nhiều giờ, nhiều ngày đã trôi qua kể từ đó; ngay chính ông cũng đã trở thành một con người hơi khác. Dầu vậy ông vẫn khao khát giữ chặt tấm màn đang rung động, để giữ lại hình ảnh của vạn vật ngay cả khi chúng biến mất, một lần rồi lần nữa và lần khác nữa.

Ông ngồi trên chiếc giường cứng. Đầu ông vẫn còn ong ong. Ông nằm xuống và cuộn tấm chăn ấm quanh người. Có một thứ ánh sáng xám nhạt tràn ngập khắp các ô cửa sổ. Chiếc bàn trượt và cái bếp lò: tất cả xông lên mùi mông mốc. Bốn bức tường được bồi bằng nhiều lớp giấy báo đã bắt đầu bong tróc. Gia đình ông rất nghèo, tất cả những người họ biết đều nghèo cả. Đó không phải là tội, nhưng có lẽ nó chính là một cái tội. Đó là lý do tại sao mọi thứ đều được giữ lại, những động cơ cũ, vỏ lon thiếc và chai sữa nằm rải rác khắp bãi cỏ và sườn đồi: một câu thần chú chống lại những đòi hỏi, một hàng rào ngăn chặn những ham muốn. Khi David còn nhỏ, một thằng bé tên là Daniel Brinkerhoff đã chui vào cái tủ lạnh cũ và bị chết ngạt trong đó. David vẫn còn nhớ những tiếng rên rỉ, rồi xác của thằng bé bằng tuổi ông lúc đó được đặt nằm trong một túp lều rất giống căn nhà này, với những ngọn nến thấp sáng xung quanh. Bà mẹ vật vã khóc, điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì đối với ông; ông còn quá nhỏ để hiểu được nỗi đau, sự khủng khiếp của cái chết. Nhưng ông vẫn còn nhớ những gì đã được nói ra, ở bên ngoài

nhưng vẫn trong tầm nghe của mẹ ông, bởi ông bố khốn khổ vừa mất đứa con trai: *Tại sao lại là thằng con tôi? Nó lành lặn, nó khỏe mạnh. Sao không phải đứa con gái ốm yếu kia? Nếu có đứa nào phải chết, thì sao không phải con bé kia?*

Ông nhắm mắt lại. Yên ắng quá. Ông nghĩ đến tất cả những thanh âm vẫn tràn ngập trong cuộc sống của mình ở Lexington: tiếng bước chân, tiếng nói trên hành lang, tiếng chuông điện thoại reo, quay cuồng trong tai ông; tiếng máy nhắn tin kêu bíp bíp giữa tiếng đài phát thanh trong lúc ông lái xe; và ở nhà, lúc nào cũng vậy, Paul dính chặt lấy chiếc đàn ghi ta còn Norah không rời điện thoại, dây điện thoại quấn quanh cổ tay trong lúc bà nói chuyện với khách hàng; và đến nửa đêm lại có thêm những cuộc gọi khác, mọi người cần có ông ở bệnh viện, ông phải đến. Và rồi, vùng dậy trong bóng đêm, trong giá lạnh, ông lao đi.

Không phải ở đây. Ở đây chỉ có tiếng gió lay động, những chiếc lá già và, xa xa, tiếng nước chảy róc rách khe khẽ của con suối bên dưới lớp băng. Một cành cây đập vào bức tường phía ngoài. Lạnh run, ông hơi oằn người lên, tì bằng gót chân và phần lưng trên để có thể cuộn tấm chăn lại và lèn chặt quanh người. Những tấm ảnh nhét trong túi khe chọc vào ngực khi ông trở mình để kéo sát chăn vào thêm. Tuy vậy, ông vẫn run lấy bầy mất vài phút, vì cái giá lạnh và tàn dư của quãng đường dài vừa đi, rồi khi nhắm mắt lại ông nghĩ đến hai con sông giao hòa, hợp làm một, và dòng nước đen cuộn xoáy. Không phải rơi mà là nhảy: đó là ý niệm đã treo lơ lửng ở kia trong thế thăng bằng.

Ông nhắm mắt lại. Chỉ vài phút thôi, để nghỉ ngơi. Bên dưới mùi không khí ẩm ướt và nấm mốc, dường như có mùi hương gì đó ngọt ngào tựa đường. Mẹ ông đã mua đường dưới thị trấn, và ông gần như vẫn còn cảm thấy vị chiếc bánh sinh nhật trong miệng mình, màu vàng và rất đặc, béo ngậy và ngọt lịm đến độ tưởng như các mùi vị đang nổ tung trong miệng ông. Những người hàng xóm từ dưới núi lên, tiếng

nói trải dài suốt quãng đường từ thung lũng, những chiếc váy đủ màu sắc sỡ vui mắt quét qua lớp cỏ cao. Những người đàn ông mặc quần tối màu và đi ủng, bọn trẻ con chạy lông nhông khắp sân, hò hét, rồi túm tụm lại với nhau để cùng làm kem, chừa cho kem vào hộp, ngâm trong bể nước muối dưới hiên nhà, ướp lạnh, cho đến khi chúng mở nắp hộp kim loại lạnh buốt ra và xúc đầy món kem mát lạnh ngọt lịm vào bát.

Có lẽ đó là sau khi June ra đời, hoặc cũng có thể là sau lễ rửa tội cho cô bé, cái ngày có món kem. June cũng giống như bao nhiêu đứa trẻ khác, đôi bàn tay nhỏ xíu huơ huơ trong không khí, cọ vào má ông khi ông cúi xuống hôn cô bé. Trong cái oi nồng của ngày hè hôm ấy, với món kem mát rượi dưới hiên nhà, họ đã cùng tổ chức tiệc mừng. Rồi thu qua, đông tới, June vẫn không ngồi dậy được và cứ như thế mãi, cho đến sinh nhật đầu tiên mà em vẫn còn quá yếu không thể đi xa được. Một mùa thu nữa lại tới, có người họ hàng đến thăm dất theo đứa con trai, thằng bé cũng tầm tuổi June, nó không chỉ đi được mà còn chạy khắp các phòng và đã bắt đầu bập bẹ học nói, còn June thì vẫn ngồi một chỗ, lặng lẽ ngắm nhìn xung quanh. Khi ấy họ đã biết rằng có điều gì đó không ổn. Ông còn nhớ mẹ ông cứ nhìn mãi đứa cháu họ, nước mắt âm thầm chảy dài trên khuôn mặt cụ hồi lâu cho đến khi cụ hít một hơi thật sâu rồi quay lại căn phòng tiếp tục câu chuyện. Đó là nỗi đau mà ông đã mang bên mình bấy lâu, nặng nề như một tảng đá trong tim. Đó là nỗi đau mà ông đã cố gắng giải thoát cho Norah và Paul, nhưng lại thành gậy ra thêm nhiều nỗi đau khác.

“David,” hôm ấy mẹ ông nói, vừa đưa tay lên chùi vội nước mắt, không muốn để con thấy mình khóc, “con nhặt mấy tờ giấy trên bàn rồi ra ngoài lấy củi với nước đi. Làm ngay đi. Chịu khó động chân động tay vào.”

Và ông vâng lời. Và họ đã tiếp tục sống, hôm ấy cũng như mọi ngày khác. Họ đã thu mình lại, thậm chí còn không đến thăm mọi người chỉ trừ những dịp lễ rửa tội hay ma chay hiếm hoi, cho đến ngày Daniel

Brinkerhoff tự nhốt mình trong tủ lạnh. Họ rời đám viếng trở về nhà trong màn đêm, mò mẫm lần theo bờ suối bằng cảm giác, bằng trí nhớ, June nằm trên tay cha ông, và mẹ ông không bao giờ xuống núi nữa, cho đến ngày bà chuyển đến sống ở Detroit...

“Đừng tưởng ông sẽ làm gì được,” có tiếng người nói, và David, vẫn còn nửa tỉnh nửa mê, không biết là mình đang mơ hay nghe thấy tiếng nói trong gió nữa, ông trở mình bởi cổ tay bị giật mạnh và tiếng lầm rầm khe khẽ, đưa lưỡi liếm vòm miệng khô ran. Cuộc sống của họ đã rất khó khăn, những ngày dài đằng đẵng ngổn ngang công việc cần làm, không có thời gian và lòng kiên nhẫn cho nỗi đau. Bạn phải sống tiếp, đó là tất cả những gì bạn có thể làm được, và vì có nói về June cũng không thể làm em sống lại được, họ đã không bao giờ nhắc đến em lần nào nữa. David xoay người và thấy cổ tay đau nhói. Giật mình, ông bừng tỉnh, mắt mở ra và lơ dờ quét khắp căn phòng.

Cô ta đang đứng trước bếp lò, cách đó có vài bước chân, chiếc quần lính màu xanh ô liu ôm sát vòng hông nhỏ nhắn, hơi phồng ra ở đùi. Cô mặc một chiếc áo len màu gỉ sắt điểm những dải vàng cam sáng óng ánh, bên ngoài khoác một chiếc áo sơ mi nam vải flanen kẻ ca rô xanh đen. Cô đã cắt bỏ phần đầu ngón tay của đôi găng, di chuyển quanh chiếc bếp lò một cách uyển chuyển mềm mại, xọc nĩa vào mấy quả trứng rán trong chảo. Bên ngoài trời tối đen – ông đã ngủ khá lâu – nến đã được thắp lên khắp phòng. Ánh sáng vàng khiến mọi vật trông dịu đi. Những hình giấy tinh xảo khẽ phất phơ.

Mỡ cháy xèo xèo và tay cô gái vung lên cao. Ông nằm yên một lúc, ngắm nhìn cô, từng chi tiết đều thật sống động: hai quai chảo màu đen mẹ ông đã lau chùi, móng tay cắn cụt ngón của cô gái, ánh nến lập lờ trên cửa sổ. Cô với tay lên chiếc giá treo trên bếp lò để lấy muối và hạt tiêu, và ông giật mình bởi cách ánh sáng quét lên làn da cô, mái tóc cô,

khi cô đi ra đi vào khoảng tối, bởi vẻ uyển chuyển trong từng hành động của cô.

Ông đã để máy ảnh lại ở khách sạn.

Ông cố gắng nhòe dây, nhưng cổ tay lại bị dẫn xuống. Hoảng hốt, ông ngoái đầu lại: một dải khăn voan đỏ mỏng tang cột chặt ông vào một cột giường, những dây vải xé từ một miếng giẻ lau buộc vào cột giường còn lại. Cô nhận thấy cử động của ông và quay lại, gõ nhẹ chiếc thìa gỗ lên lòng bàn tay.

“Bạn trai của tôi sẽ quay lại ngay,” cô thông báo.

David thả đầu rơi phịch xuống gối. Trông cô khá non nớt, chắc không hơn tuổi mà có khi còn trẻ hơn Paul, lại ở đây trong một căn nhà bỏ hoang. Góp gạo thổi cơm chung à, ông thầm nghĩ, thắc mắc không biết cậu bạn trai thế nào, lần đầu tiên ông nhận ra rằng có lẽ mình nên lo lắng đi là vừa.

“Tên cô là gì?” ông hỏi.

“Rosemary,” cô đáp, thoáng lo sợ. “Ông tin hay không thì tùy,” cô nói thêm.

“Rosemary,” ông nói, lại nghĩ đến bụi cây lá kim Norah đã trồng ở một khoảng đất nhiều nắng, những cái lá nhọn hoắt thơm ngát hương của nó. “Xin cô làm ơn cời trời cho tôi.”

“Không.” Giọng cô nói nhanh và trong trẻo. “Không đời nào.”

“Tôi khát,” ông nói.

Cô nhìn ông một lúc; đôi mắt cô thật ấm áp, màu nâu ánh vàng, vẻ mệt mỏi. Rồi cô đi ra ngoài, khiến một luồng không khí lạnh buốt tràn

vào phòng, lay động những hình giấy. Cô quay lại với một chiếc ca sắt đựng đầy nước mức từ suối lên.

“Cảm ơn cô,” ông nói, “nhưng phải nằm thế này thì tôi làm sao uống được.”

Cô quay lại bếp một lát, lật những miếng trứng đang cháy xèo xèo, rồi lục lọi trong ngăn kéo, lôi ra chiếc ống hút nhựa lấy từ một cửa hàng đồ ăn nhanh nào đó, một đầu lăm bản, và cắm nó vào cái ca sắt.

“Tôi nghĩ ông sẽ dùng được thôi,” cô nói, “nếu ông thực sự khát đến thế.”

Ông quay sang và ngậm lấy ống hút, trong cơn khát ông không nhận thấy gì khác hơn ngoài vị đất lẫn trong ca nước. Cô trút trứng vào một chiếc đĩa kim loại màu xanh đốm trắng và ngồi vào chiếc bàn gỗ. Cô ăn rất nhanh, dùng ngón trỏ tay trái xiên những miếng trứng vào chiếc nĩa nhựa rất khéo, không chút bận tâm, như thể ông không hề có mặt trong căn phòng này vậy. Chính trong giây phút ấy ông lơ mơ đoán ra rằng có lẽ cậu bạn trai chỉ là nhân vật tưởng tượng. Cô sống ở đây có một mình.

Ông uống cho đến khi chiếc ống hút cũng cạn ráo, nước chảy vào họng ông như một dòng sông giàu đục.

“Bố mẹ tôi từng sở hữu nơi này,” ông nói khi vừa uống xong. “Thật ra, tôi vẫn sở hữu nó. Tôi có giấy tờ chứng nhận cất trong két. Về lý mà nói, cô đang xâm phạm tài sản cá nhân đấy.”

Nghe vậy cô mỉm cười và cẩn thận đặt chiếc nĩa xuống chính giữa đĩa. “Vậy ra ông đến đây để khẳng định chủ quyền đấy hả? Về lý ấy?”

Mái tóc cô, đôi gò má cô, rục lên trong ánh sáng lập lờ. Cô trẻ quá, tuy vậy ở cô vẫn có nét gì đó quyết liệt và mạnh mẽ, đơn độc nhưng

cứng rắn.

“Không.” Ông nghĩ đến cuộc hành trình kỳ dị của mình từ một buổi sáng bình thường ở Lexington – Paul nhốt mình trong phòng tắm hàng giờ liền còn Norah cau mặt lại khi bà cân đối số séc cạnh quầy bếp, cà phê bốc khói nghi ngút – đến cuộc triển lãm ảnh, dòng sông, và giờ là nơi này.

“Thế thì sao ông không về nhà đi?” cô nói, đoạn đẩy chiếc đĩa ra giữa bàn. Bàn tay cô rất thô, móng tay nham nhở. Ông sững sốt không ngờ chính bàn tay ấy có thể làm ra những tác phẩm nghệ thuật bằng giấy tinh xảo, phức tạp đang được treo khắp căn phòng này.

“Tên tôi là David Henry McCallister.” Tên thật của ông, đã lâu lắm rồi chưa được nhắc đến.

“Tôi chẳng biết ai tên là McCallister cả,” cô nói. “Nhưng tôi cũng không phải người ở đây.”

“Cô bao nhiêu tuổi rồi?” ông hỏi. “Muời lăm à?”

“Muời sáu,” cô chữa lại. Nói xong, cô nghiêm mặt, “Muời sáu hoặc hai mươi hoặc bốn mươi, tùy ông chọn.”

“Muời sáu,” ông lặp lại. “Tôi có một cậu con trai hơn tuổi cô. Tên là Paul.”

Một cậu con trai, ông thầm nghĩ, và một đứa con gái nữa.

“Thế à?” cô đáp, vẻ thờ ơ.

Cô lại cầm chiếc nĩa lên, và ông ngấm cô ăn trứng, cắn những miếng nhỏ nhẹ và nhai rất kỹ, rồi đột nhiên, bằng một lực hút mãnh liệt, ông lại trở về sống trong một khoảnh khắc khác trong chính căn nhà này, ngấm nhìn June ăn trứng giống y như thế. Đó là năm em chết, và ngồi ở

bàn là một việc khó khăn đối với em, nhưng em vẫn cố; em đã ăn cùng cả nhà mỗi buổi tối, ánh đèn hắt lên mái tóc vàng của em và đôi bàn tay em chuyển động chậm rãi, với vẻ duyên dáng khoan thai.

“Sao cô không coi trói cho tôi,” ông khẽ gợi ý, giọng khản đặc vì xúc động. “Tôi là bác sĩ. Vô hại mà.”

“Phải rồi.” Cô đứng dậy và đem chiếc đĩa kim loại bỏ vào bồn rửa.

Cô có thai, ông từng sớm nhận ra, khi nhìn nghiêng lúc cô quay lại để lấy xà phòng rửa trên giá. Vẫn chưa lâu lắm, khoảng bốn hay năm tháng, ông ước chừng.

“Cô nghe này, tôi là bác sĩ thật đấy. Trong ví tôi có thẻ đấy. Cô xem xem.”

Cô không đáp, chỉ rửa đĩa và nĩa rồi cẩn thận lau khô tay vào khăn. David thầm nghĩ thật kỳ dị khi ông lại ở đây, nằm ở nơi ông đã được thai nghén, sinh ra và nuôi nấng gần hết thời niên thiếu, thật kỳ dị khi gia đình của ông thì đã biến mất hoàn toàn còn cô gái này, thật trẻ trung, rắn rỏi và bơ vơ, lại trói ông vào giường.

Cô đi ngang qua căn phòng và rút chiếc ví trong túi ông ra. Cô rải từng thứ một lên bàn: tiền, thẻ tín dụng, những mẫu giấy nhớ linh tinh và vài mảnh giấy.

“Ở đây ghi là nhiếp ảnh gia,” cô nói, đọc chiếc thẻ của ông dưới ánh sáng tù mù.

“Đúng rồi,” ông nói. “Tôi làm cả nghề đó nữa. Tiếp đi.”

“Thôi được rồi,” một lúc sau cô cất lời, tay cầm chiếc thẻ căn cước của ông. “Vậy ra ông là bác sĩ. Thế thì sao? Có gì khác không?”

“Nghĩa là tôi sẽ không làm hại cô, Rosemary ạ. Quan trọng nhất là không được làm gì gây tổn hại mà.”

Cô liếc nhìn ông dò xét. “Đằng nào ông chả nói vậy. Kể cả ông có định làm hại tôi đi nữa.”

Ông ngắm nhìn cô, mái tóc rối, đôi mắt sẫm trong trẻo.

“Có mấy tấm ảnh,” ông nói. “Ở đâu đó quanh đây này...” Ông trở mình và cảm thấy góc phong bì chọc qua lớp vải túi áo sơ mi. “Xin cô. Cô xem xem. Đây là ảnh chụp con gái tôi. Nó cũng tầm tuổi cô thôi.”

Khi cô luồn tay vào túi áo ông, ông lại cảm thấy hơi ấm của cô và ngửi thấy mùi hương trên người cô, một mùi hương tự nhiên nhưng sạch sẽ. Có phải mùi ngòn ngọt không nhỉ? Ông tự nhủ, nhớ lại giấc mơ của mình và chiếc khay đầy những viên kem đã lướt qua ông ở lễ khai mạc triển lãm.

“Tên cô ấy là gì?” Rosemary hỏi, xem xét tấm ảnh thứ nhất, rồi đến tấm thứ hai.

“Phoebe.”

“Phoebe. Tên hay lắm. Cô ấy cũng dễ thương nữa. Cô ấy được đặt tên theo tên mẹ à?”

“Không,” David đáp, nhớ lại cái đêm con bé ra đời, Norah đã nói cho ông những cái tên bà muốn đặt cho con ngay trước khi sinh. Khi ấy, Caroline đã lắng nghe, làm theo, và trân trọng cái tên. “Con bé được đặt tên theo bà trẻ. Bên đằng ngoại. Tôi cũng không biết bà này.”

“Tôi được đặt tên theo tên của cả hai bà,” Rosemary khẽ nói. Món tóc sẫm của cô rơi xuống ngang gò má nhợt nhạt, cô gạt nó ra sau gáy, ngón tay đeo gang nấn ná gần tai, và David tưởng tượng ra cảnh cô ngồi cùng gia đình mình quanh một chiếc bàn rực sáng ánh đèn khác.

Ông bỗng muốn quàng tay quanh người cô, muốn đưa cô về nhà, bảo vệ cô. “Rose là tên bà nội, còn Mary là tên bà ngoại.”

“Gia đình cô có biết cô đang ở đâu không?” ông hỏi.

Cô lắc đầu. “Tôi không quay về được,” cô nói, cả sự đau đớn và giận dữ xoắn bện trong giọng nói của cô. “Tôi không bao giờ quay về được nữa. Tôi sẽ không về nữa.”

Trông cô trẻ trung làm sao, cô ngồi bên chiếc bàn, hai tay nắm hờ và khuôn mặt u ám, lo âu. “Sao lại không?” ông hỏi.

Cô lắc đầu và gõ tay lên tấm ảnh chụp Phoebe. “Ông nói cô ấy tầm tuổi tôi à?”

“Xấp xỉ, tôi đoán thế. Con bé sinh ngày mùng sáu tháng Ba, năm 1964.”

“Tôi sinh tháng Hai năm 1966.” Tay cô hơi run lên khi đặt tấm ảnh xuống. “Mẹ tôi đã lên kế hoạch tổ chức một bữa tiệc cho tôi: tuổi mười sáu ngọt ngào. Bà bị nghiện những thứ ruộm rà màu hồng.”

David nhìn cô nuốt nuốt bọt, rồi lại gài tóc ra sau tai, mắt nhìn đắm đắm ra ngoài cửa sổ tối om. Ông muốn làm gì đó để an ủi cô, như ông vẫn thường muốn xoa dịu những người khác – June, mẹ ông, Norah – nhưng giờ đây, cũng như mọi lần, ông không thể. Tĩnh lặng và chuyển động: ở đây có điều gì đó, có điều gì đó ông cần phải biết, nhưng suy nghĩ của ông vẫn rất rời rạc. Ông cảm thấy như mình đã bị tóm lại, bị đóng đinh vào đúng một thời điểm như trong những tấm ảnh mình chụp, cái khoảnh khắc đã ghim giữ ông vừa sâu sắc lại vừa đau đớn. Ông mới chỉ khóc cho June có một lần, khi đứng cạnh mẹ ông trên sườn đồi trong làn gió rét căm căm buổi đêm, tay giữ chặt cuốn Kinh Thánh trong khi nhắc lại lời Cầu Nguyện của Chúa trước năm đất mới đắp. Ông khóc cùng mẹ, kể từ ngày đó cụ sinh ra căm ghét những cơn gió,

rồi họ chôn chặt nỗi đau của mình và tiếp tục sống. Đời là thế, và họ chẳng hề thắc mắc.

“Phoebe là con gái tôi,” ông nói, sững sờ khi nghe chính giọng mình nói ra, đầu vậy vẫn cảm thấy cứng bách khi phải kể câu chuyện của mình, bí mật ông đã giữ kín suốt bao năm qua. “Nhưng tôi chưa từng thấy mặt nó kể từ ngày nó ra đời.” Ông ngập ngừng, rồi lại ép mình phải nói tiếp. “Tôi đã đem cho nó. Nó bị hội chứng Down, nói cách khác là thiếu năng. Nên tôi đã đem cho nó. Tôi chưa bao giờ nói cho ai biết cả.”

Ánh nhìn của Rosemary lia qua rất nhanh, rõ ràng bị sốc. “Tôi cho đó là làm hại rồi,” cô nói.

“Phải,” ông đáp. “Tôi cũng nghĩ vậy.”

Họ im lặng hồi lâu. Đâu đâu David nhìn vào cũng nhắc ông nhớ đến gia đình mình: hơi thở ấm áp của June phả lên má ông, mẹ ông cất tiếng hát khi gấp quần áo bên chiếc bàn, những câu chuyện của bố ông vang vọng quanh bốn bức tường. Xa lắm rồi, tất cả đã xa rồi, và cả con gái ông nữa. Theo thói quen cũ, ông cố kìm nén nỗi đau, nhưng nước mắt cứ chảy dài trên má ông; ông không thể ngăn lại được. Ông khóc cho June, và ông khóc cho cái giây phút trong phòng khám khi ông đưa Phoebe cho Caroline Gill và nhìn cô bỏ đi. Rosemary ngồi bên chiếc bàn, nghiêm nghị và im lặng. Khi mắt họ gặp nhau, ông giữ chặt lấy ánh nhìn của cô, một khoảnh khắc gần gũi thật lạ thường. Ông vẫn nhớ khi Caroline đứng trên ngưỡng cửa ngắm nhìn ông khi ông đang ngủ, khuôn mặt cô dịu đi trong tình yêu dành cho ông. Lẽ ra ông đã có thể cùng cô bước xuống những bậc thềm viện bảo tàng và quay về với cuộc sống của cô, nhưng ngay cả khoảnh khắc ấy ông cũng đã để tuột mất rồi.

“Tôi xin lỗi,” ông nói, cố gắng trấn tĩnh lại. “Đã lâu rồi tôi chưa về đây.”

Cô không đáp và ông tự hỏi liệu trong mắt cô ông có điên khùng lắm không. Ông hít vào một hơi thật dài.

“Bao giờ cô sinh?” ông hỏi.

Đôi mắt sẫm của cô trở ra ngạc nhiên. “Năm tháng nữa, tôi đoán thế.”

“Cô đã bỏ anh ta lại, đúng không?” David khẽ nói. “Bạn trai cô ấy. Có lẽ anh ta không muốn có đứa bé.”

Cô ngoảnh mặt đi, nhưng ông đã kịp thấy đôi mắt cô đẫm nước.

“Tôi xin lỗi,” ông nói ngay. “Tôi không định tọc mạch.”

Cô khẽ lắc đầu. “Không sao. Có gì đâu.”

“Anh ta đâu rồi?” ông hỏi, cố giữ giọng thật mềm mỏng. “Nhà cô ở đâu?”

“Pennsylvania,” cô đáp, sau một khoảng dài im lặng. Cô hít một hơi thật sâu, và David hiểu rằng câu chuyện của ông, nỗi đau của ông, đã cho cô động lực để bộc bạch câu chuyện của mình. “Gần Harrisburg. Tôi từng có một bà dì sống ở vùng này,” cô nói tiếp. “Em gái của mẹ tôi, tên là Sue Wallis. Dì ấy mất rồi. Nhưng khi còn nhỏ chúng tôi đã đến đây, đến căn nhà này. Chúng tôi từng lang thang khắp các ngọn đồi. Ngôi nhà này lúc nào cũng để không. Chúng tôi từng đến đây chơi, khi còn bé tí. Hồi đấy là lúc vui nhất. Đây là nơi tốt nhất tôi có thể nghĩ đến.”

Ông gật đầu, nhớ lại không khí xào xạc của rừng cây. Sue Wallis. Một hình ảnh mờ nhòe, một phụ nữ cuốc bộ lên đồi, tay ôm ổ bánh

nhân đào gói trong chiếc khăn.

“Cởi trói cho tôi đi,” ông nói, giọng vẫn rất khẽ.

Cô bật cười chua chát, đưa tay chùi mắt. “Tại sao?” cô nói. “Tại sao tôi phải làm thế, ở đây chỉ có mỗi hai người chúng ta, ngoài ra không có ai hết? Tôi đâu phải đứa ngu.”

Cô đứng dậy lấy mấy chiếc kéo cùng một mớ giấy con con từ chiếc giá đóng trên bếp lò. Những vụn giấy trắng phau đua rơi dưới tay kéo của cô. Gió khẽ lay động, và ánh nến lập lòe sáng. Khuôn mặt cô nghiêm trang, kiên nghị, chăm chú và đầy quyết tâm hết như Paul khi nó chơi nhạc, gồng mình lên chống lại thế giới của David và cố tìm kiếm một xứ sở khác cho riêng mình. Lưỡi kéo đi loang loáng và cơ hàm của cô hơi giật giật. Ông chưa từng có suy nghĩ rằng cô có thể làm gì hại đến ông.

“Mấy món bằng giấy cô làm,” ông nói. “Đẹp lắm.”

“Bà nội Rose dạy tôi đấy. Trò này gọi là *scherenschnitte* – cắt giấy. Bà lớn lên ở Thụy Sĩ mà, tôi nghĩ người dân ở đấy chắc hay làm những thứ này lắm.”

“Chắc bà lo cho cô lắm đấy.”

“Bà mất rồi. Bà mất năm ngoái.” Cô im lặng, lại chú tâm vào việc của mình. “Tôi thích làm mấy món này. Mỗi lần làm tôi lại nhớ đến bà.”

David gật đầu. “Cô có ý tưởng gì trước khi cắt không?” ông hỏi.

“Nó đã ở sẵn trên giấy rồi,” cô đáp. “Tôi vừa sáng tạo ra nó, lại vừa tìm thấy nó.”

“Cô tìm thấy. Phải rồi.” Ông gật đầu. “Tôi hiểu. Khi tôi chụp ảnh cũng thế. Ý tưởng đã có sẵn ở đó, còn tôi chỉ việc tìm ra thôi.”

“Đúng thế,” Rosemary tán đồng, đoạn lật mặt giấy. “Chính xác là như vậy.”

“Cô định xử lý tôi thế nào đây?” ông hỏi.

Cô không nói, chỉ tiếp tục cắt.

“Tôi muốn đi tiểu,” ông nói.

Ông đã định nói gì đó thật sốc để bắt cô phải nói, nhưng đáng buồn thay đó là sự thật. Cô nhìn ông một lúc. Sau đó cô bỏ kéo và giấy xuống, rồi biến mất mà không nói năng gì. Ông nghe thấy tiếng cô sục sạo bên ngoài, trong bóng tối. Cô quay lại với một cái lọ thủy tinh đựng bơ lạc rỗng không.

“Xin cô,” ông nói. “Rosemary. Làm ơn đi. Cởi trói cho tôi với.”

Cô đặt chiếc lọ xuống và lại cầm kéo lên.

“Sao ông lại nỡ đem cho cô ấy?” cô hỏi.

Ánh sáng hắt loang loáng trên lưỡi kéo của cô. David nhớ lại lưỡi dao mổ cũng lóe sáng như thế khi ông thực hiện thao tác rạch âm hộ, khi ấy ông đã rời khỏi chính thân xác mình để quan sát toàn bộ khung cảnh từ trên cao ra sao, những sự kiện trong đêm đó đã tác động đến cuộc đời ông như thế nào, từ tình huống này dẫn đến tình huống kia, những cánh cửa mở ra ở nơi không ai ngờ tới và những cánh cửa khác đóng sập lại, cho tới khi ông đi đến khoảnh khắc đặc biệt này, ở bên cạnh một người xa lạ đang tìm tòi những vẻ đẹp tinh tế giấu trên mặt giấy và chờ đợi câu trả lời của ông, còn ông thì không thể làm gì được và cũng chẳng có nơi nào để đi.

“Có phải đó là điều làm cô lo lắng không?” ông hỏi. “Rằng có thể cô sẽ mang cho đứa con của mình ấy?”

“Không bao giờ. Tôi sẽ không bao giờ làm thế,” cô phản ứng quyết liệt, mặt cau lại. Vậy ra đã có người làm như thế với cô, dù cách này hay cách khác, và vứt cô như một món hàng bỏ đi, để mặc cô tự xoay xở. Mười sáu tuổi, có thai và cô độc, ngồi bên chiếc bàn này.

“Tôi nhận ra đó là một sai lầm,” David nói. “Nhưng khi ấy đã quá muộn mất rồi.”

“Không bao giờ là quá muộn cả.”

“Cô mới có mười sáu tuổi thôi,” ông nói. “Tin tôi đi, đôi khi, đã là quá muộn.”

Mặt cô hơi cau lại trong một giây, cô không đáp, chỉ tiếp tục cắt, và trong khoảng không im lặng David bắt đầu nói, đầu tiên ông cố gắng phân bua về cơn bão tuyết, cú sốc và lưỡi dao lóe lên trong ánh sáng chói mắt. Ông đã thoát khỏi thân xác mình và nhìn thấy chính mình di chuyển như thế nào. Ông đã thức dậy mỗi sáng trong mười tám năm qua, luôn luôn với suy nghĩ rằng có lẽ hôm nay chính là ngày ông đưa mọi thứ trở về đúng chỗ của nó. Nhưng Phoebe đã biến mất và ông không thể tìm ra nó, vậy thì làm sao ông có thể nói cho Norah biết? Bí mật ấy đã ăn sâu bám rễ trong cuộc hôn nhân của họ, bện xoắn vào cuộc đời họ như một thứ dây leo quỷ quyệt; bà đắm mình trong rượu và bắt đầu ngoại tình, đầu tiên là gã cò nhà đất nhếch nhác kia hời đi biển rồi đến những kẻ khác; ông đã cố vờ như không biết, cố gắng tha thứ cho bà, vì ông biết rằng thực chất ông có một phần lỗi trong đó. Tấm ảnh này nối tiếp tấm ảnh kia ra đời, như thể ông có thể khiến thời gian dừng lại hoặc tìm ra một hình ảnh khác đủ mạnh để làm lu mờ cái khoảnh khắc khi ông quay lại và đưa con gái mình cho Caroline Gill.

Giọng nói của ông lên bổng xuống trầm. Một khi đã nói ra ông không thể dừng lại được nữa, cũng như ông không ngăn được trời mưa, không ngăn được dòng suối chảy xuống sườn núi, hay những con cá,

bền bỉ và trơn chuội như những ký ức, bơi dọc con suối dưới lớp băng dày. Cơ thể trong chuyển động, ông chợt nhớ lại, một chương cũ xì, nhàm chán trong sách Vật lý hồi phổ thông. Ông đã giao con gái mình cho Caroline Gill và hành động đó, sau bao nhiêu năm, đã dẫn ông đến ngày hôm nay, đến với cô gái này trong chuyển động của riêng cô, cô gái đã quyết định có, một khoảnh khắc giải thoát ngăn ngủi khi ngồi ở ghế sau xe hay trong căn phòng của ngôi nhà tĩnh lặng, cô gái mà sau đó đã đứng dậy, chỉnh trang lại quần áo, mà không biết rằng chính giây phút đó sẽ nhào nặn cuộc đời của cô sau này.

Cô vẫn luôn tay cắt và lắng nghe. Sự im lặng của cô khiến ông thấy thoải mái. Ông nói như nước sông chảy, như bão lũ, lời lẽ tuôn trào trong ngôi nhà cũ với một sức mạnh và sự sống mà ông không thể ngăn lại được. Thỉnh thoảng ông bật khóc, ông cũng không thể kìm nổi. Rosemary không bình phẩm gì thêm. Ông nói cho đến khi từ ngữ chậm lại, giọng nhỏ dần, cuối cùng là tắt hẳn.

Im lặng bao trùm.

Cô không nói gì. Lưỡi kéo lóe sáng; tờ giấy đang cắt dở bay từ trên bàn xuống đất khi cô đứng lên. Ông nhắm mắt lại, nỗi sợ hãi dâng trào, vì ông nhìn thấy sự phẫn nộ trong mắt cô, vì tất cả những gì đã xảy ra đều là lỗi của ông.

Tiếng bước chân cô rời một vật kim loại, lạnh và sáng như băng, lướt trên làn da ông.

Cổ tay căng nhức của ông được phóng thích. Ông mở mắt ra thì thấy cô đã lùi lại, đôi mắt cô, trong sáng và mệt mỏi, nhìn đắm đắm vào mắt ông, chiếc kéo trong tay cô lóe sáng.

“Được rồi,” cô nói. “Ông được tự do.”

III

“PAUL,” MẸ GỌI. TIẾNG GIÀY CAO GÓT NẸN CHÁT CHỨA LÊN những bậc thang chùi sáng bong và sau đó mẹ đã đứng trên ngưỡng cửa, thon thả và hợp mốt trong bộ vest màu xanh hải quân gồm váy bó và áo độn vai dày. Dù mắt vẫn nhắm tịt, nhưng Paul cũng thấy những gì mà mẹ cậu nhìn thấy: quần áo vứt vung vãi khắp sàn nhà, một chõng album và các bản nhạc, chiếc ghi ta cũ dựa vào góc phòng. Mẹ lắc đầu thở dài. “Dậy đi, Paul,” bà quát. “Mau lên.”

“Ốm,” thằng bé thều thào, rồi kéo chăn trùm kín đầu, cố rặn ra giọng khàn đặc. Xuyên qua lớp sợi dệt thưa của chiếc chăn hè nó vẫn nhìn thấy mẹ, tay chống nạnh. Ánh nắng buổi sớm sáng rực trên tóc bà, vừa mới nhuộm hôm qua, lấp lánh sắc đỏ ánh vàng. Cậu nghe thấy mẹ nói chuyện điện thoại với dì Bree, mô tả những lọn tóc nhỏ được cuộn trong giấy bạc và hấp như thế nào.

Mẹ vừa rán thịt bò xay vừa nói chuyện, giọng điềm tĩnh, mắt bà đỏ hoe vì khóc lúc trước đó. Bố đã mất tích, ba ngày nay không ai biết ông còn sống hay đã chết. Đến tối hôm qua ông quay về, đi qua cửa như thể ông chưa bao giờ biến mất, và giọng nói gay gắt của hai người đội lên tận tầng hai suốt hàng giờ liền.

“Con nghe đây,” bà liếc nhìn đồng hồ nói. “Mẹ biết con không ốm, làm sao con ốm bằng mẹ được. Mẹ cũng muốn ngủ cho hết ngày luôn đây. Thề có trời. Nhưng mẹ không được ngủ, nên con cũng không được ngủ. Bây giờ thì ra khỏi giường và thay quần áo mau lên. Mẹ sẽ thả con ở trường.”

“Họng con rất quá,” nằn nì, cố giả giọng khàn khàn.

Mẹ lưỡng lự, nhắm mắt, rồi lại thở dài, và Paul biết cậu đã thắng.

“Nếu con đã ở nhà, thì chỉ được ở nhà thôi đấy,” bà đe. “Cấm có la cà với nhóm tứ tấu của con. Còn nữa – nghe cho rõ đây – con phải dọn ngay cái chuồng lợn này đi. Mẹ không đùa đâu, Paul. Mẹ đã có đủ thứ phải lo rồi.”

“Vâng,” cậu rên rỉ. “Rồi ạ. Con sẽ dọn.”

Mẹ đứng một lúc nữa mà không nói năng gì. “Chuyện này quả thật rất khó khăn,” cuối cùng bà nói. “Khó khăn với cả mẹ nữa. Mẹ muốn ở bên con, Paul ạ, nhưng mẹ đã hứa đưa dì Bree đến gặp bác sĩ rồi.”

Cậu tì khuỷu tay nhồm dậy, hơi giật mình khi nghe giọng nói u ám của mẹ. “Dì ổn chứ ạ?”

Mẹ cậu gật đầu, nhưng bà đang nhìn ra ngoài cửa sổ nên không thấy ánh mắt cậu. “Mẹ nghĩ thế. Nhưng dì sắp phải làm ít xét nghiệm nên cũng hơi lo. Chuyện đấy là bình thường thôi. Mẹ đã hứa từ tuần trước là sẽ cùng đi. Trước khi xảy ra chuyện với bố con cơ.”

“Không sao đâu,” Paul nói, vẫn nhớ phải giả giọng khàn khàn. “Mẹ nên đi với dì. Con ổn mà.” Cậu nói bằng giọng vỗ về, nhưng một phần trong thâm tâm cậu vẫn hy vọng bà sẽ không để ý đến những gì vừa nói ra, rằng bà sẽ ở nhà.

“Cũng không lâu đâu. Mẹ sẽ về nhà ngay.”

“Bố đâu ạ?”

Bà lắc đầu. “Mẹ không biết. Không có ở nhà. Có gì lạ đâu?”

Paul không đáp, chỉ ngả lưng xuống giường và nhắm mắt lại. *Không lạ lắm*, cậu thầm nghĩ. *Chẳng lạ gì cả.*

Mẹ vuốt nhẹ tay lên má Paul, nhưng cậu không động dậy, rồi bà đi mất, để lại một khoảng mát lạnh trên má nó nơi tay bà vừa chạm vào.

Dưới nhà, có tiếng cửa đóng sầm sầm; tiếng dì Bree nói vọng lên từ ngoài sảnh. Bao năm qua hai chị em đã trở nên rất gắn bó, mẹ Paul và dì Bree, gần gũi đến mức trông hai người bắt đầu giống hệt nhau, dì Bree cũng có mái tóc nhuộm highlight vàng, tay xách lưng lỏng chiếc ca táp. Dì vẫn là người sành điệu và dễ hòa đồng, vẫn là người ưa mạo hiểm, là người luôn khuyên Paul làm theo những gì trái tim mách bảo và nộp đơn vào học ở Juilliard như cậu hằng mong muốn. Ai cũng quý Bree: vì sự phiêu lưu và tính tình cởi mở của dì. Dì đã đem lại rất nhiều hợp đồng lớn cho công ty. Dì và mẹ là hai sức mạnh bổ trợ cho nhau, cậu từng nghe dì nói thế. Và Paul cũng nhận thấy điều đó. Dì Bree và mẹ đã đi xuyên suốt cuộc đời của nhau như răng với môi, người này không thể sống thiếu người kia, nhưng luôn luôn xung khắc nhau. Liên sau đó, giọng hai người hòa lẫn vào nhau, trao đổi qua lại, nối tiếp bằng tiếng cười buồn bã của mẹ cậu, tiếng cửa đóng sập lại. Cậu ngồi nhồm dậy, vươn vai. Tự do rồi.

Căn nhà lặng như tờ, chỉ nghe bình đun nước nóng phát ra tiếng ro ro. Paul đi xuống nhà và đứng trong khoảng sáng mát rượi hắt ra từ tủ lạnh, lấy tay không bốc mì ống trộn pho mát đựng trong đĩa Corningware, mắt sục sạo khắp các ngăn tủ. Chẳng có gì mấy. Trong tủ đá thành bé tìm thấy sáu hộp bánh quy Girl Scout, vị sô cô la bạc hà. Cậu vốc một nắm đầy bỏ vào mồm, rồi chiêu thẳng một ngụm sữa từ bình nhựa để trôi hết bánh sô cô la mát lạnh. Thêm một vốc nữa, xong xuôi, bình sữa lưng lửng trên tay, thằng bé đi qua phòng khách, nơi những tấm chăn của bố nó được trải gọn ghẽ trên chiếc sofa, để tới phòng làm việc.

Cô gái vẫn ở đó, còn đang ngủ. Cậu bỏ vào mồm một chiếc bánh nữa, để bạc hà và sô cô la tan chảy từ từ trong miệng, vừa ngắm nhìn cô gái. Đêm qua những tiếng chì tiếng bác nghe đã thành quen tai của bố mẹ dội lên tận phòng Paul, và mặc dù họ có đang cãi cọ, cục đá chặn trong họng Paul khi nghĩ đến bố nằm chết ở một xó xỉnh nào đấy,

bố ra đi mãi mãi – ngay lập tức đã tan biến. Paul ra khỏi giường và định đi xuống nhà, nhưng đến chiều nghỉ nó dừng lại, quan sát cảnh tượng đang diễn ra: bố cậu mặc một cái áo sơ mi trắng đã mấy ngày liền chưa giặt, chiếc quần âu lấm đầy bùn, nhàu nhĩ và nhăn nhúm, râu mọc lởm chởm khắp mặt còn mái tóc thì rối như tổ quạ; mẹ cậu mặc áo choàng xa tanh màu hồng đào và đi dép bông trong nhà, hay tay khoanh lại trước ngực, mắt nheo nheo, còn cô gái này, người lạ mặt này, đứng trên ngưỡng cửa trong chiếc áo khoác đen rộng thùng thình, bầu chặt ngón tay vào cổ tay áo. Giọng của bố mẹ trộn lẫn vào nhau, gay gắt. Cô gái ngược lên, bứt ra khỏi cơn giận dữ quay cuồng. Mắt cô chạm mắt Paul. Cậu nhìn chằm chằm, dò xét: vẻ mặt xanh xao và ánh mắt hoang mang của cô, đôi tai như được chạm khắc tinh tế. Mắt cô ánh lên một màu nâu trong trẻo, tràn ngập vẻ mệt mỏi. Paul đã muốn bước xuống cầu thang và khum tay ôm lấy khuôn mặt cô.

“Ba ngày,” mẹ đang nói, “rồi anh quay về – trời ơi, anh nhìn anh xem, David – trong cái bộ dạng này lại còn thêm cả cô gái này nữa. Đang có thai, có phải anh vừa nói thế không? Còn tôi thì phải cho cô ta vào nhà mình, không được hỏi han gì thêm sao?”

Cô gái bỗng lúng túng và nhìn lảng ngay đi, còn mắt Paul thì lướt xuống dưới bụng cô, trông khá phẳng dưới lớp áo khoác, có điều cô đã đặt một tay lên đó như để che chắn và thằng bé nhìn thấy cái bụng hơi phồng lên dưới lớp áo len cô mặc. Cậu đứng thật im. Cuộc cãi cọ vẫn tiếp tục, dường như sẽ còn lâu mới kết thúc. Cuối cùng, mẹ, môi mím chặt không nói thêm lời nào, kéo những chăn, ga, gối trong tủ ra và ném xuống cầu thang vào người bố, người đã trịnh trọng nắm khuỷu tay cô gái, dẫn cô vào phòng làm việc.

Giờ thì cô ngủ trên chiếc sofa gấp, đầu ngoẹo sang một bên, một tay sã xuống sát mặt. Cậu ngắm nghía cô, làn mi của cô hơi chuyển động, ngực khẽ phập phồng. Cô nằm ngửa; bụng hơi vòng lên như một làn sóng. Da thịt Paul bỗng nhận nhạo cả lên, và cậu thấy hoảng. Cậu

đã làm tình với Lauren Lobeglio sáu lần kể từ tháng Ba. Cô ả thường la cà đến xem các buổi tập của nhóm nhạc tứ tấu suốt nhiều tuần lễ, chỉ nhìn cậu, không nói năng gì: một đứa con gái nghiện, nhưng xinh đẹp, và kỳ dị. Một buổi chiều cô ả ngồi nán lại cho đến khi tất cả những thành viên khác trong nhóm nhạc về hết, chỉ còn lại hai người bọn họ trong không gian tĩnh lặng của ga ra, ánh sáng xuyên qua kẽ lá ngoài sân in những cái bóng rung rinh lên nền bê tông. Cô ta kỳ dị nhưng quyến rũ, với mái tóc dày suôn dài, đôi mắt đen lay láy. Cậu vẫn ngồi trên chiếc ghế bập bênh cũ, chỉnh dây đàn ghi ta, phân vân không biết có nên tiến đến chỗ cô ả đang đứng cạnh bức tường treo dụng cụ và hôn ả không.

Nhưng chính Lauren mới là người bước sang bên kia phòng. Cô ả đứng trước mặt Paul một giây, rồi ngã vào lòng cậu, váy tốc lên cao, để lộ đôi chân thon trắng muốt. Người ta vẫn thường nói: nếu Lauren Lobeglio đã thích ai thì cô ả sẽ phải chiếm cho bằng được mới thôi. Paul chưa từng nghĩ lời đồn đại này là thật, nhưng cậu đã ở đó, luồn tay xuống dưới chiếc áo thun của cô ả, làn da cô thật ấm áp, bầu vú mềm mượt như nhung dưới bàn tay cậu.

Không nên làm thế. Cậu biết, nhưng cũng giống như khi người ta bị trượt ngã: một khi đã sảy chân, bạn không thể tự dừng lại cho đến khi có một vật gì khác cản bạn lại. Cô ả vẫn luẩn quẩn xung quanh như trước, có điều cảm giác bây giờ rất kích thích, và mỗi khi chỉ còn lại hai người, cậu lại chạy sang bên kia phòng hôn hít ả, lướt tay lên làn da lưng mượt như xa tanh của ả.

Cô gái đang ngủ trên giường thờ dài, đôi môi hơi mấp máy. *Dính vào là toi đấy*, mấy thằng bạn cũng đã cảnh báo cậu về Lauren như thế. Nhất là Duke Madison, thằng này đã phải bỏ học để cưới cô bạn gái từ năm ngoái, bây giờ nó gần như không còn chơi piano nữa, được lúc nào sờ đến cây đàn thì mặt mũi đều lộ rõ vẻ chán chường phờ phạc. *Cứ làm cho nó dính bầu là mày tàn đời ngay.*

Paul ngấm nhìn cô gái, làn da xanh xao và mái tóc dài sẫm màu, những đốm tàn nhang rải rác. Cô ta là ai nhỉ? Bố cậu, một người máy móc, dễ dự đoán như một cái đồng hồ, đã biến mất hoàn toàn. Đến ngày thứ hai mẹ cậu báo cho cảnh sát, họ tỏ ra dửng dưng, thậm chí còn đùa bỡn, cho đến khi người ta tìm thấy chiếc ca táp của bố cậu trong phòng giữ hành lý của viện bảo tàng ở Pittsburgh, va li cùng máy ảnh của ông ở khách sạn. Họ bắt đầu điều tra một cách nghiêm túc. Người ta đã thấy ông ở gần bàn lễ tân, tranh luận với một phụ nữ tóc sẫm. Cô này hóa ra là một nhà phê bình nghệ thuật, bài phê bình về buổi triển lãm sau đó đã được đăng trên các báo ở Pittsburgh với lời lẽ không lấy gì làm dễ chịu lắm.

Chẳng có gì phải giấu giếm cả, cô ta đã nói hết cho cảnh sát biết.

Rồi đến tối qua, chiếc chìa khóa được tra vào ổ và bố cậu bước vào nhà, dẫn theo một cô gái có thai mà ông nói rằng mình vừa gặp, ông không thể giải thích được vì sao cô lại ở đây. Ông chỉ nói cộc lốc là cô cần được giúp đỡ.

Có cả ngàn cách để giúp, mẹ cậu đã nói thẳng, nhắc đến cô gái như thể cô không đứng ở sảnh chờ, trong chiếc áo khoác rộng thùng thình vậy. Anh có thể đưa tiền. Không thì đưa cô ta đến nơi dành cho các bà mẹ đơn thân cũng được. Chứ không phải là biến mất tăm mất tích mà không nói một lời nào rồi lại lù lù quay về cùng một cô gái lạ đang bụng mang dạ chửa thế này. Trời ơi, David, anh không biết gì sao? Mẹ con tôi đã phải gọi cảnh sát! Chúng tôi cứ nghĩ anh đã chết rồi cơ đấy.

Có khi anh đã chết rồi, ông đáp, và câu trả lời kỳ dị của ông đã dập tắt sự phản đối của mẹ, khiến Paul đứng như đóng đinh tại chỗ trên cầu thang.

Muốn tìm ra những điều cô biết về bố cậu.

Mắt cô chớp chớp rồi mở ra, cô nhìn cậu chăm chăm một lúc, vẫn còn mông lung. Sau đó cô bật dậy rất nhanh, đưa tay vuốt vội mái tóc. Cô đang mặc chiếc áo thun cũ bạc phếch của cậu, chiếc áo màu xanh có biểu tượng của đội Kentucky Wildcats chạy ngang trước ngực mà cậu đã mặc cách đây nhiều năm khi tập chạy. Cánh tay cô dài và mảnh mai, lấm tấm; cậu còn thoáng thấy làn da mượt mà dưới cánh tay, lỗ chân lông, cùng đường cong mềm mại nhô lên của bầu ngực.

“Cậu nhìn cái gì thế?” Cô thả chân xuống sàn.

Cậu lắc đầu, không nói được gì.

“Cậu là Paul,” cô nói. “Bố cậu đã kể cho tôi rồi.”

“Thật à?” cậu hỏi, ghét cái giọng nồn nóng của chính mình. “Ông ấy nói gì?”

Cô nhún vai, gài tóc ra sau tai, và đứng dậy. “Xem nào. Cậu rất cứng đầu. Cậu ghét ông ấy. Cậu là một tay chơi ghi ta thiên tài.”

Paul cảm thấy hơi nóng dâng lên đầy mặt. Bình thường cậu vẫn nghĩ rằng ông thậm chí còn không nhìn thấy cậu, hoặc nếu có thì cũng chỉ nhìn theo những tiêu chuẩn mà cậu chẳng thể đáp ứng.

“Tôi không ghét ông ấy,” cậu đáp. “Ngược lại là đằng khác.”

Cô khom người thu chân gối lại, rồi ngồi xuống, tay vẫn ôm cả đống chăn, mắt nhìn quanh.

“Chỗ này đẹp quá,” cô nói. “Rồi có ngày tôi cũng sẽ có một căn nhà đẹp như thế này.”

Paul cười hoảng. “Cô đang có thai,” cậu nói. Đó là nỗi sợ hãi của riêng cậu trong căn phòng đó, nỗi sợ hãi dâng lên mỗi lần cậu lấy bẫy

đi ngang qua ga ra đến chỗ Lauren Lobeglio, bị cuốn hút bởi ham muốn nhục dục không thể cưỡng lại của chính mình.

“Phải. Thế thì sao? Tôi có thai. Chứ có chết đâu.”

Cô đống lại bằng giọng thách thức, nhưng trong đó có cả sự hoảng sợ, sự hoảng sợ mà chính Paul đôi khi cũng cảm thấy, lúc choàng tỉnh giữa đêm khuya, giữa giấc mơ về Lauren, hơi ấm cùng cảm giác mượt mà và giọng nói của cô ả thì thào vào tai cậu, cậu biết mình không thể dừng lại được dù cả hai đang kéo nhau rơi xuống vực thẳm.

“Cũng có khác gì đâu,” cậu nói.

Cô ngược lên giận dữ, nước mắt vòng quanh, như thể cậu vừa tát thẳng vào mặt cô.

“Tôi xin lỗi,” cậu nói. “Tôi không có ý gì đâu.”

Cô vẫn khóc nức nở.

“Thế cô làm gì ở đây?” cậu chì chiết, cấu tiết vì cô cứ khóc mãi, vì chính sự hiện diện của cô ở đây. “Ý tôi là, cô nghĩ mình là ai mà dám bám chằng chằng lấy bố tôi về đến tận đây?”

“Tôi chẳng nghĩ mình là ai cả,” cô nói, cách nói của Paul khiến cô hơi hoảng, cô lau khô mắt, tỏ ra cứng cỏi và xa cách hơn. “Mà tôi cũng không đòi đến đây. Đây là ý của bố cậu đấy chứ.”

“Nghe chả hợp lý gì cả,” Paul nói. “Sao ông ấy phải làm thế?”

Cô nhún vai. “Làm sao mà tôi biết được? Tôi đang sống trong căn nhà cũ nơi ông ấy lớn lên thì ông ấy nói là tôi không thể tiếp tục sống ở đó nữa. Đó là nhà của ông ấy, đúng không? Tôi còn nói gì được đây? Sáng ra chúng tôi đi bộ xuống thị trấn, ông ấy mua vé xe buýt rồi chúng

tôi về đến đây. Đi xe buýt thật kinh khủng. Chuyển bến lâu không thể tưởng nổi.”

Cô túm mớ tóc dài ra sau gáy rồi cột chặt lại kiểu đuôi ngựa, Paul ngắm nhìn cô, thầm nghĩ đôi tai của cô thật xinh xắn, tự hỏi không hiểu bố cậu có thấy cô xinh đẹp không.

“Căn nhà cũ nào cơ?” Paul hỏi, đột nhiên cảm thấy có gì đó vừa sắc nhọn vừa nóng bỏng xuyên vào ngực mình.

“Tôi nói rồi mà. Căn nhà nơi bố cậu lớn lên ấy. Tôi đã sống ở đó. Tôi chẳng còn nơi nào khác để đi cả,” cô nói thêm, mắt liếc ra cửa.

Paul bỗng thấy trong mình tràn ngập một thứ cảm xúc không thể gọi tên. Ghen tị, có lẽ vậy, vì cô gái này, kẻ xa lạ xanh xao gầy guộc với đôi tai xinh xắn này, đã từng ở một nơi rất có ý nghĩa với bố cậu, nơi mà chính cậu cũng chưa bao giờ nhìn thấy. *Để khi nào bố sẽ đưa con đến đó*, bố cậu từng hứa như thế, nhưng bao nhiêu năm đã trôi qua và ông không bao giờ nhắc lại chuyện đó nữa. Dù vậy Paul chưa bao giờ quên, cái dáng bố cậu ngồi giữa căn buồng tối ngổn ngang, cẩn thận nhặt từng tấm ảnh lên. *Mẹ của bố, Paul ạ, bà nội của con. Bà đã sống một cuộc đời cơ cực. Bố có một cô em gái, con có biết không nhỉ? Tên cô là June. Cô hát rất hay, giỏi nhạc, giống y như con ấy.* Tới bây giờ cậu vẫn còn nhớ mùi hương của bố sáng hôm đó, một mùi hương sạch sẽ, ông đã ăn mặc chỉnh tề để đến bệnh viện, tuy vậy ông vẫn ngồi lại trên sàn buồng tối, tâm tình như thể ông có tất cả thời gian trên đời này. Để kể câu chuyện mà Paul chưa từng nghe bao giờ.

“Bố tôi là bác sĩ,” Paul nói. “Ông ấy thích giúp đỡ mọi người.”

Cô gật đầu rồi nhìn thẳng vào cậu, mặt tràn ngập cảm xúc gì đó – thương hại, đó là thứ cảm xúc mà cậu đọc thấy, từng đầu ngón tay cậu như nóng ran lên.

“Gì?” cậu hỏi.

Cô lắc đầu. “Chẳng có gì cả. Cậu nói đúng. Tôi cần được giúp đỡ. Thế thôi.”

Một lọn tóc tuột khỏi cái đuôi ngựa rơi xuống mặt cô, một lọn tóc rất sẫm ánh đỏ, cậu nhớ lại mái tóc ấy mềm mại biết mấy khi cậu chạm vào lúc cô đang ngủ, mềm và ấm, cố kìm nén ước muốn được giờ tay gài lọn tóc ra sau tai cô.

“Bố tôi có một cô em gái,” Paul nói, nhớ lại câu chuyện và giọng nói đều đều, nhẹ nhàng của bố cậu, để thử xem có thật cô đã ở đấy không.

“Tôi biết. June. Cô ấy được chôn cất ở sườn đồi phía trên ngôi nhà. Chúng tôi cũng đã đến đấy rồi.”

Cảm giác nóng ran thoáng qua giờ bùng lên khắp người, khiến hơi thở của cậu trở nên nhẹ và nông. Nếu cô biết chuyện này thì cũng có gì quan trọng đâu? Có gì khác đâu? Thế nhưng cậu không thể ngăn nổi mình tưởng tượng ra cô ở đó, đi lên sườn đồi, theo gót bố cậu tới nơi mà cậu chưa bao giờ nhìn thấy.

“Thế thì sao?” cậu nói. “Ừ thì cô đã từng ở đó rồi, thì sao nào?”

Dường như cô định nói gì đó, nhưng rồi cô quay đi và bước qua phòng vào bếp. Mái tóc sẫm màu của cô buộc thành một dải dài, khề nẩy trên lưng. Vai cô gầy và mảnh, cô bước đi chậm rãi, với vẻ duyên dáng cần trọng, hết như một vũ công.

“Đợi đã,” Paul gọi với theo, nhưng khi cô dừng bước cậu lại chẳng biết phải nói gì.

“Tôi cần một chỗ ở,” cô ngoảnh đầu lại, dịu dàng nói. “Cậu chỉ cần biết thế thôi, Paul ạ.”

Cậu nhìn cô đi vào trong bếp, nghe thấy tiếng cửa tủ lạnh mở ra rồi đóng lại. Sau đó cậu lên gác lấy chiếc cặp giấu kỹ trong ngăn kéo cuối cùng ra, chiếc cặp đựng đầy những tấm ảnh cậu đã giữ lại từ cái đêm nói chuyện với bố.

Cậu mang những tấm ảnh cùng cây đàn ghi ta ra hiên nhà, cởi trần, đi chân đất. Cậu ngồi trên xích đu chơi đàn, mắt vẫn dõi theo cô gái khi cô di chuyển giữa các phòng: bếp, phòng khách, phòng ăn. Nhưng cô hầu như không làm gì nhiều, chỉ ăn ít sữa chua rồi đứng hồi lâu trước giá sách của mẹ cậu, lấy một cuốn tiểu thuyết và ngồi vào sofa.

Cậu vẫn tiếp tục chơi đàn. Âm nhạc xoa dịu tâm hồn cậu, theo cách mà không thứ gì khác có thể thay thế được. Cậu lạc vào một hành tinh khác nơi những ngón tay cậu dường như tự cử động. Từng nốt nhạc đã ở sẵn đó, nốt này nối tiếp nốt kia. Cậu chơi một mạch đến hết bản nhạc rồi dừng tay đàn, mắt nhắm nghiền, để những nốt nhạc tan dần trong không trung.

Không bao giờ lặp lại nữa. Thứ âm nhạc này, giây phút này, không bao giờ nữa.

“Chà chà.” Cậu mở mắt ra và thấy cô đang đứng tựa vào khung cửa. Cô đẩy cánh cửa lưới bước ra ngoài hiên, tay cầm một cốc nước, và ngồi xuống. “Chà, bố cậu nói đúng thật,” cô nói. “Tuyệt quá.”

“Cảm ơn,” cậu đáp, đầu cúi xuống để giấu nỗi sung sướng, đúng là gã trúng chỗ ngứa có khác. Âm nhạc đã xoa dịu cậu; cậu không còn câu giận nữa. “Còn cô thì sao? Cô có chơi nhạc không?”

“Không. Tôi từng học đàn piano thôi.”

“Ở nhà tôi cũng có một cây đàn piano đấy,” cậu nói, đoạn gật đầu ra hiệu về phía cửa. “Chơi thử đi.”

Cô mỉm cười, mặc dù đôi mắt vẫn nghiêm nghị. “Thôi. Cảm ơn cậu. Tôi đang không có hứng. Vả lại, cậu chơi hay quá đi mất. Y như dân chuyên nghiệp ấy. Tôi có chơi ‘Gửi Elise’ hay bản nào thì cũng xấu hổ với cậu lắm.”

Cậu cũng mỉm cười. “‘Gửi Elise’ à. Bản đấy tôi cũng biết. Chúng ta có thể chơi song tấu.”

“Song tấu à,” cô lặp lại, gật gù, rồi hơi cau mày. Sau đó cô nhìn lên. “Cậu là con một à?” cô hỏi.

Cậu giật mình. “Phải mà cũng không phải. Ý tôi là, tôi có một đứa em gái nữa. Em song sinh. Nó chết rồi.”

Rosemary gật đầu. “Cậu có bao giờ nghĩ đến cô ấy không?”

“Có chứ.” Cậu cảm thấy không thoải mái và nhìn lảng đi chỗ khác. “Cũng không hẳn là nghĩ về nó. Ý tôi là, tôi đã nhìn thấy nó bao giờ đâu. Chỉ là nghĩ xem nó sẽ như thế nào thôi.”

Mặt cậu đỏ bừng lên, cậu sốc khi thấy mình có thể giải bày nhiều đến thế với cô gái này, kẻ lạ mặt đã làm rối tung cuộc sống của bọn họ, cô gái mà cậu thậm chí còn không ưa.

“Được rồi,” cậu nói. “Đến lượt cô. Kể cho tôi điều gì đó riêng tư một chút xem nào. Chuyện gì mà bố tôi không biết ấy.”

Cô nhìn Paul dò xét.

“Tôi không thích ăn chuối,” cuối cùng cô nói, và cậu cười phá lên, rồi đến cô cũng cười. “Không, nói thật mà, tôi không thích. Còn gì nữa nhỉ? Hồi lên năm, tôi bị ngã xe đạp và gãy tay.”

“Tôi cũng thế,” Paul nói. “Tôi cũng bị gãy tay hồi lên sáu. Tôi bị ngã từ trên cây xuống.” Cậu nhớ lại chuyện lúc đó, cái cách bố đã bế cậu

lên, bầu trời vụt qua trước mắt, tràn ngập ánh nắng và lá cây, khi bố đưa cậu ra xe. Cậu nhớ cả đôi tay của bố, thật chính xác và dịu dàng khi ông nép xương, và họ lại quay về nhà, đi trong ánh nắng dát vàng của buổi chiều tà.

“Này,” cậu nói. “Tôi cho cô xem cái này nhé.”

Cậu đặt chiếc ghi ta nằm xuống xích đu rồi cầm mấy tấm ảnh đen trắng ram ráp lên.

“Có phải chỗ này không?” cậu hỏi, đoạn đưa một tấm ảnh cho cô. “Nơi cô gặp bố tôi ấy?”

Cô cầm lấy tấm ảnh và xem xét một lúc, rồi gật đầu. “Đúng rồi. Bây giờ thì trông khác rồi. Xem ảnh cũng thấy chỗ này từng là một ngôi nhà đẹp – có mấy tấm rèm rất xinh treo ở cửa sổ, cả hoa nữa chứ. Nhưng bây giờ chẳng còn ai sống ở đấy cả. Căn nhà chỉ để không thôi. Gió tràn vào tận nhà vì cửa sổ vỡ hết rồi. Hồi còn nhỏ bọn tôi từng chơi ở đấy. Chúng tôi từng chạy như điên trên đồi, tôi còn chơi trong ngôi nhà này với mấy anh chị họ nữa. Họ bảo nhà này bị ma ám, nhưng tôi vẫn thích nó lắm. Tôi chẳng biết vì sao nữa. Nó giống như là một nơi bí mật của riêng tôi ấy. Đôi lúc tôi ngồi trong nhà, vẫn mơ mộng xem sau này mình sẽ ra sao.”

Cậu gật đầu, lấy lại tấm ảnh và ngắm nhìn những hình người như cậu đã từng làm hàng trăm lần trước đó, như thể họ có thể trả lời mọi câu hỏi của cậu về bố vậy.

“Chắc cô đã không mơ đến lúc này,” cuối cùng cậu nói, mắt ngước lên.

“Không,” cô khẽ đáp. “Chưa bao giờ.”

Cả hai không nói gì một lúc. Ánh nắng xuyên qua tán cây, hắt bóng xuống sàn hiên nhà phủ sơn.

“Rồi. Lại đến lượt cậu,” lát sau cô lên tiếng, mặt hướng về phía cậu.

“Đến lượt tôi á?”

“Nói cho tôi nghe chuyện gì mà bố cậu không biết ấy.”

“Tôi sắp vào học ở Juilliard,” cậu nói, từ ngữ nối nhau tuôn ra, reo vui như tiếng nhạc. Cậu chưa nói cho ai biết trừ mẹ. “Ban đầu tôi được đưa vào danh sách đợi thôi, nhưng tuần trước tôi vừa được nhận rồi. Lúc bố tôi không có ở nhà.”

“Chà chà.” Cô cười hơi buồn buồn. “Tôi đang nghĩ đến món rau cậu thích cơ đấy,” cô nói. “Nhưng cũng tuyệt lắm, Paul ạ. Tôi luôn nghĩ được học đại học thì rất tuyệt.”

“Rồi cô cũng sẽ được học đại học thôi mà,” cậu nói, đột nhiên nhận ra cô quá thiệt thòi.

“Tôi sẽ đi học. Chắc chắn tôi sẽ đi.”

“Chắc tôi sẽ phải tự trả tiền học cho mình thôi.” Paul nói ướm khi nhận thấy quyết tâm sắt đá của cô, nó lấn át cả nỗi sợ hãi. “Bố tôi đã sắp đặt sẵn cho tôi một sự nghiệp chắc chắn. Ông ấy ghét nghề cầm ca lắm.”

“Cậu không biết đâu,” cô nói, ánh mắt nhìn lên sắc lạnh. “Cậu không biết tất cả mọi điều về bố cậu.”

Paul không biết phải trả lời thế nào, và họ ngồi trong im lặng trong vài phút. Hai người bị ngăn cách với con phố bên ngoài bởi một hàng rào mắt cáo, những sợi dây leo của cây ông lão bò kín rào, những khóm hoa màu tím và trắng nở rộ, thế nên khi hai chiếc xe dừng lại trên lối

vào, bố mẹ bất thành linh trở về nhà vào giữa buổi, Paul thoáng thấy họ qua mắt lưới crôm sáng lóa. Cậu và Rosemary nhìn nhau. Tiếng cửa xe đóng sầm lại, dội sang tận bên nhà hàng xóm. Rồi có tiếng chân, và lời qua tiếng lại của bố mẹ, khẽ nhưng kiên quyết vang lên, ngay bên ngoài hiên nhà. Rosemary há miệng ra như định gọi, nhưng Paul phẩy tay lắc đầu, và họ ngồi trong im lặng, chăm chú nghe ngóng.

“Hôm nay,” mẹ cậu nói. “Cả tuần nay. Giá mà anh biết anh đã gây ra cho mẹ con tôi bao nhiêu nỗi đau, David ạ.”

“Anh xin lỗi. Em nói đúng. Lẽ ra anh phải gọi về. Anh đã định gọi rồi đấy chứ.”

“Chỉ thế thôi là đủ hay sao? Có khi tôi cũng thử bỏ đi một lần nhỉ,” mẹ nói. “Như anh ấy. Có lẽ tôi cứ biến mất rồi quay lại với một anh chàng trẻ trung điển trai mà chẳng cần giải thích nửa lời. Khi ấy liệu anh sẽ nghĩ gì?”

Im lặng, và Paul nhớ đến đồng quần áo sặc sỡ vút lại trên bờ biển. Cậu nghĩ đến bao buổi tối mẹ không về nhà trước nửa đêm. Chuyện kinh doanh ấy mà, lúc nào mẹ cũng than, rồi tụt giày vút ở sảnh chờ và lên giường đi ngủ ngay. Cậu quay sang Rosemary, cô đang chăm chú nhìn tay mình, cậu ngồi thật yên, ngắm nhìn cô, tai lắng nghe, chờ đợi xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

“Con bé chỉ là một đứa trẻ thôi mà em,” cuối cùng bố cậu cũng lên tiếng. “Nó mới có mười sáu tuổi mà lại đang bụng mang dạ chửa, sống một thân một mình trong căn nhà hoang. Anh không thể bỏ mặc nó ở đó được.”

Mẹ cậu thở dài. Paul tưởng tượng ra mẹ đang luồn tay vào tóc.

“Đây có phải là khủng hoảng tuổi trung niên không?” mẹ hỏi nhỏ. “Có phải không?”

“Khủng hoảng tuổi trung niên?” Giọng bố cậu đều đều, có vẻ trầm tư, như thể ông đang xem xét lại những dẫn chứng thật cẩn thận. “Anh nghĩ có lẽ là vậy. Anh biết mình bế tắc rồi, Norah ạ. Lúc ở Pittsburgh. Hồi còn trẻ anh rất quyết tâm. Anh đã không có được cái lựa chọn xa xỉ là trở thành một thứ gì đó khác. Anh quay về quê nhà để cố làm rõ một số việc. Và Rosemary ở đó, trong ngôi nhà cũ của anh. Đường như đó không phải là một việc ngẫu nhiên. Anh không biết nữa, anh không thể nào giải thích chuyện này mà không khiến cho nó nghe có vẻ điên rồ được. Nhưng xin em hãy tin anh. Anh không yêu con bé. Không phải vậy đâu. Không bao giờ có chuyện đấy.”

Paul nhìn Rosemary. Đầu cô cúi gằm nên cậu không thể đọc được nét mặt cô, nhưng đôi má cô đỏ bừng lên. Cô nhặt một mẫu móng tay gãy, không bắt gặp ánh mắt cậu.

“Tôi không biết phải tin vào cái gì nữa,” mẹ cậu chậm chạp nói. “Cả tuần nay, David ạ, cả các tuần khác nữa. Anh có biết tôi vừa đi đâu về không? Tôi đi với Bree đấy, chúng tôi phải đến gặp bác sĩ chuyên khoa ung thư. Tuần trước dì ấy vừa làm sinh thiết xong: ở bên ngực trái. Đó chỉ là một khối u nhỏ, kết quả chẩn đoán bệnh khá tốt, nhưng nó là khối u ác tính.”

“Anh không biết, Norah. Anh xin lỗi.”

“Không, đừng động vào người tôi, David.”

“Ai làm phẫu thuật cho cô ấy?”

“Ed Jones.”

“Tay nghề Ed rất tốt.”

“Nên thế. David, tôi không cần thêm cơn khủng hoảng tuổi trung niên của anh nữa đâu.”

Paul lắng nghe, cảm thấy từng câu từng chữ cứ chậm dần lại. Cậu nghĩ đến dì Bree, và tiếng cười sắc sảo của dì, dì là người sẵn sàng ngồi cả tiếng đồng hồ để nghe cậu chơi nhạc, âm nhạc tuôn trào quanh họ, vì thế họ chẳng cần phải nói gì thêm. Dì sẽ nhắm mắt lại và ngồi duỗi dài thoải mái trên xích đu, lắng tai nghe. Cậu không thể tưởng tượng nổi cuộc sống này sẽ ra sao nếu thiếu dì.

“Em muốn gì?” bố cậu hỏi. “Em muốn gì ở anh đây, Norah? Anh sẽ ở lại, nếu em muốn, hoặc anh sẽ dọn đi nơi khác. Nhưng anh không thể đuổi Rosemary đi được. Cô ấy chẳng còn nơi nào khác để đi nữa.”

Im lặng và cậu chờ đợi, gần như không dám thở nữa, cậu nóng lòng muốn biết mẹ sẽ nói gì, nhưng lại mong bà đừng bao giờ trả lời.

“Thế còn con thì sao?” cậu hỏi, khiến chính bản thân mình cũng sững sờ. “Còn chuyện con muốn gì thì sao?”

“Paul?” Là giọng của mẹ.

“Con ở đây,” cậu nói, đoạn cầm cây đàn lên. “Trên hiên nhà ấy. Con và cả Rosemary nữa.”

“Ôi trời đất ơi,” bố cậu kêu lên. Vài giây sau, ông đã đi vòng ra chỗ bậc thềm. Ông đã tắm rửa, cạo râu từ tối qua và thay một bộ đồ sạch sẽ. Ông gầy gò, trông mệt mỏi. Cả mẹ cậu cũng vậy, mẹ giờ cũng đến đứng cạnh bố.

Paul đứng dậy đối mặt với bố. “Con sắp vào học Juilliard rồi bố ạ. Họ vừa gọi tuần trước: Con đã được nhận vào. Và con sẽ đi.”

Rồi cậu chờ đợi, chờ bố cậu cần nhần như mọi bận: rằng sự nghiệp âm nhạc không có gì chắc chắn, kể cả có đi theo dòng nhạc cổ điển. Rằng Paul có rất nhiều lựa chọn; lúc nào cậu cũng có thể chơi nhạc và tận hưởng niềm vui của thú chơi này, ngay cả khi cậu sống bằng nghề

khác. Cậu chờ đợi để thấy bố cậu tỏ ra kiên quyết, viện đủ các thứ lý lẽ và giữ thái độ bảo thủ, để Paul có thể tìm cơ trút giận. Người cậu căng lên, sẵn sàng đáp trả, nhưng điều đáng ngạc nhiên là bố cậu chỉ gật đầu.

“Tốt cho con đấy,” bố cậu nói, và rồi trong giây lát, khuôn mặt ông dịu lại sung sướng, những nếp nhăn âu lo trên trán giãn ra. Khi ông cất lời, giọng ông dịu dàng và chắc chắn. “Paul, nếu đó là điều con muốn, thì cứ đi đi. Đi và học hành thật chăm chỉ và luôn vui vẻ con nhé.”

Paul đứng lúng túng trên hiên nhà. Suốt bao năm qua, mỗi lần cậu và bố nói chuyện, cậu có cảm giác như đang đâm đầu vào tường. Giờ đây bức tường đã biến mất một cách bí ẩn nhưng cậu thì vẫn đang chạy vào khoảng không, choáng váng và hoang mang.

“Paul?” bố cậu nói. “Bố rất tự hào về con, con trai ạ.”

Mọi con mắt đều đổ dồn về phía cậu, và lệ dâng lên mắt cậu. Cậu không biết phải nói gì, vì thế cậu bắt đầu bước đi, lúc đầu chỉ để khuất tầm mắt mọi người, để cậu không phải xấu hổ thêm nữa, và sau đó thì cậu chạy thực sự, cây đàn vẫn trong tay.

“Paul!” mẹ cậu gọi với theo, và khi cậu quay đầu lại, chân chạy lùi vài bước, cậu thấy mẹ xanh xao quá, cánh tay bà khoanh lại trước ngực căng thẳng, lọn tóc mới nhuộm bay phất phơ trong gió. Cậu nghĩ đến dì Bree, nghĩ đến những gì mẹ vừa nói, thấy mẹ và dì đã trở nên giống nhau đến mức nào và cảm thấy lo sợ. Cậu nhớ khi bố đứng trên sảnh chờ, quần áo lấm bẩn, những sợi râu đen mọc lởm chởm, tóc tai rối bời. Còn giờ đây, trong buổi sáng hôm nay, ông đã sạch sẽ và điềm tĩnh trở lại, nhưng vẫn có gì thay đổi. Bố cậu – hoàn hảo, chính xác, chắc chắn về mọi việc – đã trở thành một con người khác. Phía sau, bị che khuất một nửa bởi giàn dây leo ông lão, Rosemary đứng im nghe ngóng, tay khoanh lại, mái tóc buông dài chảy xuống bờ vai, và cậu

hình dung ra lúc cô ở trong ngôi nhà dựng trên sườn đồi, nói chuyện với bố cậu, cùng ngồi trên xe buýt với ông hàng tiếng đồng hồ đằng đẵng, dường như chính cô đã góp phần vào sự thay đổi của bố cậu, và trong cậu lại còn lên mối lo sợ không biết sẽ còn điều gì nữa xảy ra với bọn họ.

Vì thế cậu chạy đi.

Đó là một ngày nắng chói chang, trời đã chuyển ấm. Ông Ferry, bà Pool đứng vẫy tay trên hiên nhà họ. Paul giơ cao cây đàn ghi ta lên để chào và chạy tiếp. Cậu chạy cách đó ba dãy nhà, rồi năm, rồi mười. Phía bên kia đường, trước một căn nhà gỗ thấp lè tè, một chiếc xe hơi không người lái ở đó, động cơ vẫn nổ. Có lẽ người chủ xe quên thứ gì đó, vừa chạy vào nhà vồ lấy cặp hoặc áo jacket. Paul dừng lại. Đó là một chiếc Gremlin màu nâu vàng, con xe xấu nhất gầm trời này, bộ khung đã han gỉ. Cậu băng qua đường, mở cửa đằng ghế lái, và ngồi vào trong xe. Không ai hét lên; không ai chạy bỏ từ trong nhà ra. Cậu đóng sập cửa lại và điều chỉnh ghế ngồi cho chân có khoảng trống cử động. Cậu đặt cây ghi ta lên chiếc ghế bên cạnh. Đây là kiểu xe số tự động, trong xe vương vãi đầy vỏ kẹo và bao thuốc lá rỗng. Chủ xe này hẳn là một kẻ thảm hại, cậu thầm nghĩ, có thể là một bà chị tô son trét phấn dày cộp làm thư ký ở chốn công sở buồn chán và tẻ ngắt nào đó, hoặc làm nghề giặt ủi, có thể lắm, hoặc làm ở ngân hàng. Cậu vào số và lùi xe.

Vẫn không thấy gì: không la hét, không báo động. Cậu nhấn ga và phóng đi.

Cậu chưa lái xe nhiều lắm, nhưng việc này có vẻ cũng giống như làm tình: nếu bạn cứ vờ biết chuyện gì đang xảy ra, thì chẳng mấy chốc bạn sẽ biết, còn tiếp theo chỉ hoàn toàn là vấn đề bản năng thứ hai mà thôi. Hồi còn học trung học, Ned Stone và Randy Delaney vẫn hay la cà xỏ xĩnh, ngồi lê trên bãi cỏ mãi mới chịu vào lớp, còn cậu thường ngó

ngiên để tìm bóng Lauren Lobeglio, cô ả thỉnh thoảng vẫn hay lê la với bọn này, hơi thở luôn hằng hắc mùi khói thuốc mỗi lần cậu hôn ả.

Cây đàn ghi ta trượt xuống. Cậu dừng xe rồi dùng dây đai an toàn cột chặt nó lại. Một con Gremlin à, cút thật. Giờ đây cậu lái xuyên qua thành phố, cẩn thận dừng lại ở tất cả các cột đèn giao thông, một ngày xanh ngắt và tràn đầy hứng khởi. Cậu nhớ đến đôi mắt đắm lệ của Rosemary. Cậu không định làm cô tổn thương, nhưng sự thật là cậu đã khiến cô buồn. Và có điều gì đó đã xảy ra, có gì đó đã thay đổi. Cô là một phần trong đó còn cậu thì không, mặc dù nét mặt bố cậu, chỉ trong một thoáng thôi, tràn ngập niềm hạnh phúc trước cái tin cậu thông báo.

Paul lái đi. Dù có chuyện gì sẽ xảy ra đi nữa thì cậu cũng không muốn ở trong ngôi nhà đó. Cậu lái đến đại lộ liên bang nơi con đường tách ra một ngã hướng lên phía Tây, dẫn tới Louisville. Hình ảnh California lấp lánh trong óc cậu: âm nhạc, những bãi biển trải dài ngút mắt. Lauren Lobeglio sẽ tự tìm được một người khác để cặp. Cô ả không yêu cậu mà cậu cũng chẳng yêu cô ả; ả giống như một cơn nghiện, và những gì họ làm chỉ đem lại sự u ám cho mối quan hệ đó, một gánh nặng. California. Rồi chẳng mấy chốc cậu sẽ đứng trên bãi biển, chơi trong một nhóm nhạc và sống cuộc sống nghèo nàn nhưng thanh thoi suốt mùa hè dài. Đến mùa thu, cậu sẽ tìm cách để vào học Juilliard. Có lẽ sẽ vậy xe đi nhờ dọc đất nước chẳng hạn. Cậu kéo cửa kính xuống suốt cả đường đi, để làn gió xuân tràn vào bên trong. Chiếc Gremlin hầu như không thể lên đến mức 55 km/h dù cậu đã nhấn ga hết cỡ. Dù vậy, cậu vẫn có cảm giác như mình đang tung bay.

Cậu đã từng đi trên con đường này, theo những chuyến tham quan trường tổ chức đến vườn thú Louisville và trước đó, là trên những cuộc xe diên rồ mẹ cậu đã đi khi cậu còn nhỏ xíu, khi ấy cậu thường ngồi ở ghế sau nhìn cành lá cùng đường dây điện thoai loang loáng vụt qua cửa kính. Lúc ấy mẹ hay hát, rất to, theo tiếng nhạc từ radio phát ra,

giọng bà run rẩy, bà hứa với cậu là sẽ dừng lại ăn kem, uống nước, nếu cậu ngoan ngoãn ngồi im. Bao nhiêu năm qua cậu đã ngoan ngoãn, nhưng cũng có gì khác đâu. Cậu đã khám phá ra âm nhạc và trút hết tâm sự của mình vào ngôi nhà vắng lặng, vào cái hố sâu mà cái chết của em gái cậu đã tạo ra trong cuộc sống của họ, rồi cũng chẳng giải quyết được gì. Cậu đã cố gắng hết sức mình để bắt bố mẹ ngược lên khỏi cuộc sống của họ, để nghe thấy vẻ đẹp, niềm vui mà cậu đã tìm thấy. Cậu đã tập rất nhiều và trở nên vô cùng điêu luyện. Vậy mà trong suốt thời gian qua họ cũng chẳng buồn để tâm, dù chỉ một lần, cho đến khi Rosemary bước qua ngưỡng cửa và xáo trộn tất cả. Hoặc có lẽ cô chẳng thay đổi điều gì hết. Có lẽ chính sự hiện diện của cô đã soi rọi một luồng ánh sáng mới mẻ, khám phá lên cuộc sống của họ, thay đổi cách nhìn của bọn họ. Dầu sao một bức tranh có thể ẩn chứa hàng ngàn nét khác biệt cơ mà.

Cậu đặt một tay lên cây đàn ghi ta, cảm nhận thớ gỗ ấm áp, mượt mà. Cậu nhấn ga hết cỡ, xe leo lên giữa những bức tường đá vôi nơi con đường cao tốc chạy xuyên đồi, rồi lao xuống dốc theo cung đường uốn quanh sông Kentucky, chạy như bay. Cây cầu rít lên dưới bánh xe cậu. Paul mãi miết lái đi, cố gắng làm tất cả, trừ suy nghĩ.

IV

BÊN NGOÀI CÁNH CỬA ỐP KÍNH PHÒNG LÀM VIỆC CỦA NORAH, KHU văn phòng lao xao. Neil Simms, giám đốc nhân sự của IBM, bước qua những cánh cửa ngoài, thấp thoáng bóng bộ com lê đen, đôi giày đánh xi bóng lộn. Bree, đang nán lại phòng lễ tân để tập hợp các tờ fax đến, quay lại chào ông ta. Bà mặc bộ đồ công sở vải linen màu vàng và đi đôi giày vàng sậm; vòng vàng sáng choang trôi xuống cổ tay khi bà giơ ra bắt tay ông ta. Dưới vẻ ngoài trang nhã, trông bà gầy và hơi xương xương. Dầu vậy, tiếng cười của bà vẫn thanh thoát, xuyên qua cả lớp kính đến tận nơi chị gái đang ngồi nói chuyện điện thoại, trên bàn là một cặp tài liệu bắt mắt được Norah chuẩn bị hàng tuần liền, bìa in chữ IBM đen đậm.

“Kìa, Sam,” Norah nói. “Tôi đã bảo anh đừng gọi cho tôi rồi, tôi không đùa đâu đấy.”

Một khoảng im lặng dài đặc lạnh giá đập vào tai bà. Bà mừng tượng ra cảnh Sam ở nhà, ngồi làm việc bên dãy cửa sổ nhìn ra hồ. Ông ta là một nhà phân tích đầu tư, Norah đã gặp ông ta trong nhà để xe sáu tháng trước, trong ánh sáng tù mù gần thang máy. Chìa khóa của bà rơi, và ông ta đã bắt lấy khi nó còn lơ lửng trong không khí, nhanh nhẹn và nhẹ nhàng, bàn tay loang loáng như cá bơi. Của cô phải không? ông ta hỏi, với nụ cười cởi mở thoáng hiện – một câu nói đùa, vì thật ra lúc đó chỉ có hai người bọn họ. Norah thấy rợn lên cảm giác nôn nao quen thuộc, một sự khoan khoái ám muội xuyên vào lòng, bà gật đầu. Ngón tay ông ta lướt qua làn da bà; chùm chìa khóa rơi vào lòng bàn tay bà lạnh buốt.

Đêm hôm đó ông ta để lại một tin nhắn trong điện thoại của bà. Tim Norah đập nhanh hơn, run lên trước giọng nói của ông ta. Tuy vậy,

khi đoạn băng ghi âm chạy dứt, bà cố ép mình ngồi xuống và nhắm đếm những mối tình bà đã kinh qua sau bao nhiêu năm – có mối tình chóng vánh, có mối tình lâu dài, say đắm, có mối tình dở dang, cay đắng và thân mật.

Bốn. Bà lấy mẫu chì đen cùn mòn viết con số ấy bên lề tờ báo sáng. Trên gác, nước nhỏ giọt tí tách trong bồn tắm. Paul đang ngồi trong phòng khách, chơi đi chơi lại một đoạn nhạc bằng cây ghi ta của mình. David ở bên ngoài, cặm cụi trong phòng tối – khoảng cách giữa hai người bọn họ quá lớn, luôn là thế. Norah đã dấn thân vào mỗi cuộc tình ái với cảm giác hy vọng và khát khao một khởi đầu mới mẻ, bà bị cuốn vào cơn lốc những cuộc gặp gỡ bí mật, những điều lạ lẫm và bất ngờ. Sau Howard là hai cuộc tình nối tiếp nhau, ngắn ngủi và ngọt ngào nhưng kéo dài lâu hơn. Mỗi cuộc tình nảy sinh trong những khoảnh khắc mà bà cảm tưởng sự im lặng nặng nề trong nhà sắp khiến mình phát điên, khi cái vũ trụ bí mật của một sự hiện diện khác, bất cứ sự hiện diện nào, cũng là phao cứu sinh đối với bà.

“Norah, làm ơn, em hãy nghe anh nói,” Sam nói. Ông ta là một người đàn ông mạnh mẽ, kẻ luôn át vía người khác trong những cuộc đàm phán, một người mà bà không thực sự thích. Trong phòng tiếp tân, Bree quay lại liếc nhìn bà, vẻ dò hỏi, thiếu kiên nhẫn. Rồi rồi, Norah ra dấu qua lớp cửa kính, bà sẽ khấn trương. Họ đã sẵn đón IBM suốt gần một năm ròng; chắc chắn bà sẽ khấn trương. “Anh chỉ muốn hỏi chuyện Paul thôi,” Sam vẫn ngoan cố. “Không biết em đã nghe được tin tức gì chưa. Vì anh sẽ luôn sẵn sàng giúp em, được chứ? Em nghe anh nói không, Norah? Anh ở đây là vì em, chỉ vì em thôi đấy.”

“Tôi nghe rồi,” bà đáp, tự cáu với mình – bà không muốn Sam nhắc đến con trai bà. Paul đã đi mất tám hai tư giờ nay; một chiếc xe ở cách ba dãy nhà cũng đã mất tích. Bà nhìn thẳng bé đi sau cuộc nói chuyện căng thẳng trên hiên nhà, cố nhớ lại mình đã nói những gì, thẳng bé đã nghe được những gì, đau đớn khi nhìn thấy vẻ hoang mang hiển hiện

trên mặt nó. David đã đứng khi cho Paul lời chúc tốt lành, nhưng không hiểu sao, hành động kỳ quặc đó đã làm cho giây phút ấy càng thêm tồi tệ. Bà đã nhìn Paul chạy vụt đi, cầm theo chiếc ghi ta, và suýt nữa thì chạy theo nó. Nhưng đầu bà đau như búa bổ, và bà tự trấn an mình rằng có lẽ thằng bé cần thêm chút thời gian để tự điều chỉnh. Vả lại, nó chẳng đi xa được đâu – rốt cuộc thì nó có thể đi đâu được?

“Norah?” Sam nói. “Norah, em có sao không?”

Bà nhắm mắt thật nhanh. Ánh mặt trời bình dị sưởi ấm khuôn mặt bà. Cửa sổ phòng ngủ của Sam được ghép từ những miếng kính lục lăng, và trong buổi sáng rực rỡ hôm ấy, ánh sáng và màu sắc chuyển động lung linh trên mọi bề mặt. *Cứ như là làm tình trên sàn nhảy ấy*, một lần bà đã nói với ông ta như thế, nửa như phàn nàn, nửa vui thích, những vết màu dài nhảy múa trên tay ông ta, trên làn da trắng xanh của bà. Ngày hôm đó, cũng như mọi ngày kể từ khi họ gặp nhau, Norah đã định chấm dứt mọi chuyện. Rồi ngón tay Sam lần theo dải sáng loang lổ in trên đùi bà, và bà cảm thấy sự cả quyết của mình dần dần mềm ra, nhòa đi, những cảm xúc biến đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác theo một chuỗi bí ẩn nào đó, từ màu chàm sậm chuyển sang ánh vàng, cảm giác miễn cưỡng, kỳ lạ thay, bỗng hóa thành ham muốn.

Dẫu vậy, cơn vui thú cũng chẳng kéo dài hơn một cuộc xe về nhà.

“Giờ tôi chỉ quan tâm đến Paul thôi,” bà nói, và rồi, bằng giọng rất xẵng, bà thêm, “Sam, tôi chán rồi, thật đấy. Những gì tôi nói hôm nọ hoàn toàn nghiêm túc. Đừng gọi cho tôi nữa.”

“Em đang căng thẳng đấy thôi.”

“Phải. Nhưng tôi nói thật đấy. Đừng gọi cho tôi nữa. Đừng bao giờ gọi nữa.”

Bà gác máy. Tay bà run lên; bà áp chặt nó xuống bàn. Bà cảm giác việc Paul biến mất là một sự trừng phạt: cho cơn giận dữ kéo dài của David, cho cơn giận dữ của chính bà. Chiếc xe thang bé đánh cắp đã được tìm thấy đêm qua, bị bỏ không bên lề đường ở Louisville, nhưng không có dấu vết nào của Paul. Vì vậy bà và David lại tiếp tục chờ đợi, bất lực đi loanh quanh, xuyên qua hàng lớp im lặng trong ngôi nhà họ. Cô gái đến từ Tây Virginia vẫn ngủ trên chiếc sofa gấp đặt trong phòng làm việc. David không bao giờ động đến cô ta, thậm chí chẳng mấy khi nói chuyện, chỉ trừ lúc hỏi xem cô ta có cần thứ gì không. Dẫu vậy Norah vẫn linh cảm có gì đó giữa hai người bọn họ, một mối dây cảm xúc, sống động và vô cùng nhiệt thành, cảm giác ấy cửa vào tim gan bà, cũng nhiều như nỗi đau mà một mối quan hệ xác thịt ám muội có thể gây ra, mà có lẽ còn hơn thế.

Bree gõ lên mặt kính, rồi hé cánh cửa ra khoảng vài phân.

“Mọi chuyển ớn không chị? Vì Neil đã đến rồi, ở IBM ấy.”

“Chị không sao,” Norah đáp. “Em thế nào? Em khỏe không?”

“May mà em có mặt ở đây,” Bree nói vẻ tươi tỉnh, kiên quyết. “Nhất là khi mọi việc rối tinh rối mù thế này.”

Norah gật đầu. Bà đã gọi cho bạn bè của Paul, còn David gọi cho cảnh sát. Cả đêm qua cho đến tận sáng nay bà chỉ đi quanh nhà trong chiếc áo choàng tắm, uống cà phê và tưởng tượng ra đủ thứ tai họa có thể ập đến. Cơ hội được đi làm, để cho một phần tâm trí của mình có thể nghĩ đến việc khác, đem lại cảm giác gì đó như sự ẩn náu. “Chị sẽ ra ngay,” bà nói.

Khi bà vừa đứng lên thì chuông điện thoại lại đổ dồn, Norah để mặc cơn giận dữ mỗi một đẩy mình ra khỏi cửa. Bà sẽ không để Sam quấy rầy nữa, bà sẽ không để ông ta phá hỏng cuộc họp này, không. Những cuộc ngoại tình trước đó đã kết thúc theo một cách khác, hoặc chóng

vánh hoặc chậm chạp, trong tình cảm nồng ấm hoặc không, nhưng không có lần nào lại gây nhiều khó chịu đến thế. *Đừng bao giờ lặp lại nữa*, bà tự nhủ. *Hãy chấm dứt chuyện này, và đừng bao giờ lặp lại nữa*.

Bà hồi hải đi qua hành lang, nhưng Sally chặn bước bà lại ở quầy lễ tân, và chìa điện thoại ra. “Chị nên nghe máy, chị ạ,” cô ta nói. Norah hiểu ngay, bà đón lấy ống nghe, người run rẩy.

“Họ tìm thấy thằng bé rồi.” Giọng David trầm trầm. “Cảnh sát vừa gọi. Họ tìm thấy nó ở Louisville, đang ăn trộm đồ trong siêu thị. Con trai chúng ta bị bắt quả tang đang ăn trộm pho mát.”

“Nó không sao rồi,” bà nói, thở dài mà không nhận ra mình đã nín thở từ nãy giờ, lại máu chảy về từng đầu ngón tay. Ôi chao! Bà đã kiệt quệ mà không biết.

“Phải, nó vẫn khỏe. Chỉ đói thôi, rõ là thế. Anh đang trên đường đi đón nó. Em có muốn đi cùng không?”

“Có lẽ em nên đi. Em không biết nữa, David. Chắc anh nói nhầm rồi.” *Anh ở nhà với cô bồ của anh thì hơn*, suyt nữa thì bà thêm vào.

Anh thở dài. “Anh không biết phải nói gì thì mới đúng, Norah? Anh thực sự muốn biết. Anh tự hào về nó, và anh đã nói với nó như thế. Nó bỏ đi và đánh cắp một chiếc xe. Vậy thì anh không hiểu phải nói gì thì mới là đúng đây?”

Quá ít ỏi, quá muộn màng, bà muốn nói thế. *Còn cô bồ của anh thì sao?* Nhưng bà không nói gì cả.

“Norah, thằng bé đã mười tám tuổi rồi. Nó đã đánh cắp xe. Nó phải chịu trách nhiệm về việc đó.”

“Anh thì năm mươi mốt,” bà đáp lại. “Anh cũng phải chịu trách nhiệm.”

Sau đó là một khoảng im lặng; bà mừng tượng ra ông đứng trong văn phòng, tự tin trong chiếc áo blouse trắng, mái tóc sinh động điểm bạc. Không ai nhìn thấy ông khi ấy có thể tưởng tượng được lúc ông bước chân về đến nhà: râu ria lởm chởm, quần áo tồi tả, vậy bản, đứng bên cạnh là một cô gái ôm cái bụng bầu trong chiếc áo khoác đen xơ xác.

“Thôi, anh cứ cho em địa chỉ đi,” bà nói. “Em sẽ gặp anh ở đó.”

“Thằng bé đang ở đồn cảnh sát, Norah. Bớt trung tâm. Thế em nghĩ nó còn ở đâu được nữa, sở thú à? Mà thôi, chờ anh chút. Anh sẽ đọc địa chỉ cho em.”

Norah viết địa chỉ vào giấy, ngẩng đầu lên thì thấy Bree đóng cánh cửa chính sau lưng Neil Simms lại.

“Paul có sao không?” Bree hỏi.

Norah gạt đầu, bà quá xúc động, quá nhẹ nhõm, đến mức không thể thốt nên lời. Nghe thấy tên con khiến cái tin vừa nghe được trở nên thật hơn. Paul đã an toàn, có lẽ đang bị còng tay, nhưng an toàn. Vẫn còn sống. Các nhân viên công ty quanh quẩn trong phòng lễ tân bắt đầu vỗ tay, còn Bree đi qua căn phòng ôm chầm lấy bà. Gầy quá, Norah thầm nghĩ, nước dâng đầy mắt bà, hai đốt xương bả vai của em gái bà thật mỏng và nhọn, như những đôi cánh.

“Em sẽ lái xe,” Bree nói, đoạn cầm lấy tay chị. “Đi nào. Chị kể cho em trên đường đi là được.”

Norah để mặc mình bị dẫn xuống sảnh và ra tới thang máy, bị lôi vào chiếc xe đậu trong ga ra. Bree lái xe luồn qua những con phố đông đúc trong khu nội thành trong khi Norah kể lại mọi chuyện, cảm giác thanh thản tràn qua bà như một cơn gió.

“Chị không thể tin nổi,” bà nói. “Chị cứ thao thức suốt đêm. Chị biết giờ Paul đã là người lớn. Chị biết chỉ vài tháng nữa nó sẽ đi học đại học, rồi lúc đó chị sẽ không nắm được nó ở đâu, vào lúc nào. Vậy mà chị không thể ngừng lo nghĩ.”

“Thằng bé vẫn là con chị mà.”

“Lúc nào cũng vậy. Để thằng bé tự lập mới khó làm sao. Khó hơn chị nghĩ nhiều.”

Họ lái xe qua những tòa nhà thấp tè tẻ nhạt của công ty IBM, và Bree vẫy tay với chúng. “Chào nhé, Neil,” bà nói. “Gặp lại anh sau.”

“Mất bao nhiêu là công sức.” Norah thở dài.

“Ôi, chị đừng lo. Chúng ta sẽ không mất khách hàng này đâu,” Bree nói. “Em đã cực kỳ, cực kỳ duyên dáng. Còn Neil là người đàn ông của gia đình. Em cũng ngờ rằng anh ta có vẻ mềm lòng trước những quý cô lâm nạn.”

“May có em biến nguy thành an rồi,” Norah trả miếng, bà nhớ đến Bree dưới ánh sáng đèn lọc trong phòng ăn nhiều năm về trước, tay vẫy vẫy cuốn sách mỏng dính in những điều cần biết về sữa mẹ.

Bree cười vang. “Cũng chẳng đến mức ấy. Chỉ là em vừa học được cách xử lý những gì mình gặp phải thôi. Rồi chúng ta sẽ có được khách hàng này, chị đừng lo.”

Norah không đáp. Những cọc rào trắng trôi qua vùn vụt, mờ nhòe trên nền cỏ xanh tốt. Lũ ngựa đứng đủng đỉnh trên đồng, những kho thuốc lá xám xịt qua mưa nắng, nằm lẻ loi một bên sườn đồi này, rồi trên một sườn đồi khác. Mùa xuân đã chớm về, ở Derby, xuân thường đến sớm hơn, những nụ hồng đã xòe nở. Họ đi qua sông Kentucky, ngầu bùn và lấp lánh ánh sáng. Trên cánh đồng ngay bên kia cầu, một

bông thủy tiên khê rung rinh, một cái chấm đẹp rực rỡ vụt hiện lên, rồi biến mất. Bà đã đi trên con đường này bao nhiêu lần rồi, gió luồn trên mái tóc, sông Ohio vẫy gọi với bao hứa hẹn, với vẻ đẹp cuồn cuộn trôi chảy của nó? Bà đã bỏ rượu, bỏ những cuộc xe ngựa gió; bà đã mua lại công ty du lịch này và phát triển nó; bà đã thay đổi cuộc đời mình. Nhưng rồi bà ngộ ra, rõ ràng, đột ngột, như thể một luồng sáng chói lòa ủa vào căn phòng: bà chưa bao giờ ngừng di chuyển. Đến San Juan và Bangkok, London và Alaska. Ngã vào vòng tay Howard và những người khác, đến với Sam và tới giây phút này.

“Chị không thể để mất em, Bree ạ.” bà nói. “Chị không biết nhờ đâu em có thể bình tĩnh trước mọi việc như thế, vì chị có cảm giác như mình đang bế tắc.” Bà nhớ ra hôm qua David đã nói y như vậy, khi đứng trên lối vào, cố gắng giải thích tại sao ông lại đưa Rosemary về nhà. Đã có chuyện gì xảy ra với ông ở Pittsburgh, chuyện gì đã khiến ông thay đổi nhường ấy?

“Em bình tĩnh mà,” Bree đáp, “vì chị sẽ không mất em đâu.”

“Tốt. Chị thấy vui vì em chắc chắn đến thế. Bởi chị không thể chịu nổi việc đó.”

Vài dặm tiếp theo họ chỉ lái xe trong im lặng.

“Chị có nhớ cái sofa cũ màu xanh ọp ẹp của em không?” Cuối cùng Bree cất tiếng hỏi.

“Hơi hơi thôi,” Norah nói, đoạn dụi dụi mắt. “Sao cơ?”

Một kho thuốc lá, rồi một kho khác, và tiếp đó là một dải màu xanh dài bất tận.

“Lúc nào em cũng thấy nó sao mà đẹp thế, cái sofa ấy. Rồi đến một ngày – đó là khoảng thời gian thực sự u ám trong cuộc đời em – ánh

sáng chiếu vào căn phòng cũng khác, có lẽ là do ngoài trời tuyết đang rơi hay sao đó, em chợt nhận ra cái sofa cũ ấy đã mục nát lắm rồi, có lẽ chỉ còn là một đống bụi. Em biết em phải thay đổi thôi.” Bà liếc qua bên kia xe, mỉm cười. “Vì vậy em đến làm việc cho chị.”

“Khoảng thời gian u ám ư?” Norah nhắc lại. “Chị luôn nghĩ cuộc sống của em luôn đầy màu sắc. Ít nhất là so với chị. Chị không biết là em cũng có những lúc chán chường đấy, Bree ạ. Có chuyện gì xảy ra thế?”

“Không quan trọng. Cũng lâu rồi mà. Nhưng tối qua em cũng thức trắng đêm. Em cũng có cảm giác y như thế: có điều gì đó đang đổi thay. Nụ cười làm sao khi đột nhiên mọi thứ đều có vẻ khác lạ. Sáng nay tự nhiên em thấy mình nhìn chăm chăm vào luồng sáng chiếu vào từ cửa sổ nhà bếp. Nó trải một dải hình chữ nhật dài trên sàn nhà, rồi bóng những chiếc lá non mới nhú rung rinh trong khoảng sáng đó, tạo thành đủ mọi hình thù. Điều đó thật giản dị, nhưng lại đẹp biết mấy.”

Norah rà lại tiểu sử Bree, nhớ lại hình ảnh quen thuộc của em gái, không vương bận lo âu, mạnh mẽ và tự tin vào sự táo bạo của mình khi đứng trên bậc thềm tòa hành chính. Cô gái trẻ ấy đâu rồi? Làm thế nào mà Bree lại trở thành người phụ nữ này, gầy gò và quyết đoán, mạnh mẽ và đơn độc đến thế?

“Ôi, Bree,” cuối cùng Norah mới cất nên lời.

“Có phải đây là án tử hình đâu, Norah.” Bree nói giọng khô khốc, chăm chú và cương quyết, giống như bà đang trình bày khái quát về các khoản nợ phải thu vậy. “Giống tiếng chuông báo thức hơn. Em đã đọc một số tài liệu, và cơ hội dành cho em thực sự rất khả quan. Ngay sáng nay em đã nghĩ là nếu không có hội nhóm nào hỗ trợ cho những phụ nữ như em, em sẽ tự lập một hội như thế.”

Norah mỉm cười. “Cái giọng đấy thì đúng là em rồi. Đấy là điều dễ chịu nhất trong số những gì em vừa nói đấy.” Họ lái đi trong im lặng vài phút nữa và rồi Norah lại mở lời, “Nhưng em chưa nói cho chị biết. Những năm trước ấy, khi em không hạnh phúc. Em chưa bao giờ kể với chị cả.”

“Phải,” Bree đáp. “Bây giờ em đang kể với chị đấy thôi.”

Norah đặt tay lên đầu gối Bree, cảm nhận hơi ấm, sự gầy gò của em gái.

“Chị làm gì được không?”

“Cứ sống tiếp thôi, ngày qua ngày. Em có mặt trong danh sách đi lễ ở nhà thờ đấy, việc này cũng giúp em ít nhiều.”

Norah nhìn em gái, mái tóc ngắn kiểu cách, khuôn mặt nghiêng nghiêng góc cạnh của em, không biết phải nói sao. Khoảng một năm trước Bree bắt đầu đến một nhà thờ Tân giáo nhỏ ở gần nhà mình. Norah cũng đi cùng em gái một lần, nhưng buổi lễ, với tất cả những nghi thức quỳ và đứng, cầu nguyện và im lặng quá ư phức tạp, đã khiến bà thấy mình thật lạc lõng, như một kẻ ngoài cuộc. Bà ngồi lên nhìn những người ngồi trên các băng ghế khác, tự hỏi không hiểu họ đang cảm thấy thế nào, cái gì đã lôi họ ra khỏi giường và đến nhà thờ trong buổi sáng Chủ nhật đẹp trời này. Khó mà nhận thấy điều gì bí ẩn, khó mà nhận thấy bất cứ điều gì khác trừ ánh sáng trong trẻo và một nhóm người mệt mỏi, tràn trề niềm hy vọng và kính ngưỡng. Bà không bao giờ quay lại đó nữa, nhưng giờ đây đột nhiên bà thấy mình biết ơn sâu sắc bất cứ niềm an ủi nào em gái mình đã thu nhận, bất cứ điều gì Bree tìm thấy ở nơi giáo đường tĩnh lặng ấy mà bà đã không nhìn ra.

Cảnh vật trôi vụt qua: cây cỏ, bầu trời. Rồi sau đó là các tòa nhà, ngày càng nhiều hơn. Họ đã vào tới Louisville, Bree lái xe hòa vào dòng xe cộ đông nghẹt trên lộ I-71, đi vào làn đường cao tốc đầy những

chiếc xe đang lao đi vun vút. Bãi đậu xe ở sở cảnh sát gần như chật cứng, lấp lánh nhè nhẹ dưới cái nắng ban trưa. Hai chị em ra khỏi xe, tiếng cửa xe sập lại vang vọng, họ đi trên vỉa hè đổ bê tông được viền bởi một hàng cây bụi thấp tề xơ xác, và bước qua cửa xoay, ngập trong ánh sáng lò mờ như ở dưới mặt nước bên trong tòa nhà.

Paul đang ngồi trên băng ghế ở tí bên kia căn phòng, lưng còng xuống, khuỷu tay tì lên đầu gối còn hai bàn tay lúc lắc uể oải giữa hai gối. Tim Norah thất lại. Bà đi qua bàn giấy và các nhân viên cảnh sát, lội trong thứ không khí xanh xanh màu nước biển đặc quánh để đến chỗ con ngồi. Trong phòng nóng hầm hập. Một chiếc quạt phe phẩy trên trần nhà ộp gạch cách âm loang lổ vết bẩn. Bà ngồi xuống băng ghế bên cạnh Paul. Cậu chưa tắm, mái tóc dày và bết, mùi mồ hôi và quần áo bẩn nồng nặc, mùi thuốc lá vẫn vẩn vít trên người cậu. Những thứ mùi nồng gắt, mùi của một người đàn ông. Ngón tay thẳng bé chai sần, thô ráp do tập ghi ta. Giờ Paul đã có cuộc sống của riêng cậu, cuộc sống bí mật của cậu. Đột nhiên bà có cảm giác mình bị coi nhẹ khi thấy thẳng bé tự lập đến thế. Là của bà, phải rồi, lúc nào cũng vậy, nhưng không còn là của bà nữa.

“Gặp con mẹ mừng quá,” bà nói khẽ. “Mẹ lo lắm, Paul ạ. Cả nhà đều lo cho con.”

Thằng bé nhìn bà, đôi mắt tối sầm lại với những tia giận dữ và hoài nghi, rồi đột ngột quay mặt đi, chớp mắt để nén những giọt nước chực rơi.

“Người con hôi lắm,” cậu nói.

“Phải,” Norah tán đồng. “Con hôi thật.”

Thằng bé ngó nghiêng hành lang, đôi mắt nán lại ở chỗ Bree đang đứng bên bàn tiếp khách, rồi chuyển sang nhìn những cánh cửa xoay đang quay loang loáng.

“Hừm. Chắc con may rồi, ông ta không thềm đến đúng không.”

Ý cậu ám chỉ David. Giọng nói của cậu đau đớn quá. Giận dữ nữa.

“Bố đang đến đây,” Norah đáp, cố giữ giọng bình thản. “Bố đến ngay thôi. Dì Bree lái xe đưa mẹ đến đây. Lái như bay ấy, thật đấy.”

Bà định chọc cho thằng bé cười, nhưng cậu chỉ gật đầu.

“Dì ổn không?”

“Có,” Norah đáp, chợt nghĩ tới cuộc nói chuyện của họ trong xe. “Dì vẫn ổn.”

Nó lại gật đầu. “Tốt. Thế thì tốt. Chắc là bố điên lắm hả.”

“Chắc thế.”

“Con có phải ngồi tù không?” giọng Paul rất khế.

Bà hít vào một hơi. “Mẹ không biết. Mẹ hy vọng là không. Nhưng mẹ không biết.”

Họ ngồi trong im lặng. Bree đang nói chuyện với một cảnh sát, bà gật đầu, rồi ra hiệu. Phía xa, cánh cửa xoay quay đều, loang loáng hắt ra ánh sáng hoặc bóng tối, đẩy những người lạ mặt vào trong hoặc ra ngoài, từng người một, và rồi David sải bước đến trên sàn nhà lát đá mài, tiếng giày đen kêu lộp cộp, khuôn mặt vừa nghiêm nghị vừa bình thản, một thứ biểu hiện gần như không đọc được. Norah thấy căng thẳng và cảm giác Paul ngồi cạnh bà cũng bòn chòn. Bất ngờ, David đi thẳng đến chỗ Paul và vồ lấy thằng bé ôm chặt, không nói lời nào.

“Con vẫn lành lặn,” ông nói. “Ổn trời.”

Bà hít vào một hơi thật sâu, nhẹ nhõm vì giây phút này. Một nhân viên cảnh sát có mái đầu húi cua bạc trắng và đôi mắt xanh khác

thường đi ngang qua căn phòng, cặp hồ sơ kẹp dưới tay. Ông ta lần lượt bắt tay Norah và David rồi quay sang Paul.

“Tôi là tôi chỉ muốn tống cổ cậu vào tù thôi,” ông ta nói thẳng toẹt. “Một cậu trai thông minh sáng láng đến thế này. Không biết tôi đã gặp bao nhiêu trường hợp như thế sau ngàn ấy năm nhỉ, các cậu cứ nghĩ là mình gồm lắm, được tha bổng hết lần này đến lần khác, rồi cuối cùng mới biết thế nào là ăn bần. Cứ gọi là ngồi tù đến nẫu người rồi mới ngộ ra mình chả là cái đinh gì cả. Thảm hại chưa. Nhưng xem ra hàng xóm nhà cậu muốn xuê xoa cho cậu lần này nên sẽ không kiện cáo gì vụ chiếc xe cả. Vì tôi không nhốt cậu lại được, nên giờ tôi xin trả cậu về cho các bậc phụ huynh coi sóc.”

Paul gật đầu. Tay thẳng bé run run; cậu thọc sâu tay vào trong túi. Họ nhìn ông cảnh sát xé một tờ giấy ra khỏi cặp hồ sơ, đưa cho David, rồi chậm rãi quay trở lại bàn làm việc.

“Bố đã gọi cho nhà Boland,” David giải thích, đoạn gập tờ biên bản lại nhét vào túi áo ngực. “Họ rất biết điều. Tình hình đã có thể tồi tệ hơn nhiều, Paul ạ. Nhưng đừng nghĩ con sẽ không phải trả một xu nào để sửa chữa chiếc xe đâu nhé. Cũng đừng nghĩ là con sẽ được sống nhón nhơ, trong một thời gian cũng khá dài đấy. Không bạn bè. Không giao du nhé.”

Paul gật đầu, nuốt nước bọt.

“Con còn phải tập đàn nữa,” nó nói. “Con không thể bỏ nhóm tứ tấu được.”

“Không,” David nói. “Điều con không thể làm là ăn cắp chiếc xe của hàng xóm và hy vọng rằng cuộc sống vẫn trôi đi như không có chuyện gì xảy ra cả.”

Norah cảm nhận được sự căng thẳng và giận dữ của Paul bên mình. *Thôi đi*, bà thấy mình thầm nghĩ khi nhìn những thớ cơ cử động trên hàm David. *Thôi đi mà, hai người. Đủ lắm rồi.*

“Tốt thôi,” Paul nói. “Vậy thì con không về nhà nữa. Thà đi tù còn hơn.”

“À, vụ này thì chắc chắn bố lo được,” David trả lời, giọng lạnh lẽo đầy đe dọa.

“Mời bố,” Paul đáp. “Cứ làm đi. Vì con là nhạc công. Con chơi tốt. Và con thà ngủ vạ vật trên phố còn hơn là từ bỏ âm nhạc. Khốn kiếp, con thà chết còn hơn.”

Một khoảnh khắc trôi qua, một nhịp tim đập. Khi David không đáp, mắt Paul nheo lại.

“Em gái con không biết nó may mắn thế nào vì đã chết đâu,” cậu nói.

Norah, đang ép mình đứng thật im, cảm thấy từng câu từng chữ như những mũi băng nhọn hoắt, một nỗi đau nhức nhối, rúc buốt, tàn nhẫn. Trước khi kịp nhận ra mình vừa làm gì, bà dang tay tát lật mặt Paul. Những sợi râu mới nhú trên mặt thằng bé cào lên tay bà đau rát – cậu đã là một người đàn ông, không còn là đứa bé con nữa, và bà đã đánh cậu rất đau. Thằng bé quay lại, mặt bàng hoàng, trên má hằn lên một vệt đỏ tấy.

“Paul,” David quát, “đừng làm mọi việc tồi tệ thêm nữa. Đừng có tùy tiện nói ra những điều sẽ khiến con phải hối hận suốt cuộc đời.”

Tay Norah vẫn còn tê rần, máu bà chảy giàn giụa. “Đi về nhà,” bà nói. “Chúng ta sẽ giải quyết chuyện này ở nhà.”

“Anh không biết. Một đêm ngồi tù có lẽ sẽ tốt cho nó.”

“Em đã mất một đứa con rồi,” bà nói, quay mặt về phía chồng. “Em sẽ không để mất thêm đứa nữa đâu.”

Giờ đến lượt David lộ vẻ sững sốt, như thể chính ông cũng vừa ăn một cái tát. Chiếc quạt trần kêu cọt kẹt, cánh cửa xoay quay đều với tiếng *lạch cạch* nhịp nhàng.

“Thôi được,” David đáp. “Có lẽ như thế là đúng. Có lẽ em đã đúng khi không thèm để ý đến anh. Có trời chứng giám, anh thật sự hối hận vì đã bỏ quên hai mẹ con.”

“David?” Norah gọi khi ông quay đi, nhưng ông không đáp. Bà nhìn ông đi sang bên kia phòng và bước vào cửa xoay. Bên ngoài, bóng ông thấp thoáng, một người đàn ông trung niên trong chiếc áo jacket sẫm màu, hòa vào đám đông, rồi biến mất. Quạt trần kêu cọt kẹt giữa cái mùi hỗn độn của mồ hôi chua loét, khoai tây chiên và nước tẩy rửa.

“Con không cố ý...” Paul lí nhí.

Norah giơ tay lên. “Đừng. Mẹ xin con. Đừng nói gì nữa.”

Chính Bree, bình tĩnh và nhanh nhẹn, đưa họ ra xe. Họ mở cửa sổ để mùi hôi của Paul bay bớt, và Bree lái xe đi, những ngón tay gầy guộc đặt vững vàng trên vô lăng. Norah, vẻ suy tư, hầu như không để tâm, và phải sau gần nửa tiếng bà mới nhận ra họ không còn đi trên con lộ liên bang mà đang đi chậm lại, trên những con đường nhỏ hơn, xuyên qua vùng nông thôn rục rĩ đang độ vào xuân. Những cánh đồng, chỉ còn một màu xanh ngút mắt, loang loáng lướt qua cửa sổ, những cành cây lấm tấm nụ hoa vừa hé.

“Em lái đi đâu đấy?” Norah hỏi.

“Phiêu lưu tí thôi,” Bree đáp. “Rồi chị sẽ biết.”

Norah không muốn nhìn bàn tay Bree, xương xấu quá, những đường gân xanh lè nổi lên rõ mồn một. Bà liếc nhìn Paul trong gương chiếu hậu. Thằng bé ngồi đó, xanh xao và ủ rũ, hai tay khoanh lại, thông thượt, rõ là đang giận dữ đau đớn. Bà đã sai khi ở đồn cảnh sát, chỉ trích David như thế, rồi tát Paul; bà chỉ khiến mọi việc thêm tồi tệ. Đôi mắt căm giận của thằng bé chạm mắt bà trong gương, và bà bỗng nhớ lúc bàn tay bé xinh mũm mĩm, mềm mại của nó áp vào má mình, tiếng cười khanh khách vang động khắp các căn phòng. Cũng là cậu bé ấy, đứa con ấy. Nó đâu rồi?

“Phiêu lưu kiểu gì cơ ạ?” Paul hỏi.

“Ài chà, thực ra thì dì đang tìm tu viện Gethsemani.”

“Để làm gì cơ?” Norah hỏi. “Có gần đây không?”

Bree gật đầu. “Em thấy bảo là gần. Lúc nào em cũng mong được nhìn thấy nơi đó, lúc đi trên đường em nhận ra chúng ta đang ở rất gần rồi. Thế nên em nghĩ tội gì nhỉ, hôm nay đẹp trời thế cơ mà.”

Trời đẹp thật, bầu trời xanh trong, phía chân trời sáng mờ, cây cối tươi tốt tràn đầy nhựa sống, runh rin trong gió nhẹ. Họ lái xe dọc theo những con đường hẹp chừng mười phút, rồi Bree đánh xe sang lề đường và bắt đầu lục lọi dưới ghế.

“Hình như em không mang bản đồ theo thì phải,” bà nói, rồi nhồm dậy.

“Em đã bao giờ mang bản đồ đâu,” Norah đáp, đúng lúc ấy bà nhận ra điều này còn vận cả vào cuộc đời Bree nữa. Nhưng có lẽ điều đó chẳng có gì to tát cả. Bà và David đã khởi đầu cuộc sống với đủ loại bản đồ, và nhìn xem giờ họ đang ở đâu cơ chứ.

Bree dừng lại gần hai ngôi nhà quê sơn trắng giản dị, cửa sổ đóng kín, chẳng thấy bóng một ai, những kho trữ thuốc lá xám xịt qua mưa nắng, đứng chờ vợ trên những sườn đồi phía xa. Đang vào mùa gieo cấy. Phía xa, những chiếc máy cày trườn ngang qua cánh đồng mới xới, theo sau là một đám người gieo những hạt giống cây thuốc lá xanh tươi xuống lớp đất đen. Dưới đường cái, ở xa tận cuối cánh đồng, có một nhà thờ nhỏ xinh sơn trắng, nép dưới bóng tiêu huyền già, bao quanh bởi một hàng păng-xê tím ngắt. Bên hông nhà thờ là một khu nghĩa trang, những bia đá cũ kỹ nghiêng ngả phía sau hàng rào sắt rên. Nó giống nơi con gái Norah đã được chôn cất đến nỗi bà như nghệt thở, bà nhớ đến cái ngày tháng Ba xa xưa, thảm cỏ ướt đầm dưới chân, những đám mây thấp như bị kéo chùng xuống, và David đứng vẻ lặng lẽ xa xăm bên cạnh bà. *Tro tàn về với tro tàn, cát bụi về với cát bụi*, và thế giới họ từng biết đã thay đổi dưới chân họ.

“Mình ghé qua nhà thờ xem,” bà nói. “Chắc sẽ có người biết đường.”

Họ đi men theo con đường, rồi bà cùng Bree ra khỏi chiếc xe đỗ bên nhà thờ, cảm thấy mình có vẻ thành thị và lạc lõng khi mặc những bộ đồ công sở thế này. Không khí tĩnh lặng, hơi nóng bức, ánh nắng nhảy nhót qua kẽ lá. Lớp cỏ dưới đôi giày vàng của Bree xanh thẫm và tươi tốt. Norah đặt tay lên cánh tay gầy khẳng khiu của Bree, lên lớp vải linen vàng vừa mềm vừa giòn.

“Em làm hỏng đôi giày mất thôi,” bà nói.

Bree nhìn xuống, gật đầu, rồi tụt giày ra. “Em sẽ vào nhà linh mục hỏi,” bà nói. “Cửa trước đang mở kia kìa.”

“Em đi đi,” Norah nói. “Hai mẹ con chị đợi ngoài này thôi.”

Bree cúi xuống nhặt giày lên rồi đi qua bãi cỏ xanh rì rậm rạp, có nét gì đó vừa nữ tính lại vừa mong manh ở đôi chân trắng xanh, bàn chân lòng trong tất giấy của bà. Đôi giày màu vàng lủng lẳng trên tay.

Đột nhiên, Norah nhớ lúc em gái chạy qua cánh đồng phía sau căn nhà tuổi thơ của họ, tiếng cười lanh lảnh trong thinh không ngập nắng. *Khỏe lên nhé*, bà thầm nghĩ, nhìn theo em. *Ôi, em gái của chị, khỏe lên nhé*.

“Mẹ đi loanh quanh một chút đây,” bà nói với Paul, thằng bé vẫn ngồi thườn thượt trên băng ghế sau. Bà để mặc cậu ở đó rồi lần theo con đường rải sỏi dẫn ra nghĩa trang. Cánh cổng sắt hé mở nhẹ nhàng, và Norah lang thang giữa những bia đá xám xịt mòn nhẵn. Đã nhiều năm nay bà không lai vãng đến khu nghĩa trang trong trang trại Bentley. Bà quay lại nhìn Paul. Cậu đã ra khỏi xe, đang vươn vai, mắt đeo kính râm.

Cánh cửa nhà thờ sơn đỏ tươi. Nó bật mở rất khẽ khi Norah chạm vào. Thánh đường mờ tối và mát lạnh, các ô cửa sổ ốp kính màu sáng lóa lên, hình những vị thánh và các tích trong Kinh Thánh, chim bồ câu và lửa đều lung linh tựa đá quý. Norah nghĩ đến phòng ngủ của Sam, đến sắc màu phóng túng ở đó, và cảm thấy nơi này trái ngược làm sao, thật tĩnh tại, màu sắc ổn định, sáng lên giữa không gian. Một cuốn sổ dành cho khách đã mở sẵn, bà ký vào đó với nét chữ mềm mại, nhớ đến bà xơ già đã dạy mình lối viết thảo. Norah nán lại một chút. Có lẽ chính sự tĩnh lặng đã khiến bà dấn thêm vài bước xuống lối đi vắng ngắt ở chính giữa Thánh đường: sự tĩnh lặng, cảm giác bình yên và trống trải, ánh sáng chiếu qua ô cửa kính màu, bầu không khí vẫn bụi. Norah đi trong luồng ánh sáng: đỏ, xanh thẫm, vàng.

Các hàng ghế thoáng mùi véc ni. Bà ngồi xuống một băng ghế. Có những chiếc gối quỳ bằng nhung xanh, hơi bám bụi. Bà nghĩ đến chiếc sofa cũ của Bree, và bất chợt ký ức về tổ phụ nữ trong cái đêm xa xưa lại ùa về, những người phụ nữ đã đến thăm nhà bà cùng với quà dành cho Paul. Bà nhớ có lần mình đã giúp họ dọn vệ sinh cho nhà thờ, họ đánh bóng các băng ghế bằng cách ngồi lên miếng giẻ và ép mông trượt trên mặt ghế dài trơn nhẵn. *Thế này mới đủ nặng chứ*, họ đã đùa

như thế, tiếng cười tràn ngập cả Thánh đường. Vì đau đớn mất mát, Norah đã rời xa họ và không bao giờ quay lại, nhưng giờ đây bà chợt ngộ ra rằng họ cũng đã phải trải qua nỗi đau, đã từng mất người mình yêu thương, đã có lúc đau ốm bệnh tật, cũng từng bỏ quên chính bản thân mình và những người khác. Norah đã không muốn trở thành một trong số họ hay đón nhận sự an ủi của họ, và bà rời bỏ họ. Nhớ đến đây, mắt Norah ầng ậng nước. Ôi chao, xuẩn ngốc làm sao, mất mát của bà đã xảy ra cách đây gần hai thập kỷ rồi. Lẽ ra cảm giác đau đớn này không nên trào lên mạnh mẽ đến thế, như nước suối chảy vậy.

Thật điên rồ. Bà đang khóc rất to. Bà đã chạy thật nhanh, thật xa, để trốn tránh giây phút này, vậy mà nó vẫn xảy ra: một người xa lạ ngủ trên chiếc sofa gấp, đang mơ màng, một mầm sống bí ẩn lớn lên trong cô ta như một bí mật, còn David thì nhún vai quay đi. Bà biết, khi về nhà, bà sẽ thấy ông không còn ở đó nữa, có lẽ va li đã được gói ghém, nhưng những thứ khác vẫn còn nguyên. Bà khóc cho điều mình biết và cho Paul, nỗi căm giận và mất mát trong đôi mắt nó. Cho con gái bà, người chưa từng được biết tới. Cho đôi tay gầy guộc của Bree. Cho vô vàn những cách thức mà tình yêu đã rời bỏ họ, và cho họ, cho tình yêu. Dường như, đau đớn là một nơi hữu hình. Norah khóc, không còn cảm nhận được bất cứ điều gì khác ngoài cảm giác giải thoát bà vẫn nhớ từ khi còn nhỏ; bà nức nở cho đến khi thấy đau nhức, nghẹn thở, và kiệt sức.

Có những con chim, chim sẻ, làm tổ trên các thanh xà ngang. Khi dần tĩnh trí lại, Norah dần nhận thấy những âm thanh khe khẽ, tiếng vỗ cánh. Bà đang quỳ gối, tay đặt lên lưng băng ghế kê trước mặt. Ánh sáng vẫn rọi qua cửa sổ thành từng vệt xiên, đổ thành vũng trên sàn nhà. Lúng túng, bà ngồi thẳng dậy và quệt sạch nước mắt trên mặt. Vài chiếc lông xám đáp xuống những bậc đá dẫn lên bệ thờ. Khi ngược nhìn lên, Norah bỗng thấy một chú chim sẻ đang vỗ cánh nhẹ nhàng trên đầu, một cái bóng nhỏ giữa những cái bóng lớn. Bao nhiêu năm

qua, biết bao người đã ngồi đây cùng những bí mật và ước mơ của họ, đen tối và trong sáng. Bà tự hỏi không hiểu những nỗi đau đớn diên đại của họ, giống như của bà, có dịu bớt không. Bà chưa bao giờ nghĩ nơi này sẽ đem lại cho bà cảm giác bình yên đến thế, nhưng sự thật là như vậy.

Khi bà trở ra ngoài, mắt chớp chớp vì ánh nắng, Paul đang ngồi trên một tảng đá trước hàng rào sắt rên.

Phía xa, Bree đang bước qua bãi cỏ, giày xách lũng lảng.

Thằng bé gật đầu ra hiệu về phía những tấm bia mộ rải rác trong nghĩa trang. “Con xin lỗi,” cậu nói, “vì những gì đã nói. Không phải con cố tình đâu. Con chỉ cố chọc giận bố, nên mới thế.”

“Đừng bao giờ nói,” Norah bảo thằng bé. “Rằng cuộc đời con là thứ bỏ đi. Đừng bao giờ, đừng bao giờ để mẹ phải nghe thấy nữa. Cũng đừng nghĩ thế nữa.”

“Vâng,” cậu đáp. “Con thật sự xin lỗi mà.”

“Mẹ biết con rất giận,” Norah nói. “Con có quyền sống theo cách của mình. Nhưng bố con cũng đúng. Phải có những điều kiện nhất định. Nếu con phá bỏ nó, thì tự đi mà sống một mình.”

Bà nói tất cả những lời ấy mà không nhìn thằng bé, và khi quay lại, bà thấy sốc khi thấy mặt cậu méo mó, nước mắt chảy dài xuống hai má. Ôi, thật ra đứa bé ngày xưa vẫn ở đâu đó quanh đây thôi. Bà ôm thằng bé thật chặt, chặt hết mức có thể. Cậu cao quá; đầu bà chỉ tới ngực cậu.

“Con à, mẹ yêu con lắm,” bà nói vào lớp áo hôi rình của cậu. “Con về mẹ mừng lắm. Mà đúng là con hôi kinh lên được,” bà nói thêm, rồi cười phá lên, cả thằng bé cũng cười.

Bà đưa tay lên che mắt, nhìn sang bên kia cánh đồng thấy Bree giờ đã về khá gần.

“Chỗ đấy không xa lắm đâu,” Bree gọi to. “Chỉ men theo con đường một chút nữa thôi. Bà ta nói ta không lo lạc đường đâu.”

Họ quay vào xe và đi thêm một đoạn nữa dọc con đường hẹp, qua những dải đồi nối nhau. Sau vài dặm, họ bắt đầu thấy thấp thoáng những tòa nhà màu trắng sau hàng cây bách. Rồi đột nhiên Thánh đường Gethsemani hiện ra, kỳ vĩ, trơ trọi và giản dị, nổi bật giữa khung cảnh xanh ngút mắt. Bree đánh xe vào bãi đỗ dưới hàng cây xào xạc. Khi họ ra khỏi xe, chuông bắt đầu ngân vang, gọi các tu sĩ về cầu nguyện. Họ đứng lắng nghe, thanh âm trong trẻo nhạt dần giữa thính không trong vắt, đàn bò thơ thẩn gần đó và mây uể oải trôi trên đầu.

“Đẹp quá,” Bree nói. “Thomas Merton từng sống ở đây, chị biết không?” Ông ấy đã đến Tây Tạng để diện kiến Đạt Lai Lạt Ma rồi. Em thích tưởng tượng ra khoảnh khắc ấy lắm. Em thích tưởng tượng ra cảnh tất cả các vị tu sĩ ở trong đó, ngày qua ngày đều làm những việc như nhau.”

Paul gỡ cặp kính râu xuống. Đôi mắt sẫm của thằng bé trong veo. Cậu thò tay vào túi áo và bày những viên đá nhỏ lên nắp ca pô.

“Mẹ có nhớ những thứ này không?” cậu hỏi, khi Norah nhặt một viên lên, ngón tay mân mê chiếc đĩa đá trắng nhẵn mịn ở giữa có một cái lỗ. “Hóa thạch đấy. Của hoa huệ biển. Bố đã dạy con, cái hôm con bị gãy tay ấy. Con đã đi bộ một vòng khi mẹ vào trong nhà thờ. Thứ này có ở khắp nơi.”

“Mẹ quên rồi,” Norah chậm chạp nói, nhưng rồi ký ức ứa về: chiếc vòng cổ Paul đã làm, bà đã lo lắng biết bao rằng thằng bé có thể bị dây thắt quanh cổ và ngạt thở. Tiếng chuông ngân tan dần trong bầu không khí trong trẻo. Chỉ nhỏ bằng chiếc cúc áo, mẫu hóa thạch nhẹ và ấm

trong tay bà. Bà nhớ lúc David bế Paul lên, đưa nó rời khỏi bữa tiệc, rồi bó bột cánh tay thẳng bé. David đã cố gắng hết sức để lo chu toàn mọi việc cho cả nhà, để mọi thứ vào đúng trật tự, vậy mà không hiểu sao lại khó khăn đến thế, với tất cả bọn họ, như thể họ đang bơi trong vùng biển nông đã từng bao phủ toàn bộ mảnh đất này.

1988

Tháng Bảy Năm 1988

I

DAVID HENRY NGỒI TRÊN GÁC TRONG PHÒNG LÀM VIỆC TẠI NHÀ của ông. Qua khung cửa sổ đã bao năm mưa nắng dãi dầu và hơi xiêu vẹo, khung cảnh con phố lập lờ, gợn sóng và có phần méo mó. Ông nhìn con sóc nhặt một quả hạch rồi trèo lên cây tiêu huyền tán lá ép sát cửa sổ. Rosemary đang quỳ bên hiên nhà, mái tóc dài đung đưa mỗi khi cô cúi xuống để trồng củ và cây một năm trong những luống hoa vừa đào. Cô đã biến đổi cả khu vườn, mang những cây hoa hiên từ vườn nhà bạn về, trồng lan cạnh ga ra, ở đó hoa lan nở rộ, tràn ngập một màu xanh nhạt như sương mù. Jack ngồi gần cô, đang chơi với một chiếc xe thùng. Nó là một đứa bé khỏe mạnh, giờ đã lên năm, tính tình vui vẻ, ngoan ngoãn, với đôi mắt nâu thẫm và mấy vết hung đỏ trên mái tóc hoe vàng. Thành bé khá cứng đầu. Trong những buổi tối David trông nó khi Rosemary đi làm, Jack nằng nặc đòi tự làm mọi thứ. *Cháu lớn rồi*, nó tuyên bố, vài lần trong một ngày, vẻ rất kiêu hãnh và trịnh trọng.

David cho nó được làm mọi thứ nó muốn, trong khuôn khổ an toàn và hợp lý. Sự thật là ông thích ngắm thành bé. Ông thích đọc truyện cho Jack, cảm nhận sức nặng và hơi ấm của nó, đầu nó tựa lên vai ông khi lơ mơ ngủ. Ông thích cầm lấy bàn tay nhỏ nhắn đầy tin tưởng của nó khi hai ông cháu đi bộ trên vỉa hè ra cửa hàng. David đau lòng nhận

ra rằng những ký ức của ông về Paul ở tuổi đó rất thừa thớt, rất mờ nhạt. Khi ấy ông còn đang gây dựng sự nghiệp, phải rồi, còn bận bịu với phòng khám của mình – và việc chụp ảnh nữa – nhưng sự thật là chính tội lỗi của ông khiến ông trở nên xa cách. Những khuôn mẫu cuộc sống của ông giờ đã trở nên rõ ràng đến nhói lòng. Ông đã giao con gái mình cho Caroline Gill và cái bí mật ấy đã bén rễ, sinh sôi và đơm hoa kết trái giữa gia đình ông. Trong bao nhiêu năm trời ông về đến nhà để nhìn thấy Norah, đang pha đồ uống hay khoác tạp dề, ông đã nghĩ bà đáng yêu làm sao nhưng ông hầu như chẳng hiểu gì về bà hết.

Ông chưa bao giờ có đủ can đảm để cho bà biết sự thật, vì biết rằng mình sẽ mất bà mãi mãi – và có lẽ cả Paul nữa – nếu ông nói ra. Vì vậy ông dành cả đời mình cho công việc và, xét trên những phương diện của cuộc sống mà ông còn kiểm soát được, ông đã rất thành công. Nhưng, đáng buồn thay, ông chỉ còn nhớ một vài khoảnh khắc rời rạc ngắn ngủi trong năm tháng thơ ấu của Paul, với sự chính xác của những tấm ảnh: Paul ngủ gật trên sofa, một tay sã xuống, mái tóc sẫm rối bời. Paul đứng trên ván trượt, kêu ầm ĩ vì sợ hãi và phấn khích khi sóng vỗ quanh đầu gối. Paul ngồi bên chiếc bàn nhỏ trong phòng chơi, tô màu thật chăm chú, mải mê với nhiệm vụ của mình đến độ không nhận ra David đang đứng ở ngưỡng cửa ngấm nhìn. Paul, quăng dây câu ra xa tít trên mặt nước tĩnh lặng, giữ cần thật chắc, gần như nín thở, trong khi họ chìm trong bóng chiều chạng vạng chờ cá đớp mồi.

Những ký ức ngắn ngủi, đẹp đến gần như không chịu nổi. Rồi đến những năm tháng thiếu niên, khi Paul trở nên xa cách hơn cả Norah, làm rung chuyển cả căn nhà bằng âm nhạc và cơn giận dữ của nó.

David gõ lên cửa sổ, vẫy tay với Jack và Rosemary. Ông đã mua căn nhà này, một căn nhà đôi, rất nhanh chóng, chỉ nhìn qua một lần rồi về nhà gói ghém đồ đạc luôn ngay khi Norah vẫn còn ở công ty. Đó là một căn nhà hai tầng đã cũ, được chia gần như chính xác thành hai phần,

với vài bức vách mỏng chia đôi những căn phòng lớn trước đây, ngay cả cầu thang, một thời từng rất rộng rãi và duyên dáng, cũng được chia đôi. David chọn căn nhà rộng hơn và đưa Rosemary chìa khóa căn còn lại, trong sáu năm rông họ đã sống bên nhau, bị chia cách bởi những bức tường mỏng nhưng ngày nào cũng nhìn thấy nhau. Thịnh thoảng Rosemary cũng cố trả tiền thuê nhà, nhưng David từ chối tất, ông khuyên cô nên quay lại trường và học lấy mảnh bằng; rồi sau này cô có thể trả lại ông. Ông biết những việc làm của mình không hoàn toàn xuất phát từ lòng vị tha, tuy vậy ông cũng không lý giải nổi nữa, ngay cả với bản thân mình, vì sao cô lại có ý nghĩa quan trọng với ông đến thế. *Cháu lấp vào chỗ trống của đứa con gái mà chú đã cho đi*, một lần cô đã nói như vậy. Ông gật đầu, rồi ngẫm lại, nhưng cũng không phải, không hẳn. Còn hơn thế nữa, ông cho rằng Rosemary hiểu bí mật của ông. Ông đã kể hết mọi chuyện cho cô với sự gấp gáp nhường ấy, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, cô lắng nghe mà không hề phán xét. Ở đó ông tìm thấy tự do, David có thể hoàn toàn là chính mình khi ở bên Rosemary, người đã nghe hết những gì ông đã làm, không xua đuổi ông và cũng chẳng kể cho ai khác biết. Kể cũng lạ, qua năm tháng, Rosemary và Paul đã xây dựng một tình bạn, ban đầu còn miễn cưỡng, về sau biến thành những cuộc tranh luận tiếp diễn đầy nghiêm túc về các vấn đề cả hai bên cùng quan tâm – chính trị, âm nhạc và công bằng xã hội – tranh luận nảy sinh ngay giữa bữa tối trong những lần ghé thăm hiếm hoi của Paul và kéo dài đến tận đêm khuya.

Đôi khi, David nghĩ đây là cách để Paul giữ khoảng cách với ông, cách để có mặt ở nhà ông mà không phải dấn động đến những vấn đề quá đối riêng tư. Thịnh thoảng David cũng cố gợi chuyện, nhưng Paul luôn chọn đúng lúc ấy để bỏ đi, đẩy ghế ra và ngáp dài, đột nhiên tỏ ra mệt mỏi.

Giờ thì Rosemary ngẩng đầu lên, đưa cổ tay gạt lọn tóc vương trên má, và vẫy tay chào lại ông. David cất mấy tập hồ sơ rồi đi xuống hành

lang hẹp. Trên lối ông đi qua cánh cửa để ngỏ dẫn vào phòng Jack. Lẽ ra cánh cửa này phải bị khóa lại khi căn nhà được ngăn làm đôi, nhưng một tối, không hiểu do điều gì thôi thúc, David đã thử xoay nắm đấm cửa và nhận ra cửa không khóa. Giờ đây, thật nhẹ nhàng, ông đẩy cửa vào. Rosemary đã sơn căn phòng của Jack màu xanh lơ, giường và bàn phấn nằm chông chênh một góc, trắng tinh sạch sẽ. Một loạt hình cắt giấy *scherenschnitte* phức tạp, gồm hình mẹ và các con, trẻ em chơi đùa dưới tán cây, tình xảo và sống động, được dán trên nền xanh sẫm, đóng khung treo trên bức tường phía xa. Rosemary đã trưng bày những hình cắt này trong một buổi triển lãm nghệ thuật tổ chức năm trước, và điều khiến cô ngạc nhiên, là những đơn đặt hàng bắt đầu gửi đến tới tấp, hết đợt này đến đợt khác. Tối tối, cô thường ngồi bên chiếc bàn bếp, dưới ánh đèn rực rỡ, cắt hết hình này đến hình khác, mỗi hình đều khác nhau. Cô không thể hứa chắc với mọi người mình sẽ cắt hình gì; cô không chịu bị bó buộc bởi bất cứ hình ảnh nào. Bởi vì hình ảnh đã có sẵn ở đó, cô giải thích, nó ẩn mình trên giấy và trong từng cử động của tay cô, không có hình nào lặp lại lần thứ hai.

David đứng dậy, lắng nghe âm thanh của căn nhà: tiếng nước nhỏ tí tách khe khẽ, và tiếng ì ì của chiếc tủ lạnh cũ kỹ. Mùi nước hoa và phấn trẻ em hăng hắc; một chiếc váy ngủ vắt trên ghế đầu đặt trong góc. Ông hít vào mùi hương của cô, của Jack, rồi đóng chặt cửa và đi tiếp trên dải hành lang hẹp. Ông chưa bao giờ nói với Rosemary về cánh cửa chưa khóa; nhưng ông cũng chưa bao giờ bước qua cánh cửa ấy. Đó là một giới hạn danh dự đối với ông, dù có vụ tai tiếng kia, ông chưa bao giờ lợi dụng cô, chưa bao giờ tự tiện xâm phạm cuộc sống riêng tư của cô.

Dẫu vậy, ông thấy vui khi biết rằng cánh cửa vẫn ở đó.

Còn nhiều giấy tờ phải giải quyết, nhưng David vẫn đi xuống tầng dưới. Đôi giày chạy của ông để ở hiên sau nhà. Ông xỏ chân vào, buộc chặt dây, rồi đi vòng ra phía trước. Jack đang đứng vật hoa hồng bên hàng rào mắt cáo. David ngồi xổm xuống và kéo thành bé lại gần, cảm

thấy sức nặng êm ái, nhịp thở đều đặn của nó. Jack sinh vào tháng Chín, lúc chập tối, khi ấy trời vừa mới nhá nhem. David đã lái xe đưa Rosemary tới bệnh viện, và ông đã ngồi với cô trong suốt sáu tiếng trở dạ, cùng chơi cờ và mang đá viên cho cô. Không giống như Norah, Rosemary không hào hứng lắm với việc sinh nở tự nhiên; cô đã yêu cầu được gây tê ngay khi có thể, và khi quá trình co bóp chậm lại, cô được tiêm Pitocin để kích thích chuyển dạ. David đã nắm tay cô khi những cơn đau mạnh lên, nhưng khi họ đưa cô vào phòng sinh ông đứng lại bên ngoài. Nơi đó quá riêng tư, không phải chỗ của ông. Tuy vậy, ông là người đầu tiên sau Rosemary được bế Jack, và ông đã yêu nó như con của chính mình vậy.

“Ông có mùi lạ quá,” Jack nói, đẩy ngực David ra.

“Tại cái áo sơ mi cũ hôi rình của ông đấy,” David đáp.

“Chú đi chạy bộ à?” Rosemary hỏi. Cô ngồi tựa lên gót chân, phủi đất bẩn trên tay. Đạo này cô hơi mảnh khảnh, gầy như xương xẩu, và ông thấy lo lắng về nhịp độ làm việc của cô, cách cô đốt sức vào học tập và công việc. Cô đưa tay chùi những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán, để lại một vệt đất.

“Ừ. Chú không thể xem mấy tập hồ sơ bảo hiểm ấy thêm một phút nào nữa.”

“Cháu tưởng chú đã thuê người làm rồi.”

“Chú thuê rồi. Cô ấy sẽ làm tốt thôi, chú nghĩ thế, nhưng đến tuần sau cô ấy mới bắt đầu làm việc được.”

Rosemary gật đầu, trầm ngâm. Những sợi lông mi nhạt của cô ánh lên. Cô vẫn còn trẻ, mới hai mươi hai tuổi, nhưng cô là người mạnh mẽ và chuyên tâm, cô mang trong mình sự căm quyết của một phụ nữ lớn hơn cô nhiều tuổi.

“Tối nay cháu phải đi học à?” ông hỏi, và cô gật đầu.

“Buổi cuối cùng đấy ạ. Ngày mười hai tháng Bảy.”

“À ừ. Chú quên khuấy đi mất.”

“Chú bận nhiều việc mà.”

Ông gật đầu, cảm thấy hơi có lỗi, bối rối trước ngày tháng. Mười hai tháng Bảy; không thể ngờ được thời gian trôi nhanh đến thế. Rosemary đã đi học trở lại sau khi sinh Jack, cũng vào đúng cái tháng Một ảm đạm năm đó, khi ấy ông đã rời bỏ phòng khám nơi ông đang làm việc vì một người đàn ông từng là bệnh nhân của ông trong suốt hai mươi năm trời đã bị đuổi ra khỏi cửa vì thiếu bảo hiểm y tế. Ông đã gây dựng phòng khám của riêng mình, và nhận chữa bệnh cho bất cứ ai tìm đến, dù có bảo hiểm hay không. Ông không còn chữa bệnh vì tiền nữa. Paul đã học xong đại học, và món nợ của nó đã trả xong từ lâu, nó có thể làm gì tùy thích. Đạo này, giống như các bác sĩ thời xưa, ông được trả công bằng sản phẩm, hoặc rau quả trồng tại nhà, hoặc bất cứ thứ gì người ta có thể trả cho ông. Ông nghĩ rằng mình sẽ tiếp tục sống thế này chừng chục năm nữa, tiếp bệnh nhân hàng ngày nhưng dần dần sẽ giảm bớt số cuộc hẹn, cho đến khi phạm vi hoạt động của ông chỉ còn bó hẹp trong căn nhà này, khu vườn này, những chuyến đi tới tiệm tạp hóa và tiệm hớt tóc. Norah có lẽ sẽ vẫn bay vòng quanh thế giới như một con chuồn chuồn, nhưng cuộc sống như vậy không phải dành cho ông. Ông đã bén rễ một chỗ; những cái rễ ăn sâu vào lòng đất.

“Hôm nay cháu có một bài thi Hóa học cuối kỳ,” Rosemary nói, đoạn tháo găng tay ra, “và rồi hoan hô, thế là xong.” Ông kêu vo vo giữa đám hoa kim ngân. “Cháu còn chuyện này nữa muốn nói với chú,” cô nói, rồi kéo thẳng vạt quần soóc, ngồi xuống bên ông trên bậc thềm bê tông ẩm áp.

“Nghe có vẻ nghiêm trọng nhỉ.”

Cô gật đầu. “Vâng. Cháu vừa được một nơi nhận vào làm hôm qua. Công việc rất tốt.”

“Ở đây à?”

Cô lắc đầu, mỉm cười vẫy tay với Jack khi thằng bé cố nhào lộn rồi ngã lăn ra bãi cỏ. “Vấn đề là ở đây. Chỗ làm đó ở Harrisburg cơ ạ.”

“Gần chỗ mẹ cháu ở rồi,” ông nói, thấy tim mình se lại. Ông biết cô muốn sống gần ông, và ông cũng mong như thế. Nhưng chuyển đi vẫn luôn là một khả năng có thực. Hai năm trước, sau khi bố cô đột ngột qua đời, Rosemary đã làm lành với mẹ và chị gái, và họ rất mong mỏi cô quay về nhà để nuôi nấng Jack gần với gia đình.

“Vâng. Đây là công việc rất phù hợp với cháu: tuần làm việc bốn ngày, mỗi ngày mười tiếng. Họ còn trả tiền cho cháu tiếp tục đi học nữa. Cháu có thể lấy thêm bằng vật lý trị liệu. Nhưng cái chính là làm thế cháu sẽ có thêm thời gian dành cho Jack.”

“Cháu còn được đỡ đàn nhiều nữa chứ,” ông nói. “Mẹ cháu sẽ đỡ cho cháu. Cả chị gái cháu nữa.”

“Vâng. Được thế thì tốt quá. Dù cháu rất yêu Kentucky, nhưng nơi đây chưa bao giờ là nhà cháu cả, không hẳn.”

Ông gật đầu, mừng cho cô, nhưng không đủ tự tin để nói ra. Có những lúc ông đã tưởng tượng, chỉ về mặt lý thuyết thôi, rằng ông có thể sửa lại căn nhà theo ý muốn: ông sẽ cho phá bỏ những bức tường, mở rộng không gian, căn nhà đôi sẽ dần dần chuyển thành ngôi nhà duyên dáng cho một gia đình như trước kia. Nhưng những giả thiết của ông chỉ tính đến mặt không gian và sự thoáng khí, có thể dễ dàng bị gạt sang bên để nhường chỗ cho niềm vui được nghe thấy tiếng bước chân cô và tiếng cử động khe khẽ ở gian nhà bên, hay bị đánh thức giữa đêm tối bởi tiếng khóc của Jack vắng vắng xa xa.

Nước dâng lên mắt ông. Ông cười lớn.

“Chà chà,” ông nói, đoạn gỡ mắt kính ra. “Chú nghĩ chuyện này sớm muộn gì cũng xảy ra thôi. Chúc mừng cháu nhé.”

“Bọn cháu sẽ về thăm chú,” cô nói. “Chú cũng đến thăm mẹ con cháu nữa nhé.”

“Ừ, phải rồi,” ông đáp. “Chú chắc chắn ta còn gặp lại nhau nhiều mà.”

“Hắn rồi.” Cô đặt tay lên đầu gối ông. “Chú ạ, cháu biết là chú cháu mình chưa bao giờ nói về chuyện này. Cháu còn chẳng biết phải bắt đầu như thế nào, thật đấy. Nhưng việc đó có ý nghĩa với cháu biết bao – những việc chú đã làm để giúp đỡ cháu ấy – cháu biết ơn chú lắm. Cháu biết ơn chú suốt đời.”

“Chú thì lại luôn bị buộc tội cố gắng quá sức để cứu giúp mọi người cơ đấy,” ông đáp.

Cô lắc đầu. “Về nhiều phương diện, chú đã cứu vớt cuộc đời cháu.”

“Ừm. Nếu đúng thế thật thì chú cũng mừng. Chỉ có ông trời mới biết chú đã gây ra bao nhiêu mất mát ở những nơi khác. Dường như chú không bao giờ có thể làm được nhiều điều tốt cho Norah như thế.”

Có một khoảng im lặng giữa hai người, tiếng máy cắt cỏ ở phía xa kêu ù ù.

“Chú phải nói cho cô ấy biết,” Rosemary khẽ nói. “Cả Paul nữa. Chú phải nói đi.” Jack đang ngồi xổm giữa lối đi, vun hàng đồng sỏi lại, để đá trôi rơi qua kẽ ngón tay. “Cháu không có tư cách để nói gì cả, cháu biết thế. Nhưng Norah phải được biết về Phoebe. Cô ấy không biết gì, như thế là không được. Cô ấy phải tin là không có chuyện tặng tịu gì giữa chú và cháu nữa.”

“Chú đã nói sự thật cho cô ấy biết rồi. Rằng chúng ta chỉ là bạn.”

“Phải. Đúng là thế. Nhưng làm sao cô ấy tin được?”

David nhún vai. “Đó là sự thật.”

“Không phải tất cả sự thật. Chú David, theo một cách kỳ quặc nào đó, chúng ta vẫn có một mối liên hệ với nhau, chú và cháu, nhờ có Phoebe. Vì cháu biết bí mật đó. Vấn đề là, cháu từng thích cảm giác đó: cháu cảm thấy mình thật đặc biệt vì cháu biết điều không ai biết cả. Chẳng phải đấy cũng là một thứ quyền lực hay sao, biết được một bí mật? Nhưng sau này cháu lại không thích nữa. Dù sao cháu cũng không phải người có quyền được biết, đúng không?”

“Không.” David nhặt lên một cục đất và bóp vụn nó giữa các ngón tay. Ông nghĩ đến những lá thư của Caroline, ông đã cẩn thận đốt hết khi chuyển sang căn nhà này. “Chú nghĩ là không.”

“Đấy. Chú thấy chưa? Chú sẽ nói chứ? Nói cho cô ấy biết.”

“Chú không biết nữa, Rosemary. Chú không hứa chắc được đâu.”

Họ ngồi im lặng dưới nắng trong vài phút, ngắm Jack cố lộn vòng vòng trên cỏ. Nó là một thằng bé tóc hoe vàng, nhanh nhẹn, có tố chất vận động viên bẩm sinh, nó rất thích chạy nhảy và leo trèo. David đã trở về từ Tây Virginia để giải thoát mình khỏi nỗi đau đớn và mất mát ông đã giữ kín trong lòng suốt bao năm qua. Khi June ra đi ông đã không có cách nào để nói về những gì đã mất, không thực sự có cách nào để tiếp tục cuộc sống. Thời ấy, nói đến cái chết thậm chí còn là một điều xúc phạm, vì vậy họ chỉ im lặng. Họ đã để mặc cho nỗi đau mãi dờ dang như thế. Bằng cách nào đó, việc quay trở lại cho ông cơ hội để xoa dịu nó. Ông đã về tới Lexington trong tình trạng kiệt quệ, phải, nhưng lại thấy thanh thản và vững tin. Sau ngàn ấy năm, cuối

cùng ông cũng tìm được lòng can đảm để cho Norah quyền tự do làm lại cuộc đời mình.

* * *

Khi Jack ra đời, David đã lập cho nó một tài khoản đứng tên Rosemary, và một tài khoản cho Phoebe, đứng tên Caroline. Việc đó khá đơn giản; ông vẫn giữ sổ bảo hiểm xã hội của Caroline, và ông có cả địa chỉ của bà. Thám tử tư mất chưa đến một tuần để tìm ra Caroline và Phoebe, đang sống ở Pittsburgh, trong một căn nhà hẹp cao tầng gần đường cao tốc. David đã lái xe đến đó và đỗ trên phố, ông đã định bước lên những bậc thềm ấy và gõ cửa. Ông muốn cho Norah biết những gì đã xảy ra, nhưng ông không thể làm thế mà không nói cho bà biết nơi Phoebe đang sống được. Norah sẽ muốn được gặp con gái họ, ông chắc chắn vậy, có lẽ ông sẽ không chỉ thay đổi cuộc đời mình, hay cuộc đời của Norah hoặc Paul. Ông đến đây để nói cho Caroline biết điều ông định làm.

Làm như thế có đúng không? Ông không biết. Ông ngồi im trong xe. Trời đã nhập nhoạng tối, ánh đèn pha lấp loáng trên những vòm tiêu huyền. Phoebe đã lớn lên ở đây, những con phố trở nên thân thuộc đến mức con bé coi đó là một điều hiển nhiên, vỉa hè bị lật lên bởi rễ cây, tấm biển báo nguy hiểm khẽ rung lên trong gió, dòng xe cộ tấp nập – tất cả những thứ đó, đối với con gái ông, đều là biểu tượng của chốn quê nhà. Một cặp vợ chồng đẩy chiếc xe nôi đi ngang qua, rồi đèn trong phòng khách ngôi nhà Caroline sáng bật sáng. David ra khỏi xe và đứng ở bên xe buýt, cố gắng không tỏ ra quá lộ liễu dù khi ấy ông đang nhìn chằm chằm vào ô cửa sổ qua bãi cỏ tối đen. Trong nhà, đi đi lại lại giữa căn phòng sáng trưng, Caroline đang thu dọn phòng khách, gom nhặt các tờ báo và gấp chăn. Bà đeo một chiếc tạp dề. Những cử động của bà vừa khéo léo vừa chăm chú. Bà đứng dậy và vươn thẳng người lên, ngoái đầu lại nói.

Và rồi David nhìn thấy con bé: Phoebe, con gái ông. Nó ở trong phòng ăn, đang sắp bàn ăn. Nó có mái tóc sẫm và khuôn mặt nhìn nghiêng rất giống Paul, và trong khoảnh khắc, trước khi con bé quay ra để lấy lọ muối, David có cảm tưởng như đang nhìn thấy con trai ông. Ông dần một bước lên, Phoebe biến mất khỏi tầm nhìn rồi trở lại với ba chiếc đĩa. Con bé lùn và có vóc người chắc chắn, tóc khá mỏng, được cặp gọn lại sau gáy. Nó đeo cả kính nữa. Dù vậy, những điểm tương đồng vẫn rất rõ ràng trong mắt David: kia là nụ cười của Paul, cái mũi của thằng bé, biểu hiện của Paul khi nó đang tập trung đều hiện lên khuôn mặt Phoebe khi con bé chống tay lên hông, ngấm ngĩa bàn ăn. Caroline bước vào căn phòng đứng bên cạnh Phoebe, vòng tay quanh người nó để ôm một cái thật nhanh và âu yếm, rồi cả hai cùng cười vang.

Lúc ấy trời đã tối hẳn. David đứng đó, chờ đợi, ông mừng vì không có nhiều người đi bộ lấm. Từng đám lá bay xào xạc trên vỉa hè khi gió thổi qua, ông kéo chiếc áo choàng sát vào người thêm. Ông nhớ rõ cảm giác của mình trong cái đêm vợ trở dạ, như thể ông đang đứng ngoài chính cuộc đời mình và nhìn mình đi qua từng sự kiện. Giờ đây ông hiểu rằng mình không thể kiểm soát được tình hình lúc này, ông hoàn toàn bị gạt ra ngoài lề, cứ như ông chưa hề tồn tại vậy. Phoebe là vô hình đối với ông trong suốt những năm qua: chỉ còn là một ý niệm, không phải một đứa bé. Nhưng nó ở đây, đang đặt những cốc nước lên bàn. Con bé ngược mắt lên, một người đàn ông với mái tóc lởm chởm sẫm màu bước vào nói gì đó khiến nó mỉm cười. Rồi họ ngồi xuống bàn, ba người bọn họ, bắt đầu ăn uống.

David quay lại chiếc xe của mình. Ông hình dung ra cảnh Norah, đứng bên ông trong bóng tối, nhìn con gái họ sống cuộc sống của nó, không mấy may biết đến sự tồn tại của họ. Ông đã gây cho Norah nỗi đau này; sự lừa dối của ông đã khiến bà đau khổ nhiều hơn mức ông có thể tưởng tượng nổi và ngoài tầm chủ định. Nhưng ông có thể tránh

cho bà lần này. Ông có thể lái xe đi và để mặc quá khứ. Và đó là điều ông đã làm, rốt cuộc, ông đã lái xe cả đêm xuyên vùng Ohio bằng phẳng.

* * *

“Cháu không hiểu.” Rosemary nhìn ông. “Sao chú không hứa được? Đây là việc nên làm cơ mà.”

“Nó sẽ gây ra quá nhiều đau đớn.”

“Chú làm sao biết được chuyện gì sẽ xảy ra nếu không thử làm.”

“Nhưng chú có thể đoán được.”

“Nhưng chú David à – hứa với cháu là chú sẽ suy nghĩ về việc đó đi?”

“Ngày nào chú cũng nghĩ về nó.”

Cô bối rối lắc đầu, rồi nở một nụ cười nhẹ nhàng, buồn bã. “Thế thì thôi vậy. Còn một chuyện nữa.”

“Ừ?”

“Stuart và cháu sắp làm đám cưới.”

“Cháu vẫn còn quá trẻ để lập gia đình mà,” ông đáp ngay, và cả hai người cùng cười phá lên.

“Cháu già khộm như những ngọn đồi rồi ấy chứ,” cô nói. “Quá nửa thời gian cháu đều cảm thấy thế.”

“Ừ,” ông đáp. “Thôi lại chúc mừng cháu vậy. Không bất ngờ lắm, nhưng cũng là tin vui.” Ông nghĩ đến Stuart Wells, cao ráo, dáng thể thao. Lực lưỡng là từ hiện lên ngay trong đầu ông lúc ấy. Stuart là bác sĩ chuyên khoa hô hấp. Anh ta đã yêu Rosemary nhiều năm nay, nhưng

cô đã bắt anh phải chờ đến khi cô học xong. “Chú mừng cho cháu, Rosemary ạ. Đó là một chàng thanh niên tử tế. Mà cậu ấy cũng yêu Jack nữa. Cậu ấy có việc làm ở Harrisburg không?”

“Chưa ạ. Anh ấy đang tìm. Hợp đồng của anh ấy sẽ kết thúc trong tháng này.”

“Thị trường lao động ở Harrisburg thế nào?”

“Cũng bình thường thôi ạ. Nhưng cháu cũng chẳng lo lắm. Stuart rất giỏi.”

“Chú chắc là cậu ta phải giỏi lắm.”

“Chú đang giận kìa.”

“Không. Không, không hề. Nhưng tin cháu báo làm chú thấy buồn. Buồn và già.”

Cô cười. “Già khom không?”

Ông cũng cười theo: “Già hơn thế nhiều chứ.”

Họ im lặng một lúc. “Mọi việc chỉ mới xảy ra thôi,” Rosemary nói. “Tất cả đến cùng một lúc trong tuần vừa rồi. Cháu không muốn nói gì trước về công việc đó cho đến khi nào thật chắc chắn. Thế rồi, khi cháu được nhận vào làm, Stuart và cháu quyết định làm đám cưới. Cháu biết như thế thì đột ngột quá.”

“Chú thích Stuart,” David nói. “Chú cũng mong được chúc mừng cậu ấy.”

Cô mỉm cười. “Thật ra, cháu tự hỏi không hiểu chú có dẫn cháu đến cho chú rể trong lễ cưới được không.”

Ông quay sang nhìn cô, làn da cô tái tái, niềm hạnh phúc không thể kìm nén thêm nữa tỏa sáng rạng ngời qua nụ cười của cô.

“Chú rất lấy làm hân hạnh,” ông trình trọng đáp.

“Lễ cưới sẽ tổ chức ở đây. Một buổi lễ nhỏ, đơn giản và rất kín đáo thôi. Hai tuần nữa.”

“Cháu không bỏ phí chút thì giờ nào nhỉ.”

“Cháu còn chẳng phải nghĩ ngợi gì nữa,” cô nói. “Mọi việc hình như đều suôn sẻ cả.” Cô liếc nhìn đồng hồ và thở dài. “Cháu phải đi đây.” Cô đứng dậy, rửa sạch hai tay. “Đi nào, Jack.”

“Nếu cháu muốn, chú sẽ trông chừng thằng bé cho, trong khi cháu đi thay quần áo.”

“Thế thì may quá. Cảm ơn chú.”

“Rosemary.”

“Dạ?”

“Thỉnh thoảng gửi ảnh cho chú nhé? Ảnh của Jack khi nó lớn lên ấy? Ảnh của hai mẹ con cháu khi cháu chuyển sang nhà mới nữa, được không?”

“Vâng. Tất nhiên rồi.” Cô khoanh tay lại và đá chân lên mép bậc thềm.

“Cảm ơn cháu,” ông nói giản dị, lại cảm thấy bối rối trước những cách ông đã vận dụng để bỏ lỡ chính cuộc đời mình, ông chìm đắm suy tư như khi làm việc với ống kính máy ảnh hay lúc ngập chìm trong nỗi đau buồn. Mọi người cho rằng ông ngừng chụp ảnh vì người phụ nữ tóc sẫm ở Pittsburgh và bài bình luận không chút xu nịnh của bà ta. Ông

không được yêu mến nữa, họ lạm bàn thêm, từ đó ông mất hết hứng thú. Không ai có thể tin được rằng chỉ đơn giản là ông không còn quan tâm nữa, nhưng đó là sự thật. Ông đã không động đến máy ảnh kể từ ngày ông đến đứng bên ngã ba sông. Ông đã từ bỏ, nghệ thuật và thủ thuật, từ bỏ cái nhiệm vụ tinh tế nhưng mệt mỏi, cố gắng biến đổi thế giới xung quanh thành một thứ hoàn toàn khác, chuyển những bộ phận cơ thể sang sự vật và chuyển những sự vật thành bộ phận cơ thể. Đôi khi tình cờ bắt gặp những tấm ảnh mình đã chụp, in trong sách, treo trên tường văn phòng hay ở nhà, ông giật mình bởi vẻ đẹp lạnh lẽo, sự chính xác máy móc của chúng – và thậm chí nhiều khi, giật mình bởi cuộc kiếm tìm đầy khao khát ẩn trong sự trống rỗng của từng bức ảnh.

“Cháu không thể ngăn thời gian ngừng trôi được,” ông nói. “Cháu không thể giữ ánh sáng lại. Cháu chỉ có thể ngẩng mặt lên và để ánh sáng tràn lên mặt cháu. Thế nên, Rosemary ạ, chú muốn có mấy tấm ảnh. Của cháu và Jack. Dù sao bằng cách này chú còn được nhìn thấy hai mẹ con. Khi nhìn vào đấy chú sẽ vui lắm.”

“Cháu sẽ gửi thật nhiều,” cô hứa, tay chạm lên vai ông. “Cho chú ngập trong ảnh thì thôi.”

Ông ngồi trên bậc thềm chờ cô thay quần áo, lười biếng phoir mình dưới nắng. Jack chơi với cái xe của nó. *Chú nên nói cho cô ấy biết.* Ông lắc đầu. Sau hôm ngồi nhìn căn nhà của Caroline như một kẻ tọc mạch, ông đã gọi một luật sư ở Pittsburgh và cho lập các tài khoản thụ hưởng kia. Khi ông chết, họ sẽ không phải trải qua bất cứ thủ tục chứng thực di chúc nào. Jack và Phoebe sẽ được lo lắng đến nơi đến chốn, còn Norah không cần phải biết.

Rosemary quay lại, người sực nức mùi xà phòng Ivory, cô mặc váy và đi giày bệt. Cô cầm tay Jack và quàng chiếc ba lô màu xanh ngọc lên vai. Trông cô thật trẻ trung, mạnh mẽ và mảnh mai, mái tóc cô ướ

đắm, khuôn mặt hơi cau lại chăm chú. Cô sẽ gửi Jack ở nhà người trông trẻ trên đường đi.

“Ôi,” cô nói, “mãi nói chuyện, cháu suýt thì quên mất: Paul vừa gọi đấy ạ.”

Tim David đập nhanh hơn. “Thật à?”

“Vâng, sáng nay. Ở chỗ cậu ấy lúc đấy là nửa đêm rồi; cậu ấy vừa đi biểu diễn về. Cậu ấy nói đang ở Seville. Cậu ấy đã đến đấy được ba tuần nay rồi, giờ đang học ghi ta kiểu flamenco với ai đấy – cháu chả nhớ lắm, nhưng có vẻ cũng là người nổi tiếng lắm.”

“Thằng bé có vui vẻ không?”

“Có ạ. Nghe chừng cậu ấy vui lắm. Cậu ấy không để lại số điện thoại. Chỉ nói là sẽ gọi lại thôi.”

David gật đầu, ông mừng vì Paul vẫn khỏe mạnh. Mừng vì nó đã gọi về.

“Chúc cháu thi tốt nhé,” ông nói, đoạn đứng dậy.

“Cảm ơn chú. Chỉ cần cháu đỗ là ổn ấy mà.”

Cô mỉm cười, rồi vẫy tay chào và dắt Jack đi theo con đường đá hẹp dẫn ra vỉa hè. David nhìn cô đi, cố gắng ghi vào đầu khoảnh khắc này – chiếc ba lô sinh động, tóc cô phất phơ sau lưng, bàn tay không của Jack giờ ra để nhật lá và que – mãi mãi. Tất nhiên, làm vậy cũng vô ích mà thôi; ông quên dần mọi thứ sau mỗi bước cô đi. Đôi khi những tấm ảnh của mình khiến ông sửng sốt, những bức ảnh ông tình cờ tìm thấy trong các hộp cũ hoặc cặp tài liệu, những khoảnh khắc ông thậm chí không nhớ nổi mình đã nhìn thấy lúc nào: ảnh chụp chính ông cười với những người ông không nhớ tên, Paul với nét mặt David chưa bao giờ thấy trong đời mình. Rồi sau một năm nữa, hay năm năm nữa, ông sẽ

còn nhớ gì về giây phút này đây? Ánh nắng rải trên tóc Rosemary, căn đất bẩn trong móng tay cô, mùi xà phòng thơm thoang thoảng.

Và dù sao, như thế cũng đã là quá đủ.

Ông đứng dậy, vươn vai, rồi chạy ra công viên. Chạy được chừng một dặm, ông bỗng nhớ ra một việc khác đã luẩn quẩn trong đầu ông suốt cả buổi sáng, một sự kiện quan trọng trong ngày hôm nay, hơn cả bài thi của Rosemary: mười hai tháng Bảy. Sinh nhật Norah. Bà đã bốn mươi sáu tuổi.

Không thể tin nổi. Ông chạy, những sợi chân dài thoải mái, nhớ đến Norah trong ngày cưới của họ. Họ đã bước ra ngoài, dưới ánh nắng hanh cuối đông, và đứng trên vỉa hè bắt tay khách khứa. Gió thổi mạng che mặt của bà tung bay, quệt nhẹ lên má ông, những bông tuyết muộn từ trên cây sơn thù du rơi rơi như những cánh hoa bay.

Ông vẫn chạy, nhưng không theo con đường tới công viên nữa, mà chuyển hướng quay về khu nhà cũ của mình. Rosemary nói đúng. Norah nên biết. Ông sẽ nói cho bà biết ngay hôm nay. Ông sẽ đến căn nhà cũ của họ, Norah vẫn còn sống ở đó, và chờ đến khi bà về nhà, ông sẽ nói cho bà biết, dù ông không tưởng tượng ra Norah sẽ phản ứng ra sao.

Tất nhiên chú không thể biết được, Rosemary đã nói vậy. Cuộc sống là thế mà, chú David. Liệu trong nhiều năm trước, chú có tưởng tượng được mình sẽ sống trong căn nhà đôi chật chội u ám này không? Trong một triệu năm nữa, liệu chú có bao giờ tưởng tượng ra sẽ gặp cháu không?

Phải, cô nói đúng; cuộc sống ông đang sống không phải cuộc sống mà ông đã tưởng tượng ra cho mình. Ông đã đến thành phố này như một người lạ, nhưng giờ đây những con phố vụt qua trước mắt ông thật quá quen thuộc; không một bậc thềm nào hay một hình ảnh còn sót lại

nào mà không gắn với một kỷ niệm. Ông đã nhìn thấy những cái cây này được trồng xuống, thấy chúng lớn lên. Ông chạy qua những ngôi nhà ông biết rõ, những ngôi nhà ông đã ghé thăm để cùng ăn tối hoặc uống trà, những nơi ông đã tới ngay khi nhận được điện thoại báo cấp cứu, đứng trong đêm khuya trên hành lang hay phòng chờ, ghi đơn thuốc, gọi xe cứu thương. Từng lớp, từng lớp ngày tháng và hình ảnh, cô đặc và đan xen, thật đặc biệt đối với riêng ông. Norah có thể đi qua nơi này, hoặc Paul cũng vậy, và nhìn thấy điều gì đó hoàn toàn khác biệt nhưng cũng chân thực y như vậy.

David chạy xuống con phố cũ. Ông đã không ghé qua đây nhiều tháng rồi, và ông ngạc nhiên khi thấy những hàng cột ngoài hiên đã gãy gục, mái nhà giờ đây được đỡ bằng hai thanh dầm hai nhân bốn. Sàn lát hiên có vẻ đã mục, nhưng không thấy có thợ sửa chữa. Lối vào trống không; Norah vẫn chưa về. Ông rào chân qua bãi cỏ vài lần để lấy hơi, rồi ra chỗ chiếc chìa khóa được giấu dưới viên gạch kế bên bụi đỗ quyên. Ông vào nhà và uống một ít nước. Căn nhà xông lên mùi ẩm mốc. Ông mở một ô cửa sổ ra. Gió thổi tung tấm rèm trắng mỏng manh. Đó là rèm mới, cả gạch lát sàn và chiếc tủ lạnh cũng vậy. Ông lấy thêm một cốc nước nữa. Sau đó ông đi quanh nhà, tò mò muốn biết xem còn thứ gì thay đổi nữa không. Những thứ nhỏ nhất, ở khắp nơi: một tấm gương mới trong phòng ăn, bộ xa lông kê trong phòng khách đã được bọc vải mới và kê lại.

Trên gác, các phòng ngủ vẫn như cũ, căn phòng của Paul là ngôi đền của những tội lỗi tuổi trẻ, với áp phích của những nhóm tứ tấu vô danh dán trên tường, những cuống vé dính trên một tấm bảng, tường sơn màu xanh sẫm ghê rợn, trông chẳng khác nào một cái hang. Thành bé đã theo học trường Juilliard, và mặc dù David đã chúc nó thành công và trả một nửa học phí cho nó, Paul vẫn chỉ nhớ đến thời quá khứ xa xưa trước đó, hồi David chưa tin tưởng tài năng của con trai có thể đảm bảo cho nó một chỗ đứng trong cuộc đời này. Nó luôn gửi những tờ bướm

giới thiệu chương trình và các bài bình luận, cùng với bưu ảnh từ tất cả các thành phố nó đã đến lưu diễn, như để nói *Đấy, bố nhìn đi, con đã thành công rồi đấy*. Như thế chính bản thân Paul cũng không thể tin nổi. Đôi khi David vượt hàng trăm dặm đường hoặc hơn, đến Cincinnati, Pittsburgh, Atlanta hoặc Memphis, để ngồi ở tận hàng ghế cuối trong khán phòng tối om xem Paul biểu diễn. Đầu nó cúi xuống chiếc ghi ta, những ngón tay khéo léo, những nốt nhạc như một thứ ngôn ngữ vừa bí ẩn vừa đẹp dễ, khiến David xúc động trào nước mắt. Nhiều khi tất cả những gì ông có thể làm là ngăn mình không sải bước dọc lối đi tối om giữa hai hàng ghế, chạy đến ôm chặt lấy Paul. Nhưng tất nhiên ông không bao giờ làm thế; nhiều lúc, ông chỉ lặng lẽ rời đi.

Phòng ngủ lớn được sắp đặt vô cùng ngăn nắp, không được dùng tới. Norah đã chuyển sang căn phòng ngủ nhỏ hơn ở phía trước; trong phòng tắm trải giường đã nhăn nhúm. David giơ tay ra định vuốt cho phẳng, nhưng rồi đến phút cuối ông rút tay lại, dường như đó là một sự xâm phạm quá thô bạo. Sau đó ông quay xuống nhà dưới.

Ông không hiểu nổi; đã chiều muộn rồi và lẽ ra Norah phải về đến nhà rồi chứ. Nếu bà không về sớm, ông đành rời khỏi đây thôi.

Có một tập giấy nhớ đặt trên bàn cạnh điện thoại, mảnh giấy trên cùng chỉ chít những ghi chú khó hiểu: *Gọi Jan trước 8:00 để sắp lại lịch; Tim vẫn chưa chắc chắn lắm; giao hàng, trước 10:00. Đừng quên – Dunfree và vé*. Ông xé tờ giấy đó ra thật cẩn thận, vuông vắn, đặt ở chính giữa bàn, rồi mang cả tập giấy ra bàn ăn sáng, ngồi xuống, và bắt đầu viết.

Con gái chúng ta chưa chết. Caroline Gill đã đưa con bé đi và nuôi nấng nó ở một thành phố khác.

Ông xé tờ đó đi.

Anh đã đem cho con gái của chúng ta.

Ông thở dài và đặt bút xuống. Ông không thể làm được điều này; ông không thể tưởng tượng nổi cuộc sống của mình sẽ ra sao nếu không có gánh nặng bí mật mà ông đang mang. Ông nghĩ nó giống như một kiểu hành xác. Làm thế là tự hủy hoại bản thân mình, ông biết thế, nhưng đời là vậy. Có người hút thuốc, có người nhảy từ trên máy bay xuống, có người uống tràn cung mây rồi nhảy vào xe phóng như điên mà không cài dây an toàn. Đối với ông, là bí mật này. Tắm rèm mới quét lên cánh tay ông. Xa xa, vòi nước trong phòng tắm dưới nhà nhỏ từng giọt tí tách, thứ âm thanh đã khiến ông muốn phát điên bao nhiêu năm nay, ông đã luôn muốn sửa nó. Ông giật tờ giấy khỏi tập giấy nhớ, xé vụn ra rồi nhét vào túi để vứt đi sau. Sau đó ông ra ga ra súc sạo giữa đồng dụng cụ mà ông đã bỏ lại cho tới khi tìm thấy một cây cờ lê và một bộ vòng đệm. Có lẽ trong một ngày thứ Bảy nào đó ông đã mua chúng vì chính mục đích này.

Phải mất hơn một tiếng ông mới sửa xong vòi nước trong phòng tắm. Ông tháo rời từng món ra và cọ sạch cạnh bản bám trên lưới lọc, thay gioăng, siết chặt các vít. Nấm đấm cửa bằng đồng đã mờ đục. Ông đánh lại cho bóng, dùng chiếc bàn chải đánh răng cũ tìm thấy trong lon cà phê dưới bồn rửa. Khi ông làm xong thì đã sáu giờ, vẫn còn sớm trong buổi tối giữa mùa hè, ánh nắng vẫn tràn qua cửa sổ nhưng góc chiếu thấp hơn, xiên xiên trên sàn nhà. David đứng trong phòng tắm một lúc, cảm thấy vô cùng hài lòng trước cái nấm đấm cửa sáng bóng, trước không gian tĩnh lặng. Chuông điện thoại đổ dồn trong bếp và một giọng nói xa lạ vang lên, hối hả báo về những tấm vé đi Montreal, rồi tự ngắt lời mình và nói, *Ôi chết tiệt, phải rồi, tôi quên mất chị đang đi nghỉ ở châu Âu với Frederic*. Ông cũng nhớ việc này – bà đã nói cho ông biết, nhưng ông để nó tự trôi khỏi tâm trí mình; không, ông đã cố gạt nó ra khỏi đầu – rằng bà đã đi nghỉ ở Paris. Rằng bà đang hẹn hò với một người khác, một người Canada sống ở Quebec, ông ta làm việc ở tòa nhà của hãng IBM và nói tiếng Pháp. Giọng nói của bà thay đổi khi bà nói về ông ta, dường như dịu dàng hơn, thứ

giọng ông chưa từng nghe bà nói bao giờ. Ông tưởng tượng ra Norah, vừa kẹp điện thoại trên vai vừa nhập thông tin vào máy vi tính, rồi chột ngược mắt lên và nhận ra rằng đã quá giờ ăn tối. Norah, sỏi những bước dài trên hành lang sân bay, dẫn các đoàn khách ra xe buýt, đến nhà hàng, khách sạn, theo những cuộc thám hiểm, tất cả đều được bà chuẩn bị thật chín chu.

Chà, ít ra thì bà cũng sẽ vui vì mấy cái vôi nước. Cả ông cũng vui – ông đã làm rất cẩn thận, tỉ mỉ. Ông đứng trong bếp, vươn dài hai tay để chuẩn bị kết thúc buổi chạy bộ, rồi nhặt tập giấy nhớ lên.

Anh đã sửa bồn rửa trong phòng tắm rồi, ông viết. Chúc mừng sinh nhật.

Rồi ông ra khỏi nhà, khóa cửa lại sau lưng, và chạy đi.

II

NORAH NGỒI TRÊN GHẾ ĐÁ TRONG KHU VƯỜN CỦA ĐIỆN LOUVRE, một cuốn sách để mở trong lòng, ngắm những chiếc lá dương bạc rung rinh nổi bật trên nền trời. Chim bồ câu lạch bạch lội trong đám cỏ ngay sát chân bà, mổ lích chích, lê theo những đôi cánh óng ánh đủ màu.

“Thằng bé đến muộn mất,” bà nói với Bree ngồi ngay bên cạnh, đôi chân dài bắt chéo lại ở mắt cá, đang đảo qua tờ tạp chí. Bree, giờ đã bốn tư tuổi, vẫn rất xinh đẹp, cao ráo và yếu điệu, đôi hoa tai màu xanh ngọc lướt nhẹ lên làn da màu ô liu, mái tóc thuần một màu trắng bạc. Trong quá trình xạ trị bà đã cắt tóc thật ngắn, nói rằng bà không định bỏ phí thêm giây phút nào của cuộc đời để làm đóm nữa. Bà may mắn và bà biết điều đó; họ đã phát hiện khối u sớm và giờ bà đã thoát khỏi bệnh ung thư năm năm nay. Dẫu vậy những gì đã trải qua khiến bà thay đổi, cả những điều to lớn và nhỏ nhặt. Bà cười nhiều hơn và nghỉ ngơi nhiều hơn. Bà dành những ngày cuối tuần để làm tình nguyện cho dự án xây nhà từ thiện; khi đang xây nhà ở miền Đông Kentucky bà đã gặp một người đàn ông hài hước, khỏe mạnh và thân thiện, một mục sư vừa góa vợ. Ông tên là Ben. Họ gặp lại nhau trong một dự án ở Florida, và một lần khác nữa ở Mexico. Trong chuyến đi cuối cùng đó, họ đã kín đáo làm đám cưới.

“Paul sẽ đến thôi,” Bree nói, ngẩng đầu lên. “Dù sao đây cũng là ý nó cơ mà.”

“Thì đúng thế,” Norah đáp. “Nhưng nó đang yêu. Chị chỉ mong nó vẫn còn nhớ thôi.”

Không khí nóng và khô. Norah nhắm mắt lại, nhớ về cái ngày cuối tháng Tư Paul xuất hiện ở văn phòng khiến bà hết sức bất ngờ, cậu ghé qua nhà chỉ vài tiếng giữa hai buổi lưu diễn. Cao và vẫn gầy lẳng không, cậu ngồi trên mép bàn làm việc của bà, vừa chuyển cục chặn giấy từ tay này sang tay kia vừa mô tả những kế hoạch cho chuyến lưu diễn mùa hè xuyên châu Âu, cậu sẽ dành trọn sáu tuần ở Tây Ban Nha để học với các nghệ sĩ ghi ta ở đó. Bà và Frederic đã lên lịch cho chuyến đi Pháp, và khi Paul phát hiện ra họ sẽ ở Paris cùng một ngày, cậu đã nhặt vội cây bút trên bàn và nguệch ngoạc mấy chữ LOUVRE lên tờ lịch tường trong văn phòng Norah: *Năm giờ, ngày 21 tháng Bảy. Gặp con trong vườn, con sẽ đưa mẹ đi ăn tối.*

Vài tuần sau cậu đi châu Âu, thỉnh thoảng lại gọi về cho bà từ các nhà nghỉ quê mùa hay khách sạn nhỏ ven biển. Cậu đã yêu một nữ nghệ sĩ chơi sáo, thời tiết rất đẹp, bia ở Đức thì ngon thôi rồi. Norah lắng nghe; bà cố gắng không lo lắng hay hỏi han quá nhiều. Dù gì thì Paul cũng đã trưởng thành, cao một mét tám, màu da sẫm giống David. Bà tưởng tượng ra cảnh cậu đi chân trần dạo bộ dọc bãi biển, cúi xuống thì thăm điều gì đó với bạn gái, hơi thở của cậu mơn man trên tai cô.

Bà quá dè dặt đến nỗi thậm chí không bao giờ dám hỏi cậu về lịch trình chuyến đi, vì vậy khi Bree gọi từ bệnh viện ở Lexington về, bà đã không biết liên lạc với cậu bằng cách nào để báo cái tin động trời: David, khi đang chạy trong vườn ươm cây, đã lên cơn đau tim nguy kịch và qua đời.

Bà mở mắt ra. Cảnh vật vừa sống động vừa mờ ảo trong hơi nóng cuối chiều hè, lá cây lấp lánh trên nền trời xanh ngắt. Bà đã bay về nhà một mình, tỉnh dậy trên máy bay giữa những giấc mơ đầy âu lo, thấy mình đang tìm kiếm Paul. Bree giúp bà vượt qua đám tang, và không để bà trở lại Paris một mình.

“Chị đừng lo,” Bree nói. “Nó sẽ đến thôi.”

“Nó đã bỏ lỡ đám tang,” Norah nói. “Chị sẽ mãi day dứt về chuyện đó. Họ chưa bao giờ giải quyết mọi chuyện cho thật rõ ràng, David và Paul ấy. Chị không nghĩ Paul có thể vượt qua được cái chết của David.”

“Còn chị thì có à?”

Norah nhìn Bree, mái tóc lông nhím ngắn ngủn và nước da sáng, đôi mắt xanh của em gái, bình thản và chăm chú. Bà quay đi.

“Nghe giống như câu Ben hỏi. Chị nghĩ hình như em đã dành quá nhiều thời gian với các mục sư rồi đấy.”

Bree cười lớn, nhưng bà vẫn không chịu thôi. “Ben có hỏi đâu,” bà nói. “Là em đấy chứ.”

“Chị không biết nữa,” Norah chậm rãi đáp, nghĩ đến David trong lần cuối cùng bà gặp ông, ông đang ngồi trên hiên nhà uống một cốc trà đá sau cuộc chạy bộ. Họ đã ly dị được sáu năm và trước đó đã chung sống với nhau mười tám năm ròng: bà đã biết ông hai mươi năm trời, một phần tư thế kỷ, quá nửa cuộc đời bà. Khi Bree gọi đến để báo tin cái chết của ông, ban đầu bà chỉ cảm thấy sững sờ. Không thể tưởng tượng được thế giới không có David. Phải đến tận mãi sau, sau đám tang, nỗi đau mới xâm chiếm tâm can bà. “Có quá nhiều điều chị ước rằng mình đã nói với anh ấy. Nhưng ít ra bọn chị cũng đã nói chuyện. Đôi khi anh ấy chỉ ghé qua: để sửa thứ gì đó, để chào một câu. Anh ấy cô đơn, chị nghĩ vậy.”

“Anh ấy có biết về Frederic không?”

“Không. Một lần chị đã cố nói cho anh ấy biết, nhưng hình như anh ấy không chịu nghe.”

“Thế thì đúng kiểu của David rồi,” Bree bình luận. “Anh ấy và Frederic khác hẳn nhau.”

“Phải. Phải, đúng thế thật.”

Hình ảnh Frederic ở Lexington, đứng ngoài trời trong bóng tối nhập nhoạng, đổ tro vào lớp đất quanh bụi đổ quỳn cao quá đầu bà. Họ gặp nhau mới hơn một năm trước trong một ngày khô hạn, ở một công viên khác. Công ty IBM, khách hàng bà đã dành rất nhiều công sức theo đuổi, vẫn là một trong những mục tiêu sinh lợi nhất của bà, vì vậy bà đã tham gia buổi dã ngoại thường niên bất chấp cơn đau đầu và tiếng sấm đì đùng phía xa. Frederic đang ngồi một mình, trông có phần khô khan và trầm lặng. Norah lấy cho mình một đĩa thức ăn và ngồi kế bên ông. Nếu ông không muốn nói chuyện phiếm thì cũng không sao. Nhưng khi bị kéo khỏi dòng suy tư, ông mỉm cười và chào đón bà nồng nhiệt, ông nói tiếng Anh bằng giọng Pháp lơ lớ; ông đến từ Quebec. Họ nói chuyện hàng giờ liền trong khi cơn bão dần mạnh lên, những người khác đã thu dọn đồ đạc ra về. Khi mưa bắt đầu rơi, ông mời bà đi ăn tối.

“Thế Frederic đâu rồi?” Bree hỏi. “Chẳng phải chị nói anh ấy sẽ đến còn gì?”

“Anh ấy định đến, nhưng lại vừa nhận được điện thoại gọi tới Orleans làm việc. Anh ấy có vài người họ hàng ở đó. Một người anh em họ xa của anh ấy sống ở một nơi tên là Chateauneuf. Chẳng lẽ em không muốn sống ở một nơi có tên như thế sao?”

“Ngay cả ở đấy thì cũng có kẹt xe và những ngày mệt mỏi thôi.”

“Chị hy vọng là không. Chị mong rằng họ sẽ đi chợ mỗi sáng và trở về nhà với bánh mì tươi và những lọ đầy hoa. Dù sao chị cũng đã khuyên Frederic nên đi. Anh ấy và Paul là những người bạn tốt, nhưng để một mình chị báo tin này cho nó thì hơn.”

“Phải. Em cũng đang tính đi đây, ngay khi nào thằng bé đến.”

“Cảm ơn em,” Norah nói, cầm lấy tay em. “Cảm ơn em vì tất cả. Vì đã giúp rất nhiều việc cho đám tang. Chị không thể vượt qua được tuần vừa rồi nếu không có em.”

“Chị nợ em nhiều lắm đấy,” Bree đáp, miệng mỉm cười. Rồi trầm ngâm. “Em nghĩ đó là một đám tang đẹp, nếu được nói như vậy. Có rất nhiều người. Em thật sự bất ngờ khi biết David đã giúp đỡ ngàn ấy cuộc đời.”

Norah gật đầu. Chính bà cũng thấy ngạc nhiên, nhà thờ nhỏ của Bree chật cứng người, đến nỗi khi lễ tang được cử hành, ba người bọn họ bị dồn lại đứng tít phía sau. Những ngày trước đó chỉ còn là một vệt ký ức mờ nhạt, Ben ôn tồn hướng dẫn bà chọn nhạc và Kinh Thánh, bình đựng tro và hoa, giúp bà viết cáo phó. Tuy nhiên, có những việc cụ thể ấy để mà làm cũng đỡ, và Norah đã thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả nhưng trong tâm trạng dờ dẩn tê dại. Hẳn mọi người sẽ thấy lạ, khi bà khóc nức nở, những từ ngữ đẹp đẽ cũ rích bỗng có một ý nghĩa mới mẻ, nhưng thực ra không phải bà đau đớn chỉ vì mình David. Nhiều năm trước họ đã đứng bên nhau trong lễ tưởng niệm con gái họ, và ngay cả khi ấy nỗi đau mất mát vẫn lớn dần lên giữa hai người.

“Là do phòng khám đấy mà,” Norah nói. “Phòng khám anh ấy đã điều hành ngàn ấy năm. Đa số mọi người đều đã từng là bệnh nhân của anh ấy.”

“Em biết. Nhiều thật. Hình như ai cũng nghĩ anh ấy là một vị thánh.”

“Họ có lấy anh ấy đâu,” Norah đáp.

Lá cây rung rinh trên nền trời xanh nóng nực. Bà đảo mắt khắp công viên một lần nữa, tìm xem Paul có ở đó không, nhưng chẳng thấy gì khác.

“Ôi,” Norah nói. “Chị vẫn chưa thể tin được David đã mất.” Kể cả ngay lúc này, khi nhiều ngày đã trôi qua, những lời ấy vẫn khiến bà thoáng rùng mình. “Không hiểu sao, chị thấy mình già quá.”

Bree cầm lấy tay bà, và họ ngồi lặng lẽ trong vài phút. Lòng bàn tay Bree thật mượt mà ấm áp trên tay bà, và Norah cảm thấy khoảnh khắc ấy trải ra, lớn dần lên, như có thể ôm trọn cả thế giới. Bà nhớ thứ cảm giác tương tự của nhiều năm về trước khi Paul vẫn còn là một đứa bé ấm ngửa còn bà ngồi trong đêm tối êm dịu, vỗ về nó. Giờ nó đã lớn, nó đứng trên sân ga tàu hỏa, trên vỉa hè dưới vòm lá rung rinh hay sỏi chân bước trên phố. Nó dừng lại trước các tủ kính bày hàng, thò tay vào túi lấy vé, hay che mắt dưới ánh mặt trời. Nó đã bứt khỏi cơ thể bà và giờ đây, thật đáng kinh ngạc, nó đi vòng quanh thế giới mà không có bà ở bên. Bà nghĩ đến cả Frederic, nhớ ông ngồi trong phòng họp, đầu gật gù khi đọc lướt qua đồng giấy tờ, ép tay lên bàn chuẩn bị phát biểu. Lòng tay ông đen sẫm, những móng tay vuông dài. Ông cạo râu hai ngày một lần, và nếu có quên, lớp râu mới nhú của ông cọ vào cổ bà khi ông siết chặt bà trong đêm, hôn vào mái tóc để kích thích bà. Ông không ăn bánh mì hay đồ ngọt; và nếu báo sáng bị giao trễ ông sẽ rất cáu tiết. Tất cả những thói quen nhỏ nhặt ấy, hoặc dễ thương hoặc đáng ghét, đều thuộc về Frederic. Tối nay bà sẽ gặp ông ở căn nhà nghỉ bên sông. Họ sẽ uống rượu và bà sẽ tỉnh dậy giữa đêm khuya, ánh trăng tràn vào, hơi thở đều đều nhẹ nhàng của ông choán đầy căn phòng. Ông muốn làm đám cưới, và đó cũng chính là một quyết định nữa.

Cuốn sách của Norah tuột khỏi tay, bà cúi xuống nhặt lên. Hình bức tranh *Đêm đầy sao* của Van Gogh trên tờ bướm bà dùng để đánh dấu trang xoay ngược lại. Khi bà ngồi thẳng dậy, Paul đang đi qua công viên.

“Ô kìa,” bà kêu lên, lòng tràn ngập cảm giác khoan khoái quen thuộc mỗi lần gặp cậu: con người này, con trai bà, đang đứng đây trên mặt

đất này. Bà đứng dậy. “Nó đến kìa, Bree. Paul đến thật rồi!”

“Thằng bé đẹp quá,” Bree nhìn theo, giờ bà cũng đã đứng dậy. “Chắc giống em đấy.”

“Chắc vậy,” Norah đồng tình. “Nhưng không biết nó thừa hưởng tài năng ấy từ ai nhỉ, trong khi chị với David thì đến một nốt nhạc bẻ đôi còn chẳng biết.”

Tài năng của Paul, phải. Bà nhìn cậu đi xuyên qua công viên. Một điều bí ẩn, tài năng ấy, và một món quà.

Paul giơ một tay lên vẫy, cười hớn hở, Norah cũng bước về phía con, để lại cuốn sách trên ghế. Tim bà đập rộn ràng vì phấn khích và sung sướng, vì cả nỗi đau và rối bời; toàn thân bà run lên. Thế giới biến đổi biết bao, trước sự hiện diện của cậu! Cuối cùng bà cũng tới chỗ Paul và siết cậu thật chặt. Cậu mặc sơ mi trắng xắn cao tay áo, quần soóc ka ki. Bà cảm nhận rõ rệt cơ bắp của cậu qua lớp vải, khớp xương rắn chắc, hơi nóng tỏa từ cơ thể cậu, và chỉ trong tích tắc, bà thấu hiểu khao khát ghi lại từng khoảnh khắc của David. Không ai có thể đổ lỗi cho ông, không, không ai có thể buộc tội ông vì đã muốn đi sâu vào từng giây phút thoáng qua, để hiểu được bí ẩn chứa bên trong nó, để lấn át những mất mát, đổi thay và chuyển động.

“Chào mẹ,” Paul nói, đoạn lùi lại để nhìn bà. Răng cậu trắng lóa, thẳng hàng, hoàn hảo; giờ cậu đã có một hàm râu đen thẫm. “Gặp mẹ ở đây thích thật,” cậu nói, rồi cười lớn.

“Ừ, thích thật.”

Bree đã đứng bên cạnh Norah. Bà bước lên phía trước và ôm chầm lấy Paul.

“Dì phải đi đây,” bà nói. “Dì chỉ đến để chào cháu một tiếng thôi. Trông cháu bảnh quá Paul ạ. Cuộc sống lang thang hợp với cháu đấy.”

Cậu mỉm cười. “Dì không ở lại được à?”

Bree liếc sang Norah. “Không,” bà đáp. “Nhưng dì sẽ sớm gặp lại cháu, thế nhé?”

“Vâng,” Paul nói, rồi cúi xuống hôn lên má bà. “Thế cũng được ạ.”

Norah đưa cổ tay lên chùi mắt khi Bree quay lưng bước đi.

“Sao thế mẹ?” Paul hỏi ngay, giọng bỗng trở nên nghiêm trọng. “Có chuyện gì phải không?”

“Con ra ngồi đây đi,” bà nói, cầm lấy tay cậu.

Đi bên nhau, hai mẹ con quay lại chiếc ghế đá bà vừa ngồi, khiến đám bồ câu cánh lông ngũ sắc vỗ cánh bay tứ tán. Bà cầm cuốn sách lên, ngón tay mân mê cái kẹp sách.

“Paul, mẹ có một tin buồn. Bố con mất cách đây chín ngày rồi. Bố bị đau tim.”

Mắt cậu mở to vì sốc và đau đớn, cậu quay đi, không nói năng gì mà chỉ nhìn chằm chằm về phía con đường mình đã đi để tới chỗ mẹ, để tới giây phút này.

“Đám tang tổ chức khi nào ạ?” cuối cùng cậu cũng mở miệng.

“Tuần trước. Mẹ xin lỗi con, Paul. Không có đủ thời gian để tìm con nữa. Mẹ đã nghĩ đến việc liên hệ với Đại sứ quán để giúp tìm con, nhưng mẹ chẳng biết phải bắt đầu từ đâu. Nên hôm nay mẹ mới đến đây, chỉ mong con sẽ tới.”

“Suýt nữa con đã lỡ tàu rồi,” cậu nói, về suy tư. “Suýt nữa con đã không đến được.”

“Nhưng con đã đến rồi đấy thôi,” bà nói. “Con đang ở đây mà.”

Cậu gật đầu và ngả về phía trước, khuỷu tay chống lên đầu gối, hai tay siết lại ở giữa. Bà nhớ cậu từng ngồi như thế hồi còn nhỏ, gắng hết sức để che giấu nỗi buồn của mình. Cậu siết chặt tay, rồi buông ra. Bà nắm lấy tay con. Những đầu ngón tay đã chai sần sau bao năm chơi nhạc. Họ ngồi đó một lúc lâu, nghe gió thổi xào xạc qua tán lá.

“Con buồn cũng phải thôi,” cuối cùng bà nói. “Ông ấy là bố con mà.”

Paul gật đầu, nhưng khuôn mặt cậu vẫn khoằm lại như nắm đấm. Cuối cùng cậu cũng cất lời, nhưng giọng nói thì gần như lạc đi.

“Con chưa bao giờ nghĩ bố sẽ ra đi. Con chưa bao giờ nghĩ mình sẽ bận tâm. Dường như hai bố con con chưa bao giờ nói chuyện được với nhau thực sự cả.”

“Mẹ hiểu.” Bà hiểu thật. Sau khi nhận được điện thoại của Bree, Norah đã đi dọc con phố rợp bóng cây, khóc như điên dại, bà giận vì David đã ra đi, không cho bà lấy một cơ hội giải quyết mọi chuyện với ông, một lần và mãi mãi. “Nhưng trước đó, chỉ riêng nói chuyện thôi cũng là một lựa chọn cơ mà.”

“Vâng. Con cứ đợi bố nói trước.”

“Mẹ nghĩ bố cũng chờ đợi chính điều đó.”

“Ông ấy là bố con,” Paul nói. “Ông ấy phải biết nên làm gì chứ.”

“Ông ấy yêu con,” bà nói. “Đừng nghĩ bố không yêu con.”

Paul cười một tiếng cụt lủn, cay đắng. “Không. Nghe thì hay lắm, nhưng không đúng sự thật. Con đã đến nhà ông ấy và cố thử xem; con cùng đi dạo với bố rồi nói chuyện linh tinh, nhưng chẳng bao giờ đi xa hơn mức ấy. Con chẳng làm được gì khiến bố hài lòng cả. Có lẽ bố sẽ hạnh phúc hơn nếu có một đứa con trai khác chứ không phải con.” Giọng cậu vẫn bình thản, nhưng nước đã dâng đầy lên khóe mắt và chảy dài trên má cậu.

“Con yêu,” bà nói. “Bố yêu con. Bố yêu con thật mà. Bố luôn nghĩ con là đứa con tuyệt vời nhất.”

Paul chùi mạnh những giọt nước mắt trên má. Norah cảm thấy nỗi đau đớn và buồn rầu dâng đầy cổ họng, phải mất một lúc sau bà mới nói được.

“Bố con,” cuối cùng bà lên tiếng, “rất khó giải bày với bất cứ ai về bản thân mình. Mẹ không hiểu là vì đâu. Bố con lớn lên trong cảnh nghèo khổ, và ông luôn lấy thế làm hổ thẹn. Mẹ ước gì ông thấy được có bao nhiêu người đến dự đám tang ông ấy, Paul ạ. Hàng trăm người. Đó là nhờ tất cả những gì bố con đã làm ở phòng khám. Mẹ mang theo cả danh sách khách đến viếng đây; con có thể tự mình xem. Rất nhiều người yêu quý ông ấy.”

“Rosemary có đến không?” cậu hỏi, quay lại đối mặt với bà.

“Rosemary à? Có.” Norah ngừng lời, để làn gió ấm áp mơn man trên mặt bà. Bà đã thoáng thấy Rosemary khi buổi lễ kết thúc, cô ngồi ở hàng ghế dưới cùng trong bộ váy màu xám giản dị. Mái tóc của cô vẫn dài nhưng trông cô đã già dặn hơn, ổn định hơn. David vẫn luôn khẳng định là không có chuyện gì giữa hai người bọn họ cả; trong thâm tâm, Norah biết đó là sự thật. “Không phải họ yêu nhau đâu,” Norah nói. “Bố con và Rosemary ấy. Không như con nghĩ đâu.”

“Con biết.” Cậu ngồi thẳng dậy. “Con biết mà. Rosemary nói với con rồi. Con tin cô ấy.”

“Thật à? Khi nào?”

“Từ lúc bố đưa cô ấy về nhà. Ngay từ ngày đầu tiên.” Trông cậu có vẻ không thoải mái, nhưng cậu lại nói tiếp. “Thỉnh thoảng con vẫn nhìn thấy cô ấy ở nhà bố. Khi con ghé qua thăm ông. Có khi cả ba người cùng ăn tối luôn. Hoặc có những lúc bố không có ở nhà, con lại đi dạo loanh quanh với Rosemary và Jack. Con có thể nói chắc là không có chuyện gì xảy ra giữa hai người bọn họ cả. Nhiều lúc bạn trai của cô ấy cũng đến chơi. Con không biết nữa. Cứ lạ lạ sao ấy. Nhưng con quen rồi. Cô ấy khá tốt, Rosemary ấy. Cô ấy không phải lý do khiến con chưa bao giờ nói chuyện được thực sự với bố.”

Norah gật đầu. “Nhưng Paul à, con rất có ý nghĩa đối với bố. Con ạ, mẹ biết con muốn nói gì, bởi vì mẹ cũng cảm thấy thế. Khoảng cách ấy. Sự dè dặt ấy. Cảm giác có một bức tường ngăn quá cao mà ta không thể vượt qua nổi. Sau một thời gian mẹ đã thôi không cố gắng, rồi sau một thời gian nữa mẹ cũng thôi không chờ đợi sẽ có một cánh cửa hiện ra trên đó. Nhưng phía sau bức tường ấy, bố yêu cả hai mẹ con mình. Mẹ không biết nhờ đâu mẹ biết điều đó, nhưng mẹ vẫn biết.”

Paul không nói gì. Thỉnh thoảng cậu lại đưa tay chùi nước mắt.

Không khí đã mát mẻ hơn, và mọi người bắt đầu đi dạo quanh vườn, những cặp tình nhân tay trong tay, những cặp vợ chồng đi cùng con cái, những người đi dạo một mình. Một đôi vợ chồng già tiến lại gần. Bà vợ cao, tóc đã điểm bạc, còn ông chồng bước đi chậm chạp, lưng hơi còng xuống, tay chống gậy. Bà vợ quàng tay qua khuỷu tay ông và cúi xuống nói với ông điều gì đó, ông gật đầu, nghĩ ngợi, cau mày, rồi nhìn qua khu vườn, ra ngoài cánh cổng, về phía thứ gì đó bà muốn chỉ cho ông xem. Norah chợt nhói lòng khi thấy cảnh tượng thân mật ấy. Đã có lúc

bà tưởng tượng mình và David đi bên nhau ở tuổi này, quá khứ của họ xoắn bện với nhau như dây leo, vắn vít quanh những nụ chồi, búp lá. Ôi chao, bà đã lỗi thời mất rồi; ngay cả niềm tiếc nuối của bà cũng lỗi thời. Bà đã nghĩ rằng, sau khi lấy chồng, bà sẽ là một nụ hoa xinh xắn, được bao bọc trong đài hoa chắc chắn, kiên cố. Được bao bọc và bảo vệ, từng lát cắt cuộc đời của bà bao lấy nhau.

Nhưng thay vào đó bà đã tìm thấy con đường cho riêng mình, bà đã gây dựng cả một doanh nghiệp, nuôi Paul khôn lớn, đã đi vòng quanh thế giới. Bà là cánh hoa, là đài hoa, là cuống, là lá; bà là chiếc rễ dài thân trắng đâm sâu vào lòng đất. Và bà hạnh phúc.

Khi đi ngang qua, đôi vợ chồng già nói tiếng Mỹ, họ đang tranh luận xem nên ăn tối ở đâu. Giọng nói của họ giống người miền Nam – chắc là Texas, Norah đoán thế – và ông chồng muốn kiếm nhà hàng nào có món bíp tết, phục vụ các món quen.

“Con chán mấy người Mỹ lắm rồi,” Paul nói, ngay khi đôi vợ chồng vừa đi khỏi tầm nghe. “Lúc nào gặp được người Mỹ nào khác thì mừng mừng tủi tủi. Làm như trên thế giới không có hai trăm năm mươi triệu người như chúng ta ấy. Làm như họ phải tìm cho ra vài người Pháp, vì mình đang ở Pháp vậy.”

“Con hay nói chuyện với chú Frederic nhỉ.”

“Vâng. Sao lại không nhỉ? Nói chuyện với chú Frederic về thói hợm hĩnh của dân Mỹ thì đúng là gãi trúng chỗ ngứa rồi. À mà chú ấy đâu rồi mẹ?”

“Đi công tác rồi. Tối nay chú ấy sẽ đến.”

Hình ảnh ấy lại vụt qua đầu bà, Frederic bước qua cửa phòng khách sạn, thả chùm chìa khóa lên bàn trang điểm và vỗ lên túi để chắc chắn chiếc ví vẫn còn ở đó. Ông mặc sơ mi sặc sỡ, bắt sáng, cổ đứng khuy

cài, mỗi tối ông bước vào và vắt cà vạt lên ghế, giọng nói trầm trầm của ông gọi tên bà. Có lẽ giọng nói chính là điều đầu tiên bà yêu ở ông. Họ có nhiều điểm chung – con cái đã lớn, đều đã ly hôn, công việc nhiều áp lực – nhưng vì cuộc sống của Frederic đã diễn ra ở một đất nước khác, một nửa là bằng thứ ngôn ngữ khác, nên Norah ngay lập tức cảm thấy nó thật kỳ thú, vừa thân thuộc lại vừa xa lạ. Một đất nước vừa cũ kỹ vừa mới mẻ.

“Chuyến đi của mẹ tốt đẹp chứ?” Paul hỏi. “Mẹ có thích nước Pháp không?”

“Ở đây mẹ vui lắm,” Norah đáp, và đó là sự thật. Frederic cho rằng giao thông ùn tắc đã làm hỏng Paris, nhưng đối với Norah nét quyến rũ vẫn không hề giảm sút. Bánh mì, bánh ngọt, bánh kẹp được bán ở các quầy nhỏ trên phố, mái hình chóp của những tòa nhà cổ, những tháp chuông. Cả những âm thanh nữa, của thứ ngôn ngữ réo rắt như suối chảy, thỉnh thoảng lại có từ vút lên như sỏi rơi. “Thế còn con? Chuyến lưu diễn thế nào? Con vẫn đang yêu đấy chứ?”

“À, vâng,” cậu trả lời, khuôn mặt hơi giãn ra. Cậu nhìn thẳng vào mắt bà. “Mẹ sắp lấy chú Frederic phải không?”

Bà di ngón tay trên góc nhọn của tờ bướm. Đó là một câu hỏi, hẳn rồi, đã luẩn quẩn trong tâm trí bà mọi lúc mọi nơi: Bà có nên thay đổi cuộc sống của mình không? Bà yêu Frederic, bà chưa bao giờ hạnh phúc đến thế, mặc dù trong hạnh phúc bà vẫn có thể thấy được sẽ có lúc những thói quen dễ thương của ông khiến bà phát cáu, và ngược lại. Ông thích những điều giản dị; tính ông tỉ mỉ đối với tất cả mọi thứ từ góc gấp khăn đến biểu thuế. Với nét tính cách đó, chứ không phải cái gì khác, ông khiến bà nghĩ đến David. Bà đã đủ lớn tuổi, đủ từng trải, để biết rằng không có gì là hoàn hảo cả. Không có gì giữ nguyên mãi, chính bà cũng vậy. Nhưng sự thật là khi Frederic bước vào phòng,

không khí dường như được lưu thông, được tăng sinh khí, khiến bà rộn ràng cảm xúc. Bà muốn được thấy điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

“Mẹ không biết,” bà chậm rãi trả lời. “Bree sẵn sàng mua lại công ty. Frederic còn hai năm hợp đồng nữa, nên bây giờ chú ấy và mẹ chưa cần quyết định ngay. Nhưng mẹ có thể hình dung ra cuộc sống của mình với chú ấy. Mẹ cho rằng đấy là bước đi đầu tiên.”

Paul gật đầu. “Lần trước cũng thế hả mẹ? Mẹ biết sẽ ra sao à, với bố ấy?”

Norah nhìn cậu, không biết phải trả lời thế nào.

“Có và không,” cuối cùng bà nói. “Bây giờ mẹ thực tế hơn rồi. Thế nên mẹ chỉ muốn mình được chăm sóc thôi. Trước đây mẹ không hiểu rõ bản thân mình lắm.”

“Bố thích coi sóc mọi thứ mà.”

“Phải. Đúng thế.”

Paul cười một tràng danh và ngắn. “Con không thể tin được là bố đã đi rồi.”

“Mẹ hiểu,” Norah nói. “Mẹ cũng vậy.”

Hai mẹ con ngồi một lúc lâu trong im lặng, gió thổi dịu dàng quanh họ. Norah lật tờ bướm, nhớ không khí mát lạnh trong bảo tàng, tiếng bước chân vọng lại vang vang. Bà đã đứng gần một tiếng đồng hồ trước bức tranh này, ngắm nhìn những xoáy màu, những nhát cọ dứt khoát và sống động. Van Gogh đã khắc họa điều gì nhỉ? Thứ gì đó lung linh, thứ gì đó thật khó nắm bắt. David đã đi qua cuộc đời, dùng chiếc máy ảnh của ông ngắm vào từng chi tiết nhỏ nhất, bị ám ảnh bởi ánh sáng và bóng tối, ông đã cố gắng để giữ lại từng khoảnh khắc của sự vật. Giờ thì ông đã ra đi và cả cách ông nhìn thế giới cũng đã mất theo ông.

Paul đứng dậy, vẫy tay về phía bên kia công viên, nổi buồn trên khuôn mặt cậu nhường chỗ cho một nụ cười rạng rỡ, nồng nhiệt, hiển nhiên là rất chăm chú, và chỉ riêng cho ai đó mà thôi. Norah dõi theo ánh mắt cậu ngang qua bãi cỏ khô thì thấy một cô gái trẻ với khuôn mặt thon dài và làn da màu trái sồi chín, mái tóc sẫm tết thành những bím nhỏ xíu buông xuống tận eo. Cô có thân hình khá mảnh mai, mặc chiếc váy in hoa vải mềm; ở cô ẩn chứa nét duyên dáng và e ấp của một vũ nữ.

“Michelle đấy,” Paul nói, cậu đã đứng dậy từ khi nào. “Con sẽ quay lại ngay. Michelle đấy.”

Norah nhìn cậu chạy về phía cô như bị hút bởi một thứ lực hấp dẫn, khuôn mặt Michelle tươi tỉnh hẳn lên khi nhìn thấy cậu. Cậu khum tay ôm lấy mặt cô khi họ hôn nhau, rồi cô giơ tay lên để lòng bàn tay hai người chạm vào nhau thật nhanh và nhẹ, một cử chỉ quá âu yếm khiến Norah phải nhìn lảng đi chỗ khác. Sau đó họ cùng đi qua công viên, đầu cúi xuống, chuyện trò to nhỏ. Khi cả hai dừng lại, Michelle đặt tay lên cánh tay Paul, và Norah hiểu rằng cậu đã nói cho cô biết.

“Bác Henry,” cô nói, bắt tay bà khi họ đến chỗ ghế đá. Những ngón tay của cô dài và mát lạnh. “Cháu rất tiếc về chuyện bố của Paul.”

Giọng của cô cũng hơi là lạ: cô đã sống nhiều năm ở London. Ba người bọn họ ngồi trong vườn chuyện trò dăm phút. Paul gợi ý cả ba cùng đi ăn tối, và Norah rất muốn nói có. Bà muốn ngồi nói chuyện với Paul cho đến khuya, nhưng bà cũng thấy phân vân, vì hiểu rằng giữa Paul và Michelle tồn tại một thứ tình cảm ấm áp, nồng nhiệt, một niềm khao khát muốn ở riêng bên nhau. Bà lại nghĩ đến Frederic, có lẽ giờ này đã trở lại nhà nghỉ, cà vạt vắt trên lưng ghế đầu.

“Để mai nhé?” bà nói. “Mẹ con ta cùng ăn sáng được không? Mẹ muốn nghe tất cả mọi thứ về chuyến đi của con. Mẹ muốn biết cả về

những nghệ sĩ ghi ta flamenco ở Seville nữa.”

Trên đường đi ra ga tàu điện ngầm, Michelle khoác tay Norah. Paul đi trước hai người, bờ vai rộng, người gầy lỏng lẻo.

“Bác đã nuôi dạy một cậu con trai thật tuyệt vời,” cô nói. “Tiếc là cháu không được biết về bố anh ấy.”

“Để biết được về ông ấy – thì trong trường hợp nào cũng khó cả cháu ạ. Nhưng đúng, bác cũng rất tiếc.” Họ đi thêm vài bước nữa. “Cháu thích chuyến lưu diễn không?”

“Ôi, đúng là cảm giác tự do tuyệt vời, được đi thăm thú khắp nơi,” Michelle bình luận.

Đó là một buổi tối êm dịu, ánh đèn rực rỡ ở bến tàu điện ngầm làm lóa mắt cả ba người khi đi xuống. Tiếng tàu điện lạnh lạnh ở xa xa, âm vang xuyên dọc đường hầm. Không khí sục lên những mùi lẫn lộn: mùi nước hoa và, bên dưới đó, là mùi kim loại, mùi dầu hăng hắc.

“Mai khoảng chín giờ con tới nhé,” Norah bảo Paul, cố nói to để át đi tiếng ồn xung quanh. Và rồi, khi con tàu lại gần hơn, bà ngả người vào sát tai cậu, hét lên.

“Ông ấy yêu con! Ông ấy là bố con, và ông ấy yêu con!”

Khuôn mặt Paul giãn ra trong chốc lát: đau đớn và mất mát. Cậu gật đầu. Không có thời gian làm gì hơn. Con tàu đang lao sầm sập về phía bọn họ, và trong luồng gió đột ngột ấy bà cảm thấy trái tim mình tràn trề cảm xúc. Con trai bà, ở đây trên mặt đất này. Và David, kỳ lạ làm sao, đã ra đi rồi. Con tàu dừng lại, rít lên, những cánh cửa thủy lực bật mở cùng tiếng xì xì. Norah lên tàu và ngồi cạnh cửa sổ, thoáng thấy lần cuối hình ảnh của Paul, đang đi, tay thọc sâu trong túi, đầu cúi gằm. Mới đó mà đã biến mất.

Khi bà về đến bến đỗ, không khí tràn ngập thứ ánh sáng mờ mờ của buổi chạng vạng. Bà đi dọc con đường rải sỏi về đến nhà nghỉ, tòa nhà sơn màu vàng nhạt, lấp lánh dạ quang nhẹ nhẹ, những chiếc hộp treo trên cửa sổ tràn ngập hoa. Căn phòng im ắng; đồ đạc vương vãi của bà vẫn ở nguyên chỗ cũ; Frederic chưa đến. Norah ra cửa sổ nhìn xuống dòng sông và đứng đó một lúc lâu, nghĩ đến lúc David cũng Paul trên vai chạy khắp căn nhà đầu tiên của họ, nghĩ đến ngày ông ngỏ lời cầu hôn, hét thật to với bà để át tiếng nước chảy, chiếc khăn mát lạnh trượt xuống ngón tay bà. Nghĩ đến bàn tay Paul và Michelle, lòng bàn tay áp lên nhau.

Bà ra chỗ chiếc bàn nhỏ và để lại lời nhắn: Frederic, em ở sân trong ấy.

Khoảng sân trong, bao quanh bởi những chậu cỏ, nhìn ra sông Seine. Những chiếc bóng đèn bé xíu được mắc trên cây, trên hàng rào sắt. Norah chọn một chỗ nơi bà có thể nhìn thấy con sông và gọi một ly rượu. Bà đã bỏ quên cuốn sách của mình ở đâu đó – có lẽ là ở trong vườn Điện Louvre. Đánh mất cuốn sách khiến bà có cảm giác tiêng tiếc. Đó là không phải là loại sách người ta sẽ mua đến lần thứ hai, chỉ là thứ gì đó nhẹ nhàng, loại sách đọc giết thời gian thôi. Câu chuyện gì đó về hai chị em gái. Giờ thì bà sẽ không bao giờ biết được truyện kết thúc như thế nào.

Hai chị em gái. Có lẽ một ngày nào đó bà và Bree sẽ viết một cuốn sách. Ý nghĩ ấy khiến Norah mỉm cười, và người đàn ông ngồi ở chiếc bàn liền kề, vận bộ com lê trắng, trên tay là ly rượu khai vị nhỏ xíu, mỉm cười lại với bà. Thế là lại bắt đầu: có lúc bà bắt chéo chân hoặc hất tóc về phía sau, những cử chỉ mời gọi tinh vi, cho đến khi ông ta đứng dậy rời khỏi bàn và đến ngỏ lời ngồi cùng. Bà đã từng yêu thích quyền lực của điệu nhảy này và cảm giác khám phá. Nhưng tối nay bà chỉ nhìn lảng đi chỗ khác. Người đàn ông châm một điếu thuốc lá, và khi thuốc tàn hết ông ta trả tiền rồi bỏ đi.

Norah ngồi nhìn dòng người đi lại phản chiếu trên làn nước đen lung linh của con sông. Bà không thấy Frederic lại gần. Nhưng rồi bàn tay ông đặt lên vai bà, bà quay lại, và ông hôn bà, một bên má, rồi đến bên kia, và ép môi ông lên môi bà.

“Chào em,” ông nói, đoạn ngồi xuống phía bên kia bàn. Ông không cao lắm, nhưng vóc dáng rất cân đối, với bờ vai rộng nhờ nhiều năm bơi lội. Ông là một nhà phân tích hệ thống, và Norah thích sự chắc chắn của ông, khả năng nắm bắt và bàn luận những vấn đề tổng quát, không bao giờ bị sa đà vào những chi tiết vụn vặt. Tuy vậy đó cũng chính là điểm đôi khi khiến bà thấy khó chịu – ông luôn cho rằng thế giới là một nơi ổn định và dễ đoán trước.

“Em chờ lâu chưa?” ông hỏi. “Em đã ăn gì chưa?”

“Chưa.” Bà gật đầu về phía ly rượu, gần như đầy nguyên. “Cũng chưa lâu lắm. Mà em sắp chết đói đến nơi rồi đây.”

Ông gật đầu. “Tốt. Xin lỗi anh đến muộn. Tàu bị hoãn chuyến.”

“Không sao mà. Anh đi Orleans thế nào?”

“Chán chết. Nhưng anh có một buổi đi ăn trưa với ông anh họ vui lắm.” Ông bắt đầu nói còn Norah ngả người xuống ghế, để từ ngữ bao trùm lấy bà. Bàn tay Frederic mạnh mẽ và khéo léo. Bà nhớ cái ngày ông đóng cho bà một bộ giá sách, ông làm việc miệt mài trong ga ra suốt mấy ngày cuối tuần, vỏ bào từ lớp gỗ mới đùn xuống khi máy bào đi qua. Ông không ngại làm việc, hay quấy rối bà khi bà đang dở tay trong bếp, ông vòng tay quanh eo và hôn vào gáy bà cho tới khi bà chịu quay lại hôn ông mới thôi. Ông hút tẩu, bà không thích thế, hay làm việc quá nhiều, và lái xe trên đường cao tốc quá nhanh.

“Em nói với Paul rồi hả?” Frederic hỏi. “Nó có sao không?”

“Em không biết. Em hy vọng là không. Mai thằng bé sẽ đi ăn sáng cùng chúng ta. Nó lại muốn than phiền về những người Mỹ hợm hĩnh đấy mà.”

Frederic cười ha hả. “Tốt,” ông nói. “Anh thích con trai em đấy.”

“Nó đang yêu. Cô gái ấy cũng dễ thương lắm, cái cô mà nó yêu ấy: tên là Michelle. Mai cô ấy cũng đi cùng.”

“Tốt,” Frederic lại nói, rồi đan tay mình vào tay bà. “Cảm giác đang yêu thật tuyệt.”

Họ gọi món cho bữa tối, thịt bò xiên ăn với cơm thập cẩm, và kêu thêm rượu. Phía dưới, con sông đen thẫm trôi lặng lẽ, và khi họ nói chuyện Norah thầm nghĩ cứ ngồi yên một chỗ mới dễ chịu làm sao. Ngồi đây uống rượu giữa Paris, ngắm chim vỗ cánh tung bay từ những vòm cây in bóng, bên dưới con sông trôi lững lờ. Bà nhớ những chuyến xe diên rồ lên tận Ohio khi còn trẻ, làn nước lấp lánh muôn màu kỳ dị, bờ kè đá vôi dốc đứng, gió thổi tung tóc bà.

Nhưng giờ đây bà ngồi im lặng, chim chóc bay qua khắc những hình đen thẫm lên nền trời màu chàm. Bà ngửi thấy mùi nước, mùi khói xe, mùi thịt quay, và mùi bùn ẩm ướt của con sông. Frederic lại đốt tẩu và rót thêm rượu, mọi người dạo bộ trên vỉa hè, đi trong buổi tối đang nhường chỗ cho bóng đêm, những tòa nhà gần đó nhòa dần vào không gian đang tối thẫm lại. Từng ngọn đèn sáng lên trên cửa sổ. Norah gấp khăn ăn và đứng dậy. Mọi vật như quay cuồng, bà choáng váng vì hơi rượu, vì độ cao, vì mùi thức ăn sau một ngày dài tràn ngập cả đau buồn lẫn hạnh phúc.

“Em không sao chứ?” Frederic hỏi, nghe như từ xa xăm vọng lại.

Norah chống một tay lên bàn, thở hổn hển. Bà gật đầu, không thể nói át lại tiếng vọng của dòng sông, mùi hương của bờ kè tối đen,

những ngôi sao cuộn lên tứ phía, xoáy tròn, rùng rục sức sống.

Tháng Mười Một Năm 1988

TÊN CẬU TA LÀ ROBERT VÀ CẬU RẤT ĐẸP TRAI VỚI MÓN TÓC SẼM lòa xòa trên trán. Cậu vòng đi vòng lại trên lối đi giữa hai dãy ghế xe bus, tự giới thiệu bản thân với mọi người và bình luận về lịch trình, tài xế, thời tiết. Cậu đi đến cuối hàng, quay lại, rồi tua nguyên xi cả bài. “Được ở đây tôi thấy rất vui,” cậu tuyên bố, tiện thể bắt tay Caroline trên lối đi. Bà mỉm cười, nhả nài; cái siết tay của cậu vừa mạnh vừa tự tin. Những người khác không buồn nhìn cậu. Họ còn đang chúm mũi vào sách báo, hay quang cảnh đang lướt qua ngoài cửa sổ. Dẫu vậy Robert vẫn tiếp tục, không nản chí, như thể những người ngồi trên chiếc xe buýt này cũng chẳng đáng để tâm đến, và chẳng mong gì họ sẽ đáp lại lời cậu nói hơn những cái cây, hòn đá, hay đám mây. Ẩn dưới sự kiên trì ấy, Caroline thầm nghĩ khi nhìn cậu từ hàng ghế cuối cùng, cố gắng kiềm chế hết sức để không can thiệp vào, là khao khát thầm kín muốn tìm được một người có thể thực sự nhìn thấy mình.

Người đó, hóa ra, là Phoebe, người dường như rạng rỡ hơn, ngập tràn trong ánh sáng tâm hồn, khi Robert ở gần cô, cô nhìn cậu vòng đi vòng lại giữa hai hàng ghế như thể đó là một tạo vật mới mẻ diệu kỳ, có lẽ là một con công, xinh đẹp, phô trương và kiêu hãnh. Khi cuối cùng cậu cũng chịu ngồi xuống cạnh cô, mồm vẫn nói không ngừng, Phoebe chỉ mỉm cười với cậu. Đó là một nụ cười rạng rỡ; cô không kìm giữ chút cảm xúc nào. Không kiềm chế, không đề phòng, không chờ đợi xem liệu cậu có chung cảm xúc yêu thương mãnh liệt như cô không. Caroline nhắm mắt lại trước hành động bộc lộ cảm xúc lộ liễu của cô con gái – ngây thơ thái quá, nguy hiểm quá! Nhưng khi bà mở mắt ra Robert đang mỉm cười lại, vui sướng vì Phoebe, và cũng sững sốt nữa, như thể vừa có một cái cây hét lớn tên cậu vậy.

Ừ, phải, Caroline thầm nghĩ, sao lại không nhỉ? Những tình yêu kiểu đó chẳng phải quá hiếm hoi trên đời hay sao? Bà liếc nhìn Al, ngồi ngay cạnh bà, đang gật gù, mái tóc bạc hất lên khi xe buýt đi vào chỗ xóc, góc cua. Mãi nửa đêm qua ông mới về rồi ngày mai lại đi, dồn sức làm thêm để có tiền lợp lại mái nhà và thay ống máng. Những tháng vừa rồi, đa số những ngày họ được ở bên nhau đều bị công việc choán hết. Đôi khi ký ức về ngày đầu mới cưới – môi ông ép lên môi bà, tay ông đặt lên eo bà – vụt qua đầu Caroline, cảm giác tiếc nhớ vừa ngọt ngào vừa cay đắng. Từ khi nào họ đã trở nên bận bịu và âu sầu vì lo toan như thế, cả hai người bọn họ? Bao nhiêu ngày đã trôi qua thế nào, ngày nọ nối ngày kia, để đẩy họ tới cảnh này?

Xe buýt tăng tốc đi qua khe núi, leo lên con dốc đến đồi Squirrel. Đèn pha đã được bật lên giữa chập tối mùa đông. Phoebe và Robert ngồi lặng lẽ, mặt hướng ra lối đi giữa hai hàng ghế, mặc quần áo dùng cho điệu nhảy thường niên của Hội Bệnh nhân Down. Đôi giày của Robert được đánh xi bóng lộn; cậu diện bộ vest bánh nhứt của mình. Bên dưới áo măng tô mùa đông, Phoebe mặc một chiếc váy in hoa đỏ trắng, cây thánh giá nhỏ xinh màu trắng đeo từ lễ Kiên tín nằm trên sợi dây mảnh đeo quanh cổ cô. Mái tóc cô đã đen hơn và mỏng đi, được cắt ngắn kiểu đầu nắm, điểm xuyết bằng mấy chiếc kẹp đỏ. Cô hơi xanh xao, tay và mặt lấm tấm tàn nhang. Cô nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ, mặt thoáng cười, mãi mê suy nghĩ. Robert thì nhìn những tấm biển treo trên đầu Caroline, quảng cáo phòng mạch và phòng khám nha khoa, bản đồ tuyến đường. Đó là một anh chàng tốt bụng, bất kỳ lúc nào cũng sẵn sàng để vui thích trước mọi thứ, mặc dù cứ khi nói xong là cậu chàng quên sạch ngay và mỗi lần gặp nhau cậu lại phải hỏi xin số điện thoại nhà bà.

Thế nhưng, cậu lại luôn nhớ ra Phoebe. Cậu luôn nhớ tình yêu.

“Ta sắp đến nơi rồi,” Phoebe nói, quàng tay Robert khi xe đi gần đến đỉnh đồi. Trung tâm điều dưỡng chỉ còn cách đó nửa tòa nhà, ánh sáng

từ đó tràn ra dịu dịu trên lớp cỏ nâu, trải lên những mảng tuyết. “Em đếm được bảy bến đỗ rồi.”

“Al,” Caroline gọi, lắc lắc vai ông. “Al, anh ơi, đến bến của mình rồi này.”

Họ xuống xe buýt hòa mình vào cái lạnh ẩm ướt của buổi tối tháng Mười một, từng đôi sánh bước trong ánh sáng lơ mờ. Caroline khoác tay Al.

“Anh mệt rồi,” bà nói, cố tìm cách phá vỡ sự im lặng đang từng ngày trở thành thói quen giữa hai người. “Mấy tuần vừa rồi anh làm việc vất vả quá đấy mà.”

“Anh không sao,” ông đáp.

“Ước gì anh không phải đi nhiều thế.” Vừa nói dứt lời bà thấy hối hận ngay lập tức. Cuộc tranh luận giờ đã quá cũ, một nút thắt hờ trong cuộc hôn nhân của họ, và ngay trong chính tai mình bà vẫn nghe giọng mình chao chat, the thé, như thể muốn khơi mào cho một cuộc cãi vã vậy.

Tuyết vỡ vụn dưới gót giày của họ. Al thở dài nặng nhọc, hơi thở của ông biến thành một đám mây mờ mờ trong gió rét.

“Em à. Anh đang cố hết sức mình, Caroline ạ. Bây giờ đang lúc kiếm tiền dễ mà anh lại có kinh nghiệm. Anh sắp sáu mươi tuổi đến nơi rồi. Anh phải tranh thủ tận dụng được sức mình tới chừng nào hay chừng đó chứ.”

Caroline gật đầu. Cánh tay ông bên dưới bàn tay bà thật rắn rỏi và chắc chắn. Bà mừng vì ông đã ở đây, nhưng quá mệt mỏi trước cái nhịp điệu kỳ dị của cuộc sống khiến ông mỗi bận lại phải rong ruổi nhiều ngày trời. Điều bà muốn, hơn tất cả, là được cùng ăn với ông mỗi sáng

và mỗi tối; được thức dậy thấy ông nằm bên cạnh bà, chứ không phải đang ở một phòng khách sạn nào đó cách đây cả trăm dặm đường.

“Chỉ vì em nhớ anh quá đấy thôi,” Caroline nói nhẹ nhàng. “Ý em là thế mà. Em nói thật đấy.” Phoebe và Robert đã đi trước họ, tay trong tay. Caroline nhìn con gái, tay xỏ găng tối màu, chiếc khăn Robert đưa cho quàng quấy quá quanh cổ. Phoebe muốn lấy Robert, muốn chung sống với cậu; gần đây đó là chủ đề trong tất cả những cuộc nói chuyện của Phoebe. Linda, giám đốc viện điều dưỡng, đã cảnh báo trước, *Phoebe đang yêu. Bây giờ cô bé đã hai mươi tư tuổi rồi, dậy thì hơi muộn, và cô bé bắt đầu khám phá ra bản năng tình dục của chính mình. Chúng ta cần phải bàn thêm về vấn đề này, Caroline ạ.* Nhưng Caroline, không sẵn sàng để thừa nhận bất cứ sự thay đổi nào, đã gạt chuyện đó sang một bên.

Phoebe bước đi, đầu vừa hơi cúi xuống, chăm chú lắng nghe; thỉnh thoảng tiếng cười của cô bất thần vỡ ra, dội lại qua bóng đêm nhập nhoạng. Caroline hít thở làn hơi lạnh giá, thấy lòng tràn ngập niềm vui trước hạnh phúc của con gái, đột nhiên bà cùng lúc nhớ đến sảnh chờ ở phòng khám với những cây dương xỉ rũ rượi và cánh cửa kéo kẹt, Norah Henry đứng bên quầy, kéo găng tay ra để khoe cô lễ tân chiếc nhẫn cưới, cũng cười y như vậy.

Đã lâu lắm rồi, xa rồi. Caroline đã gần như gạt bỏ hết những ngày ấy ra khỏi tâm trí mình. Cho đến tuần vừa rồi, khi Al vẫn chưa về, có một lá thư được gửi đến từ một văn phòng luật trên phố. Caroline, trong lúc bối rối, đã bóc thư đọc ngay trên hiên nhà, dưới khí trời tháng Mười một lạnh buốt.

Xin hãy liên hệ với văn phòng này để nhận một tài khoản mang tên bà.

Bà lập tức gọi đến và đứng ở cửa sổ, ngắm dòng xe cộ đi lại, trong khi vị luật sư báo cho bà hay: David Henry đã qua đời. Thật ra, ông đã mất được ba tháng. Họ liên hệ với bà để báo cho bà về tài khoản mang tên bà mà ông đã để lại. Caroline ấn chặt điện thoại vào tai, có gì đó xuyên thẳng vào tận tâm can bà khi nghe cái tin ấy, bà nhìn mãi những chiếc lá lẻ loi còn sót lại trên cây tiêu huyền rung rinh trong ánh sáng buổi sớm mai giá lạnh. Vị luật sư, ở cách đó nhiều dặm đường, vẫn đang nói. Đó là một tài khoản thụ hưởng: David đã lập tài khoản đứng tên cả hai người, do vậy tài khoản này không nằm trong diện thừa kế hay di chúc. Họ không nói trong tài khoản có bao nhiêu, không thể nói qua điện thoại được. Caroline sẽ phải đến tận văn phòng.

Gác máy xong bà trở ra hiên nhà, và ngồi trên xích đu một lúc lâu, cố gắng ghi nhận cái tin ấy. Bà thấy sốc vì David đã nhớ đến bà theo cách này. Điều làm bà sốc hơn nữa chính là việc David đã chết. Bà đã tưởng tượng ra những gì? Rằng bằng cách nào đó bà và David sẽ ở bên nhau mãi mãi, họ sống cuộc đời biệt lập nhưng vẫn luôn gắn bó với nhau bởi cái giây phút trong văn phòng khi ông đứng dậy và đặt Phoebe vào tay bà ư? Rằng bằng cách nào đó, một ngày nào đó, bất cứ khi nào thích hợp, bà sẽ tìm đến ông và cho ông gặp con gái mình ư? Xe cộ nối đuôi nhau lao xuống đồi thành một dòng chảy đều đặn. Bà không biết phải làm gì, cuối cùng bà chỉ quay vào nhà và chuẩn bị mọi việc, bỏ bức thư vào ngăn kéo bàn trên cùng với mớ dây chun và kẹp giấy, chờ Al về giúp bà nhìn nhận lại sự việc. Bà vẫn chưa đưa động gì đến chuyện đó – ông đã quá mệt mỏi – nhưng cái tin ấy, chưa được nói ra, vẫn treo lơ lửng giữa hai người, cùng với mối lo lắng của Linda về Phoebe.

Ánh sáng từ trung tâm tràn xuống vỉa hè, xuống những bụi cỏ nâu. Họ đẩy cánh cửa kính hai lớp bước vào sảnh. Một sàn nhảy được dựng ở cuối sảnh và đèn màu đã được bật lên, rải những vệt sáng rực rỡ lên trần nhà, lên tường và những khuôn mặt rạng rỡ. Tiếng nhạc vang rộn

khắp nơi, nhưng không ai ra nhảy. Phoebe và Robert đứng ngoài rìa đám đông, ngắm nhìn dải sáng di động trên sàn nhà trống trơn.

Al treo áo khoác lên và rồi, trước sự bất ngờ của Caroline, ông cầm tay bà. “Em còn nhớ cái ngày ở trong vườn, cái ngày chúng ta quyết định chui đầu vào rọ không? Ta hãy cho họ thấy thế nào là Rock and Roll nhé, ý em sao?”

Caroline thấy chục trào nước mắt, bà nghĩ đến những chiếc lá xoay tít như đồng xu ngày xa xưa ấy, ánh sáng rực rỡ của mặt trời và tiếng ong vo ve xa xa. Họ đã nhảy trên bãi cỏ, rồi sau đó vài giờ, bà đã cầm tay Al khi ở trong bệnh viện, và nói, *Vâng, em sẽ cưới anh, vâng.*

Al vòng tay qua eo bà và họ bước ra sàn. Caroline đã quên mất – cũng đã lâu rồi – thân hình hai người chuyển động cùng nhau nhẹ nhàng và uyển chuyển như thế nào, cảm giác nhảy đến với bà tự nhiên ra sao. Bà tựa đầu lên vai ông, hít hà mùi thơm cay nồng của nước cạo râu, mùi hương sạch sẽ của dầu máy còn lẫn quất trên người ông. Bàn tay Al ép mạnh lên lưng bà, má ông kề sát má bà. Họ xoay vòng, và dần dần những người khác cũng kéo nhau vào sàn nhảy, mỉm cười về phía họ. Caroline biết hầu hết tất cả mọi người có mặt trong căn phòng, nhân viên của trung tâm, các ông bố bà mẹ trong Hội Bệnh nhân Down, những người đến từ trung tâm bên cạnh. Phoebe đã có tên trong danh sách chờ nhận phòng ở đây, nơi cô có thể sống với vài người lớn khác cùng với một người giám hộ chung. Đó là một giải pháp lý tưởng xét về nhiều mặt – Phoebe sẽ tự do, độc lập hơn, ít nhất đây là một phần câu trả lời cho tương lai cô bé – nhưng sự thật là Caroline không thể tưởng tượng nổi cảnh Phoebe sống xa bà. Danh sách chờ cư trú dường như rất dài khi họ mới đăng ký, nhưng chỉ trong năm vừa rồi tên Phoebe đã được kéo lên đều đều. Rồi chẳng mấy nữa Caroline sẽ phải quyết định thôi. Bà liếc nhìn Phoebe, đang nở một nụ cười hạnh phúc, mái tóc mỏng dính túm gọn phía sau bằng những chiếc kẹp đỏ rực, cô ngượng ngịu bước ra sàn nhảy cùng Robert.

Bà nhảy với Al thêm ba bản nữa, mắt nhắm nghiền, để mặc mình trôi đi, cuốn theo từng bước nhảy của ông. Ông nhảy rất giỏi, uyển chuyển và dứt khoát, tiếng nhạc dường như xuyên thấu tâm can bà. Giọng nói của Phoebe cũng có tác dụng tương tự đối với bà, giọng hát trong trẻo của cô vang khắp các phòng, khiến Caroline lúc đó dù đang làm gì cũng phải dừng lại và đứng yên lặng, từng câu từng chữ tràn qua bà như ánh sáng. *Tuyệt quá*, Al thì thầm, rồi kéo bà lại gần hơn, áp má ông lên má bà. Khi nhạc chuyển sang một điệu rock sôi động, ông vẫn vòng tay quanh người bà và họ rời sàn nhảy.

Caroline, vẫn còn hơi choáng váng, theo thói quen nhìn khắp căn phòng để tìm Phoebe, và thoáng lo âu khi không thấy cô đâu.

“Tôi bảo cô bé xuống nhà lấy thêm rượu pha rồi,” Linda nói vọng lại từ phía sau bàn. Bà ra dấu chỉ về phía mấy món ăn nhẹ trên bàn giờ chỉ còn lại lèo tèo. “Chị tin nổi không, Caroline? Chúng ta còn hết cả bánh quy nữa rồi.”

“Để tôi đi lấy thêm,” Caroline đề nghị, vui mừng vì tìm được lý do để đi tìm Phoebe.

“Con bé không sao đâu,” Al nói, đoạn cầm tay bà và chỉ sang chiếc ghế bên cạnh ông.

“Em chỉ xem thế nào thôi,” Caroline đáp. “Em sẽ quay lại ngay.”

Bà đi xuyên qua những hành lang vắng tanh, sáng rực và tĩnh lặng, những động chạm của Al vẫn còn vương vấn trên da thịt bà. Bà đi xuống cầu thang vào bếp, một tay đẩy cánh cửa xoay bằng kim loại còn tay kia lần tìm công tắc đèn. Ánh sáng huỳnh quang lóe lên ghi lại một khung cảnh như trong tấm ảnh chụp: Phoebe, mặc chiếc váy hoa, lưng tựa lên quầy bếp, Robert đứng sát bên, một tay ôm quanh người Phoebe, một tay ve vuốt chân cô. Trong khoảnh khắc trước khi hai người quay lại, Caroline nhìn thấy cậu ta chuẩn bị hôn cô, Phoebe cũng

muốn được hôn và đã sẵn sàng đáp lại: cậu Robert này, tình yêu đích thực đầu tiên của cô. Đôi mắt cô nhắm nghiền, khuôn mặt tràn ngập hạnh phúc.

“Phoebe,” Caroline quát, giọng đanh thép. “Phoebe, Robert, thế là quá đủ rồi.”

Đôi trẻ buông nhau ra, giật mình nhưng không tỏ chút gì là ân hận.

“Có sao đâu cô,” Robert nói. “Phoebe là bạn gái của cháu mà.”

“Bọn con sẽ làm đám cưới,” Phoebe đế thêm.

Caroline run lên, cố gắng giữ bình tĩnh. Dù sao Phoebe cũng đã là một người phụ nữ trưởng thành. “Robert,” bà nói, “cô cần phải nói chuyện với Phoebe một lát. Một mình, cháu làm ơn.”

Robert ngáp ngừng, rồi bước qua mặt Caroline, vẻ xởi lởi nhiệt tình ngày thường đã tan biến. “Có gì xấu đâu ạ,” cậu nói, dừng chân ở ngưỡng cửa. “Cháu và Phoebe. Bọn cháu yêu nhau mà.”

“Cô biết,” Caroline đáp, khi cánh cửa đóng lại sau lưng cậu.

Phoebe đứng dưới ánh sáng chói mắt, xoắn chiếc vòng cổ. “Mẹ có thể hôn người mẹ yêu mà, mẹ. Mẹ chẳng hôn bố Al đấy thôi.”

Caroline gật đầu, nhớ cảm giác bàn tay Al đặt lên eo bà. “Đúng là thế. Nhưng con yêu, những gì con vừa làm hình như còn hơn cả hôn nữa.”

“Mẹ!” Phoebe cáu kỉnh. “Robert và con sẽ làm đám cưới mà.”

Caroline đống lại ngay không nghĩ ngợi gì. “Con yêu, con không thể làm đám cưới được.”

Phoebe ngược mắt lên, khuôn mặt lộ vẻ ngang ngạnh mà Caroline hiểu quá rõ. Ánh đèn huỳnh quang chiếu qua chiếc chao in bóng lên má cô.

“Sao không ạ?”

“Con yêu, hôn nhân...” Caroline ngừng lời, bà nghĩ đến Al, đến vẻ mệt mỏi của ông dạo gần đây, khoảng cách ông tạo ra giữa hai người bọn họ mỗi lần ông đi xa. “Phức tạp lắm, con ạ. Con vẫn có thể yêu Robert mà không làm đám cưới cũng được mà.”

“Không. Con và Robert, bọn con sẽ làm đám cưới.”

Caroline thở dài. “Thôi được rồi. Cứ cho là các con cưới nhau đi. Rồi các con định ở đâu?”

“Bọn con sẽ mua một căn nhà,” Phoebe nói, vẻ mặt cô giờ chuyển sang sôi nổi, hào hứng. “Bọn con sẽ sống ở đó, mẹ ạ. Bọn con sẽ có em bé nữa.”

“Em bé là một khối lượng công việc khổng lồ con ạ,” Caroline nói. “Mẹ không hiểu liệu con và Robert có biết chăm em bé một thế nào không? Lại tốn kém nữa chứ. Con định trả tiền nhà bằng cách nào? Rồi tiền thức ăn nữa?”

“Robert có công việc. Con cũng thế. Bọn con sẽ có hàng đồng tiền.”

“Nhưng con sẽ không thể làm việc được khi phải trông em bé.”

Phoebe ngẫm nghĩ, rồi cau mày, và trái tim Caroline se lại. Những ước mơ giản dị và chính đáng làm sao, vậy mà cũng không thể trở thành hiện thực, vậy thì còn gì là công bằng nữa đây?

“Con yêu Robert,” Phoebe vẫn khẳng khái. “Robert cũng yêu con. Thêm nữa, Avery đã có em bé rồi.”

“Ôi, con yêu,” Caroline nói. Bà nhớ đến lúc Avery Swan đẩy chiếc xe nôl trên vỉa hè, dừng lại để Phoebe có thể cúi xuống và vuốt nhẹ lên má đứa bé mới ra đời. “Ôi, con của mẹ.” Bà bước qua khoảng trống giữa hai mẹ con và đặt tay lên vai Phoebe. “Con có nhớ lúc con và Avery cứu Mua không? Và cả nhà đều yêu Mua nhưng nó quá phiền toái. Con phải đổ hộp cát và chải lông cho nó, con phải dọn dẹp lúc nó phá phách rồi dắt nó đi ra đi vào, rồi lúc nó không về nhà con đã lo lắng biết bao. Có một đứa bé còn vất vả hơn thế nhiều, Phoebe ạ. Có một đứa bé cũng giống như con nuôi hai mươi con Mua trong nhà ấy.”

Khuôn mặt Phoebe xị xuống, nước mắt chảy dài trên má cô.

“Thật không công bằng,” cô lầm bầm.

“Đúng là không công bằng,” Caroline đồng tình.

“Này, Phoebe, con giúp mẹ được không?” cuối cùng bà hỏi. “Cô Linda cần thêm cả bánh quy nữa.”

Phoebe gật đầu, chùi nước mắt. Hai mẹ con lại đi lên cầu thang, qua hành lang, tay bê mấy cái hộp và chai lọ, không nói năng gì.

Tối hôm đó, Caroline kể lại cho Al những gì đã xảy ra. Ông ngồi bên bà trên ghế xa lông, hai tay khoanh lại, ngủ gà gật. Cổ ông vẫn mịn màng, hơi đỏ tấy lên vì vừa cạo râu, những vòng tròn thâm khiến mắt ông tối lại. Sáng mai ông sẽ dậy khi trời mới mờ sáng và lái xe đi.

“Con bé rất muốn có cuộc sống riêng, Al ạ. Lẽ ra điều đó rất đơn giản.”

“Ừm,” ông đáp, bưng tỉnh. “Ờ, có khi đơn giản thật chứ. Những người khác cũng sống trong trung tâm và họ có vẻ vẫn ổn đấy chứ. Vợ chồng mình thì lại ở ngay đây.”

Caroline lắc đầu. “Em không thể tưởng tượng được con bé ra ngoài xã hội. Và chắc chắn nó không thể kết hôn được, Al ạ. Nếu nó có bầu thì sao? Em chưa sẵn sàng để nuôi một đứa bé khác, mà đó là chuyện sẽ xảy ra.”

“Anh cũng chẳng muốn phải nuôi một đứa bé khác,” Al nói.

“Có lẽ ta nên ngăn con bé không cho nó gặp Robert một thời gian.”

Al quay sang nhìn bà, sững sốt. “Em nghĩ thế là tốt à?”

“Em không biết.” Caroline thở dài. “Em không biết nữa.”

“Em nghe này,” Al nói dịu dàng. “Ngay từ những phút đầu anh gặp em, Caroline, em đã không ngừng đòi hỏi mọi người không được đóng một cánh cửa nào với Phoebe. *Đừng đánh giá thấp con bé* – Anh nghe em nói câu đấy bao nhiêu lần rồi? Vậy tại sao em không để con bé dọn ra ngoài? Sao không để nó thử xem? Có thể nó sẽ thích chỗ ở mới. Còn em sẽ thích cảm giác tự do.”

Bà nhìn chằm chằm vào thanh nẹp tường, thầm nghĩ nó cần được sơn lại, trong khi đó một sự thật khó chấp nhận vẫn vật lộn để được phô bày.

“Em không thể tưởng tượng cuộc sống của mình sẽ ra sao nếu không có nó,” Caroline nói khẽ.

“Không ai bắt em phải làm thế. Nhưng con bé lớn rồi, Caroline ạ. Đấy mới là vấn đề. Tại sao em phải vất vả cả đời mình, nếu không phải là cho Phoebe một cuộc sống độc lập?”

“Em nghĩ anh sẽ thích được tự do,” Caroline nói. “Anh muốn được rảnh rang. Để đi khắp nơi.”

“Em thì không à?”

“Tất nhiên là em muốn,” bà hét lên, sững sờ vì phản ứng mãnh liệt của mình. “Nhưng Al à, ngay cả nếu Phoebe dọn đi, nó cũng chẳng bao giờ hoàn toàn độc lập cả. Và em sợ rằng anh sẽ không vui vì điều đó. Em sợ rằng anh sẽ rời bỏ mẹ con em. Anh ơi, suốt mấy năm qua anh càng ngày càng xa cách hơn.”

Al không nói một lúc lâu. “Sao em lại kích động quá thế?” cuối cùng ông cũng lên tiếng. “Anh đã làm gì khiến em nghĩ rằng anh sẽ bỏ đi?”

“Em không kích động,” bà vội vã nói, vì bà nghe thấy trong giọng nói của ông rằng bà đã khiến ông tổn thương. “Al, anh ngồi chờ em một lát.” Bà đi ngang qua căn phòng và lấy bức thư trong ngăn kéo ra. “Đây là lý do khiến em buồn bực. Em chẳng biết phải làm sao cả.”

Ông cầm lấy lá thư và nghiền ngẫm rất lâu, rồi lật lại như thể bí ẩn của nó có thể được giải đáp bằng điều gì đó viết ở mặt sau tờ giấy vậy, rồi đọc lại lần nữa.

“Tài khoản này có bao nhiêu tiền?” ông hỏi, đầu ngẩng lên.

Bà lắc đầu. “Em vẫn chưa biết. Em phải đến tận nơi mới biết.”

Al gật đầu, rồi đọc lại lá thư. “Kỳ lạ thật, anh ta lại làm thế này à: một tài khoản bí mật.”

“Em biết. Có lẽ anh ấy sợ rằng em sẽ nói cho Norah biết. Có lẽ anh ấy muốn đảm bảo vợ mình có thời gian để làm quen với cái chết của chồng. Đây là tất cả những gì em có thể tưởng tượng ra.” Bà nghĩ đến Norah, vẫn sống cuộc đời bình thường mà không hề nghi ngờ rằng con gái mình vẫn còn sống. Còn Paul – thằng bé giờ sao rồi? Khó mà tưởng tượng nổi bây giờ nó đã trở thành một người như thế nào, đứa trẻ sơ sinh tóc sẫm mà bà mới chỉ nhìn thấy có một lần ấy.

“Anh nghĩ chúng ta nên làm gì bây giờ?” bà hỏi.

“Ừ, thì xem tình hình cụ thể ra sao trước đã. Chúng ta sẽ cùng đi gặp anh bạn luật sư kia khi nào anh về. Anh có thể chỉ đi một hay hai ngày gì đó. Sau đó thì anh cũng không rõ lắm, Caroline ạ. Anh nghĩ là ta cứ cân nhắc đã. Chúng ta chưa cần phải làm gì ngay đâu.”

“Thế cũng được,” bà đáp, cảm giác bàng hoàng đeo bám bà trong suốt tuần vừa rồi đã tan biến hết. Al khiến cho mọi chuyện trở nên thật đơn giản. “Em rất mừng vì có anh ở đây,” bà nói.

“Anh nói thật đấy, Caroline.” Ông nắm lấy bàn tay bà. “Anh sẽ không đi đâu cả. Trừ Toledo, sáu giờ sáng mai. Nên có lẽ anh sẽ lên gác đánh một giấc đây.”

Rồi ông đặt một nụ hôn trọn vẹn lên môi Caroline, và siết chặt bà. Caroline áp má lên má ông, hít hà mùi hương và hơi ấm của ông, nghĩ đến cái ngày bà gặp ông trên bãi đỗ xe ở ngoại ô Louisville, cái ngày đã quyết định cuộc đời bà.

Al đứng dậy, vẫn nắm tay bà. “Em lên cùng không?” ông mời.

Bà gật đầu và đứng dậy, tay bà trong tay ông.

* * *

Buổi sáng bà dậy thật sớm và chuẩn bị bữa sáng, trang trí đĩa thức ăn bằng trứng, thịt muối, và những dải nâu sậm của cà phê mùi tây.

“Thơm quá,” Al nói khi vừa bước vào, ông hôn lên má bà và rút tờ báo lên bàn, cùng với thư từ của ngày hôm qua. Những lá thư mát lạnh, hơi ẩm ẩm trong tay bà. Có hai tờ hóa đơn, cộng với một tấm bưu ảnh rực rỡ chụp biển Aegean đằng sau có vài dòng Doro viết.

Caroline lướt ngón tay trên tấm ảnh và đọc dòng nhắn ngắn ngủi. “Trace bị trật mắt cá ở Paris.”

“Tệ quá.” Al mở tờ báo ra và lắc đầu trước tin tức về cuộc bầu cử.

“Này, Caroline,” sau một lúc ông đặt tờ báo xuống và nói. “Tối qua anh đã nghĩ rồi. Sao em không đi cùng anh nhỉ? Linda sẽ trông nom Phoebe ngày cuối tuần, anh cá đấy. Chúng ta có thể cùng đi xa, anh và em. Em sẽ có cơ hội kiểm chứng xem Phoebe sẽ làm gì khi chỉ còn lại một mình. Ý em thế nào?”

“Ngay bây giờ á? Ý anh là ta cứ thế mà đi thôi à?”

“Ừ. Phải tranh thủ chứ. Sao lại không nhỉ?”

“Ô,” bà nói, vừa bối rối, vừa thích thú, mặc dù bà không khoái những tiếng đồng hồ đằng đẳng rong ruổi trên đường. “Em không biết nữa. Tuần này còn nhiều việc phải làm lắm. Có lẽ để lần sau đi,” bà vội để thêm, không muốn làm ông cụt hứng.

“Lần nay chúng ta có thể tranh thủ đi thăm thú vài nơi,” ông dỗ dành. “Nhu thế em sẽ thấy thích hơn.”

“Ý đấy rất hay,” bà nói, ngạc nhiên thấy nó thực sự rất thú vị.

Ông mỉm cười, thất vọng, rồi nghiêng người hôn bà, môi ông lướt nhanh và mát lạnh trên môi bà.

Sau khi Al lái xe đi, Caroline treo tấm bưu ảnh của Doro lên tủ lạnh. Đang là tháng Mười một lạnh lẽo, thời tiết ẩm ướt xám xịt và chớm có tuyết rơi, bà thích nhìn mặt biển lồi cuồn rục rờ với dải cát ấm áp. Suốt cả tuần đó, trong lúc giúp đỡ bệnh nhân, làm bữa tối hay gấp quần áo mới giặt, Caroline đều nghĩ đến lời mời của Al. Bà nghĩ đến nụ hôn nồng nàn bà đã phá ngang giữa Robert và con gái bà, về ngôi nhà Phoebe muốn dọn đến sống. Al nói đúng. Rồi sẽ đến một ngày cả hai người bọn họ không còn ở đây nữa, và Phoebe có quyền sống cuộc sống của riêng mình.

Tuy nhiên cuộc đời vẫn tàn nhẫn như nó thường thế. Thứ Ba, khi họ đang ngồi trong phòng ăn cùng xoi thịt, khoai tây nghiền cùng đậu xanh, Phoebe thọc tay vào túi và rút ra một cái ru bíc nhỏ bằng nhựa, loại có số in trên các hình vuông xoay được. Cách chơi trò này là xếp các số vào đúng thứ tự, và cô vừa ăn vừa xoay xoay cái ru bíc.

“Đẹp quá,” Caroline lơ đãng nói, uống một ngụm sữa. “Con lấy thứ đó ở đâu thế, con yêu?”

“Của Mike đấy.”

“Cậu ấy làm việc với con à?” Caroline hỏi. “Cậu ấy mới vào à?”

“Không ạ,” Phoebe đáp. “Con gặp anh ấy trên xe bus.”

“Trên xe bus?”

“Vâng. Hôm qua ạ. Anh ấy dễ thương lắm.”

“Mẹ hiểu rồi.” Caroline cảm giác như thời gian trôi chậm lại, các giác quan của bà căng ra đầy cảnh giác. Bà phải cố ép mình nói thật bình thản, tự nhiên. “Mike cho con cái ru bíc à?”

“Vâng. Anh ấy tốt lắm. Anh ấy có cả một con chim mới nuôi nữa. Anh ấy muốn cho con xem.”

“Thế à?” Caroline nói, một làn gió lạnh xuyên qua người bà. “Phoebe, con yêu, con thậm chí không được nghĩ đến chuyện đi với người lạ. Mẹ con mình đã nói rồi mà.”

“Con biết. Con bảo anh ấy rồi,” Phoebe nói. Cô đẩy cái ru bíc sang một bên rồi rưới thêm nước sốt cà chua lên miếng thịt. “Anh ấy bảo, ‘Về nhà anh chơi đi, Phoebe.’ Và con trả lời là, ‘Được, nhưng em phải xin phép mẹ trước đã.’”

“Đúng là ý hay,” Caroline lựa lời.

“Thế con đi được không ạ? Mai con đến nhà Mike chơi được không?”

“Mike sống ở đâu?”

Phoebe nhún vai. “Con không biết. Con gặp anh ấy trên xe buýt thôi.”

“Ngày nào cũng gặp?”

“Vâng. Con đi được không mẹ? Con muốn nhìn thấy con chim anh ấy nuôi.”

“Ừm, mẹ đi cùng được không?” Caroline thận trọng hỏi. “Mai hai mẹ con mình cùng đi xe buýt được không? Như thế mẹ cũng được gặp Mike, rồi mẹ sẽ đi cùng con đi xem con chim nhé. Thế có được không?”

“Được ạ,” Phoebe đáp, vui sướng, và uống hết sạch cốc sữa.

Trong hai ngày tiếp đó, Caroline đi xe buýt cùng Phoebe đến chỗ làm và từ chỗ làm về nhà nhưng Mike không hề xuất hiện.

“Con yêu, mẹ e là cậu ấy đã nói dối con,” bà bảo Phoebe khi hai mẹ con đang rửa bát vào tối thứ Năm. Phoebe mặc áo len vàng, bàn tay cô chỉ chút hàng tá vết giấy cửa tay khi làm việc. Caroline nhìn cô nhặt từng chiếc đĩa lên và lau khô cẩn thận, mừng vì Phoebe vẫn an toàn, nhưng cũng lo sợ một ngày nào đó sẽ không còn như thế nữa. Người lạ mặt kia, kẻ tên Mike là ai, và liệu hắn sẽ làm gì với Phoebe nếu con bé đi cùng hắn? Caroline đã điền vào tờ trình báo cảnh sát, nhưng bà cũng không dám hy vọng họ sẽ tìm thấy hắn. Thực ra chưa có chuyện gì xảy ra cả, và Phoebe cũng chẳng thể mô tả đặc điểm của hắn, chỉ nói được hắn ta đeo một chiếc nhẫn vàng và đi giày thể thao màu xanh.

“Mike tốt lắm,” Phoebe vẫn khẳng định. “Anh ấy không nói dối đâu.”

“Con yêu, không phải ai cũng tốt bụng hay mong muốn dành cho con những gì tốt đẹp nhất. Hấn không quay lại xe buýt như đã hứa. Hấn ta đang cố chơi khăm con đấy, Phoebe ạ. Con phải thật cẩn thận vào.”

“Lúc nào mẹ cũng nói thế,” Phoebe đáp lại, vớt chiếc khăn lau đĩa lên quầy bếp. “Mẹ cũng nói như thế về Robert.”

“Nhưng việc đó khác. Robert không muốn làm hại con.”

“Con yêu Robert.”

“Mẹ biết.” Caroline nhắm mắt lại và hít vào một hơi dài. “Nghe này, Phoebe, mẹ yêu con. Mẹ không muốn con bị tổn thương. Đôi khi thế giới rất nguy hiểm. Mẹ nghĩ người đàn ông đó nguy hiểm.”

“Nhưng con có đi với anh ta đâu,” Phoebe đáp, cô đã nhận thấy sự cứng rắn và nỗi sợ hãi trong giọng nói của Caroline. Cô xếp chiếc đĩa cuối cùng lên quầy bếp, đột nhiên gần như bật khóc. “Con không đi mà.”

“Con thông minh lắm,” Caroline nói. “Con đã làm đúng. Không bao giờ được đi với ai nhé.”

“Trừ phi họ biết từ đó.”

“Đúng rồi. Và từ đó là một bí mật, con không được nói cho ai biết.”

“Tinh hỏa!” Phoebe thì thầm rất to, mặt hớn hờ. “Bí mật nhé.”

“Ừ.” Caroline thở phào. “Bí mật.”

* * *

Buổi sáng thứ Sáu, Caroline lái xe đưa Phoebe đi làm. Tối hôm đó, bà ngồi trong xe, chờ đợi, ngắm nhìn Phoebe qua cửa kính khi cô đi đi lại lại phía sau quầy, đóng tài liệu hay cười đùa với Max, người làm cùng cô, một cô gái trẻ, tóc buộc đuôi ngựa, người đi ăn trưa cùng Phoebe thứ Sáu hàng tuần và không ngần ngại nhận luôn việc của Phoebe nếu cô làm sai yêu cầu. Phoebe đã làm ở đây được ba năm. Cô yêu công việc của mình và cũng làm rất tốt. Caroline, ngắm con gái đi lại phía sau tấm kính, nghĩ đến những giờ cắt đặt mọi việc dài dằng dặc, rồi những bài diễn thuyết, những cuộc đấu tranh và thủ tục giấy tờ để có được giây phút hôm nay cho Phoebe. Tuy vậy vẫn còn nhiều điều phải làm. Sự việc xảy ra trên xe buýt chỉ là một mối lo. Phoebe không kiếm đủ tiền để trang trải cuộc sống, và đơn giản là cô không thể sống một mình, dù chỉ một buổi cuối tuần. Nếu có đám cháy hay mất điện, cô sẽ hoảng sợ và không biết phải làm thế nào.

Và rồi đã có Robert. Trên đường về nhà, Phoebe huyền thuyên về công việc, về Max, và về Robert, Robert, Robert. Mai cậu ta sẽ đến chơi để cùng làm bánh với Phoebe. Caroline lắng nghe, mừng vì đã sắp đến thứ Bảy và Al sẽ về nhà. Một điểm tốt nữa về người lạ mặt trên xe bus: anh ta đã cho bà một cái cớ để đưa Phoebe đi về, do đó giới hạn thời gian cô gặp gỡ Robert.

Khi họ bước vào cửa, chuông điện thoại đang reo inh ỏi. Caroline thở dài. Đó có thể là một nhân viên bán hàng, hoặc một người hàng xóm đang quyên tiền cho quỹ hỗ trợ bệnh nhân tim, hoặc gọi nhầm số. Mưa kêu meo meo chào mừng, rồi luồn lách quanh chân bà. “Đi đi,” bà nói, và nhắc điện thoại lên.

Đó là cảnh sát, nhân viên cảnh sát ở đầu dây bên kia hắng giọng, xin gặp bà. Caroline ngạc nhiên, rồi cảm thấy hài lòng. Có lẽ cuối cùng họ đã tìm ra người đàn ông trên xe bus.

“Vâng,” bà nói, mắt nhìn Phoebe bế Mưa lên và ôm chặt nó. “Tôi là Caroline Simpson đây.”

Ông ta lại hắng giọng và bắt đầu nói.

Sau đó, Caroline chỉ còn nhớ khoảnh khắc ấy rất dài, thời gian trải ra mênh mông cho đến khi tràn ngập căn phòng và ấn bà ngồi phịch xuống ghế, mặc dù cái tin cũng chỉ đơn giản và không mất nhiều thời gian để thông báo. Chiếc xe tải của Al đã trật bánh khi đi đến một khúc cua, lao qua dải phân cách và rơi xuống một sườn đồi thấp. Ông đang nằm trong bệnh viện với một cái chân gãy, chính là trung tâm điều trị chấn thương nơi tại đó cách đây nhiều năm, Caroline đã nhận lời kết hôn với ông.

Phoebe đang ngâm nga với Mưa, nhưng dường như cô cũng linh cảm được có điều gì không lành và nhìn lên thắc mắc ngay khi Caroline vừa gác máy. Caroline giải thích chuyện gì đã xảy ra trong khi lái xe. Trên dải hành lang lát gạch ở bệnh viện, bà thấy mình lặn ngụp trong những ký ức xa xưa: môi Phoebe sưng vù lên, hơi thở khò khè, Al đã can thiệp kịp thời khi bà quá điên tiết với người y tá. Giờ Phoebe đã là một phụ nữ trưởng thành, đi bên cạnh bà trong bộ vest công sở; còn bà và Al đã kết hôn được mười tám năm.

Mười tám năm.

Ông đã tỉnh, mái tóc sẫm điểm bạc của ông nổi bật trên nền gối trắng tinh. Ông cố gắng ngồi dậy khi họ bước vào nhưng lại nhăn nhó vì đau và phải từ từ nằm xuống trở lại.

“Ôi, Al.” Bà bước qua căn phòng và nắm lấy tay ông.

“Anh không sao đâu,” ông nói, nhắm mắt lại một lúc và hít thật sâu. Bà cảm thấy trong lòng bàng hoàng, vì bà chưa từng thấy Al như thế,

quá chấn động đến mức người ông hơi run lên, một bên cơ hàm giật giật lên tận gần tai.

“Này, anh lại bắt đầu dọa em đấy à,” bà nói, cố giữ giọng nhẹ nhàng.

Ông bèn mở mắt ra, và trong khoảnh khắc họ nhìn thẳng vào nhau, tất cả mọi thứ giữa họ đều biến mất. Ông giơ tay ra và dịu dàng chạm bàn tay to bè lên má bà. Bà áp chặt tay lên tay ông, cảm thấy nước dâng đầy lên mắt mình.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” bà thì thầm.

Ông thở dài. “Anh cũng không biết nữa. Chiều hôm đấy nắng lắm. Trời sáng, trong. Anh đang lái xe, hát theo đài. Rồi nghĩ là nếu có em bên cạnh thì tuyệt, như chúng ta từng nói ấy. Điều tiếp theo anh biết, là chiếc xe bay qua dải phân cách. Sau đó anh chẳng còn nhớ gì nữa. Cho đến tận khi tỉnh lại trong này. Anh đã phá nát chiếc xe rồi. Cảnh sát nói nếu lặn thêm độ chục thước nữa khỏi đường cái, thì giờ anh đã ra người thiên cổ rồi.”

Caroline ngả người xuống và vòng tay ôm ông, ngửi mùi hương quen thuộc của ông. Tim ông đập đều đều trong lồng ngực. Chỉ vừa mấy ngày trước, họ còn đi nhau trên sàn nhảy, còn lo lắng về mái nhà, về mấy cái máng xối. Bà luồn tay vào tóc ông, đã mọc dài quá gáy.

“Ôi, Al.”

“Anh biết,” ông nói. “Anh biết mà, Caroline.”

Đứng bên cạnh họ, mắt mở to, Phoebe bắt đầu khóc, cố nén tiếng thút thít bằng cách giữ chặt tay trên miệng. Caroline ngồi thẳng dậy và vòng tay quanh người cô bé. Bà vuốt tóc Phoebe, cảm thấy hơi ấm mạnh mẽ tỏa ra từ người cô.

“Phoebe,” Al nói. “Trông con kìa, chắc mới đi làm về phải không. Hôm nay con có vui không, con yêu? Bố chưa đến Cleveland, nên bố không mua được thứ bánh cuộn con vẫn thích, bố xin lỗi nhé. Để lần sau được không?”

Phoebe gật đầu, đưa tay chùi má. “Xe của bố đâu rồi?” cô hỏi, làm Caroline chợt nhớ những lúc Al lái xe đưa cả hai mẹ con đi lòng vòng, Phoebe ngồi ngất ngưỡng trong buồng lái và dứ dứ nắm đấm khi họ vượt những chiếc xe tải khác khiến mấy ông tài xế nhăn còi inh ỏi.

“Con yêu, xe hỏng mất rồi,” Al đáp. “Bố rất tiếc, nhưng xe hỏng nặng lắm.”

Al nằm viện hai ngày, rồi sau đó về nhà. Thời gian của Caroline trôi đi trong ấn tượng nhạt nhòa với việc đưa Phoebe đi làm rồi tự đến chỗ làm, chăm sóc cho Al, nấu nướng, cố gắng cắt giảm việc giặt là. Mỗi tối bà ném mình xuống giường trong tình trạng kiệt quệ, rồi sáng lại trở dậy, bắt đầu lại nguyên xi ngần ấy việc. Phiền một nỗi, Al lại là một bệnh nhân rất tệ, cáu bẳn vì bị nằm chết gí một chỗ, dễ nổi nóng và hay đòi hỏi. Ông khiến bà nhớ lại những kỷ niệm chẳng lấy gì làm vui vẻ về những ngày chăm sóc Leo trong chính căn nhà này, như thể thời gian không trôi theo đường thẳng mà thực chất xoay theo vòng tròn.

Một tuần trôi qua. Đến thứ Bảy, Caroline, hoàn toàn kiệt sức, nhồi một đồng quần áo vào máy giặt rồi vào bếp kiểm tra gì đó để nấu bữa tối. Bà lôi trong tủ lạnh ra nửa cân cà rốt để làm salad và lục lại tủ đá, hy vọng tìm được nguồn cảm hứng nào đấy. Chẳng có gì. Chà, có lẽ Al sẽ không thích đâu, nhưng bà cứ gọi pizza vậy. Lúc đó đã năm giờ, và trong mấy phút nữa bà sẽ phải đi đón Phoebe ở chỗ làm. Bà ngừng tay nạo vỏ, nhìn xuyên qua hình ảnh phản chiếu mờ nhạt của mình trên cửa sổ ra tới tấm biển hiệu Foodland lấp loáng màu đỏ phía sau những cành cây trơ trụi, chợt nghĩ đến David Henry. Bà cũng nghĩ đến cả Norah, được khách thể hóa trong mỗi tấm ảnh của ông, da thịt bà ta

uốn lượn như những triền đồi và làn tóc tràn ngập khung hình trong thứ ánh sáng kỳ dị. Bức thư của ông luật sư vẫn còn để nguyên trong ngăn kéo bàn. Bà đã giữ lời hẹn gặp mặt trước khi xảy ra tai nạn của Al, bà đã ghé qua văn phòng ộp gỗ sồi sang trọng và tìm hiểu chi tiết về tài sản David Henry để lại. Cuộc trò chuyện cứ luẩn quẩn trong đầu bà suốt cả tuần, mặc dù bà chẳng còn thì giờ để nghĩ đến nó hay nói lại với Al.

Có tiếng xôn xao bên ngoài. Caroline quay lại, giật mình. Qua ô kính cửa hậu bà thoáng thấy Phoebe ở bên ngoài, trên hiên nhà. Cô đã tự về nhà, bằng cách nào đó; cô không mặc áo khoác. Caroline bỏ bàn nạo xuống và đi ra cửa, lau tay vào tạp dề. Ở đó bà nhìn thấy những gì đã bị che khuất khi đứng nhìn từ bên trong: Robert, đứng bên Phoebe, một tay khoác lên vai cô.

“Các con làm gì ở ngoài này thế hả?” bà hỏi bằng giọng sắc lạnh, bước ra ngoài.

“Hôm nay con nghỉ,” Phoebe nói.

“Thật không? Thế còn công việc của con thì sao?”

“Max ở đấy mà. Con sẽ làm thay cô ấy vào thứ Hai.”

Caroline chậm rãi gật đầu. “Nhưng làm sao con về nhà được? Mẹ đang chuẩn bị đến đón con đây.”

“Bọn cháu đi xe buýt ạ,” Robert đáp.

“À, ừ nhỉ.” Caroline cười, nhưng khi bà nói, giọng bà đánh lại vì lo lắng. “Phải. Tất nhiên rồi. Các con đi xe bus. Ôi, Phoebe, mẹ đã bảo con không được làm thế rồi cơ mà. Như thế không an toàn chút nào cả.”

“Con và Robert vẫn an toàn mà,” Phoebe đáp, môi dưới của cô hơi chìa ra, giống như khi cô giận dữ. “Con và Robert sẽ làm đám cưới.”

“Ôi, trời ơi,” Caroline nói, bà đã tiến sát đến giới hạn lòng kiên nhẫn của mình. “Làm sao con làm đám cưới được? Con còn chẳng biết những điều sơ đẳng nhất về đám cưới, cả hai đứa các con.”

“Bọn cháu biết chứ,” Robert nói. “Bọn cháu biết về đám cưới đấy.”

Caroline thở dài. “Cháu nghe này, Robert, cháu phải về nhà ngay đi,” bà nói. “Cháu đi xe buýt đến đây được thì cũng đi xe buýt về nhà được. Cô không có thời gian lái xe đưa cháu đi đâu đâu. Thế là quá đủ rồi. Cháu phải về nhà ngay đi.”

Điều khiến bà bất ngờ là Robert chỉ mỉm cười. Cậu nhìn Phoebe, rồi bước vào khoảng tối nơi hiên sau và chui qua gầm xích đu. Cậu quay lại với một bó hồng trắng đỏ, bó hoa dường như tỏa sáng dịu dịu trong ánh chiều mờ tối. Cậu đưa hoa cho Caroline, những cánh hoa mềm mại cọ lên da bà.

“Robert?” bà nói, tỏ vẻ ngạc nhiên, một mùi thơm thoang thoang lan tỏa trong bầu không khí lạnh giá. “Cái gì đây?”

“Cháu mua ở cửa hàng tạp hóa đấy ạ,” cậu đáp. “Đang giảm giá ạ.”

Caroline lắc đầu. “Cô chẳng hiểu gì cả.”

“Hôm nay là thứ Bảy,” Phoebe nhắc bà.

Thứ Bảy – ngày Al về nhà sau chuyến đi dài, luôn luôn mang về một món quà cho Phoebe và một bó hoa cho vợ. Caroline tưởng tượng ra cảnh hai đứa, Robert và Phoebe, bắt xe buýt đến tiệm tạp hóa nơi Robert làm việc giữ kho, xem xét giá bán hoa, nhắm đếm chính xác số tiền lẻ. Có một phần trong bà vẫn muốn hét lên, vẫn muốn quát Robert lên xe buýt ra khỏi cuộc sống của họ, một phần muốn nói, *Như thế là quá đủ với tôi rồi. Tôi không quan tâm.*

Trong nhà, chiếc chuông nhỏ bà để cho Al dùng reo inh ỏi. Caroline thở dài và lùi lại một bước, ra hiệu về phía căn bếp, ánh đèn và hơi ẩm.

“Thôi được rồi,” bà nói. “Vào nhà đi, cả hai đứa. Vào đi không thì chết công bây giờ.”

Bà hối hả chạy lên cầu thang, cố gắng tĩnh trí lại. Liệu một phụ nữ phải làm bao nhiêu việc đây? “Anh phải kiên nhẫn chứ,” bà kêu ầm lên, rồi bước vào phòng họ, nơi Al đang ngồi với cái chân gác lên chiếc ghế dài, một cuốn sách để trong lòng. “Kiên nhẫn [\(15\)](#). Thế anh nghĩ từ đấy có nguồn gốc từ đâu ra hả, Al? Em biết là rất khó chịu, nhưng cần có thời gian thì vết thương mới lành được chứ, trời ơi là trời.”

“Chính em là người muốn anh ở nhà nhiều hơn còn gì,” Al vặn lại. “Phải cẩn thận với điều ước của mình chứ.”

Caroline lắc đầu và ngồi phịch xuống mép giường. “Em có ước thế này đâu.”

Ông nhìn ra cửa sổ vài giây. “Em nói phải,” cuối cùng ông nói. “Cho anh xin lỗi.”

“Anh có sao không?” bà hỏi. “Vết thương thế nào rồi?”

“Cũng không tệ lắm.”

Bên ngoài cửa kính, gió khẽ rung những chiếc lá tiêu huyền còn sót lại, nổi bật trên nền trời tím ngắt. Những túi đựng chồi tulip vút dưới gốc cây, chờ ngày gieo xuống đất. Tháng trước bà và Phoebe đã gieo mấy mầm cúc, loại cúc đại đóa nở rực rỡ màu cam, trắng kem và tím thắm. Bà đã ngồi tựa lên gót chân ngắm nghía hoa, vừa phúi đất bần bám trên tay, vừa nhớ lại hồi cùng làm vườn như thế với mẹ mình, khi ấy họ gắn bó với nhau qua công việc chứ không phải bằng lời. Hai mẹ

con cũng hiếm khi nói chuyện với nhau về những vấn đề riêng tư. Nhưng giờ đây, có quá nhiều thứ mà Caroline ước sao mình đã nói.

“Anh sẽ không làm nghề này nữa,” ông buột mồm nói ra mà không nhìn bà. “Ý anh là việc lái xe tải ấy.”

“Thế cũng được,” bà đáp, cố gắng mừng tượng xem quyết định này sẽ có ý nghĩa thế nào đối với cuộc sống của họ. Bà thấy mừng – trong thâm tâm bà vẫn thấy se lòng khi nghĩ đến lúc ông lại phải đi xa – nhưng đột nhiên bà lại cảm thấy có đôi chút e sợ. Chưa có lần nào họ ở bên nhau quá một tuần kể từ ngày cưới.

“Anh sẽ quấy quả em suốt cả ngày đấy,” Al nói như đọc được suy nghĩ của bà.

“Thật à?” Bà nhìn ông chăm chú, ngắm vẻ xanh xao, đôi mắt nghiêm nghị của ông. “Anh tính nghỉ làm hẳn thật à?”

Ông lắc đầu, vẫn chăm chăm nhìn bàn tay mình. “Anh còn quá trẻ để làm thế. Anh đang nghĩ có khi anh có thể làm một công việc khác. Chuyển vào làm văn phòng chẳng hạn; anh thông thạo cả hệ thống rồi mà. Hoặc lái xe buýt. Anh không biết nữa – thật sự là như vậy. Nhưng anh không thể rong ruổi trên đường thêm nữa.”

Caroline gật đầu. Bà đã lái xe ra hiện trường vụ tai nạn, đã nhìn thấy dải phân cách bị xé rách toạc, hố đất nham nhở nơi chiếc xe tải rơi xuống.

“Anh luôn có linh cảm,” Al nói, liếc nhìn tay mình. Ông để mặc râu ria mọc tự do, giờ đã lởm chởm đầy khắp mặt. “Sự việc kiểu này chắc chắn sẽ xảy ra, không sớm thì muộn. Và đến giờ nó đã trở thành sự thật.”

“Em không biết chuyện đó đâu đấy,” Caroline nói. “Anh không bao giờ nói cho em biết là anh sợ cả.”

“Không phải sợ,” Al đáp. “Anh chỉ linh cảm thế thôi. Khác chứ.”

“Thế cả thôi. Anh chẳng bao giờ nói gì cả.”

Ông nhún vai. “Thì cũng chả thay đổi được gì. Đó chỉ là linh cảm thôi mà, Caroline.”

Bà gật đầu. Chỉ trượt thêm vài thước nữa là Al có thể đã chết, cảnh sát đã nói điều đó hơn một lần. Cả tuần qua bà cố gắng không tưởng tượng ra những gì đã không xảy ra. Nhưng sự thật là, bà đã có thể trở thành góa phụ, sống nốt phần đời còn lại trong cô đơn.

“Có lẽ anh nên nghỉ hưu thật,” bà chậm rãi nói. “Em đã đi gặp ông luật sư rồi, Al ạ. Em đã hẹn nên phải giữ lời. David Henry để lại cho Phoebe nhiều tiền lắm.”

“Dào ôi, đấy có phải tiền của anh đâu,” Al nói. “Kể cả chỗ đó có đáng một triệu đô, thì cũng chả phải của anh.”

Bà chợt nhớ phản ứng của Al khi Doro giao cho họ căn nhà này: cũng chính sự ngần ngại không muốn nhận bất cứ thứ gì không phải do chính tay ông làm ra.

“Đúng vậy,” bà nói. “Số tiền này là dành cho Phoebe. Nhưng anh và em, chúng ta đã nuôi nấng con bé. Nếu nó được đảm bảo về mặt tài chính, chúng ta cũng đỡ phải lo lắng hơn. Chúng ta sẽ có thêm tự do. Al à, vợ chồng mình đã làm việc rất vất vả. Có lẽ cũng đã đến lúc chúng ta nghỉ ngơi rồi.”

“Ý em là sao?” ông hỏi. “Em muốn Phoebe chuyển đi à?”

“Không. Em hoàn toàn không muốn. Nhưng Phoebe muốn. Con bé và Robert đang ở dưới nhà đấy.” Caroline khẽ mỉm cười, nhớ đến bó hồng bà để trên quầy bếp ngay cạnh đồng hồ đang náo động. “Hai đứa nó đến tiệm tạp hóa với nhau. Bằng xe bus. Bọn nó mua hoa cho em vì hôm nay là thứ Bảy. Thành ra, em chẳng biết nữa, Al ạ. Em là ai mà nói trước được chứ. Có thể ở bên nhau chúng sẽ ổn thôi, chẳng nhiều thì ít.”

Ông gật đầu, ngẫm nghĩ và bà cũng sờ khi thấy ông mệt mỏi đến thế, thấy cuộc sống của họ thật quá mong manh, xét cho cùng. Bao nhiêu năm qua bà đã cố gắng tưởng tượng ra mọi tình huống có thể xảy ra, để giữ mọi người trong vòng an toàn, và giờ thì Al ở đây, già thêm, chân thì gầy – một kết cục chưa bao giờ vụt qua tâm trí bà.

“Mai em sẽ làm món thịt quay nhé,” bà nói, nhắc đến món ăn ưa thích của ông. “Giờ ăn pizza được không?”

“Ăn pizza cũng được,” Al đáp. “Nhưng nhớ gọi ở cửa hàng trên Braddock ấy nhé.”

Bà đặt tay lên vai ông rồi đi xuống cầu thang gọi điện. Đến chiếu nghỉ bà dừng lại, lắng nghe tiếng Robert và Phoebe trong bếp, giọng nói nhỏ nhỏ của hai cô cậu thỉnh thoảng được điểm thêm những tràng cười giòn giã. Thế giới là một nơi rộng lớn, khó lường và đôi khi thật đáng sợ. Nhưng ngay giây phút này đây con gái bà đang ở trong bếp, cười với bạn trai nó, còn chồng bà thì ngủ gà gật với một cuốn sách trên lòng, và bà không phải nấu bữa tối. Bà hít một hơi dài. Không khí phảng phất mùi thơm của hoa hồng – một mùi hương sạch sẽ, tươi mát như tuyết.

1989

Mồng Một Tháng Bảy Năm 1989

PHÒNG STUDIO TRÊN GA RA, VỚI CĂN BUỒNG TỐI ẨN BÊN TRONG, đã không mở ra kể từ ngày David dọn đi bảy năm về trước, nhưng giờ ngôi nhà sắp được rao bán, vì vậy Norah không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đối mặt với nó. Những tác phẩm của David lại đang được ưa chuộng, có thể đáng giá cả một gia tài; ngày mai nhân viên phụ trách phòng tranh sẽ qua xem bộ sưu tập. Từ sáng sớm Norah đã ngồi trên sàn nhà phủ sơn, dùng dao X-Acto rạch các hộp, lấy ra những cặp tài liệu đầy ắp ảnh, phim âm bản cùng các tờ ghi chú, cố gắng hết sức để thật vô tư, dứt khoát, trong quá trình chọn lựa. Sẽ không mất nhiều thời gian; David đã sắp xếp rất cẩn thận, và mọi thứ đều được dán nhãn ngay ngắn. Một ngày, bà nghĩ, không hơn.

Bà đã không tin tưởng lắm những ký ức, sức hút tẻ nhạt của quá khứ. Trời đã quá trưa, không khí nóng bức, mà bà mới chỉ soạn xong một thùng. Chiếc quạt quay vù vù trên cửa sổ, mồ hôi rịn ra khắp da bà; những tấm ảnh bóng loáng chết cứng giữa những ngón tay. Chúng vừa có vẻ rất gần lại vừa khó tin, những năm tháng tuổi trẻ của bà. Kia là chính bà với chiếc khăn sòng động buộc trên mái tóc chải chuốt, bên cạnh bà, Bree đeo đôi hoa tai dài quét vai, mặc chiếc váy may bằng vải chắp mềm mại. Còn đây là một bức ảnh hiếm hoi chụp David, trông thật nghiêm trang, mái tóc húi cua, Paul chỉ mới là đứa bé ẵm ngửa nằm trong tay ông. Ký ức ủa về, tràn ngập căn phòng, khiến Norah ngồi chết sững một chỗ: mùi hoa tử đinh hương, khí ozone và làn da trẻ con của Paul; những động chạm của David, cách ông hắng giọng; ánh nắng của một buổi ban trưa đã mất in những hình thù kỳ dị lên sàn nhà ốp

gỗ. Những điều đó có ý nghĩa gì đây, Norah tự hỏi, khi họ đã sống những giây phút ấy theo một cách đặc biệt? Có nghĩa gì đây khi những tấm ảnh hoàn toàn không phản ánh người phụ nữ mà bà nhớ đã từng là mình? Khi nhìn kỹ hơn bà có thể thấy vẻ xa xăm và khao khát trong ánh mắt của mình, ánh nhìn của bà dường như luôn vượt ra ngoài tấm ảnh. Nhưng người khác sẽ không nhận ra, Paul cũng không; nếu chỉ xem những tấm ảnh này, sẽ không ai ngờ đến những bí ẩn phức tạp trong trái tim bà.

Một con ong vo ve bay sát trần nhà. Mỗi năm chúng lại quay về xây tổ ở đâu đó dưới mái hắt. Bây giờ Paul đã lớn, Norah cũng đã thôi không còn lo lắng về ong nữa. Bà đứng dậy vươn vai rồi lấy một lon Coca trong chiếc tủ lạnh trước đây David dùng để bảo quản hóa chất và những gói mỏng đựng phim. Bà uống Coca, mắt nhìn đắm đắm ra ngoài cửa sổ chỗ những cây diên vĩ và kim ngân đại mọc đầy sân sau. Norah đã luôn tính làm gì ngoài đó, ngoài việc treo máng cho chim ăn trên cành cây kim ngân, nhưng trong ngần ấy năm trời bà chưa kịp làm gì, và giờ thì cũng chẳng bao giờ làm được gì nữa. Hai tháng nữa bà sẽ kết hôn với Frederic và rời khỏi nơi này mãi mãi.

Ông đã được chuyển công tác sang Pháp. Đã hai lần việc chuyển chuyển bất thành, và họ đã có lúc bàn với nhau sẽ cùng về chung sống ở Lexington, bán cả hai ngôi nhà đi và bắt đầu lại: ở một nơi mới, nơi chưa ai trong số hai người từng sống. Cuộc nói chuyện khá nhàm chán, uể oải, thường đến giữa những bữa tối hoặc khi họ nằm bên nhau trong bóng tối lơ mơ, ly rượu đặt trên bàn bên cạnh, mặt trăng như chiếc đĩa nhọt nhọt treo ngoài cửa sổ phía trên những rặng cây. Lexington, Pháp, Đài Loan – đối với Norah chẳng có gì quan trọng, bà cảm thấy mình đã khám phá ra một đất nước mới cùng Frederic. Đôi khi, giữa đêm khuya, bà nhắm mắt lại và nằm thao thức, lắng nghe tiếng ông thở đều đều, cảm giác vô cùng hài lòng. Bà đau lòng nhận ra rằng bà và David đã rời xa tình yêu đến thế nào. Lỗi của ông, hẳn rồi,

nhưng cũng là lỗi ở bà. Bà đã thu mình lại, quá kín đáo và chặt khít, bà đã quá sợ hãi trước mọi thứ kể từ sau cái chết của Phoebe. Nhưng những năm tháng ấy giờ đã qua; đã trôi xa, chẳng để lại gì ngoài ký ức.

Vì vậy Pháp cũng tốt. Khi biết tin chỗ làm mới chỉ ngay ở ngoại ô Paris, bà đã rất vui. Họ đã thuê trước một căn nhà gỗ nhỏ bên bờ sông ở Chateauneuf. Giờ Frederic đang ở đó, xây một căn nhà kính để trồng phong lan. Ngay cả lúc này trong trí tưởng tượng của Norah cũng tràn ngập khung cảnh ấy: những viên gạch đỏ tươi nhẵn nhụi trên hiên nhà, làn gió nhẹ ngoài sông thổi vào vờn trên tán cây bạch đàn ngay sát cửa, ánh nắng chảy trên vai, trên cánh tay Frederic, khi ông ộp những ô kính. Bà có thể đi bộ đến ga tàu điện và lên Paris chỉ sau hai tiếng, hoặc đi vào làng mua pho mát tươi cùng bánh mì, những chai rượu đen sánh, những chiếc túi vải khoác trên vai nặng dần sau mỗi điểm dừng. Bà có thể vừa chiêm hành, vừa dừng lại ngắm dòng sông lững lờ trôi phía xa xa ngoài bờ rào. Tối tối bà ngồi trên hiên nhà, những đóa bạch cúc xòe nở tỏa mùi hương ngai ngái còn bà cùng Frederic ngồi uống rượu và tán gẫu. Thật giản dị, thật vậy. Và hạnh phúc. Norah liếc nhìn những hộp ảnh, bà muốn cầm lấy tay người phụ nữ trẻ trong đó và lắc nhẹ người cô. *Cố gắng lên, bà muốn nói với cô. Đừng nản chí. Cuối cùng rồi cuộc đời của cô cũng sẽ tốt thôi mà.*

Bà uống cạn lon Coca rồi quay lại với công việc, bỏ qua hộp ảnh đã khiến bà sa đà và mở hộp khác ra. Bên trong hộp này đầy những cặp tài liệu được sắp xếp rõ ràng theo năm. Chiếc cặp đầu tiên giữ những tấm hình chụp đám trẻ sơ sinh không rõ tên, đang ngủ trong nôi, ngồi trên bãi cỏ hay trên hiên nhà, hay đang nằm trong vòng tay êm ấm của mẹ chúng. Tất cả các bức ảnh đều được in khổ 8x10, đen trắng lóa mắt; ngay cả Norah cũng nhận ra đây là những thể nghiệm ban đầu của David về ánh sáng. Các nhà thẩm định sẽ rất hài lòng. Một số tấm ảnh đen đến nỗi gần như không thể nhìn thấy được; còn một số khác được

rửa gần như trắng xóa. Có lẽ David đang thử phổ màu của máy ảnh, ông giữ nguyên một chủ thể và thay đổi trọng tâm, khẩu độ, ánh sáng.

Chiếc cặp thứ hai cũng tương tự như thế, rồi đến cặp thứ ba và thứ tư. Những tấm ảnh chụp các cô bé, không còn là trẻ sơ sinh nữa mà giờ đã hai, ba và bốn tuổi. Những cô bé bận váy Phục sinh ở nhà thờ, những cô bé chạy trong công viên, những cô bé ăn kem hay túm tụm ngoài cổng trường giờ tan học. Những cô bé nhảy múa, tung bóng, cười, khóc. Norah cau mày, lật nhanh những bức ảnh. Bà nhận ra không chỉ có một đứa trẻ duy nhất. Ảnh được sắp xếp cẩn thận theo độ tuổi. Khi bà giở đến trang cuối cùng, bà nhìn thấy không phải là những cô bé nữa mà là những người phụ nữ trẻ, đi lại, mua sắm, nói chuyện gẫu với nhau. Tấm hình cuối cùng chụp một phụ nữ trẻ trong thư viện, cầm cô tì lên tay khi cô mơ màng nhìn ra ngoài cửa sổ, có vẻ gì xa xăm, gần giống như Norah, trong đôi mắt cô.

Norah buông rơi cặp tài liệu vào lòng, những tấm ảnh văng ra tung tóe. Cái gì đây? Tất cả những cô bé ấy, những người phụ nữ trẻ ấy: có thể đó là một kiểu ám ảnh tình dục, tuy vậy bằng trực giác của mình Norah biết rằng không phải như vậy. Điểm chung giữa tất cả những tấm ảnh không phải sự ám muội mà là nét hồn nhiên. Đám trẻ chơi đùa trên sân công viên phía bên kia đường, gió thổi tóc và quần áo chúng bay phấp phới. Ngay cả những cô gái lớn hơn, những phụ nữ trưởng thành, cũng có tố chất ấy; họ nhìn thế giới bằng cái nhìn lơ đãng, đôi mắt tròn to, không hiểu sao, có cả nét dò hỏi. Cảm giác mát mát vương vấn trong cách sử dụng ánh sáng và bóng tối; đó là những tấm ảnh tràn đầy khao khát. Niềm mong mỏi, phải, không phải dục tính.

Bà đưa mắt nhìn nắp chiếc hộp để xem nhãn, trên đó chỉ ghi ngắn gọn là Tổng quan.

Vội vã, mặc kệ đồng hồ bừa bộn mình vừa tạo ra, Norah lướt qua tất cả những chiếc hộp còn lại, lòi hết hộp này đến hộp khác. Ở giữa phòng

bà tìm thấy một chiếc hộp nữa với chữ TỔNG QUAN đen đậm. Bà mở hộp và lôi những chiếc cặp ra.

Lần này không phải những cô gái, không phải những người xa lạ, mà là Paul. Từng cặp tài liệu ảnh nối tiếp nhau chụp Paul ở mọi lứa tuổi, những biến đổi và sự trưởng thành, cơn giận dữ đột ngột của nó. Về chăm chú và năng khiếu âm nhạc đáng ngạc nhiên của nó, những ngón tay nó lướt trên cây đàn ghi ta.

Trong một lúc lâu Norah ngồi chờ đợi, bối rối, cảm giác như sắp ngộ ra một điều gì đó. Rồi đột nhiên điều đó đến với bà, không thể thay đổi, khiến lòng bà bỏng cháy: suốt bao nhiêu năm qua sống trong im lặng, những lúc không thể nói đến đứa con gái đã mất của họ, David đã ghi lại sự vắng mặt của cô bé. Paul, và cả ngàn bé gái khác, tất cả đều lớn dần lên.

Paul, chứ không phải Phoebe.

Norah đã có thể khóc. Đột nhiên bà khao khát được nói chuyện với David. Ngàn ấy năm qua, ông cũng nhớ con. Tất cả những bức ảnh ấy, tất cả sự im lặng ấy, nỗi còn cào bít mặt ấy. Bà lướt qua những bức ảnh một lần nữa, nhìn ngắm Paul khi còn là một cậu bé con: đang đón trái bóng chày, chơi đàn piano, làm mặt ngố dưới tán cây ở sân sau. Tất cả những ký ức ông đã gom góp, những khoảnh khắc Norah chưa bao giờ thấy. Bà ngắm đi ngắm lại, cố gắng đặt mình vào thế giới mà David đã trải nghiệm, đặt mình vào cách nhìn của ông.

Hai tiếng trôi qua. Bà biết mình đang đói, nhưng không thể vực mình rời đi hay thậm chí là đứng lên khỏi nơi bà đang ngồi trên sàn nhà. Rất nhiều bức ảnh, những bức ảnh chụp Paul, những cô bé và những người phụ nữ vô danh, phản ánh từng độ tuổi của cậu. Lúc nào cũng vậy, trong suốt bao năm qua, bà luôn cảm thấy sự hiện diện của con gái mình, một bóng đen, đứng ở bên ngoài mỗi bức ảnh được

chụp. Phoebe, chết từ khi mới ra đời, như còn nấn ná ở đâu đó ngoài tầm nhìn, như thể cô bé vừa xuất hiện trước đó chốc lát rồi rời khỏi căn phòng, như thể mùi hương của cô bé, làn gió thoảng sau bước chân qua, vẫn còn lẫn quất đâu đây trong không gian cô vừa rời khỏi. Norah đã giữ cảm giác ấy cho riêng mình, sợ rằng bất kỳ ai nghe những gì bà nói sẽ nghĩ bà quá đa cảm, thậm chí là điên rồ. Giờ đây bà sững sờ, và thấy nước dâng đầy lên mắt, khi nhận ra David cũng cảm nhận sự vắng mặt của con gái họ sâu sắc đến thế nào. Ông đã tìm kiếm cô bé ở khắp nơi, dường như ông đã tìm trong từng cô bé, từng người phụ nữ trẻ, và chưa bao giờ tìm thấy.

Cuối cùng, xuyên qua những vòng tròn cam lạng đang tỏa rộng nơi bà ngồi, tiếng sỏi nghiền lạo xạo vang lại: một chiếc xe đang đi vào. Có ai đó mới đến. Từ xa bà nghe thấy tiếng sập cửa, tiếng bước chân, rồi chuông cửa reo inh ỏi khắp nhà. Bà lắc đầu và nuốt nước bọt, nhưng không đứng dậy. Dù là ai thì người đó cũng sẽ bỏ đi và quay lại sau, hoặc không. Bà gạt nước mắt; ai muốn gặp bà đều có thể chờ được. Nhưng không. Nhân viên định giá đồ đạc đã hứa qua chiều nay. Norah đành áp chặt hai tay lên má và đi vào nhà qua cửa hậu, bà dừng lại một chút để vãi nước lên mặt và chải sơ tóc. “Tôi ra đây,” bà gọi với ra qua tiếng nước chảy khi tiếng chuông vang lên lần nữa. Bà đi qua các phòng, tất cả đồ đạc đều được kê ra giữa và phủ kín vải nhựa: ngày mai thợ sơn sẽ đến. Bà nhắm tính số ngày còn lại, tự hỏi không hiểu mình có thể làm xong mọi việc được không. Nhớ đến, trong khoảnh khắc, những tối ở Chateaufort, nơi dường như chắc chắn cuộc đời bà sẽ luôn êm đềm, phẳng lặng như một bông hoa xòe nở trong không gian.

Bà mở cửa, tay vẫn còn vấy vấy cho khô.

Người phụ nữ đứng trên hiên nhà trông quen quen. Bà ta ăn vận khá giản dị, mặc chiếc quần xanh thẫm sạch sẽ. Bà ta mặc áo len cotton ngắn tay màu trắng, mái tóc dày ngả bạc được cắt rất ngắn. Ngay ở cái nhìn đầu tiên, bà ta đã tạo ấn tượng là người ngăn nắp,

được việc, kiểu người sẽ không chấp nhận bất cứ điều gì tầm phào, kiểu người chịu trách nhiệm với tất cả và sẽ hoàn thành mọi công việc. Tuy vậy, bà ta không nói gì. Bà ta dường như giật mình khi nhìn thấy Norah, nhìn bà thật chăm chú đến độ Norah khoanh hai tay lại về đề phòng, đột nhiên nhớ ra chiếc quần soóc mình mặc bám đầy bụi bẩn, còn áo thun thì ướt đẫm mồ hôi. Bà liếc qua đường, rồi nhìn lại người đàn bà đứng trên hiên nhà mình. Bà gặp ánh mắt chăm chú của người đàn bà ấy và nhìn sâu vào đôi mắt mở to của bà ta, xanh biếc, rồi bà nhận ra.

Hơi thở của bà đứt quãng. “Caroline? Caroline Gill phải không?”

Người đàn bà gật đầu, đôi mắt xanh sụp xuống trong chốc lát tựa như có điều gì đó vừa được dàn xếp ổn thỏa giữa hai người. Nhưng Norah không biết đó là gì. Sự hiện diện của người đàn bà đến từ dĩ vãng xa xăm đã khuấy động những cảm xúc trong sâu thẳm trái tim bà, đưa bà trở lại cái đêm như một giấc mơ khi bà và David đi xe tới phòng khám trên những con phố cam lạng phủ đầy tuyết, Caroline Gill đã điều chỉnh bình khí gây tê và nắm tay bà trong suốt những cơn co thắt, miệng luôn nói: *Nhìn tôi này, nhìn tôi đi, chị Henry, tôi ở ngay bên cạnh chị đây và chị đang làm tốt lắm*. Đôi mắt xanh ấy, cái siết tay chắc chắn của bà ta, xâu chặt vào tấm ký ức khoảnh khắc ấy, cũng rõ ràng như những ký ức của bà về cách lái xe máy móc của David hay tiếng khóc trong trẻo đầu tiên của Paul.

“Chị làm gì ở đây vậy?” Norah hỏi. “David đã mất một năm trước rồi.”

“Tôi biết,” Caroline nói, gật đầu. “Tôi biết, tôi rất tiếc. Chị nghe này, chị Norah... à chị Henry, tôi có chuyện này cần nói với chị, cũng hơi khó nói. Không hiểu chị có thể dành cho tôi vài phút được không. Khi nào tiện ấy. Tôi có thể quay lại sau nếu bây giờ chưa thích hợp.”

Giọng của bà ta vừa cấp bách và kiên quyết, trái với ý định của chính mình, Norah đã lùi lại và nhường lối cho Caroline bước vào sảnh đợi. Những chiếc hộp, được đóng gọn ghẽ và dán kín băng dính, chất đống ngay sát chân tường. “Chị thứ lỗi cho, nhà bừa bộn quá,” bà nói. Bà ra hiệu về phía phòng khách, tất cả đồ đạc đã bị gom lại một đống chính giữa phòng. “Ngày mai tôi sẽ gọi thợ sơn đến để bỏ thầu. Và cả nhân viên định giá đồ đạc nữa. Tôi sắp đi bước nữa,” bà đế thêm. “Tôi sẽ chuyển đi nơi khác.”

“Tôi mừng là đã kịp gặp chị,” Caroline nói. “Tôi mừng vì đã không chờ đợi.”

Kịp gặp tôi *để làm gì?* Norah tự hỏi, nhưng do thói quen bà vẫn mời Caroline vào bếp, nơi duy nhất họ còn có thể ngồi thoải mái. Khi họ đi qua phòng khách, không nói lời nào, Norah chợt nhớ sự biến mất đột ngột của Caroline, vụ tai tiếng ấy. Bà liếc trộm lại phía sau hai lần, không tài nào rũ bỏ nổi những cảm xúc kỳ dị mà sự hiện diện của Caroline đã khuấy động lên trong bà. Cặp kính mát gài trên sợi dây đeo quanh cổ Caroline. Những đặc điểm của bà ta đã mạnh mẽ thêm qua năm tháng, mũi và cằm sắc nét hơn. Bà ta sẽ rất cương quyết, Norah khẳng định, trong những tình huống kinh doanh. Không phải loại người có thể xem nhẹ được. Tuy vậy, Norah nhận ra rằng, cảm giác không thoải mái của mình có nguyên do khác. Caroline biết bà ta với tư cách là một người khác – một phụ nữ trẻ trung và thiếu tự tin, bị gấn cứng vào cái cuộc sống và quá khứ mà bà cũng không lấy làm hãnh diện lắm mỗi khi nhớ lại.

Caroline ngồi xuống một chỗ bên bàn ăn sáng trong khi Norah lấy hai cốc nước đá đầy. Lời nhắn cuối cùng của David – *Anh đã sửa bồn rửa trong phòng tắm rồi. Chúc mừng sinh nhật.* – được gắn lên tấm bảng ngay sau vai Caroline. Norah nôn nóng nghĩ đến những tấm ảnh còn đang nằm đợi trong ga ra, đến tất cả những việc bà cần làm không thể chờ đợi thêm nữa.

“Nhà chị có cả chim sơn ca kia à,” Caroline ngấm ngấm, rồi gật đầu ra hiệu phía khu vườn hoang tàn, xơ xác.

“Vâng. Phải mất hàng năm trời tôi mới dụ được bọn chúng đến đây đấy. Mong rằng những người sắp dọn tới đây sẽ cho chúng ăn.”

“Cảm giác chuyển đi nơi khác chắc lạ lắm.”

“Đến lúc rồi,” Norah nói, lấy ra hai miếng lát cốc và đặt mấy chiếc cốc lên bàn. Bà ngồi xuống. “Nhưng chị không đến để nói về chuyện đấy phải không.”

“Không.”

Caroline nhấp một ngụm nước, rồi áp hai tay lên mặt bàn như thế, Norah linh cảm, để giữ vững chúng. Nhưng khi nói dường như bà ta rất bình tĩnh, kiên quyết.

“Norah... tôi gọi chị là Norah được không? Tôi vẫn luôn nghĩ đến chị như thế, trong suốt những năm qua.”

Norah gật đầu, vẫn còn bối rối, cơn bồn chồn dâng lên. Lần cuối Caroline Gill vụt qua trí nhớ của bà là khi nào nhỉ? Hẳn cách đây lâu lắm rồi, và chưa bao giờ tách rời khỏi ký ức về đêm Paul ra đời.

“Norah,” Caroline nói, như đọc được suy nghĩ của bà, “chị còn nhớ những gì về cái đêm con trai chị ra đời?”

“Chị hỏi để làm gì?” giọng Norah vẫn vững vàng, nhưng bà đã hơi ngả về phía sau, để né tránh ánh nhìn chăm chú trong mắt Caroline, né tránh dòng chảy cuộn xoáy ẩn bên trong, và né tránh nỗi sợ hãi của chính mình về điều sắp xảy ra. “Sao chị lại đến đây, và sao chị lại hỏi tôi như thế?”

Caroline Gill không đáp ngay. Tiếng hót du dương của lũ chim sơn ca vụt qua căn phòng như những đốm sáng.

“Nghe này, tôi xin lỗi,” Caroline nói. “Tôi không biết phải nói như thế nào. Tôi nghĩ cũng chẳng có cách nào để nói cả, nên thôi tôi cứ nói thẳng ra vậy. Chị Norah, tối hôm đó khi hai đứa con sinh đôi của chị ra đời, Phoebe và Paul, có một vấn đề.”

“Phải,” Norah trả lời lạnh lùng, bà nghĩ đến cảm giác trống trải trong trái tim mình sau ca sinh nở, niềm hạnh phúc lẫn cảm giác trống trải xoắn bện vào nhau, và con đường khó khăn dài dặc bà đã đi để đến được với giây phút thanh thản yên bình này. “Con gái tôi đã chết,” bà nói. “Đó là vấn đề.”

“Phoebe đã không chết,” Caroline nói giọng đều đều, mắt nhìn thẳng vào bà, và trong khoảnh khắc Norah cảm thấy mình đông cứng hết như bà đã từng thấy cách đây bao nhiêu năm, bị hút chặt vào cái nhìn đăm đăm ấy trong khi cả thế giới xoay tròn quanh bà. “Phoebe sinh ra với hội chứng Down. David cho rằng chứng bệnh này sẽ tiến triển không tốt. Anh ấy nhờ tôi đưa cô bé đến một nơi ở Louisville, nơi những trẻ em như thế thường bị gửi đến. Làm như vậy không có gì là bất bình thường cả, trong hoàn cảnh năm 1964. Đa số các bác sĩ khác cũng sẽ khuyên làm thế. Nhưng tôi không thể bỏ mặc con bé ở đấy được. Tôi đưa cháu đi và chuyển đến sống ở Pittsburgh. Tôi đã nuôi dưỡng cháu trong suốt những năm qua. Chị Norah,” bà nói thêm thật nhẹ nhàng, “Phoebe vẫn còn sống. Cô bé rất khỏe mạnh.”

Norah ngồi thật im. Những con chim trong vườn đang hót riu rít gọi nhau. Không hiểu sao, bà bỗng nhớ đến lúc bị ngã xuống một tấm lưới không có biển báo khi ở Tây Ban Nha. Bà đang đi dạo trên con phố ngập nắng, không vương bận chút âu lo. Rồi phịch, bà đã ngập trong một cái rãnh đến tận hông, mắt cá bị vỡ còn bấp chân thì đầy những vết rách dài chảy máu. *Tôi ổn, tôi ổn mà*, bà luôn miệng nói với những

người giúp kéo bà lên, những người đưa bà đến bác sĩ. Mặt vẫn tươi tỉnh, như không để ý, dù máu vẫn nhỏ giọt từ vết thương: *Tôi ổn*. Chỉ sau đó, khi còn lại một mình và an toàn trong phòng riêng, khi nhắm mắt và nhớ lại khoảnh khắc đột ngột, cảm giác hoàn toàn mất kiểm soát ấy, bà mới khóc. Bây giờ bà cũng có cảm giác y như vậy. Người run lẩy bẩy, bà cố bám lấy mép bàn.

“Sao cơ?” bà nói. “Chị nói sao cơ?”

Caroline nói lại: Phoebe, thực ra không chết mà bị đưa đi. Trong suốt những năm qua, Phoebe đã lớn lên ở một thành phố khác. An toàn, Caroline không ngừng nhắc đi nhắc lại. An toàn, được chăm sóc chu đáo, được yêu thương. Phoebe, con gái bà, em song sinh của Paul. Sinh ra với hội chứng Down, bị đưa đến nơi khác.

David đã đem cho con bé.

“Chị bị điên rồi,” Norah nói, mặc dù ngay cả lúc bà nói ra, quá nhiều những mảnh ghép lỏng lẻo trong cuộc đời bà bắt đầu khớp vào đúng vị trí của nó, để bà hiểu rằng những gì Caroline nói là sự thật.

Caroline thò tay vào ví và đặt hai tấm ảnh polaroid lên mặt bàn gỗ thích bóng loáng. Norah không thể cầm lên nổi, bà đang run lẩy bẩy, nhưng bà cúi lại gần để nhìn: một cô bé trong chiếc váy trắng, mũm mĩm, với nụ cười tỏa sáng cả gương mặt, đôi mắt hình quả hạnh nhắm tít lại vui sướng. Rồi một tấm ảnh khác, cũng là cô bé này nhưng chụp sau mấy năm, đang sắp sửa ném một quả bóng rổ, ảnh chụp đúng vào khoảnh khắc trước khi cô bé nhảy lên. Trông cô bé hơi giống Paul trong tấm ảnh này, hơi giống Norah trong tấm kia, nhưng chủ yếu cô bé vẫn là chính mình: Phoebe. Không phải bất cứ tấm ảnh nào được sắp xếp cẩn thận trong tài liệu ảnh của David mà đơn giản là chính cô bé. Vẫn còn sống, và đang ở đâu đó trên đời này.

“Nhưng tại sao?” Nỗi đau đớn hiển hiện trong từng lời bà nói ra. “Tại sao anh ấy lại làm thế? Tại sao chị lại làm thế?”

Caroline lắc đầu rồi lại nhìn ra ngoài vườn.

“Trong bao năm qua tôi luôn tin tưởng vào sự trong sáng của bản thân,” bà nói. “Tôi tin rằng tôi đã làm đúng. Cái nhà cứu tế ấy là một nơi khủng khiếp. David chưa bao giờ thấy nó; anh ấy không biết chỗ đấy tệ thế nào. Vì thế tôi đưa Phoebe đi và nuôi nấng nó, tôi đã đấu tranh rất, rất nhiều để cho con bé được học hành và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc y tế. Để đảm bảo nó có một cuộc sống tốt. Cũng dễ nhìn nhận bản thân tôi như một người hùng. Nhưng tôi nghĩ mình luôn hiểu rằng, từ tận đáy lòng, những động cơ của tôi không hoàn toàn trong sáng. Tôi muốn một đứa con nhưng lại không có. Tôi cũng từng yêu David, hoặc nghĩ là mình đã yêu. Chỉ từ xa thôi, ý tôi là vậy,” bà vội đế thêm. “Tất cả chỉ trong ý nghĩ của tôi thôi. David thậm chí còn chẳng bao giờ để ý đến tôi. Nhưng khi nhìn thấy thông báo lễ tang, tôi biết tôi phải giữ nó. Rằng chẳng nào tôi cũng phải ra đi, và tôi không thể bỏ mặc con bé được.”

Norah, rồi bởi trong cảm giác hoảng loạn, nhớ lại những ngày nhạt nhòa tràn đầy nỗi đau và niềm hạnh phúc, Paul nằm trong vòng tay bà còn Bree đưa bà chiếc điện thoại, nói, *Chị phải kết thúc chuyện này đi*. Bà đã lên kế hoạch cho cả buổi lễ tưởng niệm mà không nói gì với David, mỗi sự sắp xếp giúp bà trở lại với cuộc sống, và khi David về đến nhà tối hôm đó, bà đã đấu tranh chống lại sự phản đối của ông.

Không hiểu ông đã cảm thấy thế nào, về cái đêm hôm ấy, về buổi lễ ấy?

Và dấu vậy ông vẫn để mặc cho mọi chuyện xảy ra.

“Nhưng tại sao anh ấy không nói cho tôi biết,” bà hỏi, giọng nhỏ như một lời thì thầm. “Trong ngần ấy năm trời, mà anh ấy chưa bao giờ

nói gì với tôi cả.”

Caroline lắc đầu. “Tôi không thể nói hộ David được,” bà nói. “Anh ấy luôn là một bí ẩn đối với tôi. Tôi biết anh ấy yêu chị, và tôi tin dù việc làm này có vẻ đáng ghê tởm, nhưng những ý định ban đầu của anh ấy là tốt. Anh ấy đã có lúc kể cho tôi nghe về em gái anh ấy. Cô ấy bị dị tật tim và chết rất trẻ, và mẹ anh ấy không bao giờ vượt qua được nỗi đau. Dù có đáng hay không, tôi nghĩ anh ấy chỉ đang cố gắng bảo vệ chị thôi.”

“Nó là con tôi,” Norah nói, từng câu từng chữ như rút ra từ sâu thẳm trong người bà, từ một vết thương đã chôn chặt từ lâu. “Nó sinh ra từ máu thịt của tôi. Bảo vệ tôi ư? Bằng cách nói với tôi là nó đã chết ư?”

Caroline không trả lời, và họ ngồi một lúc lâu, im lặng bao trùm lên họ. Norah nghĩ đến David trong tất cả những bức ảnh kia, và trong tất cả những giây phút họ đã sống cùng nhau, luôn phải mang giấu bí mật đó bên mình. Bà đã không biết, bà đã không đoán ra. Nhưng giờ đây bà đã được biết, nó đem lại một cảm giác thật khủng khiếp.

Cuối cùng Caroline mở ví lấy ra một mẫu giấy trong đó ghi địa chỉ và số điện thoại của bà ta. “Đây là nơi chúng tôi sống,” bà nói. “Chồng tôi, Al, tôi và Phoebe. Đây là nơi Phoebe đã lớn lên. Con bé đã có một cuộc sống hạnh phúc, chị Norah ạ. Tôi biết cho chị hay chừng ấy không đáng kể gì, nhưng đó là sự thật. Nó là một cô gái trẻ đáng yêu. Tháng sau, nó sẽ chuyển đến ở một khu nhà tập thể. Đó là nguyện vọng của nó. Nó có một công việc rất tốt ở trong một cửa hàng photocopy. Nó thích ở đó, và mọi người cũng yêu quý nó lắm.”

“Cửa hàng photocopy?”

“Phải. Con bé làm tốt lắm, chị Norah ạ.”

“Nó có biết không?” Norah hỏi. “Nó có biết về tôi không? Về Paul nữa?”

Caroline liếc xuống mặt bàn, ngón tay mân mê rìa tấm ảnh. “Không. Tôi không muốn nói cho nó biết đến khi nào nói chuyện được với chị. Tôi không biết chị muốn làm gì, liệu chị có muốn gặp nó không. Tôi hy vọng là có. Nhưng dĩ nhiên tôi cũng sẽ không trách cứ gì chị nếu chị không muốn. Đã gần bảy năm rồi... ôi, tôi rất tiếc. Nhưng nếu chị muốn đến thăm, chúng tôi ở đó. Cứ gọi điện cho chúng tôi. Tuần sau hay năm sau cũng được.”

“Tôi không biết nữa,” Norah chậm chạp đáp. “Có lẽ tôi đang sốc quá.”

“Dĩ nhiên rồi.” Caroline đứng dậy.

“Tôi giữ mấy tấm ảnh được không?” Norah hỏi.

“Chúng là của chị. Chúng vẫn luôn là của chị mà.”

Trên hiên nhà, Caroline dừng lại và nhìn bà chăm chú.

“Anh ấy yêu chị nhiều lắm,” bà ta nói. “David lúc nào cũng yêu chị, Norah ạ.”

Norah gật đầu, nhớ lại mình cũng đã nói y như vậy với Paul khi ở Paris. Bà đứng trên hiên nhà nhìn theo Caroline đi ra xe, tự hỏi không hiểu cuộc sống mà Caroline đang lái xe quay về ra sao, liệu nó còn ẩn chứa những phức tạp và bí ẩn gì.

Norah đứng trên hiên nhà một lúc lâu. Phoebe vẫn còn sống, trên đời này. Cái tin ấy giống như là một cái hố rộng ngoác, sâu đến vô tận xói vào tim bà. Được yêu thương, Caroline đã nói thế. Được chăm sóc chu đáo. Nhưng không phải bởi Norah, người đã phải cố gắng biết bao

để quên cô bé. Những giấc mơ bà đã có, tất cả cuộc tìm kiếm giữa những lưới cỏ đóng băng giòn sần, lại quay về, vò xé bà.

Bà quay vào trong nhà, khóc nức nở, đi qua đóng đồ đạc phủ vải. Nhân viên định giá sắp đến. Paul cũng sẽ đến, hôm nay hoặc ngày mai; nó đã hứa gọi trước nhưng đôi khi vẫn đến đột ngột. Bà tráng rửa mấy cốc nước và lau khô, rồi đứng trong gian bếp tĩnh lặng, nghĩ đến David, đến những đêm suốt bao năm qua khi David vùng dậy trong bóng tối và chạy đến bệnh viện chữa chạy cho ai đó bị thương. Một người tốt, David. Ông điều hành một phòng khám, ông chăm sóc cho những người cần giúp đỡ.

Và ông đã đem cho đứa con gái của họ rồi bảo bà rằng nó đã chết.

Norah đắm mạnh lên quầy bếp, khiến những chiếc cốc nảy lên. Bà pha cho mình một cốc rượu gin và tonic rồi đi lang thang trên gác. Bà nằm xuống, lại nhòe dậy gọi cho Frederic, và đập máy khi có tiếng trả lời tự động. Sau một lúc bà quay lại studio của David. Mọi thứ vẫn nguyên như cũ, bầu không khí thật ấm áp, tĩnh lặng, những tấm ảnh và hộp nằm rải rác khắp sàn nhà, vẫn y như lúc bà rời khỏi đó. Ít nhất là năm mươi ngàn đô, nhân viên phòng tranh đã ước lượng. Sẽ còn đáng giá nhiều tiền hơn nữa nếu có thêm ghi chú viết tay của David về quá trình thực hiện.

Mọi thứ vẫn còn nguyên như cũ, nhưng đã không còn như xưa nữa.

Norah bê chiếc hộp đầu tiên và kéo lê qua căn phòng. Bà gắng hết sức nâng hộp lên mặt quầy, rồi giữ nó thăng bằng trên bậu cửa sổ nhìn xuống sân sau. Bà dừng lại lấy hơi rồi kéo màn cửa lên và đẩy mạnh chiếc hộp ra ngoài, bằng cả hai tay, nghe tiếng dội xuống nền đất bên dưới với một tiếng thụp hả hê. Bà quay lại xử lý chiếc hộp tiếp theo, rồi đến chiếc hộp tiếp theo nữa. Bà đã làm đúng như những gì mình mong muốn trước đó: dứt khoát, thô bạo – phải, tàn nhẫn. Chỉ trong chưa đầy

một giờ, cả studio đã trống trơn. Bà quay vào trong nhà, đi qua những chiếc hộp rách nằm ngổn ngang trên lối vào nhà, những tấm ảnh rơi ra tung tóe, vương vãi khắp bãi cỏ trong ánh nắng buổi chiều muộn.

Vào nhà, bà đi tắm, đứng dưới vòi nước chảy cho đến khi người lạnh toát. Bà mặc một chiếc váy rộng, pha thêm cốc rượu rồi ngồi xuống sofa. Bắp tay bà nhức nhối vì bê hộp nặng. Bà pha thêm một cốc rượu nữa rồi trở lại. Khi trời sụp tối, nhiều giờ trôi qua, bà vẫn ngồi đó. Chuông điện thoại reo vang, và bà nghe thấy giọng của chính mình, qua máy ghi âm, rồi đến giọng Frederic, gọi từ Pháp về. Giọng ông thật mượt và êm, như mặt biển xa xăm. Bà khao khát được đến đó, được đến nơi mà cuộc đời bà trở nên có ý nghĩa, nhưng bà không nhấc máy lên, cũng không gọi lại cho ông. Tiếng tàu hỏa văng vẳng phía xa. Bà kéo chiếc khăn phủ giường lên và ngập chìm trong bóng đêm u tối.

Bà nằm lơ mơ, lúc say lúc tỉnh, nhưng không ngủ. Tỉnh thoảng bà dậy để pha thêm một cốc rượu nữa, đi lang thang qua những căn phòng trống vắng, tràn ngập bóng trắng, đổ đầy thêm cốc rượu của mình từng chút một. Không cần biết đó là tonic hay chanh hay đá. Có lúc bà mơ thấy Phoebe đang ở trong phòng, hiện ra từ một bức tường nơi cô đã giấu mình suốt bao năm qua, Norah đi hết ngày này đến ngày khác mà không nhìn thấy cô bé. Sau đó bà bừng tỉnh, khóc nức nở. Bà đổ hết phần còn lại của chai rượu gin xuống bồn rửa và uống một cốc nước.

Cuối cùng bà cũng ngủ thiếp đi khi bình minh lên. Buổi trưa, khi bà tỉnh dậy, cánh cửa trước đang mở rộng còn ở sân sau ánh tung tóe khắp nơi: mắc vào bụi cây đỗ quyên, phất phơ dưới nền đất, hoặc mắc trên chiếc xích đu gỉ sét cũ kỹ của Paul. Thấp thoáng đôi tay, ánh mắt, làn da mô phỏng hình dáng bờ biển, làn tóc thoảng qua, tế bào máu vương vãi như những giọt dầu trên mặt nước. Những khoảnh khắc cuộc đời họ đã sống như cách David quan sát, cách David đã cố gắng định hình chúng. Phim âm bản, phim celluloid đen sẫm, nằm vắt vương trên

cỏ. Norah hình dung ra giọng nói hoảng hốt và giận dữ của các nhân viên quản lý phòng tranh, của bạn bè, của con trai bà, và thậm chí là của cả một phần trong bà, nghe thấy chúng sôi lên, *Nhưng bà đang hủy hoại lịch sử đấy!*

Không, bà đáp, tôi đang đòi nợ nó đấy chứ.

Bà uống thêm hai cốc nước cùng vài viên aspirin, rồi bắt đầu kéo lê mấy chiếc hộp ra góc xa trên bãi cỏ um tùm. Một hộp, chiếc hộp đựng đầy những tấm ảnh chụp Paul trong suốt quãng đời cậu, bà đẩy lại vào ga ra để lưu giữ. Trời nóng ran và đầu bà nhức buốt; những đóm đom đóm quay cuồng trong mắt bà khi bà đột ngột đứng dậy. Bà nhớ lại ngày xa xưa hôm nào trên bãi biển, mặt nước lấp lánh, những đóm sáng chói mắt và Howard bước vào tầm nhìn của bà.

Có rất nhiều đá chất đống phía sau ga ra. Bà lôi ra, từng cục một, và xếp thành một vòng tròn lớn. Bà vớt chiếc hộp đầu tiên, những tấm ảnh đen trắng bóng bẩy ánh lên dưới nắng, khuôn mặt quen thuộc của những người phụ nữ trẻ nhìn bà đắm đắm từ dưới mặt cỏ. Ngồi xổm dưới cái nắng trưa gay gắt, bà giữ chiếc bật lửa sát mép một tấm ảnh 8x10. Khi lưỡi lửa bắt đầu liếm và bùng lên, bà thả tấm ảnh đang cháy bùng lên vào đống ảnh thấp tè ở giữa vòng tròn đá. Ban đầu lửa dường như không bén. Nhưng chẳng mấy chốc hơi nóng cuộn cuộn bốc lên, kéo theo một cột khói.

Norah vào nhà rót thêm một cốc nước nữa. Bà ngồi trên bậc thềm sau nhà nhấp từng ngụm nước, ngắm nhìn ngọn lửa. Một sắc lệnh mới ban hành của thành phố cấm mọi hình thức đốt lửa, và bà lo hàng xóm có thể sẽ gọi cho cảnh sát. Nhưng xung quanh vẫn im ắng, ngay cả ngọn lửa cũng cầm lặng, bốc cao thêm giữa bầu không khí oi nồng, tỏa ra một làn khói mỏng xanh xanh như màu sương. Tàn giấy đen kịt bay bay khắp sân sau, phát phơ theo từng đợt khí nóng mờ ảo, như những cánh bướm. Khi ngọn lửa trong vòng đá bùng lên và bắt đầu gầm gào,

Norah vút thêm ảnh vào. Bà đốt ánh sáng, bà đốt bóng tối, bà đốt tất cả những ký ức của David, những thứ đã được chớp lại và lưu giữ thật cẩn thận. *Đồ khốn*, bà lầm rầm, nhìn những tấm ảnh bốc cháy ngùn ngụt trước khi đen thẫm dần, cuộn lại và biến mất.

Ánh sáng về với ánh sáng, bà thềm nghĩ, lùi lại tránh hơi nóng, tiếng gầm rú, những đốm tàn tro mịn như bột cuồn cuộn trong không khí.

Tro tàn về với tro tàn.

Cát bụi, cuối cùng, lại về với cát bụi.

Mồng 2 Đến Mồng 4 Tháng Bảy Năm 1989

“NÀY, ANH NÓI THẾ THÌ DỄ LẮM, PAUL A.” MICHELLE ĐANG đứng bên cửa sổ, hai tay khoanh trước ngực, và khi cô quay lại, đôi mắt cô tối sầm vì xúc động, đồng thời bị che phủ bởi cơn giận dữ. “Anh có thể nói bất cứ điều gì anh muốn về lý thuyết, nhưng thực tế là, một đứa bé sẽ làm thay đổi tất cả mọi thứ – mà đa phần là đối với em.”

Paul ngồi trên chiếc sofa màu đỏ thẫm, ấm áp nhưng thiếu thoải mái trong buổi sáng mùa hè. Cậu và Michelle tìm thấy nó trên phố khi hai người bắt đầu sống chung với nhau ở đây, tại Cincinnati, trong những ngày chuyển choáng men tình khi việc kéo chiếc ghế lên ba lần cầu thang chẳng nhằm nhò gì. Hoặc có nghĩa là mệt lử, rượu, cười đùa và sau đó là làm tình thật chậm rãi trên mặt sofa nhung ram ráp. Bây giờ cô quay đi nhìn ra ngoài cửa sổ, mái tóc sẫm khế lúc lắc. Một cảm giác trống rỗng vô hình, cằn cằn, bao trùm trái tim cậu. Đạo gần đây mọi thứ trở nên mong manh, như một quả trứng vỡ, như thể tất cả có thể nát vụn chỉ sau một cái chạm tay bất cẩn. Cuộc trò chuyện giữa hai người đã khởi đầu khá thân mật, chỉ đơn giản bàn xem ai sẽ chăm sóc con mèo khi cả hai đi vắng: cô sẽ đến Indianapolis biểu diễn, cậu về Lexington đỡ đàn cho mẹ. Và giờ đây, đột nhiên, họ lại sa vào khoảng trống của trái tim, gần đây đó dường như là nơi không ngừng chia cách họ.

Paul hiểu mình nên đổi chủ đề.

“Kết hôn không nhất thiết có nghĩa là phải có con mà,” thay vì thế cậu lại nói, vẻ buồn bình.

“Ôi trời, Paul. Nói thật đi. Có một đứa con là khao khát bấy lâu của anh. Thậm chí còn không phải là anh muốn em nữa cơ. Mà là một đứa con tưởng tượng nào kia.”

“Đứa con tưởng tượng của chúng ta,” cậu đáp. “Một ngày nào đó cơ, Michelle. Không phải ngay bây giờ. Em nghe này, anh chỉ muốn đặt vấn đề cưới xin thôi. Có gì to tát đâu.”

Cô thở hắt ra một tiếng bực bội. Căn gác xép có mặt sàn lát gỗ thông và những bức tường trắng, điểm thêm những màu cơ bản của chai lọ, gối đệm. Michelle cũng mặc đồ trắng, làn da và mái tóc cô tỏa ánh ấm áp như màu sàn nhà. Paul thấy trong lòng đau nhói khi nhìn cô, cậu biết cô đã quyết, thực sự dứt khoát. Rồi chẳng mấy chốc cô sẽ rời bỏ cậu, mang theo cả vẻ đẹp hoang dại và âm nhạc trong cô.

“Hay lắm,” cô nói. “Dù sao em cũng thấy hay. Ở chỗ tất cả những chuyện này được lôi ra bàn ngay khi sự nghiệp của em bắt đầu thăng hoa. Không phải trước đó, mà là bây giờ. Nghe thì có vẻ kỳ quặc, nhưng tự nhiên em nghĩ có khi anh đang muốn chúng ta chia tay thì phải.”

“Vớ vẩn. Chuyện chọn thời điểm thì có liên quan gì.”

“Không hả?”

“Không!”

Họ không nói năng gì trong vài phút và sự im lặng lan tỏa khắp căn phòng trắng xóa, tràn ngập không gian và ép lên những bức tường. Paul e ngại không dám nói và còn e ngại việc không nói gì hơn, nhưng cuối cùng cậu cũng không thể làm thinh thêm nữa.

“Chúng ta đã sống cùng nhau hai năm nay. Hoặc là mọi việc tiến triển và biến đổi hoặc sẽ nhạt dần. Anh muốn chúng ta tiến xa hơn.”

Michelle thở dài. “Đằng nào mọi việc chả thay đổi, dù có hay không có mảnh giấy ấy (16). Đó là điều mà anh chưa tính đến. Và dù anh có nói gì đi nữa, đó là một việc to tát. Dù anh có nói gì đi nữa, hôn nhân sẽ thay đổi mọi thứ, và phụ nữ *luôn luôn* là người phải hy sinh, dù người ta có nói gì đi nữa.”

“Đó chỉ là lý thuyết thôi. Không phải đời thực.”

“Ô kìa! Anh làm em điên mất, Paul ạ – lúc nào cũng nói chắc được cả.”

Mặt trời đã lên cao, trải nắng trên dòng sông và bao phủ căn phòng bằng ánh bạc lấp lánh, hắt những hình thù rung rinh lên trần nhà. Michelle đi vào nhà tắm và đóng chặt cửa lại. Tiếng ngăn kéo bị lực lợi, tiếng nước chảy. Paul bước qua căn phòng đến nơi cô vừa đứng, ngấm nhìn khung cảnh như thể nó sẽ giúp cậu thấu hiểu cô. Sau đó, thật khẽ khàng, cậu gõ nhẹ lên cánh cửa.

“Anh đi đây,” cậu nói.

Im lặng. Rồi cô nói lại. “Tối mai anh về à?”

“Buổi biểu diễn bắt đầu lúc sáu giờ phải không?”

“Phải.” Cô mở cửa phòng tắm và đứng đó, người quần trong tấm khăn lông trắng, đang xoa kem dưỡng lên mặt.

“Được rồi,” cậu nói, và hôn cô, hít hà mùi hương, làn da mềm mại của cô. “Anh yêu em,” cậu nói, đoạn bước lùi lại.

Cô nhìn cậu một lúc. “Em biết rồi,” cô nói. “Mai gặp lại anh nhé.”

Em biết rồi. Cậu cứ ngấm ngấm mãi lời cô nói suốt dọc đường đi Lexington. Cuốc xe kéo dài hai giờ đồng hồ: vượt sông Ohio, luồn lách giữa dòng xe cộ đông đúc gần sân bay, và cuối cùng đi vào vùng đồi

xinh đẹp nhấp nhô. Sau đó cậu lái qua những con phố khu trung tâm tĩnh lặng, những tòa nhà vắng tanh, nhớ lại ngày xưa khi phố Main vẫn còn là trung tâm cuộc sống, nơi mọi người tìm đến để mua sắm và ăn uống giao lưu. Cậu nhớ lại lúc đến hiệu thuốc, ngồi bên chiếc máy làm kem đặt phía sau. Những cục kem sô cô la đặt trong cốc kim loại phủ đầy băng tuyết, tiếng máy trộn kêu rù rù; mùi thịt nướng và kháng sinh quyện lẫn vào nhau. Bố mẹ cậu đã gặp nhau ở khu trung tâm. Mẹ đi thang cuốn, nổi bật giữa đám đông như một vầng mặt trời, và bố đã theo gót mẹ.

Cậu lái xe qua tòa nhà ngân hàng mới và trụ sở tòa án cũ, bãi đất trống hoác một thời là nơi tọa lạc của nhà hát. Một người phụ nữ gầy gò đang đi trên vỉa hè, đầu cúi gằm, hai tay khoanh lại, mái tóc sẫm phất phơ trong gió. Lần đầu tiên sau nhiều năm trời Paul bỗng nhớ đến Lauren Lobaglio, cái cách dứt khoát lạnh lẽo cô ả bước qua ga ra trống trơn để đến chỗ cậu tuần này qua tuần khác. Cậu đã chạy đến với ả, lần nữa rồi đến lần sau nữa; cậu đã choàng tỉnh giữa bao đêm đen, lo sợ trước Lauren về những thứ lúc này cậu đang khao khát có với Michelle: hôn nhân, con cái, một cuộc sống gắn bó.

Cậu vừa lái xe, vừa ngâm nga bài hát mới nhất của mình. “A Tree in the Heart” là tên bài hát – có lẽ tối nay cậu sẽ chơi bài này, ở quán rượu Lynagh. Michelle sẽ sốc vì việc đó, nhưng Paul không quan tâm. Đạo này, kể từ ngày bố cậu mất, cậu bắt đầu biểu diễn nhiều hơn tại những sàn diễn bình dân cũng như các phòng hòa nhạc; cậu có thể ôm đàn ghi ta chơi ở các quán bar và nhà hàng, cả những bản nhạc cổ điển lẫn những khúc nhạc thịnh hành mà trong quá khứ cậu luôn khinh bỉ. Cậu không thể giải thích được sự thay đổi trong trái tim mình, nhưng có lẽ nó liên quan đến cảm giác gần gũi của những nơi này, mối liên hệ với khán giả mà cậu cảm thấy, dường như đủ gần để đưa tay ra và chạm lấy. Michelle không chấp nhận; cô cho rằng đó là hậu quả mà nỗi đau để lại, và cô muốn cậu phải vượt qua. Nhưng Paul không thể từ bỏ.

Trong suốt những năm thiếu niên, cậu đã chơi nhạc vì giận dữ và khao khát muốn được thấu hiểu, như thể qua âm nhạc cậu có thể đem lại chút trật tự, chút vẻ đẹp vô hình, đến gia đình này. Giờ đây bố cậu đã ra đi, và không còn ai để cậu phải chơi nhạc để chống đối nữa. Vì vậy cậu đã có cảm giác tự do mới mẻ ấy.

Cậu lái xe vào khu phố cũ, đi qua những ngôi nhà trang nghiêm và khoảnh sân trước sâu hút, những vỉa hè và sự tĩnh lặng vĩnh cửu. Cánh cửa trước nhà mẹ cậu đóng im ỉm. Cậu tắt máy và ngồi trong xe một lúc, lắng nghe tiếng chim hót và tiếng rù rù xa xa của máy xén cỏ.

Cái cây mọc trong tim. Bố cậu đã mất một năm nay còn mẹ cậu sắp cưới Frederic và chuyển sang Pháp sống một thời gian, cậu cũng không ở đây với tư cách một đứa trẻ hay người khách ghé thăm mà là một người coi sóc quá khứ. Cậu có quyền lựa chọn, giữ lại cái gì và loại bỏ cái gì. Cậu đã cố gắng nói chuyện với Michelle về điều này, về ý thức trách nhiệm sâu thẳm trong lòng cậu, về những thứ cậu giữ lại từ ngôi nhà thời thơ ấu sẽ ra sao, và ngược lại, những gì cậu có thể để lại cho những đứa con của mình vào một ngày nào đó – mọi điều giúp chúng biết, một cách trực quan sinh động, về những thứ đã làm nên cậu bây giờ. Cậu nghĩ đến bố, người mà quá khứ vẫn mãi là một điều bí ẩn, nhưng Michelle lại nhằm tuồng; cô xù lông lên trước bất cứ lời nói tình cờ nào đã động đến con cái. *Ý anh không phải thế*, cậu gạt đi, cúi kính, còn cô thì cũng nổi khùng. *Dù anh có biết hay không, thì đó chính là điều anh nghĩ.*

Cậu ngả lưng ra sau, sục sạo trong túi tìm chìa khóa nhà. Khi mẹ cậu biết những tác phẩm của cha cậu rất giá trị, bà bắt đầu khóa cửa studio, mặc dù hộp ảnh thì vẫn mở tênh hênh trong đó.

Hừm, cậu cũng không muốn nhìn mấy thứ đấy.

Cuối cùng Paul cũng ra khỏi xe, cậu đứng một lúc trên vỉa hè, nhìn quanh khu phố. Trời oi nồng; một cơn gió nhẹ trên cao lướt qua những ngọn cây. Đám lá sồi kim châm vào ánh nắng, tạo ra một cuộc chơi bóng tối trên mặt đất. Lạ thay, không khí dường như tràn ngập những bông tuyết, một thứ chất xám trắng nhẹ như lông hồng đổ xuống từ trời xanh. Paul giơ tay lên giữa không khí ẩm ướt, nóng bức, cảm thấy như đang đứng trong một tấm ảnh của bố cậu, nơi cây cối đâm chồi nảy lộc trong từng đường gân của trái tim, nơi vạn vật không còn là chính nó nữa. Cậu tóm lấy một bông trong lòng bàn tay; khi cậu nắm chặt tay lại và mở ra, da tay lấm tấm một đốm bản màu đen. Tàn tro đang đổ xuống như mưa tuyết trong cái nóng oi nồng tháng Bảy.

Cậu để lại dấu chân trên lối đi khi bước lên bậc thềm. Cửa trước không khóa, nhưng trong nhà trống trơn. Xin chào? Paul gọi, đi qua các phòng, đồ đạc đã kéo ra giữa sàn và phủ vải sơn, những bức tường trần trụi đang chờ được sơn. Cậu đã không sống ở đây nhiều năm nhưng rồi cậu bỗng thấy mình dừng lại giữa phòng khách, căn phòng đã bị lột sạch những đặc điểm khiến nó có ý nghĩa. Đã bao lần mẹ cậu trang trí căn phòng này rồi nhỉ? Vậy mà, rốt cuộc nó cũng chỉ là một căn phòng. Mẹ ơi? Cậu gọi, nhưng không có tiếng đáp lại. Lên gác, cậu đứng trên thềm cửa căn phòng của chính mình. Hộp cũng chất đống trong phòng này, đựng đầy những món đồ cũ mà cậu phải phân loại. Bà đã không vứt đi thứ gì; cả những tấm áp phích cũng được cuộn lại gọn gàng và buộc chặt bằng dây cao su. Những hình chữ nhật in mờ mờ trên tường ở nơi từng treo tranh ảnh.

“Mẹ ơi?” cậu lại gọi. Cậu leo xuống tầng một và đi ra hiên sau nhà.

Bà đang ở đó, ngồi trên bậc thềm, mặc quần soóc xanh cũ mềm và áo thun trắng bèo nhèo. Cậu dừng lại, không nói nên lời, ngắm nhìn khung cảnh kỳ dị trước mặt. Một ngọn lửa vẫn còn cháy âm ỉ giữa vòng tròn đá, những đốm tàn tro và vụn giấy cháy đen rơi xuống quanh cậu khi ở sân trước cũng có ở đây, vương đầy các bụi cây và trên cả mái tóc

mẹ cậu. Giấy tờ vương vãi khắp trên bãi cỏ, dính trên gốc cây, kẹt trên cả những cọc sắt han gỉ của cây xích đu cổ lỗ. Paul bàng hoàng nhận ra mẹ đang đốt những tấm ảnh của bố cậu. Bà nhìn lên, khuôn mặt lem luốc tro than và nước mắt.

“Không sao đâu con,” bà nói, giọng đều đều. “Mẹ đã thôi không đốt nữa rồi. Mẹ giận bố con quá, Paul ạ, nhưng rồi mẹ lại giật mình: Đây cũng là tài sản thừa kế của con mà. Mẹ mới chỉ đốt được một hộp thôi. Đây là hộp ảnh toàn các cô gái, nên mẹ không nghĩ nó đáng giá lắm.”

“Mẹ đang nói gì vậy?” cậu hỏi, đoạn ngồi xuống bên bà.

Bà đưa cho cậu một tấm ảnh chụp chính cậu, tấm ảnh cậu chưa từng thấy. Khi ấy cậu chừng mười bốn tuổi, ngồi trên chiếc xích đu đặt trên hiên nhà, cúi đầu trên cây đàn ghi ta, đang say sưa chơi nhạc, hoàn toàn vô cảm với mọi thứ xung quanh, chỉ chìm đắm trong âm nhạc. Cậu thấy giật mình vì bố đã chớp được khoảnh khắc này – một khoảnh khắc riêng tư, hoàn toàn phô bày không giấu giếm, một trong những khoảnh khắc trong đời khi Paul cảm thấy tràn ngập sức sống nhất.

“Rồi. Nhưng con vẫn chưa hiểu. Sao mẹ lại giận đến thế?”

Mẹ cậu ép chặt hai tay lên mặt, rất nhanh, và thở dài. “Con có nhớ câu chuyện về buổi đêm con ra đời không, Paul? Trận bão tuyết, rồi suýt nữa bố mẹ đã không đến kịp phòng khám ấy?”

“Có chứ ạ.” Cậu đợi bà nói tiếp, không biết nên nói gì, tuy nhiên bản năng mách bảo cậu rằng việc này hẳn có liên quan đến đứa em gái song sinh của cậu, người đã chết.

“Con có nhớ cô y tá, Caroline Gill không? Mẹ đã kể cho con nghe về cô ấy chưa nhỉ?”

“Có ạ. Nhưng mẹ không nói tên. Chỉ nói là cô ấy có đôi mắt xanh thôi.”

“Đúng đấy. Xanh lắm. Hôm qua cô ấy vừa đến đây, Paul ạ. Caroline Gill ấy. Mẹ chưa gặp lại cô ấy kể từ đêm hôm đó. Cô ấy đem tin đến, tin rất sốc. Mẹ sắp nói với con đây, vì mẹ chẳng biết phải làm gì nữa.”

Bà cầm lấy tay cậu. Cậu không rút ra. Em con, bà nói bằng giọng điềm tĩnh, thực ra đã không chết sau khi ra đời. Nó sinh ra với hội chứng Down, và bố con đã nhờ Caroline Gill đưa nó đến một nhà cứu tế ở Louisville.

“Để giải thoát cho chúng ta,” mẹ cậu nói, và giọng bà nghẹn lại. “Cô ấy nói thế. Nhưng cô ấy không thể làm được, Caroline Gill ấy. Cô ấy đã mang em con đi, Paul ạ. Cô ấy đã mang Phoebe đi. Trong ngàn ấy năm trời em sinh đôi của con vẫn còn sống và khỏe mạnh, nó lớn lên ở Pittsburgh.”

“Em gái con?” Paul nói. “Ồ Pittsburgh? Con mới ở Pittsburgh tuần trước.” Đó không phải một câu trả lời hợp lý, nhưng cậu cũng chẳng biết phải nói gì hơn, cậu thấy trong lòng tràn ngập một cảm giác trống rỗng kỳ dị, một thứ cảm giác thờ ơ đáng ngạc nhiên. Cậu có một cô em gái: riêng cái tin ấy thôi cũng đã đủ lắm rồi. Nó lại còn thiếu năng, không hoàn chỉnh, vì vậy bố cậu đã đem cho nó đi. Đó không phải là sự giận dữ, kỳ lạ thay, mà là nỗi sợ hãi trào lên ngay sau đó, nỗi sợ sinh ra từ những áp lực mà bố cậu đã đặt lên cậu với tư cách là đứa con độc nhất. Nó cũng sinh ra từ đòi hỏi của chính Paul muốn được đi theo con đường của riêng mình, ngay cả khi bố cậu không thể chấp nhận nỗi phải bỏ nhà đi. Một nỗi sợ hãi mà Paul đã nhào nặn trong suốt những năm qua, như một nhà giả kim đại tài, để biến thành giận dữ và nỗi loạn.

“Caroline đã tới Pittsburgh và bắt đầu một cuộc sống mới,” mẹ cậu nói. “Cô ấy đã nuôi nấng em con. Mẹ nghĩ chắc phải vất vả lắm; chắc chắn vậy, nhất là trong thời gian đầu. Mẹ cố gắng cảm thấy biết ơn vì cô ấy đã đối tốt với Phoebe, nhưng một phần trong mẹ chỉ thấy điên cuồng giận dữ thôi.”

Paul nhắm mắt lại một lúc, cố gắng thu tất cả những điều đó về một mối. Những từ ngữ nghe đều đều, kỳ quặc, và xa lạ. Trong bao nhiêu năm qua cậu đã cố tưởng tượng ra em gái mình, nó sẽ ra sao, nhưng giờ đây cậu không thể hình dung ra chút ý niệm gì về cô.

“Sao ông ấy có thể?” cuối cùng cậu hỏi. “Sao bố có thể giữ kín một bí mật như thế?”

“Mẹ không biết nữa,” mẹ cậu đáp. “Mẹ cũng đã tự hỏi mình câu đó hàng giờ liền. Sao ông ấy có thể? Và tại sao ông ấy lại dám ra đi và để mặc chúng ta tự khám phá ra việc này cơ chứ?”

Họ ngồi đó trong im lặng. Paul nhớ một buổi trưa cùng rửa ảnh với bố vào cái ngày sau khi cậu phá phách căn buồng tối, khi trong lòng cậu tràn đầy mặc cảm tội lỗi và bố cậu cũng vậy, khi bầu không khí tràn ngập những điều họ đã nói và những điều còn chưa nói. Máy ảnh – camera, bố cậu nói, có xuất xứ từ từ chambre của tiếng Pháp, nghĩa là phòng. Chụp ảnh có nghĩa là làm việc bí mật. Đó là điều mà cha cậu tin tưởng: rằng mỗi người là một vũ trụ riêng biệt. Những chồi cây bí mật trong trái tim, một nắm xương: đó là thế giới của cha cậu, và nó chưa bao giờ khiến cậu cảm thấy cay đắng hơn giây phút này.

“Con thấy ngạc nhiên tại sao bố không đem cho con nhỉ,” cậu nói, nghĩ rằng cậu đã luôn phải chống đối lại thế giới quan của bố cậu gay gắt đến thế nào. Cậu đã đi ra đời và chơi ghi ta, âm nhạc trào lên trong cậu và ùa vào thế giới, mọi người đều ngoảnh lại, đặt ly rượu xuống, lắng nghe, cả căn phòng chật kín những con người xa lạ bỗng được kết

nối với nhau, người này với người kia. “Con chắc là bố muốn làm thế lắm đấy.”

“Paul!” Mẹ cậu cau mặt lại. “Không. Nếu có gì, thì chỉ là bố càng muốn tốt cho con hơn vì tất cả những điều đó thôi. Kỳ vọng nhiều hơn. Đòi hỏi sự hoàn hảo của chính bản thân ông ấy. Đó là một trong những thứ giờ đã trở nên rõ ràng đối với mẹ. Thực ra, đó là phần đáng sợ. Giờ đây khi mẹ đã biết về Phoebe rồi, rất nhiều điều bí ẩn về bố con thành ra dễ hiểu. Cả bức tường mà mẹ luôn cảm thấy – nó hoàn toàn có thật.”

Bà đứng dậy, đi vào nhà, quay lại với hai tấm ảnh polaroid. “Em đây này,” bà nói. “Đây là em gái con. Phoebe.”

Paul cầm lấy và nhìn tấm này đến tấm kia: một tấm ảnh chân dung chụp một bé gái đang mỉm cười, tiếp theo là một tấm chụp ngẫu nhiên cảnh cô bé đang tung một quả bóng rổ. Cậu vẫn đang cố gắng ghi lại những gì mẹ cậu vừa nói: rằng cô bé xa lạ với đôi mắt hình quả hạnh và đôi chân dẻo dai này là đứa em sinh đôi của mình.

“Các con có màu tóc giống nhau này,” Norah dịu dàng nói, rồi lại ngồi xuống bên cạnh cậu. “Nó thích hát, Paul ạ. Cũng đáng nói đấy chứ?” Bà cười. “Và đoán xem – nó còn là một fan bóng rổ nữa cơ đấy.”

Tiếng cười của Paul đánh lại chua chát.

“Hừ,” cậu nói. “Con nghĩ bố chọn nhầm đứa mất rồi.”

Mẹ cậu cầm mấy bức ảnh trong bàn tay lấm lem bụi tro.

“Đừng cay độc thế, Paul. Phoebe mắc hội chứng Down. Mẹ không biết nhiều về bệnh đó, nhưng Caroline có rất nhiều điều cần nói. Nhiều đến nỗi mẹ không thể nhớ hết nổi, thật đấy.”

Paul vẫn di ngón tay trên cái gờ bê tông của bậc thềm và giờ cậu ngừng lại, ngắm nghía máu rỉ ra ở chỗ sượt qua cạnh sắc.

“Không cay độc ấy ạ? Chúng ta đã đến viếng mộ nó,” cậu nói, nhớ lúc mẹ cậu bước qua cánh cổng gang, trên tay ôm đầy hoa, bảo cậu ngồi trong xe đợi. Nhớ lúc bà quỳ gối trên đất bần, gieo từng hạt bìm bìm. “Việc đấy thì sao?”

“Mẹ không biết nữa. Đó là đất nhà bác sĩ Bentley, nên chắc chú ấy cũng phải biết chứ. Bố con chưa bao giờ muốn đưa mẹ đến đó. Mẹ phải đấu tranh rất ghê. Lúc đấy mẹ cho là bố con lo mẹ sẽ suy sụp. Ôi, mẹ đã rất giận – cái cách mà bố con luôn biết rõ mọi việc như thế.”

Paul giật mình trước sự gay gắt trong giọng nói của bà, rồi chợt nhớ lại cuộc nói chuyện buổi sáng hôm đó với Michelle. Cậu ép đầu ngón tay cái lên môi và mút vết máu nhỏ xíu, thấy thích thú với cái vị tanh tanh. Họ ngồi trong im lặng một lúc, nhìn ra mảnh sân sau đầy những đống tro tàn bay, ảnh rơi vương vãi và những chiếc hộp méo mó.

“Nhưng mà,” cuối cùng cậu nói, “em con bị thiếu năng thì như thế nào? Ý con là cuộc sống hàng ngày ấy.”

Mẹ cậu lại nhìn những tấm ảnh. “Mẹ không biết. Caroline nói là con bé có khả năng hoạt động khá tốt, không biết nghĩa là sao. Nó có một công việc. Một cậu bạn trai. Nó đã được đi học. Nhưng rõ ràng nó không thể thực sự sống độc lập được.”

“Cô y tá này – cái cô Caroline Gill ấy – tại sao bây giờ cô ấy mới đến, sau gần ấy năm? Cô ấy muốn gì?”

“Cô ấy chỉ muốn nói cho mẹ biết thôi,” mẹ cậu khẽ đáp. “Vây thôi. Cô ấy không đòi hỏi gì cả. Cô ấy đang mở ra một cánh cửa, Paul ạ. Mẹ thực sự tin như vậy. Đó là một lời mời. Còn chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo là tùy thuộc vào chúng ta.”

“Thế đó là gì?” cậu hỏi. “Chuyện gì sẽ xảy ra sau đây?”

“Mẹ sẽ đến Pittsburgh. Mẹ biết mình phải gặp con bé. Nhưng sau đó, mẹ chẳng biết làm sao nữa. Liệu mẹ có nên đưa nó về đây không? Đối với con bé chúng ta chỉ là những người xa lạ. Và mẹ còn phải nói chuyện với Frederic nữa; chú ấy cũng cần được biết.” Bà úp mặt vào hai bàn tay một lúc. “Ồi Paul... làm sao mẹ có thể sang Pháp sống hai năm trời và bỏ mặc con bé lại ở đây? Mẹ chẳng biết phải làm thế nào nữa. Như thế là quá nhiều đối với mẹ, ngần ấy chuyện trong cùng một lúc.”

Một cơn gió thổi tung những tấm ảnh bay tung tóe khắp bãi cỏ. Paul ngồi im lặng, cố vật lộn với bao cảm xúc lẫn lộn: giận dữ đối với bố cậu, và sững sờ, buồn bã trước những gì cậu đã để mất. Cả lo lắng nữa; thật kinh khủng khi nghĩ đến chuyện này; nhưng nếu cậu phải chăm sóc cho đứa em gái không thể tự sống một mình được thì sao đây? Làm sao cậu làm được? Cậu thậm chí còn chưa bao giờ gặp một người nào bị thiếu năng, và cậu thấy tất cả những ý niệm mình có trong đầu đều khá tiêu cực. Không có suy nghĩ nào trong số đó có thể phù hợp với cô bé đang mỉm cười rạng rỡ trong tấm ảnh, và cả điều đó cũng khiến cậu thêm lúng túng.

“Con cũng không biết nữa,” Paul đáp. “Có lẽ việc đầu tiên cần làm là dọn dẹp đồng ngổn ngang này.”

“Tài sản thừa kế của con đấy,” mẹ cậu nói.

“Không phải chỉ của mình con,” cậu trầm ngâm đáp, cẩn thận ướm từng từ một. “Của cả em gái con nữa.”

Họ làm việc suốt ngày hôm đó và cả ngày hôm sau, phân loại ảnh và đóng gói lại các hộp, kéo chúng vào tận khoảng sâu mát mẻ bên trong ga ra. Trong khi mẹ cậu gặp các nhân viên quản lý phòng tranh, cậu gọi cho Michelle để giải thích chuyện vừa xảy ra và cũng để báo cho cô rằng cậu sẽ không đến dự buổi biểu diễn của cô được. Cậu nghĩ cô sẽ nổi cáu, nhưng cô chỉ lắng nghe mà không bình luận gì rồi gác

máy. Khi cậu cố gọi lại, chỉ có tiếng máy trả lời tự động; chuyện đó kéo dài suốt cả ngày. Hơn một lần cậu đã tính nhảy vào xe và lái như điên về căn nhà ở Cincinnati, nhưng rồi cậu biết làm thế cũng chẳng ích gì. Cậu cũng biết mình không thực sự muốn tiếp tục cuộc sống kiểu đó nữa, luôn luôn yêu Michelle nhiều hơn mức cô có thể đáp lại cậu. Vì vậy cậu tự ép mình ở lại. Cậu quay ra với những việc chân tay để dọn dẹp căn nhà, và đến tối cậu đi bộ vào trung tâm thành phố, đến thư viện để tìm các cuốn sách về hội chứng Down.

Sáng thứ Ba, im lặng, lơ đãng và tràn ngập lo sợ, cậu cùng mẹ ngồi vào xe của bà, vượt qua con sông và lái xe xuyên dải màu xanh trù phú buổi cuối hè của vùng Ohio. Trời rất nóng, những chiếc lá ngô lấp lánh trên nền bầu trời xanh rộng mênh mông. Họ vào đến Pittsburgh giữa dòng xe cộ trở về nhà dịp lễ Quốc khánh, đi xuyên đường hầm dẫn ra cây cầu với khung cảnh hùng vĩ đến nghẹt thở của nơi hợp nhất hai dòng sông. Họ luồn lách qua dòng xe khu trung tâm và đi men theo sông Monongahela, đi qua một đường hầm nữa. Cuối cùng họ dừng xe lại trước căn nhà gạch của Caroline Gill nằm trên một con phố đông đúc điểm bằng hàng cây thẳng tắp.

Bà ta đã dẫn hai mẹ con đỗ xe trong con hẻm và họ làm theo, rời ra khỏi xe vắn vẹo gân cốt. Phía xa sau một dải cỏ, những bậc thang dẫn xuống một khoảnh đất hẹp và căn nhà gạch cao nơi em gái cậu đã lớn lên. Paul ngẩng nhìn ngôi nhà, trông thật giống ở Cincinnati, thật khác với tuổi thơ bình lặng của cậu, khác với sự thoải mái và êm đềm nơi ngoại ô. Xe cộ đi lại nườm nượp trên phố, vụt qua những khoảnh sân cấm hộp thư nhỏ tí, để đi vào khu nội thành ngổn ngang nhà cửa xung quanh họ, nóng nực và đông đúc.

Những mảnh vườn chạy dọc theo con hẻm hoa mọc um tùm, hoa thực quỳ và hoa diên vĩ đủ màu sắc, những cánh hoa trắng và tím sinh động nổi bật trên nền cỏ. Trong khu vườn này một người phụ nữ đang cúi húi làm việc, chăm sóc một luống cà chua tươi tốt. Một dải những

bụi hoa tử đinh hương chạy dài phía sau lưng bà, những chiếc lá phất phơ mặt sau màu xanh nhạt trong làn gió nhẹ luân chuyển bầu khí nóng mà chẳng làm nó nguội đi chút nào. Người phụ nữ, mặc quần soóc màu xanh thẫm và áo thun trắng, đeo găng tay cotton in hoa sặc sỡ, ngồi nhồm dậy từ chỗ bà ta vừa mới quỳ gối và đưa mu bàn tay quệt lên trán. Xe cô vẫn vùn vụt lướt qua; bà ta không nghe tiếng họ bước lại gần. Bà ngắt một cái lá trên cây cà chua và áp lên mũi.

“Cô ấy đây hả mẹ?” Paul hỏi. “Có phải cô y tá đấy không?”

Mẹ cậu gật đầu. Bà đã khoanh chặt tay lại trước ngực, vẻ dè chừng. Cặp kính mát che kín đôi mắt bà, nhưng kể cả thế cậu vẫn nhận ra bà đang lo lắng thế nào, yếu đuối và căng thẳng thế nào.

“Ừ. Caroline Gill đấy. Paul, giờ đã đến lúc rồi, mẹ không biết mình có thể làm nổi không. Có lẽ chúng ta nên về nhà thôi con ạ.”

“Mẹ con ta đã đi ngàn ấy dặm đường rồi kia mà. Và họ cũng đang mong chúng ta đến nữa.”

Bà nở một nụ cười mệt mỏi yếu ớt. Nhiều ngày nay bà hầu như không thể ngủ được; ngay cả đôi môi bà giờ cũng trắng bợt.

“Không có chuyện họ mong mẹ con mình đến đâu con,” bà nói. “Không hẳn thế.”

Paul gật đầu. Cánh cửa sau bật mở, nhưng cái hình hài đứng dưới hiên nhà vẫn còn ẩn trong bóng tối. Caroline đứng dậy, chùi tay vào quần soóc.

“Phoebe,” bà gọi. “Con đấy à.”

Paul cảm thấy mẹ cậu đứng bên càng thêm căng thẳng hơn, nhưng cậu không nhìn bà. Thay vì thế cậu nhìn lên hiên nhà. Khoảnh khắc đó

kéo dài ra, trải rộng thêm, và ánh nắng mặt trời đè nặng lên họ. Cuối cùng cái hình người đẩy cũng nhô ra, đang bung hai cốc nước.

Cậu căng mắt ra nhìn. Cô bé khá lùn, lùn hơn nhiều so với cậu, và mái tóc thì sẫm màu hơn, mỏng và nhẹ hơn, cắt kiểu đầu nắm đơn giản ôm lấy khuôn mặt. Trông cô hơi xanh xao, giống mẹ cậu, và từ khoảng cách này nhìn lại, những đường nét của cô có vẻ khá thanh mảnh trên khuôn mặt to bè, khuôn mặt trông có vẻ hơi phẳng, như thể vừa bị ép vào một bức tường. Đôi mắt cô bé hơi xếch lên, chân tay ngắn ngủn. Cô đã không còn là một cô bé con, giống như trong tấm ảnh, mà đã trưởng thành, bằng đúng tuổi cậu, với vài đốm bạc trên mái tóc. Cũng có vài sợi bạc mọc trên râu cậu, những khi cậu để mọc râu mọc tự do. Cô mặc quần soóc hoa và có vóc người chắc nịch, hơi đầy đặn, hai đầu gối cọ vào nhau mỗi khi cô bước đi.

Ôi, mẹ cậu kêu lên. Bà đã đặt một tay lên tim. Đôi mắt bà đã bị ẩn sau lớp kính râm, và cậu mừng vì điều đó, khoảnh khắc này thật quá đổi riêng tư.

“Không sao đâu mẹ ạ,” cậu nói. “Ta cứ đứng đây một lúc nữa.”

Ánh nắng vẫn gay gắt, xe cộ đi lại nườm nượp. Caroline và Phoebe ngồi bên nhau trên bậc thềm nhà, uống nước.

“Mẹ sẵn sàng rồi,” mẹ cậu nói, và họ đi theo những bậc thang dẫn xuống bãi cỏ ngăn giữa luống rau và đám hoa. Caroline nhìn thấy họ trước; bà đưa tay lên che mắt, nheo nheo mắt dưới ánh nắng, và đứng dậy. Phoebe cũng đứng lên theo, và trong vài giây họ chỉ nhìn nhau qua bãi cỏ. Sau đó Caroline cầm lấy tay Phoebe. Họ gặp nhau bên luống cà chua, những quả to mọng đã bắt đầu chín, tỏa ra khắp không gian một mùi hương sạch sẽ, hơi hăng hăng. Không ai nói gì. Phoebe đắm đắm nhìn Paul, và sau một lúc lâu cô bé dang tay ra trong khoảng không giữa hai người và chạm lên má Paul, thật nhẹ, thật khẽ, như thể xem

xem cậu có phải là người thật không. Paul gật đầu mà không nói gì, chỉ nghiêm trang nhìn cô; không hiểu sao, đối với cậu, cử chỉ của cô bé có vẻ hợp lý. Phoebe chỉ muốn làm quen với cậu, có vậy thôi. Cậu cũng muốn làm quen với cô, nhưng cậu không biết phải nói gì với đứa em gái đột nhiên vừa xuất hiện này, người đã từng gắn bó vô cùng thân thiết với cậu nhưng vẫn còn hoàn toàn xa lạ. Cậu cũng cảm thấy thiếu tự tin kinh khủng, vì lo rằng mình sẽ làm gì không phải. Biết nói chuyện thế nào với một người thiếu năng đây? Những cuốn sách cậu đã đọc qua suốt mấy buổi cuối tuần vừa rồi, tất cả những bản mô tả của bệnh viện – không có thứ gì trong số đó chuẩn bị cho cậu đối mặt với một con người thật, người đã chạm vào mặt cậu nhẹ nhàng đến thế.

Rồi chính Phoebe là người giành thế chủ động trước.

“Xin chào,” cô bé nói, rồi giơ tay ra trước mặt cậu một cách trịnh trọng. Paul cầm lấy tay cô bé, cảm nhận những ngón tay của cô thật nhỏ, và vẫn không nói nên lời. “Em tên là Phoebe. Rất vui được gặp anh.” Những từ cô nói nghe dấp dính, khá khó hiểu. Sau đó cô quay sang phía mẹ cậu và lại làm như vậy một lần nữa.

“Chào con,” mẹ cậu nói, nắm lấy tay cô bé, rồi siết chặt tay cô trong hai tay bà. Giọng bà nghẹn lại vì xúc động. “Chào con, Phoebe. Cô cũng rất mừng được gặp con.”

“Trời nóng quá,” Caroline nói. “Sao chúng ta không vào nhà đi nhỉ? Trong đây quạt đã bật sẵn rồi đấy. Với lại sáng nay Phoebe cũng vừa pha trà đá. Nó đã rất háo hức chờ hai người đến thăm, có phải thế không, con yêu?”

Phoebe mỉm cười gật đầu, đột nhiên có vẻ ngượng nghịu. Họ đi theo cô bé bước vào bầu không khí mát mẻ bên trong căn nhà. Các phòng hơi nhỏ nhưng bài trí không chê vào đâu được, với những món đồ gỗ xinh xắn và những cánh cửa kiểu Pháp để ngỏ giữa phòng khách

và phòng ăn. Phòng khách tràn ngập ánh nắng và kê kín những món đồ đặc màu rượu vang xoàng xĩnh. Một chiếc khung cử khổng lồ nằm ở một góc xa.

“Cháu đang dệt một cái khăn đấy,” Phoebe nói.

“Đẹp quá,” mẹ cậu nói, rồi đi qua căn phòng và lướt ngón tay trên những sợi chỉ, hồng đậm, trắng kem, vàng và xanh lục nhạt. Bà gỡ cặp kính râm và nhìn lên, mắt bà ẩm nước, giọng nói vẫn run run xúc động. “Con tự chọn màu đấy à, Phoebe?”

“Màu yêu thích của cháu đấy ạ,” Phoebe đáp.

“Cô cũng thế,” mẹ cậu nói. “Khi cô bằng tuổi con, đây cũng là những màu cô rất thích. Các phù dâu của cô đều mặc váy màu hồng đậm và trắng kem, và họ còn cầm hoa hồng vàng nữa.”

Paul ngạc nhiên khi biết điều này; tất cả những bức ảnh cậu từng được xem đều chỉ là ảnh đen trắng.

“Cô có thể lấy cái khăn đấy,” Phoebe nói, rồi ngồi xuống trước khung dệt. “Cháu sẽ làm cho cô.”

“Ôi,” mẹ cậu nói, và nhắm mắt lại thật nhanh. “Phoebe, con ngoan quá.”

Caroline bùng trà đá lên, và bốn người bọn họ ngồi nhấp nhồm trong phòng khách, nói chuyện dè dặt về thời tiết, về thời kỳ phục hưng chớm nở của Pittsburgh trước ý thức về sự sụp đổ của ngành công nghiệp sản xuất thép. Phoebe ngồi lặng lẽ trước khung cử, đưa con thoi chạy ngược xuôi, thỉnh thoảng lại ngước mắt nhìn lên khi tên cô được nhắc tới. Cô để hết tâm trí vào con thoi, hơi cắn nhẹ môi dưới. Cuối cùng mẹ cậu uống cạn cốc trà và cất lời.

“Chà,” bà nói. “Chúng tôi đã đến đây rồi. Mà tôi cũng không biết chuyện gì đang diễn ra nữa.”

“Phoebe,” Caroline gọi. “Sao con không ra đây ngồi với mọi người?” Im lặng, Phoebe bước tới và ngồi xuống bên Caroline trên ghế dài.

Mẹ Paul bắt đầu nói, bà nói quá nhanh, hai tay siết chặt lại với nhau, đầy lo lắng. “Tôi không biết làm sao cho tốt nhất đây. Chẳng có thứ bản đồ chỉ dẫn nào cho cái tình huống đang xảy ra với chúng ta, phải không? Nhưng tôi muốn mở rộng cửa đón Phoebe. Cháu có thể đến sống với chúng tôi, nếu cháu muốn thế. Tôi đã nghĩ về chuyện này rất nhiều trong những ngày qua. Có lẽ phải mất cả đời người mới dàn xếp được cho ổn thỏa.” Nói đến đây bà dừng lại để lấy hơi, rồi quay ra phía Phoebe, cô bé đang nhìn bà với đôi mắt to tròn uể oải. “Con là con gái của mẹ, Phoebe, con có hiểu không? Đây là Paul, anh trai con.”

Phoebe bèn giữ khư khư lấy tay Caroline. “Đây mới là mẹ cháu,” cô nói.

“Phải.” Norah liếc nhìn Caroline và thử lại. “Đây là mẹ con,” bà nói. “Nhưng mẹ cũng là mẹ con. Con đã lớn lên trong cơ thể của mẹ, Phoebe ạ.” Bà vỗ vỗ vào bụng mình. “Con lớn lên ở trong này này. Nhưng rồi sau đó con ra đời, và mẹ Caroline của con đã nuôi con lớn.”

“Cháu sắp cưới Robert rồi,” Phoebe nói. “Cháu không muốn đến ở với cô đâu.”

Paul, người đã nhìn thấy mẹ mình khổ sở suốt những ngày cuối tuần vừa rồi, thấy đau nhói trước từng từ Phoebe nói ra, như thể cô bé vừa đá cậu. Cậu biết mẹ cậu cũng có cảm giác như thế.

“Không sao đâu, Phoebe,” Caroline nói. “Không ai ép con phải chuyển đi đâu mà.”

“Ý tôi không phải là – tôi chỉ muốn đề nghị...” Mẹ cậu ngừng lại và hít một hơi thật sâu. Đôi mắt bà xanh thẳm, hoang mang. Bà cố nói lại một lần nữa. “Phoebe, Paul và mẹ, cả hai đều muốn hiểu thêm về con. Chỉ thế thôi. Con đừng sợ mẹ và anh nhé, được không? Điều mẹ muốn nói... ý mẹ là... nhà mẹ luôn mở rộng cửa đón con. Bất cứ lúc nào. Dù con có đi đến đâu, con cũng có thể về đó. Và mẹ mong là con sẽ về. Mẹ mong con sẽ về thăm mẹ một ngày nào đó, chỉ vậy thôi. Như thế với con có được không?”

“Có thể ạ,” Phoebe thừa nhận.

“Phoebe,” Caroline nói. “Sao con không dẫn anh Paul đi xem xung quanh một lúc đi? Để cô Henry và mẹ nói chuyện một lúc đã. Mà đừng lo gì nhé, con yêu,” bà đế thêm, tay đặt nhẹ nhàng lên cánh tay Phoebe. “Không có ai phải đi đâu cả. Mọi việc đều ổn.”

Phoebe gật đầu và đứng dậy.

“Anh muốn xem phòng em không?” cô hỏi Paul. “Em vừa có một cái máy hát mới đấy.”

Paul liếc sang mẹ và bà gật đầu, nhìn theo hai đứa con khi chúng cùng nhau bước qua căn phòng. Paul đi theo Phoebe lên trên gác.

“Robert là ai thế?” cậu hỏi.

“Anh ấy là bạn trai của em. Bọn em sắp làm đám cưới rồi. Anh đã cưới chưa?”

Paul, đột nhiên bị cào xé bởi ký ức về Michelle, lắc đầu. “Chưa.”

“Anh có bạn gái không?”

“Không. Anh đã từng có bạn gái, nhưng chị ấy bỏ đi rồi.”

Phoebe dừng bước ở bậc thang trên cùng và quay lại. Giờ họ đã mất đối mắt, gần đến nỗi Paul cảm thấy không thoải mái, như thể không gian riêng tư của cậu đang bị xâm phạm. Cậu nhìn lảng đi rồi nhìn lại, cô vẫn nhìn thẳng vào cậu.

“Nhìn chằm chằm vào người khác là không lịch sự đâu,” cậu nói.

“Ồ, trông anh buồn quá.”

“Anh đang buồn,” cậu đáp. “Thật ra, anh đang rất, rất buồn.”

Cô gật đầu, và trong một giây dường như cô đang đồng cảm với nỗi buồn của cậu, vẻ mặt cô thoát trở nên u ám, rồi một giây sau đó, lại tươi tỉnh.

“Đi anh,” cô nói, rồi dẫn cậu đi dọc hành lang. “Em còn có cả mấy đĩa hát mới nữa cơ.”

Họ ngồi trên sàn nhà trong phòng cô. Tất cả các bức tường đều sơn màu hồng, với rèm kẻ ca rô màu hồng và trắng treo trên cửa sổ. Đây là căn phòng của một cô bé, khắp phòng đầy ắp những thú nhồi bông, các bức tranh màu sắc sặc sỡ treo trên tường. Paul nghĩ đến Robert và tự hỏi liệu có thật là Phoebe sắp kết hôn. Sau đó cậu lại cảm thấy có lỗi vì đã thắc mắc điều đó; tại sao cô bé lại không nên kết hôn, hay làm việc gì khác chứ? Cậu nghĩ đến phòng ngủ trống trong nhà mình, nơi bà ngoại cậu thỉnh thoảng vẫn nghỉ lại khi cậu còn nhỏ. Đó lẽ ra đã là phòng của Phoebe; lẽ ra cô đã có thể đem những món đồ và cả âm nhạc của cô phủ đầy căn phòng đó. Phoebe cho đĩa hát vào máy và vặn to lên, bài “Love, Love Me, Do,” rồi hát theo tiếng nhạc với đôi mắt lim dim. Cô có một chất giọng hay, Paul nhận ra, cậu vặn loa nhỏ đi một chút, rồi lướt qua các album khác mà cô có. Cô có rất nhiều đĩa nhạc đang thịnh hành nhưng cũng có cả các đĩa nhạc hòa tấu nữa.

“Em thích kèn trombone,” cô nói, đoạn giả vờ đưa tay kéo ra thật dài, và khi Paul cười phá lên, cô bé cũng khanh khách cười theo. “Em thích kèn trombone lắm ấy,” cô bé thở dài.

“Anh chơi ghi ta đấy,” cậu nói. “Em biết chưa nhỉ?”

Cô gật đầu. “Mẹ em có nói. Giống John Lennon.”

Cậu mỉm cười. “Hơi hơi thôi,” cậu nói, ngạc nhiên khi thấy mình đang trò chuyện. Cậu đã quen với cách nói của cô, và cậu càng nói chuyện với Phoebe nhiều hơn, cô bé lại càng bộc lộ là chính mình, không để dán mác bất cứ ai khác. “Em đã nghe Andreas Segovia chưa?”

“Rồi ạ.”

“Ông ấy chơi hay lắm. Đấy là nhạc sĩ yêu thích của anh đấy. Để hôm nào anh sẽ chơi đàn cho em nghe nhé.”

“Em thích anh, Paul ạ. Anh thật dễ thương.”

Cậu thấy mình mỉm cười, bị mê hoặc và tâng bốc. “Cảm ơn em,” cậu nói. “Anh cũng thích em.”

“Nhưng em không muốn đến ở với anh đâu.”

“Không sao đâu. Anh cũng không sống với mẹ anh mà,” cậu nói. “Anh sống ở Cincinnati cơ.”

Khuôn mặt Phoebe hớn hở hẳn lên. “Anh sống một mình thôi?”

“Ừ,” cậu nói, biết rằng khi quay lại cậu sẽ thấy Michelle đã bỏ đi rồi. “Có một mình anh thôi.”

“May mắn thật.”

“Anh nghĩ vậy,” cậu đáp giọng nghiêm trang, đột nhiên cậu nhận ra quả có như vậy thật. Những thứ cậu cho là điều tất nhiên trong đời lại là mơ ước của Phoebe. “Anh may mắn thật, phải. Đúng thế.”

“Em cũng may mắn lắm,” cô nói, khiến cậu ngạc nhiên. “Robert có một công việc rất tốt, em cũng thế.”

“Công việc của em là gì?” Paul hỏi.

“Em làm ra các bản sao,” cô đáp với một vẻ hãnh diện tinh tế. “Hàng đồng hàng đồng bản sao.”

“Và em thích công việc đó chứ?”

Cô mỉm cười. “Max làm ở đấy. Cô ấy là bạn em đấy. Bọn em có tận hai mươi ba màu giấy khác nhau cơ.”

Cô ngậm nga nho nhỏ, vẻ hài lòng, khi cẩn thận cất chiếc đĩa đầu tiên đi và chọn một đĩa khác. Những cử chỉ của cô không được nhanh, nhưng rất hiệu quả và chính xác. Paul có thể tưởng tượng ra lúc cô ở cửa hàng photocopy, làm công việc của mình, cười đùa với cô bạn, thỉnh thoảng lại dừng tay để thưởng thức niềm vui từ chiếc cầu vòng giấy màu hoặc một công việc đã hoàn thành. Dưới tầng một cậu nghe thấy tiếng rì rầm khi mẹ cậu và Caroline Gill bàn luận cần phải làm gì. Cậu bỗng nhận ra, với một cảm giác hổ thẹn sâu sắc, rằng sự thương hại cậu dành cho Phoebe, cũng như quan niệm của mẹ cậu về sự phụ thuộc của cô bé, thật là ngớ ngẩn và không cần thiết. Phoebe thích chính bản thân mình và cô bé thích cuộc sống của mình; cô rất hạnh phúc. Tất cả những nỗ lực của cậu, tất cả những cuộc ganh đua và giải thưởng, sự chống đối dai dẳng và phù phiếm cốt để thỏa mãn bản thân mình và gây ấn tượng với bố cậu – khi đặt cạnh cuộc sống của Phoebe, tất cả dường như cũng trở nên thật ngớ ngẩn.

“Bố em đâu rồi?” cậu hỏi.

“Đi làm rồi ạ. Bố em lái xe bus. Anh có thích đĩa *Yellow Submarine* không?”

“Có. Có, anh thích lắm.”

Phoebe cười rạng rỡ và bật đĩa nhạc lên.

Mồng Một Tháng Chín Năm 1989

NHỮNG NỐT NHẠC TRÀN RA TỪ NHÀ THỜ, HÒA VÀO KHÔNG GIAN ngập nắng. Đối với Paul, người đang đứng ngay bên ngoài những cánh cửa sơn đỏ rực rỡ, âm nhạc gần như có thể nhìn thấy được, như đang len qua tán lá dương, vung vãi trên thảm cỏ như những đốm sáng. Nhạc công đang chơi piano là một người bạn của cậu, một phụ nữ đến từ Peru tên Alexandra, mái tóc đỏ tía của cô được cột chặt sau gáy thành một chiếc đuôi ngựa dài và chính cô, trong những ngày trống trải sau khi Michelle ra đi, đã xuất hiện ở căn hộ cậu ở với xúp, trà đá, và những lời quở mắng. *Dậy đi*, cô nói bằng giọng danh thếp, đoạn vén rèm và mở cửa sổ, vợ bắt đĩa bẩn cho vào bồn rửa. *Dậy đi, cứ sụt sịt than khóc mãi thế thì ích gì, nhất là lại vì một cô ả chơi sáo. Bọn chúng nó toàn loại phù phiếm cả, cậu chưa biết sao? Tôi cũng không ngờ là cô ta lại chôn chân ở đây được lâu đến thế cơ đấy. Những hai năm. Thành thật mà nói, đúng là một kỷ lục đấy.*

Giờ đây những nốt nhạc của Alexandra tuôn chảy như dòng nước bạc, nối theo là một đoạn cao trào vui tươi, nốt nhạc lên cao dần, rồi lắng lại một chút trong ánh nắng. Mẹ cậu hiện ra trên ngưỡng cửa, miệng cười vang, một tay vịn nhẹ lên cánh tay Frederic. Họ cùng bước ra ngoài nắng, dưới cơn mưa gạo và cánh hoa sặc sỡ.

“Đẹp quá,” Phoebe đứng bên cậu nhìn theo.

Cô mặc váy màu xanh ánh bạc, tay phải ôm hờ một đóa hoa thủy tiên cô vừa cầm trong lễ cưới. Cô đang cười, đôi mắt nheo lại vui sướng, lúm đồng tiền hằn sâu trên cả hai gò má bầu bĩnh. Những cánh hoa và hạt gạo bay thành hình vòng cung giữa nền trời rực rỡ; Phoebe cười vang thích thú khi chúng rơi xuống. Paul nhìn cô không chớp mắt: cô gái xa lạ này, em gái song sinh của cậu. Họ đã sóng bước bên nhau

trên lối đi giữa hai dãy ghế của ngôi nhà thờ nhỏ này để đến trước bệ thờ, nơi mẹ họ đang chờ cùng Frederic. Cậu bước đi chậm rãi, Phoebe chăm chú và nghiêm trang đi bên cậu, cố gắng làm mọi việc thật cẩn chu, bàn tay cô bé vịn quanh khuỷu tay cậu. Chim én chao liệng trên những thanh xà ngang khi cô dâu chú rể trao lời thề nguyện, ngay từ đầu mẹ cậu đã tin tưởng nhà thờ này, vì bà tỏ ra rất cương quyết trong các cuộc tranh cãi kỳ lạ, bất ngờ, thấm đẫm nước mắt về Phoebe và tương lai của cô, rằng cả hai đứa con sẽ đứng bên bà trong lễ cưới.

Một tiếng phụt, rồi hoa giấy bung ra, một tràng cười vang lên rộn rã. Mẹ cậu và chú Frederic hơi cúi đầu xuống, dì Bree phúi những vụn giấy sắc sỡ trên vai, trên tóc họ. Hoa giấy màu mè vương vãi khắp nơi, khiến bãi cỏ trông như sàn lát đá mài.

“Em nói phải,” cậu nói với Phoebe. “Đẹp thật.”

Cô gật đầu, trông có vẻ trầm ngâm, rồi đưa hai tay vuốt phẳng vạt váy.

“Mẹ anh sắp đi Pháp rồi.”

“Ừ,” Paul đáp, dù cậu thấy thất lòng trước cách cô chọn từ ngữ: *mẹ anh*. Một cụm từ ta dùng với người lạ, và tất nhiên mẹ con họ đúng là người lạ. Rốt cuộc, đây chính là điều khiến mẹ cậu đau lòng nhất, những năm tháng đã mất chặn giữa họ, những lời họ nói với nhau vừa cẩn trọng lại vừa khách sáo, thế chỗ cho nơi lẽ ra phải là niềm vui và yêu thương. “Cả anh với em nữa, sau vài tháng nữa,” cậu nói, để nhắc Phoebe về những kế hoạch họ đã thống nhất trước đó. “Anh em mình sẽ sang Pháp để gặp hai người.”

Một thoáng lo lắng, như một đám mây xám, lướt qua mặt Phoebe.

“Chúng ta sẽ quay lại mà,” cậu nhẹ nhàng để thêm, vẫn nhớ cô đã sợ hãi thế nào khi nghe mẹ cậu đề nghị cô bé chuyển sang Pháp sống

cùng bà.

Cô gật đầu, nhưng trông vẫn đầy lo lắng.

“Sao thế em?” cậu hỏi. “Có chuyện gì vậy?”

“Ăn ốc sên ạ.”

Paul nhìn cô, sửng sốt. Cậu đã đùa với mẹ và dì Bree lúc đứng ở sảnh trước giờ hôn lễ, trêu chọc về bữa tiệc họ sẽ dự ở Chateaufort. Phoebe đứng im lặng bên lề cuộc trò chuyện; cậu không nghĩ rằng cô bé đã lắng nghe. Đó cũng là một bí ẩn nữa, sự hiện diện của Phoebe trên cuộc đời này, những gì cô nhìn thấy, cảm thấy và hiểu được. Tất cả những gì cậu biết chắc về cô chỉ có thể viết gọn trong một tấm thẻ chỉ mục: cô yêu mèo, thích đan lát, thích nghe đài và hát trong nhà thờ. Cô rất hay cười, thích ôm ấp, và, cũng giống như cậu, dị ứng với ong.

“Ốc sên cũng không tệ lắm đâu em,” cậu nói. “Thịt nó dai dai. Hơi giống kẹo cao su ấy.”

Phoebe chun mũi nhú mày rồi cười phá lên. “Eo ôi,” cô nói. “Ghê quá, anh Paul ạ.” Gió vờn nhẹ trên tóc cô bé, và ánh nhìn của cô vẫn gắn chặt vào khung cảnh bày ra trước mắt họ: khách khứa đi đi lại lại, ánh nắng, những chiếc lá, tất cả đều đan vào nhau cùng âm nhạc. Đôi má cô lấm tấm tàn nhang, giống hệt má cậu. Phía xa xa bên kia bãi cỏ, mẹ và chú Frederic cùng nhắc chiếc dao cắt bánh bằng bạc lên.

“Em với Robert,” Phoebe nói, “bọn em cũng sắp làm đám cưới rồi nhé.”

Paul mỉm cười. Cậu đã gặp Robert ngay trong chuyến đi đầu tiên đến Pittsburgh; họ đã cùng đến cửa hàng tạp hóa để gặp cậu ta, cao và tính tình chu đáo, Robert vận bộ đồng phục màu nâu kèm một chiếc thẻ ghi tên. Khi Phoebe then thùng giới thiệu hai người với nhau,

Robert ngay lập tức cầm lấy tay Paul và vỗ vai cậu, như thể họ vừa gặp lại nhau sau một thời gian dài xa cách. *Gặp anh vui quá, Paul ạ. Phoebe và em, chúng em sắp làm đám cưới, nên chẳng mấy chốc mà chúng ta sẽ thành anh em thôi; anh thấy thế nào?* Rồi sau đó, rất hào hứng, không chờ nghe câu trả lời, tin tưởng rằng thế giới đúng là một nơi tốt đẹp và rằng Paul cũng có chung niềm vui như mình, cậu ta quay sang Phoebe, vòng tay quanh người cô, và hai người bọn họ đứng đó, cười rạng rỡ.

“Chán quá, Robert không tới dự được nhỉ.”

Phoebe gật đầu. “Robert thích tiệc tùng lắm.”

“Anh không thấy bất ngờ đâu,” Paul đáp.

Paul nhìn mẹ dứt một miếng bánh vào miệng chú Frederic, rồi đưa ngón tay cái quệt nhẹ khóe miệng ông. Bà mặc một chiếc váy màu kem, mái tóc ngắn, vàng óng đã ngả bạc, khiến đôi mắt bà trông càng to hơn. Cậu nghĩ đến bố, tự hỏi không hiểu đám cưới của hai người đã diễn ra thế nào. Cậu đã xem những tấm ảnh chụp, đương nhiên, nhưng đó chỉ là bề mặt. Cậu muốn biết ánh sáng hôm đó ra sao, tiếng cười lúc ấy thế nào; cậu muốn biết liệu lúc đó bố cậu có cúi xuống như Frederic đang làm bây giờ, để hôn mẹ sau khi bà liếm chút kem dính trên môi hay không.

“Em thích hoa màu hồng lắm,” Phoebe nói. “Em muốn đám cưới của em phải có hàng đồng hàng đồng hoa màu hồng.” Rồi cô bé bỗng nghiêm trang, cau mày và nhún vai, chiếc váy xanh hơi tụt xuống xương đòn. Cô lắc đầu. “Nhưng em với Robert ấy, bọn em phải tiết kiệm tiền trước đã.”

Gió thổi mạnh thêm. Paul chợt nghĩ đến Caroline Gill, cao và dữ tợn, đứng trên sảnh khách sạn ở trung tâm Lexington với chồng bà, Al và Phoebe. Tất cả bọn họ đã gặp nhau hôm qua, trên bãi cỏ phân

cách. Ngôi nhà của mẹ cậu đã trống trơn, một tấm bảng ghi NHÀ CHỜ BÁN cắm ở sân trước. Đêm nay, bà và Frederic sẽ bay sang Pháp. Caroline cùng Al đã lái xe từ Pittsburgh đến, và sau bữa điểm tâm trưa mang tính xã giao có vẻ không thoải mái lắm, họ đã để Phoebe lại đây tham dự lễ cưới trong khi hai vợ chồng đi nghỉ ở Nashville. Kỳ nghỉ đầu tiên của riêng hai người, họ đã nói vậy, và dường như họ rất vui. Tuy vậy, Caroline vẫn ôm Phoebe tới hai lần, rồi dừng lại trên vỉa hè, ngoái nhìn qua ô cửa sổ và vẫy tay chào.

“Em có thích Pittsburgh không?” Paul hỏi. Cậu đã được một nơi ở đó mời làm việc, một công việc tốt với dàn nhạc; và cậu cũng được một dàn nhạc khác ở Santa Fe mời tham gia.

“Em thích Pittsburgh lắm,” Phoebe đáp. “Mẹ em bảo là ở đó có lắm bậc thang quá, nhưng em vẫn thích.”

“Có khi anh sẽ chuyển đến đây sống,” Paul nói. “Em nghĩ sao?”

“Thế thì hay quá,” Phoebe nói. “Anh có thể tới dự đám cưới của em.” Rồi cô thở dài. “Mà đám cưới thì tốn nhiều tiền lắm. Thật không công bằng.”

Paul gật đầu. Không công bằng, không. Không có gì công bằng cả. Không phải những thử thách mà Phoebe phải đối mặt trong một thế giới không chào đón cô, không phải sự thuận lợi tương đối của chính cuộc đời của cậu, không phải những gì bố họ đã làm – không gì cả. Đột nhiên, cậu khát khao dành cho Phoebe mọi đám cưới mà cô muốn. Hoặc ít nhất cũng là một chiếc bánh. Đó sẽ là một cử chỉ nhỏ để bù đắp lại những chuyện khác.

“Các em có thể chạy trốn với nhau,” cậu gợi ý.

Phoebe ngẫm nghĩ, xoay xoay chiếc vòng nhựa màu xanh trên cổ tay. “Không được,” cô nói. “Thế thì bọn em sẽ không có chiếc bánh nào

cả.”

“Ô, anh không biết đấy. Không được à? Ý anh là, tại sao lại không?”

Phoebe, cau mày rất ghê, rồi liếc nhìn cậu để xem cậu có đang trêu chọc cô không.

“Không được,” cô trả lời dứt khoát. “Đấy không phải cách để có một đám cưới đâu, Paul ạ.”

Cậu mỉm cười, xúc động trước sự chắc chắn của cô về cách thế giới xoay vần.

“Em biết sao không, Phoebe? Em nói đúng.”

Tiếng cười và tiếng vỗ tay rộn rã khắp bãi cỏ ngập nắng khi chú Frederic và mẹ cắt xong bánh. Dì Bree, mỉm cười, giơ cao máy ảnh để chụp nốt bức hình cuối. Paul gật đầu ra hiệu về phía chiếc bàn nơi bánh đang được xếp lên những chiếc đĩa nhỏ xinh, rồi mọi người chuyền tay nhau. “Bánh cưới có tận sáu tầng cơ đấy. Mâm xôi và kem tươi ở giữa. Thế nào, Phoebe? Em muốn ăn một chút không?”

Phoebe cười toe và gật đầu thay lời đáp.

“Bánh của em sẽ có tận tám tầng cơ,” cô nói, khi họ đi qua bãi cỏ giữa tiếng người nói, tiếng cười và tiếng nhạc.

Paul cười vang. “Tám thôi à? Sao không phải là mười?”

“Ngốc. Anh đúng là đồ ngốc, Paul ạ,” Phoebe đáp.

Họ đến bên bàn. Những vụn hoa giấy sắc sỡ vương đầy trên vai mẹ cậu. Bà mỉm cười, từng cử động đều thật dịu dàng, và chạm lên tóc Phoebe, vuốt ra sau gáy, như thể cô vẫn còn là một đứa bé gái. Phoebe né người đi, và trái tim Paul thất lại; đối với câu chuyện này, chẳng có

cái kết giản đơn nào hết. Sẽ có những lần thăm viếng tới phía bên kia bờ Đại Tây Dương và những cuộc điện thoại, nhưng sẽ không bao giờ có những niềm vui bình dị của cuộc sống thường nhật.

“Con làm tốt lắm,” mẹ nói. “Mẹ rất mừng vì có các con ở lễ cưới, Phoebe ạ, con và Paul. Điều đó có ý nghĩa với mẹ lắm. Mẹ không thể tả hết được.”

“Cháu thích đám cưới,” Phoebe nói, đoạn với tay lấy một đĩa bánh.

Nụ cười của mẹ thoáng buồn. Paul nhìn Phoebe, tự hỏi làm sao cô hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Dường như cô chẳng lo lắng mấy về mọi việc, đúng hơn là cô chấp nhận thế giới như một nơi kỳ thú và lạ thường, nơi tất cả mọi chuyện đều có thể xảy ra. Nơi mà một ngày nào đó, một bà mẹ và người anh trai bạn chưa bao giờ biết tới sẽ xuất hiện trên ngưỡng cửa nhà bạn và mời bạn tham dự lễ cưới.

“Mẹ rất mừng vì con sẽ sang Pháp thăm chúng ta, Phoebe ạ,” mẹ nói tiếp. “Chú Frederic và mẹ, chúng ta đều rất vui.”

Phoebe ngược nhìn lên, lại tỏ vẻ không thoải mái.

“Do bọn ốc sên đấy ạ,” Paul phân bua. “Em nó không thích ốc sên đâu.”

Mẹ cười. “Đừng lo con. Mẹ cũng không thích.”

“Với cả cháu sẽ về nhà,” Phoebe đế thêm.

“Phải rồi,” mẹ dịu dàng đáp. “Ừ. Chúng ta đã thống nhất thế mà.”

Paul nhìn, cảm thấy bất lực trước nỗi đau ẩn nấp trong cậu như một tảng đá. Trong ánh sáng chói mắt cậu thấy sốc vì tuổi tác của mẹ, da bà trông mỏng hơn, mái tóc vàng óng đã dần nhường chỗ cho những món tóc bạc. Sốc vì cả vẻ đẹp của bà. Bà vừa có vẻ đáng yêu lại vừa mong

manh, và cậu tự hỏi, như đã tự hỏi mình bao lần trong suốt những tuần qua, rằng làm sao bố cậu có thể lừa dối bà, lừa dối tất cả bọn họ.

“Làm sao?” cậu hỏi khẽ. “Làm sao bố có thể không nói cho chúng ta biết?”

Bà quay sang phía cậu, mặt nghiêm trang. “Mẹ không biết. Mẹ cũng sẽ không bao giờ hiểu được. Nhưng thử nghĩ xem cuộc đời của bố con đã ra sao, Paul. Mang theo cái bí mật này bên mình trong bao nhiêu năm trời.”

Cậu nhìn sang bên kia bàn. Phoebe đứng bên một cây dương tán lá đang ngả màu dần, cầm nĩa cạo lớp kem tươi phủ trên mặt bánh.

“Cuộc đời của chúng ta có thể đã khác đi nhiều.”

“Phải. Đúng vậy. Nhưng nó đã không khác, Paul ạ. Nó đã diễn ra như thế.”

“Mẹ đang bao biện cho ông ấy,” cậu chậm chạp nói.

“Không. Mẹ đang tha thứ cho bố. Dù sao, mẹ cũng đang cố gắng. Việc đó khác chứ.”

“Ông ấy không xứng đáng được tha thứ,” Paul nói, vẫn sững sờ trước sự cay đắng của bản thân.

“Có lẽ không,” mẹ cậu nói. “Nhưng con, mẹ và Phoebe, chúng ta có thể lựa chọn. Hoặc cứ đau đớn và giận dữ mãi, hoặc cố gắng sống tiếp. Đó là việc khó khăn nhất đối với mẹ, phải quên đi cơn giận dữ chính đáng ấy. Mẹ vẫn đang cố gắng. Nhưng đó là điều mẹ muốn làm.”

Cậu ngẫm nghĩ một lúc. “Con vừa được mời đến làm việc ở Pittsburgh,” cậu nói.

“Thật à?” Đôi mắt mẹ cậu chăm chú, trông xanh thắm làm sao dưới ánh sáng này. “Con có nhận lời không?”

“Con nghĩ là có,” cậu nói, nhận ra mình vừa quyết định. “Đó là một công việc tốt.”

“Con không thể sửa được,” bà khẽ nói. “Con không thể sửa lại quá khứ được, Paul à.”

“Con biết.” Cậu biết. Lần đầu tiên đến Pittsburgh, cậu tin chắc rằng việc có giúp đỡ hay không là do mình tự quyết. Cậu đã lo lắng về trách nhiệm cậu sẽ phải gánh vác, cuộc đời cậu sẽ thay đổi ra sao với gánh nặng là một cô em gái thiếu năng, và cậu đã bị bất ngờ – thực ra là sững sốt – vì thấy chính cô em gái đó nói *không, em thích cuộc sống của em bây giờ, không, cảm ơn anh*.

“Cuộc đời của con là cuộc đời của con,” bà nói tiếp, giọng vội vã hơn. “Con không phải chịu trách nhiệm về những gì đã xảy ra. Phoebe vẫn ổn, về mặt tài chính.”

Paul gật đầu. “Con biết. Không phải là con cảm thấy phải có trách nhiệm với em đâu. Thực sự là không. Chỉ là... con nghĩ mình muốn hiểu em hơn. Hàng ngày. Ý con là, đây là em gái con. Đó là một công việc tốt, và con cũng thực sự cần thay đổi nữa. Pittsburgh là một thành phố đẹp. Thế nên, con nghĩ là – sao lại không nhỉ?”

“Ôi, Paul.” Mẹ cậu thở dài, luồn tay qua mớ tóc ngắn của bà. “Công việc đấy có tốt thật không con?”

“Có. Tốt mẹ ạ.”

Bà gật đầu. “Thế thì được,” bà chậm rãi thừa nhận, “hai anh em con lại ở cùng một nơi. Nhưng con phải nghĩ đến toàn cục nữa. Con vẫn

còn rất trẻ, và mới chỉ bắt đầu tìm ra con đường cho mình thôi. Con phải chắc làm thế là tốt cho con.”

Trước khi cậu kịp trả lời, Frederic đã xuất hiện, gõ gõ lên chiếc đồng hồ đeo tay, nói rằng họ phải đi sớm để kịp chuyến bay. Sau khi trao đổi vài câu, Frederic đi lấy xe còn mẹ cậu quay lại với Paul, đặt tay lên cánh tay con trai, và hôn lên má cậu.

“Có lẽ mẹ với chú sắp phải đi đây. Con sẽ đưa Phoebe về nhà hả?”

“Vâng. Caroline và Al nói con có thể ở lại nhà họ.”

Bà gật đầu. “Cảm ơn con,” bà dịu dàng nói, “vì đã ở đây. Chắc đối với con chẳng dễ dàng gì, vì tất cả. Nhưng điều đó có ý nghĩa với mẹ nhiều lắm.”

“Con thích chú Frederic,” cậu nói. “Con chúc mẹ và chú hạnh phúc.”

Bà mỉm cười và vuốt tay cậu. “Mẹ tự hào về con lắm, Paul ạ. Con có biết mẹ tự hào về con thế nào không? Con biết mẹ yêu con nhiều lắm không?” Bà quay lại nhìn sang phía bên kia bàn nơi Phoebe ngồi; cô bé đã kẹp bó thủy tiên dưới cánh tay, gió khẽ lay động lớp váy rực rỡ của cô. “Mẹ tự hào về cả hai con.”

“Chú Frederic đang vậy kìa,” Paul nói, cậu nói thật nhanh để giấu nỗi xúc động. “Con nghĩ đã đến lúc rồi. Chắc chú ấy sẵn sàng rồi đấy. Mẹ cứ đi và sống hạnh phúc, mẹ nhé.”

Bà nhìn cậu chăm chú thật lâu một lần nữa, mắt bà ẩm nước, rồi hôn lên má cậu.

Frederic đi qua bãi cỏ và bắt tay Paul. Paul nhìn mẹ ôm chặt lấy em gái cậu và đưa Phoebe bó hoa của bà; cậu nhìn Phoebe ngập ngừng ôm lại bà. Mẹ và chú Frederic ngồi vào trong xe, mỉm cười vẫy tay chào giữa một cơn mưa hoa giấy khác. Chiếc xe biến mất sau khúc cua, và

Paul len lỏi quay lại bàn, dừng lại chào hỏi hết vị khách này đến người khách khác, mắt vẫn nhìn Phoebe. Khi lại gần hơn, cậu nghe thấy cô đang hớn hỏ nói với một người khách khác về Robert và đám cưới của chính cô. Tiếng cô to, giọng hơi dập dính khó nghe, vẻ hào hứng không chút giấu giếm. Cậu nhìn thấy phản ứng của vị khách – một nụ cười gượng gạo, không rõ ràng, kiên nhẫn – và cau mày. Vì Phoebe chỉ muốn nói. Vì chính cậu cũng đã phản ứng với cách nói chuyện này đúng kiểu ấy, chỉ cách đây có vài tuần.

“Sao rồi, Phoebe,” cậu nói, đoạn bước tới ngắt lời cô. “Em muốn đi chưa?”

“Vâng,” cô nói, và đặt đĩa xuống.

Họ lái xe qua vùng nông thôn trù phú. Đó là một ngày ấm áp. Paul tắt điều hòa nhiệt độ và hạ cửa kính xe xuống, nhớ lại những lúc mẹ đã lái xe như điên xuyên qua chính khung cảnh này để thoát khỏi nỗi cô đơn và đau đớn của bà, gió phàn phật thổi tung tóc bà. Có lẽ cậu đã đi hàng ngàn dặm cùng mẹ, ngược xuôi khắp bang, lưng dựa vào ghế, cố gắng đoán xem họ đang ở đâu bằng cách nhìn những tán lá, đường dây điện thoại, bầu trời lướt qua trước mắt. Cậu còn nhớ mình đã nhìn thấy một con tàu hơi nước lừ đừ trôi trên dòng Mississippi ngầu bùn, những chiếc chân vịt sáng màu loang loáng ánh sáng và nước. Cậu đã không bao giờ hiểu được nỗi buồn của bà, mặc dù sau đó cậu đã mang nó theo bên mình, tới bất cứ nơi đâu.

Giờ đây nó đã xa rồi, nỗi buồn ấy: cuộc sống ấy cũng đã kết thúc, đã lùi xa.

Cậu lái xe rất nhanh, hơi thở mùa thu ngập tràn khắp nơi. Những cây sơn thù du đã đổi màu lá, từng đám mây đỏ rực rõ nổi bật trên nền trời. Phấn hoa khiến mắt Paul ngứa ngáy và hắt xì mấy lần liền, nhưng cậu vẫn để cửa kính mở. Mẹ cậu có lẽ sẽ bật điều hòa nhiệt độ lên, cả

chiếc xe lạnh toát như trong hộp bảo quản của người trồng hoa. Bố cậu sẽ mở túi tìm thuốc chống dị ứng. Phoebe, ngồi ngay ở ghế bên cạnh cậu, làn da thật trắng, gần như trong suốt, lấy một chiếc khăn giấy Kleenex trong gói nhỏ từ chiếc túi nhựa đen của mình và đưa cho cậu. Những đường tĩnh mạch, xanh nhạt, nhìn rõ ngay dưới làn da cô. Cậu có thể nhìn thấy mạch cô đập trên cổ, từ từ, đều đặn.

Em gái của cậu. Em gái song sinh của cậu. Sẽ ra sao nếu cô không sinh ra với bệnh Down? Hoặc sẽ ra sao nếu cô đã sinh ra như thế, đơn giản là chính cô, và bố cậu đã không ngược mắt lên nhìn Caroline Gill, tuyết rơi ngoài trời và đồng nghiệp của ông thì kẹt dưới một cái mương? Cậu mừng tượng cảnh bố mẹ, trẻ trung và hạnh phúc, đặt cả hai anh em cậu vào xe, lái chậm rãi xuyên qua những con phố sũng nước ở Lexington trong ngày tuyết tan tháng Ba sau khi hai đứa trẻ chào đời. Căn phòng đồ chơi ngập nắng sát vách với phòng cậu có thể đã thuộc về Phoebe. Cô bé đã có thể đuổi cậu chạy xuống cầu thang, chạy qua bếp và ra khu vườn hoang, khuôn mặt cô luôn sát bên cậu, tiếng cười của cậu là âm vang tiếng cười của cô. Rồi cậu sẽ trở thành người như thế nào nhỉ?

Nhưng mẹ nói đúng; cậu không bao giờ biết chuyện gì có lẽ đã xảy ra. Tất cả những gì cậu có là thực tế. Bố đã phải đỡ đẻ cho chính hai đứa con sinh đôi của mình giữa cơn bão bất ngờ, thực hiện những thao tác nằm lòng, chú tâm vào mạch đập và nhịp tim của người phụ nữ nằm trên bàn sinh, làn da căng cứng, cái đầu nhô ra. Hơi thở, màu da, những ngón tay và ngón chân. Một bé trai. Nhìn bề ngoài trông thẳng bé thật hoàn hảo, một tiếng hát khế cất lên, sâu thẳm trong suy nghĩ của bố. Một giây sau đó, đến đứa trẻ thứ hai. Và kể từ đó tiếng hát trong tim bố câm lặng mãi mãi.

Họ đã về đến rất gần thành phố. Paul chờ xe cộ đi vãn, rồi đánh xe sang nghĩa trang Lexington, đi qua cổng xây bằng đá. Cậu đỗ xe dưới bóng một cây đu đã sống qua hàng trăm năm hạn hán và dịch bệnh, rồi

ra khỏi xe. Cậu đi vòng sang cửa xe phía Phoebe ngồi và mở cửa, giơ tay ra. Cô nhìn tay cậu, ngỡ ngàng, rồi ngược nhìn cậu. Sau đó cô tự ra khỏi chỗ ngồi, tay vẫn cầm bó thủy tiên, cuống hoa giờ đã gãy và mềm nhũn ra. Họ đi theo con đường mòn một lúc, qua những tượng đài và cái ao với bầy vịt, cho đến khi cậu dẫn cô qua bãi cỏ tới một tấm bia đánh dấu mộ của bố họ.

Phoebe lướt ngón tay trên dòng tên họ và ngày tháng khắc trên tấm đá granite đen sẫm. Cậu lại tự hỏi không biết cô đang nghĩ gì. Al Simpson là người đàn ông cô gọi là bố. Ông chơi xếp hình với cô mỗi tối, và mang về cho cô những album cô thích sau mỗi chuyến đi; ông từng cồng cô trên vai để cô có thể với tới những chiếc lá tiêu huyền. Nó có thể chẳng có ý nghĩa gì với cô cả, phiến đá granite này, cái tên này.

David Henry McCallister. Phoebe chậm rãi đọc to từng chữ. Chúng choán đầy miệng cô và rơi xuống nặng trĩu trong không gian.

“Bố của chúng ta,” cậu nói.

“Lạy Cha chúng con ở trên trời,” cô nói, “chúng con nguyện danh Cha cả sáng [\(17\)](#).”

“Không,” cậu nói, ngạc nhiên. “Bố của chúng ta. Bố của anh. Bố của em.”

“Bố của chúng ta,” cô lặp lại, và cậu cảm thấy giận điên người, vì những từ cô nói thật dễ dãi, máy móc, chẳng có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của cô cả.

“Anh đang buồn,” sau đó cô nhìn cậu. “Nếu bố em mà mất, em cũng buồn lắm.”

Paul giật mình. Phải, đúng vậy – cậu đang buồn. Nỗi oán giận của cậu đã tiêu tan, và đột nhiên cậu có thể nhìn bố theo một cách khác.

Ngay chính sự hiện diện của cậu chắc chắn cũng đã nhắc nhở bố trong từng cái nhìn, từng hơi thở, về sự lựa chọn mà ông đã đưa ra và không thể thay đổi được. Những tấm ảnh polaroid chụp hình Phoebe mà Caroline đã gửi đến suốt bao năm qua được tìm thấy tít sâu trong ngăn kéo buồng tối sau khi các nhân viên quản lý phòng tranh đã đi hết, một tấm ảnh chụp cả nhà ông bà nội nữa, tấm ảnh mà Paul vẫn còn giữ, hình cả gia đình bố đứng trên hiên ngôi nhà đã mất. Và hàng ngàn tấm ảnh khác, cái nọ nối tiếp cái kia, bố đã xếp lên từng lớp từng lớp hình ảnh, cố gắng xóa nhòa cái khoảnh khắc ông không bao giờ thay đổi được, thế nhưng, quá khứ vẫn trỗi dậy, dai dẳng như những ký ức, mãnh liệt như những giấc mơ.

Phoebe, em gái cậu, bí mật đã bị giữ kín trong suốt một phần tư thế kỷ.

Paul đi vài bước quay lại con đường mòn rải sỏi. Cậu dừng lại, tay thọc sâu trong túi, những chiếc lá bị cuốn lên cao trong gió lốc, một mẩu báo rách bay lơ lửng qua những hàng bia mộ trắng. Mây lững lờ trôi trong nắng, in bóng lên mặt đất, ánh mặt trời loang loáng chiếu trên những tấm bia, bãi cỏ và cây cối. Lá reo xào xạc trong gió nhẹ, lớp cỏ cao khẽ sột soạt.

Ban đầu những nốt nhạc còn rất khẽ, gần như là một luồng chảy ẩn dưới làn gió, tinh tế đến mức cậu phải căng hết tai ra để nghe. Cậu quay sang Phoebe, cô bé vẫn đứng bên tấm bia mộ, bàn tay đặt trên rìa đá granite đen sẫm, bắt đầu cất tiếng hát. Đám cỏ mọc trên mộ lay động, những chiếc lá rung rinh. Đó là một bài Thánh ca, nghe quen quen. Lời cô hát không rõ ràng, nhưng giọng cô trong trẻo và ngọt ngào, những người khách khác đến viếng nghĩa trang đang nhìn về phía cô, về phía Phoebe với mái tóc xám và chiếc váy phù dâu, dáng đứng vụng về, những từ ngữ dập dính, vẽ vô tư, và giọng hát du dương của cô. Paul nuốt nước bọt, nhìn chằm chằm xuống đôi giày của mình. Trong suốt phần đời còn lại, cậu nhận ra, mình sẽ bị giằng xé như thế

mãi, cậu thấy được sự vụng về của Phoebe, những khó khăn mà cô phải đối mặt chỉ vì là kẻ khác biệt trong thế giới này, nhưng đầu vậy cô đã vượt qua hết thảy bằng tình yêu ngây thơ và thẳng thắn của mình.

Bằng tình yêu của cô, phải. Và, cậu nhận ra, chìm ngập giữa những nốt nhạc, bằng tình yêu thương mới mẻ và phức tạp kỳ lạ cậu dành cho cô bé.

Giọng cô cao và trong vắt, xuyên qua kẽ lá, qua ánh nắng. Nó vương vãi trên lớp sỏi, trên thảm cỏ. Cậu mừng tượng từng nốt nhạc rơi vào không trung như đá ném xuống nước, khiến cái bề mặt vô hình của vạn vật gợn sóng lăn tăn. Những đợt sóng âm thanh, những đợt sóng ánh sáng: bố cậu đã cố gắng giữ chặt mọi thứ, nhưng thế giới chảy trôi và không thể bị kìm nén.

Lá reo xào xạc; ánh nắng chan hòa. Lời bài Thánh ca cũ ùa về trong cậu, và Paul ngân lên giai điệu. Phoebe dường như không để ý. Cô tiếp tục hát, hòa vào giọng hát của cậu như hòa cùng tiếng gió. Lời hát của họ hợp làm một, âm nhạc chảy trong cậu, ngân nga trong từng thớ thịt, và nó cũng vang giữa không gian, giọng của cô chính là thứ giọng song sinh của cậu. Khi bài hát chấm dứt, họ đứng nguyên tại chỗ trong ánh nắng chiều trong trẻo, nhợt nhạt. Gió lướt qua, ép món tóc của Phoebe vào cổ, cuốn những chiếc lá vàng chạy dọc theo chân rào đá mòn vẹt.

Vạn vật chậm lại, cho đến khi tất cả đứng yên trong một khoảnh khắc lơ lửng. Paul đứng thật im, chờ xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Trong vài giây, không có gì cả.

Sau đó Phoebe chậm rãi quay lưng lại, vuốt phẳng chiếc váy nhăn nhoe.

Một hành động giản dị, nhưng nó đưa vạn vật trở lại với chuyển động.

Paul để ý thấy móng tay cô ngắn và cắt làm sao, cổ tay trông thật mảnh mai trên nền tấm bia đá granite. Đôi bàn tay của em gái cậu nhỏ nhắn, giống y như tay mẹ họ. Cậu bước qua bãi cỏ và đặt tay lên vai cô, đưa cô về nhà.